

TIỂU TẠNG THANH VĂN

TRUNG A-HÀM

I



TUỆ SỸ *dịch và chú*

TRUNG A-HÀM

MỤC LỤC - TẬP I

1. PHẨM BẢY PHÁP

1. Kinh Thiện Pháp
2. Kinh Trú Đặc Thọ
3. Kinh Thành Dụ
4. Kinh Thủy Dụ
5. Kinh Một Tích Dụ
6. Kinh Thiện Nhân Vãng
7. Kinh Thế Gian Phước
8. Kinh Thất Nhật
9. Kinh Thất Xa
10. Kinh Lậu Tận

2. PHẨM NGHIỆP TƯƠNG ƯNG

11. Kinh Diệm Dụ
12. Kinh Hòa-Phá
13. Kinh Độ
14. Kinh La-Vân
15. Kinh Tư
16. Kinh Già-Lam
17. Kinh Già-Di-Ni
18. Kinh Sư Tử
19. Kinh Ni-Kiền
20. Kinh Ba-La-Lao

3. PHẨM XÁ-LÊ TỬ TƯƠNG ƯNG

21. Kinh Đẳng Tâm
22. Kinh Thành Tựu Giới
23. Kinh Trí
24. Kinh Sư Tử Hống
25. Kinh Thủy Dụ
26. Kinh Cù-Ni-Sư
27. Kinh Phạm Chí Đà-Nhiên
28. Kinh Giáo Hóa Bệnh
29. Kinh Đại Câu-Hi-La

- 30. Kinh Tương Tích Dự
- 31. Kinh Phân Biệt Thánh Đế

4. PHẨM VỊ TĂNG HỮU PHÁP

- 32. Kinh Vị Tăng Hữu Pháp
- 33. Kinh Thị Giả
- 34. Kinh Bạc-Câu-La
- 35. Kinh A-Tu-La
- 36. Kinh Địa Động
- 37. Kinh Chiêm-Ba
- 38. Kinh Úc-Già Trưởng Giả (I)
- 39. Kinh Úc-Già Trưởng Giả (II)
- 40. Kinh Thủ Trưởng Giả (I)
- 41. Kinh Thủ Trưởng Giả (II)

5. PHẨM TẬP TƯƠNG ƯNG

- 42. Kinh Hà Nghĩa
- 43. Kinh Bất Tư
- 44. Kinh Niệm
- 45. Kinh Tàm Quý (I)
- 46. Kinh Tàm Quý (II)
- 47. Kinh Giới (I)
- 48. Kinh Giới (II)
- 49. Kinh Cung Kính (I)
- 50. Kinh Cung Kính (II)
- 51. Kinh Bồn Tể
- 52. Kinh Thực (I)
- 53. Kinh Thực (II)
- 54. Kinh Tận Trí
- 55. Kinh Niết Bàn
- 56. Kinh Di-Hê
- 57. Kinh Túc Vị Tỳ-Kheo Thuyết

6. PHẨM VƯƠNG TƯƠNG ƯNG

- 58. Kinh Thất Bảo
- 59. Kinh Tam Thập Nhị Tướng
- 60. Kinh Tứ Châu
- 61. Kinh Ngưu Phấn Dự

62. Kinh Tàn-Bệ-Sa-La Vương Nghinh Phật
63. Kinh Bệ-Bà-Lăng-Kỳ
64. Kinh Thiên Sứ
65. Kinh Ô Điều Dụ
66. Kinh Thuyết Bốn
67. Kinh Đại Thiên Nại Lâm
68. Kinh Đại Thiện Kiến Vương
69. Kinh Tam Thập Dụ
70. Kinh Chuyển Luân Vương
71. Kinh Bệ-Tứ



KINH TRUNG A-HÀM (I)
中阿含經

Hán dịch:

Tam Tạng TĂNG-GIÀ-ĐỀ-BÀ (Saṅghadeva)

三藏瞿曇僧伽提婆

ĐẠO TỔ bút thọ

道祖筆受

Việt dịch:

TUỆ SỸ

PHẨM 1: BẢY PHÁP TỤNG NGÀY THỨ NHẤT

善法晝度樹 城水木積喻
善人往世福 日車漏盡七

Kệ tóm tắt:
Thiện pháp, Trú độ thọ,
Thành, Thủy, Mộc tích dụ,
Thiện nhân vãng, Thế phước,
Nhật, Xa, Lậu tận bảy

1. KINH THIỆN PHÁP
2. KINH TRÚ ĐẠC THỌ
3. KINH THÀNH DỤ
4. KINH THỦY DỤ
5. KINH MỘC TÍCH DỤ
6. KINH THIỆN NHÂN VÃNG
7. KINH THẾ GIAN PHƯỚC
8. KINH THẮT NHẬT
9. KINH THẮT XA
10. KINH LẬU TẬN

1. KINH THIỀN PHÁP

[421a13] Tôi nghe như vậy:

Một thời Thế Tôn trú tại¹ tại nước Xá-vệ, ở trong rừng Thắng Lâm² vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Tỳ-kheo nào thành tựu bảy pháp tất được hoan hỷ an lạc trong pháp Hiền Thánh, thẳng tiến đến lậu tận. Bảy pháp đó là gì? Đó là biết pháp, biết nghĩa, biết thời, biết tiết độ, biết minh, biết chúng hội và biết sự hơn kém của người³.

(1) “Thế nào gọi là Tỳ-kheo biết pháp? Nghĩa là Tỳ-kheo biết chính kinh, ca vịnh, ký thuyết, kệ-tha, nhân duyên, soạn lục, bản khởi, thử thuyết, sinh xứ, quảng giải, vị tăng hữu và thuyết nghĩa⁴. Ấy là Tỳ-kheo biết pháp.

Nếu Tỳ-kheo không biết pháp, tức không biết chính kinh, ca vịnh, ký thuyết, kệ tha, nhân duyên, soạn lục, bản khởi, thử thuyết, sinh xứ, quảng giải, vị tăng hữu và thuyết nghĩa. Tỳ-kheo như vậy là không biết pháp.

Tỳ-kheo nào khéo biết rõ pháp, đó là biết chính kinh, ca vịnh, ký thuyết, kệ tha, nhân duyên, soạn lục, bản khởi, thử thuyết, sinh xứ, quảng giải, vị

¹ Nguyên hán: du 遊. Pl., thành cú tương đương: (...) viharati, trú tại.

² Thắng lâm 勝林, rừng Kỳ đà. Pl.: Jetavana.

³ Tri pháp, tri nghĩa, tri thời, tri tiết, tri chúng, tri nhân thẳng như 知法知義知時知節知眾知人勝如. Pāli (A. iv. 113): *dhamaññū ca hoti atthaññū ca attaññū ca mattaññū ca kālaññū ca parisaññū ca puggalaparoparaññū ca*.

⁴ Chính kinh, ca vịnh, ký thuyết, kệ tha, nhân duyên, soạn lục, bản khởi, thử thuyết, sinh xứ, quảng giải, vị tăng hữu và thuyết nghĩa 正經, 歌詠, 記說, 偈他, 因緣, 撰錄, 本起, 此說, 生處, 廣解, 未曾有, 說義. No 27: văn 文, ca 歌, thuyết 說, tụng 頌, thí dụ 譬喻, bản khởi kỷ 本起紀, sự giải 事解, sinh truyện 生傳, quảng bác 廣博, tự nhiên 自然, hành 行, chương cú 章句. No 215(39.1):

khế kinh 契經, kỳ-dạ 祇夜, kệ 偈, nhân duyên 因緣, thí dụ 譬喻, bản mạt 本末, quang bác 廣演, phương đẳng 方等, vị tăng hữu 未曾有, quảng phổ 廣普, thọ quyết 授決, sinh kinh 生經. Cả ba bản đều liệt kê mười hai bộ. Pāli (A. iv. 113) chỉ có chín: *suttam geyyam veyyākaraṇam gātham udānam ittivuttakam j ātakam abbhutadhammaṃ vedallam*.

tăng hữu và thuyết nghĩa. Ấy là Tỳ-kheo khéo biết rõ pháp.

(2) “Thế nào gọi là Tỳ-kheo biết nghĩa? Nghĩa là Tỳ-kheo biết nghĩa của giáo thuyết này hay giáo thuyết kia, biết điều này có nghĩa như thế kia, biết điều kia có nghĩa như thế này. Đó là Tỳ-kheo biết nghĩa.

Nếu Tỳ-kheo không biết nghĩa tức là Tỳ-kheo không biết nghĩa của giáo thuyết này hay giáo thuyết kia; không biết điều này có nghĩa như thế kia, điều kia có nghĩa như thế này. Tỳ-kheo như vậy là không biết nghĩa.

Tỳ-kheo nào khéo biết rõ [421b] nghĩa, đó là biết nghĩa của giáo thuyết này hay giáo thuyết kia, biết điều này có nghĩa như thế kia, biết điều kia có nghĩa như thế này. Đó là Tỳ-kheo khéo biết rõ nghĩa.

(3) “Thế nào gọi là Tỳ-kheo biết thời? Đó là Tỳ-kheo biết thời nào nên tu phương pháp thấp, thời nào nên tu phương pháp cao, thời nào nên tu phương pháp xả⁵. Ấy là Tỳ-kheo biết thời.

Tỳ-kheo nào không biết thời tức là không biết thời nào nên tu phương pháp thấp, thời nào nên tu phương pháp cao, thời nào nên tu phương pháp xả. Tỳ-kheo như vậy là không biết thời.

Tỳ-kheo nào khéo biết rõ thời, đó là biết thời nào nên tu phương pháp thấp, thời nào nên tu phương pháp cao, thời nào nên tu phương pháp xả. Ấy là Tỳ-kheo khéo biết rõ thời.

(4) “Thế nào là Tỳ-kheo biết tiết độ? Đó là Tỳ-kheo biết tiết độ trong việc ăn, uống, đi, đứng, ngồi, nằm, nói năng, im lặng, giảm bớt ngủ nghỉ, tu tập chính trí. Ấy là Tỳ-kheo biết tiết độ.

Tỳ-kheo nào không biết tiết độ tức là Tỳ-kheo không biết tiết độ trong việc ăn, uống, đi, đứng, ngồi, nằm, nói năng, im lặng, đại tiểu tiện, giảm bớt ngủ nghỉ, tu tập chính trí. Tỳ-kheo như vậy là không biết tiết độ.

Tỳ-kheo nào khéo biết rõ sự tiết độ, đó là biết tiết độ trong việc ăn, uống, đi, đứng, ngồi, nằm, nói năng, im lặng, giảm bớt ngủ nghỉ, tu tập chính

⁵ Hán: hạ tướng, cao tướng, xả tướng 下相, 高相, 捨相. No 1536 (Đ tr.457b): tu chỉ tướng, tu cử tướng, tu xả tướng. No 27: thời tư duy tịch diệt tương, thời tư duy thọ hành tướng, thời tư duy sân hộ tướng. Pāli: *ayaṃ kālo uḍessa*, *ayaṃ kālo paripucchāya*, *ayaṃ kālo yogassa*, *ayaṃ kālo paṭisallānassā ti*. “Đây là thời để giảng thuyết; đây là thời để hỏi; đây là thời để tu tập, đây là thời để tĩnh chỉ”. Trong bản Hán, đọc *uddha*(?) hay *ucca* (cao), thay vì *uddesa* (giảng giải).

trí. Ấy là Tỳ-kheo khéo biết rõ sự tiết độ.

(5) “Thế nào là Tỳ-kheo biết mình? Tỳ-kheo tự biết mình có mức độ ấy tín, giới, thí, tuệ, biện, A-hàm và sở đắc⁶. Tỳ-kheo như vậy là biết mình.

Tỳ-kheo nào không biết mình tức là không tự biết mình có mức độ ấy tín, giới, văn, thí, tuệ, biện, a-hàm và sở đắc. Tỳ-kheo như vậy là không biết mình.

Tỳ-kheo nào khéo tự biết rõ mình, đó là biết mình có mức độ ấy tín, giới thí, tuệ, biện, a-hàm và sở đắc. Tỳ-kheo như vậy là khéo biết rõ mình.

(6) “Thế nào là Tỳ-kheo biết chúng hội? Tỳ-kheo biết đây là chúng hội Sát-lị, đây là Bà-la-môn, đây là chúng hội Cư sĩ, đây là chúng hội Sa-môn. Ở nơi các chúng hội ấy, ta nên đi như vậy, đứng như vậy, ngồi như vậy, nói như vậy, im lặng như vậy. Ấy là Tỳ-kheo biết chúng hội.

Tỳ-kheo nào không biết chúng hội tức là không biết đây là chúng hội Sát-lị, đây là chúng hội Bà-la-môn⁷, đây là chúng hội Cư sĩ,⁸ đây là chúng hội Sa-môn. Ở nơi các chúng hội ấy, ta nên đi như vậy, [421c] đứng như vậy, ngồi như vậy, nói như vậy, im lặng như vậy. Tỳ-kheo như vậy là không biết chúng hội.

Tỳ-kheo nào khéo biết rõ chúng hội, đó là biết đây là chúng hội Sát-lị, đây là Bà-la-môn, đây là chúng hội Cư sĩ, đây là chúng hội Sa-môn. Ở nơi các chúng hội ấy, ta nên đi như vậy, đứng như vậy, ngồi như vậy, nói như vậy, im lặng như vậy. Ấy là Tỳ-kheo khéo biết rõ chúng hội.

(7) “Thế nào là Tỳ-kheo biết sự hơn kém của người⁹? Đó là Tỳ-kheo biết có hai hạng người: có tín và có bất tín, người có tín là hơn, người bất tín

⁶ Hán: *tín, giới, văn, thí, tuệ, biện, a-hàm, sở đắc* 信戒聞施慧辯阿舍所得. No 27: *sửu tín, sửu giới, sửu văn, sửu thiệ, sửu tuệ, sửu giải, sửu chí, sửu nhập* 所信所戒所聞所施所慧所解所至所入 No 1536 (tr.457c): *tín, giới, văn, xả, tuệ, giáo, chúng, niệm, tộc tánh, biện tài* 信戒聞捨慧証念 族姓辯才. Pāli: *saddha* (tín), *sīla* (giới), *suta* (văn), *cāga* (thí xả), *paññā* (tuệ), *pañibhāna* (biện tài).

⁷ Nguyên bản: Phạm chí 梵志. Những nơi khác, từ này thường ịch từ tương đương Pāli: *paribbājaka*: phở hành giả, ngoại đạo xuất gia. Nhưng đây chỉ Bà-la-môn.

⁸ No 27: chúng quân tử 君子眾 (Sát-lị) hay chúng lý gia (cư sĩ) 理家眾.

⁹ Hán: *tri nhân thắng như* 知人勝如. No 125(39.1): *tri chúng nhân căn nguyên* 知眾人根元. No 1536, đã dẫn: *tri nhân thắng liệt* 知人勝劣.

là kém.

Người có tín lại có hai hạng: Thường đến gặp Tỳ-kheo và không thường đến gặp Tỳ-kheo. Người đến gặp thấy Tỳ-kheo là hơn, người không thường đến gặp Tỳ-kheo là kém.

Người thường đến gặp Tỳ-kheo lại có hai hạng: có lễ kính và không lễ kính. Người có lễ kính là hơn; người không lễ kính là kém.

Người có lễ kính lại có hai hạng: có hỏi Kinh và không hỏi Kinh. Người có hỏi Kinh là hơn, người không hỏi Kinh là kém.

Người có hỏi Kinh lại có hai hạng: nhất tâm nghe Kinh và không nhất tâm nghe Kinh. Người nhất tâm nghe Kinh là hơn, người không nhất tâm nghe Kinh là kém.

Người nhất tâm nghe Kinh có hai hạng: nghe rồi thọ trì pháp và nghe rồi không thọ trì pháp. Người nghe rồi thọ trì pháp là hơn, người nghe rồi không thọ trì pháp là kém.

Người nghe rồi thọ trì pháp lại có hai hạng: nghe pháp có quán sát nghĩa và nghe pháp không quán sát nghĩa. Người nghe pháp có quán sát nghĩa là hơn, người nghe pháp không quán sát nghĩa là kém.

Hạng nghe pháp quán sát nghĩa lại có hai: biết pháp, biết nghĩa, hướng đến pháp tùy pháp,¹⁰ tùy thuận pháp, thực hành đúng như pháp; và hạng không biết pháp, không biết nghĩa, không hướng về pháp và thứ pháp, tùy thuận pháp và thực hành đúng như pháp.

Người biết pháp, biết nghĩa, hướng về pháp và thứ pháp, tùy thuận pháp, thực hành đúng như pháp là hơn; người không biết pháp, không biết nghĩa, không hướng đến pháp tùy pháp, không tùy thuận pháp, không thực hành đúng như pháp là thấp kém.

Hạng biết pháp, biết nghĩa, hướng đến pháp tùy pháp, tùy thuận pháp, thực hành như pháp lại có hai hạng: Tự làm ích lợi cho mình và cũng làm ích lợi cho người khác, làm ích lợi cho mọi người, xót thương thế gian, [422a] cầu nghĩa lợi và lợi, an ổn khoái lạc cho trời và người; và hạng không tự làm lợi ích cho mình và cũng không làm lợi ích cho người,

¹⁰ Nguyên hán: hướng pháp thứ pháp 向法次法, tức pháp tùy pháp hành, tu tập theo pháp và tùy pháp, hay theo tùy pháp của pháp, theo thuận tự của pháp. Pl.: *dhammānudhammapaṭipanna*.

không xót thương thế gian, không cầu nghĩa lợi và lợi, an ổn khoái lạc cho trời và người.

Nếu người nào tự làm lợi ích, cũng làm lợi ích cho người, làm lợi ích cho mọi người, xót thương thế gian, cầu nghĩa lợi và lợi, an ổn và khoái lạc cho trời người, người ấy là bậc nhất, là lớn, là trên, là tối cao, là hơn hết, là tôn quý, là tuyệt diệu giữa mọi người khác.

Ví như từ bò có sữa, từ sữa có lạc, từ lạc có sinh tô, từ sinh tô có thực tô, từ thực tô có tô tinh¹¹. Tô tinh là thứ bậc nhất, là lớn, là trên, là tối cao, là hơn hết, là tôn quý, là tuyệt diệu đối với những loại kia. Cũng vậy, nếu người nào tự làm lợi ích cho mọi người, xót thương thế gian, cầu nghĩa lợi và lợi, an ổn khoái lạc cho trời người, trong hai hạng người như trên đã nói, đã phân biệt, đã thi thiết, người ấy là bậc nhất, là lớn, là trên, là tối cao, là hơn hết, là tôn quý, là tuyệt diệu. Ấy là Tỳ-kheo biết sự hơn kém của người.

Phật thuyết như vậy. Các vị Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



¹¹ Hán: *nhũ, lạc, sinh tô, thực tô, tô tinh* 乳酪生酥熱酥酥精. Pāli: khīra (sữa), dadhi (sữa đông hay sữa chua), takka (bơ lỏng, ¼ nước), navanīta (bơ đặc), sappi (dầu bơ hay bơ tinh, đề hồ). Bản Pāli tương đương không có thí dụ này.

2. KINH TRÚ ĐỘ THỌ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, ở tại Thắng Lâm Lâm trong vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Phật nói với các Tỳ-kheo:

“Nếu lá cây Trú độ¹ ở Tam Thập Tam Thiên úa vàng², lúc đó thiên chúng ở Tam thập thiên vui mừng hơn hờ, cho rằng lá cây Trú độ chẳng bao lâu nữa sẽ rụng.

“Rồi thì lá cây ở Tam Thập Tam Thiên đã rụng. Lúc đó Chư Thiên ở Tam Thập Tam Thiên vui mừng hơn hờ cho rằng lá cây Trú độ chẳng bao lâu nữa sẽ mọc lại.

“Rồi thì lá cây Trú độ ở Tam Thập Tam Thiên đã mọc lại, lúc đó Chư Thiên ở Tam Thập Tam Thiên vui mừng hơn hờ cho rằng cây Trú độ chẳng bao lâu nữa sẽ kết ra mạng lưới³.

“Rồi thì cây Trú độ ở Tam Thập Tam Thiên đã kết mạng lưới.

Lúc đó Chư Thiên ở Tam Thập Tam Thiên vui mừng hơn hờ cho rằng cây Trú độ chẳng bao lâu nữa sẽ nở nụ giống như mỏ chim⁴.

“Rồi thì cây Trú độ ở Tam Thập Tam Thiên đã nở nụ giống như mỏ chim.

“Lúc đó Chư Thiên ở Tam Thập Tam Thiên cho rằng cây Trú độ

¹ Hán: trú độ thọ 晝度樹. Pāli: pārichattaka (Skt. pārijāta: viên sinh thọ 圓生樹. Cây san hô (Erythmia Indica) trên trời Đao-lị (Pl. Tāvātimsa), làm chuẩn để tính ngày; đồng hồ của trời Đao-lị. No.125 (39.2) mô tả: gốc cây lớn năm mươi do tuần, cao một trăm do tuần, bóng mát phủ bốn phía, mỗi phía năm mươi do tuần. Các Thiên thần cõi trời Tam Thập Tam Thiên, vào tiết tháng tư thường tụ tập đến đó thường ngoạn. No.28 cũng mô tả tương tự.

² No.28: cây ấy tức sinh ra bán nổ-bá-la-xá 半努鉢羅舍. Pāli: *paṇḍupālasa*: (lá cây) héo úa.

³ Hán: sinh võng 生網. Pāli: *jālakajāta*: nảy mầm chồi non. Bản Hán phân tích: *jālaka*: màng lưới + *jāta*: đã sinh. No. 28: bảo võng 寶網. phân tích: *jālaka*, lưới; + *jāta* = *jātarūpa* (?): vàng (hoàng kim).

⁴ Hán: điều trác 鳥啄. Pāli: *khāraka*, chồi hay lộc.

chẳng bao lâu nữa sẽ nở hoa giống như cái bát⁵.

[422b] “Rồi thì cây Trú độ ở Tam Thập Tam Thiên đã nở hoa như cái bát. Lúc đó Chư Thiên ở Tam Thập Tam Thiên hớn hở cho rằng cây Trú độ chẳng bao lâu hoa sẽ nở tròn trịa. Khi cây Trú độ nở hoa tròn trịa, nó chiếu ra ánh sáng, màu sắc và tỏa ra mùi thơm trong chu vi trăm do-tuần⁶. Lúc bấy giờ vào tháng tư mùa hạ, các vị Tam Thập Tam Thiên vui đùa với năm món dục lạc cõi trời. Đó là Tam Thập Tam Thiên tập trung dưới cây Trú độ mà hưởng thọ sự hoan lạc.

“Theo ý nghĩa như thế, vị Thánh đệ tử cũng vậy. Khi suy nghĩ đến việc xuất gia, lúc đó vị Thánh đệ tử như là chiếc lá úa vàng, cũng giống như lá cây Trú độ ở cõi Tam Thập Tam Thiên vàng úa.

“Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo; lúc đó vị Thánh đệ tử được gọi là lá rụng, như lá cây Tsinh ở Tam Thập Tam Thiên rụng xuống.

“Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử ly dục, ly pháp ác bất thiện, có tâm có tứ⁷, có hỷ và lạc phát sinh do viễn ly⁸, thành tựu và an trụ⁹ Sơ thiền; lúc đó vị Thánh đệ tử được gọi là sinh trở lại như lá cây ở Tam Thập Tam Thiên sinh trở lại.

“Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử tầm và tứ đã dứt, nội tĩnh, nhất tâm không tầm không tứ, có hỷ lạc do định sinh¹⁰ thành tựu và an trụ Nhị thiền. Lúc đó Thánh đệ tử được gọi là sinh mạng lưới như cây Trú độ ở Tam Thập Tam Thiên sinh mạng lưới.

⁵ No.28, hai giai đoạn: *câu-châm-ma-la-ca* 俱砢摩羅迦. Pāli: *kuḍumalaka*, nụ hoa vừa lú; và *ca-ca-tā* 迦迦寫. Pāli, *koraka*, nụ hoa).

⁶ Nguyên bản: do-tuần 由延 (Pl.: *yojana*); nhưng phổ thông quen với âm do-tuần.

⁷ Hán: *hữu giác hữu quán* 有覺有觀. Pāli: *sa vitakkaṃ savicāraṃ*, câu hữu với tầm (suy tầm) và câu hữu với tứ (tư sát).

⁸ Hán: *ly sinh hỷ lạc* 離生喜樂. Pāli: *vivekajaṃ pītisukhaṃ*, hỷ và lạc phát sinh từ sự viễn ly (ẩn cư).

⁹ Hán: *thành tựu du* 成就遊. Pāli: *upasampajja viharati*, sau khi chứng nhập, vị ấy an trụ (sống trong trạng thái).

¹⁰ Hán: *định sinh hỷ lạc* 定生喜樂. Pāli: *samādhijaṃ pītisukhaṃ*.

“Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử lìa hỷ dục, an trụ xả vô cầu¹¹ với chính niệm chính trí, thân cảm giác lạc; điều mà Thánh nói¹² là an trú lạc có xả, và niệm,¹³ thành tựu an trụ Tam thiên. Lúc đó Thánh đệ tử được gọi là nở nụ như mỏ chim, cũng như cây Trú độ ở Tam Thập Tam Thiên nở nụ như mỏ chim.

“Lại nữa, khi Thánh đệ tử diệt lạc, diệt khổ; ưu và hỷ từ trước cũng đã diệt, không khổ không lạc, xả và niệm thanh tịnh¹⁴ thành tựu an trụ Tứ thiên. Vị Thánh đệ tử lúc đó được gọi là nở hoa như cái bát vậy, cũng như cây Trú độ ở Tam Thập Tam Thiên nở hoa như cái bát.

“Lại nữa, khi Thánh đệ tử các lậu đã được diệt tận, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời hiện tại này mà tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ; vị ấy biết một cách như thật rằng ‘sinh đã hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã xong, không còn tái sinh nữa’¹⁵. Lúc đó vị Thánh đệ tử được gọi là hoa nở tròn trịa, cũng giống như cây Trú độ ở Tam Thập Tam Thiên nở hoa tròn trịa.

Đó là vị Tỳ-kheo lậu tận A-la-hán được Tam Thập Tam Thiên tập hội tại chính điện Thiện pháp hỏi han khen ngợi rằng: ‘Vị Thánh đệ tử tôn quý đó, ở tại thôn [422c] ấp kia, đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, các lậu đã hết, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời hiện tại này tự tri, tự giác, tự tác chứng,

¹¹ Hán: ly ư hỷ dục, xả, vô cầu du 離於喜欲捨無求遊. Pāli: *pītiyā ca virāgā ca uppekkako ca viharati*: vị ấy sống (an trú) trong trạng thái xả, không còn hỷ.

¹² Thánh sở thuyết Thánh sở xả 聖所說聖所捨. No 1537 (tr. 484b): Thánh nói là cần phải xả, tức là xả lạc được cảm giác bởi thân. Sớ giải Pāli: *yam tam ariyā ācikkhanti... kinti? upekkhako satimā sukhaviharati*, điều mà các Thánh nói, đó là gì? an trú lạc có xả và (chính) niệm.

¹³ Hán: xả niệm lạc trụ không 捨念樂住空, nên đọc đúng: (...) lạc trụ thất 樂住室, Pl. *sukhaviharati*. Từ tương đương Pl. viharati (vihāra, viharī): an trú, cư ngụ. Danh từ của nó, Hán thường dịch là trụ; nhưng cũng có bản Hán hiểu là đường hay thất (cái nhà) như (bốn) Phạm đường hay Phạm thất mà Pāli tương đương là brahma-vihāra, tức bốn Phạm trụ. Vậy, ovr đây Hán dịch: lạc trụ thất, chính xác cần hiểu là lạc trú hay an trú lạc.

¹⁴ Hán: xả niệm thanh tịnh 捨念清淨. No 1537 (tr.485a): “Lúc bấy giờ, hoặc xả, hoặc niệm, thấy đều được thanh tịnh”. Pāli: *upekkāsatiparisuddhim*.

¹⁵ Hán: bất cánh thọ hữu 不更受有.

thành tựu an trụ, biết một cách như thật rằng, sự sinh đã hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa’. Đó là sự tập hội của các A-la-hán lậu tận, như chư thiên Tam Thập Tam Thiên cùng tập hội dưới cây Trú độ vậy”.

Phật thuyết như vậy, các vị Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



3. KINH THÀNH DỰ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú nước Xá-vệ, ở trong Thắng Lâm Lâm vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Nhu vương thành ở biên giới có đầy đủ điều kiện¹ và bốn thứ lương thực sung túc dễ tìm không khó; do đó vương thành không bị ngoại địch đánh phá, ngoại trừ tự phá hoại từ bên trong.

“Những gì là bảy điều kiện mà Vương thành có đầy đủ? Đó là vương thành ở biên giới xây cất vọng gác², đắp đất cho chắc không thể phá vỡ, để bên trong được an ổn, chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là việc đầy đủ thứ nhất của vương thành.

“Lại nữa, vương thành ở biên giới, đào hào vét ao cho thật sâu rộng, sửa sang cụ bị để có thể nương tựa, làm cho bên trong được an ổn, chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là việc đầy đủ thứ hai của vương thành.

“Lại nữa, như đường giao thông chung quanh vương thành ở biên giới được dọn dẹp cho bằng phẳng, rộng rãi, để bên trong được an ổn, chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là việc làm đầy đủ thứ ba của vương thành.

“Lại nữa, như ở vương thành biên giới tập trung bốn binh quân: quân voi, quân ngựa, quân xe, quân bộ, để bên trong được an ổn, chế ngự oán địch bên ngoài, đó là việc làm đầy đủ thứ tư của vương thành.

“Lại nữa, như vương thành ở biên giới dự bị binh khí, cung, tên, mâu, kích, để bên trong được an ổn, chế ngự oán địch ở bên ngoài. Đó là việc làm đầy đủ thứ năm của vương thành.

“Lại nữa, như vương thành ở biên giới lập vị đại tướng trấn thủ, sáng suốt, thao lược, cơ trí, tháo vác, dũng mãnh, cương nghị, giỏi mưu lược, người lành thì cho vào, kẻ không lương thiện thì ngăn cấm, để bên trong được an ổn, chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là việc làm đầy đủ thứ sáu của vương thành.

“Lại nữa, như vương thành ở biên giới xây đắp tường cao cho thật kiên

¹ Hán: *thất sự cụ túc* 七事具足. Pāli: *sattehi nagaraparikkārehi*, với bảy tư cụ bảo vệ thành trì.

² Hán: *lâu lỗ* 樓櫓. Pāli: *esika*, cột trụ bằng đá, thạch trụ.

cổ, trét bùn, tô đất, để bên trong được an ổn, chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là việc làm đầy đủ thứ bảy của vương thành.

“Bốn thứ lương thực³ để tìm không khó là gì? Đó là vương thành ở biên giới nước, cỏ, [423a] củi, gỗ có sẵn, có dự bị, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là loại lương thực thứ nhất sung túc, để tìm không khó ở vương thành.

“Lại nữa, như vương thành ở biên giới thu nạp nhiều lúa gạo và chứa cất lúa mạch, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch ở bên ngoài. Đó là loại lương thực đầy đủ, để tìm không khó ở vương thành.

“Lại nữa, như vương thành ở biên giới chứa nhiều đậu niêm, đại đậu, tiểu đậu⁴ để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là loại lương thực thứ ba sung túc, để tìm không khó ở vương thành.

“Lại nữa, như vương thành ở biên giới, chứa để dầu bơ, mật, đường mía, cá, muối, thịt khô, tất cả đầy đủ, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là loại lương thực thứ tư sung túc, để tìm không khó ở vương thành.

“Như vậy, Vương thành bảy việc đầy đủ, bốn thứ lương thực sung túc, để tìm không khó, nên không bị ngoại địch đánh phá, chỉ trừ bên trong tự phá hoại.

“Cũng vậy, nếu Thánh đệ tử cũng được bảy thiện pháp và bốn tăng thượng tâm⁵, để được không khó, vì thế Thánh đệ tử không bị ma vương lung lạc⁶ cũng không theo pháp ác bất thiện, không bị ô nhiễm bởi phiền não, không còn thọ sinh trở lại.

“Bảy thiện pháp mà Thánh đệ tử có được là những gì? Đó là Thánh đệ tử có tín kiên cố, tin sâu nơi Như Lai⁷, tín căn đã vững, trọn không tin theo

³ Hán: thực 食. Pāli (A.iv. 105): *āhāra*. TNM: sự 事.

⁴ Hán: niêm đậu, đại tiểu đậu 黏豆大小豆. Pāli: *tila-mugga-māsāparaṇaṃ*, mè (vừng), đậu đỏ, và các loại đậu khác.

⁵ Bảy thiện pháp và bốn tăng thượng tâm 七善法四增上心. Pāli: *satta-saḍḍhammā* (bảy pháp vi diệu), và *catu-jhāna-abhīcetasikā* (bốn Thiền tăng thượng tâm).

⁶ Hán: bất vị Ma vương chi sở đắc tiện 不為魔王之所得便. Pāli: *akaraṇīyo marassa*, không bị Ma vương chinh phục.

⁷ Hán: thâm trước Như Lai 深著如來. Pāli: *saddaḥaṭṭi Tathāgatassa bodhiṃ*, tin

Sa-môn, Bà-la-môn, ngoại đạo, cũng như Thiên ma, Phạm thiên, và các hạng thế gian khác. Đó là Thánh đệ tử được thiện pháp thứ nhất.

“Lại nữa, Thánh đệ tử luôn sống biết tầm⁸, điều đáng xấu hổ thì biết xấu hổ, xấu hổ pháp ác bất thiện, phiền não cấu uế, là thứ khiến thọ các ác báo, gây nên gốc rễ sinh tử. Đó là thiện pháp thứ hai mà Thánh đệ tử có được.

“Lại nữa, Thánh đệ tử luôn sống biết quý⁹, điều đáng xấu thẹn biết xấu thẹn, xấu thẹn pháp ác bất thiện, phiền não cấu uế là thứ khiến thọ các ác báo, tạo gốc sinh tử. Đó là thiện pháp thứ ba mà Thánh đệ tử có được.

“Lại nữa, Thánh đệ tử thường thực hành tinh tấn¹⁰, đoạn trừ các ác bất thiện pháp, tu các thiện pháp, luôn gắng sức bền chí, chuyên nhất kiên cố, làm các điều thiện, không bỏ phương tiện¹¹. Đó là thiện pháp thứ tư mà Thánh đệ tử có được.

“Lại nữa, Thánh đệ tử học rộng nghe chính, ghi nhớ không quên, tích lũy sự học rộng. Các pháp nào là toàn thiện ở khoảng đầu, toàn thiện ở khoảng giữa, toàn thiện ở khoảng cuối, có nghĩa có văn, thanh tịnh trọn đủ, phạm hạnh hiển hiện¹², học rộng nghe nhiều các pháp như vậy; học đến cả ngàn lần, chú ý chuyên tâm quán sát, thấy rõ hiểu sâu. Đó là thiện pháp thứ năm mà Thánh đệ tử có được.

“Lại nữa, Thánh đệ tử luôn sống với chính niệm, thành tựu chính niệm; những điều đã học tập từ lâu, [423b] đã từng nghe từ lâu, nhớ luôn không quên. Đó là thiện pháp thứ sáu mà Thánh đệ tử có được.

“Lại nữa, Thánh đệ tử tu hành trí tuệ, quán sát pháp hưng suy¹³. Do có

tướng sâu sắc sự giác ngộ của Như Lai.

⁸ Hán: *tàm sĩ* 慚恥. Pāli: *hirīmā*.

⁹ Hán: *tu quý* 羞愧. Pāli: *ottappī*.

¹⁰ Pāli: *āradḍha-viriya*, nỗ lực tinh cần.

¹¹ Pāli: *anikkhattadhuvo kusalesu dhammesu*, không từ bỏ gánh nặng trong các thiện pháp.

¹² Hán: *cụ túc thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh* 具足清淨顯現梵行. Pāli, thành cú: *kevalaparipuṇṇaṃ parisuddhaṃ brahmacariyaṃ abhivadanti*, (các pháp ấy) tán thán phạm hạnh viên mãn và thanh tịnh.

¹³ Hán: *quán hưng suy pháp* 觀興衰法. Pāli: *udayatthagātaminīyā paññāya samannāgato*, thành tựu trí tuệ về sự sinh khởi và hoại diệt (của các pháp).

trí như vậy, bằng sự phân biệt tỏ tường và thấu suốt của trí tuệ bậc Thánh¹⁴ mà chân chính diệt tận khổ. Đó là thiện pháp thứ bảy mà Thánh đệ tử có được.

“Nhưng gì là bốn tầng thượng tâm, để được không khó mà Thánh đệ tử đạt được? Đó là Thánh đệ tử ly dục, ly pháp ác bất thiện, có tầm có tứ, có hỷ và lạc phát sinh do viễn ly, thành tựu và an trụ Sơ thiền. Đó là tầng thượng tâm thứ nhất để được không khó mà Thánh đệ tử đạt đến.

“Lại nữa, Thánh đệ tử tầm và tứ đã dứt, nội tâm tịch tịnh, không tầm không tứ, có hỷ lạc do định sinh, thành tựu và an trụ Nhị thiền. Đó là tầng thượng tâm thứ hai để được không khó mà Thánh đệ tử đạt đến.

“Lại nữa, Thánh đệ tử lìa hỷ dục, an trụ xả vô cầu với chính niệm chính trí, thân cảm giác lạc; điều mà Thánh nói là an trú lạc có xả, và niệm, thành tựu an trụ Tam thiền. Đó là tầng thượng tâm thứ ba để được không khó mà Thánh đệ tử đạt đến.

“Lại nữa, Thánh đệ tử diệt lạc, diệt khổ; ưu và hỷ từ trước cũng đã diệt, không khổ không lạc, xả và niệm thanh tịnh, thành tựu an trụ Tứ thiền. Đó là tầng thượng tâm thứ tư để được không khó mà Thánh đệ tử đạt đến.

“Như vậy, Thánh đệ tử được bảy thiện pháp, đạt đến bốn tâm tầng thượng để được không khó, không bị Ma vương lung lạc, cũng không theo pháp ác bất thiện, không bị nhiễm bởi nhiễm ô, không còn thọ sinh trở lại.

“Như vương thành ở biên giới xây cất vọng gác, đắp đất cho chắc không thể phá vỡ, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng vậy, Thánh đệ tử có tín kiên cố, tin sâu nơi Như Lai, tín căn đã lập, trọn không theo Sa-môn, Bà-la-môn, Ngoại đạo, cũng như Thiên ma, Phạm thiên và các hạng thế gian khác. Đó là Thánh đệ tử có vọng gác tín tâm để trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp.

“Như Vương thành ở biên giới đào hào vét ao thật sâu rộng, sửa sang thật vững chắc, để có thể nương tựa, làm cho bên trong được an ổn, và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng thế, Thánh đệ tử luôn sống biết tàm, điều đáng xấu hổ biết xấu hổ, xấu hổ pháp ác, bất thiện, phiền não cấu uế, là thứ khiến thọ các ác báo, tạo gốc rễ sinh tử. Đó là Thánh đệ tử có hồ ao

¹⁴ Hán: Thánh tuệ minh đạt phân biệt hiểu liễu 聖慧明達分別曉了. Pāli, thành cú: *ariyā nibbedhikāya*, bằng sự quyết trạch của Thánh, Thánh quyết trạch.

tàm sĩ, trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp.

“Nhu vương thành ở biên giới dọn dẹp những con đường nối liền chung quanh cho bằng phẳng rộng rãi để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng vậy, Thánh đệ tử luôn sống [423c] biết quý, điều đáng thẹn biết thẹn, thẹn pháp ác, bất thiện, phiền não cấu uế là thứ khiến thọ các ác báo, tạo gốc rễ sinh tử. Đó là Thánh đệ tử có con đường bằng phẳng hồ thẹn để trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp.

“Nhu vương thành ở biên giới tập trung bốn binh chủng: tượng quân, mã quân, xa quân, bộ quân, để bên trong được an ổn và chế ngự địch quân ở bên ngoài. Cũng vậy, Thánh đệ tử thường thực hành hạnh tinh tấn, đoạn trừ ác bất thiện, tu các thiện pháp, luôn gắng sức bền chí, chuyên nhất kiên cố, làm các điều thiện, không bỏ phương tiện, đoạn trừ ác bất thiện, tu các thiện pháp, hằng tự sách tấn, chuyên nhất, kiên cố, làm các gốc rễ thiện, không bỏ phương tiện. Đó là Thánh đệ tử có quân lực tinh tấn để trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp.

“Nhu vương thành ở biên giới, chuẩn bị binh khí, cung tên, mâu kích, để bên trong được an ổn, và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng vậy, Thánh đệ tử học rộng nghe nhiều, ghi nhớ không quên, tích lũy sự nghe rộng. Các pháp nào là toàn thiện ở khoảng đầu, toàn thiện ở khoảng giữa, toàn thiện ở khoảng cuối, có nghĩa có văn, thanh tịnh trọn đủ, phạm hạnh hiển hiện, học rộng nghe nhiều các pháp như vậy; học đến cả ngàn lần, chú ý chuyên tâm quán sát, thấy rõ hiểu sâu. Đó là Thánh đệ tử có binh khí đa văn, để trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp.

“Nhu vương thành ở biên giới lập vị đại tướng trấn thủ sáng suốt, thao lược, cơ trí, tháo vác, dũng mãnh, cương nghị, giỏi mưu lược, người hiền thì cho vào, kẻ bất lương thì ngăn cấm, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng vậy, Thánh đệ tử luôn sống chính niệm, thành tựu chính niệm, những gì đã từng thực tập từ lâu, đã từng nghe từ lâu, nhớ luôn không quên. Đó là Thánh đệ tử có đại tướng trấn thủ niệm để trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp.

“Nhu vương thành ở biên giới xây đắp tường cao cho thật kiên cố, trét bùn tô đất, để bên trong được an ổn, và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng vậy Thánh đệ tử tu hành trí tuệ, quán pháp hưng suy. Bằng Thánh tuệ phân biệt tỏ tường và thấu suốt mà chân chính diệt tận khổ. Đó là Thánh đệ tử có bức tường trí tuệ, để trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp.

“Nhu vương thành ở biên giới có chuần bị sẵn nước, cỏ, củi, gỗ, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng vậy, Thánh đệ tử ly dục và ác bất thiện pháp, có tầm có tứ, có hỷ lạc do viễn ly, thành tựu an trụ Sơ thiền, sống an lạc không thiếu thốn, an ổn khoái lạc, tự mình đi đến Niết-bàn.

“Nhu vương thành ở biên giới thu nạp nhiều lúa gạo và chứa nhiều cây lúa mạch, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng vậy, Thánh đệ tử đã dứt tầm tứ, nội tĩnh nhất tâm, không tầm không tứ, hỷ lạc do định sinh, [324a] thành tựu an trụ Nhị thiền, lạc trụ không thiếu thốn, an ổn, khoái lạc, tự mình đi đến Niết-bàn.

“Nhu vương thành ở biên giới chứa nhiều niêm đậu, đại đậu, và tiểu đậu, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng vậy, Thánh đệ tử lìa hỷ dục, an trụ xả vô cầu với chính niệm chính trí, thân cảm giác lạc; điều mà Thánh nói là an trú lạc có xả, và niệm, thành tựu an trụ Tam thiền, sống an lạc không thiếu thốn, an ổn khoái lạc, tự mình đi đến Niết-bàn.

“Nhu vương thành ở biên giới chứa cát bơ, dầu, mật mía, đường, cá, muối, thịt khô, tất cả đầy đủ. Để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng vậy, Thánh đệ tử diệt lạc, diệt khổ; ưu và hỷ từ trước cũng đã diệt, không khổ không lạc, xả và niệm thanh tịnh, thành tựu an trụ Tứ thiền, sống an lạc không thiếu thốn, an ổn khoái lạc, tự mình đi đến Niết-bàn”.

Phật thuyết như vậy. Các Thầy Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



4. KINH THỦY DỤ(1)

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, ở trong Thắng Lâm Lâm vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Ta sẽ giảng cho các người nghe về bảy hạng người ở dưới nước. Các người hãy lắng nghe, lắng nghe, và khéo suy nghĩ!”

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe.

Đức Phật dạy:

“Những gì là bảy? Hoặc có người nằm mãi dưới nước. Hoặc có một hạng người ngoi lên khỏi nước rồi chìm trở lại. Hoặc có người ngoi lên khỏi nước rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh. Hoặc có người ngoi lên khỏi nước rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn rồi lội qua. Hoặc có người ngoi lên khỏi khỏi nước rồi trụ; trụ rồi nhìn quanh; nhìn rồi lội qua; lội qua rồi đến bờ bên kia. Hoặc có người ngoi lên khỏi khỏi nước rồi trụ; trụ rồi nhìn quanh; nhìn rồi lội qua; lội qua rồi đến bờ bên kia; đến bờ bên kia rồi được gọi là người đứng trên bờ¹.

“Cũng vậy, Ta sẽ giảng cho các người nghe về bảy hạng người như ví dụ về nước. Các người hãy lắng nghe, và khéo suy nghĩ”.

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe.

Phật nói:

“Những gì là bảy? Hoặc có người nằm mãi dưới nước. Hoặc có một hạng người ra khỏi nước rồi chìm trở lại. Hoặc có người ra khỏi nước rồi đứng. Hoặc có người ngoi lên khỏi nước rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh. Hoặc có người ngoi lên khỏi khỏi nước rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn rồi lội qua. Hoặc có người ngoi lên khỏi khỏi nước rồi trụ; trụ rồi nhìn quanh; nhìn rồi [424b] lội qua; lội qua rồi đến bờ bên kia. Hoặc có người ngoi lên khỏi khỏi nước rồi trụ; trụ rồi nhìn quanh; nhìn rồi lội qua; lội qua rồi đến bờ bên kia; đến bờ bên kia rồi được gọi là Bà-la-môn đứng trên bờ². Đó là Ta nói vắn tắt về bảy hạng người theo ví dụ về nước. Như đã

¹ Hán: trú ngạn nhân 住岸人. Pāli: *pārangato*, đã qua bờ bên kia.

² Hán: trụ ngạn phạm chí 住岸梵志. Pāli: *pārangato thale tithati bramano*, “người Bà-la-môn đã sang bờ bên kia, đứng trên đất liền”.

nói, đã giảng giải trên, các người có biết ý nghĩa gì? Phân biệt gì? Có nhân duyên gì?

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

“Thế Tôn là gốc của pháp. Thế Tôn là Pháp chủ, pháp do Thế Tôn. Kính mong Thế Tôn nói ra, để chúng con sau khi nghe rồi sẽ hiểu biết rộng rãi ý nghĩa”.

Phật dạy:

“Các người hãy lắng nghe, lắng nghe, và khéo suy nghĩ! Ta sẽ phân biệt ý nghĩa ấy cho các người”.

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe.

Phật nói:

“Thế nào là hạng người nằm mãi³? Hoặc có những người bị pháp bất thiện che lấp, bị nhiễm bởi nhiễm ô, thọ quả báo của ác pháp, tạo gốc rễ sinh tử. Đó là hạng người nằm mãi dưới nước. Cũng như người chìm lìm, nằm luôn dưới nước, Ta nói người kia cũng giống như vậy. Đó là hạng người thứ nhất của ví dụ về nước, thế gian quả thực có hạng người như vậy.

“Thế nào là hạng người ngoi lên khỏi nước rồi chìm lại? Đó là người đã làm trỗi lên tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người ấy sau đó lại mất tín tâm, không kiên cố, mất sự trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, không kiên cố. Đó là hạng người ngoi lên rồi chìm lại. Như người chìm trong nước, đã ngoi lên được rồi lại chìm. Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ hai của thí dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy.

“Thế nào là hạng người ngoi lên rồi trụ? Đó là người đã trỗi tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người đó về sau tín tâm vẫn kiên cố, chắc chắn không mất, trì giới, bố thí đa văn, trí tuệ đều kiên cố, không mất. Đó là hạng người ngoi lên khỏi nước rồi trụ. Như người chìm trong nước, ngoi lên khỏi nước rồi trụ. Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ ba của thí dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy.

³ Hán: *thường ngoa* 常臥. Pāli: *sakim nimuggo nimuggo*, một lần chìm là chìm luôn.

“Thế nào là hạng người ngoi lên rồi trụ; trụ rồi nhìn quanh? Đó là người làm trỗi dậy tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người đó về sau tín tâm kiên cố vẫn không mất, trì giới, bố thí đa văn, trí tuệ vẫn kiên cố không mất; trụ trong thiện pháp; biết như thật về Khổ, biết như thật về Khổ tập, Khổ diệt và Khổ diệt đạo. Người kia biết như vậy, thấy như vậy, ba kết liền dứt sạch, đó là thân kiến, giới thủ và nghi. Ba kết đã dứt sạch liền chứng Tu-đà-hoàn, không đọa ác pháp, quyết định thăng đến [424c] chính giác, đời sau thọ sinh tối đa bảy lần,⁴ qua lại bảy lần trong nhân gian, thiên thượng; rồi chứng đắc biên tế của sự khổ⁵. Đó là hạng người ngoi lên rồi lại trụ, trụ rồi nhìn quanh. Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ tư của thí dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy.

“Thế nào là người ra rồi trụ; trụ rồi nhìn quanh; nhìn quanh rồi lợi qua. Đó là người trỗi được tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người đó về sau tín tâm vẫn chắc chắn không mất, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ đều đã kiên cố không mất, trú trong thiện pháp. Biết như thật về Khổ, về Khổ tập, về Khổ diệt, về Khổ diệt đạo. Biết như vậy, thấy như vậy, ba kết liền dứt sạch. Đó là, thân kiến, giới thủ, nghi; ba kết đã dứt sạch. Dâm, nộ, si⁶ vơi mỏng. Còn phải một lần vắng lai trong nhân gian, thiên thượng. Sau khi qua lại một lần đó rồi liền diệt tận biên tế khổ. Đó là người ngoi lên rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn rồi lợi qua. Như người chìm trong nước, ngoi rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua; Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ năm của ví dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy.

“Thế nào là người ngoi lên rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn quanh rồi lợi qua, qua rồi đến bờ bên kia? Đó là người đã làm trỗi dậy được tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người đó về sau tín tâm vẫn chắc chắn, không mất. Trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ đều vẫn kiên cố, không mất, trụ trong thiện pháp. Biết như thế, thấy như thế, năm hạ phần kiết dứt sạch. Đó là tham dục, sân nhuế, thân kiến, giới thủ,

⁴ Hán: cực thọ thất hữu 極受七有.

⁵ Hán: đắc khổ biên tế 得苦邊際. Pāli: dukkhass' antam karoti, chấm dứt sự khổ.

⁶ Tức tham, sân, si. Pl., thành cú: *rāgadosamohānaṃ tanuttā*.

nghe. Năm hạ phần kiết dứt sạch rồi, sinh vào cõi ấy⁷, rồi nhập Niết-bàn, chứng pháp bất thối, không trở lại thế gian này nữa. Đó là người ngoi lên rồi trụ; trụ rồi nhìn quanh; nhìn rồi lội qua; lội qua rồi đến bờ bên kia. Như người chìm trong nước ngoi lên rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn quanh rồi đi qua, đi qua rồi đến bờ bên kia; Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ sáu của ví dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy.

“Thế nào là người ngoi lên rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn quanh rồi lội qua, qua rồi đến bờ bên kia; đến bờ bên kia rồi được gọi là người Bà-la-môn đứng trên bờ? Đó là người đã làm trỗi dậy được tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người đó [425a] về sau tín tâm vẫn chắc chắn không mất, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp, biết như thật về Khổ, về Khổ tập, về Khổ diệt, về Khổ diệt đạo. Biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Giải thoát rồi liền biết mình đã giải thoát và biết một cách như thật rằng: Sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa. Đó là người ngoi lên khỏi nước rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, qua rồi đến bờ bên kia, đến bờ bên kia rồi được gọi là vị Bà-la-môn đứng trên bờ. Như người chìm trong nước, ngoi lên rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, qua rồi đến bờ bên kia, đến bờ bên kia rồi gọi là người đứng trên bờ; Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ bảy của thí dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy.

“Ta trước có nói sẽ giảng về bảy hạng người chìm trong nước cho các người nghe. Vì vậy, Ta đã nói xong”.

Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết hoan hỷ phụng hành.



⁷ Hán: *sinh thử gian* 生於彼間, chỉ sinh lên các năm cõi trời Tịnh cư. Pl., thành cú: *opapātiko hoti tattha parinibbāyī*, “hóa sinh lên đó, và nhập Niết-bàn tại đó.”

5. KINH MỘC TÍCH DỤ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại Câu-tát-la¹, trú giữa nhân gian và có đại chúng Tỳ-kheo đi theo.

Bấy giờ Thế Tôn đang đi giữa đường, chợt thấy có đồng cây lớn² ở một nơi kia đang bùng cháy dữ dội. Thế Tôn thấy vậy, liền bước xuống bên đường, đi đến một cây khác, trái ni-sur-đàn³, kiết già mà ngồi. Thế Tôn ngồi rồi bảo các Tỳ-kheo:

“Các người có thấy đồng cây lớn đằng kia đang bùng cháy không?”

Khi đó các Tỳ-kheo trả lời:

“Bạch Thế Tôn, chúng con có thấy”.

Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

“Các người nghĩ sao, với đồng cây lớn phụt cháy hừng hẫy đó mà hoặc ôm, hoặc ngồi, hoặc nằm; hay là, với người con gái của dòng Sát-lị, Bà-la-môn, Cư sĩ, hay thợ thuyền,⁴ đang độ tuổi cường thanh, tắm gội, xông hương thơm, mặc y phục sạch sẽ, dùng tràng hoa chuỗi ngọc, trang sức thân thể, hoặc ôm, hoặc ngồi, hoặc nằm; việc nào vui sướng hơn?”

Lúc ấy các Tỳ-kheo thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, với đồng cây lớn đang phụt cháy hừng hẫy hoặc ôm, hoặc ngồi, hoặc nằm thì rất khổ. Bạch Thế Tôn, hoặc có người con gái dòng Sát-lị, Bà-la-môn, Cư sĩ hay thợ thuyền, đang độ tuổi cường thanh, tắm gội, xông hương thơm, mặc y phục sạch sẽ, dùng tràng hoa chuỗi ngọc, trang sức thân thể, mà tới hoặc ôm, hoặc ngồi, hoặc nằm thì rất vui sướng. Thế Tôn!”

[425b] Thế Tôn bảo:

“Ta sẽ nói cho các người biết, không để cho các người Sa-môn mà lại mất đạo Sa-môn. Các người nếu muốn thành tựu phạm hạnh vô thượng

¹ Câu-tát-la 拘薩羅. Pāli: Kosala.

² Hán: mộc tích 木 績 “đồng gỗ”. Pāli: *aggikkhandham*, đồng lửa.

³ Hán: ni-sur-đàn 尼師檀 (Pāli: *nisīdana*): tọa cụ, khăn trải để ngồi.

⁴ Hán: công sư 工師, giai cấp thứ tư (thù-đà-la hay phệ-xa, Pl.: vessa).

thì thà ôm đồng cây lớn đang phùng cháy hừng hẫy, hoặc ngồi, hoặc nằm. Việc ấy mặc dù vì thế mà phải chịu khổ sở, hoặc chết. Nhưng không phải do đó mà thân hoại mạng chung phải thăng đến ác xứ hay sinh vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới và không tinh tấn, sinh ra ác pháp bất thiện; không phải là phạm hạnh mà gọi là phạm hạnh, không phải là Sa-môn mà gọi là Sa-môn, hoặc ôm người con gái dòng Sát-lị, Bà-la-môn, Cư sĩ hoặc thợ thuyền, đang độ tuổi cường thịnh, tắm gội, xông hương thơm, mặc y phục sạch sẽ, dùng tràng hoa chuỗi ngọc trang sức thân thể, hoặc ngồi, hoặc nằm; người ngu si kia vì vậy mà lâu dài không thiện, không nghĩa⁵, thọ quả báo ác pháp, khi thân hoại mạng chung thăng đến cõi xấu, sinh vào địa ngục. Do đó, các người hãy quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa, và hãy suy nghĩ như thế này: ‘Ta xuất gia học đạo không phải vô ích, không phải luống không, mà có quả, có báo, có sự an lạc cùng cực, được sinh vào các thiện xứ để được trường thọ. Ta tiếp nhận áo chăn, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc thang của người tín thí, làm cho các thí chủ được phước đức, đại quả báo, đại quang minh. Hãy nên học như vậy’.

Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Các người nghĩ sao, như có lực sĩ lấy sợi dây thừng bằng lông bền chắc cột siết bắp chân⁶ cho đến bút da; bút da rồi bút thịt; bút thịt rồi bút gân; bút gân rồi bút xương; bút xương cho tới tủy mới thôi. Hoặc nếu từ những người Sát-lị, Bà-la-môn, Cư sĩ hay thợ thuyền mà nhận sự tín thí, rồi sờ mó thân thể, chi tiết, tay chân. Điều nào vui sướng hơn?”

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nếu có lực sĩ lấy sợi dây thừng bằng lông bền chắc cột siết bắp chân cho đến bút da; bút da rồi bút thịt; bút thịt rồi bút gân; bút gân rồi bút xương; bút xương cho tới tủy mới thôi. Rất khổ, bạch Thế Tôn. Nếu từ người dòng Sát-lị, Bà-la-môn, Cư sĩ, thợ thuyền mà được cúng thí, sờ rẫm thân thể, chi tiết, tay chân; thì rất vui sướng, Thế Tôn!”

Thế Tôn bảo rằng:

⁵ Hán: *bất thiện bất nghĩa* 不善不義. tức bất hạnh và không đạt được mục đích gì.

⁶ Hán: *bác* 搏 (bộ thủ): đánh; có lẽ bộ nhục 膊 bắp tay. TNM: *thuyễn* 膺: bắp chân. Pāli: *jaṅghā*: bắp chân.

“Ta sẽ nói cho các người biết, không để cho các người học Sa-môn lại mất đạo Sa-môn. Các người nếu muốn thành tựu vô thượng phạm hạnh thì thà để cho lực sĩ đem sợi dây thừng bằng lông, cột siết bắp chân cho tới bứt da, bứt da rồi bứt thịt, bứt thịt rồi bứt gân, bứt gân rồi bứt xương, bứt xương tới tủy mới thôi. Việc ấy mặc dù như vậy mà các người thọ khổ hoặc chết, nhưng không do đó mà thân hoại mạng chung đi đến ác xứ hay sinh [425c] vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới, không tinh tấn, sinh ra pháp ác và bất thiện, không phải phạm hạnh mà xưng là phạm hạnh, không phải Sa-môn mà xưng là Sa-môn; từ người dòng Sát-lị, Bà-la-môn, cư sĩ, thợ thuyền thọ nhận sự tín thí, rồi rờ rẫm thân thể, các chi tiết và tay chân. Người ngu si đó vì vậy mãi mãi không thiện, không nghĩa, thọ quả báo ác pháp, khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ, sinh vào địa ngục. Vì thế các người hãy quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa. Hãy suy nghĩ thế này: Ta xuất gia học đạo không vô ích, không luống không, mà có quả, có báo, có sự an lạc cùng cực, sinh vào các thiện xứ, để được trường thọ. Ta tiếp nhận áo chăn, đồ ẩm thực, giường nệm, thuốc thang của người tín thí, làm cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn, được quang minh lớn. Nên học như vậy”.

Phật lại bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Các người nghĩ sao, nếu có lực sĩ đem con dao đã mài giữa sắc bén chặt đứt ngang đùi; hay là từ nơi người dòng Sát-lị, Bà-la-môn, Cư sĩ, thợ thuyền, để thọ nhận sự tín thí, lễ bái, cung kính, đón rước; điều nào sung sướng hơn?”

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, nếu có lực sĩ đem con dao đã mài giữa sắc bén chặt đứt ngang đùi, thì rất khổ. Thế Tôn, còn từ người Sát-lị, Bà-la-môn, Cư sĩ, hay thợ thuyền mà thọ nhận sự tín thí, lễ bái, cung kính, đón rước thì rất vui sướng”.

Thế Tôn bảo rằng:

“Ta sẽ nói cho các người biết, không để cho các người học Sa-môn mà mất đạo Sa-môn. Các người nếu muốn thành tựu phạm hạnh vô thượng thì thà để cho lực sĩ đem dao bén đã mài giữa chặt đứt ngang đùi. Việc ấy dù do đó mà chịu sự đau khổ, hoặc chết, nhưng không vì vậy mà khi thân

hoại mạng chung đi thẳng đến ác xứ, sinh vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới không tinh tấn, sinh ra ác pháp bất thiện, chẳng phải phạm hạnh xưng là phạm hạnh, chẳng phải Sa-môn xưng là Sa-môn; rồi từ người Sát-lị, Bà-la-môn, cư sĩ hay thợ thuyền, mà thọ nhận sự tín thí, lễ bái, cung kính, tiếp đón. Người ngu si kia vì thế mãi mãi không được thiện, không được nghĩa, thọ quả báo ác pháp, sau khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ, sinh vào địa ngục. Do đó, các người nên quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa. Nên nghĩ thế này: Ta xuất gia học đạo không phải vô ích, không luống không, mà có quả, có báo, có sự an lạc cùng cực, sinh đến các thiện xứ, để được trường thọ, tiếp nhận áo chăn, thực phẩm, giường chiếu của người tín thí, làm cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn, được quang vinh lớn, nên học như vậy”.

Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Các người [426a] nghĩ sao? Hoặc có lực sĩ đem lá đồng sắt đốt cháy hừng hực, rồi quấn quanh thân thể; hoặc từ người Sát-lị, Bà-la-môn, Cư sĩ, thợ thuyền, mà nhận sự tín thí y phục của người; cái nào vui sướng hơn?”

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, nếu có lực sĩ đem lá đồng sắt đốt cháy hừng hực rồi quấn quanh thân thể thì rất khổ. Nếu từ người Sát-lị, Bà-la-môn, cư sĩ, thợ thuyền mà thọ lãnh tín thí, y phục của người, thì rất vui sướng”.

Thế Tôn bảo rằng:

“Ta sẽ nói các người biết, không để các người học Sa-môn mà mất đạo Sa-môn. Các người nếu muốn thành tựu phạm hạnh vô thượng thì thà để cho lực sĩ đem lá đồng sắt đốt cháy hừng hực rồi quấn quanh thân thể. Dù việc đó vì thế sẽ chịu sự khổ, nhưng không do vậy mà khi thân hoại mạng chung phải thẳng đến ác xứ, sinh trong địa ngục. Nếu người ngu si, phạm giới, không tinh tấn, sinh ra pháp ác bất thiện, chẳng phải phạm hạnh xưng là phạm hạnh, chẳng phải Sa-môn xưng là Sa-môn; rồi từ người Sát-lị, Bà-la-môn, Cư sĩ, thợ thuyền thọ lãnh sự tín thí, y phục của người. Người ngu si kia, vì thế mãi không thiện, không nghĩa, thọ quả báo ác pháp. Sau khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ, sinh vào địa ngục. Do đó, các người quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa. Nên nghĩ thế này: Ta xuất gia học đạo không phải vô ích,

không lường không, mà có quả có báo, có sự an lạc cùng cực, sinh đến các thiện xứ để được trường thọ. Ta nhận lãnh y phục, chăn mền, đồ ẩm thực, giường chiếu, thuốc thang của người tín thí là làm cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn, được quang minh lớn. Nên học như vậy”.

Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Các người nghĩ sao, hoặc có lực sĩ đem kèm sắt nóng, kéo cho hở miệng ra rồi lấy viên sắt đốt cháy hừng hực quăng vào trong miệng. Viên sắt nóng đó đốt môi; đốt cháy môi rồi đốt cháy lưỡi; đốt lưỡi rồi đốt lợi; đốt lợi rồi đốt cổ; đốt cổ rồi đốt tim; đốt tim rồi đốt bao tử và ruột; đốt bao tử và ruột rồi rơi xuống dưới. Hoặc từ người Sát-lị, Bà-la-môn, Cư sĩ, thợ thuyền, thọ nhận sự tín thí, đồ ăn, vô lượng mùi vị. Việc nào vui sướng hơn?”

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, nếu có lực sĩ đem kèm sắt nóng kéo cho hở miệng, rồi lấy viên sắt đã cháy hừng hực bỏ vào miệng. Viên sắt nóng ấy đốt môi, đốt môi rồi đốt lưỡi, đốt lưỡi rồi đốt lợi, đốt lợi rồi đốt cổ, đốt cổ rồi đốt tim, đốt tim rồi đốt bao tử và ruột, đốt bao tử và ruột rồi [426b] rơi xuống dưới. Việc ấy rất khổ, bạch Thế Tôn, nếu từ người Sát-lị, Bà-la-môn, Cư sĩ, thợ thuyền để lãnh thọ sự tín thí, đồ ăn, vô lượng mùi vị; việc ấy rất vui sướng”.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Ta sẽ nói cho các người biết, không để các người học Sa-môn mà để mất đạo Sa-môn. Các người nếu muốn thành tựu phạm hạnh vô thượng thì lực sĩ đem kèm sắt nóng kéo cho hở miệng ra rồi đem viên sắt đã đốt cháy hừng hực quăng vào trong miệng, viên sắt nóng ấy đốt môi, đốt môi rồi đốt lưỡi, đốt lưỡi rồi đốt lợi, đốt lợi rồi đốt cổ, đốt cổ rồi đốt tim, đốt tim rồi đốt bao tử và ruột, đốt bao tử và ruột rồi rơi xuống. Điều ấy dù do vậy mà phải chịu đau khổ, hoặc chết, nhưng không vì thế mà khi thân hoại mạng chung thăng đến ác xứ hay sinh vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới, không tinh tấn, sinh ra ác pháp bất thiện, chẳng có phạm hạnh xưng là phạm hạnh, chẳng phải Sa-môn xưng là Sa-môn; từ người Sát-lị, Bà-la-môn, Cư sĩ, thợ thuyền mà nhận lãnh sự tín thí, đồ ăn, vô lượng mùi vị. Người ngu si đó vì thế mà mãi mãi không thiện, không nghĩa, chịu quả báo ác pháp, sau khi thân hoại mạng chung thăng đến ác

xứ, sinh vào địa ngục. Vì thế các người nên quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa. Nên nghĩ thế này: Ta xuất gia học đạo không phải vô ích, không luống không, mà có quả có báo, có sự an lạc cùng cực, sinh đến các thiện xứ để được trường thọ. Ta nhận lãnh sự tín thí, y phục, chăn mền, đồ ẩm thực, giường chiếu, thuốc thang của người là làm cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn, được quang minh lớn. Nên học như vậy”.

Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Các người nghĩ sao, nếu có lực sĩ đem giường sắt hay đồng đốt cháy hừng hực, rồi cưỡng bức người kia phải nằm ngồi trên đó; hoặc là từ các người Sát-lị, Bà-la-môn, Cư sĩ, thợ thuyền mà thọ lãnh sự tín thí, giường chõng hay ngọa cụ của người; việc nào vui sướng hơn?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, nếu có lực sĩ đem giường sắt hay đồng đốt cháy hừng hực rồi cưỡng bức người kia phải nằm ngồi trên đó thì rất khổ. Bạch Thế Tôn, nếu theo các người Sát-lị, Bà-la-môn, Cư sĩ, thợ thuyền mà thọ lãnh sự tín thí, giường chõng, ngọa cụ của người; thì rất vui sướng”.

Thế Tôn bảo rằng:

“Ta sẽ nói cho các người biết, không để các người học Sa-môn mà mất đạo Sa-môn. Nếu các người muốn thành tựu phạm hạnh vô thượng, thì thà để cho lực sĩ đem giường đồng hay sắt đốt cháy hừng hực rồi cưỡng bức phải nằm ngồi trên đó, việc đó vì thế mà chịu sự khổ sở hoặc chết. Nhưng không vì thế mà khi thân hoại mạng chung thẳng đến [426c] ác xứ hay sinh vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới, không tinh tấn, sinh ra ác pháp bất thiện, chẳng phải phạm hạnh xưng là phạm hạnh, chẳng phải Sa-môn xưng làm Sa-môn, rồi từ những người Sát-lị, Bà-la-môn, Cư sĩ, thợ thuyền để thọ lãnh sự tín thí, ngọa cụ, giường chõng của người; người ngu si đó vì thế mãi mãi không thiện, không nghĩa, thọ quả báo ác, sau khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ, sinh vào địa ngục. Vì thế các người nên quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa. Nên nghĩ thế này: Ta xuất gia học đạo không phải vô ích, không phải luống không, mà có quả báo, có sự an lạc vô cùng, sinh đến các thiện xứ để được trường thọ. Ta nhận lãnh sự tín thí, áo mền, đồ ăn uống, giường nằm, thuốc thang của người là làm cho các thí chủ được

phước đức lớn, được quả báo lớn, được quang minh lớn. Nên học như vậy”.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Các người nghĩ sao, nếu có lực sĩ đem cái nồi lớn bằng sắt hay đồng đốt cháy hừng hực, rồi túm lấy người kia ném ngược vào trong đó; hoặc là từ các người Sát-lị, Bà-la-môn, Cư sĩ, thợ thuyền để thợ lãnh sự tín thí, nhà cửa được tô trét đất bùn, cửa sổ và cửa lớn kín và chặt; có lò sưởi ấm áp. Đẳng nào vui sướng hơn?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, nếu có lực sĩ đem cái nồi lớn bằng sắt hay đồng đốt cháy hừng hực, rồi túm lấy người kia ném ngược vào trong đó; thế thì rất khổ. Bạch Thế Tôn, nếu từ các người Sát-lị, Bà-la-môn, Cư sĩ, thợ thuyền mà thợ lãnh sự tín thí, nhà cửa được tô trét đất bùn, cửa sổ và cửa lớn kín và chặt; có lò sưởi ấm áp; thế thì rất vui sướng”.

Thế Tôn bảo rằng:

“Ta sẽ nói cho các người biết, không để cho các người học Sa-môn mà mất đạo Sa-môn. Các người nếu muốn thành tựu phạm hạnh vô thượng thì thả để cho lực sĩ đem nồi lớn bằng đồng hay sắt đốt cháy hừng hực rồi tóm giở ngược lên quăng vào trong nồi, mặc dù vì như thế mà chịu đau khổ hoặc chết, nhưng không vì vậy mà khi thân hoại mạng chung thăng đến ác xứ hay sinh vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới, không tinh tấn, sinh ra ác pháp bất thiện, chẳng có phạm hạnh xưng là phạm hạnh, chẳng phải Sa-môn xưng là Sa-môn, rồi từ người Sát-lị, Bà-la-môn, cư sĩ thợ thuyền để nhận lãnh sự tín thí, nhà cửa được tô trét đất bùn, cửa sổ và cửa lớn kín và chặt; có lò sưởi ấm áp của người. Người ngu si đó vì thế mà mãi mãi không thiện, không nghĩa, thọ quả báo ác, sau khi thân hoại mạng chung, thăng đến ác xứ, hay sinh vào địa ngục. Vì thế các người nên quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa. Nên nghĩ thế này: Ta xuất gia học đạo không phải vô ích, không phải luống không mà có quả có báo, có sự an lạc cùng cực, sinh đến thiện xứ, [427a] được trường thọ. Ta nhận lãnh sự tín thí, áo mền, đồ ẩm thực, giường nệm, thuốc thang của người, là làm cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn, được quang minh lớn. Nên học như thế”.

Khi dạy bài pháp này, sáu mươi vị Tỳ-kheo dứt sạch các lậu, giải thoát kiết sử. Sáu mươi Tỳ-kheo xả giới hoàn tục. Sao vậy? Vì sự giáo huấn

của Thế Tôn rất sâu, rất khó, sự học đạo lại rất sâu rất khó.

Phật dạy như thế. Các Tỷ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.⁷



⁷ Bản Hán, hết quyển 1.

6. KINH THIỆN NHÂN VÃNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm Lâm Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta sẽ nói cho các người biết về bảy nơi mà bậc thiện nhân đi đến và Vô dư Niết-bàn¹. Các người hãy lắng nghe và hãy suy nghĩ kỹ!”

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe.

Phật dạy:

“Những gì là bảy? Tỳ-kheo nên thực hành như vậy: ‘Ta không có ta, cũng không có cái của ta. Trong tương lai không có ta, cũng không có cái của ta.’² Cái có thì được đoạn trừ³.’ Sau khi đoạn trừ, vị ấy đạt được xả. Có lạc mà không nhiễm, hiệp hội mà không đắm trước⁴. Thực hành như thế, sẽ do tuệ mà thấy được đạo lộ tịch tĩnh vô thượng⁵, nhưng vẫn chưa

¹ Vô dư Niết-bàn 無餘涅槃; Pl. *anupāda-parinibbāna*, Niết-bàn không chấp thủ, được hiểu là Niết-bàn không sở y (*appaccaya-nibbāna*).

² Hán: ngã giả vô ngã, diệt vô ngã sở 我者無我亦無 我所 (...). Pāli (A. iv. 70): *no cassa no ca me siyā*, na bhavissati na me bhavissati “nó *đã* không hiện hữu, và nó *có thể không* phải là của ta; nó sẽ không tồn tại và nó sẽ không phải là của ta.” Sớ giải (AA, iv. 38): *no cassa*, nó *đã* không tồn tại, nghĩa là, nếu nghiệp tác thành ngã thể trong quá khứ (*atīte attabhāvanibbattakam kammam*) đã không tồn tại; và *no ca me siyā*, thì ở đây, ngã thể này *có thể* không tồn tại.”

³ Hán: dĩ hữu tiện đoạn 已有便斷. Pāli: yadatthi yaṃ bhūtaṃ taṃ pahajāmi, “Với cái gì đang tồn tại, hiện hữu, ta đoạn trừ cái đó”. Sớ giải, ibid.: cái đang tồn tại, hiện hữu (*yad atthi yaṃ bhūtaṃ*), tức là năm uẩn hiện tại (*paccupannakkhandhapañcakaṃ*).

⁴ Hán: hữu lạc bất nhiễm, hiệp hội bất trước 有樂不染合會不著. Pāli: *so bhava na rajjati, sambhava na rajjati*, “vị ấy không đắm trước hữu (không hoan lạc trong cái đang hiện hữu), không đắm trước sinh (không hoan lạc trong cái đang xuất sinh)”.

⁵ Hán: vô thượng tức tịch 無上息跡. Pāli: *atthuttariṃ padam santam sammapaññāya passati*, “bằng chính trí, vị ấy thấy con đường tịch tĩnh dẫn đến mục đích tối thượng”.

được chứng ngộ⁶. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đốt trấu, vừa nhen đã tắt. Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng thế, chút ít mạn chưa trừ hết⁷, nhưng năm hạ phần kết⁸ đã đoạn hết, chứng Trung Bát-niết-bàn⁹. Đó là nơi đi đến của bậc thiện nhân thứ nhất, thế gian quả thực có người như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vậy: ‘Ta không có ta, cũng không có cái của ta. Trong tương lai không có ta, cũng không có cái của ta. Cái đã có thì được đoạn trừ’. Sau khi đoạn, vị ấy đạt được xả. Có lạc mà không nhiễm, hiệp hội mà không đắm trước. Thực hành như thế, sẽ do tuệ mà thấy được đạo lộ tịch tĩnh vô thượng, nhưng vẫn chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực rồi lấy búa đập, đóm lửa văng ra, vừa tung lên không liền tắt. Nên biết, [427b]Tỳ-kheo kia cũng lại như vậy; còn chút mạn chưa trừ hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Trung Bát-niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ hai, thế gian quả thực có người như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vậy: ‘Ta không có ta, cũng không có cái của ta. Trong tương lai không có ta, cũng không có cái của ta. Cái đã có thì được đoạn trừ’. Sau khi đoạn, vị ấy đạt được xả. Có lạc mà không nhiễm, hiệp hội mà không đắm trước. Thực hành như thế, sẽ do tuệ mà thấy được đạo lộ tịch tĩnh vô thượng, nhưng vẫn chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực rồi lấy búa đập, lửa đóm tung lên không, rồi từ không rơi trở lại; rơi chưa đến đất liền tắt. Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Trung Bát-niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ ba, thế gian quả thực

⁶ Pāli: *taṃ ca khvassa padaṃ na sabbena sabbam sacchikataṃ hoti*, “Nhưng không hoàn toàn thực chứng đạo lộ ấy”.

⁷ Hán: thiếu mạn vị tận 少慢未盡. Pāli: *na sabbena sabbam mānānusayo pahīno hoti, na sabbena sabbam bhavarāgānusayo pahīno hoti, na sabbena sabbam avijjānusayo pahīno hoti*, “chưa hoàn toàn đoạn trừ mạn tùy miên; chưa hoàn toàn đoạn trừ hữu ái tùy miên; chưa hoàn toàn đoạn trừ vô minh tùy miên”.

⁸ Hán: ngũ hạ phần kết 五下分結. Pāli: *pañca orambhāgiya saṃyojana*, 5 kết dẫn đến tái sinh Dục giới.

⁹ Trung Bát-niết-bàn 中般涅槃. Pāli: *antarāparinibbāyī*.

có người như vậy.¹⁰

“Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vậy: ‘Ta không có ta, cũng không có cái của ta. Trong tương lai không có ta, cũng không có cái của ta. Cái đã có thì được đoạn trừ’. Sau khi đoạn, vị ấy đạt được xả. Có lạc mà không nhiễm, hiệp hội mà không đắm trước. Thực hành như thế, sẽ do tuệ mà thấy được đạo lộ tịch tĩnh vô thượng, nhưng vẫn chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực rồi lấy búa đập, lửa đóm tung lên không, rồi rơi xuống, tới đất thì tắt. Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng sinh Bát-niết-bàn¹¹. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ tư, thế gian quả thực có người như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vậy: ‘Ta không có ta, cũng không có cái của ta. Trong tương lai không có ta, cũng không có cái của ta. Cái đã có thì được đoạn trừ’. Sau khi đoạn, vị ấy đạt được xả. Có lạc mà không nhiễm, hiệp hội mà không đắm trước. Thực hành như thế, sẽ do tuệ mà thấy được đạo lộ tịch tĩnh vô thượng, nhưng vẫn chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực rồi lấy búa đập, lửa đóm tung lên không, rồi rơi xuống trên nhúm cỏ, liền bốc khói hoặc phụt cháy; cháy hết mới tắt. Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Hành Bát-niết-bàn¹². Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ năm, thế gian quả thực có người như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vậy: ‘Ta không có ta, cũng không có cái của ta. Trong tương lai không có ta, cũng không có cái của ta. Cái đã có thì được đoạn trừ’. Sau khi đoạn, vị ấy đạt được xả. Có lạc mà

¹⁰ Ba ví dụ trên tương ứng với ba cấp Trung Bát-niết-bàn: *tốc*, *phi tốc* và *kinh cửu* (nhánh, không nhánh và lâu); xem *Câu-xá* 24 (tr.125a).

¹¹ *Sinh Bát-niết-bàn* 生般涅槃. Pāli: *upahaccaparinibbāyī*, “tồn hại bát-niết-bàn”, nhập Niết-bàn do rút ngắn tuổi thọ sau khi sinh Sắc giới. Từ Pāli *upahacca* có nghĩa là “làm tổn hại”. Bản Hán, theo từ gốc Skt. là *upapadya* (Pāli: *upapajja*) có nghĩa là “sinh”.

¹² Hành Bát-niết-bàn, hay Hữu hành Bát-niết-bàn 有行般涅槃. Pāli: *sasamkhāraparinibbāyī*.

không nhiễm, hiệp hội mà không đắm trước. Thực hành như thế, sẽ do tuệ mà thấy được đạo lộ tịch tĩnh vô thượng, [427c] nhưng vẫn chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực rồi lấy búa đập, lửa đóm tung lên không, rồi rơi xuống trên nhiều đám cỏ, liền bốc khói hoặc phụt cháy, cháy hết mới tắt. Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kiết đã đoạn hết, chứng Vô hành Bát-niết-bàn¹³. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ sáu, thế gian quả thực có người như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vậy: ‘Ta không có ta, cũng không có cái của ta. Trong tương lai không có ta, cũng không có cái của ta. Cái đã có thì được đoạn trừ’. Sau khi đoạn, vị ấy đạt được xả. Có lạc mà không nhiễm, hiệp hội mà không đắm trước. Thực hành như thế, sẽ do tuệ mà thấy được đạo lộ tịch tĩnh vô thượng, nhưng vẫn chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực rồi lấy búa đập, lửa đóm tung lên không, rồi rơi xuống trên nhiều đám cỏ, liền bốc khói hoặc phụt cháy, cháy luôn cả thôn ấp, thành quách, rừng núi, đồng nội, hoặc đến đường đi, hoặc mé nước, cho đến đất bằng thì tắt. Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Thượng lưu A-ca-nị-trá Niết-bàn¹⁴. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ bảy, thế gian quả thực có người như vậy.

“Vô dư Niết-bàn là gì? Tỳ-kheo nên thực hành như vậy: ‘Ta không có ta, cũng không có cái của ta. Trong tương lai không có ta, cũng không có cái của ta. Cái đã có thì được đoạn trừ’. Sau khi đoạn, vị ấy đạt được xả. Có lạc mà không nhiễm, hiệp hội mà không đắm trước. Thực hành như thế, vị ấy sẽ do tuệ mà thấy được đạo lộ tịch tĩnh vô thượng, và đã được chứng ngộ. Ta nói rằng Tỳ-kheo kia không đi đến phía Đông, không đi đến phía Tây, Nam, Bắc, bốn duy hay thượng, hạ, mà ngay trong đời hiện tại này chứng được đạo lộ tịch tĩnh, diệt tận¹⁵.

¹³ *Vô hành Bát-niết-bàn* 無行般涅槃. Pāli: *asamkhāraparinibbāyī*. Pāli kể Vô hành trước Hữu hành.

¹⁴ Thượng lưu A-ca-nị-trá Niết-bàn 上流阿迦膩涅槃 hay thượng lưu sắc cứu cánh Niết-bàn 上流色究竟涅槃. Pāli: *uddhamsoṭṭa akaniṭṭhagāminī*.

¹⁵ Hán: tức tịch diệt độ 息跡滅度.

“Ta đã nói về nơi đi đến của bảy bậc thiện nhân và Vô dư Niết-bàn xong. Nhân đó mà nói”.

Phật thuyết như thế. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



7. KINH THẾ GIAN PHƯỚC

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú Câu-xá-di¹, ở tại vườn Cù-sa-la².

Bấy giờ vào lúc xế chiều, Tôn giả Ma-ha Châu-na³, rời khỏi nơi tĩnh tọa⁴ đứng dậy, đi đến chỗ Phật; đến rồi đánh lễ, lui ngồi một bên, bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thể thi thiết⁵ thế gian phước được chăng?”

Thế Tôn nói:

“Có thể, này Châu-na! [428a] Có bảy loại phước thế gian, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn. Những gì là bảy?

“Này Châu-na, có thiện gia nam tử hay thiện gia nữ tử⁶ có tín tâm cúng thí phòng xá, nhà gác cho đại chúng Tỳ-kheo. Đó là loại phước thế gian thứ nhất, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn.

“Lại nữa, Châu-na, có thiện gia nam tử hay thiện gia nữ tử có tín tâm, ở trong các phòng xá, cúng thí giường nằm, đồ ngồi, đệm lông, thảm dệt, chăn len, ngựa cưỡi trong các phòng xá. Châu-na, đó là loại thế gian phước thứ hai, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn.

“Lại nữa, Châu-na, có thiện gia nam tử hay thiện gia nữ tử có tín tâm, ở trong các phòng xá, cúng thí y phục mới mẽ, sạch sẽ, đẹp đẽ. Châu-na, đó là loại thế gian phước thứ ba, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn.

¹ Câu-xá-di 拘舍彌 (Kiều-thường-di) Pāli: Kosambī.

² Cù-sa-la viên 瞿沙羅 khu vườn do Trưởng giả Cù-sa-la cúng dường Phật. Pāli: Ghositārāma.

³ Ma-ha Châu-na 摩訶周那 tên Tỳ-kheo. Pāli: Mahācunda.

⁴ Hán: *yển tọa* 宴坐 ngồi nghỉ ngơi một mình nơi thanh vắng và tập thiền; thiền tọa độc cư. Pāli: *paṭisallāna*.

⁵ Thi thiết 施設, từ tương đương Pī. *paññatti*, mô tả; hoặc *paññāpeti*, tuyên bố.

⁶ Hán: *tộc tánh nam, tộc tánh nữ* 族姓男族姓女 thiện gia nam tử/ nữ nhân, hoặc thiện nam tử, thiện nữ nhân, những người sinh vào một trong bốn giai cấp. Pī. kulaputta, kuladuhitā.

“Lại nữa, Châu-na, có thiện gia nam tử hay thiện gia nữ tử có tín tâm, ở trong các phòng xá, thường xuyên cúng thí Chúng Tăng cháo buổi sáng, thức ăn buổi trưa, lại cung cấp người làm vườn⁷ để sai bảo; hoặc gió, mưa, tuyết, lạnh, tự mình thân đến khu vườn mà cúng thí chu cấp thêm. Các Tỳ-kheo sau khi ăn, không lo gió, mưa, tuyết lạnh khiến y phục bị ướt át, mà ngày đêm yên vui, tư duy thiền tọa vắng lặng⁸. Châu-na, đó là loại thể gian phước thứ bảy, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn.

“Châu-na, có thiện gia nam tử hay thiện gia nữ tử có tín tâm, nếu đã tạo được bảy loại phước thể gian này rồi, hoặc đi, hoặc đến, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc ngủ, hoặc thức, hoặc ngày, hoặc đêm, phước đức ấy thường xuyên phát sinh, càng lúc càng thêm, càng lúc càng rộng.

“Châu-na, ví như nước sông Hằng-già⁹ từ nguồn chảy ra, tuôn vào đại hải, ở vào khoảng giữa càng lúc càng sâu, càng lúc càng rộng. Cũng vậy, Châu-na, thiện gia nam tử hay thiện gia nữ tử có tín tâm ấy, đã tạo được bảy loại phước thể gian này rồi thì hoặc đi, hoặc đến, hoặc ngồi, hoặc ngủ, hoặc thức, hoặc ngày, hoặc đêm, phước đức ấy càng sinh, càng lúc càng thêm, càng lúc càng rộng”.

Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Châu-na từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo bên hữu, gối phải sát đất, quỳ dài, chấp tay, bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thể thi thiết phước xuất thế gian được chăng? Thế Tôn bảo rằng:

“Có thể được, Châu-na. Lại có bảy loại phước xuất thế gian, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn. Những gì là bảy? Châu-na, có thiện gia nam tử hay thiện gia nữ tử có tín tâm, nghe Như Lai hoặc đệ tử Như Lai đang trú ở nơi nào đó. [428b] Sau khi nghe, liền hoan hỷ, trong lòng rất phấn khởi. Châu-na, đó là loại phước xuất thế gian thứ nhất, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn.

“Lại nữa, Châu-na, có thiện gia nam tử hay thiện gia nữ tử có tín tâm,

⁷ Hán: *viên dân* 園民.

⁸ Đoạn này kể chung có bốn thứ: hai bữa ăn, người làm vườn, và chu cấp khi mưa gió.

⁹ *Hằng-già* 恒伽, Hằng. Pāli: Gaṅgā.

nghe Như Lai hoặc đệ tử Như Lai sẽ từ nơi kia đến đây. Sau khi nghe, liền sinh hoan hỷ, trong lòng rất phấn khởi. Châu-na, đó là loại phước xuất thế gian thứ hai, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn.

“Lại nữa, Châu-na, có thiện gia nam tử hay thiện gia nữ tử có tín tâm, nghe Như Lai hoặc đệ tử Như Lai sẽ từ nơi kia đến đây. Sau khi nghe, liền hoan hỷ, trong lòng rất phấn khởi. Với tâm thanh tịnh, tự thân tới thăm viếng, lễ kính, cúng dường. Sau khi cúng dường, thọ pháp ba tự quy, đối với Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo mà thọ giới cấm¹⁰. Châu-na, đó là loại phước xuất thế gian thứ bảy, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn.

“Châu-na, thiện gia nam tử hay thiện gia nữ tử có tín tâm, nếu tạo được bảy loại phước thế gian này và lại có bảy loại phước xuất thế gian, thì phước của người kia không thể tính được có ngần nào phước, có ngần nào kết quả của phước, có ngần nào phước báo. Chỉ có thể nói là không thể hạn, không thể lượng, và không thể biết được con số đại phước.

“Châu-na, ví như từ châu Diêm-phù có năm con sông: Một là Hằng-già, hai là Dao-vưu-na, ba là Xá-lao-phù, bốn là A-di-la-bà-đề và năm là Ma-xí¹¹, đều chảy về đại hải. Ở khoảng giữa của chúng, không thể tính được số nước của bao nhiêu thăng, hộc. Chỉ có thể nói là số nước nhiều không thể hạn, không thể lượng, và không thể biết được.

“Cũng vậy, Châu-na, thiện gia nam tử hay thiện gia nữ tử có tín tâm, nếu tạo được bảy loại phước thế gian này và lại có bảy loại phước xuất thế gian, thì phước của người kia không thể tính được có ngần nào phước, có ngần nào kết quả của phước, có ngần nào phước báo. Chỉ có thể nói là không thể hạn, không thể lượng, và không thể biết được con số đại phước”.

Bấy giờ Thế Tôn nói bài tụng rằng:

Con sông Hằng-già

¹⁰ Đoạn này kể chung cả năm thứ: thăm viếng, lễ bái, cúng dường, thọ tam quy, thọ ngũ giới.

¹¹ *Ngũ hà lưu* 五河流: Hằng-già 恒伽 (Pāli: Gaṅgā), Dao-vưu-na 摇尤那 (Pāli: Yamunā), Xá-lao-phu 舍勞浮, (Pāli: Sarabhū), A-di-la-bà-đề 阿夷羅婆提 (Pāli: Aciravati), Ma-xí 摩企 (Pāli: Mahī).

*Trong sạch, dễ qua.
Biển nhiều báu quý,*

*Là vua các sông.
Cũng như nước sông,
Người đời kính phụng;
Mọi nơi chảy về,
Tuôn về biển cả.*

*Cũng vậy, người nào
Cúng y, thực phẩm,
[428c] Giường chõng, đệm chăn,
Và những tọa cụ;*

*Phước báo không lường,
Đưa đến cõi lành,
Cũng như nước sông
Tuôn về biển rộng.*

Phật thuyết như vậy. Tôn giả Ma-ha Châu-na và các Tỷ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



8. KINH THẤT NHẬT

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại tại nước Tì-xá-li¹, trong rừng cây Nại thị².

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Tất cả các hành đều vô thường, là pháp không tồn tại lâu dài, pháp chóng đổi thay, pháp không thể nương tựa. Các hành như vậy không nên tham đắm mà phải ghê sợ nhàm tởm, nên tìm sự xả ly, nên tìm giải thoát. Vì sao thế?

“Có lúc không mưa³. Ngay khi không mưa ấy tất cả cây cối, trăm thứ lúa, thảy đều khô héo, đổ nát, chết cả, không thể thường trụ. Vì thế tất cả các hành đều vô thường, là pháp không tồn tại lâu dài, pháp chóng đổi thay, pháp không thể nương tựa. Các hành như vậy không nên tham đắm mà phải nhàm tởm, ghê sợ, nên tìm sự xả ly, nên tìm giải thoát.

“Lại nữa, có lúc hai mặt trời cùng xuất hiện. Khi hai mặt trời xuất hiện, các rãnh ngòi, sông lạch, thảy đều khô cạn, không thể thường trụ. Vì thế tất cả các hành đều vô thường, là pháp không tồn tại lâu dài, pháp chóng thay đổi, pháp không thể nương tựa. Các hành như vậy không nên tham đắm mà phải nhàm tởm, ghê sợ, nên tìm sự xả ly, nên tìm giải thoát.

“Lại nữa, lúc có ba mặt trời cùng xuất hiện. Khi ba mặt trời xuất hiện, tất cả dòng sông lớn⁴ đều khô cạn, không thể thường trụ. Do đó, tất cả các hành đều vô thường, là pháp không tồn tại lâu dài, pháp chóng đổi thay, pháp không thể nương tựa. Các hành như vậy không nên tham đắm, mà phải nhàm tởm ghê sợ, nên tìm sự xả ly, nên tìm sự giải thoát.

“Lại nữa, có lúc bốn mặt trời cùng xuất hiện. Khi bốn mặt trời xuất hiện, các dòng suối lớn, từ đó phát nguyên năm con sông lớn của châu Diêm-phù: Một là Hằng-già; hai là Dao-vưu-na; ba là Xá-lao-phu; bốn là A-di-la-bà-đề và năm là Ma-xí⁵, các dòng cuối nguồn nước lớn ấy đều khô cạn cả,

¹ Tì-xá-li 鞞舍離; Pāli: Vesali. Thủ phủ của bộ tộc Licchava.

² Nại thị thọ viên 奈氏樹園, vườn cây của họ Nại, tức vườn Xoài. Pāli: Ambapālīvāna, do kỹ nữ Ambapālī cúng dường Phật.

³ Đây chỉ đại hạn vào lúc kiếp hoại.

⁴ Bản Pāli liệt kê bốn sông lớn: Gaṅgā, Yamunā, Aciravatī, Sarabhū.

⁵ Năm sông lớn, xem **cht. 11**, kinh số 8 trên.

không thể thường trụ. Do đó các hành đều vô thường, là pháp không tồn tại lâu dài, pháp chóng đổi thay, pháp không thể nương tựa, các hành như vậy không nên tham đắm, mà phải nhàm tởm, ghê sợ, nên [429a] tìm sự xả ly, nên tìm giải thoát.

“Lại nữa, có lúc năm mặt trời cùng xuất hiện. Khi năm mặt trời cùng xuất hiện, nước trong biển lớn sụt xuống một trăm do-tuần; sụt dần đến bảy trăm do-tuần. Khi năm mặt trời xuất hiện như vậy, biển có mực nước bảy trăm do-tuần sụt dần đến một trăm do-tuần. Khi năm mặt trời cùng xuất hiện, nước trong biển lớn sụt một cây đa-la; sụt dần đến bảy cây đa-la⁶. Khi năm mặt trời cùng xuất hiện, những biển có mực nước bảy cây đa-la sụt dần cho đến một cây đa-la. Khi năm mặt trời cùng xuất hiện, nước biển giảm sụt đến mười người⁷; sụt dần cho đến bảy người. Khi năm mặt trời cùng xuất hiện, những biển có mực nước bảy người giảm dần đến vai, đến lưng, đến háng, đến đầu gối, đến mắt cá; cho đến lúc nước biển ráo hết không đủ chìm một ngón chân. Cho nên, tất cả các hành đều vô thường, là pháp không tồn tại lâu dài, pháp chóng thay đổi, pháp chẳng thể nương tựa. Các hành như vậy không nên tham đắm, mà phải nhàm tởm, ghê sợ, tìm sự xả ly, tìm sự giải thoát.

“Lại nữa, có lúc sáu mặt trời xuất hiện. Khi sáu mặt trời cùng xuất hiện, tất cả đại địa, núi chúa Tu-di, thủy đều bốc khói, tạo thành một đám khói. Ví như thợ gốm lúc mới nhen bếp, tất cả đều bốc khói, tạo thành một đám khói. Cho nên, tất cả các hành đều vô thường, là pháp không tồn tại lâu dài, pháp chóng thay đổi, pháp không thể nương tựa. Các hành như vậy không nên tham đắm mà phải nhàm tởm, ghê sợ, nên tìm sự xả ly, tìm sự giải thoát.

“Lại nữa, có lúc bảy mặt trời xuất hiện. Khi bảy mặt trời xuất hiện, tất cả đại địa, núi chúa Tu-di thủy đều phụt cháy bùng bùng, tạo thành một ngọn lửa rực rỡ. Như vậy, khi bảy mặt trời cùng xuất hiện, thì tất cả đại địa và núi chúa Tu-di thủy đều phụt cháy bùng bùng tạo thành một ngọn lửa. Gió thổi ngọn lửa ấy vươn cho đến trời Phạm thiên. Lúc đó, các vị trời Hoảng Dục⁸ vừa mới sinh lên cõi này, không rõ thành bại của thế

⁶ Đa-la thọ 多羅樹. Pl.: tāla. Cùng loại cây thốt nốt hay cây cọ, dùng làm đơn vị đo chiều cao.

⁷ Trong bản: nhất nhân 一人, chép nhầm. TNM: thập nhân 十人.

⁸ Hoảng dục 晃昱. Các nơi khác: Quang âm thiên 光音天, Cực quang thiên 極

gian. Vì không biết sự thành bại của thế gian, khi thấy ngọn lửa vĩ đại, thấy đều sợ hãi rụng lông mà suy nghĩ như thế này: ‘Lửa không đến đây được chăng? Lửa không đến đây được chăng?’ Các vị trời sinh trước đều biết rõ sự thành bại của thế gian, đều đã thấy việc thành bại của thế gian. Do biết sự thành bại của thế gian, khi thấy ngọn lửa vĩ đại, liền an ủi các vị trời kia rằng: ‘Chớ nên sợ hãi. Lửa cháy chỉ ngang đó, không thể lên đến đây được’.

“Khi bảy mặt trời cùng xuất hiện, núi chúa Tu-di sụp lở, tán hoại, diệt tận, một trăm do-tuần, hai trăm do-tuần, ba trăm do-tuần, [249b] cho đến bảy trăm do-tuần. Khi bảy mặt trời cùng xuất hiện, núi chúa Tu-di và đại địa này cháy tan, hủy diệt, không còn tro than gì cả. Cũng như đốt dầu bơ, cháy cho tiêu hết không còn khói đen⁹. Cũng vậy, khi bảy mặt trời cùng xuất hiện, núi chúa Tu-di và cõi đại địa này cháy không còn tro than. Cho nên, tất cả các hành đều vô thường, là pháp không tồn tại lâu dài, pháp chóng thay đổi, pháp không thể nương tựa. Các hành như vậy không nên tham đắm mà phải nhàm tởm, ghê sợ, tìm sự xả ly, tìm cầu giải thoát.

“Nay Ta nói cho các người biết, ai có thể tin được rằng: ‘Núi chúa Tu-di sẽ sụp đổ?’ Chỉ có những người thấy được sự thật. Nay Ta nói cho các người biết, ai có thể tin được rằng: ‘Nước trong đại hải sẽ khô cạn tất cả?’ Chỉ có những người đã thấy sự thật. Nay Ta nói cho các người biết, ai có thể tin rằng: ‘Tất cả đại địa đều cháy sạch?’ Chỉ có những người đã thấy sự thật. Vì sao vậy?

“Này các Tỳ-kheo, xưa có vị Đại sư tên là Thiện Nhân¹⁰ được các Tiên nhân ngoại đạo tôn làm bậc thầy¹¹, đã xả ly dục ái¹², chứng như ý túc. Đại sư Thiện Nhân có vô lượng trăm ngàn đệ tử. Đại sư Thiện Nhân dạy Phạm thế pháp cho các đệ tử¹³. Khi đại sư Thiện Nhân dạy Phạm thế pháp cho các đệ tử, trong số các đệ tử có người phụng hành không

光天. Pāli: Ābhassarā.

⁹ *Yên mặc* 燄墨. TNM: *yên diêm* 煙焰. No.30: Đốt đèn bằng dầu tồ (bơ), cháy đến hết; đèn tắt, dầu cũng cạn sạch.

¹⁰ Thiện Nhân 善眼. Pāli: Sunetta.

¹¹ Pāli: *satthā... titthakaro*, vị Đạo sư thuộc ngoại đạo.

¹² Pāli: *kāmesu vītarāgo*.

¹³ Phạm thế pháp 梵世法. Pāli: *brahmalokasahavyatāya dhammaṃ*, “pháp dẫn đến sự cộng trú nơi Phạm thiên giới”.

đầy đủ pháp ấy. Người ấy sau khi mạng chung hoặc sinh lên cõi trời Tứ Vương hoặc trời Tam Thập Tam, hoặc trời Diêm-ma, hoặc trời Đâu-suất-đà hoặc sinh lên trời Tha Hóa, hoặc sinh lên trời Tha Hóa Lạc.

“Khi đại sư Thiện Nhân dạy Phạm thế pháp, nếu có người phụng hành đầy đủ pháp ấy, người ấy tu bốn Phạm trụ¹⁴, xả ly các dục, sau khi mạng chung người ấy sinh lên trời Phạm thiên. Lúc ấy đại sư Thiện Nhân nghĩ như vậy: ‘Ta không nên cùng với các đệ tử cùng sinh chung một nơi nào vào đời sau. Nay ta hãy tu thêm tăng thượng từ¹⁵, sau khi tu tăng thượng từ rồi, mạng chung sẽ được sinh lên trời Hoảng Dục’.

“Đại sư Thiện Nhân liền sau đó tu thêm tăng thượng từ. Sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung sinh lên trời Hoảng Dục. Đại sư Thiện Nhân và các đệ tử học đạo không uổng công, đạt được quả báo lớn.

“Này các Tỳ-kheo, các người nghĩ sao? Xưa kia đại sư Thiện Nhân được hàng Tiên nhân ngoại đạo tôn kính là bậc thầy, xả ly dục ái, chứng như ý túc, các người cho là người nào khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Nên biết, đó là Ta vậy. Vào thời đó, Ta là Thiện Nhân Đại sư, được [249c] Tiên nhân ngoại đạo tôn kính là bậc thầy, xả ly dục ái, chứng như ý túc. Lúc đó Ta có vô lượng trăm ngàn đệ tử. Ta dạy Phạm thế pháp cho các đệ tử. Khi Ta dạy Phạm thế pháp, trong số các đệ tử có người phụng hành không đầy đủ pháp ấy. Người ấy sau khi mạng chung hoặc sinh lên cõi trời Tứ Vương hoặc trời Tam Thập Tam, hoặc trời Diêm-ma, hoặc trời Đâu-suất-đà, hoặc sinh lên trời Tha Hóa. Khi Ta dạy Phạm thế pháp, nếu có người phụng hành đầy đủ pháp ấy, người ấy tu bốn Phạm trụ, xả ly các dục, sau khi mạng chung người ấy sinh lên trời Phạm thiên. Lúc đó Ta nghĩ như vậy: ‘Ta không nên cùng với các đệ tử cùng sinh chung một nơi nào vào đời sau. Nay ta hãy tu thêm tăng thượng từ. Sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung sẽ được sinh lên trời Hoảng Dục’. Sau đó, Ta lại tu thêm tăng thượng từ. Sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung được sinh lên trời Hoảng Dục. Thời ấy Ta và các đệ tử học đạo không hư uổng, được quả báo lớn.

¹⁴ Hán: *Phạm thất* 室, tức là *Phạm trụ* 梵住, gồm bốn vô lượng tâm: từ, bi, hỷ và xả. Pāli: Brahnavihāra. Bản Hán hiệu *vihāra* là ngôi nhà, hay tinh xá, thay vì là sự an trụ.

¹⁵ Hán: *tăng thượng từ* 增上慈. Pāli: *uttari mettā*, từ cao hơn.

“Thời ấy Ta thân hành đạo này để lợi ích cho mình và lợi ích kẻ khác, làm lợi ích cho mọi người, cảm thương thế gian, mong cầu nghĩa lợi lợi và thiện ích, mong cầu sự an ổn khoái lạc cho trời và người.¹⁶ Lúc bấy giờ Ta nói pháp chưa đến chỗ rốt ráo; không rốt ráo bạch tịnh, không rốt ráo phạm hạnh. Vì không rốt ráo phạm hạnh nên bấy giờ Ta không xa lìa được sinh, lão, bệnh, tử, than khóc, buồn rầu; cũng chưa thể thoát được tất cả khổ não.

“Này các Tỳ-kheo, Ta nay xuất hiện ở đời, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, Minh Hành Túc,¹⁷ Thiên Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu¹⁸, Thiên Nhân Sư, gọi là Phật Thế Tôn¹⁹.

“Ta nay đã làm lợi ích cho chính mình, cũng làm lợi ích cho kẻ khác, làm lợi cho mọi người, cảm thương thế gian, mong cầu nghĩa lợi lợi và thiện ích, mong cầu sự an ổn khoái lạc cho trời và người. Nay Ta thuyết pháp đã đạt được chỗ rốt ráo, rốt ráo bạch tịnh, rốt ráo phạm hạnh. Do rốt ráo phạm hạnh, Ta nay đã lìa khỏi sinh, lão, bệnh, tử, than khóc, buồn rầu. Nay Ta đã được giải thoát mọi khổ não”.

Đức Phật thuyết giảng như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

¹⁶ Hán: mẫn thương thế gian vị thiên vị nhân cầu nghĩa lợi cập nhiều ích, cầu an ổn khoái lạc 愍傷世間為天為人求義及饒益求安隱快樂. Pāli. thành cú: *lokānukampāya atthāya hitāya sukhāya devanamanussānam*, vì mục đích thương tưởng thế gian, vì mục đích lợi ích và an lạc cho chư thiên và loài người. Bản Hán hiểu *attha* là (ý) nghĩa, thay vì là sự lợi ích, hay mục đích.

¹⁷ Nguyên Hán: Minh Hành thành vi 明行成為. Pl.: vijjācaraṇasampanno, vị đã thành tựu đủ cả Minh (trí) và Hành (giới).

¹⁸ Nguyên Hán: Đạo Pháp Ngự 道法御, thường nói là “Điều Ngự Trượng Phu” 調御丈夫. Pāli: *purisadammasārathi*. Ở đây, bản Hán đọc là *dhamma* (pháp: đạo pháp), thay vì *dama* (điều phục, huấn luyện) như thường biết. Hán dịch cũng dễ rơi mất từ *purisa*: con người. Phật là vị huấn luyện con người, và đánh xe đưa người qua sa nặc sinh tử nên gọi là “điều ngự trượng phu”. Bản Hán thiếu, cần bổ túc cho đủ nghĩa thường hiểu.

¹⁹ Nguyên Hán: Chúng Hữu 眾祐, Đẳng phù hộ mọi loài. Thương biết với hiệu là Thế Tôn. Pāli: Bhagavant.



9. KINH THẤT XÁ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại thành Vương Xá, trong tinh xá Trúc Lâm, cùng an cư mùa mưa [430a] với đại chúng Tỳ-kheo.

Tôn giả Mãn Từ Tử¹ cũng an cư mùa mưa tại sinh quán mình. Lúc bấy giờ các Tỳ-kheo địa phương, sau khi đã trải qua ba tháng an cư mùa mưa, khâu vá lại các y đã xong, xếp y, cầm bát, từ sinh quán đi về phía thành Vương Xá. Lần lượt đi về phía trước, đến thành Vương Xá, trú ở tinh xá Trúc Lâm, tại thành Vương Xá.

Bấy giờ các Tỳ-kheo địa phương tới trước Thế Tôn, cúi đầu lễ bái rồi ngồi sang một bên. Thế Tôn hỏi rằng:

“Các Tỳ-kheo, các người từ đâu đến đây? An cư mùa mưa ở đâu?”

Các Tỳ-kheo địa phương ấy thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, chúng con từ sinh quán tới đây và an cư mùa mưa tại sinh quán”.

Thế Tôn hỏi:

“Trong các Tỳ-kheo địa phương, Tỳ-kheo nào được các Tỳ-kheo khen ngợi rằng: ‘Tự mình thiếu dục, tri túc và khen ngợi thiếu dục, tri túc; tự mình độc cư² và khen ngợi độc cư; tự mình tinh tấn và khen ngợi tinh tấn; tự mình chính niệm và khen ngợi chính niệm; tự mình nhất tâm và khen ngợi nhất tâm; tự mình có trí tuệ và khen ngợi trí tuệ; tự mình lậu tận và khen ngợi lậu tận; tự mình khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ³ và khen ngợi khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ’ chẳng?”

Các Tỳ-kheo địa phương bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, Tôn giả Mãn Từ Tử ở nơi sinh quán của mình, được các Tỳ-kheo khen ngợi rằng: ‘Tự mình thiếu dục, tri túc và khen ngợi thiếu dục tri túc; tự mình độc cư và khen ngợi độc cư; tự mình tinh tấn và khen

¹ Mãn Từ Tử 滿慈子 (Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử). Pāli: Puṇṇa Mantāniputta.

² Hán: *nhàn cư* 閑居. Pāli: paviveka, (sống) độc cư, nhàn cư, ẩn dật.

³ Hán: *tự khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ* 自勸發渴仰成就歡喜.

Pāli: *ovāḍako viññāpako sandassako samādapako samuttejako sampahamsako*: vị giáo giới, vị giáo thọ, vị khai thị, vị khích lệ (sách tấn), vị làm cho các đồng phạm hạnh hoan hỷ.

ngợi tinh tấn; tự mình chính niệm và khen ngợi chính niệm; tự mình nhất tâm và khen ngợi nhất tâm; tự mình có trí tuệ và khen ngợi trí tuệ; tự mình lâu tận và khen ngợi lâu tận; tự mình khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ và khen ngợi khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ’.”

Lúc bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất⁴ đang ngồi giữa đại chúng. Tôn giả Xá-lợi-phất suy nghĩ như vậy: “Thế Tôn theo sự thật mà hỏi các Tỳ-kheo địa phương kia. Các Tỳ-kheo địa phương vô cùng khen ngợi Hiền giả Mãn Từ Tử, là người ‘Tự mình thiếu dục, tri túc và khen ngợi thiếu dục, tri túc; tự mình độc cư và khen ngợi độc cư; tự mình tinh tấn và khen ngợi tinh tấn; tự mình chính niệm và khen ngợi chính niệm; tự mình nhất tâm và khen ngợi nhất tâm; tự mình có trí tuệ và khen ngợi trí tuệ; tự mình lâu tận và khen ngợi lâu tận; tự mình khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ và khen ngợi khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ’.”

Tôn giả Xá-lợi-phất lại suy nghĩ: “Biết lúc nào tôi mới gặp Hiền giả Mãn Từ Tử để hỏi một vài nghĩa lý? Hiền giả ấy hoặc có thể nghe và trả lời những điều tôi hỏi”.

Bấy giờ Thế Tôn, [430b] sau khi trải qua ba tháng an cư mùa mưa ở thành Vương Xá, khâu vá y xong, bèn xếp y, ôm bát, từ thành Vương Xá đi đến nước Xá-vệ, lần lượt tiến về phía trước, đến nước Xá-vệ, trú trong rừng Thắng Lâm Lâm Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Tôn giả Xá-lợi-phất và các Tỳ-kheo địa phương cùng ở lại Vương Xá vài ngày, rồi xếp y, ôm bát, đi đến nước Xá-vệ, lần lượt tiến về phía trước, đến nước Xá-vệ, cùng ở tại rừng Thắng Lâm Lâm Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Lúc bấy giờ Tôn giả Mãn Từ Tử ở tại sinh quán mình, sau khi đã trải qua ba tháng an cư mùa mưa, đã khâu vá lại các y, rồi xếp y, ôm bát, từ quê quán mình đi đến nước Xá-vệ, lần lượt tiến về phía trước, đến nước Xá-vệ, cùng ở trong rừng Thắng Lâm Lâm Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Tôn giả Mãn Từ Tử đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu làm lễ, rồi trải ni-sur-đàn phía trước Như Lai mà ngồi kiết già.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi các Tỳ-kheo rằng:

“Này Chư Hiền, vị nào là Hiền giả Mãn Từ Tử?”

⁴ Nguyên bản: Xá-lợi-phất 舍梨子. Pāli: Sāriputta.

Các Tỳ-kheo bạch Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Xin thưa, vị ngồi trước Như Lai, trắng trẻo, mũi cao như mỏ chim oanh vũ, là vị ấy”.

Tôn giả Xá-lợi-phất đã biết đúng mặt Mãn Từ Tử, liền ghi nhớ kỹ. Tôn giả Mãn Từ Tử sau khi qua đêm, trời hừng sáng, xếp y, cầm bát, đi vào Xá-vệ để khát thực. Sau khi ăn trưa xong lại, chải dọn y bát, rửa tay chân, vắt ni-sư-đàn lên vai, đến rừng An-đà⁵, chỗ đi kinh hành. Tôn giả Xá-lợi-phất cũng sau khi qua đêm, trời hừng sáng, xếp y, cầm bát, đi vào Xá-vệ để khát thực. Sau khi ăn trưa xong lại, chải dọn y bát, rửa tay chân, vắt ni-sư-đàn lên vai, đến rừng An-đà, chỗ đi kinh hành.

Bấy giờ Tôn giả Mãn Từ Tử đến rừng An-đà, trái Ni-sư-đàn dưới một gốc cây, ngồi kiết già. Tôn giả Xá-lợi-phất cũng đến rừng An-đà, cách Tôn giả Mãn Từ Tử không xa, trái Ni-sư-đàn dưới một gốc cây ngồi kiết già.

Tôn giả Xá-lợi-phất vào lúc xế chiều, rời chỗ thiền tọa, đi đến chỗ Mãn Từ Tử, cùng chào hỏi nhau rồi ngồi sang một bên, và hỏi Tôn giả Mãn Từ Tử rằng:

“Này Hiền giả, phải chăng Hiền giả theo Sa-môn Cù-đàm tu phạm hạnh?”

Đáp rằng:

“Đúng vậy”

“Này Hiền giả, vì lý do gì, có phải vì giới thanh tịnh⁶ nên ngài theo Sa-môn Cù-đàm tu phạm hạnh chăng?”

Đáp rằng:

“Thưa, không phải vậy”.

“Vì tâm thanh tịnh⁷, vì kiến thanh tịnh⁸, vì nghi thanh tịnh⁹, vì [430c] đạo

⁵ An-đà lâm 安陀林. Pāli: Andhavana.

⁶ Hán: *giới tịnh cố* 戒淨故. Pāli: *sīlavisuddhattham*: mục đích là sự thanh tịnh của giới đức.

⁷ Hán: *tâm tịnh* 心淨. Pāli: *cittavisuddha*.

⁸ Hán: *kiến tịnh* 見淨. Pāli: *dīṭṭhivissuddha*.

⁹ Hán: *nghi cái tịnh* 疑蓋淨. Pāli: *kaṅkhāvitaraṇavisuddha*, độ nghi tịnh, trừ nghi tịnh: “thanh tịnh do vượt qua sự hoài nghi”. Bản Hán đọc là

phi đạo tri kiến thanh tịnh¹⁰, vì đạo tích tri kiến¹¹ thanh tịnh, vì đạo tích đoạn trí thanh tịnh¹² nên Hiền giả theo Sa-môn Cù-đàm tu phạm hạnh chăng?”

Đáp: “Không phải vậy”

Lại hỏi:

“Tôi vừa hỏi Hiền giả rằng: ‘Phải chăng Hiền giả theo Sa-môn Cù-đàm tu phạm hạnh?’ Hiền giả đáp: ‘Đúng vậy’. Rồi tôi hỏi Hiền giả: ‘Có phải vì giới thanh tịnh nên Hiền giả theo Sa-môn Cù-đàm tu phạm hạnh chăng?’ thì Hiền giả đáp: ‘Không phải vậy’; ‘Có phải vì tâm thanh tịnh, vì kiến thanh tịnh, vì nghi thanh tịnh, vì phi đạo tri kiến thanh tịnh, vì đạo tích tri kiến thanh tịnh, vì đạo tích đoạn trí thanh tịnh nên Hiền giả theo Sa-môn Cù-đàm tu phạm hạnh chăng?’ thì Hiền giả cũng lại đáp rằng ‘Không phải vậy’. Nhưng theo ý nghĩa nào¹³ mà Hiền giả theo Sa-môn Cù-đàm tu phạm hạnh?”

Đáp: “Này Hiền giả, vì Vô dư Niết-bàn vậy¹⁴”.

Lại hỏi:

“Thế nào, này Hiền giả, có phải vì giới thanh tịnh nên Sa-môn Cù-đàm thi thiết Vô dư Niết-bàn chăng?”¹⁵

“Đáp: “Không phải vậy”.

Lại hỏi:

kaṅkhāvaraṇavisuddha, “thanh tịnh đối với sự bao trùm của hoài nghi”.

¹⁰ Hán: *đạo phi đạo tri kiến tịnh* 道非道知見淨. Pāli: *maggāmaggañāṇa-dassanavisuddha*, thanh tịnh do thấy và biết về đạo và phi đạo.

¹¹ Hán: *đạo tích tri kiến tịnh* 道跡知見淨. Pāli: *paṭipadāñāṇadassanavisuddha*, thanh tịnh do tri kiến về phương pháp hành trì (đạo tích).

¹² Hán: *đạo tích đoạn trí tịnh* 道跡斷智淨, sự thanh tịnh do nhận thức toàn diện về đường lối hành trì. Pāli: *ñāṇadassanavisuddha*, thanh tịnh do tri kiến.

¹³ Hán: *dĩ hà nghĩa* 以何義. Pāli: *kim attham*, có mục đích gì?

¹⁴ Hán: *Vô dư Niết-bàn* 無餘涅槃. Pāli: *anupādāparinibbāna*, Niết-bàn không còn chấp thủ.

¹⁵ Hán: dĩ ... cố 以 ...故, vì mục đích. Nhưng, theo bản Pāli (M. i. 148): *kim nu kho sīlavisuddhi anupādāparinibbānaṃ*, phải chăng (Thế Tôn nói) sự giới tịnh là vô thủ trước Niết-bàn? Xem thêm cht, tiếp theo.

“Vì vì tâm thanh tịnh, vì kiến thanh tịnh, vì nghi thanh tịnh, vì đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh, vì đạo tích tri kiến thanh tịnh, vì đạo tích đoạn trí thanh tịnh nên Hiền giả theo Sa-môn Cù-đàm thi thiết Vô dư Niết-bàn chẳng?”

“Đáp: “Không phải vậy”.

Lại hỏi:

“Tôi vừa hỏi Hiền giả, ‘Thế nào, này Hiền giả, có phải vì giới thanh tịnh nên Sa-môn Cù-đàm thi thiết Vô dư Niết-bàn chẳng?’ Hiền giả đáp: ‘Không phải vậy’. ‘Vì tâm thanh tịnh, vì kiến thanh tịnh, vì nghi thanh tịnh, vì đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh, vì đạo tích tri kiến thanh tịnh, vì đạo tích đoạn trí thanh tịnh nên Sa-môn Cù-đàm thi thiết Vô dư Niết-bàn chẳng?’ Vậy những điều Hiền giả nói có ý nghĩa gì? Làm thế nào để biết được?”

Đáp rằng:

“Này Hiền giả: Nếu vì giới thanh tịnh mà Thế Tôn, Sa-môn Cù-đàm thi thiết Vô dư Niết-bàn, thì đó là lấy hữu dư mà gọi vô dư. Nếu vì tâm thanh tịnh, vì tri kiến thanh tịnh, vì nghi cái thanh tịnh, vì đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh, vì đạo tích tri kiến thanh tịnh, vì đạo tích đoạn trí thanh tịnh mà Thế Tôn Sa-môn Cù-đàm thi thiết Vô dư Niết-bàn, thì tức là lấy hữu dư mà gọi là vô dư¹⁶.

“Này Hiền giả, nếu ngoài những pháp đó¹⁷ mà Thế Tôn thi thiết Vô dư Niết-bàn thì phạm phu cũng sẽ Bát-niết-bàn, bởi vì phạm phu cũng ở ngoài các pháp đó¹⁸.

“Này Hiền giả, nhưng do giới thanh tịnh, cho nên tâm thanh tịnh; do tâm thanh tịnh cho nên kiến thanh tịnh; do kiến thanh tịnh cho nên nghi cái [431a] thanh tịnh; do nghi cái thanh tịnh cho nên đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh; do đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh cho nên đạo tích tri kiến thanh tịnh; do đạo tích tri kiến thanh tịnh cho nên đạo tích đoạn trí thanh

¹⁶ So sánh bản Pāli: *sīlavisuddhiñ ce āvuso Bhagavā anupādāparinibbānaṃ paññāpeyya, sa-upādānaṃ yeva samānaṃ anupādā parinibbānaṃ paññāpeyya, ...* “Nếu Thế Tôn tuyên bố (thi thiết) giới thanh tịnh là Vô dư Niết-bàn thì Ngài cũng tuyên bố Vô dư Niết-bàn bình đẳng với Hữu dư...”

¹⁷ Tức ngoài những pháp đã kể: giới tịnh, cho đến, tri kiến tịnh.

¹⁸ Nghĩa là, phạm phu không có giới tịnh, cho đến, tri kiến tịnh.

tịnh; do đạo tích đoạn trí tịnh, cho nên Thế Tôn Sa-môn Cù-đàm thi thiết Vô dư Niết-bàn.

“Hiền giả, xin hãy nghe thêm. Xưa, vua xứ Câu-tát-la là Ba-tư-nặc ở nước Xá-vệ, có việc ở Sa-kê-đế¹⁹. vua suy nghĩ như vậy: ‘Dùng phương tiện gì để trong một ngày đi từ Xá-vệ đến Sa-kê-đế được?’ Lại suy nghĩ như vậy: ‘Nay ta nên từ Xá-vệ đến Sa-kê-đế, ở giữa đường đó, bố trí bảy cỗ xe’. Rồi thì, từ Xá-vệ đến Sa-kê-đế, ở giữa đường đó, vua bố trí bảy cỗ xe. Bố trí bảy cỗ xe xong, từ Xá-vệ vua đi đến cỗ xe thứ nhất, ngồi trên cỗ xe thứ nhất đi đến cỗ xe thứ hai. Rồi bỏ cỗ xe thứ nhất cỡi cỗ xe thứ hai đến xe thứ ba; bỏ cỗ xe thứ hai ngồi trên cỗ xe thứ ba đến cỗ xe thứ tư; bỏ cỗ xe thứ ba ngồi trên cỗ xe thứ tư đến cỗ xe thứ năm; bỏ cỗ xe thứ tư ngồi trên cỗ xe thứ năm đến cỗ xe thứ sáu; bỏ cỗ xe thứ năm ngồi trên cỗ xe thứ sáu đến cỗ xe thứ bảy; bỏ cỗ xe thứ sáu ngồi trên cỗ xe thứ bảy; trong một ngày là đến Sa-kê-đế.

“Sau khi làm việc xong ở Sa-kê-đế, ngồi trong chính điện của vua, với các đại thần vây quanh. Quần thần tâu rằng:

“Tâu Thiên vương, phải chăng chỉ trong một ngày mà Thiên vương đi từ Xá-vệ đến Sa-kê-đế?

“Vua nói: Đúng vậy.

“Tâu Thiên vương, có phải Thiên vương cỡi cỗ xe thứ nhất mà trong một ngày đi từ Xá-vệ đến Sa-kê-đế?

“Vua nói:

“Không phải vậy.

“Có phải Ngài cỡi cỗ xe thứ hai, cỗ xe thứ ba cho đến cỗ xe thứ bảy từ Xá-vệ đến Sa-kê-đế?

“Không phải vậy.

“Thế nào, này Hiền giả, nếu quần thần lại hỏi nữa, Ba-tư-nặc quốc vương xứ Câu-tát-la sẽ đáp thế nào? Có phải vua trả lời cho quần thần rằng:

“Ta ở Xá-vệ có việc ở Sa-kê-đế, ta nghĩ thế này: ‘Dùng phương tiện gì để trong một ngày đi từ Xá-vệ đến Sa-kê-đế được?’ Lại suy nghĩ như vậy: ‘Nay ta nên từ Xá-vệ đến Sa-kê-đế, ở giữa đường đó, bố trí bảy cỗ xe’.

¹⁹ Sa-kê-đế 娑雞帝; các bản Hán đều viết Bà-kê-đế 婆雞帝. Nay theo âm Pāli tương đương sửa lại. Pāli: Sakēta, một thành phố ở phía Bắc Kosala.

Rồi thì, từ Xá-vệ đến Sa-kê-đế, ở giữa đường đó, ta bố trí bảy cỗ xe. Bố trí bảy cỗ xe xong, từ Xá-vệ ta đi đến cỗ xe thứ nhất, ngồi trên cỗ xe thứ nhất đi đến cỗ xe thứ hai. Rồi bỏ cỗ xe thứ nhất cỡi cỗ xe thứ hai đến cỗ xe thứ ba; bỏ cỗ xe thứ hai [431b] ngồi trên cỗ xe thứ ba đến cỗ xe thứ tư; bỏ cỗ xe thứ ba ngồi trên cỗ xe thứ tư đến cỗ xe thứ năm; bỏ cỗ xe thứ tư ngồi trên cỗ xe thứ năm đến cỗ xe thứ sáu; bỏ cỗ xe thứ năm ngồi trên cỗ xe thứ sáu đến cỗ xe thứ bảy; bỏ cỗ xe thứ sáu ngồi trên cỗ xe thứ bảy; trong một ngày là đến Sa-kê-đế.

“Nhu vậy! Thừa Hiền giả, Ba-tư-nặc, vua xứ Câu-tát-la, trả lời câu hỏi của quần thần như vậy.

“Cũng vậy, thừa Hiền giả, vì giới thanh tịnh mà tâm thanh tịnh, vì tâm thanh tịnh nên trí kiến thanh tịnh, vì trí kiến thanh tịnh nên nghi cái thanh tịnh, vì nghi cái thanh tịnh, nên đạo phi đạo trí kiến thanh tịnh, vì đạo phi đạo trí kiến thanh tịnh nên đạo trí kiến thanh tịnh, vì đạo tích trí kiến thanh tịnh nên đạo tích đoạn trí thanh tịnh, vì đạo tích đoạn trí thanh tịnh nên Thế Tôn thi thiết Vô dư Niết-bàn”.

Bây giờ Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả Mãn Từ Tử:

“Hiền giả tên là gì? Các đồng phạm hạnh²⁰ gọi Hiền giả như thế nào?”

Tôn giả Mãn Từ Tử trả lời rằng:

“Hiền giả, tôi hiệu²¹ là Mãn. Thân mẫu tôi tên Từ, do đó các đồng phạm hạnh gọi tôi là Mãn Từ Tử”.

Tôn giả Xá-lợi-phất tán thán rằng:

“Lành thay! Lành thay! Tôn giả Mãn Từ Tử! Là đệ tử của Đức Như Lai, trí biện hoàn hảo²², thông minh, quyết định, an lạc vô úy, thành tựu sự chế ngự, đạt đến đại biện tài, được phước cam lồ²³, ở trong cam lồ giới²⁴ tự mình đã chứng ngộ, thành tựu và an trụ. Vì khi hỏi Hiền giả những ý

²⁰ Hán: *phạm hạnh nhân* 梵行人. Pāli: *sabrahmacarī*, đồng phạm hạnh, bạn đồng tu.

²¹ Hán: *ngã hiệu* 我號, bản Tống: *ngã phụ hiệu* 我父號, tên cha. Pāli: *Puṇṇa...* me... Nāmaṃ, tên tôi là Puṇṇa.

²² Hán: *sở tác trí biện* 所作智辯.

²³ Hán: *cam lộ tràng* 甘露幢. Pāli: *amataketu* (?); từ điển Pāli không có từ này.

²⁴ Hán: *cam lộ giới* 甘露界, đồng nghĩa với Niết-bàn giới. Pāli: *amatadhātu*: bất tử giới

nghĩa vô cùng sâu xa thấy đều được trả lời. Hiền giả Mãn Từ Tử, những đồng phạm hạnh sẽ được nhiều lợi ích, nếu gặp được Tôn giả Mãn Từ Tử, tùy thời mà thăm viếng, tùy thời mà lễ bái. Nay tôi cũng được lợi ích, tùy thời mà thăm viếng, tùy thời mà lễ bái. Những đồng phạm hạnh nên quán y trên đầu đề đội Hiền giả Mãn Từ Tử, vì để được nhiều lợi ích. Nay tôi cũng được nhiều lợi ích, tùy thời mà thăm viếng, tùy thời mà lễ bái”.

Tôn giả Mãn Từ Tử hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Hiền giả tên gọi là gì? Các đồng phạm hạnh gọi Hiền giả như thế nào?”

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời rằng:

“Tôi tự là Ưu-ba-đề-xá²⁵. Thân mẫu tôi là Xá-lợi²⁶, nên những đồng phạm hạnh gọi tôi là Xá-lợi-phất”.

Hiền giả Mãn Từ Tử tán thán rằng:

“Hôm nay tôi đã bàn luận với vị đệ tử ngang hàng Thế Tôn²⁷ mà không biết, cùng với bậc Đệ nhị tôn²⁸ luận bàn mà không biết, cùng với vị Pháp tướng²⁹ luận bàn mà không biết, cùng luận bàn với vị đệ tử tiếp tục vận chuyển pháp luân đã được vận chuyển³⁰ mà không biết. Nếu tôi biết Tôn giả là [431c] Xá-lợi-phất thì tôi đã không trả lời nổi một câu, huống chi lại luận bàn sâu xa như thế. Lành thay! Lành thay! Tôn giả Xá-lợi-phất, là đệ tử của Đức Như Lai, trí biện hoàn hảo, thông minh, quyết định, an lạc vô úy, thành tựu sự chế ngự, đạt đến đại biện tài, được phước cam lồ, ở trong cam lồ giới tự mình đã chứng ngộ, thành tựu và an trụ. Vì Hiền giả đã hỏi những ý nghĩa vô cùng sâu xa. Hiền giả Xá-lợi-phất, những đồng phạm hạnh sẽ được nhiều lợi ích, nếu gặp được Tôn giả Xá-lợi-phất, tùy thời mà thăm viếng, tùy thời mà lễ bái. Nay tôi cũng được lợi ích, tùy

²⁵ Ưu-ba-đề-xá 優波鞞舍. Pāli: Upatissa.

²⁶ Xá-lê 舍梨. Pāli: Sārī.

²⁷ Đề bản: Thế Tôn đệ tử 世尊弟子. TNM: *Thế Tôn đẳng đệ tử* 世尊等弟子. Pāli: *satthukappena vata kira bho sāvakena*, (cùng với) vị đệ tử được xem là ngang hàng với Đạo Sư.

²⁸ Đệ nhị tôn 第二尊. Nói như vậy, vì Ngài Xá-lợi-phất được kính trọng dưới Đức Phật chỉ một bậc.

²⁹ Pháp tướng 法將, vị tướng quân của chính pháp. Pāli: *dhammasenapāṭi*.

³⁰ Hán: *chuyển pháp luân phục chuyển đệ tử* 轉法輪復轉弟子, nghĩa là hỗ trợ Phật chuyển pháp luân.

thời mà thăm viếng, tùy thời mà lễ bái. Những đồng phạm hạnh nên quán y trên đầu để đội Hiền giả Xá-lợi-phất, vì để được nhiều lợi ích. Nay tôi cũng được nhiều lợi ích, tùy thời mà thăm viếng, tùy thời mà lễ bái”.

Hai vị Hiền giả khen ngợi nhau như vậy. Cùng khen ngợi nhau như vậy rồi, hoan hỷ phụng hành, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trở về chỗ nghỉ của mình.



10. KINH LẬU TẬN

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú ở Câu-lâu-sấu¹, tại đô ấp Kiếm-ma-sắt-đàm,² đô ấp của Câu-lâu.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Do tri, do kiến mà các lậu³ bị tận diệt chứ không phải do không tri, không kiến.

“Sao gọi là do tri, do kiến mà các lậu bị tận diệt? Đó là do có chính tư duy và không chính tư duy⁴. Nếu không chính tư duy thì dục lậu chưa sinh sẽ sinh; đã phát sinh liền tăng trưởng; hữu lậu, vô minh lậu chưa sinh sẽ phát sinh; đã phát sinh liền tăng trưởng. Nếu có chính tư duy thì dục lậu chưa sinh sẽ không sinh, đã sinh liền tiêu diệt. Hữu lậu và vô minh lậu chưa sinh sẽ không sinh; đã sinh liền tiêu diệt.

“Những người phàm phu ngu si, không được nghe chính pháp, không được gặp bậc chơn tri thức, không biết Thánh pháp, không được điều phục trong Thánh pháp⁵ không biết pháp như thật. Nếu không có chính tư duy, dục lậu chưa sinh sẽ phát sinh, đã phát sinh liền tăng trưởng; hữu lậu và vô minh lậu chưa sinh sẽ phát sinh; đã phát sinh liền tăng trưởng. Nếu có chính tư duy, dục lậu chưa sinh sẽ không phát sinh, đã phát sinh liền tiêu diệt; hữu lậu và vô minh lậu chưa sinh sẽ không phát

¹ Câu-lâu-sấu 拘樓瘦, phiên âm tương đương Pāli: Kurusu, giữa những người (nước) Kuru. Nhưng, Pāli, M.2: Sāvattthiyam viharati Jetavane..., trú ở Xá-vệ, trong rừng Jeta... No.125 (40.6) cũng vậy, Xá-vệ Kỳ thọ Cấp Cô Độc viên. No.31, Phật tại Câu-lưu, Tu hội pháp nghị tư duy.

² Kiếm-ma-sắt-đàm Câu-lâu đô ấp 劍磨瑟曇拘樓都邑. Pāli: Kammāsadhamma, thủ phủ của những người Kurū.

³ No 31: lưu 流.

⁴ chính tư duy bất chính tư duy 正思惟不 思惟. No.31. Bốn quán, phi bốn quán 本觀 非本觀, suy niệm đúng đắn và suy niệm không đúng đắn. Pāli: *yoniso ca manasikāraṃ ayoniso ca manasikāraṃ*, có như lý tác ý và không như lý tác ý (hý luận có phương pháp và không có phương pháp).

⁵ Hán: bất điều ngự Thánh pháp 不調御聖法, nghĩa là, không được huấn luyện, hay điều phục theo Thánh pháp. Pl.: *ariyadhamme avinīto*.

sinh; đã phát sinh liền tiêu diệt. Vì không biết pháp như thật do đó pháp không nên niệm lại niệm, pháp nên niệm lại không niệm. Vì pháp không nên niệm lại niệm, pháp nên niệm lại không niệm, nên dục lậu chưa sinh sẽ phát sinh, đã sinh liền tăng trưởng; hữu lậu và [432a] vô minh lậu chưa sinh liền phát sinh, đã sinh liền tăng trưởng.

“Thánh đệ tử đa văn được nghe Thánh pháp, được gặp bậc chơn trí thức, được điều phục theo Thánh pháp, biết pháp như thật, nhưng nếu không có chính tư duy, thì dục lậu chưa sinh sẽ phát sinh, đã sinh liền tăng trưởng; hữu lậu và vô minh lậu chưa sinh liền phát sinh, đã sinh liền tăng trưởng. Nếu có chính tư duy, dục lậu chưa sinh sẽ không sinh, đã sinh liền tiêu diệt; hữu lậu và vô minh lậu chưa sinh sẽ không phát sinh, đã sinh liền tiêu diệt. Sau khi biết pháp như thật, pháp không nên niệm thì không niệm, pháp nên niệm liền niệm. Vì không niệm pháp không nên niệm và niệm pháp nên niệm, nên dục lậu chưa sinh sẽ không phát sinh, đã sinh liền tiêu diệt; hữu lậu và vô minh lậu chưa sinh sẽ không phát sinh, đã sinh liền tiêu diệt.

“Có bảy sự đoạn trừ lậu, phiền não, pháp ưu sầu. Những gì là bảy? Có lậu được đoạn do kiến, có lậu được đoạn do hộ, có lậu được đoạn do ly, có lậu được đoạn do dụng, có lậu được đoạn do nhẫn, có lậu được đoạn do trừ, có lậu được đoạn do tư duy.

“Thế nào là lậu được đoạn do kiến⁶? Kẻ phàm phu không được nghe chính pháp, không gặp bậc chơn trí thức, không biết Thánh pháp, không được điều phục trong Thánh pháp, không biết như thật về pháp, không có chính tư duy nên suy nghĩ thế này: ‘Ta có đời quá khứ?’⁷ Ta không có đời quá khứ? Do nhân duyên gì ta có đời quá khứ? Đời quá khứ ta như thế nào? Ta có đời vị lai? Ta không có đời vị lai? Do nhân duyên gì ta có đời vị lai? Ta có đời vị lai như thế nào?’ Người ấy hoài nghi về mình rằng⁸: “Thân ta là gì, nó là thế nào?”⁹ Nay chúng sinh này

⁶ Lậu từng kiến đoạn 漏從見斷. Pāli: *āsavā dassanā pahātabbā*.

⁷ Pāli (M. i. 7): *ahosim nu kho aham atītam addhānam*, “Ta đã hiện hữu trong đời quá khứ chăng?”

⁸ Hán: *tự nghi* 自疑, ở đây, hoài nghi về sự hiện hữu của mình trong đời hiện tại. Pāli: *paccupānnaṃ addhānaṃ kathaṃkathī hoti*.

⁹ Hán: *kỷ thân hà vị thị, vân hà thị* 己身何謂是云何是. Pāli: *kin nu kho ‘smi*,

từ đâu đến, và sẽ đi về đâu? Trước kia do nhân gì mà có, và sẽ do nhân gì mà có?’ Người kia khởi tư duy không chính như vậy rồi, trong sáu tà kiến, một tà kiến khởi lên cho rằng ‘Quả thật có tự ngã¹⁰’. Hoặc một tà kiến khởi lên cho rằng ‘Quả thật không có tự ngã’. Hoặc một tà kiến khởi lên cho rằng ‘Tự ngã thấy là tự ngã¹¹’. Hoặc một tà kiến khởi lên cho rằng ‘Tự ngã thấy là phi tự ngã¹²’. Hoặc một tà kiến khởi lên cho rằng ‘Chính tự ngã ấy có thể thấy, có thể biết, có thể hành động, có thể sai khiến hành động, có thể đứng dậy, có thể sai khiến đứng dậy, sinh vào nơi này, nơi kia, thọ lãnh thiện báo, ác báo; quyết không từ đâu đến, quyết không phải đã có, quyết không phải sẽ có¹³’. Đó tẻ của kiến¹⁴; bị kiến lay động, bị kết sử của kiến buộc chặt. Kẻ phạm phu ngu si vì thế mà phải chịu cái khổ của sinh, lão, bệnh, tử. “Đa văn Thánh đệ tử được nghe Thánh pháp, gặp bậc chơn tri thức, được điều phục theo Thánh pháp, biết pháp như thật, biết như thật về Khổ, [432b] biết Khổ tập, biết Khổ diệt và biết như thật Khổ diệt đạo. Biết như thật như thế rồi, ba kết tận trừ. Khi ba kết là thân kiến, giới thủ, và nghi đã trừ hết, chứng quả Tu-đà-hoàn, không còn đọa lạc ác pháp, chắc chắn thẳng tiến đến chính giác, thọ sinh tối đa bảy đời trong thiên thượng và nhân gian. Sau bảy lần qua lại liền đoạn tận khổ biên. Nếu không có tri kiến, bức rức, ưu buồn bèn phát sinh. Có tri kiến, bức rức, ưu buồn

kathan nu kho ‘smi, “Tại sao ta hiện hữu? Ta hiện hữu như thế nào?”

¹⁰ Hán: *chân hữu thần* 真有神, tự ngã được biết như là linh hồn hay thần hồn.

Pāli: *atthi me attā ti*, “Ta có tự ngã”.

¹¹ Thần kiến thần 神見神. No.31: Tự kế thân thân kiến 自計身身見. Pāli: *attanā va attānaṃ samjānāmīti*, “do tự mình, tôi biết có tự ngã”.

¹² Hán: *thần kiến phi thần* 神見非神. Pāli: *attanā va anattānaṃ samjānāmīti*, “Không do tự mình, tôi biết có tự ngã.”

¹³ Hán: định vô sở tùng lai..., 定無所從來. Pāli: *so kho pana me ayaṃ attā nicco dhuvo sassato avipariṇāmadhammo sassatisamaṃ tath’eva ṭhassatīti*, “Tự ngã của ta ấy thường trụ, kiên cố, vĩnh hằng, không biến dịch, tồn tại vĩnh cửu”.

¹⁴ Hán: *kiến chi tẻ* 見之弊... Pl. ibid.: *idaṃ vuccati... diṭṭhigataṃ diṭṭhigahanam diṭṭhikantāram diṭṭhivisūkaṃ diṭṭhivipphanditaṃ diṭṭhisamyojanam*, “Đó được gọi là sở hành của tà kiến, rừng rậm của tà kiến, đường hiểm của tà kiến, tranh chấp của tà kiến, sự náo động của tà kiến, sự trói buộc của tà kiến”.

không phát sinh. Đó là lậu được đoạn trừ do kiến.

“Các lậu được đoạn trừ do hộ¹⁵ là gì? Tỳ-kheo khi sắc được thấy bởi mắt mà nhãn căn được phòng hộ thì sẽ do chính tư duy mà nó được nhìn thấy là bất tịnh vậy. Nếu nhãn căn không được phòng hộ, sẽ do không chính tư duy mà nó được nhìn thấy là tịnh. Nếu không phòng hộ bức rức, ưu buồn phát sinh. Nếu có phòng hộ, bức rức, ưu buồn không phát sinh. Cũng vậy, với tai, mũi, lưỡi, thân và ý biết pháp mà có phòng hộ ý căn, thì sẽ do chính tư duy mà nhìn thấy đó là bất tịnh, nếu không phòng hộ ý căn thì sẽ do không chính tư duy mà nhìn thấy đó là tịnh. Nếu không phòng hộ, bức rức, ưu buồn phát sinh. Nếu có phòng hộ, bức rức, ưu buồn không phát sinh. Đó là các lậu được đoạn trừ do hộ.

“Các lậu được đoạn trừ do ly¹⁶ là gì? Tỳ-kheo khi thấy voi dữ thì nên xa lánh; thấy ngựa dữ, trâu dữ, chó dữ, rắn độc, đường hiểm, nhà tiểu, hầm hổ, sông ngòi, suối sâu, vách núi, ác tri thức, ác bằng hữu, ác dị đạo, chòm xóm xấu, nơi cư trú xấu, hoặc Tỳ-kheo khi ở chung một chỗ với các đồng phạm hạnh khiến cho người không nghi ngờ mà sinh nghi ngờ, là những trường hợp phải nên xa lánh¹⁷. Hãy nên xa lánh tất cả ác tri thức, ác bằng hữu, ác ngoại đạo, ác dị đạo, chòm xóm xấu, nơi cư trú xấu, hoặc Tỳ-kheo khi ở chung một chỗ với các đồng phạm hạnh khiến cho người không nghi ngờ mà sinh nghi ngờ. Nếu không xa lánh thì khởi sinh bức rức, ưu buồn. Nếu xa lánh thì không phát sinh bức rức, ưu buồn. Đó là lậu được đoạn trừ do ly.

“Các lậu được đoạn trừ do dụng¹⁸ là gì? Tỳ-kheo khi thọ dụng y phục, chẳng phải để cầu lợi, chẳng phải để kiêu hãnh, chẳng phải để trang sức, mà vì muỗi mòng, gió mưa, lạnh nóng và vì hổ thẹn. Khi thọ dụng đồ ăn uống chẳng phải vì mưu lợi, chẳng phải để trang sức, chẳng phải để mập

¹⁵ Hán: lậu từng hộ đoạn 漏從護斷. Pāli: *āsavā samvarā pahātabbā*, các lậu được đoạn trừ do phòng hộ (luật nghi).

¹⁶ Hán: lậu từng ly đoạn 漏從離斷. Pāli: *āsavā parivajjanā pahātabbā*, các lậu được đoạn trừ do bởi sự xa ly (tránh xa).

¹⁷ Nghĩa là, tránh xa những Tỳ-kheo nào giao du bạn xấu, v.v..., khiến các bạn đồng tu phải nghi ngờ lây cả mình.

¹⁸ Hán: lậu từng dụng đoạn 漏從用斷. Pāli: *āsavā paṭisevanā pahātabbā*, các lậu được đoạn trừ do thọ dụng.

béo mà vì để làm thân thể ở đời lâu dài, trừ bức rức, ưu buồn, vì để thực hành phạm hạnh, vì muốn để bệnh cũ tiêu trừ đừng sinh bệnh mới, và vì để sống lâu, an ổn, không bệnh hoạn. Khi thọ dụng nhà cửa, phòng xá, giường nệm, ngọa cụ, không phải để kiêu hãnh, chẳng phải để trang sức, mà vì để lúc mệt mỏi có nơi nghỉ ngơi, [432c] để được tĩnh tọa. Khi thọ dụng thuốc thang không phải để mưu lợi, không phải để kiêu hãnh, không phải để mập béo, mà chỉ để trừ bệnh hoạn, để điều hòa mạng căn, để an ổn không bệnh. Nếu không thọ dụng những thứ ấy thì sẽ sinh phiền não, sầu lo, còn thọ dụng thì không sinh phiền não sầu lo. Đó là lậu được đoạn trừ do dụng.

“Các lậu được đoạn trừ do nhẫn¹⁹ là gì? Tỳ-kheo tinh tấn đoạn trừ pháp ác, bất thiện, tu tập thiện pháp, nên luôn luôn có ý tưởng trỗi dậy²⁰, chuyên tâm tinh tấn; tha để cho thân thể, da, thịt, gân, xương, máu, tủy khô kiệt tất cả chớ không bỏ tinh tấn. Phải đạt được mục đích mong muốn mới xả sự tinh tấn. Tỳ-kheo lại phải chịu đựng sự đói khát, lạnh nóng, muỗi mòng, ruồi, bọ chét, chấy, dù gió hay nắng bức bách, bị lời dữ, bị đánh đập, cũng đều có thể nhẫn chịu được. Dù thân mạng bệnh tật rất là đau đớn đến nỗi gần muốn tuyệt mạng, và những điều không thể ưa vui được, tất cả đều chịu đựng được. Nếu không nhẫn chịu thì sinh bức rức, ưu buồn, còn nhẫn chịu được thì không sinh phiền não ưu buồn. Đó là lậu được đoạn trừ do nhẫn.

“Có lậu được đoạn trừ do trừ²¹ là gì? Tỳ-kheo nếu dục tầm²² đã sinh mà không đoạn trừ, không xả ly; sinh nhuế niệm, hại niệm đã sinh mà không đoạn trừ, không xả ly. Nếu không trừ diệt, bức rức, ưu buồn phát sinh; còn nếu trừ diệt, bức rức, ưu buồn không phát sinh. Đó là lậu được

¹⁹ Hán: lậu từng nhẫn đoạn 漏從忍斷. Pāli: *āsavā adhivāsana pahātabbā*, các lậu được đoạn trừ do sức chịu đựng.

²⁰ Hán: thường hữu khởi tưởng 常有起想, luôn luôn có ý tưởng tinh thức, không ham ngủ nghỉ.

²¹ Hán: lậu từng trừ đoạn 漏從除斷. Pāli: *āsavā vinodā pahātabbā*, lậu đoạn trừ do loại bỏ, trừ khử.

²² Nguyên hán: dục niệm 欲念, (nhuế niệm 恚念, hại niệm 害念). Đây chỉ ba bất thiện tâm: dục tâm, sân (nhuế) tâm, hại tâm. Xem No 1(9), kinh “Chúng tập”. P.I.: *kāma vitakkaṃ, vyāpāda vitakkaṃ, viḥimsā vitakkaṃ*.

đoạn trừ do trừ.

“Có lậu được đoạn trừ do tu²³ là gì? Tỳ-kheo tư duy về giác chi thứ nhất là niệm, y viển ly, y vô dục, y diệt tận, thẳng đến xuất yếu;²⁴ trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an²⁵, định, cho đến tư duy về giác chi thứ bảy là xả, y viển ly, y vô dục, y diệt tận, thẳng đến xuất yếu; nếu không tư duy thì sinh bức rức, ưu sầu, còn có tư duy thì không sinh phiền não ưu sầu. Đó là lậu được đoạn trừ do tư duy.

“Tỳ-kheo nào nào do kiến mà đoạn trừ các lậu được đoạn trừ bởi kiến; do hộ mà đoạn trừ các lậu được đoạn trừ bởi hộ; do ly mà đoạn trừ các lậu được đoạn trừ bởi ly; do dụng mà đoạn trừ các lậu được đoạn trừ bởi dụng; do nhẫn mà đoạn trừ các lậu được đoạn trừ bởi nhẫn; do trừ mà đoạn trừ các lậu được đoạn trừ bởi trừ; do tư duy mà đoạn trừ các lậu được đoạn trừ bởi tư duy; đó gọi là Tỳ-kheo đã đoạn trừ tất cả lậu, đã giải trừ các kết phược, có thể bằng chính trí mà diệt tận khổ biên”.

Đức Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.²⁶



²³ Hán: lậu từn tư duy đoạn 漏從思惟斷. Pāli: *āsavā bhāvanā pahātabbā*, các lậu được đoạn trừ do tu tập.

²⁴ Hán: y ly, y vô dục, y ư diệt tận, thú chí xuất yếu 依離依無欲依於滅盡趣至出要. Pl. thành cú: *vivekanissitaṃ virāganissitaṃ nirodhanissitaṃ vossaggapariñāmiṃ*, y viển ly, y ly dục, y diệt tận, hướng đến xả ly.

²⁵ Hán: tức 息, sự nghỉ ngơi; nhưng thường nói là khinh an. Pāli: *passaddhi*.

²⁶ Bản hán, hết quyển 2.

**PHẨM 2:
TƯƠNG ƯNG NGHIỆP
TỤNG NGÀY THỨ NHẤT**

鹽喻和破度 羅云思伽藍
伽彌尼師子 尼乾波羅牢

Kệ tóm tắt:
Diêm dụ, Hòa-phá, Độ,
La-hầu-la, Tư, Già-lam,
Già-di-ni, Sư tử,
Ni-kiền, Ba-la-lao.

11. KINH DIÊM DỤ
12. KINH HÒA-PHÁ
13. KINH ĐỘ
14. KINH LA-HẦU-LA
15. KINH TƯ
16. KINH GIÀ-LAM
17. KINH GIÀ-DI-NI
18. KINH SƯ TỬ
19. KINH NI-KIỀN
20. KINH BA-LA-LAO

11. KINH ĐIỂM DỤ

[433a13] Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thảng Lâm Lâm lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng:

“Nếu con người tạo nghiệp như thế nào, nó lãnh thọ nghiệp ấy như thế¹; như vậy không có sự thực hành phạm hạnh, không thể diệt tận khổ. Nếu nói như vậy: ‘Nếu con người tạo nghiệp như thế nào, nó lãnh thọ quả báo của nó như thế²’; như vậy, có sự tu hành phạm hạnh, có được dự diệt tận được khổ.

(1.a) “Vì sao như vậy? Giả sử có người tạo nghiệp bất thiện, tất phải thọ quả khổ là quả báo của địa ngục³. Thế nào là người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo của địa ngục? Ở đây, nếu có người không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu tuệ, thọ mạng rất ngắn⁴; người ấy tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo của địa

¹ Hán: thọ kỳ báo 受其報. Hán có thể nhầm, vì trùn lạp với khẳng định tiếp theo. Đây sửa lại theo bản Pāli. Xem thêm **cht. 2** tiếp theo. A. i. 248: *yathā yathāyaṃ puriso kammaṃ karoti tathā tathā taṃ paṭisaṃvediyatī ti etaṃ santaṃ, bhikkhave, brahmacariyavāso na hoti, okāso na paññāyati sammā dukkhassa antakiriyāya*, “Nếu nói rằng: ‘Con người này tạo tác nghiệp như nào, nó sẽ cảm thọ nghiệp ấy như thế’.

Nếu vậy, này các Tỳ-kheo,... không có đời sống phạm hạnh; không có cơ hội nêu rõ sự diệt tận khổ một cách chân chính”.

² Hán: thọ kỳ báo 受其報. Pl.: *tathā tathāssa vipākam paṭisaṃvediyati*, cảm thọ dị thực của nó như thế như thế. Trong bản Hán, nguyên văn lặp lại, xem **cht. 1** trên. Nhưng trong bản Pāli: *yathā yathā vedanīyaṃ ayaṃ puriso kammaṃ karoti tathā tathā tassa vipākam paṭisaṃvediyati*, “Con người này tạo tác nghiệp được cảm thọ như thế như thế, nó sẽ cảm thọ dị thực của nghiệp ấy như thế như thế...”

³ Bản Pāli: *appamattakam pi pāpakammaṃ kataṃ tam enaṃ nirayaṃ upaneti*, “chỉ tạo nghiệp ác dù chỉ chút ít, nhưng nghiệp ấy dẫn đến địa ngục”.

⁴ Pāli: *paritto appātumo* (Số giải: ātumā vuccati attabhāvo) *appadukkhavihārī*, “hạn hẹp, tự ngã nhỏ mọn, sống ít khổ”. Có lẽ bản Hán đọc: *appa-āyusmā*, có tuổi thọ thấp, thay vì: *appa-ātumā*, có tự ngã nhỏ mọn.

ngục.

“Ví như có người đem một lạng muối bỏ vào một chút nước, muốn làm cho nước mặn không thể uống được, các người nghĩ sao, một lạng muối đó có thể làm cho một ít nước mặn đi không thể uống được chăng?”

Đáp rằng:

“Đúng như vậy, bạch Thế Tôn, vì sao thế? Vì muối nhiều, nước ít, nên có thể làm cho mặn đi không thể uống được”.

“Cũng vậy, nếu có người tạo nghiệp bất thiện, tất phải thọ quả khổ là quả báo của địa ngục.

“Thế nào là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo của địa ngục? Ở đây, có một người không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu tuệ, thọ mạng rất ngắn; người ấy tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo của địa ngục.

(1.b) “Lại nữa, có [433b] người tạo nghiệp bất thiện⁵, tất phải thọ quả khổ là quả báo trong đời hiện tại. Thế nào là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo trong đời hiện tại? Ở đây, có một người tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ, thọ mạng rất dài⁶; người ấy tạo nghiệp bất thiện, tất phải thọ quả khổ là quả báo trong đời hiện tại.

“Cũng như có người đem một lạng muối bỏ vào sông Hằng, muốn làm cho nước mặn không thể uống được. Các người nghĩ sao? Một lạng muối đó, lại có thể làm cho nước sông Hằng mặn không thể uống được chăng?

Đáp rằng:

“Không thể được, bạch Thế Tôn, vì sao vậy? Vì nước sông Hằng rất nhiều mà một lạng muối thì quá ít, do đó không thể làm mặn đi đến không uống được”.

“Cũng vậy, có người tạo nghiệp bất thiện, tất phải thọ quả khổ là quả báo trong đời hiện tại. Thế nào là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ

⁵ Pāli: *tādisaṃyeva appamattakam pāpakammaṃ katam*, “tạo ác nghiệp chút ít tương tự (như trường hợp trên)”.

⁶ Pāli: *apparitto mahatto appamāṇavihārī*, “không hạn hẹp, tự ngã quảng đại, sống đời không hạn lượng”.

quả khổ là quả báo trong đời hiện tại? Ở đây, có một người tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ, thọ mạng rất dài; người ấy tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo trong đời hiện tại.

(2.a) “Lại nữa, có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo trong địa ngục. Thế nào là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo trong địa ngục? Ở đây, có một người không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu tuệ, thọ mạng rất ngắn; người ấy tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo trong địa ngục.

“Ví như một người đoạt lấy con dê của người khác. Thế nào là một người đoạt lấy con dê của người khác? Ở đây, người đoạt dê ấy, hoặc vua, hoặc quan, là người có nhiều uy thế. Người chủ dê kia thì nghèo hèn, không thế lực. Người này vì không thế lực nên van lơn đủ thứ, chấp tay cầu xin, nói như thế này: ‘Thưa Tôn giả, xin ngài trả lại dê cho tôi. Hoặc trả tôi đúng giá tiền’. Như người đoạt dê của kẻ khác là như vậy. Cũng vậy, có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo trong địa ngục. Thế nào là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo trong địa ngục? Ở đây, có một người không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu tuệ, thọ mạng rất dài; người ấy tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo trong địa ngục.

(2.b) “Lại nữa, có người tạo nghiệp bất thiện, tất phải thọ quả khổ là quả báo ngay trong đời hiện tại. Thế nào là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo trong đời hiện tại? Ở đây, có một người tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ, thọ mạng rất dài. Đó là có người tạo nghiệp bất thiện, tất phải thọ quả khổ là quả báo trong đời hiện tại.

“Cũng như có [433c] tuy người trộm được dê của kẻ khác, nhưng chủ dê đoạt lại. Thế nào là như người trộm được dê của kẻ khác, nhưng chủ dê đoạt lại? Ở đây, người trộm dê kia nghèo hèn, không thế lực; còn người chủ dê kia hoặc vua, hay quan, có rất nhiều uy lực. Vì có nhiều uy lực nên bắt trói người lấy trộm và đoạt lại dê. Đó là có người dù trộm được dê của kẻ khác, nhưng bị chủ đoạt trở lại. Cũng vậy, có người tạo nghiệp bất thiện, chắc chắn phải thọ quả khổ là quả báo trong đời hiện tại báo. Thế nào là có người tạo nghiệp bất thiện, tất phải thọ quả khổ là quả báo trong đời hiện tại? Ở đây, có một người tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ, thọ mạng rất dài; người ấy tạo nghiệp bất thiện, tất phải thọ quả khổ là quả báo trong đời hiện tại.

(3.a) “Lại nữa, có người tạo nghiệp bất thiện, tất phải thọ khổ là quả báo trong địa ngục. Thế nào là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo trong địa ngục? Nghĩa là, có một người không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu tuệ, thọ mạng rất ngắn. Đó là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo trong địa ngục. Cũng như có người nợ kẻ khác năm tiền, bị chủ bắt trói; cho đến chỉ nợ một tiền cũng như bị chủ nợ bắt trói. Thế nào là có người nợ kẻ khác năm tiền, bị chủ nợ bắt trói; cho đến chỉ nợ một tiền cũng bị chủ nợ bắt trói? Đó là, người mắc nợ kia nghèo, không có thể lực. Người kia vì nghèo và không có thể lực nên nợ kẻ khác năm tiền liền bị chủ nợ bắt trói; cho đến chỉ nợ một tiền cũng bị chủ nợ bắt trói. Cũng vậy, có người tạo nghiệp bất thiện phải thọ quả khổ là quả báo trong địa ngục. Thế nào là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo trong địa ngục? Ở đây, có một người không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu tuệ, thọ mạng rất ngắn; người ấy tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo trong địa ngục.

(3.b) “Lại nữa, có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo trong đời hiện tại. Thế nào là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo trong đời hiện tại? Ở đây, có một người tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ, thọ mạng rất dài; người ấy tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo trong đời hiện tại.

“Cũng như có người dù mắc nợ một trăm tiền nhưng không bị chủ nợ bắt trói; cho đến nợ ngàn vạn tiền cũng không [434a] bị chủ nợ bắt trói? Nghĩa là người mắc nợ có vô lượng tài sản và thể lực rất lớn. Người ấy nhờ vậy dù mắc nợ trăm ngàn tiền vẫn không bị chủ nợ bắt trói. Đó là người mặc dù mắc nợ trăm tiền vẫn không bị chủ nợ bắt trói, cho đến nợ ngàn vạn tiền cũng không bị chủ nợ bắt trói. Cũng vậy, có người tạo nghiệp bất thiện, tất phải thọ quả khổ là quả báo trong đời hiện tại. Thế nào là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo trong đời hiện tại? Nghĩa là, có một người tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ, thọ mạng rất dài; người ấy tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo trong đời hiện tại. Người ấy ở trong đời hiện tại giả sử có thọ báo của thiện hay ác nhưng chỉ nhẹ nhàng, chút ít thôi”.

Phật thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



12. KINH HÒA-PHÁ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại Thích-ki-sầu¹ nước Ca-duy-la-vệ², trong vườn Ni-câu-loại³.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên⁴ cùng với đại chúng Tỳ-kheo, sau giờ ăn trưa⁵, do có việc nên tập hợp ngồi tại giảng đường. Lúc bấy giờ Ni-kiền⁶ có một người đệ tử thuộc dòng họ Thích tên Hòa-phá⁷, sau giờ ăn trưa, thông thả đi đến chỗ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên; cùng chào hỏi nhau rồi ngồi sang một bên.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hỏi sự việc như thế này:

“Này Hòa-phá, ý ông nghĩ sao? Giả sử có Tỳ-kheo thủ hộ thân, miệng, ý; ông thấy có trường hợp nào vị ấy nhân đó⁸ mà vị ấy sinh khởi lậu bất thiện dẫn đến đời sau chăng⁹?”

Hòa-phá trả lời rằng:

“Này Đại Mục-kiền-liên, giả sử có vị Tỳ-kheo thủ hộ thân, miệng, ý; tôi thấy rằng có trường hợp nhân đó mà vị ấy sinh khởi lậu bất thiện dẫn đến đời sau. Này Đại Mục-kiền-liên, giả sử có ai ở đời trước đã làm các hành vi bất thiện, người ấy nhân đó mà sinh khởi lậu bất thiện dẫn đến đời sau¹⁰”.

¹ Thích-ki-sầu 釋羈瘦. Pāli: Sakkesu, “giữa chúng những người Thích-ca.

² Ca-duy-la-vệ 迦維羅衛 (Ca-tì-la-vệ). Pāli: Kapilavatthu.

³ Ni-câu-loại viên 尼拘類園. Pāli: Nigrodhārāma.

⁴ Đại Mục-kiền-liên 大目犍連. Pāli: Mahā-Moggallāna.

⁵ Hán: trung thực hậu 中食後.

⁶ Ni-kiền, Ni-kiền Tử, Ni-kiền Thân Tử 尼乾親子. Pāli: Nagaṇṭhā Nātaputta.

⁷ Hòa-phá 和破. Pāli: Vappa, trùng tên với một trong năm đệ tử đầu tiên của Phật.

⁸ Pl. (A. iii. 175): *taṃ thânāṃ yatonidānaṃ*, do một nhân duyên nào đó.

⁹ Pl. ibid. *dukkhavedaniyā āsavā*, các lậu hoặc dẫn đến khổ.

¹⁰ Pl. ibid.: *pubbe pāpakammaṃ kataṃ avipakkavipākam, tato nidānaṃ purisaṃ dukkhavedaniyā āsavā assaveyyuṃ abhisamparāyaṃ*, “ác nghiệp được làm trong quá khứ nhưng quả dị thực chưa chín, do nhân duyên đó người ấy trong

Lúc đó¹¹ Đức Thế Tôn đang tĩnh tọa ở chỗ vắng vẻ; bằng thiên nhĩ thanh tịnh siêu việt loài người, nghe Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và Thích Hòa-phá đệ tử của Ni-kiền cùng bàn luận như thế.

Đức Thế Tôn nghe xong, vào lúc xế chiều, rời chỗ tĩnh tọa, đi đến giảng đường, trải chỗ và ngồi trước chúng Tỳ-kheo. Sau khi ngồi, [434b]Đức Thế Tôn hỏi rằng:

“Này Đại Mục-kiền-liên, vừa rồi ông cùng đệ tử của Ni-kiền Thích Hòa-phá bàn luận về việc gì? Lại có việc gì mà tập hợp ngồi tại giảng đường?”

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, hôm nay con cùng với đại chúng Tỳ-kheo sau giờ ăn trưa, vì có việc nên tập hợp ngồi tại giảng đường. Lúc bấy giờ đệ tử Ni-kiền là Thích Hòa-phá này, sau giờ ăn trưa, thông thả đi đến chỗ con; cùng chào hỏi nhau rồi ngồi sang một bên. Con hỏi như vậy: ‘Này Hòa-phá, ý ông nghĩ sao? Giả sử có Tỳ-kheo thủ hộ thân, miệng, ý; ông thấy vị ấy có trường hợp nào nhân đó mà sinh khởi lậu bất thiện dẫn đến đời sau chăng?’ Hòa-phá trả lời con rằng: ‘Này Đại Mục-kiền-liên, giả sử có Tỳ-kheo thủ hộ thân, miệng, ý; tôi thấy rằng có trường hợp nhân đó mà sinh khởi lậu bất thiện dẫn đến đời sau. Này Đại Mục-kiền-liên, giả sử có ai ở đời trước làm hành vi bất thiện, người ấy nhân đó mà sinh khởi lậu bất thiện dẫn đến đời sau’. Bạch Thế Tôn, vừa rồi con cùng Thích Hòa-phá đệ tử Ni-kiền bàn luận như vậy. Vì việc đó mà ngồi tập hợp tại giảng đường”.

Lúc đó Thế Tôn nói với Thích Hòa-phá, đệ tử của Ni-kiền, rằng:

“Nếu những gì Ta nói là đúng, ông trả lời là đúng; nếu không đúng ông nên trả lời là không đúng. Ông có điều gì nghi ngờ thì nên hỏi Ta như vậy: ‘Sa-môn Cù-đàm, cái này có sự gì? Cái này có ý nghĩa gì?’ Tùy những điều Ta nói mà ông có thể tiếp nhận được thì Ta với ông có thể bàn luận điều ấy”.

Hòa-phá trả lời rằng:

“Sa-môn Cù-đàm, nếu điều Ngài nói là đúng, tôi sẽ nói là đúng. Nếu

tương lai có thể khởi lên lậu hoặc dẫn đến cảm thọ khổ.”

¹¹ Đề bản: *hậu thời* 後時, sau đó. TNM: *bỉ thời* 彼時, khi đó.

không đúng tôi sẽ nói là không đúng. Nếu có điều nào nghi ngờ tôi sẽ hỏi Cù-đàm: ‘Thưa Cù-đàm, điều này có sự gì? Điều này có nghĩa gì?’ Tùy theo những điều Sa-môn Cù-đàm nói, tôi tiếp nhận. Vậy, Sa-môn Cù-đàm hãy cùng tôi bàn luận việc ấy”.

Đức Thế Tôn hỏi rằng:

“Ý Hòa-phá nghĩ sao? Giả sử có Tỳ-kheo sinh khởi thân hành bất thiện, là các lậu khiến bức rức, ưu sầu¹². Vị ấy sau đó thân hành bất thiện được diệt trừ, không tạo thêm những nghiệp mới, xả bỏ nghiệp cũ, tức thời ngay trong hiện tại liền đạt đến cứu cánh, không còn bị nóng bức, bèn vững không biến đổi,¹³ tức điều được nói là được thấy bởi Thánh tuệ, được biết bởi Thánh tuệ.¹⁴

“Nếu thân hành bất thiện, khẩu hành bất thiện, ý hành bất thiện, do vô minh hành mà sinh lậu, nóng bức và ưu sầu¹⁵, người ấy sau đó diệt trừ vô minh hành bất thiện, không tạo thêm những nghiệp mới, xả bỏ nghiệp cũ, ngay trong hiện tại này liền chứng được cứu cánh, không còn nóng bức, thường trụ không đổi, tức điều được nói là được thấy bởi Thánh tuệ, được biết bởi Thánh tuệ. Thế nào, này Hòa-phá, [434c] Tỳ-kheo thủ hộ thân, miệng, ý như vậy, trong trường hợp này ông có thấy vị ấy nhân đó mà sinh khởi lậu bất thiện dẫn đến đời sau chăng?”

Hòa-phá trả lời rằng:

¹² Hán: *lậu phiền nhiệt ưu thích* 漏煩憂熱憂戚. Pl.: *kāyasamārambhapaccayā uppajjanti āsavā vighātaparilāhā*, “do duyên là sự hoạt động của thân mà phát sinh các lậu, (là những thứ) gây tàn hại, nóng bức”.

¹³ Hán: thường trụ bất biến 常住不變; có thể dịch từ *akālikā*, (pháp) phi thời gian, không lệ thuộc thời gian.

¹⁴ Pl. (A. ii. 198): *sandiṭṭhikā nijarā akālikā ehipassikā opaneyyikā paccattam veditabbā viññūhi*, “(đây là đạo lộ) hiện thực, trừ diệt, phi thời gian, đến mà thấy, có khả năng dẫn đạo, được nhận thứ nội tâm bởi bậc trí. Những từ này thường mô tả các phẩm tính của Pháp được Phật thuyết, đây chỉ đạo lộ hành trì của Tỳ-kheo. Bản Hán không xác định được các từ này phẩm định hay mô tả cái gì, nên đoạn văn trở nên khó hiểu.

¹⁵ *Vô minh hành lậu...* 無明行漏,... Pāli: *avijjāpaccayā uppajjanti āsavā...*, “do duyên là vô minh mà sinh khởi các lậu...”

“Thưa Cù-đàm, giả sử có vị Tỳ-kheo thủ hộ thân, miệng, ý như vậy, trong trường hợp này tôi không thấy vị ấy do đó mà sinh khởi lậu bất thiện dẫn đến đời sau”.

Đức Thế Tôn khen rằng:

“Lành thay, Hòa-phá! Thế nào, này Hòa-phá, Tỳ-kheo nào mà vô minh đã dứt hết, minh đã sinh khởi; vị ấy, vô minh đã dứt hết, minh đã sinh khởi, khi cảm giác về thân tối hậu¹⁶ sinh khởi thì biết là cảm giác về thân tối hậu sinh khởi; khi cảm giác về mạng tối hậu¹⁷ sinh khởi thì biết là cảm giác về mạng tối hậu sinh khởi. Khi thân hoại mạng chung, tuổi thọ đã kết thúc, ngay trong đời này, tất cả mọi cảm giác đã ngưng bật, tự thân mình biết sẽ đi đến chỗ lãnh đạm hoàn toàn¹⁸.”

“Này Hòa-phá, cũng như nhân cây mà có bóng. Giả sử có người mang búa thật bén đến chặt đứt rễ cây, chặt nát ra thành nhiều khúc, phá làm mười phần, hoặc trăm phần, đốt cháy thành tro, rồi hoặc để gió thổi bay đi, hoặc mang bỏ vào trong nước. Ý Hòa-phá nghĩ sao? Bóng nhân cây mà có; bóng ấy do đó mà mất hẳn cái nhân của nó, nên tuyệt diệt không còn sinh nữa chăng?”

Hòa-phá trả lời rằng:

“Đúng như thế, thưa Cù-đàm”.

“Này Hòa-phá, nên biết vị Tỳ-kheo kia lại cũng như vậy. Vô minh đã dứt hết, minh đã sinh khởi. Vị kia, vô minh đã dứt hết, minh đã sinh khởi, khi cảm giác về thân tối hậu sinh khởi thì vị ấy biết là cảm giác về thân tối hậu sinh khởi; khi cảm giác về mạng tối hậu sinh khởi thì vị ấy biết là cảm giác về mạng tối hậu sinh khởi. Khi thân hoại mạng chung, tuổi thọ đã kết thúc, ngay trong đời này, tất cả mọi cảm giác đã ngưng bật, tự thân mình biết sẽ đi đến chỗ lãnh đạm hoàn toàn. Này Hòa-phá, vị Tỳ-

¹⁶ Hán: *hậu thân giác* 後身覺. Pāli: *kāyapariyantikaṃ vedanaṃ vediyamāno*, khi có cảm giác về cảm thọ của thân tối hậu.

¹⁷ Hán: *hậu mạng giác* 後命覺. Pāli: *jīvapariyantikaṃ vedanaṃ*, cảm thọ của sinh mạng tối hậu.

¹⁸ Hán: *cửu cánh lãnh* 究竟冷. Pl. ibid.: *idheva sabbavedayitāni anabhinanditāni sūti bhavissati*, chính ở đây tất cả những gì được cảm thọ sẽ không còn được yêu thích, sẽ trở nên lạnh lùng.

kheo với tâm giải thoát chơn chính như vậy, liền được sáu hằng trụ¹⁹. Sáu trụ xứ đó là gì? Đây Hòa-phá, Tỳ-kheo mắt thấy sắc mà không hỷ, không ưu, an trú xả²⁰, chính niệm, chính trí. Đây Hòa-phá, vị Tỳ-kheo chính tâm giải thoát như vậy, đó gọi là được hằng trú thứ nhất. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý biết pháp mà không hỷ không ưu, xả cầu, vô vi, chính niệm, chính trí. Đây Hòa-phá, vị Tỳ-kheo chính tâm giải thoát như vậy, đó gọi là được hằng trụ thứ sáu.

Hòa-phá bạch rằng:

“Đúng như vậy, thưa Sa-môn Cù-đàm!”

“Đa văn Thánh đệ tử chính tâm giải thoát như vậy, được sáu hằng trụ. Sáu hằng trụ là những gì?”

“Thưa Cù-đàm, Đa văn Thánh đệ tử khi mắt thấy sắc, không hỷ, không ưu, an trú xả, chính niệm, chính trí”.

“Đây Hòa-phá, Tỳ-kheo với tâm giải thoát chơn chính như vậy, được nói là đạt được hằng trụ thứ nhất. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý biết pháp mà không hỷ, không ưu, an trú xả, chính niệm, chính trí. Đây Hòa-phá, Tỳ-kheo với tâm giải thoát chơn chính như vậy được nói là đạt được hằng trụ thứ sáu. Đây Hòa-phá, Tỳ-kheo với tâm giải thoát chơn chính như vậy, được sáu hằng trụ này”.

Hòa-phá bạch rằng:

“Đúng như thế, thưa Cù-đàm, Đa văn Thánh đệ tử với tâm giải thoát chơn chính như vậy, được sáu hằng trụ. Thưa Cù-đàm, Đa văn Thánh đệ tử khi mắt thấy sắc, không hỷ, không ưu, an trú xả, chính niệm, chính trí. Thưa Cù-đàm, Đa văn Thánh đệ tử với tâm giải thoát chơn chính như vậy, được nói là đạt được hằng trụ thứ nhất. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý [435a] biết pháp mà không hỷ, không ưu, an trú xả, chính niệm,

¹⁹ Hán: lục thiện trú xứ 六善住處. Xem No 1(10) kinh Thập thượng. Pāli (A.ii. 196): *evaṃ sammā vimuttacitassa bhikkhuno ch satatavihārā adhigatā*, Tỳ kheo với tâm giải thoát chân chơn như vậy đạt được sáu hằng trụ. *cha satatavihārā*.

²⁰ Nguyên hán: xả cầu vô vi 捨求無為. Cf. Pl. ibid.: *so cakkhunā rūpaṃ disvā neva sumano hoti na dummano, upekkhako viharati sato sampajāno*, Tỳ kheo khi mắt thấy sắc, không có ý đẹp cũng không có ý xấu, an trú xả với chính niệm, chính trí.

chính trí. Thừa Cù-đàm, Đa văn Thánh đệ tử với tâm giải thoát chơn chính như vậy được nói là đạt được hằng trụ thứ sáu. Như vậy, Thừa Cù-đàm, Đa văn Thánh đệ tử với tâm giải thoát chơn chính như vậy, được sáu hằng trụ này”.

Rồi thì, Hòa-phá bạch Thế Tôn rằng:

“Bạch đức Cù-đàm, con đã biết. Bạch Đức Thiện Thệ, con đã hiểu. Bạch Đức Cù-đàm, cũng như người có mắt sáng, cái gì bị úp thì lật lên; cái gì bị che đậy thì giờ ra; đối với người mê thì chỉ đường cho; trong tối tăm thì cho ánh sáng để ai có mắt thì thấy ánh sáng màu sắc. Sa-môn Cù-đàm cũng giống như vậy, vì con mà dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp và hiển hiện nghĩa lý, theo đạo thậm thâm²¹.

“Bạch Thế Tôn, hôm nay con xin tự quy y với Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo, cúi nguyện Thế Tôn nhận cho con làm Ưu-bà-tắc; kể từ hôm nay trọn đời xin tự quy y, cho đến mạng chung.

“Bạch Thế Tôn, cũng như người nuôi con ngựa dờ mà mong có lợi ích. Bạch Thế Tôn, con cũng như vậy. Con vì không hiểu rõ tường tận, không thể giải biết, không biết được ruộng tốt, không suy xét mà cung kính, lễ bái, phụng sự Ni-kiền Tử ngu si kia trong một thời gian dài, mong được lợi ích, nhưng chỉ luống nhọc khổ, vô ích. Bạch Thế Tôn, con nay lần nữa xin tự quy y Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo, cúi nguyện Thế Tôn nhận cho con làm Ưu-bà-tắc; kể từ hôm nay, trọn đời xin tự quy y, cho đến mạng chung.

“Bạch Thế Tôn, con trước đây do không biết nên đối với Ni-kiền ngu si kia mà có tín, có kính, từ nay dứt hẳn. Vì sao thế? Vì phỉnh gạt con vậy. Bạch Thế Tôn, nay lần thứ ba xin tự quy y với Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo, cúi nguyện Thế Tôn nhận lời cho con làm Ưu-bà-tắc; hôm nay, trọn đời xin tự quy y, cho đến khi mạng chung”.

Phật thuyết như vậy. Thích Hòa-phá và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



²¹ Để bản: *tùy kỳ chư đạo* 隨其諸道. Các bản Tống-Nguyên-Minh: *tùy thậm thâm đạo* 隨甚深道.

13. KINH ĐỘ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, ở tại Thắng Lâm lâm trong vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

(i) “Có ba độ xứ,¹ khác chủng tánh, khác danh xưng, khác tông chỉ, khác học thuyết, mà dù cho người có trí tuệ khéo nhận lãnh, khéo ghi nhớ² để nói cho người khác³, nhưng cũng không thu hoạch được lợi ích⁴.

“Những gì là ba? Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn thấy như vậy, nói như vậy: Tất cả hành vi của con người đều nhân túc mạng định sẵn⁵.

“Lại [435b] có Sa-môn, Bà-la-môn thấy như vậy, nói như vậy: Tất cả hành vi của con người đều do Đấng Tôn Hựu⁶ định sẵn.

“Lại có Sa-môn, Bà-la-môn thấy như vậy, nói như vậy: Tất cả hành vi của con người đều vô nhân, vô duyên⁷.

(i.) “Ở trong đây, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào thấy như vậy, nói như vậy: ‘Tất cả hành vi của con người đều nhân túc mạng định đoạt’, Ta liền

¹ Hán: độ xứ 度處. Pāli: *titthāyatana*, chỗ vượt qua sông. Tītha cũng chỉ tông phái hay giáo phái, do đó, *titthāyatana* cũng chỉ căn cứ hay nền tảng lập thuyết của các giáo phái.

² Pāli: *paṇḍitehi samanuyūñijiyamānāni samanugāhiyamānāni samanubhāsiyamānāni*, “bị các nhà thông thái nạn vấn, chất vấn, khuyến cáo”.

³ Pāli: *param gantvā*, “sau khi đến với người khác”. Tức là, có thể giảng giải lại cho người khác.

⁴ Pāli: *akiriya saṇṭhahanti*, “chúng (các học thuyết ấy) không mang lại hữu ích gì”.

⁵ Hán: *nhất thiết giai nhân túc mạng tạo* 一切皆因宿命造, “Tất cả đều do nhân túc mạng”, nguyên nhân đã định sẵn từ đời trước. Pāli: *taṃ sabbam pubbekatahetū*.

⁶ Hán: *Tôn Hựu* 尊祐, Thượng đế. Pāli: *Issaranimānahetū*, nguyên nhân do Thượng đế biến hóa ra hay sáng tạo.

⁷ Hán: *vô nhân vô duyên* 無因無緣, thuyết tự nhiên, không có nguyên nhân và điều kiện. Pāli: *ahetu-appaccayā*.

đến nơi người kia và hỏi: ‘Này Hiền giả, có thật Hiền giả thấy như vậy, nói như vậy: Tất cả hành vi của con người đều nhân túc mạng định đoạt chẳng? Người kia trả lời rằng: ‘Thật vậy’. Ta lại nói với người kia rằng: ‘Nếu quả thật như vậy, các Hiền giả đều là những kẻ sát sinh cả. Vì sao thế? Bởi vì tất cả đều nhân túc mạng định đoạt sẵn⁸. Cũng vậy, Chư Hiền là những kẻ trộm cắp, tà dâm, nói láo cho đến tà kiến. Tại sao thế? Bởi vì tất cả đều nhân túc mạng định đoạt sẵn. Này Chư Hiền, đối với kiến chấp rằng: Tất cả đều nhân túc mạng định đoạt sẵn, mà cho là như thật, như là lỗi chắc bên trong⁹, những điều nên hay không nên làm, hoàn toàn không có ý dục, không có phương tiện¹⁰. Này Chư Hiền, nếu đối với điều nên làm và không nên làm mà không biết đúng như thật thì sẽ mất chính niệm, không có chính trí¹¹, thì không có cách nào giáo hóa đúng theo pháp của Sa-môn được¹²’. Nói như vậy mới có thể dùng lý để khuất phục các Sa-môn, Bà-la-môn kia.

(i.2) “Ở đây, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào, thấy như vậy, nói như vậy: ‘Tất cả hành vi đều nhân Đấng Thiên Hựu định đoạt’. Ta liền đi đến chỗ người kia, và hỏi: ‘Này Hiền giả, có thật Hiền giả thấy như vậy, nói như vậy: Tất cả hành vi của con người đều nhân Thiên Hựu định đoạt chẳng? Người kia trả lời rằng: ‘Thật vậy’. Ta lại nói với người kia rằng: ‘Nếu quả thật như vậy, các Hiền giả đều là những kẻ sát sinh cả. Vì sao thế? Bởi vì tất cả đều nhân Thiên Hựu định đoạt sẵn. Cũng vậy, Chư Hiền là những kẻ trộm cắp, tà dâm, nói láo cho đến tà kiến. Tại sao thế? Bởi vì tất cả đều nhân Thiên Hựu định đoạt sẵn. Này Chư Hiền, đối với kiến chấp rằng: Tất cả đều nhân Thiên Hựu định đoạt sẵn, mà cho là như thật,

⁸ Pāli (A. i. 174): *pāṇātipātino bhavissanti pubbekatahetu*, “họ sẽ (được coi như) là những kẻ sát sinh, do hành động đời trước”.

⁹ Hán: *ư nội nhân nội* 於內因內. Có lẽ Pāli tương đương: *sārato paccāgacchataṃ*, nắm chặt cho là lỗi cứng kiên thận, tinh tủy).

¹⁰ Hán: *vô dục vô phương tiện* 無欲無方便. Pāli: *na hoti chando vā vāyāmo*, không có ước muốn, không có nỗ lực.

¹¹ Pāli: *muṭṭhasattīnaṃ anārakkhānaṃ viharataṃ*, sống xao lãng, không giữ gìn (các căn).

¹² Pāli: *na hoti paccattaṃ sahadhammiko samaṇavādo*, không thể tự gọi mình là Sa-môn một cách chân chính.

như là lỗi chắc bên trong, những điều nên hay không nên làm, hoàn toàn không có ý dục, không có phương tiện. Đây Chư Hiền, nếu đối với điều nên làm và không nên làm mà không biết đúng như thật thì sẽ mất chính niệm, không có chính trí, không có cách nào giáo hóa đúng theo pháp của Sa-môn được'. Nói như vậy mới có thể dùng lý để khuất phục các Sa-môn, Bà-la-môn kia.

(i.3) “Ở đây, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào thấy như vậy, nói như vậy: ‘Tất cả hành vi của con người đều vô nhân vô duyên’. Ta liền đi đến chỗ người kia, đến rồi liền hỏi: ‘Đây Hiền giả, có thật Hiền giả thấy như vậy, nói như vậy: Tất cả hành vi của con người [435c] đều vô nhân vô duyên? Người kia trả lời rằng: ‘Thật vậy’. Ta lại nói với người kia rằng: ‘Nếu quả thật như vậy, các Hiền giả đều là những kẻ sát sinh cả. Vì sao thế? Bởi vì tất cả đều vô nhân vô duyên. Cũng vậy, Chư Hiền là những kẻ trộm cắp, tà dâm, nói dối cho đến tà kiến. Tại sao thế? Bởi vì tất cả đều vô nhân vô duyên. Đây Chư Hiền, đối với kiến chấp rằng: Tất cả đều vô nhân vô duyên, mà cho là như thật, như là lỗi chắc bên trong, những điều nên hay không nên làm, hoàn toàn không có ý dục, không có phương tiện. Đây Chư Hiền, nếu đối với điều nên làm và không nên làm mà không biết đúng như thật thì sẽ mất chính niệm, không có chính trí, thì không có cách nào giáo hóa đúng theo pháp của Sa-môn được’. Nói như vậy mới có thể dùng lý để khuất phục các Sa-môn, Bà-la-môn kia.

(ii.) “Những pháp mà ta tự mình biết, tự mình giác ngộ, rồi thuyết giảng cho các người; dù là Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Ma, Phạm và các loài thế gian khác đều không thể khuất phục được, không thể làm cho cúi uế được, không thể chế phục được. Thế nào là những pháp mà ta tự mình biết, tự mình giác ngộ, rồi thuyết giảng cho các người; dù là Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Ma, Phạm và các loài thế gian khác đều không thể khuất phục được, không thể làm cho cúi uế được, không thể chế phục? Đó là pháp sáu xứ¹³ mà ta tự mình biết, tự mình giác ngộ, thuyết giảng cho các người; dù là Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Ma, Phạm và các loài thế gian khác đều không thể khuất phục được, không thể làm cho cúi uế được, không thể chế phục.

¹³ Lục xứ pháp 六處法. A. I. 175: *cha phassāyatanāni*.

“Lại có pháp sáu giới¹⁴ mà ta tự mình biết, tự mình giác ngộ, thuyết giảng cho các người; dù là Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Ma, Phạm và các loài thể gian khác đều không thể khuất phục được, không thể làm cho cúi uể được, không thể chế phục.

(ii.1) “Thế nào là pháp sáu xứ mà ta tự mình biết, tự mình giác ngộ, thuyết giảng cho các người? Đó là nhãn xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ. Đó là pháp sáu xứ ta đã tự tri, tự giác, ta nói cho các người biết.

(ii.2) “Thế nào là pháp sáu giới mà ta tự mình biết, tự mình giác ngộ, thuyết giảng cho các người? Đó là địa giới, thủy, hỏa, phong, không và thức giới. Đó là pháp sáu giới mà ta đã tự tri tự giác, đã nói cho các người biết.

(ii.3) “Do hòa hiệp của sáu giới¹⁵ nên sinh thai mẹ. Nhân sáu giới mà có sáu xứ¹⁶; nhân sáu xứ có xúc¹⁷, nhân xúc mà có thọ¹⁸.

“Này các Tỳ-kheo, nếu ai có cảm thọ liên biết như thật về Khổ, biết về Khổ tập, biết về Khổ diệt, biết như thật về Khổ diệt đạo. Thế nào là biết như thật về khổ? Là sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, thù nghịch gặp nhau là khổ, yêu thương mà chia ly là khổ, mong muốn mà không được là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ.¹⁹

“Thế nào là biết như thật về Khổ tập? Đó là ái, dẫn đến hữu đương lai, [436a] câu hữu với hỷ tham, mong cầu hoan lạc nơi này nơi kia²⁰. Đó là biết như thật về Khổ tập.

“Thế nào là biết như thật về Khổ diệt? Đó là ái, dẫn đến hữu đương lai, câu hữu với hỷ tham, mong cầu hoan lạc nơi này nơi kia; tất cả như vậy

¹⁴ Lục giới pháp 六界法. A. i. 175: *cha dhātuyo*.

¹⁵ Hán: *lục giới hiệp* 六界合. A. i. 176: *channam dhātūnam upādāya gabbhassāvavakkanti hoti*, do chấp thủ (y trên) sáu giới mà có sự nhập thai.

¹⁶ Bản Pāli: nhân nhập thai mà có danh sắc... xúc... thọ.

¹⁷ Nguyên Hán: *canh lạc* 更樂.

¹⁸ Nguyên Hán: *giác* 覺.

¹⁹ Hán: ngũ thanh âm khổ 五盛陰苦. Pl.: *pañcupādānakkhandhā dukkhā*.

²⁰ Hán: thử cái thọ đương lai hữu, lạc dục cộng câu, cầu bỉ bỉ hữu 此愛受當來有樂欲共俱求彼彼有. Pl., thành cú: *yāyam taṇhā ponobhavikā nandīrāgasahagatā tatra-tatrābhinandinī*.

đã đoạn trừ không còn dư tàn, đã xả ly, diệt tận, vô dục, tịch tĩnh, tịch diệt. Đó gọi là biết như thật về Khổ diệt.

“Thế nào là biết như thật về Khổ diệt đạo? Đó là Thánh đạo tám chi, từ chính kiến cho đến chính định là tám. Đó là biết như thật về Khổ diệt đạo.

“Tỳ-kheo nên biết như thật về Khổ, nên đoạn Khổ tập, nên thực chứng Khổ diệt, nên tu Khổ diệt đạo. Tỳ-kheo nào biết như thật về Khổ, đoạn Khổ tập, thực chứng Khổ diệt, tu Khổ diệt đạo, Tỳ-kheo đó đã tận trừ tất cả lậu, đã giải trừ các kết, có thể bằng chính trí mà đoạn tận khổ biên”.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



14. KINH LA-HẦU-LA

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại thành Vương xá, trong rừng Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa¹.

Bấy giờ Tôn giả La-hầu-la² cũng ở tại thành Vương Xá, trong rừng Ôn tuyền³.

Đức Thế Tôn sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, khoác y, cầm bát, đi vào thành Vương xá để khát thực. Khát thực xong, Ngài đi đến rừng Ôn tuyền, trú xứ của Tôn giả La-hầu-la. Tôn giả La-hầu-la từ đằng xa thấy Đức Thế Tôn đến, lập tức đến rước, cầm y bát của Phật, trải tọa cụ và múc nước rửa chân. Đức Phật rửa chân xong, ngồi trên chỗ ngồi của La-hầu-la.

(i.1) Khi đó Đức Thế Tôn liền lấy chậu nước đổ đi, chỉ lưu lại một ít, rồi hỏi:

“La-hầu-la, người nay có thấy Ta cầm chậu nước này đổ đi, chỉ lưu lại một ít không?”

La-hầu-la đáp:

“Bạch Thế Tôn, con có thấy”.

Phật bảo:

“Ta nói đạo của người kia cũng ít như vậy, nghĩa là đã biết rồi còn nói dối⁴ mà không xấu hổ, không ăn năn, không tàm, không quý. Nay La-hầu-la, người kia cũng không có điều ác nào là không làm. Do đó, nay La-hầu-la, hãy nên học như thế này: Không được [436b] đùa giỡn và nói dối”.

(i.2) Đức Thế Tôn lại lấy cái chậu còn lại một ít nước đổ hết ra rồi hỏi

¹ Trúc lâm Ca-lan-đa viên 林迦蘭哆圓. Pāli: tại khu Kalandakanivāpa trong. Veluvāna

² Trong bản: La-vân 尊者羅云. Pāli: Rahula.

³ Ôn tuyền lâm 溫泉林. Pāli: *Tapodārāma*, tỉnh xá Ôn tuyền hay Suối nước nóng, ở phụ cận thành Vương xá. Bản Pāli, M. 61 (i. 144), bấy giờ Rahula ở rừng Ambalaṭṭhikā.

⁴ Pl.: *sampajānamusavāda*, cố ý vọng ngữ.

rằng:

“Này La-hầu-la, ngươi lại có thấy Ta cầm cái chậu còn một ít nước ấy đổ ra hết không?”

La-hầu-la trả lời rằng:

“Con có thấy, bạch Thế Tôn”.

Phật bảo rằng:

“Này La-hầu-la, Ta nói rằng đạo của người kia cũng mất hết như vậy. Nghĩa là đã biết rồi còn nói dối, mà không xấu hổ, không ăn năn, không tàm, không quý. Này La-hầu-la, người ấy cũng không có việc ác nào mà không làm. Do đấy, này La-hầu-la nên học như thế này: Không được đùa giỡn và nói dối”.

(i.3) Đức Thế Tôn lại cầm chậu trống không ấy úp xuống đất rồi hỏi rằng:

“Này La-hầu-la, ngươi lại có thấy Ta cầm chậu không này úp xuống đất không?”

La-hầu-la trả lời:

“Con có thấy, bạch Thế Tôn”.

Phật bảo rằng:

“Này La-hầu-la, Ta nói rằng đạo của người kia cũng bị lật úp như vậy, nghĩa là đã biết rồi còn nói dối mà không biết xấu hổ, không ăn năn, không tàm, không quý. Này La-hầu-la, người ấy cũng không có việc ác nào mà không làm. Do đó, này La-hầu-la nên học như thế này, không được đùa giỡn và nói dối”.

(i.4) Đức Thế Tôn lại cầm chậu úp lật ngửa lên rồi hỏi rằng:

“Này La-hầu-la, ngươi có thấy Ta cầm cái chậu úp này giờ ngửa lên không?”

La-hầu-la trả lời rằng:

“Con có thấy, bạch Thế Tôn!”

Đức Phật bảo La-hầu-la rằng:

“Ta nói rằng đạo của người kia bị lật ngửa, cũng lại như vậy. Nghĩa là đã biết rồi còn nói dối mà vẫn không xấu hổ, không ăn năn, không tàm, không quý. Này La-hầu-la, người ấy cũng không có việc ác nào mà

không làm. Do đó này La-hầu-la, nên học như thế này: Không được đùa giỡn và nói dối.

(i.5) “Này La-hầu-la, cũng như vua có thớt voi lớn, khi xông vào trận chiến đấu, nó dùng chân trước, chân sau, đuôi, bộ chân, xương sống, hông, đầu, trán, tai, ngà, tất cả đều dùng, chỉ giữ gìn chiếc vòi. Tượng sư thấy vậy, bèn suy nghĩ như thế này: ‘Thớt voi lớn này của vua vẫn còn tiếc mạng sống. Vì sao thế? Vì thớt voi lớn của vua này khi xông vào trận giặc chiến đấu, nó dùng cả chân trước, chân sau, đuôi, bộ xương, xương sống, hông, đầu, trán, tai, ngà, tất cả đều dùng, chỉ gìn giữ chiếc vòi’. Này La-hầu-la, nếu thớt voi lớn của vua khi xông vào trận giặc chiến đấu mà dùng cả chân trước, chân sau, đuôi, bộ xương, xương sống, hông, đầu, trán, tai, vòi; thấy đều dùng tất cả. Tượng sư thấy vậy rồi liền suy nghĩ như thế này: ‘Thớt voi lớn của vua này không còn tiếc mạng sống nữa. Vì sao thế? Thớt voi lớn của vua này khi xông vào trận giặc chiến đấu, nó dùng cả chân trước, chân sau, đuôi, bộ xương, hông, đầu, ngà, vòi; tất cả đều đem dùng’. Này La-hầu-la, nếu thớt voi lớn khi xông vào trận giặc chiến đấu mà dùng cả chân trước, chân sau, đuôi, bộ xương, xương sống, hông, đầu, ngà, vòi; tất cả đều đem dùng; này La-hầu-la, Ta nói thớt voi lớn của vua khi xông vào trận giặc, chiến đấu, không có việc dữ nào mà không làm, không ăn năn, không tàm, không quý. Này La-hầu-la, Ta nói rằng: Người kia cũng không có việc ác nào mà không làm. Do đó, này La-hầu-la, nên học như thế này: Không được đùa giỡn và nói dối”.

Rồi thì Đức Thế Tôn nói bài tụng rằng:

Kẻ nào phạm một pháp,

Pháp đó là nói dối;

Nó không sợ đời sau;

Không chừa sự dữ nào.

[436c] *Thà nuốt viên sắt cháy,*

Nó nóng như lửa đỏ;

Chứ không nên phạm giới

Mà nhận đời cúng thí.

Nếu biết sợ khổ sở,

Không thích nghĩ tưởng đến;

*Chỗ sáng, hay kín đáo
Chớ tạo tác nghiệp ác.*

*Nếu tạo nghiệp bất thiện,
Đã làm, nay đang làm,
Trọn không giải thoát được
Cũng không có chỗ tránh.*

(ii) Đức Phật nói bài tụng rồi, lại hỏi rằng:

“Này La-hầu-la, người nghĩ thế nào, người ta dùng gương để làm gì?”

La-hầu-la trả lời rằng:

“Bạch Thế Tôn, để nhìn xem khuôn mặt sạch hay không sạch”.

(ii.1.a) “Cũng vậy, này La-hầu-la, nếu người sắp hành động với thân nghiệp thì hãy quán sát thân nghiệp ấy rằng: ‘Ta sắp làm với thân nghiệp; thân nghiệp ấy hại hay không hại cho mình hay cho người?’⁵ Này La-hầu-la, nếu khi quán sát như vậy, mà biết rằng: ‘Ta sắp làm với thân nghiệp, nghiệp ấy hại cho mình, hoặc hại cho người; đó là thân nghiệp bất thiện, nó sẽ đưa đến khổ quả và phải thọ lấy khổ báo’. Này La-hầu-la, người nên bỏ thân nghiệp bất thiện sắp được làm ấy đi.

(ii.1.b) “Này La-hầu-la, nếu khi quán sát như vậy mà biết rằng: ‘Ta sắp làm với thân nghiệp; thân nghiệp ấy không hại⁶ mình hay hại người; đó là thân nghiệp thiện, nó sẽ đưa đến lạc quả và sẽ thọ lấy lạc báo’. Này La-hầu-la, người hãy thực hiện thân nghiệp sẽ làm ấy.

(ii.2.a) “Này La-hầu-la, người hiện tại đang hành động với thân nghiệp, hãy quán sát thân nghiệp ấy rằng: ‘Ta đang làm thân nghiệp; thân nghiệp ấy hại hay không hại cho mình hay cho người?’ Này La-hầu-la, khi quán sát như vậy mà biết rằng: ‘Ta đang làm thân nghiệp; thân nghiệp này hại mình hay hại người; đó là thân nghiệp bất thiện sẽ đưa đến khổ quả và thọ lấy khổ báo’. Này La-hầu-la, người nên bỏ thân nghiệp đang làm ấy

⁵ Hán: vi tịnh, vi bất tịnh, vị tự vi, vị tha 為淨為不淨為自為為他. Có sự không rõ ràng trong bản án, xét theo nội dung những điều được nói đoạn tiếp theo. Đây dựa theo nội dung Pāli mà phỏng dịch. Pl.: [attavyābādhāyapi... paravyābādhāyapi...](#)

⁶ Hán: 彼身業不淨; rõ ràng có sự nhầm lẫn. Xem [cht. 5](#) trên.

đi.

(ii.2.b) “Này La-hầu-la, nếu khi quán sát như vậy, mà biết rằng: ‘Ta đang làm thân nghiệp; thân nghiệp ấy không hại mình hay hại người; đó là nghiệp ấy thiện, sẽ đưa đến lạc quả và thọ lấy lạc báo’. Này La-hầu-la, người hãy nên thực hiện thân nghiệp đang làm ấy.

(ii.3.a) “Này La-hầu-la, nếu người đã hành động với thân nghiệp, hãy quán sát thân nghiệp ấy rằng: ‘Ta đã làm thân nghiệp; thân nghiệp ấy đã quá khứ, đã diệt tận, đã biến dịch. Nó là hại hay không hại cho mình hay cho người người?’ Này La-hầu-la, nếu khi quán sát như vậy mà biết rằng: ‘Ta đã làm thân nghiệp; thân nghiệp ấy đã quá khứ, diệt tận, biến dịch, thân nghiệp ấy hại cho mình hay cho người khác; đó là nghiệp ấy là bất thiện, sẽ đưa đến khổ quả và phải thọ lấy khổ báo’. Này La-hầu-la, người hãy đến nơi đồng phạm hạnh là thiện tri thức, chí tâm phát lộ [437a] thân nghiệp đã tạo ra, xin ăn năn lỗi lầm, cẩn thận không giấu giếm, rồi phải khéo léo giữ gìn.

(ii.3.b) “Này La-hầu-la, nếu khi quán sát như vậy, mà rằng: ‘Ta đã làm thân nghiệp. Thân nghiệp ấy đã quá khứ, diệt tận, biến dịch; thân nghiệp ấy không hại mình hay người; nghiệp ấy thiện, sẽ đưa đến lạc quả và thọ lấy lạc báo’. Này La-hầu-la, người nên ngày đêm vui mừng, an trụ chính niệm, chính trí.

“Với khẩu nghiệp cũng lại như vậy.

(ii.4.a) “Này La-hầu-la, nếu nhân việc làm trong quá khứ nên đã sinh ý nghiệp, hãy quán sát ý nghiệp ấy rằng: ‘Nếu nhân việc làm trong quá khứ đã sinh ý nghiệp; ý nghiệp ấy hại hay không hại cho mình hay cho người?’ Này La-hầu-la, nếu khi quán như vậy, mà biết nhân việc làm trong quá khứ mà sinh ra ý nghiệp; ý nghiệp đã quá khứ, diệt tận, biến dịch; ý nghiệp ấy hại mình hay người; nghiệp ấy là bất thiện sẽ đưa đến khổ quả và phải thọ lấy khổ báo. Này La-hầu-la, người nên bỏ ý nghiệp trong quá khứ ấy đi.

“Này La-hầu-la, nếu khi quán như vậy, thấy rằng nhân việc làm trong quá khứ mà đã sinh ra ý nghiệp; ý nghiệp ấy đã quá khứ, diệt tận, biến dịch; ý nghiệp ấy không hại mình hay người; nghiệp ấy là thiện sẽ đưa đến lạc quả và thọ lấy lạc báo. Này La-hầu-la, người đến thọ nhận ý nghiệp quá khứ ấy.

(ii.4.b) “Này La-hầu-la, nhân việc làm trong vị lai nên sẽ sinh khởi ý nghiệp, hãy quán sát ý nghiệp ấy rằng: ‘Nếu nhân việc làm trong vị lai sẽ sinh ý nghiệp; ý nghiệp ấy là hại hay không hại cho mình hay cho người?’ Này La-hầu-la, nếu khi quán như vậy, mà biết rằng ‘Nhân việc làm trong vị lai mà sẽ sinh ý nghiệp; ý nghiệp ấy hại mình hay người; nghiệp ấy là bất thiện sẽ đưa đến khổ quả và phải thọ lấy khổ báo’. Này La-hầu-la, người nên xả bỏ ý nghiệp trong vị lai đó đi.

“Này La-hầu-la, nếu khi quán sát như vậy, liền biết rằng: ‘Nhân việc làm trong vị lai mà sinh ý nghiệp; ý nghiệp đó không hại mình hay người; nghiệp ấy là thiện, sẽ đưa đến lạc quả và thọ lấy lạc báo. Này La-hầu-la, người nên nhận lãnh ý nghiệp trong vị lai ấy.

(ii.4.c) “Này La-hầu-la, nhân việc làm trong hiện tại nên đang sinh khởi ý nghiệp, hãy nên quán sát ý nghiệp ấy rằng: ‘Nếu nhân việc đang làm trong hiện tại nên sinh khởi ý nghiệp, ý nghiệp ấy hại hay không hại cho mình hay cho người?’ Này La-hầu-la, nếu khi quán sát như vậy, mà biết rằng: ‘Nhân việc đang làm trong hiện tại nên đang sinh khởi ý nghiệp; ý nghiệp ấy hại mình hay người; nghiệp ấy là bất thiện, sẽ đưa đến khổ quả và sẽ thọ lấy khổ báo’. Này La-hầu-la, người nên xả bỏ ý nghiệp trong hiện tại ấy đi.

“Này La-hầu-la, nếu khi quán sát như vậy, mà biết rằng: ‘Nhân có việc đang làm trong hiện tại nên đang sinh khởi ý nghiệp; ý nghiệp ấy không hại mình hay người; [437b] nghiệp ấy là thiện sẽ đưa đến lạc quả và thọ lấy lạc báo’. Này La-hầu-la, người nên nhận lãnh ý nghiệp hiện tại ấy.

(iii) “Này La-hầu-la, nếu trong quá khứ đã có những vị Sa-môn, Bà-la-môn tạo nghiệp thân, khẩu, ý; đã quán sát rồi, lại quán sát nữa; đã thanh tịnh, lại thanh tịnh nữa. Tất cả những vị ấy, ngay nơi nghiệp thân, khẩu, ý của mình, quán rồi lại quán nữa, đã tịnh rồi lại tịnh hơn nữa.

Này La-hầu-la, nếu trong vị lai sẽ có những vị Sa-môn, Bà-la-môn tạo nghiệp thân, khẩu, ý, sẽ quán rồi lại quán nữa, sẽ thanh tịnh rồi lại thanh tịnh hơn.⁷ Tất cả những vị ấy ngay nơi thân nghiệp, khẩu, ý nghiệp của mình, quán rồi lại quán nữa, sẽ thanh tịnh rồi lại thanh tịnh

⁷ Pl. A.i.420: (...) *evamevam paccavekkhitvā, kāyakammaṃ parisodhesuṃ*, sau khi quán sát như vậy, họ làm cho thân nghiệp thanh tịnh.

hơn.

“Này La-hầu-la, nếu trong hiện tại có những Sa-môn, Bà-la-môn tạo nghiệp thân, khẩu, ý; đang quán rồi lại quán nữa, đang thanh tịnh rồi lại thanh tịnh hơn. Tất cả những vị ấy ngay nơi nghiệp thân, khẩu, ý của mình, đang quán rồi lại quán nữa, đang thanh tịnh rồi lại thanh tịnh hơn.

“Này La-hầu-la, người nên học như thế. Chính Ta cũng ngay nơi nghiệp thân, khẩu, ý của Ta, đang quán rồi lại sẽ quán, đang thanh tịnh rồi lại thanh tịnh hơn”.

Rồi thì, Đức Thế Tôn lại nói bài tụng rằng:

*Thân nghiệp và khẩu nghiệp,
Ý nghiệp, La-hầu-la!
Pháp thiện hay bất thiện;
Người hãy thường quán sát.*

*Đã biết còn nói dối:
La-hầu-la, chớ nói!
Sự sống nương nơi người,
Sao lại nói dối người?*

*Pháp Sa-môn bị úp,
Trống không, không chơn thật;
chính hình là nói dối,
Không giữ gìn miệng mình.*

*Cho nên không nói dối,
Là con bậc chính giác.
Đó là pháp Sa-môn,
La-hầu-la, hãy học!*

*Nơi nơi vui sung túc,
An ổn, không sợ hãi,
La-hầu-la, đến đó,
Chớ làm hại người khác!*

Phật thuyết như vậy. Tôn giả La-hầu-la và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



15. KINH TƯ'

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm Lâm lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng.

“Nếu kẻ nào cố ý tạo nghiệp¹, Ta nói rằng kẻ ấy phải thọ lấy quả báo. Hoặc thọ ngay trong đời hiện tại, hoặc thọ vào đời sau. Nếu tạo nghiệp mà không cố ý, Ta nói rằng người ấy không nhất thiết phải thọ quả báo.

“Ở đây, thân cố ý tạo ba nghiệp bất thiện, đưa đến khổ quả, thọ khổ quả. Miệng có bốn nghiệp, ý sinh [437c] nghiệp bất thiện, đưa đến khổ báo, thọ khổ quả.

“Những gì là ba nghiệp do thân cố ý tạo bất thiện, đưa đến khổ quả, phải thọ khổ báo? Một là sát sinh, quá hung dữ, uống máu, cứ muốn sát hại, không thương xót chúng sinh, cho đến loài côn trùng. Hai là lấy của không được cho, đấm trước tài vật của kẻ khác, chiếm lấy với ý muốn trộm cắp. Ba là tà dâm; người kia chính mình xâm phạm tới người nữ có cha giữ gìn, hoặc có mẹ giữ gìn, hoặc được cả cha và mẹ giữ gìn, hoặc được chị em giữ gìn, hoặc được anh em giữ gìn, hoặc được cha mẹ chồng² giữ gìn, hoặc được người thân thuộc giữ gìn, hoặc được người cùng dòng họ giữ gìn; hoặc được bảo vệ bằng đe dọa hình phạt hay roi vọt³, hoặc đã được thuê, hoặc đã được hứa hôn, cho đến chỉ mới nhận tràng hoa làm tin. Đó là ba nghiệp do thân cố ý tạo bất thiện, đưa đến khổ quả, thọ lấy khổ báo.

“Những gì là bốn nghiệp do miệng cố ý tạo bất thiện, đưa đến khổ quả, thọ lấy khổ báo? Một là nói dối; người kia hoặc ở giữa đám đông, hoặc trong quyền thuộc, hoặc ở tại vương gia, nếu có ai gọi mà hỏi rằng: ‘Người có biết thì nói’. Nhưng nó không biết mà nói là biết, biết nói là không biết; không thấy nói là thấy, thấy nói không thấy. Vì mình, vì

¹ Hán: cố tác nghiệp 故作業.

² Hán: phụ phụ mẫu 婦父母: “cha mẹ vợ”. Có lẽ muốn nói “cha mẹ của nàng dâu” tức cha mẹ chồng.

³ Nghĩa là, được pháp luật bảo vệ.

người, hoặc vì của cải, biết rồi mà lại nói dối. Hai là nói hai lưỡi; muốn ly gián người khác nên nghe nơi người này đem nói với người kia vì muốn phá hoại người này. Nghe nơi người kia đem nói với này vì muốn phá hoại người kia. Những kẻ hợp nhau thì muốn tạo ly tán; những kẻ đã ly tán lại muốn cho xa rời để kết bè đảng, vui thích bè đảng, khen ngợi bè đảng. Ba là nói thô ác; người ấy nếu có nói năng gì thì lời lẽ thô tục, hung bạo, tiếng dữ trái tai, không ai mến nổi, làm cho người khác phải khổ não, khiến cho không được định tâm. Bốn là nói lời phù phiếm; người ấy nói không đúng lúc, nói không thành thật, nói lời không đúng nghĩa, nói lời không đúng pháp, nói không dẫn đến tịch tĩnh⁴, lại còn khen ngợi sự không tịch tĩnh, trái ngược thời gian mà lại không khéo dạy dỗ, không khéo la mắng. Đó là bốn nghiệp do miệng cố ý tạo, bất thiện, đưa đến khổ quả, thọ lấy khổ báo.

“Những gì ba nghiệp của ý cố ý tạo bất thiện, đưa đến khổ quả, thọ lấy khổ báo? Một, tham lam; thấy tài vật và các tư cụ sinh sống của người khác thường tham lam ước muốn sao cho được về của mình. Hai là sân nhuế; trong ý ôm ấp oán ghét, nghĩ rằng: chúng sinh kia đáng giết, đáng trói, đáng bắt, đáng loại bỏ, đáng đuổi đi, mong cho kẻ kia thọ khổ vô lượng. Ba là tà kiến; sở kiến điên đảo, thấy như vậy, nói như vậy: ‘Không có bố thí, không có trai phước, không có chú thuyết, không có nghiệp thiện ác, không có nghiệp báo thiện ác, không có đời này, đời sau; không có cha mẹ, trên đời [438a] không có bậc chân nhân đi đến chỗ chí thiện, khéo vượt qua, khéo hướng đến, ở đời này và đời sau mà tự chứng tri, tự giác ngộ, tự thân tác chứng, thành tựu và an trú. Đó là ba nghiệp do ý cố ý tạo bất thiện, đưa đến khổ quả, thọ lấy khổ báo.

“Đa văn Thánh đệ tử xả bỏ nghiệp bất thiện của thân, tu thân thiện nghiệp, xả bỏ nghiệp bất thiện của miệng và ý, tu thiện nghiệp miệng và ý. Đa văn Thánh đệ tử đầy đủ giới đức tinh tấn như vậy, thành tựu tịnh nghiệp nơi thân, thành tựu tịnh nghiệp nơi miệng và ý, lìa sân nhuế, lìa não hại, từ bỏ ngủ nghỉ, không trạo cử và cống cao, đoạn nghi, vượt kiêu mạn, chính niệm, chính trí, không còn ngu si, tâm vị ấy đi đôi với từ, biến mãn một phương thành tựu và an trú. Cũng vậy, với hai, ba, bốn phương và tứ duy, thượng, hạ, biến mãn, tâm đi đôi với từ, không thù

⁴ Hán: bất chỉ tức thuyết 不止息說.

không oán, không sân nhuế, không não hại, quảng đại, vô biên vô lượng, khéo tu tập biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Người kia suy nghĩ rằng: ‘Tâm ta xưa kia vốn nhỏ hẹp, không khéo tu. Tâm ta nay đây khéo tu, quảng đại, vô lượng’. Đa văn Thánh đệ tử đối với tâm vô lượng, khéo tu tập như vậy, nếu trước kia nhân có ác tri thức, vì đã phóng dật mà tạo nghiệp bất thiện, nay những thứ ấy không thể lôi kéo, không thể làm bẩn, không còn [438b] đi theo nữa. Giả sử có một trẻ thơ hoặc trai hay gái được sinh ra, liền có thể tu hành từ tâm giải thoát⁵, về sau thân, miệng và ý có còn tạo những nghiệp bất thiện nữa chăng?”

Các Tỳ-kheo thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, không thể”.

“Vì sao vậy? Tự mình không làm nghiệp ác thì nghiệp ác ấy do đâu mà sinh? Do đó, người tại gia hay xuất gia, nam hay nữ, thường phải siêng tu từ tâm giải thoát. Nếu người tại gia hay xuất gia, nam hay nữ ấy, tu từ tâm giải thoát, thì không còn mang thân này đi đến đời sau mà chỉ theo tâm đi khỏi cõi này. Tỳ-kheo nên nghĩ như vậy: ‘Ta vốn vì buông lung mà tạo nghiệp bất thiện. Tất cả nghiệp ấy có thể thọ báo trong đời này, chứ không thể đi đến đời sau nữa’. Nếu có người thực hành từ tâm giải thoát rộng lớn vô lượng, khéo tu tập như vậy, chắc chắn chứng quả A-na-hàm, hoặc chứng cao hơn nữa.

“Cũng vậy, tâm bi và hỷ; tâm câu hữu với xả, không kết, không oán, không sân nhuế, không não hại, quảng đại, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Người ấy suy nghĩ như vậy: ‘Tâm ta trước vốn nhỏ hẹp, không khéo tu tập. Tâm ta nay đây rộng lớn vô lượng, được khéo tu tập’. Đa văn Thánh đệ tử đối với tâm vô lượng, khéo tu tập như vậy, nếu trước kia nhân có ác tri thức, vì đã phóng dật mà tạo nghiệp bất thiện, nay những thứ ấy không thể lôi kéo, không thể làm bẩn, không còn đi theo nữa. Giả sử có một trẻ thơ hoặc trai hay gái được sinh ra, liền có thể tu hành xả tâm giải thoát, về sau thân, miệng và ý có còn tạo những nghiệp bất thiện nữa chăng?”

Các Tỳ-kheo thưa rằng:

⁵ Hán: từ tâm giải thoát 慈心解脱. Pāli: *mettaṃ cetovimuttim*, tâm giải thoát với từ.

“Bạch Thế Tôn, không thể”.

“Vì sao vậy? Tự mình không làm nghiệp ác thì nghiệp ác ấy do đâu mà sinh? Do đó, người tại gia hay xuất gia, nam hay nữ, thường phải siêng tu xả tâm giải thoát. Nếu người tại gia hay xuất gia, nam hay nữ ấy, tu xả tâm giải thoát, thì không còn mang thân này đi đến đời sau mà chỉ theo tâm đi khỏi cõi này. Tỳ-kheo nên nghĩ như vậy: ‘Ta vốn vì buông lung mà tạo nghiệp bất thiện. Tất cả nghiệp ấy có thể thọ báo trong đời này, chứ không thể đi đến đời sau nữa’. Nếu có người thực hành xả tâm giải thoát rộng lớn vô lượng, khéo tu tập như vậy, chắc chắn chứng quả A-na-hàm, hoặc chứng cao hơn nữa”.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



16. KINH GIÀ-LAM

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại Già-lam viên¹, cùng đại chúng Tỳ-kheo, đến Ki-xá Tử², trụ trong vườn Thi-nhiếp-hòa³, phía Bắc thôn Ki-xá Tử.

Bấy giờ những người Già-lam ở Ki-xá Tử nghe đồn Sa-môn Cù-đàm thuộc dòng họ Thích, đã từ bỏ dòng họ Thích, xuất gia học đạo, đang trú tại Già-lam viên, và cùng đại chúng Tỳ-kheo đến Ki-xá Tử này, trụ trong rừng Thi-nhiếp-hòa ở phía Bắc thôn Ki-xá Tử. Vị Sa-môn Cù-đàm ấy có tiếng tăm lớn, truyền khắp mười phương rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Vị ấy ở trong thế gian này giữa Chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, từ loài người cho đến loài trời, tự tri tự giác, tự tác chứng, thành tựu và an trụ. Pháp mà vị ấy thuyết, khoảng đầu thiện, khoảng giữa thiện, cứu cánh cũng thiện, có nghĩa, có văn, hiển hiện phạm hạnh thanh tịnh trọn đủ’. Nếu gặp được Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác để tôn trọng, lễ bái cúng dường, thừa sự, thì sẽ được nhiều thiện lợi. Chúng ta hãy cùng nhau đến gặp Sa-môn Cù-đàm để lễ bái, cúng dường”. Những người Già-lam ở Ki-xá Tử, nghe như vậy rồi, mỗi người cùng với quyến thuộc của mình kéo nhau ra khỏi Ki-xá Tử, đi về phía Bắc, tới rừng Thi-nhiếp-hòa. Họ muốn gặp Đức Thế Tôn để lễ bái cúng dường.

Đi đến chỗ Phật ngụ, những người Già-lam ấy hoặc có người lễ bái cúi đầu dưới chân Phật [438c] rồi ngồi sang một bên, hoặc có người chào hỏi Đức Phật rồi ngồi sang một bên, hoặc có người chấp tay hướng đến Phật rồi ngồi sang một bên, hoặc có người từ đằng xa thấy Đức Phật rồi im lặng ngồi xuống.

Lúc đó, những người Già-lam đều ngồi yên. Đức Phật thuyết pháp cho họ, khai thị, giáo giới, khiến cho hoan hỷ, được lợi ích. Sau khi bằng vô

¹ Già-lam viên 伽藍園. Pāli, A. i. 189: tại thị trấn của những người Kālāma tên là Kesaputta, ở Kosala.

² Ki-xá tử 羈舍子; Pāli: Kesaputta, xem cht. trên.

³ Thi-nhiếp-hòa lâm 尸攝毖林. Pāli: Simsapā.

lượng phương tiện thuyết pháp, khai thị, giáo giới, khiến cho hoan hỷ, được lợi ích, Ngài ngồi im lặng.

Bấy giờ những người Già-lam sau khi được Đức Phật thuyết pháp, khai thị, giáo giới, khiến cho hoan hỷ, được lợi ích, họ đều từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo trịch vai bên hữu, chấp tay đến hướng Đức Phật, rồi bạch Đức Thế Tôn rằng:

“Thưa Cù-đàm, có một vị Sa-môn, Bà-la-môn đi đến Già-lam chỉ tự khen ngợi tri kiến của mình mà chê bai tri kiến của người khác. Thưa Cù-đàm, lại có một vị Sa-môn, Bà-la-môn đi đến Già-lam cũng chỉ tự khen ngợi tri kiến của mình mà chê bai tri kiến của kẻ khác. Thưa Cù-đàm, chúng tôi nghe vậy liền sinh nghi hoặc: Những vị Sa-môn, Bà-la-môn ấy, vị nào thật? Vị nào hư?”⁴

Đức Thế Tôn nói rằng:

“Này các người Già-lam, các người chớ sinh nghi hoặc.⁵ Vì sao vậy? Vì nhân có nghi hoặc liền sinh ra do dự.⁶ Này các người Già-lam, các người tự mình không có tịnh trí để biết có đời sau hay không có đời sau. Này các người Già-lam, các người cũng không có tịnh trí để biết điều đã làm có tội hay không có tội. Này các người Già-lam, nên biết các nghiệp có ba cái là nguyên nhân, là sự tập khởi, là căn bản là duyên của nó⁷. Những gì là ba? Này các người Già-lam, tham là nhân, là tập, là bản, là duyên

⁴ Pl.: *ahudeva kaṇkhā, ahudeva vicikicchā*, “(chúng tôi) hoài nghi và phân vân!”

⁵ Hán: mạc sinh nghi hoặc 莫生疑惑. Cf. Pāli, A. i. 188: *alañhi vo, kālāmā, kaṅkhitum alam vicikicchium*. Bất biến từ *alam* ở đây thường hiểu theo nghĩa khẳng định: “Thích hợp thay cho các người, những người Kālāmā, để mà hoài nghi!” Nghĩa là, hoài nghi là đúng. Nhưng bản Hán hiểu theo nghĩa tiêu cực, trong câu cấm chỉ: “Thôi đủ rồi để mà nghi hoặc!” Nghĩa là, chớ có hoài nghi! Đoạn trả lời của Phật tiếp theo trong bản Pāli là đoạn kinh nổi tiếng, rất nổi tiếng, về sự không chấp nhận giáo điều, cho nên, ở đây Phật chấp nhận thái độ hoài nghi đối với những giáo thuyết mà mình được nghe.

⁶ Pl.: *kaṅkhanīyeva... vicchikicchā uppannā*.

⁷ Hán: tập nhân bản hữu 因習本有; tức nhân, tập, duyên, sinh: bốn hành tướng của những cái làm nguyên nhân. Pāli, thành cú: *esva hetu etaṃ nidānaṃ esa samudayo esa paccayo*, đó là nhân, là (bản) duyên, là tập (khởi), là duyên (sinh).

của các nghiệp. Nay các người Già-lam, nhuế và si là nhân, là tập, là bản, là duyên của các nghiệp.

“Này các người Già-lam, người có tham bị tham che lấp,⁸ tâm không nhàm đủ, hoặc sát sinh, hoặc lấy của không cho, hoặc hành tà dâm, hoặc biết mà nói dối, hoặc lại uống rượu. Nay các người Già-lam, người có nhuế bị nhuế che lấp, tâm không nhàm đủ, hoặc sát sinh, hoặc lấy của không cho, hoặc hành tà dâm, hoặc biết mà nói dối, hoặc lại uống rượu. Nay các người Già-lam, người có si bị si che lấp, tâm không nhàm đủ, hoặc sát sinh, hoặc lấy của không cho, hoặc hành tà dâm, hoặc biết mà nói dối, hoặc lại uống rượu.

“Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa việc giết hại, dứt bỏ sự giết hại, dẹp bỏ dao gậy; có tâm, có quý, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả, cho đến côn trùng. Vị ấy đối với sự sát sinh, tâm đã trừ sạch.

“Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa việc lấy của không cho, đoạn trừ việc lấy của không cho; vui vẻ trong việc nhận của được cho, thường ưa sự bố thí, vui vẻ không keo kiệt, không mong người kia đền trả. Vị ấy đối với việc lấy của không cho, tâm đã trừ sạch.

“Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa việc phi phạm hạnh, đoạn trừ [439a]việc phi phạm hạnh; siêng tu phạm hạnh, siêng tu điều hành, thanh tịnh, không uế, ly dục, đoạn dâm. Vị ấy đối với việc phi phạm hạnh, tâm đã trừ sạch.

“Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa việc nói dối, đoạn trừ sự nói dối; nói lời chân thật, ưa thích sự chân thật, an trụ nơi chân thật không di động, tất cả những điều vị ấy nói đều đáng tin, không lừa gạt thế gian. Vị ấy đối với việc nói dối, tâm đã trừ sạch.

“Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa sự nói hai lưỡi, đoạn trừ việc nói hai lưỡi, không phá hoại kẻ khác, không nghe nơi người này nói lại người kia muốn phá hoại người này, không nghe nơi người kia nói lại với người này muốn phá hoại người kia; những người xa lìa nhau thì muốn kết hợp lại, thấy người kết hợp lại thì vui vẻ, không kết bè đảng, không khen việc kết bè đảng. Vị ấy đối với việc nói hai lưỡi, tâm đã

⁸ Pl. *ibid.*: *luddho purisapuggalo lobhena abhibhūto*, người xan tham bị tham lam không chế.

trừ sạch.

“Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa việc nói thô ác, đoạn trừ việc nói thô ác. Nếu có những lời mà từ khí thô bạo, âm thanh hung dữ trái tai, mọi người không vui, mọi người không ưa, làm cho người khác khổ não, làm cho họ không được an ổn, vị ấy đoạn trừ những lời nói như vậy. Nếu có những lời hòa nhã dịu dàng, xuôi tai, đi sâu vào lòng người, đáng thích, đáng yêu, làm cho người kia an lạc, âm thanh vừa đủ rõ ràng, không làm cho người kia sợ sệt, làm cho người kia được an ổn, vị ấy nói những lời như vậy. Vị ấy đối với việc nói lời thô ác, tâm đã tịnh trừ.

“Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa lời nói phù phiếm, đoạn trừ lời nói phù phiếm; nói đúng lúc, đúng sự thật, nói đúng pháp, nói đúng nghĩa, nói về tịch tĩnh, ưa nói về tịch tĩnh, hợp việc, hợp thời, thích nghi, khéo dạy dỗ, khéo quở rầy. Vị ấy đối với việc nói phù phiếm, tâm đã tịnh trừ.

“Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa tham lam, đoạn trừ tham lam, không ôm lòng nào hại, thấy của cải và các nhu cầu sinh sống của người khác không móng lòng tham lam, muốn cho được trở về mình. Vị ấy đối với việc tham lam tâm đã tịnh trừ.

“Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa sân nhuế, đoạn trừ sân nhuế, có tâm, có quý, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả, cho đến loài côn trùng. Vị ấy đối với sân nhuế tâm đã tịnh trừ.

“Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa tà kiến, đoạn trừ tà kiến, thực hành chính kiến, không điên đảo; thấy như vậy, nói như vậy: ‘Có sự bố thí, có sự trai phước, và cũng có chú thuyết, có nghiệp thiện ác, có nghiệp báo thiện ác. Có đời này và đời sau. Có cha, có mẹ, trên đời có những bậc chân nhân đi đến thiện xứ, khéo vượt qua, khéo hướng đến, trong đời này và đời sau mà tự tri tự giác, tự tác chứng thành tựu và an trụ. Vị ấy đối với việc tà kiến, tâm đã tịnh trừ.

“Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử thành tựu tịnh nghiệp nơi thân, thành tựu tịnh nghiệp nơi khẩu và ý. Xa lìa nhuế, xa lìa não hại, trừ bỏ thù miên, [439b] không trạo cử, cống cao, đoạn trừ nghi, vượt qua mạn, chính niệm, chính trí, không có ngu si; tâm vị ấy tương ứng với từ, biếu mẫn một phương, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, trong hai,

ba, bốn phương, tứ duy, thượng, hạ, cùng khắp tất cả, tâm tương ứng với từ, không thù, không oán, không sân nhuế, không nã hại, rất rộng lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, tâm bi, hỷ; tâm tương ứng với xả, không thù không oán, không sân nhuế, không nã hại, rộng lớn vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử tâm không thù, không oán, không sân nhuế, không nã hại, liền được bốn trụ xứ an ổn⁹. Những gì là bốn?

“Nếu có đời này đời sau, có quả báo của nghiệp thiện và ác.¹⁰ Khi ta đã được nghiệp tương ứng với chính kiến này rồi, ta thọ trì đầy đủ, thân hoại mạng chung chắc chắn sinh đến thiện xứ, cho đến sinh lên các cõi trời’. Như vậy, này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không sân nhuế, không nã hại; đó là trụ xứ an ổn thứ nhất.

“Lại nữa, này các người Già-lam, ‘Nếu không có đời này và đời sau, không có quả báo của nghiệp thiện và ác.’¹¹ Như vậy, ta ở ngay trong đời này không phải do cố ấy mà bị người khác bài bác; nhưng lại được bậc chính trí khen ngợi, người tinh tấn, người có chính kiến nói là có’. Như vậy, này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không nã hại, đó là được trụ xứ an ổn thứ hai.

“Lại nữa, này các người Già-lam, ‘Nếu có tạo tác gì, chắc chắn ta không có tạo ác,¹² ta không niệm ác. Vì sao vậy? Vì tự mình không tạo ác, khổ do đâu mà sinh?’ Như vậy, này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không nã hại; đó là trụ xứ an ổn thứ ba.

“Lại nữa, này các người Già-lam, ‘Nếu có tạo tác, chắc chắn ta không tạo

⁹ Hán: *an ổn trú xứ* 安穩住處: tô tức xứ. Pāli: *assāsa*, sự nghỉ ngơi (lấy lại hơi thở quân bình), sự bình an.

¹⁰ Pl.: *sace kho pana atthi paraloka*, giả sử có thế giới khác (đời sau).

¹¹ Pl.: *sace kho pana natthi paraloka, natthi sukata dukatānaṃ kammānaṃ phalaṃ vipāka*, giả sử không có thế giới khác, không có quả dị thực của những nghiệp thiện hay bất thiện.

¹² Pl. : *sace kho pana karoto karīyati pāpaṃ, na kho panāhaṃ kassaci pāpaṃ cetemi*, “giả sử có làm điều gì ác, nhưng ta không có ý ác đối với bất cứ ai.”

ác, nhưng ta không phạm đời, dù kẻ sợ hay kẻ không sợ,¹³ luôn luôn nên thương xót tất cả thế gian, tâm ta không tranh chấp với tất cả thế gian, không vẫn đục, nhưng hân hoan’. Như vậy, này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không nào hại; đó là trụ xứ an ổn thứ tư.

“Như vậy, này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không sân hận, không nào hại; đó là được bốn trụ xứ an ổn”.

Những người Già-lam bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, đúng vậy, Đa văn Thánh đệ tử tâm không thù, không oán, không sân nhuế, không nào hại, Ichính học bốn trụ xứ an ổn. Những gì là bốn?

““Nếu có đời này đời sinh có quả báo của nghiệp thiện và ác. Khi ta đã được nghiệp [439c] tương ứng với chính kiến này rồi, ta thọ trì đầy đủ, thân hoại mạng chung chắc chắn sinh đến thiện xứ cho đến sinh lên các cõi trời’. Như vậy, thưa Cù-đàm, Đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không sân nhuế, không nào hại; đó là trụ xứ an ổn thứ nhất.

“Lại nữa, thưa Cù-đàm, ‘Nếu không có đời này và đời sau, không có quả báo của nghiệp thiện và ác. Như vậy, ta ở ngay trong đời này không phải do có ấy mà bị người khác bài bác; nhưng lại được bậc chính trí khen ngợi, người tinh tấn, người có chính kiến nói là có’. Như vậy, thưa Cù-đàm, Đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không nào hại, đó là được trụ xứ an ổn thứ hai.

“Lại nữa, thưa Cù-đàm, ‘Nếu có tạo tác gì, chắc chắn ta không có tạo ác, ta không niệm ác. Vì sao vậy? Vì tự mình không tạo ác, khổ do đâu mà sinh?’ Như vậy, thưa Cù-đàm, Đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không nào hại; đó là trụ xứ an ổn thứ ba.

“Lại nữa, thưa Cù-đàm, ‘Nếu có tạo tác, chắc chắn ta không tạo ác, ta không phạm đời sợ hay không sợ, luôn luôn nên thương xót tất cả thế gian, tâm ta không tranh chấp với tất cả thế gian, không vẫn đục, nhưng hân hoan’. Như vậy, thưa Cù-đàm, Đa văn Thánh đệ tử tâm không kết,

¹³ Hán: *bố dữ bất bố* 怖與不怖, chỉ người run sợ tức kẻ yếu, và người vững vàng tức kẻ mạnh. Pāli: *vyāhaṃ na kiñci vyābādhemi tasmaṃ vā thāvaraṃ vā*, ta không làm hại cái gì cả, dù động vật hay bất động vật.

không oán, không nãi hại; đó là trụ xứ an ổn thứ tư.

“Như vậy, thưa Cù-đàm, Đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không sân hận, không nãi hại; đó là được bốn trụ xứ an ổn.

“Thưa Cù-đàm, chúng con đã biết. Bạch Thiện Thệ, chúng con đã hiểu. Bạch Thế Tôn, chúng con trọn đời tự quy y với Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo. Duy nguyện Thế Tôn chấp nhận cho chúng con làm Ưu-bà-tắc, bắt đầu từ hôm nay, trọn đời tự quy y, cho đến lúc mạng chung”.

Phật thuyết như vậy. Tất cả những người Già-lam và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



17. KINH GIÀ-DI-NI

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại Na-lan-đà¹, ở xóm Tường, rừng Nai².

Bấy giờ A-tu-la thiên có người con là Già-di-ni³, sắc tướng uy nghi, chói sáng rực rỡ, lúc đêm gần về sáng, đi đến nơi Đức Phật, cúi lạy dưới chân Phật rồi ngồi sang một bên.

Già-di-ni, con trời A-tu-la bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, các người Bà-la-môn tự cao,⁴ thờ chừng ấy trời⁵. Họ cho rằng, nếu có chúng sinh nào mạng chung, họ có thể làm cho [440a] tự do qua lại các thiện xứ, sinh lên cõi trời⁶. Thế Tôn là Pháp chủ, mong Thế Tôn làm cho chúng sinh khi mạng chung đi đến thiện xứ, sinh lên cõi trời”.

Thế Tôn bảo rằng:

“Này Già-di-ni, nay Ta hỏi ông, tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Này Già-di-ni, ý ông nghĩ thế nào? Nếu ở trong thôn ấp, hoặc có kẻ nam, người nữ biếng nhác, không tinh tấn, lại hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp

¹ Đề bản: Na-nan-đà viên 那難陀園; TNM: Na-nan-đà quốc 那難陀國; Pāli: Nālandā.

² Tường thôn Nai lâm 牆村奈林. Pāli: Pāvārika-ambavana, là một vườn xoài của Pavārika, một phú hào người Kosambi. Trong vườn xoài tại thị trấn Nālanda, ông dựng một tịnh xá cúng dường Phật.

³ Hán: A-tu-la thiên — Già-di-ni 阿私羅天 - 伽彌尼. Pāli (S.iv. 311): Asibandakaputta-Gāmaṇi, thôn trưởng Asibandakaputta. Bản Hán hiệu *gāmaṇi* (thôn trưởng) là từ riêng, và Asibandha là một thiên thần.

⁴ Hán: Phạm chí tự cao 梵志自高. Pl.: *brāhmaṇā pacchābhūmakā*, những người Bà-la-môn ở phương Tây; bản Hán đọc là *paccabhūmaka*?

⁵ Hán: sự nhược can thiên 事若干天. Nhưng người Pacchābhūmaka thờ lửa (*aggiparicārakā*), thờ nước (udakohakā, lợi xuống nước để thanh tẩy), và nhiều tập tục khác, mà Hán chỉ tóm tắt nói “thờ một số Trời.”

⁶ Bản Pāli nói, theo tập quán các Bà-la-môn phương Tây (Pacchābhūmaka), nếu có những người chết họ chỉ cần gọi tên là những người này được sinh lên cõi trời.

đạo bất thiện, là sát sinh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến. Người ấy khi mạng chung, nếu có số đông người đến, thấy đều chấp tay hướng về người đó kêu gọi, van lơn, nói như thế này: ‘Các người, nam hoặc nữ, biếng nhác, không siêng năng, lại hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện là sát sinh, lấy của không cho, tà dâm nói dối, cho đến tà kiến. Mong các người nhân việc này, duyên việc này, khi thân hoại mạng chung tất đi đến thiện xứ, sinh lên cõi trời’. Như vậy, này Già-di-ni, những người nam hay nữ biếng nhác kia, không siêng năng, lại hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện là sát sinh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến; có thể nào vì được số đông người đều đến chấp tay hướng về chúng mà kêu gọi, van lơn, nhân việc ấy, duyên việc ấy mà lúc thân hoại mạng chung lại được đi đến thiện xứ, sinh lên cõi trời không?”

Già-di-ni thưa rằng:

“Không thể được, bạch Thế Tôn”.

Phật khen rằng:

“Lành thay, Già-di-ni, vì sao thế? Những người nam hay nữ kia, biếng nhác, không siêng năng, lại thực hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện là sát sinh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến. Nếu được số đông người đến chấp tay hướng về chúng, mà kêu gọi, van lơn, nhân việc ấy, duyên việc ấy khi thân hoại mạng chung lại được đi đến thiện xứ sinh lên cõi trời. Việc đó không thể có.

“Này Già-di-ni, cũng như cách thôn không bao xa, có vực nước sâu, nơi đó có một người ôm tảng đá lớn và nặng ném vào trong nước. Nếu có số đông người đến đều chấp tay hướng về tảng đá mà kêu gọi van lơn, nói như thế này: ‘Mong tảng đá nổi lên, mong tảng đá nổi lên’. Này Già-di-ni, ông nghĩ thế nào? Tảng đá lớn nặng ấy có thể nào vì được số đông người đến đều chấp tay hướng về nó và kêu gọi van lơn, nhân việc đó, duyên việc đó mà sẽ nổi lên không?”

Già-di-ni trả lời rằng:

“Không thể được, bạch Thế Tôn!”

“Cũng vậy, này Già-di-ni, những người nam hay nữ kia biếng nhác, không tinh tấn, lại thực hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện là sát sinh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến,

nếu được số đông người đều đến chấp tay hướng về chúng mà kêu gọi, van lơn, nhân việc đó, duyên việc đó mà lúc thân hoại mạng chung, được đi đến thiện xứ, sinh lên cõi trời; điều đó không thể có được.

“Vì sao thế? [440b] Bởi vì mười loại nghiệp đạo bất thiện này vốn đen, có quả báo đen, tự nhiên đi thẳng xuống, chắc chắn đi đến ác xứ.

“Này Già-di-ni, ông nghĩ thế nào? Nếu như trong thôn ấp hoặc có người nam hay nữ, tinh tấn siêng tu, lại thực hành diệu pháp thành tựu mười nghiệp đạo thiện là xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết, xa lìa lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến xa lìa tà kiến, được chính kiến. Người ấy khi mạng chung nếu có số đông người đến đều chấp tay hướng về người đó mà kêu gọi van lơn, nói như thế này: ‘Này các người, nam hoặc nữ, các người đã tinh tấn siêng tu, lại thực hành diệu pháp, thành tựu mười nghiệp đạo thiện là xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến cũng đều xa lìa, đoạn trừ tà kiến, được chính kiến. Các người nhân việc đó, duyên việc đó mà khi thân hoại mạng chung, hãy đi đến ác xứ, sinh vào địa ngục’. Này Già-di-ni, ông nghĩ thế nào? Các người nam nữ kia, tinh tấn siêng tu lại thực hành diệu pháp, thành tựu mười nghiệp đạo thiện là xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến, đoạn trừ tà kiến, được chính kiến. Có thể nào vì bị số đông người đến chấp tay hướng về người đó mà ca ngợi cầu xin, nhân việc đó, duyên việc đó, mà khi thân hoại mạng chung sẽ đi đến ác xứ, sinh vào địa ngục không?”

Già-di-ni trả lời rằng:

“Không thể được, bạch Thế Tôn!”

Thế Tôn khen rằng.

“Lành thay, Già-di-ni! Vì sao vậy? Này Già-di-ni, những người nam hay nữ kia siêng năng tinh tấn, lại thực hành diệu pháp, thành tựu mười nghiệp thiện đạo là xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến đều xa lìa, được chính kiến. Nếu được số đông người đến chấp tay hướng về người đó mà kêu gọi van lơn, nhân việc đó, duyên việc đó mà khi thân hoại mạng chung sẽ đi đến ác xứ, sinh vào địa ngục. Điều này không thể có. Vì sao vậy? Này Già-di-ni, bởi vì mười nghiệp đạo thiện là trắng, có quả

báo trắng, tự nhiên thăng lên, chắc chắn đến thiện xứ.

“Này Già-di-ni, cũng như cách thôn không xa có vực nước sâu, nơi đó có người đem hủ dầu ném vào nước; hủ bị vỡ, sành cặn chìm xuống, dầu bơ nổi lên trên. Cũng vậy, này Già-di-ni, những người nam hay nữ kia tinh tấn siêng tu, lại thực hành diệu pháp, thành tựu mười nghiệp đạo thiện là xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến xa lìa tà kiến, đoạn trừ tà kiến, được chính kiến. Người ấy khi mạng chung, thân thể là sắc thô nặng, thuộc về bốn đại, do cha mẹ sinh, nuôi lớn bằng cơm áo, chống dựa khi ngồi nằm, chăm sóc bằng tắm gội, là pháp phá hoại, là pháp diệt tận, là pháp ly tán. Sau khi mạng chung, hoặc chim quạ rĩa mổ, hoặc [440c] hùm sói ăn, hoặc bị đốt, hoặc bị chôn. Tất cả trở thành cát bụi. Tâm ý thức của người ấy thường được huân tập bởi tín, tinh tấn, đa văn, bố thí, trí tuệ. Người ấy, nhân việc ấy, duyên việc ấy mà tự nhiên thăng lên cao, sinh đến thiện xứ.

“Này Già-di-ni, người ấy đối với việc sát sinh, đã xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết. Đó là con đường vườn hoa⁷, con đường thẳng tấn, con đường thiện xứ.

“Này Già-di-ni, cũng vậy đối với sự lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến, xa lìa tà kiến, được chính kiến. Đó là con đường vườn hoa, con đường thẳng tấn, con đường thiện xứ.

“Này Già-di-ni, lại có con đường vườn hoa, con đường thẳng tấn, con đường thiện xứ. Thế nào là lại có con đường vườn hoa, con đường thẳng tấn, con đường thiện xứ? Đó là Thánh đạo tám chi. Từ chính kiến cho đến chính định; đó là tám. Này Già-di-ni, đó là lại có con đường vườn hoa, con đường thẳng tấn, con đường thiện xứ”.

Đức Phật thuyết như vậy. Già-di-ni và các Tỷ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.⁸



⁷ Hán: *viên quán chi đạo* 園觀之道, có lẽ *uyyāna* (Pāli, vườn hoa) được do gốc động từ *uyyāti*: xuất phát. Sanskrit: *udyāna*: vườn hoa, cũng có nghĩa “tiên lên” (ud + YĀ).

⁸ Bản hán, hết quyển 3.

18. KINH SƯ TỬ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Tì-xá-li, bên bờ ao Di hầu¹, trong một ngôi nhà sàn².

(i) Bấy giờ một số đông bộ tộc Li-xa³ ở Tì-xá-li vân tập nơi sảnh đường, nhiều lần tán thán Phật, nhiều lần tán thán Pháp và Chúng Tỳ-kheo. Lúc ấy Đại thần Sư Tử, đệ tử Ni-kiền⁴, cũng ở trong chúng đó. Bấy giờ đại thần Sư Tử muốn đến thăm viếng Đức Phật để cúng dường lễ bái. Đại thần Sư Tử trước hết đi đến chỗ các Ni-kiền, thưa với các Ni-kiền rằng:

“Thưa chư Tôn, tôi muốn thăm viếng Sa-môn Cù-đàm”.

Khi ấy các Ni-kiền quả Sư Tử rằng:

“Ông chớ đến thăm Sa-môn [441a] Cù-đàm. Vì sao vậy? Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ bất khả tác⁵, và cũng giảng cho mọi người về pháp bất khả tác⁶. Nay Sư Tử, nếu thăm viếng người có tông chỉ bất khả tác sẽ không được may mắn; cúng dường lễ bái cũng sẽ không được may mắn”.

Số đông Li-xa ở Tì-xá-li ba lần vân tập nơi thánh đường, nhiều lần tán thán Phật, nhiều lần tán thán Pháp và Chúng Tỳ-kheo. Lúc ấy đại thần Sư Tử, đệ tử Ni-kiền, cũng ba lần ở trong chúng đó. Bấy giờ đại thần Sư Tử cũng lại ba lần muốn đến thăm viếng Đức Phật, cúng dường, lễ bái.

(ii) Rồi Đại thần Sư Tử không cáo từ các Ni-kiền nữa, mà đi thẳng đến chỗ Phật, cùng chào hỏi rồi ngồi xuống một bên và nói như vậy:

¹ Hán: Di hầu thủy biên 彌猴水邊. Không thấy địa danh này trong Pāli.

² Hán: Cao lâu đài quán 高樓臺觀. Pāli: kūṭagārasāla, ngôi nhà lầu, thường gọi là *Trùng* các giảng đường 重閣講堂.

³ Lê-xế 麗挈: Li-xa 離車 hoặc Lê-xa 梨車. Pāli: Licchavi.

⁴ Hán: Ni-kiền đệ tử Sư Tử đại thần 尼乾弟師子大臣. Tứ phần 42 (tr. 871b10): Tư-ha tướng quân 私呵將軍. Pāli: Tướng quân Sīha đệ tử của Nigaṇṭha.

⁵ Hán: tông bản bất khả tác 宗本不可作. Pāli: *akiriyavāda*, chủ trương phi tác nghiệp, không hành động hay không thực tiễn. Trong kinh, hàm ý “điều không nên làm” hay “không có tác dụng”, tức chủ trương không hành động.

⁶ Hán: bất khả tác pháp 不可作法. Pāli: *akiriyāya dhammam*.

(ii.1) “Tôi nghe rằng Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ bất khả tác, và cũng đem pháp bất khả tác giảng cho người khác. Thưa Cù-đàm, nếu có người nói như vậy: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ bất khả tác; cũng đem pháp bất khả tác giảng cho người khác’. Người đó há không hủy báng Sa-môn Cù-đàm chăng? Người ấy có nói đúng sự thật không? Người ấy nói có đúng pháp chăng? Người ấy nói đúng pháp và như pháp⁷ chăng? Đối với như pháp, không có sai lầm và không bị chỉ trích chăng?”

Đức Thế Tôn đáp:

(ii.2.1) “Này Sư Tử, nếu có ai nói như vậy: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ bất khả tác, và cũng đem bất khả tác giảng cho mọi người’, người ấy không hủy báng Sa-môn Cù-đàm, người ấy nói sự thật, người ấy nói đúng pháp, người ấy nói pháp như pháp, đối với như pháp không có sai lầm, cũng không bị chỉ trích. Vì sao vậy, này Sư Tử, có một sự kiện mà, nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng, khi nói rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ bất khả tác, và cũng đem pháp bất khả tác ấy nói cho người khác’.

“Này Sư Tử, lại có một sự kiện nữa mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng, khi nói rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ khả tác⁸ và cũng đem pháp khả tác ấy nói cho người khác’.

“Này Sư Tử, lại có một sự kiện nữa mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng, khi nói rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ đoạn diệt⁹ và cũng đem pháp kinh tởm ấy nói cho người khác’.

“Này Sư Tử, lại có một sự kiện nữa mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng, khi nói rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ kinh tởm¹⁰ và cũng đem pháp kinh tởm ấy nói cho người khác’.

“Này Sư Tử, lại có một sự kiện nữa mà nhân sự kiện đó, đối với pháp

⁷ *thuyết pháp như pháp* 法如法. Pāli: *dharmassa cānudhammaṃ vyākaraṇtu*, thuyết minh tùy pháp của pháp, tức là nói theo điều đã được Phật nói (Sớ giải: *bhagavā vuttakāraṇassa anukāraṇaṃ kathenti*).

⁸ Hán: tông bốn khả tác 宗本可作. Pāli: *kiriyaṇāda*.

⁹ Hán: tông bốn đoạn diệt 宗本斷滅. Pāli: *ucchedavāda*.

¹⁰ Hán: tông bốn khả (tăng) ó 宗本可(憎)惡. Pāli: *jigucchī*, tức chủ trương khổ hạnh.

như thật, không thể hủy báng, khi nói rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ pháp luật¹¹ và cũng đem pháp về pháp luật ấy nói cho người khác’. “Này Sur Tử, lại có một sự kiện nữa mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng, khi nói rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ khổ hành¹² và cũng đem [44ab] pháp khổ hành ấy nói cho người khác’.

“Này Sur Tử, lại có một sự kiện nữa mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng, khi nói rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ không nhập thai¹³ và cũng đem pháp không nhập thai ấy nói cho người khác’.

“Này Sur Tử, lại có một sự kiện nữa mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng, khi nói rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ an ổn¹⁴ và cũng đem pháp an ổn ấy nói cho người khác’.

(iii.1) “Này Sur Tử, thế nào là ‘Có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng, khi nói rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ bất khả tác, và cũng đem pháp bất khả tác ấy nói cho người’? Này Sur Tử, Ta nói thân ác hành là không nên làm,¹⁵ khẩu và ý ác hành cũng không nên làm. Này Sur Tử, nếu có vô lượng pháp cầu uế bất thiện tương tự như vậy, làm cội gốc cho các hữu trong tương lai, làm nhân cho quả báo khổ, nóng bức, và làm nhân cho sinh, già, bệnh, chết, này Sur Tử, Ta nói pháp ấy hết thảy không nên làm. Này Sur Tử, đó là có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng, khi nói rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ bất khả tác, và cũng đem pháp bất khả tác ấy nói cho người khác’.

(iii.2) “Này Sur Tử, thế nào là có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ khả tác và cũng đem tông chỉ khả tác ấy nói cho người khác’? Này

¹¹ Hán: *tông bản pháp luật* 宗本法律. Pāli: *venayika*, sự chế ngự.

¹² Hán: *tông bản khổ hành* 宗本苦行. Pāli: *tapassī*.

¹³ Hán: *tông bản bất nhập thai* 宗本不入胎. Pāli: *apagabbo*.

¹⁴ Hán: *tông bản an ổn* 宗本安隱. Pāli: *assattha*, tô tức, an tức, sự nghỉ ngơi.

¹⁵ Thân ác hành là bất khả tác. Pl.: *akiriyaṃ kāyaduccaritassa*.

Sur Tũ, Ta nói thân diệu hành là nên làm, khẩu và ý diệu hành là nên làm. Này Sur Tũ, nếu có vô lượng pháp thiện tương ứng như vậy, sẽ mang lại lạc quả, được thọ lạc báo, sinh về thiện xứ để được trường thọ. Này Sur Tũ, Ta nói, tất cả những pháp này đều nên làm. Này Sur Tũ, đó là có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật không thể hủy báng rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ khả tác và cũng đem pháp khả tác ấy nói cho người khác’.

(iii.3) “Này Sur Tũ, thế nào là có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật không thể hủy báng rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ đoạn diệt và cũng đem pháp đoạn diệt ấy nói cho người khác’? Này Sur Tũ, Ta nói thân ác hành nên đoạn diệt; khẩu, ý ác hành nên đoạn diệt.¹⁶ Này Sur Tũ, nếu có vô lượng pháp cấu uế, bất thiện như vậy, làm cội gốc cho cội hữu trong tương lai, làm nhân cho khổ báo, phiền nhiệt, và cho sinh, già, bệnh, chết. Này Sur Tũ, Ta nói tất cả các pháp ấy nên đoạn diệt. Này Sur Tũ, đó là có một sự kiện mà, nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ đoạn diệt, và cũng đem pháp đoạn diệt ấy nói cho người khác’.

(iii.4) “Này Sur Tũ, thế nào là có một sự kiện mà nhân sự kiện ấy, đối với pháp như thật không thể hủy báng rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ kinh tởm và cũng đem pháp kinh tởm ấy [441c] nói cho người khác’? Này Sur Tũ, Ta nói thân ác hành, nên kinh tởm; khẩu, ý ác hành nên kinh tởm. Này Sur Tũ, nếu có vô lượng pháp cấu uế bất thiện tương tự như vậy, làm cội gốc cho hữu trong tương lai, làm nhân cho khổ báo, phiền nhiệt, và cho sinh, già, bệnh, chết. Này Sur Tũ, Ta nói những pháp ấy đều nên kinh tởm. Này Sur Tũ, đó là có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật không thể hủy báng rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ kinh tởm, và cũng đem pháp kinh tởm ấy nói cho người khác’.

(iii.5) “Này Sur Tũ, thế nào là có một sự kiện, nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ pháp luật cũng đem pháp luật ấy nói cho người khác’? Này Sur Tũ, vì mục đích đoạn tham dâm mà Ta nói pháp luật. Vì mục đích đoạn sân

¹⁶ Pl.: *ucchedam vādāmi rāgassa dosassa mohassa*, “Ta nói đoạn diệt tham, đoạn diệt sân, đoạn diệt si.”

nhuế và ngu si mà Ta nói là pháp luật. Nay Sư Tử, nếu vô lượng pháp cầu uế bất thiện, tương tự như vậy, làm cội gốc cho hữu trong tương lai, làm nhân cho khổ báo, phiền nhiệt, và cho sinh, già, bệnh, chết, nay Sư Tử, vì mục đích đoạn trừ những sự kiện ấy mà Ta nói pháp luật. Nay Sư Tử, đó là có một sự kiện mà nhân sự kiện ấy, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ pháp luật, cũng đem tông chỉ pháp luật ấy nói cho người khác’.

(iii.6) “Nay Sư Tử, thế nào là có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ khổ hạnh và cũng đem pháp khổ hạnh ấy nói cho người khác’? Nay Sư Tử, hoặc có Bà-la-môn Sa-môn lỏa hình, không y phục¹⁷ hoặc dùng tay làm y phục, hoặc lấy lá làm y phục, hoặc lấy hạt châu làm y phục; hoặc không mức nước bằng bình, hoặc không mức nước bằng gáo; không ăn đồ ăn xốc xĩa bằng dao gậy, không ăn đồ ăn lừa dối, không tự mình đến, không làm khách được mời¹⁸, không làm khách được chào đón¹⁹, không làm khách được lưu²⁰, không ăn từ giữa hai người đang ăn, không ăn tại nhà có thai²¹, không ăn từ nhà có nuôi chó, không ăn từ nhà có lằng xanh bay đến; không ăn cá, không ăn thịt, không uống rượu, không uống nước dấm²², hoặc không uống gì cả, học tập hạnh không uống; hoặc ăn một miếng, cho một miếng

¹⁷ Đoạn trình bày các lỗi khổ hạnh này giống kinh 104 ở sau. Bản Pāli tương đương không có đoạn này. Các chú thích dưới đây tham chiếu D.24 Udumbarikasīhanāda-suttanta. Xem thêm No 1(25): Lỏa hình phạm chí (tr.103btt).

¹⁸ Hán: *bất lai tôn* 不來尊. Pāli: *na-ehi-bhadantika*, “không là Tôn giả được gọi: Mời đến đây!”

¹⁹ Hán: *bất thiện tôn* 不善尊. Không thấy có Pāli tương đương. Có lẽ: *na-sādhubhadantika*, “không là Tôn giả được chào đón: Lành thay, Tôn giả!”

²⁰ Hán: *bất trụ tôn* 不住尊. Pāli: *na-tiṭṭha-bhadantika*, “không là Tôn giả được mời mọc: Hãy ở lại đây, Tôn giả!”

²¹ Hán: *bất hoài nhâm gia thực* 不懷妊家食. Pāli: *na gabbhiniyā (paṭigāṇhātī)*, không (nhận thức ăn) từ người đàn bà mang thai.

²² Hán: *ác thủy* 惡水. Pāli: *thusodaka*, nước lên men.

là đủ²³, hoặc ăn hai, ba, bốn, cho đến bảy miếng, và cho bảy miếng là đủ, hoặc ăn bởi một lần nhận được²⁴, và cho đến một lần nhận được là đủ, hoặc ăn bởi hai, ba bốn cho đến bảy lần nhận được và cho bảy lần nhận được là đủ, hoặc ăn ngày một lần và cho một lần là đủ, hoặc hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngày, nửa tháng, hay một tháng, ăn một lần và cho một lần là đủ; hoặc ăn cỏ²⁵, hoặc ăn lúa cỏ²⁶, hoặc ăn nếp tuế, hoặc ăn [442a] cám, hoặc ăn gạo đầu-đầu-la²⁷, hoặc ăn đồ ăn thô; hoặc đến chỗ vô sự²⁸, y nơi vô sự; hoặc ăn rẽ, hoặc ăn trái, hoặc ăn quả tự rụng; hoặc mặc áo khâu đủ thứ vải²⁹, hoặc mặc áo lông, hoặc mặc áo vải đầu-xá³⁰, hoặc mặc áo vải đầu-xá bằng lông, hoặc mặc bằng da nguyên, hoặc mặc da có xoi lỗ, hoặc mặc da toàn xoi lỗ; hoặc để tóc xoắn, hoặc để tóc bện, hoặc để tóc vừa xoắn vừa bện, hoặc chỉ cạo tóc, hoặc chỉ cạo râu, hoặc cạo cả râu tóc, hoặc nhổ tóc, hoặc nhổ râu, hoặc nhổ cả râu tóc, hoặc chỉ đứng thẳng không hề ngồi, hoặc đi chồm hồm, hoặc nằm gai, lấy gai làm giường; hoặc nằm trái³¹, lấy trái làm giường; hoặc thờ nước, ngày đêm lấy tay vọc; hoặc thờ lửa, ngày đêm đốt lên; hoặc thờ mặt trời, mặt trăng, thờ Đấng Tôn Hựu Đại Đức, chấp tay hướng về. So như vậy thời phải chịu vô lượng khổ, học hạnh phiền lao.

“Này Sư Tử, có những khổ hành như vậy, chứ Ta chẳng nói là không có. Này Sư Tử, nhưng những khổ hành như vậy là những nghiệp hạ tiện, rất khổ, rất khốn, là sự thực hành của người phạm phu, không phải Thánh đạo. Này Sư Tử, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn đối với các pháp khổ hành

²³ Pāli: *ekāgāriko vā hoti ekālopi*, mỗi nhà chỉ nhận một miếng ăn.

²⁴ Hán: *thực nhất đắc* 食一得. Pāli: *ekissāpi dattiyā yāpeti*, chỉ sống bằng một vật được cho.

²⁵ Hán: *thái như* 菜茹. Pāli: *sākabhakkho*.

²⁶ Hán: *bại tử* 稗子, loại cỏ giống như lúa. Pāli: *sāmāka*.

²⁷ Hán: *đầu-đầu-la* 頭頭邏. Pāli: *daddula*.

²⁸ Hán: *chí vô sự xứ* 至無事處, đến nơi rừng vắng? Không thấy Pāli tương đương. Tham chiếu: vana-mḷa-palāhāro yāpeti.

²⁹ Hán: *liên hiệp y* 連合衣. Pāli: *masāṇāni*, vải gai lẫn các vải khác.

³⁰ Hán: *đầu-xá y* 頭舍衣. Pāli: *dussa*, vải thô chưa nhuộm màu.

³¹ Hán: *ngọa quả* 臥果. Pāli: *phalaka*, (nằm trên) tám ván. Bản Hán hiệu *phala(ka)* là trái cây.

ấy mà biết rõ, đoạn trừ, diệt tận và nhổ sạch gốc rễ của chúng đến rốt cùng, không cho sinh ra, Ta nói rằng những người kia là khổ hành³². Nay Sư Tử, Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, đối với các pháp khổ hành ấy đã biết rõ, đã đoạn trừ, diệt tận, nhổ tất cả gốc rễ của chúng đến rốt cùng không cho sinh ra nữa, do đó Ta là người khổ hành. Nay Sư Tử, đó là sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ khổ hành, và cũng đem pháp khổ hành ấy nói cho người khác’.

(iii.7) “Nay Sư Tử, thế nào là có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng khi nói rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ không nhập thai, và cũng đem pháp không nhập thai ấy nói cho người khác?’ Nay Sư Tử, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào đối với sự thai sinh trong tương lai³³ mà biết rõ, đoạn trừ, diệt tận, nhổ tuyệt gốc rễ của nó, cho đến rốt cùng không cho sinh ra nữa, Ta nói rằng người kia không còn vào thai. Nay Sư Tử, Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, đối với thai sinh trong tương lai đã biết rõ, đã đoạn trừ, diệt tận, nhổ tuyệt gốc rễ của nó, cho đến rốt cùng không cho sinh ra nữa, do đó Ta không còn vào thai nữa. Nay Sư Tử, đó là một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng khi nói rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ không nhập thai và cũng đem pháp không nhập thai đó nói cho người khác’.

(iii.8) “Nay Sư Tử, thế nào là có một sự kiện, mà nhân sự kiện đó đối với pháp như thật, không thể hủy báng khi nói rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ an ổn và cũng đem pháp an ổn đó nói cho người khác?’ [442b] Nay Sư Tử, có một thiện gia nam tử nào đó cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, chỉ vì mục đích thành tựu phạm hạnh vô thượng, ở ngay trong hiện tại này mà tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu và an trụ, biết như thật rằng: ‘Sự sinh đã

³² Pāli: *yassa... tapaniyā pāpakā akusalā dhammā pahīnā... tam ahaṃ ‘tapassī’ ti vadāmi*, “ai đoạn trừ những pháp ác bất thiện thiêu đốt hành hạ này, Ta gọi đó là người khổ hành.” Từ *tapassī*, người khổ hành, ở đây được hiểu do gốc đồng từ *tappati*: bị thiêu đốt, bình hành hạ.

³³ Pl.: *āyatim gabbhaseyyā punabbhavābhiniḍḍatti*, sự chuyển sinh của đương lai hữu dẫn đến nhập thai trong tương lai.

dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa'. Ta tự an ổn và cũng an ổn cho các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di khác. Ta đã an ổn và làm cho chúng sinh lệ thuộc vào sự sinh giải thoát sự sinh ấy; chúng sinh lệ thuộc vào già, tật bệnh, sự chết, ưu sầu, ô nhiễm, được sự giải thoát khỏi ưu sầu nhiễm ô ấy. Nay Sư Tử, đó là có một sự kiện mà nhân sự kiện đó không thể hủy báng đối với pháp như thật rằng: 'Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ an ổn và cũng đem pháp an ổn ấy nói cho người khác'."

(v) Bây giờ, Đại thần Sư Tử bạch Thế Tôn rằng:

"Bạch Cù-đàm, con đã biết. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu. Bạch Cù-đàm, cũng như người có mắt tỏ, cái gì úp thì giở lên, cái gì che kín thì mở ra, chỉ đường cho người mê, đem ánh sáng đến chỗ tối, để cho ai có mắt sáng liền thấy màu sắc. Sa-môn Cù-đàm cũng lại như vậy, bằng vô lượng phương tiện, để thuyết pháp cho con, bày tỏ nghĩa lý, tùy theo các đạo³⁴.

"Bạch Cù-đàm, nay con xin quy y Phật, quy y Pháp và Chúng Tỳ-kheo, cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc; kể từ hôm nay, trọn đời tự quy y, cho đến khi mạng chung.

"Bạch Thế Tôn, cũng như có người nuôi một con ngựa bất lương, mà mong được sự lợi ích, chỉ uống công nhọc nhằn mà chẳng được sự lợi ích gì cả. Thế Tôn, con cũng như vậy. Các Ni-kiền ngu si kia, con không khéo hiểu biết, không thể tự biết, không nhận được đâu là ruộng tốt, mà lại không tự suy xét, mãi thờ kính, cúng dường, lễ bái để trông được lợi ích, chỉ nhọc mà vô ích. Bạch Thế Tôn, nay con một lần nữa xin tự quy Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo. Cúi mong Đức Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay, trọn đời tự quy y, cho đến mạng chung.

"Bạch Thế Tôn, con vốn không hiểu nên đối với các Ni-kiền ngu si kia có sự tin tưởng và kính trọng, và từ nay chấm dứt. Vì sao thế? Vì họ lừa dối con. Bạch Thế Tôn, nay con lần thứ ba, xin tự quy y nơi Phật, quy y

³⁴ Hán: *tùy kỳ chư đạo* 隨其諸道. Đoạn văn tương tự trong thành cú Pāli không tìm thấy ý nghĩa tương đương: (...) *evamevaṃ bhotā gotamena anekapariyāyena dhammo pakāsito*, "bằng vô số phương tiện Tôn Giat Gotama đã soi sáng pháp như vậy như vậy."

Pháp, và Chúng Tỳ-kheo. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay, trọn đời tự quy y, cho đến mạng chung”.³⁵

Phật thuyết như vậy. Đại thần Sur Tũ và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



³⁵ Pāli (A.iv. 185) và *Tứ phần 42* (tr.871c21) đều có thêm đoạn Phật khuyên Sur Tũ thận trọng trước khi cải giáo. *Tứ phần*: “Ông là Đại thần của một nước, được mọi người biết đến, đang hữu ích cho nhiều người, chớ có hành động khinh suất mà sau này hối hận.”

19. KINH NI-KIỀN

[442c1] Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật sống giữa những người họ Thích¹, trong Thiên ấp².

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Các Ni-kiền thấy như vậy, nói như vậy: ‘Những gì mà con người cảm thọ đều do nhân đã tạo tác từ trước³. Nếu những nghiệp cũ của chúng do nhân khổ hành mà diệt và không tạo tác cái mới nữa, thì các nghiệp ấy dứt sạch. Các nghiệp đã dứt sạch thì các khổ được dứt sạch. Các khổ đã được dứt sạch thì đã đạt đến khổ biên⁴’.

“Ta liền đến các vị ấy; đến rồi liền hỏi:

“– Này các Ni-kiền, phải chăng các vị thấy như vậy, nói như vậy: ‘Những gì mà con người cảm thọ đều do nhân đã tạo tác từ trước. Nếu những nghiệp cũ của chúng do nhân khổ hành mà diệt và không tạo tác cái mới nữa, thì các nghiệp ấy dứt sạch. Các nghiệp đã dứt sạch thì các khổ được dứt sạch. Các khổ đã được dứt sạch thì đã đạt đến khổ biên?’

“Họ trả lời rằng:

“– Đúng như vậy, Cù-đàm.

“Ta lại hỏi các vị Ni-kiền kia rằng:

“– Các vị tự có tịnh trí hay không, để biết rằng, trước kia ta có hay không có? Trước kia ta tạo ác hay không tạo ác? Ta chừng ấy khổ đã diệt tận, hay chừng ấy khổ chưa diệt tận; và nếu chừng ấy đã diệt tận thì sẽ diệt tận tất cả⁵? Chính ngay trong đời hiện tại mà đoạn các pháp bất thiện và

¹ Thích-ki-sầu 釋鞞瘦, xem [cht.1](#), kinh số 12 trên.

² Thiên ấp 天邑. Pāli: tự lạc tên là Devadaha (*Thiên tí*, cánh tay trời) của người họ Thích., sinh quán thân mẫu của Đức Thích Tôn; vườn Lâm-tỳ-ni cũng gần đó.

³ Nhân bản tác 因本作. Pāli (M. ii. 214): *pubbekatahetu*, nguyên nhân được làm đời trước.

⁴ Pāli, *ibid*: *dukkhak khayā vedanākkhayo; vedanākkhayā sabbaṃ dukkhaṃ nijjīṇaṃ bhavisatī ti*, “do khổ diệt tận nên thọ diệt tận; do thọ diệt tận nên hết thấy khổ tuyệt diệt”.

⁵ Hán: *nhược tận dĩ, tiện đắc tận* 若盡已便得盡. Pl., *ibid*.: *ettakamhi vā dukkhe*

tạo tác các thiện pháp, tu tập và tác chứng chẳng?’

“Họ trả lời rằng:

“– Không phải vậy, Cù-đàm!

“Ta lại hỏi các Ni-kiền kia rằng:

“– Các vị tự mình không có tịnh trí để biết rằng: ‘Trước kia ta có hay không có? Trước kia ta tạo ác hay không tạo ác? Ta chừng ấy khổ đã diệt tận, hay chừng ấy khổ chưa diệt tận; và nếu chừng ấy đã diệt tận thì sẽ diệt tận tất cả? Chính ngay trong đời hiện tại mà đoạn các pháp bất thiện và tạo tác các thiện pháp, tu tập và tác chứng chẳng?’ Nhưng các vị lại nói rằng: ‘Những gì mà con người cảm thọ đều do nhân đã tạo tác từ trước. Nếu những nghiệp cũ của chúng do nhân khổ hành mà diệt và không tạo tác cái mới nữa, thì các nghiệp ấy dứt sạch. Các nghiệp đã dứt sạch thì các khổ được dứt sạch. Các khổ đã được dứt sạch thì đã đạt đến khổ biên’.

“Này các vị Ni-kiền, nếu các vị tự có tịnh trí để biết rằng: ‘Trước kia ta có hay không có? Trước kia ta tạo ác hay không tạo ác? Ta chừng ấy khổ đã diệt tận, hay chừng ấy khổ chưa diệt tận; và nếu chừng ấy đã diệt tận thì sẽ diệt tận tất cả? Chính ngay trong đời hiện tại mà đoạn các pháp bất thiện và tạo tác các thiện pháp, tu tập và tác chứng chẳng?’ Thì này các Ni-kiền, các vị mới có thể nói như vậy: ‘Những gì mà con người cảm thọ đều do nhân đã tạo tác từ trước. Nếu những nghiệp cũ của chúng do nhân khổ hành mà diệt và không tạo tác cái mới nữa, thì các nghiệp ấy dứt sạch. Các nghiệp đã dứt sạch thì các khổ được dứt sạch. Các khổ đã được dứt sạch thì đã đạt đến khổ biên’.

“Này Ni-kiền, cũng như có người mà thân thể bị trúng tên độc. Vì trúng tên độc nên rất đau đớn. Người ấy được quyền thuộc yêu mến xót thương, [443a] muốn đem lại sự thiện ích, an ổn, nên lập tức mời vị y sư nhỏ tên đến⁶. Vị y sư liền lấy dao bén để giải phẫu vết thương; do sự phẫu thuật vết thương nên lại rất đau đớn. Sau khi giải phẫu vết thương, liền tìm mũi

nijjinne sabbam dukkham nijjinam bhavissati, “trong khi chừng ấy khổ được diệt tận, tất cả khổ sẽ được diệt tận.”

⁶ *Bạt tiễn kim y* 拔箭金醫. Pāli: *bhisakko sallakatto*, y sĩ nhỏ tên, hay y sĩ giải phẫu.

tên⁷; khi tìm mũi tên, lại càng rất đau đớn. Tìm được mũi tên, liền lập tức nhổ ra; lúc nhổ ra y lại càng đau đớn thêm. Nhổ mũi tên ra rồi, dấp vết thương lại và băng bó. Khi băng bó vết thương, lại càng đau đớn hơn. Sau khi nhổ được mũi tên ra, người ấy khỏe mạnh, không bệnh hoạn, các căn không hư hoại, bình phục như cũ.

“Này các Ni-kiền, người ấy có sẵn khôn ngoan nên liền suy nghĩ như vậy: ‘Ta trước kia bị trúng tên độc. Vì trúng tên độc nên rất đau đớn. Ta được quyền thuộc yểu mến xót thương, muốn đem lại sự thiện ích, an ổn, nên lập tức mời vị y sư nhổ tên đến. Vị y sư liền lấy dao bén để giải phẫu vết thương; do sự phẫu thuật vết thương nên lại rất đau đớn. Sau khi giải phẫu vết thương, liền tìm mũi tên; khi tìm mũi tên, lại càng rất đau đớn. Tìm được mũi tên, liền lập tức nhổ ra; lúc nhổ ra lại càng đau đớn thêm. Nhổ mũi tên ra rồi, dấp vết thương lại và băng bó. Khi băng bó vết thương, lại càng đau đớn hơn. Ta sau khi nhổ mũi tên ra rồi, được khỏe mạnh, không bệnh hoạn, các căn không hư hoại, trở lại bình thường như cũ’.

“ Cũng vậy, này Ni-kiền, nếu các vị có tịnh trí, vậy có biết rằng: ‘Trước kia ta có hay không có, trước kia ta tạo ác hay không tạo ác? Ta bị chùng ấy khổ là hết hay bị chùng ấy khổ vẫn chưa hết. Nếu hết rồi sẽ được hết khổ vĩnh viễn? Chính ngay trong đời này mà đoạn các pháp bất thiện và tạo được các thiện pháp tu tập và tác chứng chăng?’ Thì này các Ni-kiền, các vị mới có thể nói rằng: ‘Những gì mà con người cảm thọ đều do nhân đã tạo tác từ trước. Nếu những nghiệp cũ của chúng do nhân khổ hành diệt mà không tạo nghiệp mới nữa, thì các nghiệp ấy sẽ chấm dứt. Các nghiệp đã chấm dứt thì các khổ sẽ chấm dứt, các khổ đã được chấm dứt thì đã đạt đến khổ biên’.

“Ta hỏi như vậy mà không thấy các Ni-kiền nào có thể trả lời Ta rằng: ‘Này Cù-đàm, đúng như vậy’ hay ‘không đúng như vậy’.

“Lại nữa, Ta hỏi các Ni-kiền rằng:

“– Nếu các vị Ni-kiền có sự tinh cần bậc thượng, có sự khổ hành bậc thượng⁸; bấy giờ các Ni-kiền có phát sinh sự khổ bậc thượng⁹ chăng?

⁷ Hán: *tiễn kim* 箭金.

⁸ Hán: *thượng đoạn thượng khổ hành* 上斷上苦行, *đoạn* ở đây được hiểu là tinh

“Họ trả lời Ta rằng:

“– Đúng vậy, Cù-đàm.

“– Nếu có sự tinh cần bậc trung, có sự khổ hành bậc trung; bấy giờ các Ni-kiền có phát sinh sự khổ bậc trung chẳng?

“Họ trả lời Ta rằng:

“– Đúng vậy, Cù-đàm.

“– Nếu có sự tinh cần bậc hạ, có sự khổ hành bậc hạ; bấy giờ các Ni-kiền có phát sinh sự khổ bậc hạ chẳng?

“Họ trả lời Ta rằng:

“– Đúng vậy, Cù-đàm.

“– Như vậy là, nếu các vị Ni-kiền có sự tinh cần bậc thượng, có sự khổ hành bậc thượng; bấy giờ các Ni-kiền [443b] có phát sinh sự khổ bậc thượng. Nếu có sự tinh cần bậc trung, có sự khổ hành bậc trung; bấy giờ các Ni-kiền có phát sinh sự khổ bậc trung. Nếu có sự tinh cần bậc hạ, có sự khổ hành bậc hạ; bấy giờ các Ni-kiền có phát sinh sự khổ bậc hạ.

“Nếu giả sử các Ni-kiền có sự tinh cần bậc thượng và khổ hành bậc thượng, bấy giờ các Ni-kiền ấy đình chỉ sự khổ bậc thượng. Khi có sự tinh cần bậc trung và khổ hành bậc trung, bấy giờ các Ni-kiền ấy đình chỉ sự khổ bậc trung. Khi có sự tinh cần bậc hạ và khổ hành bậc hạ, bấy giờ các Ni-kiền ấy đình chỉ sự khổ bậc hạ. Hoặc làm như vậy, hoặc không làm như vậy mà đình chỉ khổ cùng cực và các nỗi khổ rất nặng nề, thì nên biết các Ni-kiền ngay trong đời này mà gây ra khổ.¹⁰ Nhưng các Ni-kiền bị

cần. Pāli: *tibbo uppakkamo, tibbam padhānam*, “tiến hành một cách căng thẳng, tinh cần một cách căng thẳng”. Trong bản Hán, *padhāna* (tinh cần) được đọc là *pahāna* (đoạn).

⁹ *sinh thượng khổ* 生上苦, lãnh thọ cảm thọ tối thượng khổ. Pāli: *tibbā opakkamikā dukkhā*, những (cảm giác) khổ đột nhiên và kịch liệt.

¹⁰ Cf. Pl. (M.ii. 219): *yasmim vi samaye tibbo upakkamo hoti...tibbā tasmim samaye opakkamikā dukkhā (...)* *yasmim pana vo samaye no tibbo upakkamo...na tibbā tasmim samaye opakkamikā dukkhā (...)* *na kallamassa veyyākaraṇāya...sabbam tam pubbekatehetu*: khi cần hành kịch liệt thì cảm thọ khổ kịch liệt; khi không cần hành kịch liệt thì không cảm thọ khổ kịch liệt, như vậy không hợp lý để nói khổ

si mê che lấp, bị si mê trói buộc, nên nói thế này: ‘Những gì mà con người cảm thọ đều do nhân đã tạo tác từ trước. Nếu những nghiệp cũ của chúng do nhân khổ hành diệt mà không tạo nghiệp mới nữa, thì các nghiệp ấy sẽ chấm dứt. Các nghiệp đã chấm dứt thì các khổ sẽ chấm dứt, các khổ đã được chấm dứt thì đấng đoạn tận khổ biên’.

“Ta hỏi như vậy mà không thấy các Ni-kiền có thể trả lời Ta rằng: ‘Này Cù-đàm, đúng như vậy’ hay ‘không đúng như vậy’.

“Lại nữa, Ta hỏi các Ni-kiền rằng:

“– Các vị Ni-kiền, nếu có nghiệp mang lại lạc báo¹¹ thì nghiệp ấy có thể nào nhân sự tinh cần và nhân sự khổ hành mà chuyển thành khổ báo chăng? Họ trả lời Ta rằng:

“– Không thể, thưa Cù-đàm!

“– Các vị Ni-kiền, nếu có nghiệp mang lại khổ báo¹² thì nghiệp ấy có thể nào nhân sự tinh cần và nhân sự khổ hành mà chuyển thành lạc báo chăng?

“Họ trả lời Ta rằng:

“– Không thể, thưa Cù-đàm!

“– Các vị Ni-kiền, nếu có nghiệp báo trong đời hiện tại¹³, thì nghiệp ấy có thể nào nhân sự tinh cần và nhân sự khổ hành ấy mà chuyển thành quả báo đời sau chăng?

“Họ trả lời Ta rằng:

“– Không thể, thưa Cù-đàm!

“– Các vị Ni-kiền, nếu có nghiệp báo đời sau¹⁴ thì nghiệp ấy có thể nào nhân sự tinh cần và nhân sự khổ hành mà chuyển thành quả báo đời hiện

do nhân đã tạo đời trước.

¹¹ Hán: *lạc báo nghiệp* 樂報業. Pāli: *kammaṃ sukhavedanīyaṃ*, thuận lạc thọ nghiệp, nghiệp dẫn đến cảm thọ lạc.

¹² Hán: *khổ báo nghiệp* 苦報業. Pāli: *kammaṃ dukkhavedanīyaṃ*, thuận khổ thọ nghiệp.

¹³ Hán: *hiện pháp báo nghiệp* 現法報業. Pāli: *diṭṭhadhammavedanīya kamma*, thuận hiện thọ nghiệp

¹⁴ Hán: *hậu sinh báo nghiệp* 候生報業. Pāli: *samparāyavedanīya kamma*.

tại chẳng?

“Họ trả lời Ta rằng:

“– Không thể, thưa Cù-đàm!

“– Các vị Ni-kiền, nếu có nghiệp báo không chín¹⁵, nghiệp ấy có thể nào nhân sự tinh cần và nhân sự khổ hành mà chuyển thành quả báo chín¹⁶ chẳng?

“Họ trả lời Ta rằng:

“– Không thể, thưa Cù-đàm!

“– Các vị Ni-kiền, đó là lạc nghiệp báo, nghiệp ấy không thể nhân sự tinh cần và nhân sự khổ hành, mà chuyển thành khổ báo được. Nay các Ni-kiền, khổ báo nghiệp; nghiệp ấy không thể nhân sự tinh cần hay nhân sự khổ hành mà chuyển thành lạc báo được. Nay các Ni-kiền, hiện pháp báo nghiệp; nghiệp ấy không thể nhân sự tinh tấn và nhân sự khổ hành mà chuyển thành hậu sinh báo được. Nay các Ni-kiền, hậu sinh nghiệp báo; nghiệp ấy không thể nhân sự tinh cần và nhân sự khổ hành mà chuyển thành [443c] hiện pháp báo được. Nay các Ni-kiền, nghiệp không chín, nghiệp ấy không thể nhân sự tinh cần và nhân sự khổ hành mà chuyển thành quả báo chín. Nay các Ni-kiền, nghiệp báo chín; nghiệp ấy không thể nhân sự tinh cần và nhân sự khổ hành mà chuyển đổi thành khác đi được. Vì vậy, nay các Ni-kiền, sự nỗ lực của quý vị là hư vọng¹⁷, sự tinh cần ấy là trống rỗng, chẳng đạt được gì cả¹⁸.

“Các Ni-kiền ấy liền trả lời Ta rằng:

“Thưa Cù-đàm, chúng tôi có tôn sư tên là Thân Tử Ni-kiền¹⁹ có nói thế này: ‘Các Ni-kiền, nếu các người trước kia đã tạo tác ác nghiệp; những nghiệp ấy đều có thể nhân sự khổ hành này mà bị diệt tận. Nếu nay hộ trì thân, khẩu, ý; nhân đó không còn tạo ác nghiệp nữa’.

¹⁵ Hán: bất thực báo nghiệp 不熟報業. Pāli: *aparipakkavedanīya kamma*.

¹⁶ Hán: thực báo nghiệp 熟報業. Pāli: *paripakkavedanīya kamma*.

¹⁷ Hán: hư vọng phương tiện 虚妄方便. Pāli: *aphalo upakkamo*, nỗ lực không kết quả.

¹⁸ Hán: không đoạn vô hoạch 空斷無獲. Pāli: *aphalam padhānam*, sự chuyên cần không kết quả.

¹⁹ Thân Tử Ni-kiền 親子尼乾. Pāli: *Nigantha Nātaputta*.

“Ta lại hỏi các Ni-kiền kia rằng:

“– Các vị tin Tôn sư Thân Tử Ni-kiền, mà không chút nghi ngờ sao?

“Họ trả lời ta rằng:

“– Cù-đàm, chúng tôi tin Tôn sư Thân Tử Ni-kiền, không hề có nghi hoặc.

“Ta lại hỏi các Ni-kiền kia rằng:

“– Có năm pháp đem lại hai quả báo trong hiện tại này.²⁰ Đó là tín, lạc, văn, niệm, kiến thiện quán. Các Ni-kiền, có phải chẳng người ta tự hư dối mình mà nói rằng: ‘Điều này đáng tin, đáng hâm mộ, đáng nghe theo, đáng suy ngẫm, đáng chiêm nghiệm kỹ’²¹?’ Họ trả lời Ta rằng:

“– Đúng như vậy, thưa Cù-đàm!

“Ta lại bảo các Ni-kiền kia rằng:

“– Đó là lời dối trá, sao đáng tin, sao đáng nghe theo, sao đáng suy ngẫm, sao đáng chiêm nghiệm? Nghĩa là, người ta tự hư dối mình mà nói rằng: ‘Điều này đáng tin, đáng hâm mộ, đáng nghe theo, đáng suy ngẫm, đáng chiêm nghiệm kỹ’.

“Nếu các Ni-kiền nói như thế²² thì đối với pháp như thật có năm điều đáng khiển trách²³, chất vấn, là đáng ghê tởm²⁴. Những gì là năm?

“Nay những điều khổ, lạc mà chúng sinh này cảm thọ đều do sự tạo tác trước kia²⁵ Nếu đúng như vậy thì các Ni-kiền trước kia tạo các ác nghiệp.

²⁰ Cf. M. ii. 218: *diṭṭheva dhamme dvidhāvīpākā*: Tín 信 (*saddhā*), lạc 樂 (*ruci*: hoan hỷ), văn 聞 (*anussava*: tùy văn, nghe tường thuật), niệm 念 (*ākārāparivattakka*: tương tĩnh lự, suy xét các dấu hiệu hay điều kiện hay lý do), và kiến thiện quán 見善觀 (*diṭṭhinijhānakhaṇṭi*: nhãn thọ tà kiến).

²¹ Hán: *khả tín, khả lạc, khả văn, khả niệm, khả kiến thiện quán*. Pāli: “Lòng tin của các Tôn giả Nigantha đối với Tôn sư quá khứ như là thế nào? Sự hoan hỷ, tùy văn, thẩm sát và nhãn thọ như thế nào?” (diễn giải về năm pháp nói trên).

²² Đoạn mạch giurabản Pāli và Hán phần nhiều không khớp nhau.

²³ Hán: ngũ trách cật. Pāli (M.ii. 222): *dasā vādānuvādā*, mười luận đề phụ (của các học thuyết).

²⁴ Hán: *khả tắng ó* 可憎惡.

²⁵ Hán: nhân bản tác 因本作. Pāli: *pubbekatahetu*.

Bởi thế nên nay các Ni-kiền phải thọ khổ cực trọng đại. Đó là điều đáng ghê tởm thứ nhất của các Ni-kiền.

“Lại nữa, chúng sinh lãnh thọ sự khổ vui đều do sự hội hợp²⁶. Nếu đúng như vậy thì các vị vốn hội hợp các điều ác. Bởi thế nên nay các Ni-kiền phải thọ khổ cực trọng đại. Đó là điều đáng ghê tởm thứ hai của các Ni-kiền.

“Lại nữa, chúng sinh lãnh thọ sự khổ vui đều do định mạng²⁷. Nếu đúng như vậy thì các Ni-kiền có định mạng ác. Bởi vậy cho nên nay các Ni-kiền phải thọ khổ cực trọng đại. Đó là điều đáng ghê tởm thứ ba của các Ni-kiền.

“Lại nữa, chúng sinh lãnh thọ sự khổ vui đều do kiến²⁸. Nếu đúng như vậy thì các Ni-kiền vốn có ác kiến. Bởi vậy cho nên nay [444a] các Ni-kiền phải thọ khổ cực trọng đại. Đó là điều đáng ghê tởm thứ tư của các Ni-kiền.

“Lại nữa, chúng sinh lãnh thọ sự khổ vui đều do Tôn Hựu tạo²⁹. Nếu đúng như vậy thì các Ni-kiền vốn có một Tôn Hựu hung ác. Bởi vậy cho nên nay các Ni-kiền phải thọ khổ cùng cực. Đó là điều đáng ghê tởm thứ năm của các Ni-kiền.

“Nếu các Ni-kiền vốn do tạo tác nghiệp ác hội hợp, ác định mạng, ác kiến, ác Tôn hựu, vì thế mà các Ni-kiền nay phải lãnh thọ khổ cực trọng đại. Đó là vì những việc ấy nên các Ni-kiền là những người đáng ghê tởm.

“Pháp mà ta tự tri, tự giác và nói cho các vị, dù là Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc Thiên, Ma, Phạm và những kẻ khác trên thế gian đều không thể hàng phục được, đều không thể chế ngự được.

“Thế nào là pháp mà ta tự tri, tự giác và nói cho các vị, không thể bị Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc Thiên, Ma, Phạm và những kẻ khác trên thế gian

²⁶ Hán: nhân hiệp hội 因合會. Pāli: *saṅgātibhava*.

²⁷ Hán: nhân vì mạng 因為命. Pāli: *abhijātihetu*, nhân là chủng loại thọ sinh. Tức (nhân) do sự khác biệt da màu hay huyết thống.

²⁸ Hán: nhân kiến 因見. Pāli: *diṭṭhadhammupakkamahetu*, nguyên nhân là sự nỗ lực trong đời hiện tại. Bản Hán hình như chỉ đọc: *diṭṭha-hetu*.

²⁹ Hán: Tôn hựu tạo 尊佑造. Pāli: *Issaranimmānahetu*, nguyên nhân là sự sáng tạo của Thượng đế (Tự tại thiên).

có thể khuất phục được, có thể làm cho cấu uế được, và có thể chế ngự được?³⁰

“Nếu có Tỳ-kheo xả bỏ thân nghiệp bất thiện để tu thiện nghiệp nơi thân; xả bỏ khẩu, ý nghiệp bất thiện, tu thiện nghiệp nơi khẩu, ý. Vị đó đối với sự khổ đòi vị lai mà tự biết rằng ta sẽ không có khổ đòi vị lai, được sự an lạc như pháp mà không xả bỏ³¹. Vị ấy hoặc muốn đoạn trừ đối với nguyên nhân của khổ do cần hành dục, hoặc muốn nỗ lực đoạn trừ đối với nguyên nhân của khổ do cần hành xả dục³². Vị ấy nếu muốn nỗ lực đoạn trừ đối với nguyên nhân của khổ do cần hành dục, vị ấy tu tập cần hành dục ấy và sau khi đã đoạn, sự khổ liền chấm dứt.³³ Vị ấy nếu

³⁰ M.ii. 223: *kathañ saphalo upakkamo hoti, saphalam padhānam?* thế nào là sự nỗ lực có kết quả, và thế nào là sự cần hành có kết quả?

³¹ Pāli: *bhikkhu na heva anaddhabhūtaṃ attānaṃ dukkhena addhabhāveti dhammikaṃ ca sukhaṃ na pariccajati, tasmim ca sukhe anadhimucchito*, Tỳ kheo chưa thể bằng sự khổ khuất phục tự ngã vốn chưa bị khuất phục, vị ấy không từ bỏ lạc thọ phù hợp chính pháp, nhưng cũng không bị buộc chặt vào lạc thọ đó.

³² Hán: *Bỉ hoặc dục đoạn khổ nhân hành dục, hoặc dục đoạn khổ nhân hành xả dục* 彼或欲斷苦因行欲或欲斷苦因行捨欲. *Dục đoạn hành* tức ước vọng đoạn trừ bất thiện bằng tinh cần trong khổ hành. Dục đoạn này được phát triển trong tinh tấn, khinh an, niệm, chính tri, và do tư duy xả. Trong bản Hán này có hai phương pháp tu tập, hoặc bằng dục đoạn hành thuần túy, hoặc dục đoạn hành đi đôi với xả. Giải thích này do suy luận dục ở đây được hiểu là *chanda* trong bốn thần túc. Cf. *Tập dị 4* (tr. 471c13). Nhưng giải thích vừa nêu hình như không phù hợp với bản kinh Pāli. Trong đó, Hán: *đoạn khổ nhân hành dục* 斷苦因行欲 có thể tương đương Pāli: *dukkhanidānassa saṃkhāraṃ padahato*, tinh cần hành đối với nguyên nhân của khổ, để chống lại khổ. Cf. Pāli (M.ii. 223): *imassa kho me dukkhanidānassa saṃkhāraṃ padahato saṃkhātappadhānā virāgo hoti; imassa pana me dukkhanidānassa ajjuhekkhato upekkhaṃ bhāvayato virago hoti*, ta đối với nguyên nhân đau khổ này tinh cần hành; do tinh cần hành mà ly nhiễm; lại nữa, ta đối với nguyên nhân đau khổ này mà xả (không quan tâm); do tu tập xả mà ly nhiễm. (Nghĩa là, không cần đến sự tinh cần khổ hạnh nữa; tự đoạn khổ).

³³ Hán: 彼若欲斷苦因行欲者即修其行欲已斷者苦便得盡. Cf. Pl.: *tassa tassa dukkhanidānassa saṃkhāraṃ padahato saṃkhārappadhānā viāgo hoti – evampissa taṃ dukkhaṃ nijjīṇaṃ*, vị ấy trong khi cần hành để đoạn nguyên nhân khổ, do cần

muốn đoạn trừ đối với nguyên nhân của khổ bằng cần hành xả dục, tức tu tập cần hành xả dục ấy, và sau khi đoạn, sự khổ liền chấm dứt.

“Bây giờ nếu Tỳ-kheo ấy suy nghĩ như thế này: ‘Tùy theo những gì được tạo tác, tùy theo những gì được hành mà pháp bất thiện sinh khởi, pháp thiện bị diệt. Nếu ta tự tinh cần khổ hành³⁴ mà pháp bất thiện bị tiêu diệt, thiện pháp sinh khởi, thì ta hãy tự tinh cần khổ hành ấy³⁵’. Rồi vị ấy tự tinh cần khổ hành. Sau khi đã tinh cần khổ hành, pháp bất thiện bị tiêu diệt, thiện pháp sinh khởi. Bây giờ vị ấy không còn tinh cần khổ hành nữa. Vì sao thế? Nay các Tỳ-kheo, những gì cần phải làm trước đó, nay mục đích đã thành tựu, nếu còn tinh cần khổ hành, việc ấy không xảy ra.

“Này Tỳ-kheo, cũng như người thợ làm tên, dùng kèm để uốn tên³⁶. Khi cây tên đã thẳng thì không còn dùng kèm nữa. Vì sao thế? Vì việc phải làm trước đó nay đã xong rồi, nếu còn dùng kèm nữa, việc ấy không đúng. Cũng vậy, Tỳ-kheo suy nghĩ như thế này: ‘Tùy theo những gì được tạo tác, tùy theo những gì được hành mà pháp bất thiện sinh khởi, thiện pháp bị tiêu diệt. Nếu ta tự tinh cần khổ hành mà pháp bất thiện bị tiêu diệt, thiện pháp sinh khởi, thì ta hãy tự tinh cần khổ hành ấy’. Rồi vị ấy tự tinh cần [444b] khổ hành. Sau khi đã tinh cần khổ hành, pháp bất thiện bị tiêu diệt, thiện pháp sinh khởi. Bây giờ vị ấy không còn tinh cần khổ hành nữa. Vì sao thế? Nay các Tỳ-kheo, những gì cần phải làm trước đó, nay mục đích đã thành tựu, nếu còn tinh cần khổ hành việc ấy không đúng.

“Này Tỳ-kheo, cũng như có người thương nhớ, say đắm, trông chờ sẵn đón một người nữ kia, nhưng người nữ ấy lại nói chuyện với một người

hành mà ly dục, như vậy khổ ấy đối với vị ấy được diệt tận.

³⁴ Hán: *tự đoạn khổ* 自斷苦. Pāli: *dukkhāya attānaṃ padahato*, tập trung tự ngã để hành trì khổ.

³⁵ Đại ý đoạn này theo Pāli (M.ii. 225): vị Tỳ-kheo trong khi sống với cảm thọ lạc, nhận thấy pháp thiện suy giảm và bất thiện tăng trưởng, bèn áp dụng sự thực hành với cảm thọ khổ (tức áp dụng lối khổ tu), khi ấy pháp thiện tăng trưởng và pháp bất thiện suy giảm.

³⁶ Hán: *dụng kiếm* (sic) *nạo tiễn* 用檢撓箭. Pāli: *tejanaṃ divisu alātesu ātāpitaṃ*, hơ nóng cây tên giữa hai ngọn lửa.

khác, thăm hỏi lẫn nhau, qua lại chung chạ. Người ấy do đó mà thân tâm phát sinh khổ não, buồn rầu không?”

Tỳ-kheo đáp:

“Thật như vậy, bạch Thế Tôn!”

“Vì sao thế? Vì người kia thương nhớ say đắm và hết sức trông chờ sẵn đón nữ nhân mà nữ nhân ấy lại nói chuyện với người khác, thăm hỏi lẫn nhau, qua lại chung chạ, thân tâm người ấy làm sao khỏi sinh ra khổ não buồn rầu.

“Này Tỳ-kheo, giả sử người kia suy nghĩ thế này: Ta thương nhớ sẵn đón suông người nữ kia, nhưng người nữ ấy lại nói chuyện với người khác, thăm hỏi lẫn nhau, qua lại chung chạ. Nay ta có nên vì việc ấy tự gây khổ não và tự gây ưu phiền mà dứt trừ sự thương nhớ say đắm người nữ kia chăng?” Người ấy sau đó vì sự tự gây khổ, tự gây sầu não liền dứt trừ sự thương nhớ say đắm người nữ ấy. Nếu người nữ kia vẫn còn nói chuyện với người khác, thăm hỏi lẫn nhau, qua lại chung chạ, người ấy sau đó có thể nào sẽ còn sinh ra khổ não, rất buồn rầu chăng?”

Tỳ-kheo đáp:

“Không còn nữa, bạch Thế Tôn”.

“Vì sao thế? Vì người ấy đối với nữ nhân kia không còn tình thương nhớ say đắm nữa. Giả sử nữ nhân kia vẫn còn nói chuyện với người khác, thăm hỏi lẫn nhau, qua lại chung chạ; nếu cho rằng người kia vì thế mà thân tâm lại còn sinh khởi khổ não, rất buồn rầu, điều ấy không đúng.

“Cũng thế, bây giờ Tỳ-kheo suy nghĩ thế này: ‘Tùy theo sự tạo tác, tùy theo sự thực hành mà pháp bất thiện sinh khởi, thiện pháp bị tiêu diệt. Nếu tự tinh cần khổ hành mà pháp bất thiện bị tiêu diệt, thiện pháp sinh khởi, thì ta hãy tự tinh cần khổ hành ấy’. Rồi vị ấy tự tinh cần khổ hành. Sau khi đã tinh cần khổ hành, pháp bất thiện bị tiêu diệt, thiện pháp sinh khởi. Bây giờ vị ấy không còn tinh cần khổ hành nữa. Vì sao thế? Này các Tỳ-kheo những gì cần phải làm trước đó, nay mục đích đã thành tựu, nếu còn tinh cần khổ hành việc ấy không đúng.

“Vị ấy lại nghĩ như thế này: ‘Nếu có những nguyên nhân để đoạn trừ các khổ não kia, ta liền đã đoạn trừ rồi, nhưng đối với dục ta vẫn còn như cũ chớ chưa đoạn được. Nay ta hãy tìm cách đoạn được dục. Vị ấy vì để đoạn dục, bèn sống cô độc, ẩn dật nơi rừng vắng, hoặc đến dưới bóng cây,

nơi vắng vẻ, sườn núi, động đá, đất trống, lùm cây, hoặc đi vào rừng sâu, hoặc ở giữa bãi tha ma. Khi vị ấy đã sống nơi rừng vắng rồi, hoặc là đến dưới bóng cây, nơi vắng vẻ yên lặng, trải ni-sur-đàn, [444c] ngồi kiết già, dựng thân ngay thẳng, phản tỉnh không hướng ý niệm ra ngoài³⁷ đoạn trừ tham lam³⁸, tâm không còn náo hại³⁹; thấy của cải và tư cụ sinh sống của người khác, không còn móng khởi tham lam, muốn sao cho được về mình. Vị ấy đối với tham lam đã tịnh trừ tâm ý. Cũng vậy, đối với sân nhuế, tùy miên, trạo hối, đoạn trừ nghi, vượt qua hoặc, không còn do dự đối với các thiện pháp, vị ấy đối với nghi đã tịnh trừ tâm ý.

“Vị ấy đã đoạn trừ năm triền cái vốn làm tâm cấu uế, tuệ yếu kém, rời ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng Tứ thiên, thành tựu và an trụ.

“Vị ấy đạt đứchính tâm thanh tịnh, không cấu uế và không phiền nhọc như vậy, nhu nhuyễn và khéo léo an trụ, chứng đắc tâm bất động, hướng thẳng đến lậu tận trí thông. Vị ấy biết như thật rằng: ‘Đây là Khổ’, ‘đây là Khổ tập’, ‘đây là Khổ diệt’, và biết như thật ‘đây là Khổ diệt đạo’. Cũng biết như thật rằng: Đây là lậu, đây là lậu tập, đây là lậu diệt, biết như thật đây là lậu diệt đạo. Vị ấy biết như vậy, thấy như vậy thì tâm giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu, tâm giải thoát vô minh lậu. Giải thoát rồi liền biết là giải thoát, biết như thật rằng: ‘Sự sinh đã hết, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa’.

“Như Lai với chính tâm giải thoát như vậy thành tựu được năm điều tán thán như pháp, không tranh cãi, khả ái, khả kính. Những gì là năm?

“Chúng sinh kia thọ lãnh khổ vui đều do sự tạo tác trước kia. Nếu đúng như vậy thì Như Lai vốn có nghiệp vi diệu từ trước. Bởi vậy nên nay Như Lai mới có sự an lạc vô lậu của bậc Thánh, tịch tịnh, tỉnh chỉ, cảm thọ lạc. Đó là điều xưng tán thứ nhất mà Như Lai đạt được.

“Lại nữa, chúng sinh thọ lãnh khổ vui đều do hiệp hội. Nếu đúng như vậy thì Như Lai vốn có sự nghiệp hội vi diệu. Bởi vậy, nên nay Như Lai mới có sự hiệp hội vi diệu, sự an lạc vô lậu của bậc Thánh, tịch tịnh, tỉnh

³⁷ Hán: *phản niệm bất hướng* 反念不向. Pāli, thành cú: *parimukhaṃ satim upaṭṭhapetvā*, sau khi đặt niệm tưởng ngay trước mặt (hệ niệm tại tiền).

³⁸ Hán: *tham tứ* 貪伺; Pāli: *abhijjhaṃ loke*, ham muốn trần tục.

³⁹ Hán: *tâm vô hữu tránh* 心無有諍.

chỉ, cảm thọ lạc. Đó là điều xung tán thứ hai mà Đức Như Lai đạt được.

“Lại nữa, chúng sinh thọ lãnh khổ vui đều do định mạng. Nếu đúng như vậy thì Như Lai vốn có định mạng vi diệu. Bởi vậy, nên nay Như Lai mới có sự an lạc vô lậu của bậc Thánh, tịch tịnh, tinh chỉ, cảm thọ lạc. Đó là điều xung tán thứ ba mà Đức Như Lai đạt được.

“Lại nữa, chúng sinh thọ lãnh khổ vui đều do kiến. Nếu đúng như vậy thì Như Lai vốn có kiến vi diệu. Bởi vậy, nên nay Như Lai mới có sự an lạc vô lậu của bậc Thánh, tịch tịnh, tinh chỉ, cảm thọ lạc. Đó là điều xung tán thứ tư mà Đức Như Lai đạt được.

“Lại nữa, chúng sinh thọ lãnh khổ vui đều do Đấng Tôn Hựu tạo tác. Nếu đúng như vậy thì Như Lai vốn có Tôn Hựu vi diệu. Bởi vậy, nên nay Như Lai mới có sự an lạc vô lậu của bậc Thánh, [445a] tịch tịnh, tinh chỉ, cảm thọ lạc. Đó là điều xung tán thứ năm mà Như Lai đạt được.

“Đó là Như Lai vốn có từ trước nghiệp vi diệu, sự hội hợp vi diệu, định mạng vi diệu, kiến vi diệu và Tôn Hựu vi diệu và tạo tác vi diệu của Tôn Hựu. Do đó mà Như Lai được năm điều tán thán.

“Có năm nhân duyên làm cho tâm sinh ưu khổ. Những gì là năm? Đó là dâm dục triền, do dâm dục quán chặt nên tâm sinh ưu khổ. Cũng vậy, đối với sân nhuế, thùy miên, trạo hối, nghi hoặc. Do nghi hoặc quán chặt, nên tâm sinh ưu khổ. Đó là năm nhân duyên làm tâm sinh ưu khổ.

“Có năm nhân duyên để tâm diệt ưu khổ. Những gì là năm? Như do dâm dục triền nên tâm sinh ưu khổ, trừ dâm dục triền rồi thì ưu khổ liền bị tiêu diệt. Vì dâm dục triền nên tâm sinh ra ưu khổ, ngay trong đời hiện tại mà chứng đắc cứu cánh, không phiền, không nhiệt và bền vững không biến đổi;⁴⁰ đó là sở tri của bậc Thánh, sở kiến của bậc Thánh. Cũng vậy, với sân nhuế, thùy miên, nghi hoặc triền; do nghi hoặc quán chặt nên tâm sinh ra ưu khổ. Nếu trừ được nghi hoặc triền rồi thì ưu khổ liền bị tiêu diệt. Vì nghi hoặc quán chặt nên tâm sinh ra ưu khổ, trong đời hiện tại mà chứng đắc cứu cánh, không phiền, không nhiệt, thường trụ bất biến. Đó là sở tri của bậc Thánh, sở kiến của bậc Thánh. Ấy là năm nhân duyên để tâm diệt trừ ưu khổ.

“Lại nữa, còn có pháp khác ngay trong đời hiện tại mà chứng đắc cứu

⁴⁰ Xem **cht. 14** kinh 12.

cánh, không phiền, không nhiệt, bền vững không biến đổi, là sở tri của bậc Thánh, là sở kiến của bậc Thánh. Thế nào là còn có pháp khác ngay trong đời hiện tại mà chứng đắc cứu cánh không phiền, không nhiệt, thường trú và bất biến, là sở tri của bậc Thánh, sở kiến của bậc Thánh? Đó là tám chi thánh đạo, tức từ chính kiến đến chính định. Ấy là còn có pháp ngay trong đời hiện tại mà chứng đắc cứu cánh, không phiền, không nhiệt, thường trú và bất biến, là sở tri của bậc Thánh, sở kiến của bậc Thánh.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



20. KINH BA-LA-LAO ¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú ở Câu-lê-sầu², cùng với đại chúng Tỳ-kheo, đi đến Bắc thôn³, trú ở phía Bắc của thôn trong rừng Thi-nhiếp-hòa⁴.

Bấy giờ Ba-la-lao Già-di-ni⁵ nghe rằng: “Sa-môn Cù-đàm thuộc dòng họ Thích, đã từ bỏ dòng họ Thích, [445b] xuất gia học đạo, đang trú tại Câu-lê-sầu, cùng đại chúng Tỳ-kheo, đi đến Bắc thôn, trú ở phía Bắc của thôn trong rừng Thi-nhiếp-hòa. Vị Sa-môn Cù-đàm ấy có tiếng tăm lớn, truyền khắp mười phương rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Vị ấy ở trong thế gian này giữa Chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, từ loài người cho đến loài trời, tự tri tự giác, tự tác chứng, thành tựu và an trụ. Pháp mà vị ấy thuyết, khoảng đầu thiện, khoảng giữa thiện, cứu cánh cũng thiện, có nghĩa, có văn, hiển hiện phạm hạnh thanh tịnh trọn đủ’. Nếu gặp được Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, để tôn trọng, lễ bái cúng dường, thừa sự, thì sẽ được nhiều thiện lợi”. Người kia suy nghĩ rằng: “Ta nên đến yết kiến Sa-môn Cù-đàm để lễ bái, cúng dường”.

Ba-la-lao Già-di-ni nghe vậy rồi, ra khỏi Bắc thôn, đi về hướng Bắc, đến rừng Thi-nhiếp-hòa, muốn yết kiến Thế Tôn để lễ bái cúng dường. Ba-la-lao Già-di-ni từ xa trông thấy Thế Tôn ở trong rừng cây, đoan nghiêm đẹp đẽ, như mặt trăng giữa đám tinh tú sáng ngời chói lọi, rực

¹ Tương đương Pāli: S.42.13. Pāṭali-sutta.

² Câu-lê-sầu 拘麗瘦. Pāli: Koliyesu, giữa những người Koliyā, một bộ tộc theo thể chế cộng hòa trong thời Phật, cư ngụ tại làng Rāmagama trên bờ sông Hằng, và phần khác sống tại Devadaha, lãnh thổ của họ và của giòng Sakya được chia đôi bằng sông Rohinī và một cuộc chiến đẫm máu sắp xảy ra, nếu không có sự can thiệp của Đức Phật.

³ Bắc thôn 北村. Pāli: Uttara, tên thôn ở trong Koliyā.

⁴ Thi-nhiếp-hòa lâm 尸攝怛林. Pāli: Simsapavana.

⁵ Ba-la-lao Già-di-ni 波羅牢伽彌尼. Pāli: Pāṭaliya-gāminī thôn trưởng Pāṭaliya.

rõ như tòa núi vàng, đầy đủ tướng hảo, uy thần vờ vọi, các căn tịch tịnh, không gì ngăn che, thành tựu sự điều ngự, tâm yên tĩnh lặng. Ba-la-lao Già-di-ni từ xa trông thấy Đức Thế Tôn rồi, đến trước chỗ Thế Tôn, cùng chào hỏi rồi ngồi xuống một phía, thưa với Thế Tôn rằng:

“Tôi nghe Sa-môn Cù-đàm biết huyền thuật, là nhà huyền thuật⁶. Thưa Cù-đàm, nếu ai nói như vậy: ‘Sa-môn Cù-đàm biết huyền thuật, là nhà huyền thuật’, người ấy không hủy báng Sa-môn Cù-đàm chăng? Người ấy có nói đúng sự thật không? Người ấy nói có đúng pháp chăng? Người ấy nói đúng pháp và như pháp⁷ chăng? Đối với như pháp, không có sai lầm và không bị chỉ trích chăng?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Này Già-di-ni, nếu có ai nói như vậy, ‘Sa-môn Cù-đàm biết huyền thuật, là nhà huyền thuật’, thì người ấy không hủy báng Sa-môn Cù-đàm, người ấy nói chân thật, người ấy nói đúng pháp, người ấy nói pháp như pháp, đối với pháp không có lỗi lầm, không bị chỉ trích. Vì sao thế? Này Già-di-ni, Ta biết huyền thuật ấy, nhưng chính Ta không phải là nhà huyền thuật”.

Già-di-ni nói rằng:

“Những điều các Sa-môn, Bà-la-môn kia nói là chân thật, nhưng tôi không tin họ nói rằng ‘Sa-môn Cù-đàm biết huyền thuật và là nhà huyền thuật’.

Thế Tôn nói:

“Này Già-di-ni, nếu người nào biết huyền thuật thì người đó là nhà huyền thuật chăng?”

Già-di-ni thưa rằng:

“Quả thật vậy, Thế Tôn. Quả thật vậy, Thiện Thệ”.

Thế Tôn bảo rằng:

“Này Già-di-ni, ông đừng tự làm lẫn mà hủy báng Ta. Nếu hủy báng Ta thì chỉ tự gây tổn hại, có sự náo hại, có xúc phạm, điều mà Hiền Thánh

⁶ Hán: *tri huyền thị huyền* 知幻是幻. Pāli (S.iv. 340): *māyaṃ jānatī ti, māyavī ti*. Trong bản Pāli, hai vấn đề được hỏi thành hai câu hỏi khác nhau. Câu thứ nhất, Phật xác nhận. Câu thứ hai, Phật phủ nhận. Bản Hán gộp thành một.

⁷ Xem **cht. 7** kinh 18.

ghét bỏ, [445c] và bị tội lớn. Vì sao thế? Nay Già-di-ni, điều ấy thật ra không đúng như lời ông nói.

“Nay Già-di-ni, ông có nghe Câu-lệ-sầu có binh tốt⁸ chẳng?

Già-di-ni đáp rằng:

“Tôi nghe rằng có”.

“Nay Già-di-ni, ông nghĩ thế nào, Câu-lệ-sầu có binh tốt ấy để làm gì?”

Già-di-ni đáp:

“Thưa Cù-đàm, để làm thông sứ và giết giặc cướp. Vì việc đó nên Câu-lệ-sầu nuôi các binh tốt ấy”.

“Nay Già-di-ni, ông nghĩ thế nào, binh tốt Câu-lệ-sầu có giữ giới cấm hay không giữ giới cấm?”

Già-di-ni đáp:

“Thưa Cù-đàm, nếu trên thế gian này có những người không giữ giới cấm, vẫn không thể quá hơn binh tốt Câu-lệ-sầu. Vì sao thế? Vì binh tốt Câu-lệ-sầu phạm rất nhiều giới cấm, chỉ làm các ác pháp”.

Lại hỏi:

“Ông thấy như vậy, biết như vậy, Ta không hỏi ông. Nếu có người khác hỏi ông, ‘Vì Già-di-ni biết rằng binh tốt Câu-lệ-sầu phạm rất nhiều những giới cấm, chỉ làm những ác pháp; nhân việc đó nên Già-di-ni cũng phạm rất nhiều cấm giới, chỉ làm các ác pháp’. Nên nói như vậy, là lời nói đúng sự thật chẳng?”

Già-di-ni đáp:

“Không phải vậy, thưa Cù-đàm. Vì sao thế? Vì binh tốt Câu-lệ-sầu có tri kiến khác, có sở nguyện khác, nên binh tốt Câu-lệ-sầu phạm rất nhiều cấm giới, chỉ làm các ác pháp. Còn tôi thì rất trì giới, không làm các ác pháp”.

Lại hỏi:

“Già-di-ni, ông biết binh tốt Câu-lệ-sầu phạm rất nhiều cấm giới, chỉ làm các ác pháp, nhưng ông không do đó mà phạm cấm giới, chỉ làm các ác pháp. Vậy thì vì sao không thể rằng Như Lai biết huyền thuật, trong khi

⁸Hán: *tốt* 卒. Pāli: *lambacūlake bhaṭṭe*, người làm thuê có lợn tóc buông thõng.

chính mình không phải là nhà huyền thuật. Vì sao thế? Ta biết huyền thuật, biết người huyền thuật, biết quả báo của huyền thuật, biết đoạn trừ huyền thuật.

“Này Già-di-ni, Ta cũng biết sát sinh, biết người sát sinh, biết sự đoạn trừ sát sinh. Này Già-di-ni, Ta biết việc lấy của không cho, biết người lấy của không cho, biết quả báo việc lấy của không cho, biết sự đoạn trừ việc lấy của không cho. Này Già-di-ni, Ta biết việc nói dối, biết người nói dối, biết quả báo việc nói dối, biết đoạn trừ sự nói dối. Này Già-di-ni, Ta biết như vậy, thấy như vậy. Ai nói như vậy: ‘Sa-môn Cù-đàm biết huyền thuật tức là nhà huyền thuật’, nếu người ấy chưa đoạn trừ lời nói này, mà nghe tâm ấy, dục ấy, nguyện ấy, văn ấy, niệm ấy, quán ấy, thì trong khoảnh khắc như co duỗi cánh tay, mạng chung sinh vào địa ngục”.

Già-di-ni nghe vậy, kinh hãi khủng khiếp, lông trên mình dựng đứng lên, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ chân Phật, quỳ mọp, chấp tay hướng về Thế Tôn mà bạch rằng:

“Cù-đàm, tôi ăn năn tội lỗi. Thiện Thệ, tôi tự thú. Tôi như ngu, như si, như bất định, như bất thiện. Vì sao thế? Vì tôi nói quấy rằng Sa-môn Cù-đàm là nhà huyền thuật. [446a] Cúi mong Cù-đàm cho tôi được ăn năn tội lỗi, thấy tội thì bày tỏ. Tôi đã ăn năn tội rồi, sẽ giữ gìn không để tái phạm nữa”.

Thế Tôn bảo rằng:

“Thật như vậy, Già-di-ni, ông quả thật ngu, như si, như bất định, như bất thiện. Vì sao thế? Vì ôchínhhi quấy ràng Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác là nhà huyền thuật. Nhưng ông có thể ăn năn tội lỗi, thấy tội thì nên bày tỏ, giữ gìn không để tái phạm nữa. Như vậy, này Già-di-ni, nếu có người ăn năn tội lỗi, thấy tội nên bày tỏ, hộ trì mà không tạo lại nữa, thì trường dưỡng Thánh pháp, không còn có sự sai lầm nữa”.

Lúc đó Già-di-ni chấp tay hướng về Thế Tôn mà bạch rằng:

“Thưa Cù-đàm, có Sa-môn, Bà-la-môn, thấy thế này, nói thế này: ‘Nếu kẻ nào sát sinh, kẻ ấy nhất thiết thọ báo ngay trong đời này; nhân đó mà sinh ra ưu khổ. Nếu kẻ nào lấy của không cho, nói dối, kẻ ấy nhất thiết thọ báo; nhân đó mà sinh ra ưu khổ’. Thưa Sa-môn Cù-đàm, ý Ngài nghĩ sao?”

Đức Thế Tôn bảo rằng:

Này Già-di-ni, nay Ta hỏi ông, tùy sự hiểu biết mà trả lời. Này Già-di-ni,

ý ông nghĩ sao? Nếu trong thôn ấp, hoặc có một người đầu đội tràng hoa, dùng nhiều loại hương xoa vào thân, rồi xướng nhạc, ca vũ, tự mình thỏa thích, vui cười nữ sắc, hoan lạc như vua. Nếu có người hỏi rằng: ‘Người này trước kia làm những gì mà nay đầu đội tràng hoa, hoặc dùng nhiều loại hương xoa vào thân rồi xướng nhạc, ca vũ, tự mình thỏa thích, vui cười nữ sắc, hoan lạc như vua?’ Hoặc có người trả lời rằng: ‘Người ấy vì Quốc vương mà giết hại kẻ thù. Quốc vương sau khi vui vẻ liền ban thưởng cho. Do đó người ấy đầu đội tràng hoa, dùng nhiều loại hương xoa vào thân, rồi xướng nhạc, ca vũ, tự mình thỏa thích, vui cười nữ sắc, hoan lạc như vua. Nay Già-di-ni, ông có thấy như vậy, nghe như vậy chăng?’”

Già-di-ni đáp:

“Tôi có thấy như vậy, nghe như vậy, Cù-đàm. Tôi đã nghe và sẽ được nghe nữa”.

“Già-di-ni, rồi lại thấy Quốc vương bắt bớ tội nhân, trói quặt hai tay lại, đánh trống, xướng lệnh, kéo ra cửa thành phía Nam, để ngồi dưới cây nêu cao, rồi chém bêu đầu. Nếu có người hỏi rằng: ‘Người này phạm tội gì mà bị Quốc vương giết nhỉ?’ Hoặc có người trả lời rằng: ‘Người này giết một người⁹ trong Vương gia, do đó Quốc vương ra lệnh hành hình như vậy’. Nay Già-di-ni, ông có thấy như vậy, nghe như vậy chăng?’”

Già-di-ni trả lời:

“Tôi có thấy như vậy, Cù-đàm, tôi đã nghe và sẽ được nghe nữa”.

“Nay Già-di-ni, nếu có sinhôn, Bà-la-môn, thấy như vậy, nói như vậy: ‘Nếu có người nào sát sinh người ấy nhất thiết phải thọ báo ngay trong hiện tại này; nhân đó mà sinh ra ưu khổ’, thì đó là lời nói chân thật hay lời nói hư dối?’”

Già-di-ni đáp:

“Đó là lời nói hư dối, [446b] thưa Cù-đàm”.

“Nếu người ấy nói hư vọng, ông có tin chăng?”

⁹ Nguyên Hán: uổng sát vương gia vô quá chi nhân 枉殺王家無過之人, giết oan một người không lỗi. Theo nội dung các đoạn dưới, bỏ các từ được xem không phù hợp. Pl. (S.iv 344): *jīvitā voropesi*, nó đã sát hại mạng người (không xác định oan hay không).

Già-di-ni đáp:

“Tôi không tin, thưa Cù-đàm”.

Đức Thế Tôn khen rằng:

“Lành thay, Già-di-ni, Ta lại hỏi ông, ông nghĩ thế nào? Nếu trong thôn ấp, hoặc có người đầu đội tràng hoa, dùng nhiều thứ hương xoa vào thân, rồi xướng nhạc, ca vũ, tự mình thỏa thích, vui chơi nữ sắc, hoan lạc như vua. Nếu có người hỏi rằng: ‘Người này trước kia đã làm những việc gì mà nay đầu đội tràng hoa, dùng nhiều thứ hương xoa vào thân, rồi xướng nhạc, ca vũ, tự mình thỏa thích vui chơi nữ sắc, hoan lạc như vua?’ Hoặc có người trả lời rằng, ‘Người ấy ở nước khác, vì lấy của không cho, do đó người ấy đầu đội tràng hoa, dùng nhiều thứ hương xoa vào thân, rồi xướng nhạc, ca vũ, tự mình thỏa thích vui chơi nữ sắc, hoan lạc như vua’. Nay Già-di-ni, ông có thấy như vậy, nghe như vậy chăng?”

Già-di-ni thưa:

“Tôi có thấy như vậy, thưa Cù-đàm, tôi đã nghe và sẽ được nghe nữa”.

“Này Già-di-ni, rồi lại thấy Quốc vương bắt bớ tội nhân trói quặt hai tay ra sau, đánh trống, xướng lệnh kéo ra cửa phía Nam, để ngồi dưới gốc cây nêu cao rồi chém bêu đầu. Nếu có người hỏi rằng: ‘Người này mắc tội gì mà bị Quốc vương giết chết?’ Hoặc có người trả lời rằng: ‘Người ấy lấy của không cho trong Vương gia, do đó Quốc vương ra lệnh hành hình như vậy’. Nay Già-di-ni, ông có thấy như vậy, nghe như vậy chăng?”

Già-di-ni trả lời rằng:

“Tôi có thấy như vậy, Cù-đàm, tôi đã nghe và sẽ được nghe nữa”.

“Này Già-di-ni, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn thấy và nói như vậy: ‘Nếu có kẻ nào lấy không cho, kẻ ấy nhất thiết phải thọ báo ngay trong đời hiện tại này, nhân đó mà sinh ra ưu khổ’, thì lời nói đó chân thật hay lời nói hư dối?”

Già-di-ni đáp:

“Đó là lời nói hư dối, thưa Cù-đàm”.

“Nếu người ấy nói hư vọng, ông có tin chăng?”

Già-di-ni đáp:

“Tôi không tin, thưa Cù-đàm!”

Đức Thế Tôn khen rằng.

“Lành thay! Lành thay! Già-di-ni!”

Lại hỏi Già-di-ni:

“Già-di-ni, ông nghĩ thế nào, nếu trong thôn ấp hoặc có người đầu đội tràng hoa, dùng nhiều thứ hương xoa vào thân, rồi xướng nhạc, ca vũ, tự mình thỏa thích vui chơi nữ sắc, hoan lạc như vua. Nếu có người hỏi rằng: ‘Người ấy trước kia làm những việc gì mà nay đầu đội tràng hoa, dùng nhiều thứ hương xoa vào thân, rồi xướng nhạc ca vũ, tự mình thỏa thích vui chơi nữ sắc, hoan lạc như vua?’ Hoặc có người trả lời rằng: ‘Người ấy ca múa để vui giỡn, cười đùa. Người ấy bằng lời nói dối làm cho Quốc vương vui vẻ. Sau khi Quốc vương vui vẻ liền ban thưởng cho, do đó người ấy đầu đội tràng hoa, dùng nhiều thứ hương xoa vào thân, rồi xướng nhạc, ca vũ, tự mình thỏa thích vui chơi nữ sắc, hoan lạc như vua’. Nay Già-di-ni, ông có thấy như vậy, nghe như vậy chăng?”

Già-di-ni trả lời rằng:

“Tôi có thấy như vậy, Cù-đàm, tôi đã nghe và sẽ được nghe nữa”.

“Này Già-di-ni, rồi lại thấy Quốc vương bắt bớ tội nhân, dùng gậy đánh đến chết, rồi bỏ vào củi cây, chở trên xe trống đi ra cửa thành phía Bắc, vắt vào trong rãnh nước, nếu có người hỏi rằng: ‘Người ấy mắc tội gì mà bị quốc vương giết chết đi?’ Hoặc có người trả lời rằng: ‘Người ấy ở trước Quốc vương nói dối là có chứng đắc. Người ấy do lừa gạt Quốc vương bằng lời nói dối nên bị Quốc vương ra lệnh bắt làm như thế’. Nay Già-di-ni, ông có thấy như vậy, [446c] nghe như vậy không?”

Già-di-ni trả lời rằng:

“Tôi có thấy vậy, Cù-đàm, tôi đã nghe và sẽ nghe nữa”.

“Này Già-di-ni, ông nghĩ thế nào, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn thấy như vậy, nói như vậy: ‘Nếu có người nào nói dối, người ấy nhất thiết phải thọ báo ngay trong đời hiện tại này, nhân đó mà sinh ra ưu khổ’, thì lời nói đó là lời nói chân thật hay hư dối?”

Già-di-ni đáp:

“Đó là lời nói hư dối, thưa Cù-đàm”.

“Nếu người ấy nói hư vọng, ông có tin chăng?”

Già-di-ni đáp:

“Tôi không tin, thưa Cù-đàm”.

Đức Thế Tôn khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Già-di-ni!”

Lúc đó, Già-di-ni liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai sửa áo chấp tay hướng về Thế Tôn mà thưa rằng:

“Kỳ diệu thay, những điều Cù-đàm nói rất vi diệu, khéo ví dụ, khéo dẫn chứng. Bạch Cù-đàm, tôi ở trong Bắc thôn có xây dựng một ngôi nhà cao lớn, sắp đặt giường nệm, để sẵn đồ chứa nước thấp sáng những ngọn đèn lớn. Nếu có vị Sa-môn, Bà-la-môn tinh tấn nào đến nghỉ ở ngôi nhà cao lớn ấy, tôi sẽ tùy khả năng mà cung cấp những gì vị ấy cần thiết. Có bốn vị luận sĩ mà sở kiến khác nhau, cùng đến tập hợp tại ngôi nhà cao lớn ấy. Trong đó có một vị luận sĩ thấy như vậy, nói như vậy: ‘Không có bố thí, không có trai tể, không có chú thuyết, không có nghiệp thiện, nghiệp ác, không có quả báo của nghiệp thiện ác, không có đời này đời sau, không có cha, không có mẹ, trên đời không có bậc chân nhân đi đến thiện xứ, khéo đi, khéo hướng, tự tri, tự giác, tự chứng ngộ đời này và đời khác, thành tựu và an trụ’.¹⁰

“Vị luận sư thứ hai lại có sở kiến trái ngược với sở kiến của vị luận sư thứ nhất. Vị ấy cũng thấy như vậy, nói như vậy: ‘Có bố thí, có trai tể, có chú thuyết, có nghiệp thiện ác, có nghiệp báo thiện ác, có đời này đời sau, có cha có mẹ có bậc chân nhân trên đời này đi đến thiện xứ, khéo đi, khéo hướng, tự tri, tự giác, tự chứng ngộ đời này và đời khác, thành tựu và an trụ’.

“Vị luận sư thứ ba thấy như vậy, nói như vậy: ‘Tự mình làm và sai bảo người khác làm, tự mình chém giết và sai bảo người khác chém giết, tự mình nấu và sai bảo người khác nấu; ưu sầu¹¹, phiền muộn, lo lắng, đấm ngực, áo nảo, khóc lóc, ngu si; sát sinh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, uống rượu; đào vách, mở kho, [447a] đến ngõ hẻm khác để ăn cướp¹², phá làng hại xóm, phá thành, diệt nước; làm như thế không phải

¹⁰ Thuyết đoạn diệt (uccheda-vāda) của Ajita Kesa-kambāli. Xem D.2 Sāmaññaphala-sutta; No.1(27), kinh Sa-môn quả.

¹¹ Tự mình hay khiến người khác; đoạn sau, văn nghĩa tương tự.

¹² Hán: *chí tha hạng mạch* 至他巷陌. (đề bản: kiếp 劫). Có lẽ Pāli: *paripanthē* (Hán đọc: *parapanthe*) *tiṭṭhato*, chặn đường ăn cướp.

là làm ác. Lại dùng vòng sắt bén như dao cạo, người ấy đối với tất cả chúng sinh ở trên cõi đời này, trong vòng một ngày mà bửa, mà cắt, mà chém, mà chặt, mà lột da, mà lóc xẻ từng mảng thịt, lách từng phần từng khối; do vậy vẫn không có nghiệp ác, do vậy vẫn không có nghiệp báo ác. Ở bờ sông Hằng-già phía Nam, giết rồi cắt, rồi khiến nấu'; và ở bờ sông Hằng-già phía Bắc mà bồ thí, trai tế, chú thuyết. Không do đó mà có tội hay có phước; không do đó mà có quả báo tội phước. Cấp thí, tự chế ngự, thủ hộ, nhiếp trì, tán thán, nhiều ích, ái ngữ lợi hành, không do đó mà có phước, không do đó mà có quả báo của phước'.¹³

Luận sĩ thứ tư lại có sở kiến trái ngược sở kiến vị luận chủ thứ ba. Vị ấy thấy như vậy, nói như vậy: 'Tự mình làm và sai bảo người khác làm, tự mình chém giết và sai bảo người khác chém giết, tự mình nấu và sai bảo người khác nấu; ưu sầu, phiền muộn, lo lắng, đấm ngực, áo não, khóc lóc, ngu si; sát sinh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, uống rượu; đào vách, mở kho, đến ngõ hẻm khác để ăn cướp, phá làng hại xóm, phá thành, diệt nước; làm như thế chính là làm ác. Lại dùng vòng sắt bén như dao cạo, người ấy đối với tất cả chúng sinh ở trên cõi đất này, trong vòng một ngày mà bửa, mà cắt, mà chém, mà chặt, mà lột da, mà lóc xẻ từng mảng thịt, lách từng phần từng khối; do vậy vẫn không có nghiệp ác, do vậy vẫn không có nghiệp báo ác. Ở bờ sông Hằng-già phía Nam, giết rồi cắt, rồi khiến nấu'; và ở bờ sông Hằng-già phía Bắc mà bồ thí, trai tế, chú thuyết. Do đó có tội có phước; do đó mà có quả báo tội phước. Cấp thí, tự chế, thủ hộ, nhiếp trì, tán thán, nhiều ích, ái ngữ, lợi hành, do đó mà có quả báo tội phước.

"Thưa Cù-đàm, tôi nghe như vậy liền sinh nghi hoặc¹⁴: 'Những vị Sa-môn, Bà-la-môn đó, ai nói chân thật, ai nói hư dối?'"

Đức Thế Tôn trả lời:

"Này Già-di-ni, ông chớ sinh hoài nghi.¹⁵ Vì sao thế? Có hoài nghi tất sinh ra phân vân. Này Già-di-ni, ông tự mình không có tịnh trí, để biết là

¹³ Thuyết vô tác dụng (*akiriya-vāda*) của Pūrana Kassapa, Pāli, D. 2. Sāmaññaphalasutta; No.1(27), kinh Sa-môn quả..

¹⁴ Pl.: *ahudeva kaṇkhā, ahudeva vicikicchā*, "tôi hoài nghi và phân vân!"

¹⁵ Pl.: *alañhi te kaṅkhitum*, "Ông hoài nghi là phải!" Xem **cht. 5** kinh 16 (Già-lam).

có đời sau hay không có đời sau. Nay Già-di-ni, ông lại cũng không có tịnh trí để biết điều được làm là ác hay điều được làm là thiện? Nay Già-di-ni, có một pháp định¹⁶ được gọi là “Viễn ly”. Ông nhờ định ấy sẽ có thể được chính niệm, có thể đạt tới nhất tâm; như vậy, ở trong đời hiện tại ông sẽ đoạn trừ sự nghi hoặc, và được thăng tấn¹⁷”.

Lúc đó Già-di-ni từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai sửa áo, chấp tay hướng về Đức Thế Tôn mà bạch rằng:

“Thưa Cù-đàm, thế nào là có một pháp định được gọi là [447b] “Viễn ly”, mà tôi nhờ định ấy sẽ có thể được chính niệm, có thể đạt tới nhất tâm; như vậy, ở trong đời hiện tại tôi có thể đoạn trừ sự nghi hoặc, và được thăng tấn¹⁸?”

Đức Thế Tôn bảo rằng:

“Thánh đệ tử đa văn xa lìa sự giết, đoạn trừ sự giết; đoạn trừ sự lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến đoạn trừ tà kiến và được chính kiến. Vị ấy ban ngày cày ruộng, và gieo giống; đến chiều nghỉ ngơi và vào nhà ngồi thiền định; qua đêm, lúc hùng sáng suy nghĩ như vậy: ‘Ta xa lìa sự giết, đoạn trừ sự giết; đoạn trừ sự lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến đoạn trừ tà kiến và được chính kiến. Vị ấy liền tự thấy: ‘Ta đã đoạn trừ mười nghiệp đạo ác và niệm mười nghiệp đạo thiện’. Vị ấy sau khi tự thấy: ‘Ta đã đoạn trừ mười nghiệp đạo ác và niệm mười nghiệp đạo thiện’, liền sinh ra hân hoan. Sau khi sinh ra hân hoan liền phát sinh hỷ; sau khi phát sinh hỷ, thân liền an định; sau khi thân được an định, thân liền cảm giác lạc. Sau khi thân cảm giác lạc thì được nhất tâm. Nay Già-di-ni, sau khi Thánh đệ tử đa văn được nhất tâm rồi thì tâm câu hữu với từ, biếu khắp một phương, thành tựu và an trụ. Cũng thế hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biếu khắp tất cả, tâm câu hữu với từ, không kết không oán, không sân, không nhuế, không náo hại, quảng đại vô biên, vô lượng, khéo tu tập biếu mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Vị ấy

¹⁶ Hán: hữu pháp chi định 有法之定. Pāli: *atthi... dhammasamādhī*.

¹⁷ Pāli (S.iv. 350): *atthi gāmaṇi dhammasamādhī tatra ce tvaṃ cittasamādhim paṭilabeyyāsi evaṃ tvaṃ imaṃ kaṅkhādhammam pajaheyyāsi*, có pháp định (pháp tam-muội), mà nếu trong đó ông có thể đạt được tâm định như vậy thì ông có thể đoạn trừ pháp nghi hoặc”.

¹⁸ Hán: thăng tấn 昇進. Pāli: *sagga*, sinh lên trên; sinh thiên.

suy nghĩ như vậy: “Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào thấy như vậy, nói như vậy: ‘Không có sự bố thí, không có trai tế, không có chú thuyết, không có nghiệp thiện ác, không có nghiệp báo thiện ác, không có đời này đời sau, không có cha, không có mẹ trên đời, không có bậc thiện nhân đi đến thiện xứ, khéo đi, khéo hướng, tự tri, tự giác, tự chứng ngộ đời này và đời khác, thành tựu và an trụ’. Nếu những điều mà Sa-môn, Bà-la-môn kia nói ra là chân thật, nhưng ta không xâm phạm đời, dù kẻ sợ hay kẻ không sợ¹⁹, thường thương mến tất cả thế gian. Tâm ta không cùng thế gian tranh cãi, cũng không có sự hân hoan thô trực. Nay ta được pháp của bậc Vô thượng, thăng tấn đến trú xứ an lạc. Đó là pháp định viễn ly. Những gì Sa-môn, Bà-la-môn kia nói, không cho là đúng, không cho là sai. Sau khi không cho là đúng, không cho là sai, liền được nội tâm tĩnh chỉ.

“Này Già-di-ni, đó là pháp định, được gọi là viễn ly. Ông có thể nhân định này mà được chính niệm, mà được nhất tâm. Như vậy, ông có thể đoạn hết nghi hoặc trong đời hiện tại mà được thăng tiến.

“Lại nữa Già-di-ni: Thánh đệ tử đa văn xa lìa sự giết, đoạn trừ sự giết; đoạn trừ sự lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến đoạn trừ tà kiến và được chính kiến. Vị ấy ban ngày cày ruộng, và gieo giống; đến chiều nghỉ ngơi và [447c] vào nhà ngồi thiền định; qua đêm, lúc hùng sáng suy nghĩ như vậy: ‘Ta xa lìa sự giết, đoạn trừ sự giết; đoạn trừ sự lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến đoạn trừ tà kiến và được chính kiến. Vị ấy liền tự thấy: ‘Ta đã đoạn trừ mười nghiệp đạo ác và niệm mười nghiệp đạo thiện’. Vị ấy sau khi tự thấy: ‘Ta đã đoạn trừ mười nghiệp đạo ác và niệm mười nghiệp đạo thiện’, liền sinh ra hân hoan. Sau khi sinh ra hân hoan liền phát sinh hỷ; sau khi phát sinh hỷ, thân liền an định; sau khi thân được an định, thân liền cảm giác lạc. Sau khi thân cảm giác lạc thì được nhất tâm. Này Già-di-ni, sau khi Thánh đệ tử đa văn được nhất tâm rồi thì tâm câu hữu với bi, biến khắp một phương thành tựu và an trụ; cũng thế hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biến khắp tất cả. Tâm câu hữu với bi, không kết, không oán không sân nhuế, không náo hại, quảng đại, vô lượng vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian,

¹⁹ Hán: *bố dĩ bất bố* 怖與不怖, chỉ người run sợ tức kẻ yếu, và người vững vàng tức kẻ mạnh. Pāli: *vyāhaṃ na kiñci vyābādhemi tasmaṃ vā thāvaraṃ vā*, ta không làm hại cái gì cả, dù động vật hay bất động vật.

thành tựu và an trụ. Vị ấy suy nghĩ như vậy: ‘Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào thấy như vậy, nói như vậy: ‘Có sự bố thí, có trai tể, có chú thuyết, có nghiệp thiện ác, có nghiệp báo thiện ác, có đời này đời sau, có cha, có mẹ trên đời, có bậc thiện nhân đi đến thiện xứ, khéo đi, khéo hướng, tự tri, tự giác, tự chứng ngộ đời này và đời khác, thành tựu và an trụ’. Nếu điều vị Sa-môn, Bà-la-môn kia nói ra là chân thật, nhưng ta không xâm phạm đời, dù kẻ sợ hãi hay kẻ không sợ hãi, thường thương mến tất cả thế gian. Tâm ta không cùng thế gian tranh cãi, cũng không có sự hân hoan thô trước. Nay ta được pháp của bậc Vô thượng, thăng tấn đến trú xứ an lạc. Đó là pháp định viễn ly. Những gì Sa-môn, Bà-la-môn kia nói, không cho là đúng, không cho là sai. Sau khi không cho là đúng, không cho là sai, liền được nội tâm tĩnh chỉ.

“Này Già-di-ni, đó là pháp định, được gọi là viễn ly. Ông có thể nhân định này mà được chính niệm, mà được nhất tâm; như vậy, ông có thể đoạn hết nghi hoặc trong đời hiện tại mà được thăng tiến.

“Lại nữa Già-di-ni, Thánh đệ tử đa văn xa lìa sự giết, đoạn trừ sự giết; đoạn trừ sự lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến đoạn trừ tà kiến và được chính kiến. Vị ấy ban ngày cày ruộng, và gieo giống; đến chiều nghỉ ngơi và vào nhà ngồi thiền định; qua đêm, lúc hừng sáng suy nghĩ như vậy: ‘Ta xa lìa sự giết, đoạn trừ sự giết; đoạn trừ sự lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến đoạn trừ tà kiến và được chính kiến. Vị ấy liền tự thấy: ‘Ta đã đoạn trừ mười nghiệp đạo ác và niệm mười nghiệp đạo thiện’. Vị ấy sau khi tự thấy: ‘Ta đã đoạn trừ mười nghiệp đạo ác và niệm mười nghiệp đạo thiện’, liền sinh ra hân hoan. Sau khi sinh ra hân hoan liền phát sinh hỷ; sau khi [448a] phát sinh hỷ, thân liền an định; sau khi thân được an định, thân liền cảm giác lạc. Sau khi thân cảm giác lạc thì được nhất tâm. Này Già-di-ni, sau khi Thánh đệ tử đa văn được nhất tâm rồi thì tâm câu hữu với hỷ, biến khắp một phương thành tựu và an trụ; cũng thế hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biến khắp tất cả. Tâm câu hữu hỷ, không kết, không oán, không sân nhuế, không não hại, quảng đại, vô lượng vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Vị ấy suy nghĩ như vậy: ‘Tự mình làm và sai bảo người khác làm, tự mình chém giết và sai bảo người khác chém giết, tự mình nấu và sai bảo người khác nấu; ưu sầu, phiền muộn, lo lắng, đấm ngực, áo não, khóc lóc, ngu si; sát sinh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, uống rượu; đào vách, mở kho, đến ngõ hẻm khác để ăn cướp, phá làng

hại xóm, phá thành, diệt nước; làm như thế không phải là làm ác. Lại dùng vòng sắt bén như dao cạo, người ấy đối với tất cả chúng sinh ở trên cõi đất này, trong vòng một ngày mà bửa, mà cắt, mà chém, mà chặt, mà lột da, mà lóc xẻ từng mảng thịt, lách từng phần từng khối; do vậy vẫn không có nghiệp ác, do vậy vẫn không có nghiệp báo ác. Ở bờ sông Hằng-già phía Nam, giết rồi cắt, rồi khiến nấu'; và ở bờ sông Hằng-già phía Bắc mà bố thí, trai tể, chú thuyết. Không do đó mà có tội hay có phước; không do đó mà có quả báo tội phước. Cấp thí, tự chế ngự, thủ hộ, nhiếp trì, tán thán, nhiều ích, ái ngữ lợi hành, không do đó mà có phước, không do đó mà có quả báo của phước'. Nếu điều vị Sa-môn, Bà-la-môn kia nói ra là chân thật, nhưng ta không xâm phạm đời, dù sợ hãi hay không sợ hãi, thường thương mến tất cả thế gian. Tâm ta không cùng thế gian tranh cãi, cũng không có sự hân hoan thô trực. Nay ta được pháp của bậc Vô thượng, thăng tấn đến trú xứ an lạc. Đó là pháp định viễn ly. Những gì Sa-môn, Bà-la-môn kia nói, không cho là đúng, không cho là sai. Sau khi không cho là đúng, không cho là sai, liền được nội tâm tĩnh chỉ.

“Này Già-di-ni, đó là pháp định, được gọi là viễn ly. Ông có thể nhân định này mà được chính niệm, mà được nhất tâm. Như vậy, ông có thể đoạn hết nghi hoặc trong đời hiện tại mà được thăng tiến.

“Lại nữa Già-di-ni, Thánh đệ tử đa văn xa lìa sự giết, đoạn trừ sự giết; đoạn trừ sự lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến đoạn trừ tà kiến và được chính kiến. Vị ấy ban ngày cày ruộng, và gieo giống; đến chiều nghỉ ngơi và vào nhà ngồi thiền định; qua đêm, lúc hừng sáng suy nghĩ như vậy: ‘Ta xa lìa sự giết, đoạn trừ sự giết; đoạn trừ sự lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến đoạn trừ tà kiến và được chính kiến. Vị ấy liền tự thấy: [448b] ‘Ta đã đoạn trừ mười nghiệp đạo ác và niệm mười nghiệp đạo thiện’. Vị ấy sau khi tự thấy: ‘Ta đã đoạn trừ mười nghiệp đạo ác và niệm mười nghiệp đạo thiện’, liền sinh ra hân hoan. Sau khi sinh ra hân hoan liền phát sinh hỷ; sau khi phát sinh hỷ, thân liền an định; sau khi thân được an định, thân liền cảm giác lạc. Sau khi thân cảm giác lạc thì được nhất tâm. Này Già-di-ni, sau khi Thánh đệ tử đa văn được nhất tâm rồi thì tâm câu hữu với xả, biến khắp một phương thành tựu và an trụ; cũng thế hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biến khắp tất cả. Tâm câu hữu với xả, không kết, không oán, không sân nhuế, không náo hại, quảng đại, vô lượng vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian,

thành tựu và an trụ. Vị ấy suy nghĩ như vậy: ‘Tự mình làm và sai bảo người khác làm, tự mình chém giết và sai bảo người khác chém giết, tự mình nấu và sai bảo người khác nấu; ưu sầu, phiền muộn, lo lắng, đấm ngực, áo não, khóc lóc, ngu si; sát sinh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, uống rượu; đào vách, mở kho, đến ngõ hẻm khác để ăn cướp, phá làng hại xóm, phá thành, diệt nước; làm như thế thật sự là làm ác. Lại dùng vòng sắt bén như dao cạo, người ấy đối với tất cả chúng sinh ở trên cõi đất này, trong vòng một ngày mà bửa, mà cắt, mà chém, mà chặt, mà lột da, mà lóc xẻ từng mảng thịt, lách từng phần từng khối; do vậy có nghiệp ác, do vậy có nghiệp báo ác. Ở bờ sông Hằng-già phía Nam, giết rồi cắt, rồi khiến nấu; và ở bờ sông Hằng-già phía Bắc mà bỏ thí, trai tế, chú thuyết. Do đó mà có tội hay có phước; do đó mà có quả báo tội hay phước. Cấp thí, tự chế ngự, thủ hộ, nhiếp trì, tán thán, nhiều ích, ái ngữ, lợi hành; do đó mà có phước, do đó mà có quả báo của phước’. Nếu điều vị Sa-môn, Bà-la-môn kia nói ra là chân thật, nhưng ta không xâm phạm đời, dù kẻ sợ hãi hay kẻ không sợ, thường thương mến tất cả thế gian. Tâm ta không cùng thế gian tranh cãi, cũng không có sự hân hoan thô trực. Nay ta được pháp của bậc Vô thượng, thăng tấn đến trú xứ an lạc. Đó là pháp định viễn ly. Những gì Sa-môn, Bà-la-môn kia nói, không cho là đúng, không cho là sai. Sau khi không cho là đúng, không cho là sai, liền được nội tâm tĩnh chỉ.

“Này Già-di-ni, đó là pháp định, được gọi là viễn ly. Ông có thể nhân định này mà được chính niệm, mà được nhất tâm. Như vậy, ông có thể đoạn hết nghi hoặc trong đời hiện tại mà được thăng tiến”.

Khi Phật nói bài pháp ấy xong, Già-di-ni viễn ly trần cấu, phát sinh con mắt thanh tịnh thấy rõ các pháp. Lúc đó, Già-di-ni thấy pháp, chứng pháp, giác ngộ pháp bạch tịnh, đoạn nghi, vượt qua hoặc, [448c]không còn tôn sùng ai khác, không còn do ai khác, không còn do dự, đã trụ nói quả chứng đạt, được vô sở úy đối với giáo pháp của Thế Tôn, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ dưới chân Phật mà bạch rằng.

“Bạch Đức Thế Tôn, con từ nay xin quy y Phật, quy y Pháp và Chúng Tỳ-kheo; cúi mong Đức Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc; bắt đầu từ hôm nay, trọn đời quy y cho đến khi mạng chung”.

Phật thuyết như vậy. Ba-la-lao Già-di-ni và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



PHẨM 3:
TƯƠNG ỪNG XÁ-LỢI –PHẬT
TỤNG NGÀY THỨ NHẤT

等心得戒智師子 水喻瞿尼陀然梵
教病拘絺象跡喻 分別四諦最在後

Kệ tóm tắt:
Đẳng tâm, Đắc giới, Trí, Sư Tử,
Thủy dụ, Cù- ni, Đà-nhiên Phạm
Giáo bệnh, Câu-hy, Tượng tích dụ,
Phân biệt Tứ đế ở sau cùng

- 21. KINH ĐẲNG TÂM
- 22. KINH THÀNH TỰU GIỚI
- 23. KINH TRÍ
- 24. KINH SƯ TỬ HỒNG
- 25. KINH THỦY DỤ
- 26. KINH CÙ-NI-SƯ
- 27. KINH PHẠM CHÍ ĐÀ-NHIÊN
- 28. KINH GIÁO HÓA BỆNH
- 29. KINH ĐẠI CÂU-HI-LA
- 30. KINH TƯỢNG TÍCH DỤ
- 31. KINH PHÂN BIỆT THÁNH ĐẾ

21. KINH ĐĂNG TÂM

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, ở trong rừng Thắng Lâm Lâm Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất¹ cùng chúng Tỳ-kheo vân tập tại giảng đường vào ban đêm, nhân đó đem các nội kết sử và ngoại kết sử² mà phân biệt nghĩa lý cho các Tỳ-kheo.

“Này Chư Hiền, trên đời quả thật có hai hạng người. Những gì là hai? Đó là người có nội kết sử, bậc A-na-hàm, không trở lại thế gian này, và người có ngoại kết sử, không phải là bậc A-na-hàm, sẽ còn trở lại thế gian này.”³

“Này Chư Hiền, thế nào là người có nội kết sử, bậc A-na-hàm, không còn trở lại thế gian này?

“Nếu có người tu tập các giới cấm, không bị thủng, không sút mẻ, không cấu uế, không vẩn đục, hoàn toàn không thể chỉ trích, được bậc Thánh khen ngợi, khéo tu, khéo đầy đủ. Vị ấy nhân tu tập giới cấm, không bị thủng, không sút mẻ, không cấu uế, không vẩn đục, hoàn toàn không thể chỉ trích, được bậc Thánh khen ngợi, khéo tu, khéo đầy đủ, nên lại học nhàm tởm dục, không dục và đoạn dục.”⁴ Nhân bởi học [449a] nhàm tởm

¹ Xá-lợi-phất 舍梨子. Pāli: Sāriputta.

² Hán: nội kết 內結. Pāli (A. i. 63): *ajjhattasamyojana*. ngoại kết 外結, *bahiddhāsamyojana*. Số giải: năm thuận hạ phần kết gọi là nội kết (*orambhāgiyāni vā pañca samyojāni ajjhattasamyojanam nāma*), năm thuận thượng phần kết gọi là ngoại kết (*uddhambhāgiyāni pañca bahiddhāsamyojanam*).

³ Định nghĩa này của bản Hán không phù hợp với bản Pāli, A. I 63: *katamo ajjhattasamyojano puggalo? ...so tato cuto āgāmī, āgantā itthattam*, thế nào là người có nội kết? Người ấy chết ở đây, rồi còn trở lại thế gian này. Đây chỉ trường hợp của Tu-đà-hoàn. *katamo bahiddhāsamyojano puggalo?... so tato cuto anāgāmī hoti, anāgantā itthattam*, thế nào là người có ngoại kết? ... Vị ấy sau chết ở, rồi không trở lại thế gian này nữa. Tức là vị A-na-hàm.

⁴ Hán: yếm dục, vô dục, đoạn dục 厭欲無欲斷欲. Pl. ibid.: *so kāmānaṃ yeva nibbidāya virāgāya nirodhāya paṭipanno hoti*, vị ấy tu tập hương đến yếm dục, ly dục, diệt tận dục.

dục, ly dục và đoạn dục mà chứng được tịch tịnh tâm giải thoát⁵. Sau khi chứng đắc như vậy, trong cảm thọ lạc mà mến tiếc, không chịu xả ly,⁶ trong đời hiện tại không được cứu cánh trí, khi thân hoại mạng chung vượt qua các cõi trời Đoàn thực⁷ sinh về các cõi ý sinh khác⁸. Khi sinh về các nơi ấy rồi, vị ấy suy nghĩ thế này: ‘Ta trước kia còn làm người, lúc ấy tu tập các giới cấm, không bị thủng, không sút mẻ, không cầu ướ, không vắn đục, hoàn toàn không thể chỉ trích, được bậc Thánh khen ngợi, khéo tu, khéo đầy đủ. Nhân tu tập giới cấm, không bị thủng, không sút mẻ, không cầu ướ, không vắn đục, hoàn toàn không thể chỉ trích, được bậc Thánh khen ngợi, khéo tu, khéo đầy đủ, nên lại học nhằm tởm dục, không dục và đoạn dục. Nhân học nhằm tởm dục, không dục và đoạn dục mà chứng được tịch tịnh tâm giải thoát. Sau khi chứng đắc như vậy, trong cảm thọ lạc mà mến tiếc, không chịu xa lìa, trong đời hiện tại không được cứu cánh trí, khi thân hoại mạng chung vượt qua các cõi trời Đoàn thực, sinh về các cõi ý sinh khác, và đang ở nơi đây⁹.

“Này Chư Hiền, lại có một hạng người tu tập giới cấm không rách nát, không bị thủng, không sút mẻ, không cầu ướ, không vắn đục, hoàn toàn không thể chỉ trích, được bậc Thánh khen ngợi, khéo tu, khéo đầy đủ. Vị ấy nhân tu tập giới cấm, không bị thủng, không sút mẻ, không cầu ướ,

⁵ Hán: *tức tâm giải thoát* 息心解脱. Pī: *aññantaraṃ santaṃ cetovimuttiṃ*, một loại tâm giải thoát tịch tĩnh nào đó. Sớ giải: tức đẳng chỉ thiền thứ tư trong tám đẳng chỉ (*aṭṭhasu samāpattiṃ aññantaraṃ cututthajjhānasamāpattiṃ*).

⁶ Xem **cht. 9** ở dưới.

⁷ Hán: *Đoàn thực thiên* 搏食天. Pāli: *Kabalimkārahārabhakkha-deva*. Cf. *Tỳ-bà-sa* 153 (778c 4): vị Bất-hoàn chứng diệt tận định, sau khi chết, vượt qua các đoạn thực thiên 段食天, sinh trong các có thân do ý thành 意成身.

⁸ Ý sinh thiên 意生天 (Pāli: *manomayakāya-devatā*), cõi trời có thân do ý sinh. Nhưng bản Pī. ibid: *aññatarau devanikāyaṃ upajjati*, vị ấy sinh một cõi trời nào đó. Sớ giải: đây chỉ một trong năm Tịnh cư thiên (*pañcasu suddhāvāsadevanikāyeu*).

⁹ Một vị thượng lưu A-na-hàm, sau khi đã đoạn trừ năm hạ phần kết, nhưng do vị ngọt trong cảm thọ lạc của các Sắc giới tịnh lự vị ấy lần lượt thác sinh từ cõi trời Phạm thiên của Sơ thiên, cho tới khi thác sinh đến Sắc cứu cánh của Tứ thiên ở đó mà nhập Niết-bàn (Xem *Đại Tỳ-bà-sa* 17, tr. 875c)..

không vắn đục, hoàn toàn không thể chỉ trích, được bậc Thánh khen ngợi, khéo tu, khéo đầy đủ, nên lại học tập nghiệp đoạn trừ sắc hữu, đoạn trừ tham¹⁰, học xả ly dục. Nhân học tập nghiệp đoạn trừ sắc hữu, đoạn trừ tham, học xả ly dục, mà chứng được tịch tịnh tâm giải thoát. Sau khi chứng đắc như vậy, trong cảm thọ lạc mà mến tiếc, không chịu xa lìa, trong đời hiện tại không được cứu cánh trí, khi thân hoại mạng chung vượt qua các cõi trời Đoàn thực, sinh về các cõi ý sinh khác. Khi sinh về các nơi ấy rồi, vị ấy suy nghĩ thế này: ‘Ta trước kia còn làm người, lúc ấy tu tập các giới cấm, không bị thủng, không sút mẻ, không cầu ướ, không vắn đục, hoàn toàn không thể chỉ trích, được bậc Thánh khen ngợi, khéo tu, khéo đầy đủ. Nhân tu tập giới cấm, không bị thủng, không sút mẻ, không cầu ướ, không vắn đục, hoàn toàn không thể chỉ trích, được bậc Thánh khen ngợi, khéo tu, khéo đầy đủ, nên lại học tập nghiệp đoạn trừ sắc hữu, đoạn trừ tham; học tập xả ly dục. Nhân học tập nghiệp đoạn trừ sắc hữu, đoạn trừ tham, học xả ly dục, mà chứng được tịch tịnh tâm giải thoát. Sau khi chứng đắc như vậy, trong cảm thọ lạc mà mến tiếc, không chịu xa lìa, trong đời hiện tại không được cứu cánh trí, khi thân hoại mạng chung vượt qua các cõi trời Đoàn thực, sinh về các cõi ý sinh khác, và đang ở nơi đây.

“Này Chư Hiền, thế nào là người có ngoại kết sử, không phải A-na-hàm, còn trở lại thế gian này? Nếu có người tu tập các giới cấm, thủ hộ biệt giải thoát luật nghi¹¹, lại còn khéo thâm nhiếp các oai nghi lễ tiết, thấy những tội lỗi nhỏ nhặt cũng thường sinh tâm lo sợ, thọ trì học giới. Này Chư Hiền, [449b] đó là người có ngoại kết sử, không phải A-na-hàm, sẽ còn trở lại thế gian này”.

Bấy giờ, một số đông thiên chúng Đẳng tâm¹², sắc tượng vời vọi, ánh sáng rực rỡ, lúc đêm gần tàn, đi đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ rồi đứng sang một bên, bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, Tôn giả Xá-lợi-phất, đêm qua cùng chúng Tỳ-kheo vân tập tại giảng đường, nhân đem nội kết sử và ngoại kết sử mà phân biệt nghĩa lý cho các Tỳ-kheo nghe như vậy: ‘Này Chư Hiền, trên đời quả

¹⁰ Chỉ đoạn trừ tham ái dẫn tái sinh Sắc giới.

¹¹ Hán: *thủ hộ từng giải thoát* 守護從解脫. Pāli: *pātimokkhasaṃsarasamvuto*, được thủ hộ bằng sự phòng hộ của Pātimokkha.

¹² Đẳng tâm thiên 等心天. Pāli: *Samacittādevatā*.

thật có hai hạng người: người có nội kết sử và người có ngoại kết sử.’ Bạch Thế Tôn, Đại chúng đã hoan hỷ, cúi mong Thế Tôn từ bi thương xót mà đến nơi giảng đường.”

Lúc đó Thế Tôn im lặng nhận lời Chư Thiên Đẳng tâm. Chư Thiên Đẳng tâm biết Thế Tôn đã im lặng nhận lời, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi biến mất khỏi chỗ đó.

Không bao lâu, sau khi Chư Thiên Đẳng tâm đi khỏi, Đức Thế Tôn đi đến giảng đường, trải chỗ ngồi mà ngồi trước chúng Tỳ-kheo. Sau khi ngồi xong, Đức Thế Tôn khen rằng:

“Lành thay, lành thay! Xá-lợi-phất, thầy thật rất khéo léo. Vì sao thế? Vì đêm qua, thầy và chúng Tỳ-kheo vân tập tại giảng đường, nhân đem nội kết sử và ngoại kết sử mà phân biệt nghĩa lý cho các Tỳ-kheo nghe như vậy: ‘Này Chư Hiền, trên đời quả thật có hai hạng người, người có nội kết sử và người có ngoại kết sử’.

“Xá-lợi-phất, lúc đêm gần tàn, Chư Thiên Đẳng tâm đi đến chỗ Ta, cúi đầu làm lễ rồi đứng sang một bên, bạch rằng:

“– Bạch Thế Tôn, Tôn giả Xá-lợi-phất, đêm qua cùng chúng Tỳ-kheo vân tập tại giảng đường, nhân đem nội kết sử và ngoại kết sử mà phân biệt nghĩa lý cho các Tỳ-kheo nghe như vậy: ‘Này Chư Hiền, trên đời quả thật có hai hạng người: người có nội kết sử và người có ngoại kết sử’. Bạch sinhTôn, Đại chúng đã hoan hỷ, cúi mong Thế Tôn từ bi thương xót mà đến nơi giảng đường.

“Xá-lợi-phất, Ta im lặng nhận lời Chư Thiên Đẳng tâm. Chư Thiên Đẳng tâm biết Ta đã im lặng nhận lời, cúi đầu đánh lễ sát chân Ta, nhiễu quanh ba vòng rồi biến mất khỏi chỗ đó.

“Xá-lợi-phất, Chư Thiên Đẳng tâm kia hoặc có mười hay hai mươi vị, hoặc ba mươi hay bốn mươi vị, hoặc năm mươi hay sáu mươi vị, cùng đứng trên đầu mũi dùi vẫn chẳng ngại chướng ngại lẫn nhau. Này Xá-lợi-phất, Chư Thiên Đẳng tâm chẳng phải sinh ra trong cõi ấy, nhưng do tụ tập thiện tâm rất rộng rất lớn cho nên Chư Thiên Đẳng tâm hoặc có mười hay hai mươi vị hoặc ba mươi hay bốn mươi vị, hoặc năm mươi hay sáu mươi vị, cùng đứng trên đầu mũi dùi vẫn chẳng ngại lẫn nhau. Này Xá-lợi-phất, Chư Thiên Đẳng tâm không phải sinh trong cõi trời này rồi mới bắt đầu tu thiện tâm, với tâm cực kỳ rộng lớn, khiến cho chư thiên Đẳng tâm cùng đứng trên đầu mũi dùi vẫn chẳng ngại lẫn nhau. Này Xá-lợi-

phát, Chư Thiên Đẳng tâm trước kia khi còn là loài người đã tu tập thiện tâm rất rộng, rất lớn, do đó nên khiến Chư Thiên Đẳng tâm hoặc có mười hay hai mươi vị, hoặc ba mươi hay bốn mươi vị, hoặc năm mươi hay sáu mươi vị, cùng [449c] đứng trên đầu mũi dùi vẫn chẳng chướng ngại lẫn nhau.

“Do đó, này Xá-lợi-phất, nên học pháp tịch tĩnh, các căn tịch tĩnh, tâm ý tịch tĩnh, ba nghiệp thân, khẩu ý tịch tĩnh, hướng về Đấng Thế Tôn và các đồng phạm hạnh có trí. Này Xá-lợi-phất, các hàng đệ học đối trá, luôn luôn suy tổn, vĩnh viễn lầm lạc. Vì sao vậy? Vì không được nghe diệu pháp như thế này”.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



22. KINH THÀNH TỰU GIỚI

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm Lâm Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với các Tỳ-kheo rằng:

“Nếu Tỳ-kheo thành tựu giới, thành tựu định, thành tựu tuệ thì ngay trong đời hiện tại mà ra vào định tướng thọ diệt¹; tất có trường hợp này. Nếu ngay trong đời hiện tại mà không chứng được cứu cánh trí², khi thân hoại mạng chung, vượt qua khỏi trời Đoàn thực³, sinh lên các cõi trời Ý sinh⁴, tại các cõi ấy mà ra vào định tướng tri diệt; tất có trường hợp này”.

Lúc đó Tôn giả Ô-đà-di⁵ cũng hiện diện trong đại chúng. Tôn giả Ô-đà-di nói rằng:

“Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo sinh lên các cõi trời ý sinh khác, mà ra vào định tướng tri diệt; hoàn toàn không có trường hợp ấy”.⁶

Tôn giả Xá-lợi-phất ba lần lặp lại, nói với các Tỳ-kheo rằng:

“Nếu Tỳ-kheo thành tựu giới, thành tựu định, thành tựu tuệ thì ngay trong đời hiện tại mà ra vào định tướng thọ diệt; tất có trường hợp này. Nếu ngay trong đời hiện tại mà không chứng được cứu cánh trí, khi thân hoại mạng chung, vượt qua khỏi trời Đoàn thực, sinh lên các cõi trời Ý sinh, tại các cõi ấy mà ra vào định tướng tri diệt; tất có trường hợp này”.

Tôn giả Ô-đà-di cũng ba lần lặp lại, thưa rằng:

“Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo sinh lên các cõi trời Ý sinh khác, mà ra vào định tướng thọ diệt; hoàn toàn không có trường hợp ấy”.

Lúc đó Tôn giả Xá-lợi-phất liền suy nghĩ như thế này: “Thầy Tỳ-kheo này cho đến ba lần bác lời ta nói, và cũng không có vị Tỳ-kheo nào tán thán lời ta nói. Vậy ta hãy đi đến Đức Thế Tôn”.

¹ *Tướng tri diệt định* 想知滅定. Pāli: saññāvedayitanirodha-samāpatti.

² Hán: *đắc cứu cánh trí* 得究竟智, chỉ chứng đắc A-la-hán quả. Pāli: aññā-ārādhānā.

³ Đoàn thực thiên 搏食天. Pāli: Kabalīkārahārabhakkha-devatā.

⁴ Ý sinh thiên 意生天. Pāli: manomayakāya-devatā.

⁵ Ô-đà-di 烏陀夷. Pāli: Udayī.

⁶ Đoạn kinh được dẫn bởi *Tì-bà-sa 153* (tr. 778c04).

Rồi Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ rồi ngồi xuống một bên.

Sau khi Tôn giả Xá-lợi-phất ra đi chẳng bao lâu, Tôn giả Ô-đà-di cũng đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ rồi ngồi xuống một bên.

Nơi đây, Tôn giả Xá-lợi-phất lại nói với các Tỳ-kheo rằng:

“Nếu Tỳ-kheo thành tựu giới, thành tựu định, thành tựu [b] tuệ thì ngay trong đời hiện tại mà ra vào định tưởng thọ diệt; tất có trường hợp này. Nếu ngay trong đời hiện tại mà không chứng được cứu cánh trí, khi thân hoại mạng chung, vượt qua khỏi trời Đoàn thực, sinh lên các cõi trời Ý sinh, tại các cõi ấy mà ra vào định tưởng thọ diệt; tất có trường hợp này”.

Tôn giả Ô-đà-di lại thưa rằng:

“Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo sinh lên các cõi trời Ý sinh khác, mà ra vào định tưởng thọ diệt; hoàn toàn không có trường hợp ấy”.

Tôn giả Xá-lợi-phất ba lần lặp lại, nói với các Tỳ-kheo rằng:

“Nếu Tỳ-kheo thành tựu giới, thành tựu định, thành tựu tuệ thì ngay trong đời hiện tại mà ra vào định tưởng thọ diệt; tất có trường hợp này. Nếu ngay trong đời hiện tại mà không chứng được cứu cánh trí, khi thân hoại mạng chung, vượt qua khỏi trời Đoàn thực, sinh lên các cõi trời Ý sinh, tại các cõi ấy mà ra vào định tưởng thọ diệt; tất có trường hợp này”.

Tôn giả Ô-đà-di cũng ba lần lặp lại, thưa rằng:

“Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo sinh lên các cõi trời Ý sinh khác, mà ra vào định tưởng thọ diệt; hoàn toàn không có trường hợp ấy”.

Tôn giả Xá-lợi-phất suy nghĩ thế này: “Thầy Tỳ-kheo này ở trước Đức Thế Tôn, lặp lại ba lần bác lời ta nói, cũng không có vị Tỳ-kheo nào tán thán lời ta nói; vậy ta nên im lặng”.

Lúc ấy Đức Thế Tôn hỏi rằng:

“Này Ô-đà-di, người cho Ý sinh thiên là sắc chăng?”

Tôn giả Ô-đà-di bạch Đức Thế Tôn rằng:

“Quả thật như vậy, bạch Thế Tôn”.⁷

Đức Thế Tôn liền khiển trách:

⁷ Pāli (A.iii 193): Udāyi trả lời: *ye te bhante devā ārupino saññāmayā ti*, đó là chư Thiên thuộc Vô sắc do tưởng tạo thành’.

“Người là người ngu si mờ tối, không có mắt, bằng vào những gì mà có thể luận bàn về A-tỳ-đàm thâm sâu⁸?”

Bấy giờ Tôn giả Ô-đà-di sau khi bị Thế Tôn quở mắng lòng dạ u sầu, cúi đầu im lặng, không còn lời lẽ để biện luận, như có điều suy nghĩ.

Đức Thế Tôn sau khi quở mắng Tôn giả Ô-đà-di rồi, nói Tôn giả A-nan rằng: “Khi một Tỳ-kheo trưởng lão là bậc Danh đức Thượng tôn mà bị người khác cật vấn, tại sao người bỏ mặc, không chiếu cố? Người, là người ngu si, không có lòng từ, quay lưng lại với bậc Trưởng lão Thượng tôn Danh đức”.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn sau khi quở mắng Tôn giả Ô-đà-di và Tôn giả A-nan, bèn nói với các Tỳ-kheo rằng:

“Nếu Tỳ-kheo thành tựu giới, thành tựu định, thành tựu tuệ thì ngay trong đời hiện tại mà ra vào định tướng thọ diệt; tất có sinhng hợp này. Nếu ngay trong đời hiện tại mà không chứng được cứu cánh trí, khi thân hoại mạng chung, vượt qua khỏi trời Đoàn thực, sinh lên các cõi trời ý sinh, tại các cõi ấy mà ra vào định tướng thọ diệt; tất có trường hợp này”.

Đức Thế Tôn nói như vậy xong liền vào tịnh thất im lặng tĩnh tọa. [450b] Bấy giờ Tôn giả Bạch Tịnh⁹ đang hiện diện trong đại chúng. Tôn giả A-nan thưa với Tôn giả Bạch Tịnh rằng:

“Đó là việc làm của vị khác mà tôi bị quở mắng. Thưa Tôn giả Bạch Tịnh, vào xế chiều Thế Tôn rời khỏi tịnh thất mà đến trước chúng Tỳ-kheo, trải tòa ngồi, để cùng thảo luận vấn đề này. Tôn giả Bạch Tịnh, ngài nên trả lời việc này. Tôi rất thẹn với Đức Thế Tôn và các đồng phạm hạnh”.

Bấy giờ vào lúc xế chiều, Đức Thế Tôn từ thiên thất đi ra, đến trước chúng Tỳ-kheo, trải chỗ mà ngồi, rồi Ngài bảo rằng:

“Này Bạch Tịnh, Tỳ-kheo Trưởng lão có mấy pháp để được các đồng phạm hạnh kính mến, tôn trọng?”

Tôn giả Bạch Tịnh thưa rằng:

⁸ *Thậm thâm A-tì-đàm* 甚深阿毗曇; bản Pāli tương đương không đề cập ý tưởng này.

⁹ Bạch Tịnh 白淨. Pāli: Upavāṇa.

“Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo Trưởng lão nếu có năm pháp sẽ được các đồng phạm hạnh khác tôn trọng, kính mến.

“Những gì là năm?

“Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo Trưởng lão tu tập các giới cấm, thủ hộ biệt giải thoát luật nghi, lại còn khéo thâm nhiếp các oai nghi lễ tiết, thấy những tội lỗi nhỏ nhặt cũng thường sinh tâm lo sợ, thọ trì học giới. Bạch Thế Tôn, vị Tỳ-kheo Trưởng lão Thượng tôn có cấm giới ấy sẽ được các đồng phạm hạnh kính mến tôn trọng.

“Lại nữa, bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo Trưởng lão học rộng, nghe nhiều, ghi nhớ không quên, tích lũy kiến thức rộng rãi; những pháp nào mà khoảng đầu hoàn hảo, khoảng giữa hoàn hảo, khoảng cuối cùng hoàn hảo, có nghĩa lý, có văn từ, hiển hiện phạm hạnh, thanh tịnh trọn đủ, vị ấy học rộng nghe nhiều các pháp như vậy, học tập nhuần nhuyễn cả ngàn lần, tâm ý tư duy quán sát, thấy rõ ràng và hiểu thấu sâu xa. Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn đa văn ấy sẽ được các đồng phạm hạnh kính mến tôn trọng.

“Lại nữa, bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo Trưởng lão Thượng tôn có bốn tăng thượng tâm¹⁰, sống an lạc trong đời hiện tại¹¹, dễ được chớ không khó. Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo Trưởng lão Thượng tôn có thiền tư ấy sẽ được các đồng phạm hạnh kính mến tôn trọng.

“Lại nữa, bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo Trưởng lão tu hành trí tuệ, quán sát sự hưng khởi và suy tàn của các pháp, chứng đắc như thật trí¹², được sự sáng suốt của Thánh tuệ, phân biệt rõ ràng,¹³ chân chính dứt hết khổ. Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo Trưởng lão Thượng tôn có trí tuệ sẽ được các đồng phạm hạnh kính mến tôn trọng.

“Lại nữa, bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo Trưởng lão đã dứt sạch các lậu, không còn kết sử, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời hiện tại tự tri, tự

¹⁰ Tứ tăng thượng tâm 四增上心. Pāli: *catunnaṃ jhānānaṃābhicetasikānaṃ*, bốn thiền, thuộc tăng thượng tâm.

¹¹ Hán: *hiện pháp lạc cư* (=trú) 現法樂居. Pāli: *diṭṭhadhammasukhavihāra*: hiện pháp lạc trú, chỉ an lạc do bốn thiền mang lại.

¹² Hán: *đắc như thị trí* 得如是智.

¹³ Túc Thánh quyết trạch (Pl. *ariyā nibbedhikāya*). Xem **cht. 14** kinh 3 (Thành dụ).

giác, tự tác chứng, thành tựu và an trụ, ‘Sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa’. Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn đã lậu tận ấy sẽ được các đồng phạm hạnh kính mến tôn trọng”.

Đức Thế Tôn hỏi rằng:

“Này Bạch Tịnh, nếu vị Tỳ-kheo Trưởng lão Thượng tôn [450c] không có năm pháp này, thì do nghĩa nào để cho các đồng phạm hạnh kính mến tôn trọng?”

Tôn giả Bạch Tịnh thưa:

“Bạch Thế Tôn, nếu vị Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn không có pháp này, thì thật không còn điều nào khác hơn để cho các đồng phạm hạnh kính mến tôn trọng. Chỉ còn lấy sự già nua, tóc bạc, răng rụng, sức khỏe ngày càng suy tàn, thân còm chân vẹo, cơ thể nặng nề, hơi thở đưa lên, chống gậy mà đi, thịt teo, da nhăn, xù xì như cây gai, các căn rời rụng, nhan sắc xấu xí. Vị ấy nhân những điều này được các đồng phạm hạnh kính mến, tôn trọng”.

Đức Thế Tôn bảo rằng:

“Quả thật như vậy, quả thật như vậy, nếu Tỳ-kheo Trưởng lão Thượng tôn mà không có năm pháp này, thì thật không còn điều kiện nào khác hơn để cho các đồng phạm hạnh kính mến tôn trọng. Chỉ còn lấy sự già nua, tóc bạc, răng rụng, sức khỏe ngày càng suy tàn, thân còm chân vẹo, cơ thể nặng nề, hơi thở đưa lên, chống gậy mà đi, thịt teo, da nhăn, xù xì như cây gai, các căn rời rụng, nhan sắc xấu xí. Vị ấy nhân những điều này được các đồng phạm hạnh kính mến, tôn trọng.

“Này Bạch Tịnh, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất có đủ năm pháp này, các người phải kính mến tôn trọng. Vì sao thế?

“Này Bạch Tịnh, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất tu tập các giới cấm, thủ hộ biệt giải thoát luật nghi, lại còn khéo thâm nhiếp các oai nghi lễ tiết, thấy những tội lỗi nhỏ nhặt cũng thường sinh tâm lo sợ, thọ trì học giới.

“Lại nữa, này Bạch Tịnh, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất học rộng, nghe nhiều, ghi nhớ không quên, tích lũy kiến thức rộng rãi; những pháp nào mà khoảng đầu hoàn hảo, khoảng giữa hoàn hảo, khoảng cuối cùng hoàn hảo, có nghĩa lý, có văn từ, hiển hiện phạm hạnh, thanh tịnh trọn đủ; học rộng nghe nhiều các pháp như vậy, học tập nhuần nhuyễn cả ngàn lần, tâm ý tư duy quán sát, thấy rõ ràng và hiểu thấu sâu xa.

“Lại nữa, này Bạch Tịnh, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất có bốn tầng thượng tâm, sống an lạc trong đời hiện tại, dễ được chớ không khó.

“Lại nữa, này Bạch Tịnh, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất tu hành trí tuệ, quán sát sự hưng khởi và suy tàn của các pháp, chứng đắc như thật trí, được sự sáng suốt của Thánh tuệ, phân biệt rõ ràng, chân chính dứt hết khổ.

“Lại nữa, này Bạch Tịnh, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã dứt sạch các lậu, không còn kết sử, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời hiện tại tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu và an trụ, ‘Sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa’.

“Này Bạch Tịnh, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất thành tựu năm pháp này, các người nên kính mến tôn trọng”.

Đức Phật thuyết như vậy. Tôn giả Bạch Tịnh và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



23. KINH TRÍ

[451a] Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm Lâm Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tỳ-kheo Mâu-lợi-phá-quần-nậu¹ xả giới, bỏ đạo. Tỳ-kheo Hắc Xỉ² nghe Tỳ-kheo Mâu-lợi-phá-quần-nậu, xả giới, bỏ đạo, liền đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cúi đầu lạy dưới chân rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xong, thưa rằng:

“Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, ngài nên biết Tỳ-kheo Mâu-lợi-phá-quần-nậu, xả giới, bỏ đạo”.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói rằng:

“Tỳ-kheo Mâu-lợi-phá-quần-nậu có vui thích ở trong giáo pháp không?”

Tôn giả Hắc Xỉ hỏi lại rằng:

“Tôn giả Xá-lợi-phất có vui thích ở trong giáo pháp này không?”

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời rằng:

“Này Hắc Xỉ, tôi không hề có sự nghi hoặc đối với giáo pháp này”.

Tỳ-kheo Hắc Xỉ lại hỏi rằng:

“Tôn giả Xá-lợi-phất đối với những việc trong tương lai thì như thế nào?”

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời rằng:

“Tôi đối với những việc trong tương lai thì cũng không có gì do dự”.

Tỳ-kheo Hắc Xỉ nghe vậy rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến chỗ Phật cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi xuống một bên, bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, Tôn giả Xá-lợi-phất vừa rồi tự tuyên bố là chứng đắc trí³, biết như thật rằng: ‘Sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa.’”

Đức Thế Tôn nghe xong bảo một vị Tỳ-kheo:

¹ Mâu-lợi-phá-quần-nậu 牟利破群 [劣-力+兔]. Pāli: Moliyaphagga.

² Hắc Xỉ 黑齒. Pāli: Kalārahhattiya.

³ Hán: thuyết đắc trí 說得智. Pāli: aññā vyākata, tuyên bố về cứu cánh trí. tức tuyên bố chứng đắc A-la-hán (*arahattaṃ vyākataṃ*).

“Người hãy đến chỗ Xá-lợi-phất nói rằng ‘Đức Thế Tôn muốn gọi Thầy.’”

Tỳ-kheo ấy vâng lời Phật dạy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy lạy Phật rồi đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất thưa rằng:

“Đức Thế Tôn gọi Tôn giả Xá-lợi-phất”.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi liền đi đến trước Phật, cúi đầu lễ rồi ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn hỏi rằng:

“Này Xá-lợi-phất, có thật vừa rồi thầy tự tuyên bố là chứng đắc trí, biết như thật, rằng ‘Sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa’ chăng?”

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, không phải với lời văn ấy, không phải đi với câu ấy mà con nói về nghĩa ấy”.

Đức Thế Tôn bảo:

“Này Xá-lợi-phất, một thiện nam tử tùy phương tiện⁴ mà tuyên thuyết, hễ có chứng đắc trí, thì tuyên bố chứng đắc trí”.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, con vừa nói không phải với lời ấy, không phải với câu ấy mà con nói về nghĩa ấy”.

Đức Thế Tôn hỏi:

“Này Xá-lợi-phất nếu có đồng phạm hạnh nào đến hỏi thầy thế này: ‘Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, biết thế nào, thấy thế nào, để có thể tự tuyên bố là chứng đắc trí, biết như thật rằng: ‘Sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn [451b] tái sinh nữa?’ Này Xá-lợi-phất nghe như vậy thầy sẽ trả lời sao?”

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời rằng:

“Bạch Thế Tôn, nếu có đồng phạm hạnh đến hỏi con rằng: ‘Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, biết thế nào, thấy thế nào, để có thể tự tuyên bố là chứng đắc trí, biết như thật rằng: ‘Sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa?’ Bạch Thế Tôn, nếu có đồng phạm

⁴ Hán: *tùy kỳ phương tiện* 隨其方便. Pāli: *yena kenaci pariyāyena*, bằng pháp môn (phương pháp) nào.

hạnh đến hỏi con như vậy, con sẽ trả lời như vậy: ‘Chư Hiền, sinh có nhân. Nhân của sự sinh ấy diệt tận, thì biết nhân của sự sinh diệt tận; tôi tự tuyên bố là chứng đắc trí, biết như thật rằng: ‘Sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa?’ Bạch Thế Tôn nếu có đồng phạm hạnh đến hỏi con như vậy, con sẽ trả lời như thế”.

Đức Thế Tôn khen rằng:

“Hay thay! Hay thay! Nếu các đồng phạm hạnh đến hỏi như thế, thầy nên trả lời như vậy. Vì sao thế? Vì nói như thế nên biết đó là nghĩa”.

Đức Thế Tôn hỏi rằng:

“Này Xá-lợi-phất, nếu có đồng phạm hạnh đến hỏi thầy thế này: ‘Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, sự sinh⁵ do nhân gì, duyên gì, sinh gì, căn bản gì?’” Thầy nghe những câu hỏi đó, trả lời như thế nào?”

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

“Bạch Thế Tôn, nếu các đồng phạm hạnh đến hỏi con rằng: ‘Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, sự sinh từ nhân gì, từ nhân gì, duyên gì, sinh gì, căn bản gì?’” Con nghe như vậy sẽ trả lời rằng: ‘Này Chư Hiền, sự sinh từ nhân là hữu, từ duyên là hữu, từ sinh là hữu, từ căn bản là hữu’. Bạch Thế Tôn, nếu các đồng phạm hạnh đến hỏi con như thế, con sẽ trả lời như vậy”.

Đức Thế Tôn khen:

“Hay thay! Hay thay! Xá-lợi-phất, nếu các đồng phạm hạnh đến hỏi thầy như thế, thầy nên trả lời như thế. Vì sao thế? Vì nói như vậy nên biết đó là nghĩa”.

Đức Thế Tôn hỏi rằng:

“Này Xá-lợi-phất, nếu các đồng phạm hạnh đến hỏi thầy thế này: ‘Thưa

⁵ sinh 生, Pl.: *jāti*, trong 12 chỉ.

⁶ Hán: nhân, duyên, sinh, bản 生因緣本: bốn hành tướng của nhân tập khởi (*samudaya*). Cf. *Câu-xá 16* (tr. 135c6), bốn hành tướng của tập đế: nhân, tập sinh, duyên. Pl., thành cú: *kiṃndānā kiṃsamudayā kiṃjātikā kiṃpabhavā*, duyên do (nhân duyên) gì, tập khởi gì, sinh (=chúng loại) gì, bản nguyên gì. Sớ giải: *yasmā tam tato samudeti jāyati pabhavati, tasmā samudayo jāti pabhavo*, cái mà từ đó nó khởi lên, cái đó là tập khởi; cái mà từ đó nó được sinh ra, cái đó là sinh; cái mà từ đó nó phát sinh, cái đó là bản nguyên

Tôn giả Xá-lợi-phất, hữu từ nhân gì, duyên gì, sinh gì, căn bản gì?’ Thầy nghe những lời ấy sẽ trả lời thế nào?”

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, nếu các đồng phạm hạnh đến hỏi con rằng ‘Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, hữu từ nhân gì, duyên gì, sinh gì, căn bản gì?’ Bạch Thế Tôn con nghe như vậy, con sẽ trả lời thế này: ‘Này Chư Hiền, hữu từ nhân là thủ,⁷ duyên là thủ, sinh gì, căn bản là thủ.’ Bạch Thế Tôn, nếu các đồng phạm hạnh đến hỏi con như thế, con sẽ trả lời như vậy.”

Đức Thế Tôn khen rằng:

“Hay thay! Hay thay! Xá-lợi-phất, nếu các đồng phạm hạnh đến hỏi thầy như thế, thầy nên trả lời như thế. Vì sao thế? [451c] Vì nói như vậy nên biết đó là nghĩa”.

Đức Thế Tôn hỏi rằng:

“Này Xá-lợi-phất, nếu các đồng phạm hạnh đến hỏi thầy thế này: ‘Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, thủ từ nhân gì, duyên gì, sinh gì, căn bản gì?’ Thầy nghe những lời ấy sẽ trả lời thế nào?”

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, nếu các đồng phạm hạnh đến hỏi con rằng ‘Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, thủ từ nhân gì, duyên gì, sinh gì, căn bản gì?’ Bạch Thế Tôn, con nghe như vậy, con sẽ trả lời thế này: ‘Này Chư Hiền, thủ từ nhân là ái, duyên là ái, sinh là ái, căn bản là ái’. Bạch Thế Tôn, nếu các đồng phạm hạnh đến hỏi con như thế, con sẽ trả lời như vậy”.

Đức Thế Tôn khen rằng:

“Hay thay! Hay thay! Xá-lợi-phất, nếu các đồng phạm hạnh đến hỏi thầy như thế, thầy nên trả lời như thế. Vì sao thế? Vì nói như vậy nên biết đó là nghĩa”.

Đức Thế Tôn hỏi rằng:

“Này Xá-lợi-phất, nếu các đồng phạm hạnh đến hỏi thầy thế này: ‘Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, thế nào là ái?’⁸ Thầy nghe những lời ấy sẽ trả lời thế nào?”

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa rằng:

⁷ Hán: 受. Pāli: *upādāna*.

⁸ Pl. (S. ii. 53), vẫn hỏi như trên: ái từ nhân gì,...

“Bạch Thế Tôn, nếu các đồng phạm hạnh đến hỏi con rằng ‘Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, thế nào là ái?’” Bạch Thế Tôn, con nghe như vậy, con sẽ trả lời thế này: ‘Này Chư Hiền, có ba cảm thọ⁹: cảm thọ lạc, cảm thọ khổ, cảm thọ không lạc không khổ. Ở trong đó mà ham muốn, đắm trước, đó gọi là ái’. Bạch Thế Tôn, nếu các đồng phạm hạnh đến hỏi con như thế, con sẽ trả lời như vậy”.

Đức Thế Tôn khen rằng:

“Hay thay! Hay thay! Xá-lợi-phất, nếu các đồng phạm hạnh đến hỏi thầy như thế, thầy nên trả lời như thế. Vì sao thế? Vì nói như vậy nên biết đó là nghĩa”.

Đức Thế Tôn hỏi rằng:

“Này Xá-lợi-phất, nếu các đồng phạm hạnh đến hỏi thầy thế này: ‘Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, biết thế nào, thấy thế nào để đối với ba thọ không ham muốn, đắm trước?’” Thầy nghe vậy rồi trả lời thế nào?”

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, nếu các đồng phạm hạnh đến hỏi rằng: ‘Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, biết thế nào, thấy thế nào để đối với ba thọ không ham muốn, đắm trước?’ Nghe vậy rồi, con sẽ trả lời rằng: ‘Này Chư Hiền, ba thọ này là pháp vô thường pháp khổ, pháp diệt. Pháp vô thường tức là khổ; thấy khổ rồi liền không còn ham muốn, đắm trước đối với ba thọ’. Bạch Thế Tôn, nếu các đồng phạm hạnh đến hỏi như thế, con sẽ trả lời như vậy”.

Đức Thế Tôn khen rằng:

“Hay thay! Hay thay! Xá-lợi-phất, nếu các đồng phạm hạnh đến hỏi thầy như thế, thầy nên trả lời như thế. Vì sao thế? [452a] Vì nói như vậy nên biết đó là nghĩa”.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo rằng:

“Này Xá-lợi-phất, lời nói này còn có ý nghĩa nữa để lời nói ấy có thể trả lời vấn tất. Này Xá-lợi-phất, những gì được cảm thọ, những gì được tạo tác, thầy đều là khổ¹⁰. Này Xá-lợi-phất, đó gọi là còn một ý nghĩa nữa để lời nói ấy có thể được trả lời vấn tất”.

⁹ Hán: *giác 覺*. Pāli: *vedāna*.

¹⁰ Pāli: *yam kiñci vedayitam tam dukkhasmiṃ ti*, cái gì được cảm thọ, cái ấy ở trong khổ.

Đức Thế Tôn hỏi rằng:

“Này Xá-lợi-phất, nếu các đồng phạm hạnh đến hỏi thầy thế này: ‘Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, bội xả¹¹ thế nào để tự tuyên bố là chứng đắc trí, biết như thật, rằng ‘Sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa?’”

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa rằng: “Bạch Thế Tôn, nếu có đồng phạm hạnh đến hỏi con thế này: ‘Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, bội xả thế nào để tự tuyên bố là chứng đắc trí, biết như thật, rằng ‘Sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa?’ Con nghe như vậy sẽ trả lời thế này: ‘Này Chư Hiền, tôi do bội xả bên trong¹² mà diệt tận các ái¹³, không kinh hãi, không sợ sệt, không nghi, không hoặc, thực hành sự thủ hộ như vậy. Thủ hộ như thế rồi không sinh ra lậu bất thiện¹⁴’. Bạch Thế Tôn, nếu các đồng phạm hạnh hỏi con như thế, con sẽ trả lời như vậy.”

Đức Thế Tôn khen rằng:

“Hay thay! Hay thay! Xá-lợi-phất, nếu các đồng phạm hạnh đến hỏi thầy như thế, thầy nên trả lời như thế. Vì sao thế? Vì nói như vậy nên biết đó là nghĩa”.

Đức Phật bảo rằng:

“Này Xá-lợi-phất, lời nói này còn có ý nghĩa nữa để lời nói ấy có thể trả lời vắn tắt. ‘Đối với những kết sử mà Sa-môn nói đến¹⁵, những kết sử ấy không tồn tại nơi ta, thực hành sự thủ hộ như vậy; thủ hộ như thế rồi không còn sinh ra lậu bất thiện nữa’. Này Xá-lợi-phất, đó gọi là còn có ý nghĩa nữa để lời nói ấy có thể trả lời vắn tắt”.

Đức Thế Tôn nói như vậy rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất tĩnh tọa. Sau khi Đức Thế Tôn đi vào tịnh thất chẳng bao lâu, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo rằng:

¹¹ Hán: *bối nhi bất hướng* 背而不向, cũng nói là bội xả, đây chỉ (tám) *giải thoát*, mà diệt thọ tướng định là cao nhất. Pāli: *vimokkhā*.

¹² Hán: *nội bối nhi bất hướng* 內背而不向. Pāli: *ajjhataṃ vimokkhā*.

¹³ Pāli: *sabbupādānakkhayā*, tất cả chấp thủ diệt tận.

¹⁴ Pāli: *yathā satama viharantaṃ āsavā ānussavanti*, do sống chính niệm như thế các lậu không còn rỉ chảy.

¹⁵ Pāli: *ye āsavā samanena vuttā*, những lậu hoặc mà Sa-môn nói đến.

“Này Chư Hiền, thoát tiên tôi chưa kịp gợi ý mà Đức Thế Tôn lại hỏi ý nghĩa đó, tôi đã nghĩ rằng sợ không trả lời được. Này Chư Hiền, khi tôi nói ra ý nghĩa thứ nhất liền được Đức Thế Tôn tán thán, tôi lại nghĩ thế này: ‘Nếu Đức Thế Tôn trong một ngày một đêm, với những lời khác với những câu khác, mà hỏi tôi về nghĩa này, thì tôi vẫn có thể trong một ngày một đêm, với những lời khác, câu khác mà trả lời Đức Thế Tôn về nghĩa ấy. Nếu Đức Thế Tôn trong hai, ba, bốn ngày cho đến bảy ngày bảy đêm với những lời khác câu khác mà hỏi tôi về nghĩa này, thì tôi vẫn có thể trong hai, ba, bốn cho đến bảy ngày bảy đêm với những lời khác, câu khác mà trả lời Đức Thế Tôn về [452b] nghĩa ấy’.”

Tỳ-kheo Hắc Xi nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói những lời ấy rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vội đến chỗ Phật bạch rằng:

“Sau khi Thế Tôn vào tịnh thất chẳng bao lâu, Tôn giả Xá-lợi-phất nói rất to chẳng thua gì tiếng rống của sư tử, rằng: ‘Này Chư Hiền, thoát tiên tôi chưa kịp gợi ý mà Đức Thế Tôn lại hỏi ý nghĩa đó, tôi đã nghĩ rằng sợ không trả lời được. Này Chư Hiền, khi tôi nói ra ý nghĩa thứ nhất liền được Đức Thế Tôn tán thán, tôi lại nghĩ thế này: Nếu Đức Thế Tôn trong một ngày một đêm, với những lời khác với những câu khác, mà hỏi tôi về nghĩa này, thì tôi vẫn có thể trong một ngày một đêm, với những lời khác, câu khác mà trả lời Đức Thế Tôn về nghĩa ấy. Nếu Đức Thế Tôn trong hai, ba, bốn ngày cho đến bảy ngày bảy đêm với những lời khác câu khác mà hỏi tôi về nghĩa này, thì tôi vẫn có thể trong hai, ba, bốn cho đến bảy ngày bảy đêm với những lời khác, câu khác mà trả lời Đức Thế Tôn về nghĩa ấy’.”

Đức Thế Tôn bảo rằng:

“Này Hắc Xi, thật như vậy! Thật như vậy! Nếu Ta trong một ngày một đêm, với những lời khác với những câu khác, mà hỏi Tỳ-kheo Xá-lợi-phất về nghĩa này, thì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất vẫn có thể trong một ngày một đêm, với những lời khác, câu khác mà trả lời Ta về nghĩa ấy. Này Hắc Xi, nếu Ta trong hai, ba, bốn ngày cho đến bảy ngày bảy đêm với những lời khác câu khác mà hỏi Tỳ-kheo Xá-lợi-phất về nghĩa này, thì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất vẫn có thể trong hai, ba, bốn cho đến bảy ngày bảy đêm với những lời khác, câu khác mà trả lời Ta về

nghĩa ấy. Vì sao thế? Nay Hắc Xi, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã thấu đạt sâu xa về pháp giới¹⁶ vậy”.

Phật thuyết như vậy, Tôn giả Xá-lợi-phất và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



¹⁶ Hán: *thâm đạt pháp giới*. 深達法界. Pāli: dhammadhātu-sappaṭivīdha, lý giải sâu ắc về pháp giới.

24. KINH SỰ TỪ HỒNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ trong rừng Thắng Lâm Lâm Lâm vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn cùng với đại chúng Tỳ-kheo an cư mùa mưa tại nước Xá-vệ. Tôn giả Xá-lợi-phất cũng an cư mùa mưa tại nước Xá-vệ. Lúc ấy Tôn giả Xá-lợi-phất an cư mùa mưa tại nước Xá-vệ xong, đã trải qua ba tháng, sau khi vá sửa các y rồi, liền xếp y ôm bát đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, lui qua một bên rồi thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, con an cư mùa mưa ở nước Xá-vệ vừa xong. Bạch Thế Tôn, bây giờ con muốn trú trong nhân gian”.

Đức Phật [452c] nói rằng:

“Này Xá-lợi-phất, người hãy đi đến nơi nào theo ý muốn. Những người nào chưa được hóa độ hãy khiến cho được hóa độ. Những người nào chưa được giải thoát hãy khiến cho họ được giải thoát. Những người nào chưa chứng Niết-bàn hãy cho chứng đắc Niết-bàn. Này Xá-lợi-phất, người hãy đi đến nơi nào theo ý muốn”.

Rồi thì, Tôn giả Xá-lợi-phất sau khi nghe những lời Phật nói, ghi nhớ kỹ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, đi quanh ba vòng, rồi lui ra, trở về phòng riêng, dọn dẹp giường ghế, xếp y, ôm bát, ra đi trú trong nhân gian.

Sau khi Tôn giả Xá-lợi-phất ra đi chẳng bao lâu, có một đồng phạm hạnh ở trước Đức Phật phạm vào pháp tương vi¹, vị ấy bạch Thế Tôn:

“Hôm nay Tôn giả Xá-lợi-phất sau khi khinh mạn con rồi đi trú trong nhân gian”.

Đức Thế Tôn nghe rồi, bảo một vị Tỳ-kheo rằng:

“Người hãy tìm đến chỗ Xá-lợi-phất, bảo với Xá-lợi-phất rằng: ‘Đức Thế Tôn gọi thầy rằng, sau khi thầy đi không bao lâu có một đồng phạm hạnh ở trước Ta phạm pháp tương vi, nói thế này: Bạch Thế Tôn, hôm nay Tôn giả Xá-lợi-phất sau khi khinh mạn con, rồi đi trú trong

¹ Hán: *phạm tương vi pháp* 犯相違法. Có lẽ Pāli (A. iv. 374): *khīyadhammam āpanno (āpajjati)*: rơi vào trạng thái ưu uất; đang cơn bất bình. Đây chỉ Tỳ-kheo kia đang có điều bất mãn hay oán hận ngài Sāriputta.

nhân gian.””

Thế Tôn nghe xong, liền bảo một Tỳ-kheo:

“Người hãy đi đến Xá-lợi-phất nói rằng Thế Tôn cho gọi Thầy.”

Vị Tỳ-kheo kia vâng lời Đức Phật dậy, rời chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Đức Phật rồi ra đi. Bấy giờ Tôn giả A-nan đứng sau Đức Thế Tôn, đang cầm quạt hầu Đức Phật.

Sau khi vị Tỳ-kheo kia đi chẳng bao lâu, Tôn giả A-nan liền cầm chìa khóa cửa, đi đến khắp các phòng, gặp các vị Tỳ-kheo nào cũng nói như thế này:

“Lành thay, Chư Tôn, hãy kíp đến giảng đường. Vì hôm nay Tôn giả Xá-lợi-phất sẽ đứng trước Đức Phật mà rống tiếng sư tử. Những gì mà Tôn giả Xá-lợi-phất nói ra đều sâu xa, tịch tĩnh ở trong tịch tĩnh, vi diệu ở trong vi diệu. Những lời như vậy sau khi các vị và tôi nghe được rồi, nên khéo tụng tập, nên khéo ghi nhớ”.

Các Tỳ-kheo nghe Tôn giả A-nan nói như vậy, tất cả đều đến giảng đường.

Bấy giờ vị Tỳ-kheo kia đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất thưa rằng:

“Đức Thế Tôn gọi Thầy, bảo rằng, sau khi Thầy đi không bao lâu có một đồng phạm hạnh ở trước Đức Thế Tôn, phạm pháp tương vi, nói thế này: ‘Bạch Thế Tôn, hôm nay Tôn giả Xá-lợi-phất sau khi khinh mạn con, rồi đi trú trong nhân gian.’”

Tôn giả Xá-lợi-phất sau khi nghe như vậy, liền rời chỗ ngồi đứng dậy, đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đánh lễ rồi lui sang một bên. Đức Phật liền bảo rằng:

“Này Xá-lợi-phất, sau khi người đi không bao lâu, có một đồng phạm hạnh ở trước Ta, phạm pháp tương vi, nói thế này: ‘Bạch Thế Tôn hôm nay Tôn giả Xá-lợi-phất sau khi khinh mạn con, rồi đi trú trong nhân gian.’ Này Xá-lợi-phất, có thật sau khi khinh mạn một đồng phạm hạnh rồi người đi trú trong nhân gian chăng?”

[453a] Tôn giả Xá-lợi-phất bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, nếu người nào không có niệm thân trên thân² thì người

² Hán: *thân thân niệm* 身身念. Pāli: *kāye kāyagatāsati anupaṭṭhitā*, chính niệm về thân hành (các động thái của thân) được xác lập trên thân.

ấy mới khinh mạn một đồng phạm hạnh rồi đi trú trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có niệm thân trên thân, vì sao con lại khinh mạn một đồng phạm hạnh rồi đi trú trong nhân gian?

“Bạch Thế Tôn, như một con trâu gầy sừng³, rất nhường nhịn, hiền lành, dễ sai khiến, dễ chế ngự. Nó từ thôn này đi đến thôn khác, từ xóm này đi đến xóm khác; những nơi nó đi qua, không có gì bị xâm phạm. Bạch Thế Tôn, con cũng vậy. Tâm con như con trâu gầy sừng, không kết, không oán, không sân nhuế, không não hại, rộng lớn, vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Bạch Thế Tôn, nếu ai không có niệm thân trên thân thì người ấy mới khinh mạn một đồng phạm hạnh rồi đi trú trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có niệm thân trên thân, làm sao con lại khinh mạn một đồng phạm hạnh rồi đi trú trong nhân gian?

“Bạch Thế Tôn, như con của một người Chiên-đà-la⁴ bị chặt hai tay, tâm ý rất thấp hèn. Nó từ thôn này đi đến thôn khác, từ xóm này đi đến xóm khác, những nơi nó đi ngang qua không có gì bị xâm phạm. Bạch Thế Tôn con cũng như thế. Tâm con như con của một người Chiên-đà-la bị chặt hai tay, không kết, không oán, không sân nhuế, không não hại, rộng lớn, vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Bạch Thế Tôn, nếu ai không có niệm thân trên thân thì người ấy mới khinh mạn một đồng phạm hạnh rồi đi trú trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có niệm thân trên thân, làm sao con lại khinh mạn một đồng phạm hạnh rồi đi trú trong nhân gian?

“Bạch Thế Tôn, cũng như mặt đất dung nạp tất cả đồ sạch, đồ bẩn, đại tiện, tiểu tiện, nước mũi, nước miếng. Đất không phải vì thế mà khởi sự thương ghét, không lấy làm sỉ nhục, xấu xa, không hổ, cũng không thẹn. Bạch Thế Tôn, con cũng như vậy. Tâm con như mặt đất kia, không ghét, không oán, cũng không sân nhuế, không não hại, rộng lớn, vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Bạch Thế Tôn, nếu ai không có niệm thân trên thân thì người ấy mới khinh mạn một đồng phạm hạnh rồi đi trú trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có niệm thân trên thân, làm sao con lại khinh mạn một đồng phạm hạnh rồi đi trú

³ Hán: *tiệt giác ngưu* 截角牛. Pāli: *usabho chinnavisāṇo*, con trâu chúa (trâu đực) mà cặp sừng đã bị cắt.

⁴ Hán: *Chiên-đà-la* 旃陀羅, người thuộc giai cấp cùng đinh, ngoại giai cấp. Pāli: *caṇḍāla*.

trong nhân gian?

“Bạch Thế Tôn, cũng như dòng nước rửa sạch tất cả các đồ sạch, đồ bẩn, đại tiện, tiểu tiện, nước mũi, nước miếng. Nước ấy không vì thế mà có sự yêu ghét, không lấy làm si nhục, xấu xa, không hổ, cũng không thẹn. Bạch Thế Tôn, con cũng như vậy. Tâm con như nước kia, không ghét, không oán, cũng không sân nhuế, không nã hại, rộng lớn, vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Bạch Thế Tôn, nếu ai không có [453b] niệm thân trên thân thì người ấy mới khinh mạn một đồng phạm hạnh rồi đi trú trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có niệm thân trên thân, làm sao con lại khinh mạn một đồng phạm hạnh rồi đi trú trong nhân gian?

“Bạch Thế Tôn, cũng như ngọn lửa đốt cháy tất cả các đồ sạch, đồ bẩn, đại tiện, tiểu tiện, nước mũi, nước miếng. Lửa không vì thế mà có sự yêu ghét, không lấy làm si nhục, xấu xa, không hổ, cũng không thẹn. Bạch Thế Tôn, con cũng như vậy. Tâm con như lửa kia, không ghét, không oán, cũng không sân nhuế, không nã hại, rộng lớn, vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Bạch Thế Tôn, nếu ai không có niệm thân trên thân thì người ấy mới khinh mạn một đồng phạm hạnh rồi đi trú trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có niệm thân trên thân, làm sao con lại khinh mạn một đồng phạm hạnh rồi đi trú trong nhân gian?

“Bạch Thế Tôn, cũng như ngọn gió thổi bay đi đồ sạch đồ bẩn, đại tiện, tiểu tiện, nước mũi, nước miếng. Gió cũng không vì thế mà có sự yêu ghét, không lấy làm si nhục, xấu xa, không hổ, cũng không thẹn. Bạch Thế Tôn, con cũng như vậy. Tâm con như gió kia, không ghét, không oán, cũng không sân nhuế, không nã hại, rộng lớn, vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Bạch Thế Tôn, nếu ai không có niệm thân trên thân thì người ấy mới khinh mạn một đồng phạm hạnh rồi đi trú trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có niệm thân trên thân, làm sao con lại khinh mạn một đồng phạm hạnh rồi đi trú trong nhân gian?

“Bạch Thế Tôn, cũng như cây chổi quét sạch đồ bẩn, đồ sạch, đại tiện, tiểu tiện, nước mũi, nước miếng. Chổi vẫn không vì thế mà có sự yêu ghét, không lấy làm si nhục, xấu xa, không hổ, cũng không thẹn. Bạch Thế Tôn, con cũng như vậy. Tâm con như cây chổi kia, không ghét, không oán, cũng không sân nhuế, không nã hại, rộng lớn, vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Bạch Thế Tôn, nếu ai không có niệm thân trên thân thì người ấy mới khinh mạn một đồng

phạm hạnh rồi đi trú trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có niệm thân trên thân, làm sao con lại khinh mạn một đồng phạm hạnh rồi đi trú trong nhân gian?

“Bạch Thế Tôn, cũng như cái giẻ lau⁵, chùi lau tất cả các đồ bẩn đồ sạch, đại tiện tiểu tiện, nước mũi nước miếng, cái giẻ lau cũng không vì thế mà có sự yêu ghét, không lấy làm si nhục, xấu xa, không hổ, cũng không thẹn. Bạch Thế Tôn, con cũng như vậy. Tâm con như cái giẻ lau kia, không ghét, không oán, cũng không sân nhuế, không náo hại, rộng lớn, vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trú. Bạch Thế Tôn, nếu ai không có niệm thân trên thân thì người ấy mới khinh mạn một đồng phạm hạnh rồi đi trú trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có niệm thân trên thân, [453c] làm sao con lại khinh mạn một đồng phạm hạnh rồi đi trú trong nhân gian?

“Bạch Thế Tôn, cũng như cái bình đựng dầu mỡ⁶ nứt nẻ nhiều chỗ. Người ta đựng đầy mỡ rồi để nó dưới ánh mặt trời. Nó chảy rỉ khắp, thấm ướt tất cả. Nếu người có mắt đứng bất cứ nơi nào, sẽ thấy bình mỡ ấy, nứt nẻ nhiều chỗ, đựng đầy mỡ rồi được để dưới ánh mặt trời, chảy rỉ khắp, thấm ướt tất cả. Bạch Thế Tôn, con cũng như thế. Con thường quán sát thân này có chín lỗ, đồ bất tịnh chảy rỉ khắp, thấm ướt khắp. Bạch Thế Tôn, nếu ai không có niệm thân trên thân thì người ấy mới khinh mạn một đồng phạm hạnh rồi đi trú trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có niệm thân trên thân, làm sao con lại khinh mạn một đồng phạm hạnh rồi đi trú trong nhân gian?

“Bạch Thế Tôn, cũng như một người ưa thích tuổi thiếu niên của mình, tắm gội sạch sẽ, xông thân thể bằng hương thoa, mặc áo trắng, đeo vòng ngọc để trang sức; cạo râu, sửa tóc, đầu đội tràng hoa. Bấy giờ nếu đem ba xác chết mà quán quanh nơi cổ họng; xác rắn chết, xác người chết, xác chó chết, máu ứ bầm xanh, sinh trưởng to lên, rất thối tha, rửa nát, nước nhớp chảy tràn. Người ấy sẽ ôm lòng hổ thẹn, rất ghét đồ bẩn uế đó. Bạch Thế Tôn, con cũng như thế; con luôn luôn quán sát những chỗ thối tha không sạch sẽ trong thân này, trong tâm hằng hổ thẹn, rất ghét vật cấu uế đó. Bạch Thế Tôn, nếu ai không có niệm thân trên thân thì người

⁵ Nguyên bản Hán: *bô-chiên-ni* 瞋旃尼. Pāli: *puñchanī*, cái giẻ lau.

⁶ Hán: *cao bình* 膏瓶. Pāli: *medakathālikam*; bình (hũ) đựng dầu hay mỡ để nấu ăn.

ấy mới khinh mạn một đồng phạm hạnh rồi đi trú trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có niệm thân trên thân, làm sao con lại khinh mạn một đồng phạm hạnh rồi đi trú trong nhân gian?”

Lúc bấy giờ vị Tỳ-kheo kia liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ sát chân Phật bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, con xin sám hối. Bạch Thiện Thệ, con xin sám hối. Con như ngu, như si, như người bất định, như người bất thiện. Vì sao thế? Vì con đã đem lời dối trá để vu khống Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, là đồng phạm hạnh thanh tịnh. Bạch Thế Tôn, con nay xin sám hối tội lỗi, cúi mong Thế Tôn chấp nhận cho. Sau khi con đã phát lồ rồi, sẽ không còn tạo tội nữa”.

Đức Thế Tôn bảo rằng:

“Quả thật vậy, này Tỳ-kheo! Ngươi thật như ngu, như si, như người bất định, như người bất thiện. Vì sao thế? Vì ngươi đã đem lời dối trá hoàn toàn không chân thật để vu khống Tỳ-kheo Xá-lợi-phất phạm hạnh thanh tịnh. Ngươi có thể sám hối tội lỗi, đã phát lồ rồi sau này sẽ không còn tạo tội nữa. Nếu có người nào sám hối tội lỗi đã phát lồ rồi, sau này không còn tạo tội nữa, như thế sẽ được trưởng thành trong Thánh pháp luật mà chẳng bị suy giảm”.

Thế rồi Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất rằng:

“Ngươi nên sẵn sàng nhận sự sám hối tội lỗi của người ngu si kia, chớ để Tỳ-kheo ấy lập tức ở trước ngươi mà đầu bị vỡ thành bảy mảnh”.

Tôn giả Xá-lợi-phất vì thương xót Tỳ-kheo kia nên liền nhận sự sám hối tội lỗi.

Đức Phật thuyết như vậy. [454a] Tôn giả Xá-lợi-phất và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



25. KINH THỦY DỤ (2)

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm Lâm Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Này Chư Hiền, hôm nay tôi sẽ nói năm pháp trừ não¹ cho các vị. Hãy lắng nghe, hãy khéo suy nghĩ!”

Các vị Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói rằng:

(i) “Những gì là năm? Này Chư Hiền, hoặc có một người thân hành không thanh tịnh, nhưng khẩu hành thanh tịnh. Nếu người có trí thấy, giả sử sinh hờn giận, phải nên trừ bỏ².

“Lại nữa, này Chư Hiền, hoặc một người hoặc khẩu hành không thanh tịnh nhưng thân hành thanh tịnh. Nếu người có trí thấy, giả sử sinh hờn giận, phải nên trừ bỏ.

“Lại nữa, này Chư Hiền, hoặc một người thân hành không thanh tịnh, khẩu hành không thanh tịnh, nhưng tâm có chút thanh tịnh. Nếu người có trí thấy, giả sử sinh hờn giận, phải nên trừ bỏ.

“Lại nữa, này Chư Hiền, hoặc một người thân hành không thanh tịnh, khẩu và ý hành không thanh tịnh. Nếu người có trí thấy, giả sử sinh hờn giận, phải nên trừ bỏ.

“Lại nữa, này Chư Hiền, hoặc một người thân hành thanh tịnh, khẩu và ý hành thanh tịnh. Nếu người có trí thấy, giả sử sinh hờn giận, phải nên trừ bỏ.

(ii.1) “Này Chư Hiền, hoặc có một người thân hành không thanh tịnh, nhưng khẩu hành thanh tịnh. Nếu người có trí thấy, giả sử sinh hờn giận, phải nên trừ bỏ như thế nào?³ Này Chư Hiền, cũng như Tỳ-kheo A-lan-

¹ Ngũ trừ não pháp 五除惱法. Pāli (A. iii. 186). : *pañca āghātapapaṭivīṇayā*, năm yếu tố kèm chế sự hờn giận.

² Pāli: *evārupe puggale āghāto paṭivīṇetabbo*, sự hờn giận cần được kèm chế đối với người (có thân hành) như vậy.

³ Nghĩa là, làm cách nào để không khởi tâm hờn giận đối với con người như

nhã⁴ thọ trì y áo phân tảo⁵, thấy vải xấu vất trong đồng rác, bần dáy hoặc vì bị đại tiện; hoặc tiểu tiện, nước mũi, nước miếng và các đồ bất tịnh khác thấm bẩn. Thấy rồi, tay trái cầm lên; tay phải căng rộng ra; nếu chẳng phải bị đại tiện, tiểu tiện, nước mũi, nước miếng và các đồ bất tịnh khác thấm bẩn, lại không có rách lung, liền xếp cất lấy. Cũng vậy, này Chư Hiền, đối với một người thân hành không thanh tịnh, nhưng khẩu hành thanh tịnh, chớ nghĩ thân hành không thanh tịnh, mà chỉ nghĩ đến khẩu hành thanh tịnh của người ấy. Nếu người có trí thấy, giả sử sinh hờn giận, phải nên trừ bỏ như vậy.

“Này Chư Hiền, hoặc một người hoặc khẩu hành không thanh tịnh nhưng thân hành thanh tịnh. Nếu người có trí thấy, giả sử sinh hờn giận; nên trừ bỏ như thế nào? Này Chư Hiền, cũng như cách thôn xóm không xa, có hồ nước rất sâu, rêu cỏ che lấp. Có người đi đến, rất nóng bức, phiền muộn, đói khát, mệt mỏi, bị gió nóng bức bách. [454b] Người ấy đến nơi hồ, cởi áo để trên bờ, rồi nhảy xuống hồ, hai tay khoát rêu ra, khoan khoái mặc tình tắm rửa, trừ bỏ nóng bức, phiền muộn, đói khát, mệt mỏi. Cũng vậy, này Chư Hiền, đối với một người khẩu không tịnh hạnh, nhưng thân hành tịnh hạnh, chớ nghĩ về khẩu hành không thanh tịnh mà hãy nghĩ về thân hành thanh tịnh của người ấy. Nếu người có trí thấy, giả sử sinh hờn giận; nên đoạn trừ như vậy.

“Này Chư Hiền, hoặc một người thân hành không thanh tịnh, khẩu hành không thanh tịnh, nhưng tâm có chút thanh tịnh. Nếu người có trí thấy, giả sử sinh hờn giận, phải nên trừ bỏ như thế nào? Này Chư Hiền, như trên con đường ngã tư có nước trong dấu chân trâu. Có một người đi đến, trong lúc đang quá nóng bức, phiền muộn, đói khát, mệt mỏi, gió nóng bức bách. Người ấy nghĩ thế này: ‘Mặc dù nước trong lỗ chân trâu ở ngã tư đường này ít, nếu ta dùng tay hoặc lá cây múc lấy, thì sẽ quậy thành đục ngầu, không thể trừ bỏ sự nóng bức vô cùng, phiền muộn, đói khát, mệt mỏi, cho ta. Ta hãy nên quỳ xuống, tay và đầu gối áp sát mặt đất, dùng miệng uống nước’. Người ấy liền quỳ dài xuống, tay và đầu gối áp

vậy.

⁴ Nguyên bản Hán: A-luyện-nhã Tỳ-kheo 阿練若毗丘. Pāli: *araññaka-bhikkhu*, Tỳ-kheo sống trong rừng vắng; không sống trong các tỉnh xá.

⁵ Hán: *trì phân tảo y* 持糞掃衣. Pāli: *pamsakulika*, người tu theo hạnh chỉ mặc y phục từ vải đã bị liệng bỏ như là rác.

sát mặt đất, dùng miệng uống nước. Người ấy liền trừ được sự nóng bức vô cùng, phiền muộn, đói khát, mệt mỏi. Cũng vậy, này Chư Hiền, đối với người thân hành không thanh tịnh, khẩu hành không thanh tịnh, nhưng tâm có chút thanh tịnh, chớ nên nghĩ đến thân hành không thanh tịnh, khẩu hành không thanh tịnh, mà chỉ nên nghĩ đến tâm có chút thanh tịnh của người ấy. Này Chư Hiền, nếu người có trí thấy, giả sử sinh hờn giận; nên đoạn trừ như vậy.

“Này Chư Hiền, hoặc một người thân hành không thanh tịnh, khẩu và ý hành không thanh tịnh. Nếu người có trí thấy, giả sử sinh hờn giận, phải nên trừ bỏ như thế nào? Này Chư Hiền, cũng như có người đi xa trên con đường dài; nửa đường mắc bệnh rất là khốn đốn, héo hắt, cô độc, không bạn bè; thôn xóm phía sau càng lúc càng xa mà thôn xóm phía trước lại chưa đến. Nếu có người đi đến, đứng bên cạnh, thấy người bộ hành này đi xa trên con đường dài, nửa đường mắc bệnh rất là khốn đốn, héo hắt, cô độc, không bạn bè, thôn xóm phía sau càng lúc càng xa mà thôn xóm phía trước thì chưa đến. Người kia nếu được người chăm sóc, từ giữa cánh đồng xa xôi dắt đến thôn ấp, cho uống thang thuốc hay, bồi dưỡng bằng đồ ngon mỹ diệu, được chăm sóc kỹ lưỡng; như vậy người ấy chắc chắn được lành bớt. Đó là người kia có lòng thương xót, có từ niệm đối với người bệnh này. Cũng vậy, này Chư Hiền, hoặc một người thân hành không thanh tịnh, khẩu và ý hành không thanh tịnh. Nếu người có trí thấy, nên nghĩ thế này: ‘Vị này thân hành không thanh tịnh, khẩu và ý hành không thanh tịnh, đừng để cho vị này do bởi thân hành không thanh tịnh, khẩu và ý hành không thanh tịnh, mà khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ, sinh vào địa ngục. Nếu vị này gặp thiện tri thức, [454c] sẽ bỏ thân hành không thanh tịnh để tu thân hành thanh tịnh; trừ bỏ khẩu và ý hành không thanh tịnh để tu khẩu và ý hành thanh tịnh. Do vậy, vị này sẽ do thân hành thanh tịnh, khẩu và ý hành thanh tịnh mà khi thân hoại mạng chung chắc chắn sinh đến thiện xứ, cho đến sinh thiên giới’. Đó là vị kia có lòng thương xót, có từ niệm đối với vị này. Nếu người có trí mà sinh lòng hờn giận, nên đoạn trừ như vậy.

“Này Chư Hiền, hoặc có một người thân hành thanh tịnh, khẩu và ý hành thanh tịnh. Nếu người có trí thấy, giả sử sinh hờn giận, phải nên trừ bỏ như thế nào? Này Chư Hiền, cũng như ngoài thôn xóm không xa, có hồ nước tốt, đã trong lại ngọt, đáy sâu bằng phẳng, đầy đặn, cỏ biếc ngập bờ, bốn phía có cây cỏ. Nếu có người đến, rất nóng bức, phiền muộn, đói

khát, mệt mỏi, gió nóng bức bách. Người kia đến bờ rồi, cởi áo để trên bờ, nhảy xuống hồ, khoan khoái mặc tình tắm rửa, trừ bỏ sự nóng bức, phiền muộn, đói khát, mệt mỏi. Cũng vậy, này Chư Hiền, hoặc có một người thân hành thanh tịnh, khẩu và ý hành thanh tịnh, hãy thường nên nghĩ đến thân hành thanh tịnh, khẩu và ý hành thanh tịnh của người đó. Nếu người có trí thấy mà sinh hờn giận, nên trừ bỏ như vậy. “Này Chư Hiền, năm pháp trừ não mà tôi vừa nói, chính do vậy mà được nói”.

Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Tôn giả thuyết, hoan hỷ phụng hành.⁶



⁶ Bản Hán, hết quyển 4.

26. KINH CÙ-NI-SU¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại thành Vương Xá, trong rừng Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa.

Bấy giờ Tỳ-kheo Cù-ni-su¹ cũng trú tại thành Vương xá, là người sống trong rừng², cười đùa kiêu ngạo, tháo động, không chính niệm như khi vượt³. Tỳ-kheo Cù-ni-su vì có chút việc nên đến thành Vương Xá.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất [455a] cùng với chúng Tỳ-kheo sau giờ ăn trưa, vì có chút việc nên vân tập tại giảng đường. Tỳ-kheo Cù-ni-su sau khi đã làm xong việc trong thành Vương Xá, đi đến giảng đường. Tôn giả Xá-lợi-phất từ đằng xa trong thấy Cù-ni-su đi đến. Nhân Cù-ni-su mà bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Này Chư Hiền, thầy Tỳ-kheo vô sự⁴, sống ở nơi vô sự, phải học sự kính trọng và biết tùy thuận quán sát⁵. Này Chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự mà phần nhiều không kính trọng, không biết tùy thuận quán sát, vị ấy sẽ bị các Tỳ-kheo thường hay chỉ trích, cất vấn: ‘Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế? Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự nhưng phần nhiều lại không biết kính trọng, không biết tùy thuận quán sát’. Nếu đến ở trong đại chúng, vị ấy cũng bị các Tỳ-kheo thường hay chỉ trích, cất vấn. Do đó, này Chư Hiền, thầy Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học kính trọng và biết tùy thuận quán.

“Này Chư Hiền, thầy Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học hạnh

¹ Cù-ni-su 瞿尼師. Pāli: Gulissāni (Goliyāni).

² Hán: *tại vô sự thất* 在無事室. Pāli (M. i. 468): (*gulissāni nāma bhikkhu*) *ārañṇiko*, (Tỳ-kheo Gulissāni) là người sống trong rừng (Tỳ kheo a-lan-nhã). Nhưng hán dịch có thể từ *arañṇavihārī* (= *arañṇaka*), vì *vihāra* có nghĩa là *trú xứ*, cũng nghĩa là *tĩnh xá*, *am thất*.

³ Pāli: (*ārañṇiko*) *padasamācāro*, (là ẩn sĩ sống trong rừng, nhưng) là người có hành vi thô tháo.

⁴ Vô sự Tỳ-kheo 無事比丘, Tỳ kheo a-lan-nhã sống tại a-lan-nhã (rừng). Pāli: *ārañṇaka-bhikkhu*.

⁵ Pāli: *ārañṇikena bhikkhunā saṃghagatena saṅghe viharante sabrahmacārisu sagāravena bhavitabbaṃ sappatussena*, “Tỳ-kheo a-lan-nhã (tu hạnh sống ở rừng), khi đến sống giữa Tăng, cần phải tôn trọng, cung kính các đồng phạm hạnh.”

không cười giỡn, không tháo động⁶. Nay Chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự mà hay cười giỡn, tháo động, thì sẽ bị các Tỳ-kheo thường hay chỉ trích cất vấn: ‘Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế? Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự nhưng hay cười giỡn, tháo động’. Nếu đến ở trong đại chúng, cũng bị các Tỳ-kheo thường hay chỉ trích, cất vấn. Do đó, nay Chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học hạnh không cười giỡn, không tháo động.

“Nay Chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học hạnh không nói những đề tài súc sinh⁷. Nay Chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự mà hay nói những vấn đề súc sinh, sẽ bị các Tỳ-kheo chỉ trích cất vấn: ‘Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế? Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự nhưng hay nói những đề tài súc sinh’. Nếu đến ở trong đại chúng, cũng bị các Tỳ-kheo thường hay chỉ trích, cất vấn. Do đó, nay Chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học không nói những đề tài súc sinh.

“Nay Chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học không kiêu ngạo và ít nói năng. Nay Chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự mà hay kiêu ngạo và nói năng nhiều sẽ bị các Tỳ-kheo chỉ trích cất vấn: ‘Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế? Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà lại hay kiêu ngạo và nói năng nhiều’. Nếu đến ở trong đại chúng, cũng bị các Tỳ-kheo thường hay chỉ trích, cất vấn. Do đó, nay Chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự nên học không kiêu ngạo và ít nói năng.

[455b] “Nay Chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học thủ hộ các căn. Nay Chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự mà phần nhiều không chịu thủ hộ các căn, sẽ bị các Tỳ-kheo chỉ trích cất vấn: ‘Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế? Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà phần nhiều không chịu thủ hộ các căn. Nếu đến ở

⁶ Hán: *bất điều tiếu, bất táo nhiễu* 不調笑不躁擾. Pāli: *anuddhata*, không trạo cử, *acapala*, không náo động.

⁷ Hán: *súc sinh luận* 畜生論. Pāli: *tiracchāna-kathā*, câu chuyện bàn về các vấn đề từ vua chúa, trộm cướp cho đến chuyên sông biển, nam nữ linh tinh; chuyện vô ích, trở ngại sự tu tập. Nhưng, đoạn này, trong bản Pāli tương đương: *amukhararena bhavitabbaṃ avikinnavācena*, không nên lảm lời, không nên nói tạp nhạp.

trong đại chúng, cũng bị các Tỳ-kheo thường hay chỉ trích, cật vấn. Do đó, này Chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự nên học thủ hộ các căn.

“Này Chư Hiền, thầy Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học biết đủ trong sự ăn uống. Này Chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự mà ham ăn quá dư, quá nhiều, không biết đủ, sẽ bị các Tỳ-kheo chỉ trích cật vấn: ‘Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế? Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà ham ăn quá dư, quá nhiều, không biết đủ’. Nếu đến ở trong đại chúng, cũng bị các Tỳ-kheo thường hay chỉ trích, cật vấn. Do đó, này Chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự nên học biết đủ trong sự ăn uống.

“Này Chư Hiền, thầy Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học tinh tấn không giải đãi. Này Chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự mà lại thường không tinh tấn, hay giải đãi, sẽ bị các Tỳ-kheo chỉ trích cật vấn: ‘Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế? Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà thường không tinh tấn, trái lại còn giải đãi’. Nếu đến ở trong đại chúng, cũng bị các Tỳ-kheo thường hay chỉ trích, cật vấn. Do đó, này Chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự nên học tinh tấn, không giải đãi.

“Này Chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học chính niệm và chính trí. Này Chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự mà không học chính niệm chính trí, sẽ bị các Tỳ-kheo chỉ trích cật vấn: ‘Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế? Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà thường không có chính niệm chính trí’. Nếu đến ở trong đại chúng, cũng bị các Tỳ-kheo thường hay chỉ trích, cật vấn. Do đó, này Chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự nên học chính niệm chính trí.

“Này Chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học biết thời và đúng thời; không đi vào thôn khát thực quá sớm, cũng chẳng trở về quá trễ. Này Chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự mà vào [455c] thôn khát thực quá sớm và trở về quá trễ, sẽ bị các Tỳ-kheo chỉ trích cật vấn: ‘Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế? Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà vào thôn khát thực quá sớm và trở về quá trễ’. Nếu đến ở trong đại chúng, cũng bị các Tỳ-kheo thường hay chỉ trích, cật vấn. Do đó, này Chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự nên học biết thời và đúng thời.

“Này Chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học biết ngồi và ngồi đúng chỗ; không lấn chỗ ngồi của vị Trưởng lão, bị Tỳ-kheo nhỏ khiển trách⁸. Này Chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự mà chiếm chỗ ngồi của bậc trưởng lão, bị các Tỳ-kheo nhỏ chỉ trích, sẽ bị các Tỳ-kheo chỉ trích cất vắn: ‘Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế? Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà chiếm chỗ ngồi của các bậc trưởng lão, bị các Tỳ-kheo nhỏ chỉ trích’. Nếu đến ở trong đại chúng, cũng bị các Tỳ-kheo thường hay chỉ trích, cất vắn. Do đó, này Chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự nên học biết ngồi và ngồi đúng chỗ.

“Này Chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học thảo luận về Luật và A-tì-đàm⁹. Vì sao thế. Này Chư Hiền, khi Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự, hoặc có người đến hỏi về Luật và A-tì-đàm. Này Chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự mà không biết trả lời về Luật và A-tì-đàm, thì làm cho các Tỳ-kheo khác thường chỉ trích cất vắn: ‘Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế? Vị Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự nhưng không biết trả lời về Luật và A-tì-đàm’. Nếu đến ở giữa đại chúng cũng làm cho các Tỳ-kheo thường chỉ trích cất vắn. Do đó, này Chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự nên học thảo luận về Luật và A-tì-đàm.

“Này Chư Hiền, thầy Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học thảo luận về tịch tĩnh giải thoát¹⁰ và ly sắc¹¹ cho đến vô sắc định¹². Vì sao thế? Này Chư Hiền, khi Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự, hoặc có người đến hỏi về tịch tĩnh giải thoát và ly sắc cho đến vô sắc định. Này Chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự mà không biết trả lời về tịch tĩnh giải thoát và ly sắc cho đến vô sắc định thì làm cho các Tỳ-kheo khác thường chỉ

⁸ Pāli: *there ca bhikkhū nānupakhajja nisīdissāmi nave ca bhikkhū na āsanena paṭibāhissāmi*, không chiếm chỗ ngồi của các Tỳ-kheo Thượng tọa; không đuổi các vị tân Tỳ-kheo khỏi chỗ ngồi.

⁹ Luật, A-tì-đàm 律阿毗曇. Pāli: *abhinaya, abhidhamma*, chỉ phần tinh nghĩa của luật (*vinaya*) và pháp (*dhamma*); không phải A-tì-đàm của Luận tạng.

¹⁰ Hán: *tức giải thoát* 息解脫. Pāli: *santa-vimokka*.

¹¹ Hán: *ly sắc* 離色. Pāli: *atikkamma rūpe*, vượt qua sắc pháp.

¹² Hán: *nãi chí vô sắc định* 乃至無色定. Pāli: *ārūpā tattha yogo karaṇīyo*, tu tập về các vô sắc.

trích cất vắn: ‘Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự này mà làm gì? Vì sao thế? Vị Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự nhưng không biết trả lời về tịch tĩnh giải thoát và ly sắc cho đến vô sắc định’. Nếu đến ở giữa đại chúng cũng làm cho các Tỳ-kheo thường chỉ trích cất vắn. Do đó, này Chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự [456a] sống ở nơi vô sự nên học thảo luận về tịch tĩnh giải thoát và ly sắc cho đến vô sắc định.

“Này Chư Hiền, thầy Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học thảo luận về lậu tận trí thông. Vì sao thế. Này Chư Hiền, khi Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự, hoặc có người đến hỏi về lậu tận trí thông. Này Chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự mà không biết trả lời về lậu tận trí thông, thì làm cho các Tỳ-kheo khác thường chỉ trích cất vắn: ‘Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự này mà làm gì? Vì sao thế? Vị Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự nhưng không biết trả lời về lậu tận trí thông’. Nếu đến ở giữa đại chúng cũng làm cho các Tỳ-kheo thường chỉ trích cất vắn. Do đó, này Chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự nên học thảo luận về lậu tận trí thông”.

Lúc ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng hiện diện trong đại chúng. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên thưa rằng:

“Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, chỉ những Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự mới nên học những pháp như vậy, chứ không phải là những Tỳ-kheo ở giữa người đời¹³ sao?”

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời rằng:

“Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự còn nên học những pháp như vậy hướng gì là Tỳ-kheo sống giữa nhân gian?”

Như vậy hai vị Tôn giả cùng khen tán lẫn nhau, tán thán “Lành thay!” Sau khi nghe những điều được nói, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

*Kính trọng chính hng cười cợt,
Không phiếm luận, kiêu ngạo,
Hộ căn, ăn biết đủ,
Tinh tấn, chính niệm, trí,
Biết thời, ngồi đúng chỗ,
Thảo luận Luật, Tỳ-đàm,*

¹³ Hán: nhân gian Tỳ-kheo 人間毗丘. Pāli: *gāmantavihārin*, (Tỳ-kheo) sống tại các thôn xóm.

*Và tịch tĩnh giải thoát,
Lậu tận thông cũng vậy.*



27. KINH PHẠM CHÍ ĐÀ-NHIÊN

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại thành Vương Xá trong rừng Trúc, vườn Ca-lan-đa, cùng chúng Đại Tỳ-kheo an cư mùa mưa.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất đang ở nước Xá-vệ cũng an cư mùa mưa.

Lúc ấy, có một Tỳ-kheo ở thành Vương Xá, sau khi trải qua ba tháng an cư mùa mưa xong, vá sửa lại các y, rồi xếp y, ôm bát từ thành Vương Xá đi đến nước Xá-vệ, ở trong rừng Thắng Lâm Lâm Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Tỳ-kheo ấy đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, [456b] cúi đầu đánh lễ dưới chân rồi ngồi sang một bên.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

“Này Hiền giả, Thế Tôn an cư tại thành Vương Xá. Thánh thể có được an khang khỏe mạnh, không bệnh tật, đi lại thoải mái, khí lực bình thường không?”

Vị Tỳ-kheo đáp:

“Thật vậy, bạch Tôn giả Xá-lợi-phất. Thế Tôn an cư tại thành Vương Xá. Thánh thể được an khang khỏe mạnh, không bệnh tật, đi lại thoải mái và khí lực bình thường”.

Lại hỏi:

“Này Hiền giả, đại chúng Tỳ-kheo và đại chúng Tỳ-kheo-ni an cư mùa mưa tại thành Vương xá; Thánh thể có được an khang khỏe mạnh, không bệnh tật, đi lại thoải mái, khí lực bình thường không? Có thường xuyên thăm viếng Đức Phật và mong muốn được nghe pháp không?”

Đáp:

“Thật vậy, bạch Tôn giả Xá-lợi-phất. Đại chúng Tỳ-kheo và đại chúng Tỳ-kheo-ni an cư mùa mưa tại thành Vương xá; Thánh thể an khang khỏe mạnh, không bệnh tật, đi lại thoải mái, khí lực bình thường. Có thường xuyên thăm viếng Đức Phật và mong muốn được nghe pháp”.

Lại hỏi:

“Này Hiền giả, chúng Ưu-bà-tắc và chúng Ưu-bà-di trú tại thành Vương Xá, thân thể có được an khang khỏe mạnh, không bệnh tật, đi lại thoải

mái, khí lực bình thường không? Có thường xuyên thăm viếng Đức Phật và mong muốn được nghe pháp không?”

Đáp:

“Thật vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất. Chúng Ưu-bà-tắc và chúng Ưu-bà-di trú tại thành Vương Xá, thân thể có được an khang khỏe mạnh, không bệnh tật, đi lại thoải mái, khí lực bình thường. Có thường xuyên thăm viếng Đức Phật và mong muốn được nghe pháp”.

Lại hỏi:

“Này Hiền giả, tất cả các Sa-môn, Bà-la-môn, dị học an cư mùa mưa tại thành Vương xá, thân thể có được an khang khỏe mạnh, không bệnh tật, đi lại thoải mái, khí lực bình thường không? Có thường xuyên thăm viếng Đức Phật và mong muốn được nghe pháp không?”

Trả lời rằng:

“Thật vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, tất cả các Sa-môn, Bà-la-môn, dị học an cư mùa mưa tại thành Vương xá, thân thể có được an khang khỏe mạnh, không bệnh tật, đi lại thoải mái, khí lực bình thường. Có thường xuyên thăm viếng Đức Phật và mong muốn được nghe pháp”.

Lại hỏi rằng:

“Này Hiền giả, tại thành Vương Xá có một Bà-la-môn tên là Đà-nhiên¹, vốn là bạn của tôi trước kia tôi chưa xuất gia; Hiền giả có biết vị ấy không?”

Trả lời rằng:

“Thưa có biết”.

Lại hỏi rằng:

“Hiền giả, Bà-la-môn Đà-nhiên ở thành Vương Xá, thân thể có được an khang khỏe mạnh, không bệnh tật, đi lại thoải mái, khí lực bình thường không? Có thường xuyên thăm viếng Đức Phật và mong muốn được nghe pháp không?”

Đáp:

“Tôn giả Xá-lợi-phất, Bà-la-môn Đà-nhiên ở thành Vương Xá, thân

¹ Đà-nhiên 陀然. Pāli: một người Bà-la-môn tên là Dhānañjāni (cũng viết, Dhanañjāni), ở Taṇḍulapālidvāra; không nói sự kiện là bạn cũ.

thể an khang khỏe mạnh, không bệnh tật, đi lại thoải mái,[456c] khi lực bình thường. Nhưng ông ấy không muốn thăm viếng Đức Phật và không ưa nghe pháp”.

“Vì sao thế?”

“Tôn giả Xá-lợi-phất, Bà-la-môn Đà-nhiên không tinh tấn, phạm vào các cấm giới. Ông ấy dựa thế Vua để dối gạt² các Bà-la-môn, Cư sĩ; dựa thế các Bà-la-môn, cư sĩ để dối gạt Vua”.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi, và ba tháng an cư mùa mưa ở nước Xá-vệ đã qua, sau khi vá sửa các y, giặt xếp y, ôm bát từ nước Xá-vệ đi đến thành Vương Xá, ở trong rừng Trúc, vườn Ca-lan-đa.

Bấy giờ đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, Tôn giả Xá-lợi-phất, khoác y, ôm bát vào thành Xá-vệ, lần lượt đi khát thực. Sau khi khát thực xong, ngài đi đến nhà của Bà-la-môn Đà-nhiên.

Lúc ấy, Bà-la-môn Đà-nhiên từ nhà đi ra, đến bên bờ suối, đang hành hạ cư dân³. Bà-la-môn Đà-nhiên từ xa trông thấy Tôn giả Xá-lợi-phất, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai sửa áo, chấp tay hướng đến Tôn giả giả Xá-lợi-phất mà tán thán rằng:

“Kính chào Xá-lợi-phất, đã lâu lắm rồi Xá-lợi-phất không đến đây”.

Rồi Bà-la-môn Đà-nhiên, với lòng cung kính, ôm Tôn giả Xá-lợi-phất dìu vào nhà, trải giường đẹp mà mời ngồi. Tôn giả Xá-lợi-phất liền ngồi trên giường đó. Bà-la-môn Đà-nhiên thấy Tôn giả Xá-lợi-phất đã ngồi xuống, liền bưng một cái chậu sữa bằng vàng⁴ mời Tôn giả Xá-lợi-phất ăn. Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

“Thôi, thôi, Đà-nhiên, chỉ trong lòng vui là đủ!”

Bà-la-môn Đà-nhiên lặp lại ba lần mời ăn. Tôn giả Xá-lợi-phất cũng ba lần nói rằng:

“Thôi, thôi, Đà-nhiên, chỉ trong lòng vui là đủ!”

² Hán: *khi cuống* 欺誑. Pāli: *rājānaṃ nissāya brāhmaṇagahapatike vilumpati*, “dựa thế vua cướp bóc các gia chủ Bà-la-môn.”

³ Hán: *khổ trị cư dân* 苦治居民. Pāli: *tena kho pana samayena dhanañjāni brāhmaṇo bahinagare gāvo goṭṭhe dohapeti*, “Lúc bấy giờ Bà-la-môn Dhanañjāni đang sai người vắt sữa bò trong chuồng bò ở ngoài thành”.

⁴ Hán: *kim táo quán* 金澡罐. Pāli: chỉ nói mời uống sữa.

Lúc đó Bà-la-môn Đà-nhiên nói rằng:

“Xá-lợi-phất, có gì vào nhà như thế này mà chẳng chịu ăn?”

Đáp:

“Này Đà-nhiên, ông không tinh tấn lại phạm vào các giới cấm. Dựa thế vào Vua để dối gạt Bà-la-môn, Cư sĩ; dựa thế Bà-la-môn, Cư sĩ để dối gạt Vua”.

Bà-la-môn Đà-nhiên trả lời rằng:

“Xá-lợi-phất, nên biết, nay tôi còn sống tại gia, lấy gia nghiệp làm bổn phận. Tôi còn phải lo cho mình được an ổn, cung cấp cha mẹ, săn sóc vợ con, cung cấp nô tỳ, phải nộp thuế cho Vua, thờ tự thiên thần, cúng tế tổ tiên, và còn phải bố thí cho các Sa-môn, Bà-la-môn để sau này còn được sinh lên các cõi trời, mong được trường thọ, được quả báo an lạc. Xá-lợi-phất, các việc ấy không thể nào bỏ đi, một mực theo đúng pháp”.

Bây giờ Tôn giả Xá-lợi-phất bảo rằng:

“Này Đà-nhiên, nay tôi hỏi ông, tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Bà-la-môn Đà-nhiên, ông nghĩ thế nào? Nếu có người vì cha mẹ mà [457a] tạo các việc ác. Vì tạo ác nên khi thân hoại mạng chung nó đi thẳng vào cõi ác, sinh vào địa ngục. sinh vào địa ngục rồi, khi ngục tốt bắt trời hành hạ rất khổ sở, người ấy nói với ngục tốt thế này: ‘Ngục tốt, hãy biết cho, chớ hành hạ tôi. Vì sao? Tôi đã vì cha mẹ mà tạo các nghiệp ác’. Thế nào, Đà-nhiên, người ấy có thể thoát khỏi sự khổ sở ấy bởi ngục tốt không?”

Bà-la-môn Đà-nhiên trả lời rằng:

“Không thể”.

Lại hỏi:

“Này Đà-nhiên, ông nghĩ thế nào? Nếu có người vì vợ con mà tạo các việc ác. Vì tạo ác nên khi thân hoại mạng chung, nó đi thẳng vào cõi dữ, sinh vào địa ngục. sinh vào địa ngục rồi, khi bị ngục tốt bắt trời, hành hạ rất khổ sở, người ấy nói với ngục tốt như thế này: ‘Ngục tốt, hãy biết cho, chớ hành hạ tôi. Vì sao? Tôi đã vì vợ con mà tạo các nghiệp ác’. Thế nào, Đà-nhiên, người ấy có thể nào thoát khỏi sự khổ sở ấy với ngục tốt không?”

Bà-la-môn Đà-nhiên trả lời rằng:

“Không thể”.

Lại hỏi:

“Này Đà-nhiên, ông nghĩ thế nào? Nếu có người vì nô tỳ mà tạo các việc ác, vì tạo ác nên khi thân hoại mạng chung, nó đi thẳng vào cõi ác, sinh vào địa ngục. Sinh vào địa ngục rồi, khi bị ngục tốt bắt trói hành hạ rất khổ sở, người ấy nói với ngục tốt như thế này: ‘Ngục tốt, hãy biết cho, chớ hành hạ tôi. Vì sao? Tôi đã vì nô tỳ mà tạo các nghiệp ác’. Thế nào, Đà-nhiên, người ấy có thể nào thoát khỏi sự khổ sở ấy với ngục tốt không?”

Bà-la-môn Đà-nhiên trả lời rằng:

“Không thể”.

Lại hỏi:

“Này Đà-nhiên, ông nghĩ thế nào? Nếu có người vì quốc vương, vì thiên thần, vì tổ tiên, vì Sa-môn, Bà-la-môn mà tạo các việc ác. Vì tạo ác nên khi thân hoại mạng chung, nó đi thẳng vào cõi ác, sinh vào địa ngục. Sinh vào địa ngục rồi, khi bị ngục tốt bắt trói hành hạ rất khổ sở, người ấy nói với ngục tốt mà nói thế này: ‘Ngục tốt, hãy biết cho, chớ hành hạ tôi. Vì sao? Tôi đã vì quốc vương, vì thiên thần, vì tổ tiên, vì Sa-môn, Bà-la-môn mà tạo các nghiệp ác’. Thế nào, Đà-nhiên, người ấy có thể nào thoát khỏi sự khổ sở ấy với ngục không?”

Bà-la-môn Đà-nhiên trả lời rằng:

“Không thể”.

“Này Đà-nhiên, một thiện gia nam tử vẫn có thể như pháp, như nghiệp, như công đức⁵ mà làm ra tiền của, để tôn trọng kính phụng, hiếu dưỡng cha mẹ, làm các việc phước đức chớ chẳng gây nghiệp ác.

“Này Đà-nhiên, một thiện gia nam tử như pháp, như nghiệp, như công đức, mà làm ra tiền của, để tôn trọng, kính phụng, hiếu dưỡng cha mẹ, làm các việc phước đức chớ chẳng gây nghiệp ác. Đà-nhiên, nếu một thiện gia nam tử như pháp, như nghiệp, như công đức mà làm ra tiền của, để tôn trọng kính phụng, hiếu dưỡng cha mẹ, làm các việc phước đức chớ chẳng gây nghiệp ác, người ấy được cha mẹ [457b] thương yêu và nói thế này: ‘Mong cho con được mạnh khỏe, sống lâu vô cùng. Vì sao

⁵ Hán: *nư pháp như nghiệp như công đức* 如法如業如功德. Pāli: Sahetukā dhammikā kammantā: những nghề nghiệp đúng pháp, có nhân.

thế? Vì ta nhờ con nên được an ổn khoái lạc’. Này Đà-nhiên, nếu người nào được cha mẹ thương yêu rất mực, đức người đó ngày càng tăng thêm, không bao giờ suy giảm.

“Này Đà-nhiên, một thiện gia nam tử vẫn có thể như pháp, như nghiệp, như công đức mà làm ra tiền của, yêu thương và săn sóc vợ con, làm các nghiệp phước đức chớ chẳng gây nghiệp ác.

“Này Đà-nhiên, nếu một thiện gia nam tử như pháp, như nghiệp, như công đức, mà làm ra tiền của, yêu thương và săn sóc vợ con, làm các nghiệp phước đức chớ chẳng gây nghiệp ác, người ấy được vợ con tôn trọng, và nói thế này: ‘Mong cho tôn trưởng được mạnh khỏe, sống lâu vô cùng. Vì sao thế? Vì chúng tôi nhờ tôn trưởng nên được an ổn khoái lạc’. Này Đà-nhiên, nếu người nào được vợ con tôn trọng rất mực, đức người đó ngày càng tăng thêm, không bao giờ suy giảm.

“Này Đà-nhiên, một thiện gia nam tử vẫn có thể như pháp, như nghiệp, như công đức mà làm ra tiền của, yêu thương, chu cấp và săn sóc nô tỳ, làm các nghiệp phước đức chớ chẳng gây nghiệp ác.

“Này Đà-nhiên, nếu một thiện gia nam tử như pháp, như nghiệp, như công đức, mà làm ra tiền của, yêu thương, chu cấp và săn sóc nô tỳ, làm các nghiệp phước đức chớ chẳng gây nghiệp ác, người ấy được nô tỳ tôn trọng, và nói thế này: ‘Mong cho đại gia được mạnh khỏe, sống lâu vô cùng. Vì sao thế? Vì chúng tôi nhờ đại gia nên được an ổn’. Này Đà-nhiên, nếu người nào được nô tỳ tôn trọng rất mực, đức người đó ngày càng tăng thêm, không bao giờ suy giảm.

“Này Đà-nhiên, một thiện gia nam tử vẫn có thể như pháp, như nghiệp, như công đức mà làm ra tiền của, tôn trọng cúng dường các vị Sa-môn, Bà-la-môn, làm các nghiệp phước đức chớ chẳng gây nghiệp ác.

“Này Đà-nhiên, nếu một thiện gia nam tử như pháp, như nghiệp, như công đức, mà làm ra tiền của, tôn trọng cúng dường các vị Sa-môn, Bà-la-môn, làm các nghiệp phước đức chớ chẳng gây nghiệp ác, người ấy được các Sa-môn, Bà-la-môn yêu mến rất mực, và nói thế này: ‘Mong cho thí chủ được mạnh khỏe, sống lâu vô cùng. Vì sao thế? Vì chúng tôi nhờ thí chủ nên được an hưởng khoái lạc’. Này Đà-nhiên, nếu người nào được các Sa-môn, Bà-la-môn yêu mến rất mực, đức người đó ngày càng tăng thêm, không bao giờ suy giảm”.

Bấy giờ Bà-la-môn Đà-nhiên liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai sửa áo,

chấp tay hướng về phía Xá-lợi-phất thưa rằng:

“Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, tôi có người vợ yêu tên là Đoàn chính⁶. Tôi vì say mê nó nên đã buông lung, tạo quá nhiều ác nghiệp tội lỗi. Thưa [457c] Tôn giả Xá-lợi-phất, bắt đầu từ đây tôi bỏ người vợ Đoàn chính kia, xin quy y với Tôn giả Xá-lợi-phất”.

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời rằng:

“Này Đà-nhiên, ông chớ quy y tôi. Ông nên quy y nơi Phật là Đấng mà tôi quy y”.

Bà-la-môn Đà-nhiên thưa rằng:

“Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, từ hôm nay tôi xin quy y Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo. Cúi mong Tôn giả Xá-lợi-phất nhận tôi làm Ưu-bà-tắc của Phật; trọn đời xin tự quy y cho đến mạng chung”.

Thế rồi Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết pháp cho Bà-la-môn Đà-nhiên, khai thị, giáo giới, khích lệ, làm cho hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện để thuyết pháp khai thị, giáo giới, khích lệ, làm cho hoan hỷ, Ngài liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến thành Vương Xá.

Ở đây được vài ngày, ngài xếp y, ôm bát rời thành Vương xá ra đi, đến Nam sơn⁷, trụ trong rừng Thi-nhiếp-hòa⁸, thuộc phía Bắc thôn Nam sơn.

Bấy giờ có một vị Tỳ-kheo đi đến thành Vương Xá. Ở đây được vài ngày, xếp y ôm bát từ thành Vương xá ra đi, đến Nam sơn cũng trụ trong rừng Thi-nhiếp-hòa, thuộc phía Bắc thôn Nam sơn.

Rồi vị Tỳ-kheo ấy đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cúi đầu đánh lễ dưới chân rồi ngồi sang một bên. Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi rằng:

“Hiền giả từ nơi nào tới đây và trú ở đâu?”

Tỳ-kheo ấy trả lời rằng:

“Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, tôi từ thành Vương Xá đi đến đây và trú ở

⁶ Bản Pāli không nói tên người vợ. Sự mê hoặc này, trong bản Pāli, là lời tường thuật của vị Tỳ-kheo mà ngài Xá-lợi-phất hỏi thăm các tin tức chứ không phải là lời tự thú của Đà-nhiên.

⁷ Nam sơn 南山. Pāli: Dakkhiṇagiri, một ngọn núi ở phía Nam thành Vương xá.

⁸ Rừng cây siṃsapa; xem các cht. ? trên. Nam sơn Bắc thôn và Thi-nhiếp-hòa lâm: không rõ các địa danh này.

thành Vương Xá”.

Lại hỏi rằng:

“Hiền giả ngài có biết Bà-la-môn Đà-nhiên ở thành Vương Xá, vốn là bạn của tôi xưa kia lúc tôi chưa xuất gia không?”

“Thưa có biết”.

Lại hỏi rằng:

“Này hiền giả, Bà-la-môn Đà-nhiên ở thành Vương Xá, thân thể có được an khang khỏe mạnh, không bệnh tật, đi lại thoải mái, khí lực bình thường và có thường thăm viếng Đức Phật và mong muốn được nghe pháp không?”

Trả lời rằng:

“Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, Bà-la-môn Đà-nhiên thường đến thăm viếng Đức Phật và mong muốn được nghe pháp; nhưng không được khỏe mạnh, khí lực dần dần suy yếu. Vì sao vậy? Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, hiện giờ Bà-la-môn Đà-nhiên mang tật bệnh rất khốn khổ, nguy hiểm khôn chừng, do đó có thể mạng chung”.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong lời ấy, liền xếp y ôm bát rời Nam sơn ra đi, đến thành Vương Xá, trú trong rừng Trúc, vườn Ca-lan-đa. Bấy giờ đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, Tôn giả Xá-lợi-phất khoác y, ôm bát đi đến nhà Bà-la-môn Đà-nhiên. Bà-la-môn Đà-nhiên từ đằng xa trông thấy Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến, muốn rời giường đứng dậy. Tôn giả Xá-lợi-phất thấy Bà-la-môn Đà-nhiên muốn rời giường đứng dậy, liền ngăn ông ấy rằng:

“Này Bà-la-môn Đà-nhiên, ông cứ nằm, đừng đứng dậy. [458a] Đã có giường khác đây, rồi tôi sẽ ngồi riêng”.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất liền ngồi xuống giường ấy, rồi bảo rằng:

“Hôm nay bệnh tình ra sao? Ăn uống được nhiều ít? Sự đau đớn bớt dần, không đến nỗi tăng thêm chăng?”

Đà-nhiên trả lời rằng:

“Bệnh tình con rất là khốn đốn, ăn uống chẳng được gì cả; đau đớn chỉ tăng thêm mà không thấy giảm bớt tí nào. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, sinh nhng như người lực sĩ đem con dao bén nhọn đâm vào đầu, chỉ sinh sự khốn khổ quá mức thôi. Đầu con hôm nay cũng nhức nhối giống như vậy.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, cũng như lực sĩ lấy sợi dây thừng chắt đem

quần riết chung quanh đầu, chỉ sinh sự khốn khổ quá mức. Đầu con hôm nay cũng như nhói giống như vậy. Thừa Tôn giả Xá-lợi-phất, cũng như người mổ trâu, đem con dao bén mổ bụng trâu, chỉ sinh sự đau đớn quá mức. Bụng con hôm nay cũng quặn đau giống như vậy. Thừa Tôn giả Xá-lợi-phất, cũng như hai lực sĩ bắt một người ốm yếu đem nướng trên ngọn lửa, chỉ sinh ra sự đau khổ đến cùng cực. Thân thể con hôm nay đau đớn, cả mình sinh ra khổ sở, chỉ tăng thêm chớ không giảm bớt; cũng giống như vậy”.

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo rằng:

“Này Đà-nhiên, bây giờ tôi hỏi ông, tùy sự hiểu biết mà ông trả lời. Này Bà-la-môn Đà-nhiên, địa ngục và súc sinh, nơi nào tốt đẹp hơn?”

Đà-nhiên trả lời rằng:

“Súc sinh tốt đẹp hơn”.

Lại hỏi rằng:

“Này Đà-nhiên, súc sinh và ngạ quỷ, loài nào tốt đẹp hơn?”

Đà-nhiên trả lời rằng:

“Ngạ quỷ tốt đẹp hơn”.

Lại hỏi rằng:

“Này Đà-nhiên, ngạ quỷ và loài người, loài nào tốt đẹp hơn?”

Đà-nhiên trả lời rằng:

“Loài người tốt đẹp hơn”.

Lại hỏi rằng:

“Này Đà-nhiên, người và Tứ Vương thiên, cõi nào tốt đẹp hơn?”

Đà-nhiên trả lời rằng:

“Tứ thiên vương tốt đẹp hơn”.

Lại hỏi rằng:

Này Đà-nhiên, Tứ Vương thiên và Tam Thập Tam thiên, cõi nào tốt đẹp?

Đà-nhiên trả lời rằng:

“Tam Thập Tam thiên tốt đẹp hơn”.

Lại hỏi rằng:

“Tam Thập Tam thiên với Diêm-ma thiên cõi nào tốt đẹp hơn?”

Đà-nhiên trả lời rằng:

“Diệâm-ma thiên tốt đẹp hơn.”

Lại hỏi rằng:

“Này Đà-nhiên, Diệâm-ma thiên với Đâu-suất-đà thiên, cõi nào tốt đẹp hơn?”

Đà-nhiên trả lời rằng:

“Đâu-suất-đà thiên tốt đẹp hơn”.

Lại hỏi rằng:

“Này Đà-nhiên, Đâu-suất-đà thiên với Hóa Lạc thiên cõi nào tốt đẹp hơn?”

Đà-nhiên trả lời rằng:

“Hóa Lạc thiên tốt đẹp hơn”.

Lại hỏi rằng:

“Này Đà-nhiên, Hóa Lạc thiên với Tha Hóa lạc thiên, cõi nào tốt đẹp hơn?”

Đà-nhiên trả lời rằng:

“Tha Hóa Lạc thiên tốt đẹp hơn.”

“Này Đà-nhiên, Tha Hóa lạc thiên với Phạm thiên cõi nào tốt đẹp hơn?”

Đà-nhiên trả lời rằng:

“Phạm thiên là tốt đẹp hơn cả. Phạm thiên là tối Thắng Lâm”.

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo rằng:

“Đức Thế Tôn là bậc tri kiến, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, có nói về bốn Phạm trụ⁹. Nếu một thiện gia nam tử hay một thiện gia nữ tử nào tu tập nhiều, đoạn dục, xả niệm tưởng về dục, khi thân hoại mạng chung [458b] sẽ sinh lên cõi Phạm thiên. Những gì là bốn?

“Này Đà-nhiên, Thánh đệ tử đa văn có tâm câu hữu với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, với hai, ba bốn phương, tứ duy và thượng hạ, thấu khắp tất cả, tâm câu hữu với từ, không kết, không oán, không sân hận, không não hại, bao la, quảng đại, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Cũng

⁹ Phạm thất 梵室: Phạm trú 梵住. Pāli: *brahmavihāra*.

vậy, tâm câu hữu với bi, hỷ; với xả, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, với hai, ba bốn phương, tứ duy và thượng hạ, thấu khắp tất cả, tâm câu hữu với từ, không kết, không oán, không sân hận, không não hại, bao la, quảng đại, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Đà-nhiên, đó là Đức Thế Tôn, là bậc Tri Kiến, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, có nói về bốn Phạm trụ. Nếu một thiện gia nam tử hay một thiện gia nữ nào tu tập nhiều, đoạn dục, xả niệm tưởng về dục, khi thân hoại mạng chung sẽ sinh lên cõi Phạm thiên”.

Bấy giờ, sau khi giáo hóa cho Đà-nhiên, nói về pháp Phạm thiên, Tôn giả Xá-lợi-phất từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi. Tôn giả Xá-lợi-phất từ thành Vương Xá đi, chưa đến Trúc lâm vườn Ca-lan-đa, đang nửa đường ấy, Bà-la-môn Đà-nhiên do tu tập bốn Phạm trụ, đoạn dục, xả dục niệm, thân hoại mạng chung sinh lên cõi Phạm thiên.

Bấy giờ Đức Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô lượng đại chúng đang vây quanh trước sau. Đức Thế Tôn thấy Tôn giả Xá-lợi-phất từ đằng xa đi tới, nói với các thầy Tỳ-kheo rằng:

“Tỳ-kheo Xá-lợi-phất là bậc thông tuệ, tốc tuệ, tiếp tuệ, lợi tuệ, quảng tuệ, thâm tuệ, xuất yếu tuệ, minh đạt tuệ, biện tài tuệ¹⁰; Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã thành tựu thật tuệ. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã giáo hóa Bà-la-môn Đà-nhiên, nói về Phạm thiên rồi mới về đây. Nếu lại giáo hóa cao hơn nữa thì người kia nhanh chóng biết pháp tùy pháp¹¹”.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân rồi ngồi sang một bên. Đức Thế Tôn bảo rằng:

¹⁰ Hán: *thông tuệ, tốc tuệ, tiếp tuệ, lợi tuệ, quảng tuệ, thâm tuệ, xuất yếu tuệ, minh đạt tuệ, biện tài tuệ* 聰慧速慧捷慧利慧廣慧深慧出要慧明達慧辯才慧. Bản Pāli ở đây không nói các đặc điểm trí tuệ của ngài Xá-lợi-phất, nhưng có thể tìm thấy đoạn tương đương M.iii, tr, 25: *paṇḍito* (tuệ thông bác), *mahāpāṇṇo* (đại tuệ), *javanapāṇṇo* (tuệ nhạy bén, tiếp tuệ), *tikkhapāṇṇo* (tuệ sắc bén, lợi tuệ), *nibbedhikapāṇṇo* (tuệ sâu sắc, quyết trạch tuệ).

¹¹ Hán: *tri pháp như pháp* 知法如法. Pāli: *dhamma-anudhamma*. Đoạn văn này, Pāli tương đương: (...) *sati uttarikaraṇīye hīne brahmaloke patiṭṭhāpetvā* ..., “trong khi có pháp cao hơn nữa cần chứng, nhưng lại xác lập ở Phạm thiên giới...”

“Này Xá-lợi-phát, vì sao ông không giáo hóa Bà-la-môn Đà-nhiên bằng một pháp cao hơn Phạm thiên? Nếu ông giáo hóa cao hơn thì người kia sẽ nhanh chóng biết pháp tùy pháp”.

Tôn giả Xá-lợi-phát thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, các Bà-la-môn từ lâu đời ái trước Phạm thiên, ưa thích Phạm thiên, cho Phạm thiên là rốt ráo, Phạm thiên là tôn quý, thật có Phạm thiên là Phạm thiên của ta. Do đó, bạch Thế Tôn, nên con đã giáo hóa như vậy”.

Phật thuyết như vậy. Tôn giả Xá-lợi-phát và vô lượng trăm nghìn đại chúng, sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



28. KINH GIÁO HÓA BÌNH

[458c01] Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm Lâm Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Trưởng giả Cấp Cô Độc¹ mang bệnh nguy kịch. Trưởng giả bảo người giúp việc rằng:

“Ngươi hãy đi đến chỗ Đức Phật, vì ta mà đánh lễ dưới chân Đức Thế Tôn hỏi thăm sức khỏe, xem Thánh thể có được an khang, khỏe mạnh, không bệnh tật, đi đứng thoải mái, khí lực có được bình thường không? Rồi nói như vậy: ‘Trưởng giả Cấp Cô Độc cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, thăm hỏi Đức Thế Tôn Thánh thể có được an khang, khỏe mạnh, không bệnh tật, đi đứng thoải mái, khí lực có được bình thường không?’ Sau khi ngươi đã vì ta mà thăm hỏi Đức Thế Tôn rồi, hãy đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, hãy vì ta mà đánh lễ dưới chân ngài rồi hỏi thăm Tôn giả xem Thánh thể có được an khang, khỏe mạnh, không bệnh tật, đi đứng thoải mái, khí lực có được bình thường không? Rồi nói như vậy: ‘Trưởng giả Cấp Cô Độc cúi đầu đánh lễ dưới chân Tôn giả Xá-lợi-phất, thăm hỏi Thánh thể có được an khang, khỏe mạnh, không bệnh tật, đi đứng thoải mái, khí lực có được bình thường không? Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, Trưởng giả Cấp Cô Độc đang mang bệnh tật rất ngặt, nay đã đến hồi nguy kịch. Trưởng giả Cấp Cô Độc với tâm chí thiết rất muốn được gặp Tôn giả Xá-lợi-phất, nhưng cơ thể quá yếu đuối không còn chút khí lực để đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất được. Lành thay, Tôn giả Xá-lợi-phất, xin ngài hãy vì lòng từ, mong ngài đến nhà Trưởng giả Cấp Cô Độc.’”

Bấy giờ, sau khi vâng lời dạy của Trưởng giả Cấp Cô Độc, người giúp việc liền đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Đức Phật rồi đứng sang một bên thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, Trưởng giả Cấp Cô Độc cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, thăm hỏi Đức Thế Tôn Thánh thể có được an khang, khỏe mạnh, không bệnh tật, đi đứng thoải mái, khí lực có được bình thường không?”

Đức Thế Tôn bảo sứ giả rằng:

¹ Trưởng giả Cấp Cô Độc 長者給孤獨; Pāli, Ānathapiṇḍika.

“Mong cho Trưởng giả Cấp Cô Độc an hưởng khoái lạc. Mong cho Chư Thiên, A-tu-la, Càn-thát-bà, La-sát và các chủng loại khác, thân thể được an ổn khoái lạc”.

Người giúp việc nghe Phật dạy như thế, ghi nhớ kỹ, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, đi quanh ba vòng, rồi đi đến Tôn giả Xá-lợi-phất, cúi đầu đánh lễ rồi ngồi sang một bên và thưa rằng:

“Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, Trưởng giả Cấp Cô Độc cúi đầu đánh lễ dưới chân ngài, xin thăm hỏi Tôn giả Thánh thể có được an khang, khỏe mạnh, không bệnh tật, đi đứng thoải mái, khí lực có được bình thường không? Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, Trưởng giả Cấp Cô Độc đang mang bệnh tật rất hiểm nghèo, nay đã đến hồi nguy kịch. Trưởng giả Cấp Cô Độc với tâm chí thiết rất muốn được gặp Tôn giả Xá-lợi-phất, nhưng cơ thể quá yếu đuối, không còn chút khí lực để đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất được. Lành thay, Tôn giả Xá-lợi-phất, [459a] xin ngài hãy vì lòng từ, mong ngài đến nhà Trưởng giả Cấp Cô Độc”.

Tôn giả Xá-lợi-phất liền im lặng nhận lời. Bấy giờ sứ giả biết Tôn giả Xá-lợi-phất đã im lặng nhận lời, bèn rời chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh ba vòng rồi ra về.

Sau khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, Tôn giả Xá-lợi-phất khoác y, ôm bát đi đến nhà Trưởng giả Cấp Cô Độc. Trưởng giả Cấp Cô Độc thấy Tôn giả Xá-lợi-phất từ đằng xa đi đến, muốn ngồi dậy hỏi giương. Tôn giả Xá-lợi-phất thấy Trưởng giả Cấp Cô Độc muốn từ giường ngồi dậy, liền cản lại rằng:

“Này Trưởng giả, chớ ngồi dậy. Còn giường khác đây, tôi sẽ ngồi riêng”.

Tôn giả Xá-lợi-phất liền ngồi lên giường ấy, rồi hỏi rằng:

“Bệnh trạng của Trưởng giả hôm nay thế nào? Ăn uống được nhiều ít? Sự đau đớn giảm dần không đến nỗi tăng thêm chăng?”

Trưởng giả Cấp Cô Độc trả lời rằng:

“Bệnh tình của con rất nguy kịch, ăn uống chẳng được gì cả. Sự đau đớn chỉ tăng thêm chứ không thấy giảm bớt chút nào”.

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo rằng:

“Này Trưởng giả chớ sợ². Vì sao vậy? Vì nếu là kẻ phạm phu ngu si, thành tựu bất tín, thì khi thân hoại mạng chung sẽ đi thẳng đến ác xứ, sinh vào địa ngục. Còn Trưởng giả ngày nay không hề có sự bất tín, mà chỉ có sự thượng tín. Do thượng tín ấy Trưởng giả sẽ diệt được sự đau nhức khổ sở, lại sinh ra khoái lạc vô cùng; hoặc do thượng tín ấy sẽ chứng quả Tư-đà-hàm hay quả A-na-hàm, vì Trưởng giả vốn đã chứng quả Tu-đà-hoàn.

“Trưởng giả chớ sợ. Vì sao vậy? Vì nếu là kẻ phạm phu ngu si do ác giới, thì khi thân hoại mạng chung sẽ đi thẳng đến ác xứ, sinh vào địa ngục. Còn Trưởng giả không hề có ác giới, mà Trưởng giả chỉ có thiện giới. Do thiện giới ấy Trưởng giả sẽ diệt được sự đau nhức khổ sở, lại sinh ra khoái lạc vô cùng; hoặc do thiện giới ấy sẽ chứng quả Tư-đà-hàm hay quả A-na-hàm vì trưởng giả vốn đã chứng quả Tu-đà-hoàn.

“Trưởng giả chớ sợ. Vì sao vậy? Vì nếu là kẻ phạm phu ngu si không có đa văn, thì khi thân hoại mạng chung sẽ đi thẳng đến ác xứ, sinh vào địa ngục. Còn Trưởng giả không hề có sự không đa văn. Do đa văn ấy Trưởng giả sẽ diệt được sự đau nhức khổ sở, lại sinh ra khoái lạc vô cùng; hoặc do đa văn ấy sẽ chứng quả Tư-đà-hàm hay quả A-na-hàm vì Trưởng giả vốn đã chứng quả Tu-đà-hoàn.

“Trưởng giả chớ sợ. Vì sao vậy? Vì nếu là kẻ phạm phu ngu si nhân có sự xan tham, thì khi thân hoại mạng chung sẽ đi thẳng đến ác xứ, sinh vào địa ngục. Còn Trưởng giả [459b] không hề có xan tham mà chỉ có huệ thí. Do huệ thí ấy Trưởng giả sẽ diệt được sự đau nhức khổ sở, lại sinh ra khoái lạc vô cùng; hoặc do huệ thí ấy sẽ chứng quả Tư-đà-hàm hay quả A-na-hàm vì Trưởng giả vốn đã chứng quả Tu-đà-hoàn.

“Trưởng giả chớ sợ. Vì sao vậy? Vì nếu là kẻ phạm phu ngu si nhân có ác tuệ, thì khi thân hoại mạng chung sẽ đi thẳng đến ác xứ, sinh vào địa ngục. Còn Trưởng giả không hề có ác tuệ mà chỉ có thiện tuệ. Do thiện tuệ ấy Trưởng giả sẽ diệt được sự đau nhức khổ sở, lại sinh ra khoái lạc vô cùng; hoặc do thiện tuệ ấy sẽ chứng quả Tư-đà-hàm hay quả A-na-hàm vì Trưởng giả vốn đã chứng quả Tu-đà-hoàn.

“Này Trưởng giả chớ sợ. Vì sao vậy? Vì nếu là kẻ phạm phu ngu si nhân có tà kiến, thì khi thân hoại mạng chung sẽ đi thẳng đến ác xứ,

² Nội dung bài thuyết pháp sau đây không đồng nhất với bản Pāli tương đương.

sinh vào địa ngục. Còn Trưởng giả không hề có tà kiến mà chỉ có chính kiến. Do chính kiến ấy Trưởng giả sẽ diệt được sự đau nhức khổ sở, lại sinh ra khoái lạc vô cùng; hoặc do chính kiến ấy sẽ chứng quả Tu-đà-hàm hay quả A-na-hàm vì Trưởng giả vốn đã chứng quả Tu-đà-hoàn.

“Trưởng giả chớ sợ. Vì sao vậy? Vì nếu là kẻ phàm phu ngu si nhân có tà tư duy³, thì khi thân hoại mạng chung sẽ đi thẳng đến ác xứ, sinh vào địa ngục. Còn Trưởng giả không hề có tà chí mà chỉ có chính chí. Do chính chí ấy Trưởng giả sẽ diệt được sự đau nhức khổ sở, lại sinh ra khoái lạc vô cùng; hoặc do chính chí ấy sẽ chứng quả Tu-đà-hàm hay quả A-na-hàm vì Trưởng giả vốn đã chứng quả Tu-đà-hoàn.

“Trưởng giả chớ sợ. Vì sao vậy? Vì nếu là kẻ phàm phu ngu si nhân có tà giải, thì khi thân hoại mạng chung sẽ đi thẳng đến ác xứ, sinh vào địa ngục. Còn Trưởng giả không hề có tà giải mà chỉ có chính giải. Do chính giải ấy Trưởng giả sẽ diệt được sự đau nhức khổ sở, lại sinh ra khoái lạc vô cùng; hoặc do chính giải ấy sẽ chứng quả Tu-đà-hàm hay quả A-na-hàm vì Trưởng giả vốn đã chứng quả Tu-đà-hoàn.

“Trưởng giả chớ sợ. Vì sao vậy? Vì nếu là kẻ phàm phu ngu si nhân có tà thoát, thì khi thân hoại mạng chung sẽ đi thẳng đến ác xứ, sinh vào địa ngục. Còn Trưởng giả không hề có tà thoát mà chỉ có chính thoát. Do chính thoát ấy Trưởng giả sẽ diệt được sự đau nhức khổ sở, lại sinh ra khoái lạc vô cùng; hoặc do chính thoát ấy sẽ chứng quả Tu-đà-hàm hay quả A-na-hàm vì Trưởng giả vốn đã chứng quả Tu-đà-hoàn.

“Trưởng giả chớ sợ. Vì sao vậy? [459c] Vì nếu là kẻ phàm phu ngu si nhân có tà trí, thì khi thân hoại mạng chung sẽ đi thẳng đến ác xứ, sinh vào địa ngục. Còn Trưởng giả không hề có tà trí mà chỉ có chính trí. Do chính trí ấy Trưởng giả sẽ diệt được sự đau nhức khổ sở, lại sinh ra khoái lạc vô cùng; hoặc do chính trí ấy sẽ chứng quả Tu-đà-hàm hay quả A-na-hàm vì trưởng giả vốn đã chứng quả Tu-đà-hoàn”.

Bấy giờ bệnh trạng của Trưởng giả Cấp Cô Độc liền được thuyên giảm, bình phục như cũ⁴, rời chỗ nằm ngồi dậy, khen Tôn giả Xá-lợi-phất rằng:

“Lành thay! Lành thay! Ngài thuyết pháp cho bệnh nhân, thật kỳ diệu,

³ Bản Hán:tà chí 邪志, đối lập với chính tư duy trong Thánh đạo tám chi.

⁴ Bản Pāli, sau đó, khi Sāriputta đi khỏi, Trưởng giả Cấp Cô Độc mạng chung.

thật hy hữu! Thừa Tôn giả Xá-lợi-phất, khi con nghe xong bài pháp giáo hóa cho bệnh nhân ấy liền chấm dứt thống khổ, lại sinh khoái lạc vô cùng. Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, bây giờ bệnh con đã thuyên giảm hẳn, bình phục như cũ. Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, trước kia nhân có chút việc cần làm, con đi đến thành Vương xá, tạm trú trong nhà một Trưởng giả⁵. Lúc ấy vị Trưởng giả kia buổi sáng hôm sau sẽ cúng dường cơm cho Đức Phật và Chúng Tỳ-kheo. Bây giờ qua đêm ấy, lúc trời gần sáng, vị Trưởng giả kia sai con cháu, nô tỳ, sứ giả và quyến thuộc: ‘Các người hãy dậy sớm, cùng nhau bày biện, trang hoàng. Những người kia đều vắng lời, cùng nhau xếp việc bếp núc, bày biện cỗ bàn với những loại ngon đẹp. Còn Trưởng giả đích thân trải bày một chỗ ngồi cao, trang nghiêm vô lượng.

“Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, sau khi thấy vậy, con liền nghĩ thế này: ‘Hôm nay vị Trưởng giả này có việc hôn nhân hay lễ hội rước dâu, hay việc thỉnh Quốc vương hay việc mời Đại thần, mà lại sắm sửa tiệc cơm, mở cuộc đãi đằng lớn như vậy?’

“Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, suy nghĩ như vậy rồi, con liền hỏi vị Trưởng giả kia rằng:

“– Ông vì việc hôn nhân hay vì lễ hội rước dâu, việc thỉnh Quốc vương hay việc mời Đại thần, mà lại sắm sửa tiệc cơm, mở cuộc đãi đằng lớn như vậy?

“Lúc ấy vị Trưởng giả kia liền trả lời con rằng:

“– Tôi không phải vì việc hôn nhân, việc thỉnh Quốc vương hay việc mời Đại thần, nhưng tôi sắm sửa tiệc cơm, thi thiết cuộc đại thí, vì sáng nay tôi sẽ cúng cơm cho Đức Phật và chúng Tỳ-kheo.

“Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, vì con chưa từng được nghe danh hiệu Đức Phật, nên khi nghe rồi toàn thân lông dựng ngược. Con lại hỏi rằng:

“– Trưởng giả nói Phật, vậy thế nào là Phật?

“Lúc ấy vị Trưởng giả kia trả lời con rằng:

“– Ông chưa được nghe sao? Có vị dòng dõi họ Thích, từ giã dòng họ Thích, cạo bỏ râu tóc, khoác y ca-sa, với lòng tin chí thiết, lìa bỏ gia đình,

⁵ Từ đây trở xuống, nội dung tương đương được tìm thấy trong luật bộ Pāli, Vin. ii. 154. Cf. *Tứ phần 50* (938b21tt).

sống không gia đình, xuất gia học đạo, chứng quả Vô thượng chính đẳng chính giác. Vị ấy được gọi là Phật.

“Con lại hỏi rằng:

“– Trưởng giả vừa nói Chúng⁶. Vậy thế nào là đại chúng?

“Bấy giờ vị Trưởng giả kia trả lời con rằng:

“– Còn có rất nhiều vị, có dòng họ và tông tộc khác nhau, cạo bỏ râu tóc, khoác y ca-sa, với lòng tin chí thiết, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, để theo Phật đạo. Đó [460a] gọi là Chúng. Đức Phật và chúng ấy, tôi sắp thỉnh đến.

“Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, con lại hỏi vị Trưởng giả ấy rằng:

“– Đức Thế Tôn bây giờ đang ở nơi nào? Tôi muốn đi đến thăm.

“Bấy giờ vị Trưởng giả kia trả lời con rằng:

“– Đức Thế Tôn hiện đang ở thành Vương Xá, trong rừng Trúc, vườn Ca-lan-đa. Ông có muốn đến đó thì tùy ý.

“Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, lúc ấy con nghĩ thế này: ‘Mong cho mau sáng để nhanh chóng đi đến thăm Phật.’ Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, bấy giờ với tâm chí thành, con muốn đến thăm Phật, nên lúc đang đêm ấy mà tưởng đã sáng rồi, liền từ nhà vị Trưởng giả kia ra đi, đến trạm dừng nơi cổng thành⁷. Bấy giờ tại trạm dừng nơi cổng thành có hai người lính gác, một người gác đầu hôm thì cho hành khách bên ngoài vào thành, không làm trở ngại gì, một người gác cuối đêm thì cho hành khách ở trong thành đi ra cũng không làm trở ngại gì. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, con lại nghĩ thế này: ‘Đêm hãy còn chưa sáng lắm. Vì sao vậy? Vì ở tại cổng thành có hai người lính gác; một người gác đầu hôm thì cho hành khách bên ngoài vào thành, không làm trở ngại gì; một người gác cuối đêm thì cho hành khách ở trong thành đi ra cũng không làm trở ngại gì’. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, con vượt qua trạm dừng chân ở cửa thành để đi ra bên ngoài không lâu, ánh sáng biến mất và trời tối hẳn lại. Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, toàn thân lông dựng ngược, con liền sợ hãi, mong sao đừng có người nào hay loài phi nhân đến xúc nhiễu con. Bấy giờ, tại trại dừng chân ở cửa thành

⁶ Chúng 眾, tức tăng(-già), Pāli: *saṅgha*.

⁷ Hán: Thành tức môn 城息門; Pāli: *sivakadvāra*.

có một vị trời⁸, từ thành Vương xá đến Trúc lâm, vườn Ca-lan-đà, ánh sáng tỏa chiếu khắp nơi, đến bảo con rằng: ‘Này Trưởng giả, chớ sợ. Vì sao vậy? Tôi đời trước đây vốn là bằng hữu của ông, tên thật là Mật-khi⁹, vào lúc còn trẻ tuổi chúng ta rất yêu mến nhau. Này Trưởng giả, thuở xưa ấy, tôi đi đến chỗ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, cúi đầu đánh lễ dưới chân rồi ngồi sang một bên. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên thuyết pháp cho tôi, khai thị, khích lệ, thành tựu hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện để thuyết pháp, khai thị, khích lệ, thành tựu hoan hỷ cho tôi rồi, ngài ban cho tôi pháp ba tự quy, và trao cho năm giới. Này Trưởng giả, tôi do ba tự quy y và thọ trì năm giới, nên khi thân hoại mạng chung sinh lên trời Tứ Vương thiên, sống ở trong trạm dừng tại cổng thành này. Trưởng giả hãy đi mau lên, Trưởng giả hãy đi vội lên, quả thật đi tốt hơn là đứng lại.

“Vị trời ấy nói lên bài kệ để khuyên con như sau:

*Được trăm ngựa, nữ tỳ,
Trăm xe đầy châu báu;
Không bằng phần mười sáu
Một bước đi đến Phật.*

*Trăm voi trắng tối thượng,
Thắng Lâm yên cương vàng bạc;
Không bằng phần mười sáu
Một bước đi đến Phật.*

[460b] *Trăm nữ nhân đẹp đẽ,
Đeo chuỗi ngọc tràng hoa;
Không bằng phần mười sáu,
Một bước đi đến Phật.*

*Chuyển luân vương kính trọng
Báu ngọc nữ bậc nhất;
Không bằng phần mười sáu,
Một bước đi đến Phật.*

“Vị trời nói tụng xong, rồi khuyên con rằng:

⁸ Pāli, đã dẫn, một Dạ-xoa tên là Sīvaka.

⁹ Mật khi 蜜(密)器. Có lẽ là từ phiên âm, gần với Pāli: Sīvaka.

“– Này Trưởng giả, đi nhanh lên! Này Trưởng giả, đi nhanh lên! Quả thật đi tốt hơn đứng lại.

“Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, con lại nghĩ thế này: ‘Đức Phật có ân đức che chở bao trùm. Pháp và Chúng Tỳ-kheo cũng có ân đức bao trùm. Vì sao vậy? Cho đến bậc trời cũng muốn ta đến yết kiến’.

“Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, con do ánh sáng ấy mà đi đến Trúc lâm, vườn Ca-lan-đa. Bấy giờ đêm còn chưa sáng tỏ, Đức Thế Tôn từ thiền thất đi ra, kinh hành ở khoảng đất trống để chờ con. Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, từ xa con trông thấy Đức Thế Tôn đẹp đẽ trang nghiêm như mặt trăng giữa các vì tinh tú, ánh sáng chói lợi rực rỡ, sáng rực như tòa núi toàn vàng, đầy đủ tướng tốt, oai thần vời vợi, các căn tịch tĩnh, chẳng có gì che khuất, thành tựu điều nguyện, tức tâm tĩnh mặc. Con thấy rồi, liền hoan hỷ đi đến trước Đức Phật, đánh lễ sát dưới chân, rồi kinh hành theo Ngài, theo pháp của bậc Trưởng giả mà nói bài tụng thăm hỏi rằng:

*Thế Tôn ngủ an ổn,
Đến trọn đêm khỏe chẳng?
Bà-la-môn diệt độ,
Vì không nhiễm trước dục.

Xả ly tất cả nguyên,
Được an ổn vô cùng.
Tâm trừ không nóng bức
Ngủ an lạc vui vẻ.*

“Bấy giờ Đức Thế Tôn vừa đi đến cuối đường kinh hành, liền trải ni-sur-dân, ngồi kiết già. Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất. Lúc ấy, con đánh lễ dưới chân Phật rồi ngồi sang một bên. Đức Thế Tôn thuyết pháp cho con, khai thị, gchínhiới, làm cho lợi ích, khiến cho hoan hỷ, như sinh thông lệ của chư Phật, trước nói pháp đoachínnh, để người nghe hoan hỷ. Đó là nói thí, nói giới, nói phá sinhhnhiên, chê dục vọng là tai hoasinhhnhiên tử là nhor ướ; ngợi khen vô dục là đạo ph ảmv ậđiệu, b ạch tịnh. Đức Thế Tôn nói những pháp như vậy cho con nghe rồi, Đức Phật bi ết con có tâm hoan hỷ,tâm cụ túc, tâm nhu nhuyễn, tâm kham nhẫn, tâm vươn lên,tâm chuyên nhất, tâm không nghi, tâm không che lấp, có khả năng kham thchínnh pháp, nghĩa là những điềchínnh yếu nào mà chư Phật nói ra; Thế Tôn liền nói: Khổ, Tập, Diệt, Đạo cho con. Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, ngay

khi con ngồi đấy đã thấy được bốn Thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như tấm vải trắng dễ nhuộm thành màu sắc, con cũng như vậy, [460c] ngay trên chỗ đang ngồi đã thấy bốn Thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Thừa Tôn giả Xá-lợi-phất, con đã thấy pháp, đắc pháp, giác ngộ pháp bạch tịnh, đoạn nghi, độ hoặc, không còn tôn sùng ai, cũng chẳng theo người khác, không còn do dự, đã trụ nơi quả chứng, được sự không sợ hãi đối với giáo pháp Đức Thế Tôn, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ Đức Thế Tôn bạch rằng:

“– Bạch Thế Tôn, con hôm nay tự quy y Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo. Xin nguyện Thế Tôn chấp nhận cho con làm Ưu-bà-tắc; bắt đầu từ hôm nay sẽ trọn đời tự quy y, cho đến lúc mạng chung.

“Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, con liền chấp tay thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, ngưỡng mong Thế Tôn nhận lời mời của con cùng Chúng Tỳ-kheo đến nước Xá-vệ để an cư mùa mưa.

“Lúc ấy Đức Thế Tôn hỏi con rằng:

“– Ông tên là gì, nhân dân nước Xá-vệ gọi ông là gì?

“Con liền trả lời rằng:

“– Con tên là Tu-đạt-đa¹⁰. Vì con thường cung cấp cho những người cô độc, do đó nhân dân nước Xá-vệ gọi con là Cấp Cô Độc¹¹.

“Bấy giờ Đức Thế Tôn lại hỏi con rằng:

“– Tại nước Xá-vệ, ông đã có phòng xá gì chưa?

“Con trả lời rằng:

“– Tại nước Xá-vệ con chưa có phòng xá gì cả.

“Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo con rằng:

“– Nếu có phòng xá thì các Tỳ-kheo mới có thể vắng lai, mới có thể trú ngụ được.

“Con lại thưa rằng:

“– Thật vậy, bạch Thế Tôn. Vì thế con sẽ xây cất phòng xá để các thầy Tỳ-kheo có thể vắng lai, và có thể trú ngụ nước Xá-vệ. Mong Đức Thế Tôn cho một vị đến giúp con.

¹⁰ Tu-đạt-đa 須達多. Pāli: Sudatta.

¹¹ Cấp Cô Độc 給孤獨. Pāli: Anāthapiṇḍika.

“Bấy giờ Đức Thế Tôn liền sai Tôn giả Xá-lợi-phất; khiến Tôn giả Xá-lợi-phất đến giúp đỡ¹².

“Bấy giờ sau khi nghe Đức Phật dạy xong, con khéo léo ghi nhớ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Phật, đi quanh ba vòng rồi ra về.

“Khi công việc cần làm tại thành Vương xá đã hoàn tất, con cùng Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến nước Xá-vệ. Nhưng không vào nước Xá-vệ, cũng chẳng trở về nhà mà lập tức đi dạo khắp nơi bên ngoài thành để xem chỗ nào có thể đi lại tốt nhất, ban ngày không ồn ào, ban đêm thì tịch tĩnh, không có muỗi mòng, cũng không ruồi bọ, không lạnh, không nóng, có thể xây phòng xá để cúng dường Đức Phật và đại chúng.

“Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, bấy giờ con chỉ thấy vườn của Thắng Lâm Đồng tử¹³ là đi lại tốt nhất, ban ngày không ồn ào, ban đêm thì tịch tĩnh, không có muỗi mòng, cũng không ruồi bọ, không lạnh, không nóng. Con thấy rồi liền suy nghĩ thế này: ‘Chỉ có chỗ này là tốt nhất để xây cất phòng xá để cúng dường Phật và đại chúng’. Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, lúc ấy con vào nước Xá-vệ, nhưng cũng chưa về nhà, liền đi đến chỗ Thắng Lâm Đồng tử thưa rằng:

“– Thưa Đồng tử, ngài có thể bán khu vườn kia lại cho tôi không?

“Bấy giờ Đồng tử bảo con rằng:

“– Trường giả nên biết, tôi không bán khu vườn đâu.

“Cứ như vậy lần hai rồi lần ba, con thưa rằng:

“– Thưa Đồng tử, ngài có thể bán khu vườn kia lại cho tôi không?

“Bấy giờ Đồng tử cũng lại lần thứ hai, lần thứ ba bảo rằng:

“– Tôi không bán khu vườn đâu. Chỉ khi nào ức ức¹⁴ trải đầy.

“Con liền thưa rằng:

“– Này Đồng tử, ngài đã quyết định giá cả, chỉ còn việc trao tiền nữa thôi.

“Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, người thì nói đã quyết định giá cả, người thì

¹² Các chi tiết liên hệ luật tạng. Luật Pāli và bản Hán khác nhau.

¹³ Thắng Lâm Đồng tử 勝童子. Vin.ii.154ff. Jetakomara, con trai vua Pasenadi (Bà-tư-nặc), về sau bị vua Vidudabha người em trai cùng cha khác mẹ giết vì khước từ tham gia cuộc chiến tàn sát dòng họ Thích. Các phiên âm quen thuộc khác: Kỳ-đà Thái tử 祇陀太子, Thê-đa 逝多.

¹⁴ Cả Vin.ii. đã dẫn, cũng không nói loại tiền gì.

nói chưa quyết định giá cả, cùng nhau tranh tụng lớn. Rồi dắt nhau đến pháp đình¹⁵ nước Xá-vệ để phán quyết về việc này. Bấy giờ vị pháp quan¹⁶ nước Xá-vệ bảo Thắng Lâm Đồng tử rằng:

“– Này Đồng tử, thế là ngươi đã quyết định giá cả rồi, chỉ còn việc nhận tiền nữa thôi.

“Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, con liền vào nước Xá-vệ, trở về nhà lấy tiền, dùng voi ngựa và xe cộ để chuyên chở các kho lẫm đem đến, đã xuất ra tới ức ức để trải khắp mặt đất, nhưng còn vài chỗ chưa khắp đến. Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, con nghĩ như vậy: Nên xuất ở kho nào nữa để đem đến trải khắp chỗ dư này, không thừa cũng không thiếu? Bấy giờ Thắng Lâm Đồng tử liền bảo con rằng:

“– Này Trưởng giả, nếu có ăn năn về số tiền này thì hãy tự mang trở về, khu vườn trả lại cho tôi.

“Con bảo với Đồng tử rằng:

“– Quả thật tôi không có ăn năn; mà tôi còn suy nghĩ xem nên lấy ở kho nào nữa để mang trải khắp chỗ dư này không thừa cũng không thiếu.

“Bấy giờ Thắng Lâm Đồng tử liền suy nghĩ như vậy: ‘Đức Thế Tôn hẳn là một bậc cao cả, có đức hựu lớn. Pháp và Đại chúng Tỳ-kheo hẳn cũng là rất cao cả, có đức hựu lớn. Vì sao thế? Vì có vậy mới làm cho Trưởng giả thì thiết sự cúng dường vĩ đại, coi rẻ của cải đến thế. Nay ta có lẽ xây cất nhà cổng ngay nơi này để cúng dường Đức Phật và Đại chúng Tỳ-kheo’. Rồi Thắng Lâm Đồng tử liền bảo với con rằng:

“– Này Trưởng giả, hãy thôi đi, đừng xuất tiền để trả khoảng đất còn lại nữa. Vì ngay chỗ này tôi sẽ cất nhà cổng cúng dường Đức Phật và đại chúng Tỳ-kheo.

“Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, vì lòng từ mẫn nên con đồng ý để lại chỗ ấy cho Thắng Lâm Đồng tử.

“Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, rồi ngay trong mùa hạ ấy, con cho xây mười sáu dãy nhà lớn¹⁷, sáu mươi câu-hi¹⁸. Tôn giả Xá-lợi-phất giúp đỡ con

¹⁵ Hán: đại quyết đoán xứ 大決斷處.

¹⁶ Hán: đại quyết đoán nhân 大決斷人. Biện lý đại thần.

¹⁷ Hán: đại ốc 大屋, tức Pāli: vihāra (tịnh xá).

¹⁸ Hán: câu-hi 拘絺, tức Pāli: koṭṭhaka, chỉ nhà kho, phòng hay phòng kín.

việc ấy. Thế nhưng Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết pháp để giáo hóa người bệnh, còn rất kỳ diệu, hy hữu hơn. Con nghe bài pháp giáo hóa người bệnh này rồi, bệnh khổ quá nặng nề ấy liền được giảm bớt, lại phát sinh ra sự an lạc vô cùng.

“Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, bây giờ con không còn bệnh nữa, và được an ổn. Mong Tôn giả Xá-lợi-phất [461b] ở lại đây thọ trai”.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất im lặng nhận lời. Lúc ấy Trưởng giả biết Tôn giả Xá-lợi-phất đã im lặng nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, tự mình lấy nước rửa, đem tất cả các thứ đồ ăn ngon, tinh khiết, dồi dào, các loại nhai và nuốt¹⁹, tự tay dọn sót, cho đến khi Tôn giả được no đủ. Ăn xong, dọn dẹp và lấy nước rửa tay xong, ông trải một chỗ ngồi nhỏ, ngồi riêng để nghe pháp.

Sau khi Trưởng giả ngồi xong, Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết pháp cho ông khai thị, giáo giới, làm cho hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho Trưởng giả, khai thị, giáo giới, làm cho hoan hỷ rồi, Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Bấy giờ Đức Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô lượng đại chúng vây quanh trước sau. Từ đằng xa Đức Thế Tôn thấy Tôn giả Xá-lợi-phất đi lại, liền bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Tỳ-kheo Xá-lợi-phất là bậc thông tuệ, tốc tuệ, tiếp tuệ, lợi tuệ, quảng tuệ, thâm tuệ, xuất yếu tuệ, minh đạt tuệ, biện tài tuệ, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã thành tựu thật tuệ²⁰. Vì sao vậy? Vì về bốn hạng Tu-đà-hoàn²¹ mà Ta đã nói sơ lược, thì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất triển khai thành mười hạng để nói cho Trưởng giả Cấp Cô Độc.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật nói xong hoan hỷ phụng hành.²²

¹⁹ Hán: *thực đạm hàm tiêu* 食噉含消, loại thực phẩm cần phải cắn, và loại ngâm cho tiêu; tức loại cứng và loại mềm.

²⁰ Xem cht.14, kinh số 27.

²¹ Có lẽ là bốn Dự lưu chi: 1/ Thân cận thiện xứ, 2/ Kiến văn chính pháp, 3/ Như lý tác ý, 4/ Pháp tùy pháp hành, mà ngài Xá-lợi-phất đã quảng diễn thành mười, như trong kinh: 1/ Tín, 2/ Giới, 3/ Đa văn, 4/ Huệ thí, 5/ Thiện tuệ, 6/ chính kiến, 7/ chính trí, 8/ chính giải, 9/ chính thoát, 10/ chính trí.

²² Bản Hán, hết quyển 6.



29. KINH ĐẠI CÂU-HI-LA

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại thành Vương Xá, trong rừng Trúc, vườn Ca-lan-đa.

Bấy giờ, vào lúc xế chiều, Tôn giả Xá-lợi-phất từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy, đi đến chỗ Tôn giả Đại Câu-hi-la¹, chào hỏi lẫn nhau, rồi ngồi xuống một bên.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả Đại Câu-hi-la như vậy:

“Tôi có điều muốn hỏi, mong ngài nghe cho chẳng?”

Tôn giả Đại Câu-hi-la trả lời rằng:

“Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, ngài muốn hỏi điều gì xin cứ hỏi, tôi nghe rồi sẽ suy nghĩ”.

Tôn giả Xá-lợi-phất [461c] hỏi rằng:

“Này Hiền giả Đại Câu-hi-la, có điều kiện nào mchínhn điều kiện đó mà Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chính kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh² và thể nhập chính pháp không?”

Tôn giả Đại Câu-hi-la trả lời rằng:

“Có vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất. Đó là có Tỳ-kheo biết bất thiện và biết căn của bất thiện.

“Thế nào là biết bất thiện? Ác hành của thân là bất thiện, ác hành của khẩu là bất thiện, và ác hành của ý là bất thiện. Đó là biết bất thiện.

“Thế nào là biết bất thiện căn? Tham là căn của bất thiện, nhuế, và si là căn của bất thiện. Đó là biết căn của bất thiện.

“Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu có Tỳ-kheo biết bất thiện và biết căn của bất thiện như vậy, đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chính kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh, và thể nhập chính pháp.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen rằng:

“Lành thay, lành thay, Hiền giả Đại Câu-hi-la!”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen ngợi rồi hoan hỷ phụng hành.

¹ Đại Câu-hi-la 大拘絺羅. Pāli: Mahākotṭhita, hoặc Mahākotṭhika.

² Bất hoại tịnh 不壞淨. Pāli: *avecca-pasāda*: bất động tín, bất hoại tín, hay chứng tịnh.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi rằng:

“Hiền giả Đại Câu-hi-la, lại còn có điều kiện nào mà nhân điều kiện đó Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chính kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh, và thể nhập chính pháp chăng?”

“Có vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất. Đó là có Tỳ-kheo biết thiện và biết căn của thiện.

“Thế nào là biết thiện? Diệu hành của thân là thiện. Diệu hành của ý và khẩu là thiện. Đó là biết thiện.

“Thế nào là biết căn của thiện? Vô tham là căn của thiện, vô nhuế và vô si là căn của thiện. Đó là biết căn của thiện.

“Này Tôn giả Xá-lợi-phất. Nếu có Tỳ-kheo biết thiện và biết thiện căn như vậy, đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chính kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh, và thể nhập chính pháp.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen rằng:

“Lành thay, lành thay, Hiền giả Đại Câu-hi-la!”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen ngợi rồi hoan hỷ phụng hành.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi rằng:

“Hiền giả Đại Câu-hi-la, lại còn có điều nào mà nhân điều đó Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chính kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh, và thể nhập chính pháp chăng?”

Tôn giả Đại Câu-hi-la trả lời rằng:

“Có, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất. Nghĩa là Tỳ-kheo biết như thật về thức ăn, biết như thật về tập của thức ăn, về diệt của thức ăn và đạo của thức ăn.³

“Thế nào là biết như thật về thức ăn? Có bốn loại thức ăn: Một là đoàn thực, thô và tế⁴; hai là xúc thực⁵; ba là ý tư thực⁶; bốn là thức thực⁷. Đó là

³ Thực 食. Pāli: *āhāra*.

⁴ Đoàn thực thô tế 搏食粗細, hay đoàn thực, thực phẩm vật chất. Pāli: *kabalīṅkāro āhāro oḷāriko vā sukkumo*.

⁵ Nguyên-Hán: *canh lạc thực* 更樂食, thức ăn là sự xúc chạm, chỉ sự tiếp xúc giữa căn và cảnh. Pāli: *phasso āhāro*.

⁶ Ý tư thực 意思食, hay hý luận thực, thức ăn là ý chí hy vọng. Pāli: *manosañcetanā-āhāro*.

biết như thật về thức ăn.

“Thế nào là biết như thật về tập của thức ăn⁸? Do ái mới có thức ăn. Đó là biết như thật về tập của thức ăn.

“Thế nào là biết như thật về diệt của thức ăn? Ái diệt tức là thức ăn diệt. Đó là biết như thật về diệt của thức ăn.

“Thế nào là biết như thật về diệt đạo của thức ăn⁹? Tám chi Thánh đạo, từ chính kiến cho tới chính định là tám. [462a] Đó là biết như thật về diệt đạo của thức ăn.

“Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo biết như thật về thức ăn, biết như thật về tập của thức ăn, thực diệt và thực diệt đạo của thức ăn như vậy; đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chính kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh, và thể nhập chính pháp.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen rằng:

“Lành thay, lành thay, Hiền giả Đại Câu-hi-la!”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen ngợi rồi hoan hỷ phụng hành.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi rằng:

“Hiền giả Đại Câu-hi-la, lại còn có điều nào mà nhân điều đó Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chính kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh, và thể nhập chính pháp chăng?

“Có, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất. Đó là có Tỳ-kheo biết như thật về lậu, biết như thật về tập của lậu, diệt của lậu và diệt đạo của lậu.

“Thế nào là biết như thật về lậu? Có ba lậu là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu¹⁰. Đó là biết như thật về lậu.

“Thế nào là biết như thật về tập của lậu? Do vô minh mới có lậu. Đó là biết như thật về tập của lậu.

“Thế nào là biết như thật về diệt của lậu? Do vô minh diệt thì lậu diệt. Đó là biết như thật về diệt của lậu.

⁷ *Thức thực* 識食, thức ăn là thức. Pāli: *viññāṇaṃ āhāro*.

⁸ Hán: *thực tập* 食集. Pāli: *āhāra-samudaya*.

⁹ Hán: *thực diệt đạo* 食滅道. Pāli: *āhāra-nirodha-gāminītipadā*.

¹⁰ Ba lậu: *dục lậu*, *hữu lậu*, *vô minh lậu* 欲漏, 有漏, 無明漏. Pāli: *kāma-āsavā, bhava-āsavā, avijjā-āsavā*.

“Thế nào là biết như thật về diệt đạo của lậu? Tám chi Thánh đạo từ chính kiến cho tới chính định là tám. Đó là biết như thật về diệt đạo của lậu.

“Này Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo biết như thật về lậu, biết như thật về tập của lậu, diệt của lậu và diệt đạo của lậu như vậy; đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chính kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập chính pháp.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen rằng:

“Lành thay, lành thay, Hiền giả Đại Câu-hi-la!”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen ngợi rồi hoan hỷ phụng hành.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi rằng:

“Hiền giả Đại Câu-hi-la, lại có điều nào mà nhân điều đó Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chính kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh, và thể nhập chính pháp chăng?”

“Có, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất. Đó là có Tỳ-kheo biết như thật về Khổ, biết như thật về Khổ tập, Khổ diệt và Khổ diệt đạo.

“Thế nào là biết như thật về Khổ? Sinh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, oán tắng hội khổ, ái biệt ly khổ, sở cầu bất đắc khổ, nói tóm lại năm thủ uẩn khổ. Đó là biết như thật về khổ.

“Thế nào là biết như thật về Khổ tập? [462b] Do già-chết mới có khổ. Đó là biết như thật về khổ tập.

“Thế nào là biết như thật về Khổ diệt? Già-chết diệt tức khổ diệt. Đó là biết như thật về Khổ diệt.

“Thế nào là biết như thật về Khổ diệt đạo? Tám chi Thánh đạo từ chính kiến cho đến chính định là tám. Đó là biết như thật về Khổ diệt đạo.

“Này Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo biết như thật về Khổ, biết như thật về Khổ tập, Khổ diệt và Khổ diệt đạo như vậy, đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chính kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập chính pháp.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen rằng:

“Lành thay, lành thay, Hiền giả Đại Câu-hi-la!”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen ngợi rồi hoan hỷ phụng hành.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi rằng:

“Hiền giả Đại Câu-hi-la, lại còn có điều nào mà nhân điều đó Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chính kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh, và thể nhập chính pháp chăng?”

“Có, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất. Đó là có Tỳ-kheo biết như thật về già chết, biết như thật về tập khởi của già chết, diệt của già chết và diệt đạo của già chết.

“Thế nào là biết như thật về già? Đó là, người kia già cả, đầu bạc, răng rụng, sự cường tráng càng ngày càng suy giảm, thân còng, chân vẹo, cơ thể nặng nề, hơi thở đưa lên, chống gậy mà đi, thịt teo rút, da nhăn như cây gai, các căn rụng rời, nhan sắc xấu xí. Đó là biết như thật về già.

“Thế nào là biết như thật về chết? Đó là, chúng sinh kia và tất cả chủng loại sai biệt của chúng sinh kia, khi mạng chung, con vô thường đến, thì chết rồi chôn và tan rã, tuổi thọ chấm dứt và bị phá hoại, mạng căn bế tắc; đó là của chết. Trước kia là nói về già, đây là nói về chết. Đó gọi là lão tử. Đó là biết như thật về già-chết.

“Thế nào là biết như thật về tập của già chết? Đó là, do sinh mà có già chết. Đó là biết như thật về tập của già chết.

“Thế nào là biết như thật về diệt của già chết? Đó là, sinh diệt tức già chết diệt. Đó là biết như thật về diệt của già chết.

“Thế nào là biết như thật về diệt đạo của già chết? Tám chi Thánh đạo từ chính kiến cho đến chính định là tám. Đó là biết như thật về diệt đạo của già chết.

“Này Tôn giả Xá-lợi-phất. Nếu có Tỳ-kheo biết như thật về già chết. Biết như thật về tập của già chết, diệt của già chết và diệt đạo của già chết như vậy; đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến được chính kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập chính pháp.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen rằng:

“Lành thay, lành thay, Hiền giả Đại Câu-hi-la!”

Tôn giả [462c] Xá-lợi-phất khen ngợi rồi hoan hỷ phụng hành.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi rằng:

“Hiền giả Đại Câu-hi-la, lại còn có điều nào mà nhân điều đó Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chính kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh, và thể nhập chính pháp chăng?”

“Có, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất. Đó là có Tỳ-kheo biết như thật về sinh, biết như thật về tập của sinh, diệt của sinh và diệt đạo của sinh.

“Thế nào là biết như thật về sinh? Đó là, chúng sinh kia và tất cả chủng loại sai biệt của chúng sinh kia, đến lúc sinh thì sinh, đến lúc xuất thì xuất, đến lúc thành thì thành; khi phát khởi năm uẩn liền có mạng căn. Đó là biết như thật về sinh.

“Thế nào là biết như thật về tập của sinh? Do hữu mà có sinh. Đó là biết như thật về tập của sinh.

“Thế nào là biết như thật về diệt của sinh? Hữu diệt tức sinh diệt. Đó là biết như thật về diệt của sinh.

“Thế nào là biết như thật về diệt đạo của sinh? Tám chi Thánh đạo từ chính kiến cho đến chính định là tám. Đó là biết như thật về diệt đạo của sinh.

“Này Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo biết như thật về sinh, biết như thật về tập của sinh, diệt của sinh và diệt đạo của sinh như vậy; đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chính kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập chính pháp.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen rằng:

“Lành thay, lành thay, Hiền giả Đại Câu-hi-la!”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen ngợi rồi hoan hỷ phụng hành.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi rằng:

“Hiền giả Đại Câu-hi-la, lại còn có điều nào mà nhân điều đó Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chính kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh, và thể nhập chính pháp chăng?”

“Có, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất. Đó là có Tỳ-kheo biết như thật về hữu, biết như thật về tập của hữu, diệt của hữu và diệt đạo của hữu.

“Thế nào là biết như thật về hữu? Có ba hữu: Dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu¹¹. Đó là biết như thật về hữu.

“Thế nào là biết như thật về tập của hữu? Do thủ¹² mà có hữu. Đó là biết như thật về hữu tập.

¹¹ Ba hữu: *dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu* 欲有, 色有, 無色有. Pāli: *kāma-bhava, rūpa-bhava, ārūpa-bhava*.

¹² Nguyên-Hán: *thọ* 受. Pāli: *upādāna*.

“Thế nào là biết như thật về hữu diệt? Thủ diệt tức hữu diệt. Đó là biết như thật về hữu diệt.

“Thế nào là biết như thật về hữu diệt đạo? Tám chi Thánh đạo, từ chính kiến cho đến chính định là tám. Đó là biết như thật về hữu diệt đạo?

“Này Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo biết như thật về hữu, biết như thật về hữu tập, hữu diệt và hữu diệt đạo như vậy; đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chính kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập chính pháp.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi hoan hỷ khen [463a] rằng:

“Lành thay, lành thay, Hiền giả Đại Câu-hi-la!”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen ngợi rồi hoan hỷ phụng hành.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi rằng:

“Hiền giả Đại Câu-hi-la, lại còn có điều nào mà nhân điều đó Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chính kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh, và thể nhập chính pháp chăng?”

“Có, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất. Đó là có Tỳ-kheo biết như thật về thủ, biết như thật về tập của thủ, diệt của thủ và diệt đạo của thủ.

“Thế nào là biết như thật về thủ? Đó là bốn thủ¹³: dục thủ, giới thủ, kiến thủ và ngã thủ. Đó là biết như thật về thủ.

“Thế nào là biết như thật về tập của thủ? Do ái mà có thủ. Đó là biết như thật về tập của thủ.

“Thế nào là biết như thật về diệt của thủ? Nghĩa là ái diệt thì thủ diệt. Đó là biết như thật về diệt của thủ.

“Thế nào là biết như thật về diệt đạo của thủ? Tám chi Thánh đạo, từ chính kiến cho đến chính định là tám. Đó là biết như thật về diệt đạo của thủ.

“Này Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo biết như thật về thủ, biết như thật về tập của thủ, diệt của thủ và diệt đạo của thủ như vậy; đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chính kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập chính pháp.”

¹³ Hán: *tứ thọ* 四受: *dục thủ* 欲取, *giới thủ* 戒取, *kiến thủ* 見取, *ngã thủ* 我取.

Pl. : *kāmapādānaṃ diṭṭhupādānaṃ sīlabbatupādānaṃ attavādupādānaṃ*.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen rằng:

“Lành thay, lành thay, Hiền giả Đại Câu-hi-la!”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen ngợi rồi hoan hỷ phụng hành.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi rằng:

“Hiền giả Đại Câu-hi-la, lại còn có điều nào mà nhân điều đó Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chính kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh, và thể nhập chính pháp chẳng?”

“Có, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất. Đó là có Tỳ-kheo biết như thật về ái, biết như thật về tập của ái, diệt của ái và diệt đạo của ái.

“Thế nào là biết như thật về ái? Có ba ái: dục ái, sắc ái và vô sắc ái¹⁴. Đó là biết như thật về ái.

“Thế nào là biết như thật về tập của ái? Do thọ¹⁵ mà có ái. Đó là biết như thật về tập của ái.

“Thế nào là biết như thật về diệt của ái? Thọ diệt tức ái diệt. Đó là biết như thật về diệt của ái.

“Thế nào là biết như thật về diệt đạo của ái? Tám chi Thánh đạo từ chính kiến cho đến chính định là tám. Đó là biết như thật về diệt đạo của ái.

“Này Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo biết như thật về ái, biết như thật về tập của ái, diệt của ái và diệt đạo của ái như vậy; đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chính kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập [463b] chính pháp.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen rằng:

“Lành thay, lành thay, Hiền giả Đại Câu-hi-la!”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen ngợi rồi hoan hỷ phụng hành.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi rằng:

“Hiền giả Đại Câu-hi-la, lại còn có điều nào mà nhân điều đó Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chính kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh, và thể nhập chính pháp chẳng?”

“Có, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất. Đó là có Tỳ-kheo biết như thật về thọ,

¹⁴ Ba ái: dục ái, sắc ái, vô sắc ái 欲愛, 色愛, 無色愛. Pāli: *kāma-taṇhā, rūpa-taṇhā, arūpa-taṇhā*.

¹⁵ Nguyên-Hán: giác 覺; Pāli: *vedanā*.

biết như thật về tập của thọ, diệt của thọ và diệt đạo của thọ.

“Thế nào là biết như thật về thọ? Có ba thọ: lạc thọ¹⁶, khổ thọ và bất lạc bất khổ thọ. Đó là biết như thật về thọ.

“Thế nào là biết như thật về tập của thọ? Do xúc¹⁷ mà có thọ. Đó là biết như thật về tập của thọ.

“Thế nào là biết như thật về diệt của thọ? Do xúc diệt nên thọ diệt. Đó là biết như thật về diệt của thọ.

“Thế nào là biết như thật về diệt đạo của thọ? Tám chi Thánh đạo từ chính kiến cho đến chính định. Đó là biết như thật về diệt đạo của thọ.

“Này Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo biết như thật về thọ, biết như thật về tập của thọ, diệt của thọ và diệt đạo của thọ như vậy; đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chính kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập chính pháp.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen rằng:

“Lành thay, lành thay, Hiền giả Đại Câu-hi-la!”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen ngợi rồi hoan hỷ phụng hành.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi rằng:

“Hiền giả Đại Câu-hi-la, lại còn có điều nào mà nhân điều đó Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chính kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh, và thể nhập chính pháp chăng?”

“Có, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất. Đó là có Tỳ-kheo biết như thật về xúc, biết như thật về tập của xúc, diệt của xúc và diệt đạo của xúc.

“Thế nào là biết như thật về xúc? Có ba xúc¹⁸: lạc xúc, khổ xúc và bất lạc bất khổ xúc. Đó là biết như thật về xúc.

“Thế nào là biết như thật về tập của xúc? Do sáu xứ mà có xúc. Đó là biết như thật về tập của xúc.

¹⁶ Hán: ba giác, tức ba thọ: *khổ thọ* 苦受, *lạc thọ* 樂受, *bất khổ bất lạc thọ* 不苦不樂受. Pāli: *tisso vedanā, sukhā vedanā dukkhā vedanā adukkhamasukhā vedanā*.

¹⁷ Hán: *canh lạc* 更樂. Pāli: *phassa*.

¹⁸ Hán: ba canh lạc: *lạc canh lạc* 樂更樂, *khổ canh lạc* 苦更樂, *bất lạc bất khổ canh lạc* 不樂不苦更樂.

“Thế nào là biết như thật về diệt của xúc? Sáu xứ diệt tức xúc diệt. Đó là biết như thật về diệt của xúc.

“Thế nào là biết như thật về diệt đạo của xúc? Tám chi Thánh đạo từ chính kiến đến chính định là tám. Đó là biết như thật về diệt đạo của xúc.

“Này Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo biết như thật về xúc, biết như thật về tập của xúc, diệt của xúc và diệt đạo của xúc như vậy; đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chính kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập chính pháp.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen rằng:

“Lành thay, lành thay, Hiền giả Đại Câu-hi-la!”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen ngợi rồi hoan hỷ phụng hành.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi rằng:

“Hiền giả Đại Câu-hi-la, lại còn có điều nào mà nhân điều đó Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chính kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh, và thể nhập chính pháp chăng?”

“Có, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất. Đó là có Tỳ-kheo biết như thật về sáu xứ¹⁹, biết như thật về tập của sáu xứ, diệt của sáu xứ và diệt đạo của sáu xứ.

“Thế nào là biết như thật về sáu xứ? Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ. Đó là biết như thật về sáu xứ.

“Thế nào là biết như thật về tập của sáu xứ? Do danh sắc mà có sáu xứ. Đó là biết như thật về tập của sáu xứ.

“Thế nào là biết như thật về diệt của sáu xứ? Danh sắc diệt tức sáu xứ diệt. Đó là biết như thật về diệt của sáu xứ.

“Thế nào là biết như thật về diệt đạo của sáu xứ? Tám chi Thánh đạo từ chính kiến cho đến chính định là tám. Đó là biết như thật về diệt đạo của sáu xứ.

“Này Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo biết như thật về sáu xứ, biết như thật về tập của sáu xứ, diệt của sáu xứ và diệt đạo của sáu xứ như vậy; đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chính kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập chính pháp.”

¹⁹ Lục xứ 六處. Pāli: *cha ayātanāni*.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen rằng:

“Lành thay, lành thay, Hiền giả Đại Câu-hi-la!”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen ngợi rồi hoan hỷ phụng hành.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi rằng:

“Hiền giả Đại Câu-hi-la, lại còn có điều nào mà nhân điều đó Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chính kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh, và thể nhập chính pháp chăng?”

“Có, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, đó là có Tỳ-kheo biết như thật về danh sắc²⁰, biết như thật về tập của danh sắc, diệt của danh sắc và diệt đạo của danh sắc.

“Thế nào là biết như thật về danh sắc? Đó là bốn uẩn phi sắc²¹ là danh. Thế nào là biết về sắc? Bốn đại²² và sắc do bốn đại tạo²³. Đây là nói về sắc. Trước đó nói về danh, đó là danh sắc. Đó là biết như thật về danh sắc. Thế nào là biết như thật về tập của danh sắc? Do thức mà có danh sắc. Đó là biết như thật về tập của danh sắc.

“Thế nào là biết như thật về diệt của danh sắc? Thức [464a] diệt tức danh sắc diệt? Đó là biết như thật về diệt của danh sắc.

“Thế nào là biết như thật về diệt đạo của danh sắc? Tám chi Thánh đạo từ chính kiến cho đến chính định là tám. Đó là biết như thật về diệt đạo của danh sắc.

“Này Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo biết như thật về danh sắc, biết như thật về tập của danh sắc, diệt của danh sắc và diệt đạo của danh sắc như vậy; đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến được chính kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập chính pháp.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen rằng:

“Lành thay, lành thay, Hiền giả Đại Câu-hi-la!”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen ngợi rồi hoan hỷ phụng hành.

²⁰ Danh sắc 名色. Pāli: *nāma-rūpa*.

²¹ Tứ phi sắc âm 四非色陰. Pāli: *cattāro arūpakkhanda*, gồm thọ, tưởng, hành và thức.

²² Tứ đại 四大. Pāli: *cattāro mahābhūtā*.

²³ Tứ đại tạo vi sắc 四大造為色. Pāli: *catumaṃ mahābhūtānaṃ upādāya rūpaṃ*.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi rằng:

“Hiền giả Đại Câu-hi-la, lại còn có điều nào mà nhân điều đó Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chính kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh, và thể nhập chính pháp chăng?”

“Có, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất. Đó là có Tỳ-kheo biết như thật về thức²⁴, biết như thật về tập của thức, diệt của thức và diệt đạo của thức.

“Thế nào là biết như thật về thức? Có sáu thức: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức. Đó là biết như thật về thức.

“Thế nào là biết như thật về tập của thức? Do hành mà có thức. Đó là biết như thật về tập của thức.

“Thế nào là biết như thật về diệt của thức? Hành diệt tức thức diệt. Đó là biết như thật về diệt của thức.

“Thế nào là biết như thật về diệt đạo của thức? Tám chi Thánh đạo từ chính kiến cho đến chính định là tám. Đó là biết như thật về diệt đạo của thức.

“Này Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo biết như thật về thức, biết như thật về tập của thức, diệt của thức và diệt đạo của thức như vậy, đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chính kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập chính pháp.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen rằng:

“Lành thay, lành thay, Hiền giả Đại Câu-hi-la!”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen ngợi rồi hoan hỷ phụng hành.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi rằng:

“Hiền giả Đại Câu-hi-la, lại còn có điều nào mà nhân điều đó Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chính kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh, và thể nhập chính pháp chăng?”

“Có, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất. Đó là có Tỳ-kheo biết như thật về hành²⁵, biết như thật về tập của hành, diệt của hành và diệt đạo của hành.

²⁴ Thức 識. Pāli: *viññāṇa*.

²⁵ Hành 行. Pāli: *samkhāra*.

“Thế nào là biết như thật về hành? Có ba hành²⁶: thân hành, khẩu hành và ý hành. Đó là biết như thật về hành.

“Thế nào là biết như thật về tập của hành? [464b] Do vô minh mà có hành. Đó là biết như thật về tập của hành.

“Thế nào là biết như thật về diệt của hành? Vô minh diệt tức hành diệt. Đó là biết như thật về diệt của hành.

“Thế nào là biết như thật về diệt đạo của hành? Tám chi Thánh đạo từ chính kiến cho đến chính định là tám. Đó là biết như thật về diệt đạo của hành.

“Này Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo biết như thật về hành, biết như thật về tập của hành, diệt của hành và diệt đạo của hành như vậy, đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chính kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập chính pháp.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen rằng:

“Lành thay, lành thay, Hiền giả Đại Câu-hi-la!”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen ngợi rồi hoan hỷ phụng hành.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi rằng:

“Hiền giả Đại Câu-hi-la, nếu có Tỳ-kheo mà vô minh đã dứt, minh đã phát sinh, thì vị ấy còn phải làm những gì nữa?”

Tôn giả Đại Câu-hi-la trả lời rằng:

“Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo nào mà vô minh đã dứt, minh đã phát sinh, thì vị ấy không còn gì phải làm nữa.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen rằng:

“Lành thay, lành thay, Hiền giả Đại Câu-hi-la!”

Tôn giả Xá-lợi-phất khen ngợi rồi hoan hỷ phụng hành.

Hai vị Tôn giả cùng nhau nói về nghĩa như vậy, thấy đều hoan hỷ phụng hành, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

□

²⁶ Ba hành: *thân hành* 身行, *khẩu hành* 口行, *ý hành* 意行. Pāli: *tayo saṃkhāra, kāya-saṃkhāro vacīsaṃkhāro cittasaṃkhāro*.

30. KINH TƯỢNG TÍCH DỤ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm Lâm Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất nói với các Tỳ-kheo rằng:

“Này Chư Hiền, nếu có vô lượng thiện pháp, thì tất cả các thiện pháp ấy đều thu nhiếp vào bốn Thánh đế, đi vào trong bốn Thánh đế. Nghĩa là, trong tất cả pháp, bốn Thánh đế là tối thượng bậc nhất. Vì sao thế? Vì nhiếp thọ tất cả các thiện pháp.

“Này Chư Hiền, cũng như trong các dấu chân của loài thú vật, dấu chân voi là bậc nhất. Vì sao thế? Vì dấu chân voi rất là to lớn vậy. Cũng vậy, này Chư Hiền, có vô lượng thiện pháp, thì tất cả các thiện pháp ấy đều thu nhiếp vào bốn Thánh đế, đi vào trong bốn Thánh đế. Nghĩa là trong tất cả pháp, bốn Thánh đế là tối thượng bậc nhất.

“Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập, Ksinhệt và Khổ diệt đạo Thánh đế.

“Này Chư Hiền, thế nào là Khổ Thánh đế? Đó là, sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, oán ghét mà tự hội là khổ, thương yêu [464c] mà biệt ly là khổ, mong cầu mà không được là khổ, nói tóm lược năm thủ uẩn là khổ.

“Này Chư Hiền, những gì là năm thủ uẩn? Đó là sắc thủ uẩn, thọ, tưởng hành và thức thủ uẩn.

“Này Chư Hiền, cái gì là sắc thủ uẩn? Những gì có sắc, tất cả đều là bốn đại và bốn đại tạo.

“Này Chư Hiền, những gì là bốn đại? Đó là địa giới, thủy giới, hỏa giới và phong giới.

“Này Chư Hiền, cái gì là địa giới? Chư Hiền, địa giới có hai, có nội địa giới và có ngoại địa giới.

“Này Chư Hiền, những gì là nội địa giới¹? Đó là, những gì ở trong thân, được thu nhiếp trong thân như vật cứng, có tính chất cứng, được chấp thủ bên trong.² Đó là những gì? Đó là tóc, lông, móng, răng,

¹ Nội địa giới 内地界. Pāli: *ajjhattikā paṭhavīdhātu*.

² Nội chi sở thọ 内之所受. Pl.: *ajjhataṃ upādinnam*.

da thô và mịn, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, phổi, lá lách, ruột, bao tử, phần và những thứ khác tương tự như vậy ở trong thân, được khâu nối bên trong, có tính chất cứng, được khâu nối bên trong. Đó là nội địa giới.

“Này Chư Hiền, ngoại địa giới, đó là lớn, là tịnh, là không đáng tởm³. “Này Chư Hiền, có lúc bị thủy tai, khi ấy ngoại địa giới tiêu diệt⁴.

“Này Chư Hiền, ngoại địa giới này cực kỳ lớn, cực kỳ tịnh, cực kỳ không đáng tởm. Đó là pháp vô thường, pháp cùng tận, pháp suy vong, pháp biến dịch, huống là xác thân tạm thời đình trú, được duy trì chấp thủ bởi tham ái này. Nghĩa là kẻ phàm phu ngu si, không đa văn, suy nghĩ như vậy: ‘Đây là ta, đây là của ta, ta là của cái kia’.⁵ Đa văn Thánh đệ tử không nghĩ như vậy: ‘Đây là ta, đây là của ta, ta là của cái kia’. Vị ấy vì sao nghĩ như vậy? Nếu có người khác mắng chửi, đánh đập, giận giữ, quở trách, thì vị ấy nghĩ như vậy: ‘Ta sinh ra khổ này là từ nhân duyên, chứ không phải không có nhân duyên. Cái gì là duyên? Duyên vào khổ xúc’. Vị ấy quán xúc là vô thường; rồi quán thọ, tưởng, hành, thức cũng là vô thường. Tâm vị ấy duyên nơi giới mà trụ, mà chỉ, mà hiệp, mà nhất tâm, mà định, mà không lay động.⁶ Sau đó, có người đến nói với vị ấy bằng lời lẽ dịu dàng. Vị ấy suy nghĩ như vậy: ‘Ta sinh ra sự lạc này là từ nhân duyên chứ không phải không nhân duyên. Cái gì là duyên? Duyên vào lạc xúc’. Vị ấy quán xúc là vô thường, rồi quán thọ, tưởng, hành, thức cũng là vô thường. Tâm vị ấy duyên nơi giới mà trụ, mà chỉ, mà hiệp, mà nhất tâm, mà định, mà không lay động. Sau đó, hoặc có người thơ ấu, niên thiếu, trung niên hay trưởng lão đến làm việc không xứng ý với vị ấy; hoặc nắm tay thoi, hoặc lấy đá ném, hoặc dao, hoặc gậy đập. Vị ấy suy

³ *Đại, tịnh, bất tắng ó* 大, 淨, 不 憎 惡. *Đại* vì kích thước lớn hay phổ biến. Nói *tịnh* và *bất tắng ó*, vì không phải là đối tượng để quán bất tịnh.

⁴ Pāli: *hoti... samayo yam bāhirā āpodhātu pakuppati, antarahitā tasmim samaye bāhirā paṭhavīdhatu*, có một thời ngoại thủy giới bị chấn động (thịnh nộ), khi ấy ngoại địa giới biến mất.

⁵ Hán: (...) ngã thị bỉ sở 我是彼所. Pl.: *taṃ netam mama, nesohasmi, na meso attā*, nó không phải là của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải là tự ngã của tôi.”

⁶ Pl. (M.i. 196): *tassa dhatārammaṇameva cittaṃ pakkandati pasīdati santiṭṭhati adhimuccati*, vị ấy duyên nơi giới mà tâm hoan hỷ, an tịnh, tĩnh chỉ, quyết định.

nghe thế này: ‘Ta thọ thân này vốn là sắc pháp, thô chất, thuộc bốn đại chủng, do cha mẹ sinh, được nuôi lớn bằng ăn uống, được che kín bởi y phục, được chăm sóc bằng tắm rửa, nằm ngồi bông bế; nó là pháp phá hoại, pháp diệt tận, pháp ly tán. [465a] Ta vì thân này mà đến nỗi bị tay thoi, đá ném, dao gậy đập’. Do lẽ đó vị kia rất siêng năng, không biếng nhác, chính thân, chính niệm, không nhuế, không si, nhất tâm an định. Vị ấy nghĩ như vậy: ‘Ta rất siêng năng, không biếng nhác, chính thân, chính niệm, không nhuế, không si, nhất tâm an định. Ta thọ thân này đáng để cho tay thoi, đá ném, dao gậy đập, chỉ nên siêng năng học giáo pháp của Đức Thế Tôn’.

“Này Chư Hiền, Đức Thế Tôn cũng nói như vậy: ‘Giả sử có giặc cướp đến cầm cửa hay dao bén, xẻ mạnh mún thân thể ra. Nếu người khi bị giặc cướp cầm cửa hay dao bén, xẻ mạnh mún thân thể ra, mà tâm người hoặc biến dịch, hoặc nói năng hung dữ, tức các người đã suy thoái. Các người nên nghĩ như vậy: giả sử có kẻ giặc cầm cửa hay dao bén, xẻ mạnh mún thân thể ta ra, mong sao nhân đó mà tâm ta không biến dịch, không nói năng hung dữ, sẽ khởi tâm thương xót đối với người đến xẻ mạnh mún thân thể ta ra; vì người đó mà tâm ta câu hữu với từ, bi, hỷ, xả, thành tựu và an trụ. Cũng thế với hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, bi, hỷ, xả tất cả, tâm câu hữu với từ, bi, hỷ, xả, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, quảng đại, vô biên, vô lượng, kéo tu tập, bi, hỷ, xả tất cả thế gian, thành tựu và an trụ’.

“Này Chư Hiền, Tỷ-kheo kia, nếu do Phật, Pháp và Chúng, mà vẫn không an trú nơi xả tương ứng với thiện, thì này Chư Hiền, Tỷ-kheo ấy nên hổ thẹn, nên xấu hổ rằng: ‘Ta ở trong sự lợi mà không có lợi, ở trong đức mà không có đức; nghĩa là ta nhân nơi Phật, Pháp và Chúng mà vẫn không an trú nơi xả tương ứng với thiện’.

“Này Chư Hiền, như người dâu lúc mới rước về, gặp mặt cha mẹ chồng, hay gặp người chồng của mình thì xấu hổ, thẹn thùng.⁷ Này Chư Hiền, nên biết, Tỷ-kheo kia cũng lại như vậy, nên xấu hổ thẹn thùng rằng: ‘Ta ở trong sự lợi mà không có lợi, ở trong đức mà không có đức; nghĩa là ta nhân nơi Phật, Pháp và Chúng mà vẫn không an trú nơi xả tương ứng với thiện’. Người ấy do hổ thẹn xấu hổ, nên liền an trú nơi xả tương ứng với

⁷ Pl.: *suñisā sasuram disvā samvijjati samvegaṃ āpajjati*, cô dâu thấy bố chồng thì hết sức run sợ.

thiện. Đó là diệu, là tịnh, là tịch diệt, nghĩa là xả ly tất cả hữu⁸, lìa ái, vô dục, diệt tận hoàn toàn. Nay Chư Hiền, đó là Tỳ-kheo học tất cả đại.

“Nay Chư Hiền, cái gì là thủy giới⁹? Chư Hiền, thủy giới có hai; có nội thủy giới và có ngoại thủy giới. Chư Hiền, cái gì là nội thủy giới? Đó là ở trong thân, được thấm nhập bên trong thân, những gì là nước, thuộc về nước, ẩm ướt, bị chấp thủ bên trong. Đó là những gì? Đó là mỡ, óc¹⁰, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước miếng, mủ, máu, tủy, nước dãi, nước tiểu, tất cả những chất khác tương tự như vậy ở trong thân, được thấm nhập bên trong thân, những gì là nước, thuộc về nước, ẩm ướt, bị chấp thủ bên trong. Nay Chư Hiền, đó là nội thủy [465b] giới.

“Nay Chư Hiền, ngoại thủy giới, đó là lớn, là tịnh, là không đáng tởm. “Nay Chư Hiền, có lúc bị hỏa tai, khi ấy ngoại thủy giới tiêu diệt¹¹.

“Nay Chư Hiền, ngoại địa giới này cực kỳ lớn, cực kỳ tịnh, cực kỳ không đáng tởm. Đó là pháp vô thường, pháp cùng tận, pháp suy vong, pháp biến dịch, huống là xác thân tạm thời đình trú, được duy trì chấp thủ bởi tham ái này¹². Nghĩa là kẻ phàm phu ngu si, không đa văn, suy nghĩ như vậy: ‘Đây là ta, đây sinh hóa ta, ta là của cái kia’. Đa văn Thánh đệ tử không nghĩ như vậy: ‘Đây là ta, đây là của ta, ta là của cái kia’. Vì ấy vì sao nghĩ như vậy? Nếu có người khác mắng chửi, đánh đập, giận giữ, quở trách, thì vị ấy nghĩ như vậy: ‘Ta sinh ra khổ này là từ nhân duyên, chứ không phải không có nhân duyên’. Cái gì là duyên? Duyên vào khổ xúc. Vì ấy quán xúc là vô thường; rồi quán thọ, tưởng, hành, thức cũng là vô thường. Tâm vị ấy duyên nơi giới mà trụ, mà chỉ, mà hiệp, mà nhất tâm, mà định, mà không lay động. Sau đó, có người đến nói với vị ấy

⁸ Hán: *diệu, tức tịch, xả, ly* 妙息寂捨離, tức diệt, tịnh, diệu, ly, bốn hành tướng của diệt để theo Hữu bộ; xem [Câu-xá 23](#) tr.119b).

⁹ Thủy giới 水界. Pāli: *āpodhātu*.

¹⁰ Hán: *não căn* 腦根 (chỉ tủy sống); bản Nguyên, Minh: *chi nhãn* 脂眼 (con mắt có mỡ, hay mỡ nơi con mắt). Không tìm thấy tương đương trong bản liệt kê của Pāli.

¹¹ Pāli: *hoti... samayo yam bāhirā āpodhātu pakuppati, sā gamam pi vahati, nigamam pi vahati*, có một thời ngoại thủy giới bị chấn động (cuồng nộ), nó cuốn đi làng mạc, thị trấn...

¹² Hán: *ái sở thọ* 愛所受. Pāli: *tanhupādiṇṇa...*

bằng lời lẽ dịu dàng, vị ấy suy nghĩ như vậy: ‘Ta sinh ra sự lạc này là từ nhân duyên chứ không phải không nhân duyên’. Cái gì là duyên? Duyên vào lạc xúc. Vị ấy quán xúc là vô thường, rồi quán thọ, tưởng, hành, thức cũng là vô thường. Tâm vị ấy duyên nơi giới mà trụ, mà chỉ, mà hiệp, mà nhất tâm, mà định, mà không lay động. Sau đó, hoặc có người thơ ấu, niên thiếu, trung niên hay trưởng lão đến làm việc không xứng ý với vị ấy; hoặc nắm tay thoi, hoặc lấy đá ném, hoặc dao, hoặc gậy đập. Vị ấy suy nghĩ thế này: ‘Ta thọ thân này vốn là sắc pháp, thô chất, thuộc bốn đại chủng, do cha mẹ sinh, được nuôi lớn bằng ăn uống, được che kín bởi y phục, được chăm sóc bằng tắm rửa, nằm ngồi bông bế; nó là pháp phá hoại, pháp diệt tận, pháp ly tán. Ta vì thân này mà đến nỗi bị tay thoi, đá ném, dao gậy đập’. Do lẽ đó vị kia rất siêng năng, không biếng nhác, chính thân, chính niệm, không nhuế, không si, nhất tâm an định. Vị ấy nghĩ như vậy: ‘Ta rất siêng năng, không biếng nhác, chính thân, chính niệm, không nhuế, không si, nhất tâm an định. Ta thọ thân này đáng để cho tay thoi, đá ném, dao gậy đập, chỉ nên siêng năng học giáo pháp của Đức Thế Tôn’.

“Này Chư Hiền, Đức Thế Tôn cũng nói như vậy: ‘Giả sử có giặc cướp đến cầm cửa hay dao bén, xẻ mạnh mún thân thể ra. Nếu người khi bị giặc cướp cầm cửa hay dao bén, xẻ mạnh mún thân thể ra, mà tâm người hoặc biến dịch, hoặc nói năng hung dữ, tức các người đã suy thoái. Các người nên nghĩ như vậy: giả sử có kẻ giặc cầm cửa hay dao bén, xẻ mạnh mún thân thể ta ra, mong sao nhân đó mà tâm ta không biến dịch, không nói năng hung dữ, [465c] mà nên khởi tâm thương xót đối với người đến xẻ mạnh mún thân thể ta ra; vì người đó mà tâm ta câu hữu với từ, biếu mẫn một phương, thành tựu và an trụ. Cũng thế với hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biếu mẫn tất cả, tâm câu hữu với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, quảng đại, vô biên, vô lượng, khéo tu tập, biếu mẫn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ’.

“Này Chư Hiền, Tỳ-kheo kia, nếu do Phật, Pháp và Chúng, mà vẫn không an trú nơi xả tương ứng với thiện, thì này Chư Hiền, Tỳ-kheo ấy nên hổ thẹn, nên xấu hổ rằng: ‘Ta ở trong sự lợi mà không có lợi, ở trong đức mà không có đức; nghĩa là ta nhân nơi Phật, Pháp và Chúng mà vẫn không an trú nơi xả tương ứng với thiện’.

“Này Chư Hiền, như người dâu lúc mới rước về, gặp mặt cha mẹ chồng, hay gặp người chồng của mình thì xấu hổ, thẹn thùng. Này Chư Hiền, nên biết, Tỳ-kheo kia cũng lại như vậy, nên xấu hổ thẹn thùng rằng: ‘Ta

ở trong sự lợi mà không có lợi, ở trong đức mà không có đức; nghĩa là ta nhân nơi Phật, Pháp và Chúng mà vẫn không an trú nơi xả tương ứng với thiện'. Người ấy do hồ thẹn, xấu hổ, nên liền an trú nơi xả tương ứng với thiện. Đó là diệu, là tịnh, là tịch diệt, nghĩa là xả ly tất cả hữu, lìa ái, vô dục, diệt tận hoàn toàn. Đây Chư Hiền, đó là Tỳ-kheo học tất cả đại.

“Đây Chư Hiền, thế nào là hỏa giới? Đây Chư Hiền, hỏa giới có hai; có nội hỏa giới và có ngoại hỏa giới.¹³ Đây Chư Hiền, thế nào là nội hỏa giới? Đó là ở trong thân, được thâm nhiếp ở trong thân, những gì là lửa, có tính chất nóng, được chấp thủ trong thân. Đó là những gì? Đó là, thân nóng hấp, thân nóng bức, bức rức, ẩm áp, và sự tiêu hóa ẩm thực, tất cả những chất khác tương tự như vậy ở trong thân, được thâm nhiếp bên trong thân, thuộc tính nóng, được chấp thủ bên trong. Đây Chư Hiền, đó là nội hỏa giới.

“Đây Chư Hiền, ngoại hỏa giới, đó là lớn, là tịnh, là không đáng tởm.

“Đây Chư Hiền, có lúc khi ngoại hỏa giới phát khởi, nó đốt cháy thôn ấp, thành quách, núi rừng, đồng ruộng; cháy như vậy rồi lan đến đường cái, đến sông nước, cho đến khi không còn gì cháy mới tắt. Chư Hiền, sau khi ngoại hỏa giới diệt, nhân dân muốn lấy lửa hoặc dùng gỗ hay tre cọ vào nhau, hoặc dùng đá lửa bằng châu ngọc¹⁴.

“Đây Chư Hiền, ngoại hỏa giới này cực kỳ lớn, kỳ tịnh, cực kỳ không đáng tởm. Đó là pháp vô thường, pháp cùng tận, pháp suy vong, pháp biến dịch, huống là xác thân tạm thời đình trú, được duy trì chấp thủ bởi tham ái này. Nghĩa là kẻ phàm phu ngu si, không đa văn, suy nghĩ như vậy: ‘Đây là ta, đây là của ta, ta là của cái kia’. Đa văn Thánh đệ tử không nghĩ như vậy: ‘Đây là ta, đây là của ta, ta là của cái kia’. Vị ấy vì sao nghĩ như vậy? Nếu có người khác mắng chửi, đánh đập, giận dữ, quở trách, thì vị ấy nghĩ như vậy: ‘Ta sinh ra [466a] khổ này là từ nhân duyên, chứ không phải không có nhân duyên’. Cái gì là duyên? Duyên vào khổ xúc. Vị ấy quán xúc là vô thường; rồi quán thọ, tưởng, hành, thức cũng là vô thường. Tâm vị ấy duyên nơi giới mà trụ, mà chỉ, mà hiệp, mà nhất tâm, mà định, mà không lay động. Sau đó, có người đến

¹³ Pl.: *tejodhātu siyā ajjhattikā siyā bāhirā*, hỏa giới, hoặc nội hoặc ngoại.

¹⁴ Hán: *hoặc dĩ châu toại* 或以珠燧. Pāli: *kukkuṭapattena pi nahārudaḍḍulena*, bằng lông cánh gà, hoặc bằng dây gân.

nói với vị ấy bằng lời lẽ dịu dàng, vị ấy suy nghĩ như vậy: ‘Ta sinh ra sự lạc này là từ nhân duyên chớ không phải không nhân duyên’. Cái gì là duyên? Duyên vào lạc xúc. Vị ấy quán xúc là vô thường, rồi quán thọ, tưởng, hành, thức cũng là vô thường. Tâm vị ấy duyên nơi giới mà trụ, mà chỉ, mà hiệp, mà nhất tâm, mà định, mà không lay động. Sau đó, hoặc có người thơ ấu, niên thiếu, trung niên hay trưởng lão đến làm việc không xứng ý với vị ấy; hoặc nắm tay thoi, hoặc lấy đá ném, hoặc dao, hoặc gậy đập. Vị ấy suy nghĩ thế này: ‘Ta thọ thân này vốn là sắc pháp, thô chất, thuộc bốn đại chủng, do cha mẹ sinh, được nuôi lớn bằng ăn uống, được che kín bởi y phục, được chăm sóc bằng tắm rửa, nằm ngồi bông bế; nó là pháp phá hoại, pháp diệt tận, pháp ly tán. Ta vì thân này mà đến nỗi bị tay thoi, đá ném, dao gậy đập’. Do lẽ đó vị kia rất siêng năng, không biếng nhác, chính thân, chính niệm, không nhuế, không si, nhất tâm an định. Vị ấy nghĩ như vậy: ‘Ta rất siêng năng, không biếng nhác, chính thân, chính niệm, không nhuế, không si, nhất tâm an định. Ta thọ thân này đáng để cho tay thoi, đá ném, dao gậy đập, chỉ nên siêng năng học giáo pháp của Đức Thế Tôn’.

“Này Chư Hiền, Đức Thế Tôn cũng nói như vậy: ‘Giả sử có giặc cướp đến cầm cưa hay dao bén, xẻ mạnh mún thân thể ra. Nếu người khi bị giặc cướp cầm cưa hay dao bén, xẻ mạnh mún thân thể ra, mà tâm người hoặc biến dịch, hoặc nói năng hung dữ, tức các người đã suy thối. Các người nên nghĩ như vậy: Giả sử có kẻ giặc cầm cưa hay dao bén, xẻ mạnh mún thân thể ta ra, mong sao nhân đó mà tâm ta không biến dịch, không nói năng hung dữ, sẽ khởi tâm thương xót đối với người đến xẻ mạnh mún thân thể ta ra; vì người đó mà tâm ta câu hữu với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ. Cũng thế với hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biến mãn tất cả, tâm câu hữu với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, quảng đại, vô biên, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ’.

“Này Chư Hiền, Tỳ-kheo kia, nếu do Phật, Pháp và Chúng, mà vẫn không an trú nơi xả tương ứng với thiện, thì này Chư Hiền, Tỳ-kheo ấy nên hổ thẹn, nên xấu hổ rằng: ‘Ta ở trong sự lợi mà không có lợi, ở trong đức mà không có đức; nghĩa là ta nhân nơi Phật, Pháp và Chúng mà vẫn không an trú nơi xả tương ứng với thiện’.

“Này Chư Hiền, như người dâu lúc mới rước về, gặp mặt cha mẹ chồng, hay gặp người chồng của mình thì xấu hổ, thẹn thùng. Này Chư Hiền,

nên biết, Tỳ-kheo kia cũng lại như vậy, nên xấu hổ thẹn thùng rằng: ‘Ta ở trong sự lợi mà không có lợi, ở trong đức mà không có đức; nghĩa là ta nhân nơi Phật, Pháp và Chúng mà vẫn không an trú nơi xả tương ứng với thiện’. Người ấy do hổ thẹn xấu hổ, nên liền an trú nơi xả tương ứng với thiện. Đó là diệu, là tịnh, là tịch diệt, nghĩa là xả tất cả hữu, lìa ái, vô dục, diệt tận hoàn toàn. Đây Chư Hiền, đó là Tỳ-kheo học tất cả đại.

“Đây Chư Hiền, thế nào là phong giới? Đây Chư Hiền, ở đây phong giới có hai; có nội phong giới và ngoại phong giới.¹⁵ Đây Chư Hiền, thế nào là nội phong giới? Đó là ở trong thân, được thâm nhiếp ở trong thân những gì là gió, thuộc tính chuyển động của gió, bị chấp thủ bên trong. Đó là những gì? Đó là gió đi lên, gió đi xuống, gió trong bụng, gió ngang¹⁶, gió co thắt lại, gió như dao cắt¹⁷, gió nhảy lên, gió phi đạo, gió thổi qua tay chân, gió của hơi thở ra, gió của hơi thở vào, tất cả những chất khác tương tự như vậy ở trong thân, được thâm nhiếp bên trong thân, những gì là gió, thuộc tính chuyển động của gió, được chấp thủ bên trong. Đây Chư Hiền, đó là nội phong giới.

“Đây Chư Hiền, ngoại phong giới, đó là lớn, là tịnh, là không đáng tởm.

“Đây Chư Hiền, có lúc ngoại phong giới phát khởi lên. Khi ngoại phong giới phát khởi thì nhà sập, cây bị tróc, núi lở; khi núi non đã lở rồi, gió liền dừng lại, mây lông cũng chẳng lay động. Đây Chư Hiền, sau khi ngoại phong giới dừng lại, nhân dân tìm kiếm gió, hoặc dùng quạt, hạc dùng lá đa, hoặc dùng áo tìm gió.

“Đây Chư Hiền, ngoại phong giới này cực kỳ lớn, cực kỳ tịnh, cực kỳ không đáng tởm. Đó là pháp vô thường, pháp cùng tận, pháp suy vong, pháp biến dịch, hưởng là xác thân tạm thời đình trú, được duy trì chấp thủ bởi tham ái này. Nghĩa là kẻ phàm phu ngu si, không đa văn, suy nghĩ như vậy: ‘Đây là ta, đây là của ta, ta là của cái kia’. Đa văn Thánh đệ tử không nghĩ như vậy: ‘Đây là ta, đây là của ta, ta là của cái kia’. Vì ấy vì sao nghĩ như vậy? Nếu có người khác mắng chửi, đánh đập, giận giữ,

¹⁵ Pl.: *vāyodhātu siyā ajjhattikā siyā bāhirā*, phong giới, hoặc nội hoặc ngoại.

¹⁶ *Hành phong* 行風. Kinh 162 nói: *hiếp phong*. *Pháp uẩn* 21 (tr.503) cũng nói vậy. Có lẽ Pāli: *koṭṭhāsaya vātā*, mà Sớ giải nói: *antānam antovātā*, gió từ bên này qua bên kia, tức gió ngang (hông).

¹⁷ *Dao phong* 刀風, gió lúc chết, rất như dao cắt.

quở trách, thì vị ấy nghĩ như vậy: ‘Ta sinh ra khổ này là từ nhân duyên, chứ không phải không có nhân duyên’. Cái gì là duyên? Duyên vào khổ xúc. Vị ấy quán xúc là vô thường; rồi quán thọ, tưởng, hành, thức cũng là vô thường. Tâm vị ấy duyên nơi giới mà trụ, mà chỉ, mà hiệp, mà nhất tâm, mà định, mà không lay động. Sau đó có người đến nói với vị ấy bằng lời lẽ dịu dàng, vị ấy suy nghĩ như vậy: ‘Ta sinh ra sự lạc này là từ nhân duyên chứ không phải không nhân duyên’. Cái gì là duyên? Duyên vào lạc xúc. Vị ấy quán xúc là vô thường, rồi quán thọ, tưởng, hành, thức cũng là vô thường. Tâm vị ấy duyên nơi giới mà trụ, mà chỉ, mà hiệp, mà nhất tâm, mà định, mà không lay động. [466c] Sau đó, hoặc có người thơ ấu, niên thiếu, trung niên hay trưởng lão đến làm việc không xứng ý với vị ấy; hoặc nắm tay thoi, hoặc lấy đá ném, hoặc dao, hoặc gậy đập. Vị ấy suy nghĩ thế này: ‘Ta thọ thân này vốn là sắc pháp, thô chất, thuộc bốn đại chủng, do cha mẹ sinh, được nuôi lớn bằng ăn uống, được che kín bởi y phục, được chăm sóc bằng tắm rửa, nằm ngồi bông bế; nó là pháp phá hoại, pháp diệt tận, pháp ly tán. Ta vì thân này mà đến nỗi bị tay thoi, đá ném, dao gậy đập’. Do lẽ đó vị kia rất siêng năng, không biếng nhác, chính thân, chính niệm, không nhuế, không si, nhất tâm an định. Vị ấy nghĩ như vậy: ‘Ta rất siêng năng, không biếng nhác, chính thân, chính niệm, không nhuế, không si, nhất tâm an định. Ta thọ thân này đáng để cho tay thoi, đá ném, dao gậy đập, chỉ nên siêng năng học giáo pháp của Đức Thế Tôn’.

“Này Chư Hiền, Đức Thế Tôn cũng nói như vậy: ‘Giả sử có giặc cướp đến cầm cửa hay dao bén, xẻ mạnh mún thân thể ra. Nếu người khi bị giặc cướp cầm cửa hay dao bén, xẻ mạnh mún thân thể ra, mà tâm người hoặc biến dịch, hoặc nói năng hung dữ, tức các người đã suy thoái. Các người nên nghĩ như vậy: giả sử có kẻ giặc cầm cửa hay dao bén, xẻ mạnh mún thân thể ta ra, mong sao nhân đó mà tâm ta không biến dịch, không nói năng hung dữ, sẽ khởi tâm thương xót đối với người đến xẻ mạnh mún thân thể ta ra; vì người đó mà tâm ta câu hữu với từ, bi, mẫn một phương, thành tựu và an trụ. Cũng thế với hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, bi, mẫn tất cả, tâm câu hữu với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, quảng đại, vô biên, vô lượng, khéo tu tập, bi, mẫn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ’.

“Này Chư Hiền, Tỳ-kheo kia, nếu do Phật, Pháp và Chúng, mà vẫn không an trú nơi xả tương ứng với thiện, thì này Chư Hiền, Tỳ-kheo ấy

nên hổ thẹn, nên xấu hổ rằng: ‘Ta ở trong sự lợi mà không có lợi, ở trong đức mà không có đức; nghĩa là ta nhân nơi Phật, Pháp và Chúng mà vẫn không an trú nơi xả tương ứng với thiện’.

“Này Chư Hiền, như người dâu lúc mới rước về, gặp mặt cha mẹ chồng, hay gặp người chồng của mình thì xấu hổ, thẹn thùng. Này Chư Hiền, nên biết, Tỳ-kheo kia cũng lại như vậy, nên xấu hổ thẹn thùng rằng: ‘Ta ở trong sự lợi mà không có lợi, ở trong đức mà không có đức; nghĩa là ta nhân nơi Phật, Pháp và Chúng mà vẫn không an trú nơi xả tương ứng với thiện’. Người ấy do hổ thẹn xấu hổ, nên liền an trú nơi xả tương ứng với thiện. Đó là diệu, là tịnh, là tịch diệt, nghĩa là xả tất cả hữu, lia ái, vô dục, diệt tận hoàn toàn. Này Chư Hiền, đó là Tỳ-kheo học tất cả đại.

“Này Chư Hiền, cũng như nhờ cây gỗ, nhờ bùn đất, nhờ cỏ và nước, che kín trong một khoảng không nên sinh ra cái tên gọi là ‘nhà’. Chư Hiền, nên biết, thân này cũng lại như vậy, nhờ gân cốt, nhờ da dẻ, nhờ thịt, máu bao bọc một khoảng không [467a] nên sinh ra cái tên gọi là ‘thân’.¹⁸

“Này Chư Hiền, như có người bị hư nhãn xứ bên trong, nên ngoại sắc không được ánh sáng rọi đến, thành ra không có niệm¹⁹ và nhãn thức không phát sinh. Này Chư Hiền, nếu nội nhãn xứ không bị hư hoại thì ngoại sắc sẽ được ánh sáng rọi đến và liền có niệm, nên sinh ra nhãn thức.

“Này Chư Hiền, nhãn xứ bên trong và sắc, cùng với nhãn thức biết ngoại sắc, đó thuộc về sắc uẩn. Nếu có thọ, đó là thọ uẩn. Nếu có tưởng thì đó là tưởng uẩn. Nếu có tư thì đó là tư uẩn. Nếu có thức thì đó là thức uẩn. Như vậy quán sát sự hội hợp của các uẩn.

“Này Chư Hiền, Đức Thế Tôn cũng nói như vậy: ‘Nếu ai thấy duyên khởi tức thấy pháp; nếu thấy pháp tức thấy duyên khởi²⁰’. Vì sao thế? Này Chư Hiền, Đức Thế Tôn nói năm thủ uẩn từ nhân duyên mà sinh. Sắc thủ uẩn; thọ, tưởng, hành, thức thủ uẩn cũng vậy.

¹⁸ Pl.: *rūpaṃ tveva saṅkham gacchati*, được biết như là sắc.

¹⁹ Hán: vô hữu niệm 無有念. Pl. (M.i. 190): *no ca tajjo samannāhāro hoti*, không có sự tập trung tương ưng, tức tác ý không khởi lên được. Xem **cht. 21** dưới.

²⁰ Pāli (M. i. 191): *yo paticcasamuppādanim passati so dhamman passati, yo dhamman passati so paticcasamuppādam passati*.

“Này Chư Hiền, nếu nhĩ, tỷ, thiết, thân và ý xứ bên trong bị hư hoại thì các pháp bên ngoài sẽ không được ánh sáng rọi đến nên không có niệm, do đó ý thức không sinh khởi được. Này Chư Hiền, nếu nội ý xứ không bị hư hoại thì pháp bên ngoài sẽ được ánh sáng rọi đến và liền có niệm nên sinh ra ý thức²¹.”

“Này Chư Hiền, ý thức bên trong và pháp cùng với ý thức biết sắc pháp bên ngoài, đó thuộc về sắc uẩn. Nếu có thọ, đó là thọ uẩn. Nếu có tưởng thì đó là tưởng uẩn. Nếu có tư thì đó là tư uẩn. Nếu có thức thì đó là thức uẩn. Như vậy quán sát sự hội hợp của các uẩn.

“Này Chư Hiền, Đức Thế Tôn cũng nói như vậy: ‘Nếu ai thấy duyên khởi tức thấy pháp; nếu thấy pháp tức thấy duyên khởi’. Vì sao thế? Này Chư Hiền, Đức Thế Tôn nói năm thủ uẩn từ nhân duyên mà sinh. Sắc thủ uẩn; thọ, tưởng, hành, thức thủ uẩn cũng vậy. Vị ấy nhàm tởm năm thủ uẩn này, thuộc trong ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai này, do nhàm tởm nên vô dục, vô dục liền giải thoát, giải thoát rồi liền biết giải thoát, biết một cách như thật rằng: ‘Sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa’.

“Này Chư Hiền, đó là Tỳ-kheo đã học tất cả về đại”.

Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết xong, hoan hỷ phụng hành.



²¹ Dẫn chứng của *Đại Tỳ-bà-sa 12*, (tr, 58c 19). Nhược hữu nội ý xứ bất hoại, ngoại pháp hiện tiền, cập năng sinh tác ý chính khởi, nhĩ thời ý thức sinh 若內意處不壞外法處現前及能生作意正起爾時意識生, “Nếu bên trong ý xứ không bị hoại, bên ngoài pháp xứ hiện tiền và ngay lúc ấy tác ý khởi lên, bấy giờ ý thức xuất hiện.”

31. KINH PHÂN BIỆT THÁNH ĐẾ

[467b1] Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm Lâm Lâm, vườn Cấp Cô Độc¹.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Đây là pháp được tuyên thuyết chân chính vạn hành², tức là bốn Thánh đế, được thâm nhiếp toàn diện, được quán chiếu toàn diện, được phân biệt, được phơi mở, được mở bày, được thi thiết, được hiển thị, được thú hướng³.

“Trong quá khứ, các Đức Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, cũng có sự công bố chính pháp tối thượng này, tức là bốn Thánh đế, được thâm nhiếp toàn diện, được quán chiếu toàn diện, được phân biệt, được phơi mở, được mở bày, được thi thiết, được hiển thị, được thú hướng.

“Trong đời vị lai, các Đức Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, cũng có sự công bố chính pháp tối thượng này, tức là bốn Thánh đế, được thâm nhiếp toàn diện, được quán chiếu toàn diện, được phân biệt, được phơi mở, được mở bày, được thi thiết, được hiển thị, được thú hướng.

“Trong đời hiện tại, Ta là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, cũng có sự công bố chính pháp tối thượng này, tức là bốn Thánh đế, được thâm nhiếp toàn diện, được quán chiếu toàn diện, được phân biệt, được phơi mở, được mở bày, được thi thiết, được hiển thị, được thú

¹ Các bản Hán đều nói Phật tại Xá-vệ. Bản Pāli tương đương: tại Bārāṇasi (Ba-la-nại), trong Isipatane Migadāye, Chư tiên đọa xứ, vườn Lộc dã.

² *chính hành thuyết pháp* 正行說法; No.32: *Chơn chính thuyết pháp* 真正說法. Bản Pāli (M. iii. 248): *anuttaram dhammacakkaṃ pavattitam*, Vô thượng Pháp luân được vận chuyển.

³ Hán: *quảng nhiếp* 廣攝, *quảng quán* 廣觀, *phân biệt* 分別, *phát lộ* 發露, *khai ngưỡng* 開仰, *thi thiết* 施設, *hiển thị* 顯示, *thú hướng* 趣向. Pāli: *ācikkhanā* (khai thị), *desanā* (tuyên thuyết), *paññāpanā* (thi thiết), *paṭṭhapanā* (an lập), *vivaraṇā* (khai hiển), *vi bhajanā* (phân biệt), *uttānīkammaṃ* (hiển phát).

hướng.

“Tỳ-kheo Xá-lợi-phất⁴ là bậc thông tuệ⁵, tốc tuệ, tiếp tuệ, lợi tuệ, quảng tuệ, thâm tuệ, xuất yếu tuệ, minh đạt tuệ, biện tài tuệ. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất thành tựu thật tuệ. Vì sao vậy? Vì ta nói sơ lược về bốn Thánh đế thế này, thì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất có thể vì người khác mà giáo hóa toàn diện, quán chiếu toàn diện, phân biệt, phơi mở, mở bày, thi thiết hiển thị, thú hướng.

“Khi Tỳ-kheo Xá-lợi-phất giáo hóa toàn diện, quán sát toàn diện, phân biệt, phơi mở, mở bày, thi thiết, hiển thị, thú hướng, làm cho vô lượng người đạt đến chính quán. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất có khả năng hướng dẫn bằng chính kiến vậy.

“Tỳ-kheo Mục-kiền-liên có khả năng làm cho đứng vững nơi chân tế tối thượng⁶, nghĩa là cứu cánh lậu tận. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất sinh ra các đồng phạm hạnh, cũng như sinh mẫu; Tỳ-kheo Mục-kiền-liên trưởng dưỡng các đồng phạm hạnh cũng như dưỡng mẫu. Do đó các đồng phạm hạnh nên phụng sự, cung kính cúng dường, lễ bái Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. Vì sao vậy? Vì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên mong cầu phước lợi và thiện ích, cũng cầu sự an ổn và khoái lạc cho các đồng phạm hạnh”.

Sau khi Đức Thế Tôn nói như vậy rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất tĩnh tọa. Lúc đó, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với các Tỳ-kheo:

“Này Chư Hiền, Đức Thế Tôn vì chúng ta mà xuất hiện thế gian, vì mọi người mà giáo hóa, khai thị toàn diện, phân biệt, phơi mở, mở bày, thi thiết, hiển thị, thú hướng bốn Thánh đế này.

“Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập, Khổ diệt, Khổ diệt đạo

⁴ Pāli: Các Tỳ-kheo hãy gần gũi Sāriputta (Xá-lợi-phất) và Moggallāna (Mục-kiền-liên), là những Tỳ-kheo thông tuệ...

⁵ Tán thán trí tuệ của ngài Xá-lợi-phất, bản này và No.32 giống nhau, chỉ khác về dịch ngữ. Về mười loại trí tuệ được kể ở đây, các bản Pāli chỉ kể có bảy (xem M. 111). Xem kinh 27 (Phạm chí Đà-niên).

⁶ Hán: *tối thượng chân tế* 最上真際. Pāli: *sāriputto sotāpattiphale vineti, moggallāno uttamathe*, “Xá-lợi-phất điều phục người nơi quả D ự lưu; Mục-kiền-liên dẫn đến mục đích cứu cánh.

Thánh đế.

“Này Chư Hiền, thế nào là Khổ Thánh đế? Đó là sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, oán tắng hội khổ, ái biệt ly khổ, [467c] sở cầu không toại khổ, tóm lại năm thủ uẩn là khổ⁷.

“Này Chư Hiền, nói sinh là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Này Chư Hiền, sinh là chúng sinh kia, với chủng loại sai biệt của chúng sinh kia, sinh thì sinh, xuất hiện thì xuất hiện, thành hình thì thành hình, hiện khởi⁸ năm uẩn, đã có mạng căn. Như vậy gọi là sinh.

“Này Chư Hiền, sinh là khổ, đó là chúng sinh khi sinh thân nhiếp thọ khổ, nhiếp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện⁹. Tâm nhiếp thọ khổ, nhiếp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Thân tâm nhiếp thọ khổ, nhiếp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Thân nhiếp thọ nóng bức, bức rức, lo buồn, nhiếp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Tâm nhiếp thọ nóng bức, bức rức, lo buồn, nhiếp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Thân tâm nhiếp thọ nóng bức, bức rức, lo buồn, nhiếp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Thân nhiếp thọ kịch liệt nóng bức, bức rức, lo buồn, nhiếp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Tâm nhiếp thọ kịch liệt nóng bức, bức rức, lo buồn, nhiếp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Thân tâm nhiếp thọ kịch liệt nóng bức, bức rức, lo buồn, nhiếp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Này Chư Hiền, vì lẽ ấy mà nói sinh là khổ.

“Này Chư Hiền, nói già là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Này Chư Hiền, già nghĩa là chúng sinh kia, với chủng loại sai biệt của chúng sinh kia, kẻ

⁷ Hán: *ngũ thanh ám khổ* 五盛陰苦. Pāli: *pañcupādānakkhandhā dukkhā*.

⁸ Hán: *sinh* 生, *xuất* 出, *thành* 成, *hưng khởi* 興起. Pāli: *jāti* (sinh), *sañjāti* (xuất sinh), *okkanti* (xuất hiện), *abhinibbatti* (sinh khởi), *khandhanāṇaṃ pātubhāvo* (hiển hiện năm uẩn), *āyatanāṇaṃ paṭilābho* (đạt được các căn). Bản Hán, có tám khổ; bản Pāli chỉ kể năm khổ: *jāti* (sinh), *jarā* (già), *marañam* (chết), *soka-parideva-dukkha-domanassupayāsā* (sầu bi khổ ưu não), *picchaṃ na labhati* (không đạt được mong cầu), *saṅkhittena pañcupādānakkhandhā dukkhā*.

⁹ Hán: *thân thọ khổ, thọ, biến thọ; giác, biến giác* 身受苦受遍受覺遍覺. Tham chiếu *Pháp uẩn* 6 (Đại 26, tr.480a): *Lãnh nạp nhiếp thọ, chủng chủng thân khổ sự* 領納攝受種種身苦事, lãnh nạp và nhiếp thọ mọi hình thái khổ khác nhau.

kia trở nên già yếu, đầu bạc răng rụng, sự cường tráng ngày càng suy yếu, thân còng, chân vẹo, cơ thể nặng nề, hơi thở đưa lên, phải chống gậy mà đi, thịt rút, da nhăn, xù xì như cây gai, các căn hư hoại, nhan sắc xấu xí. Như vậy gọi là già.

“Này Chư Hiền, già là khổ, là chúng sinh khi già thì thân nhiệt thọ khổ, nhiệt thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Tâm nhiệt thọ khổ, nhiệt thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Thân tâm nhiệt thọ khổ, nhiệt thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Thân nhiệt thọ nóng bức, bức rức, lo buồn, nhiệt thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Tâm nhiệt thọ nóng bức, bức rức, lo buồn, nhiệt thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Thân tâm nhiệt thọ nóng bức, bức rức, lo buồn, nhiệt thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Thân nhiệt thọ kịch liệt nóng bức, bức rức, lo buồn, nhiệt thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Tâm nhiệt thọ kịch liệt nóng bức, bức rức, lo buồn, nhiệt thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Thân tâm nhiệt thọ kịch liệt nóng bức, bức rức, lo buồn, nhiệt thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Này Chư Hiền, vì lẽ ấy mà nói già là khổ.

“Này Chư Hiền, nói bệnh là khổ; nói thể là vì lẽ gì? Này Chư Hiền, bệnh là đau đầu, mắt đau, tai đau, mũi đau, mặt đau, môi đau, răng đau, lưỡi đau, nướu đau, cổ đau, phong suyễn, ho hen, ói mửa, cứng họng, bệnh điên, bệnh động kinh, ung thư, mọc bướu, kinh nguyệt tràn, viêm đỏ, nóng hực, khô héo, bệnh trĩ, mụn nhọt, kiết lý, và tất cả những bệnh tương tự như vậy, từ xúc mà sinh ra, không rời khỏi tâm, ở ngay trong thân. Như vậy gọi là bệnh. Này Chư Hiền, bệnh khổ là: Chúng sinh khi bệnh thì thân nhiếp thọ khổ, nhiếp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Tâm nhiếp thọ khổ, nhiếp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Thân tâm nhiếp thọ khổ, nhiếp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Thân nhiếp thọ nóng bức, bức rức, lo buồn, nhiếp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Tâm nhiếp thọ nóng bức, bức rức, lo buồn, nhiếp thọ toàn diện; cảm thọ, [468a] cảm thọ toàn diện. Thân tâm nhiếp thọ nóng bức, bức rức, lo buồn, nhiếp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Thân nhiếp thọ kịch liệt nóng bức, bức rức, lo buồn, nhiếp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Tâm nhiếp thọ kịch liệt nóng bức, bức rức, lo buồn, nhiếp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Thân tâm nhiếp thọ kịch liệt nóng bức, bức rức, lo buồn, nhiếp thọ toàn diện; cảm thọ,

cảm thọ toàn diện. Nay Chư Hiền, vì lẽ ấy nói bệnh là khổ.

“Nay Chư Hiền, nói chết là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Nay Chư Hiền, chết là chúng sinh kia, với chủng loại sai biệt của chúng sinh kia, mạng chung, vô thường, chết chôn, tan rã, tuổi thọ chấm dứt, hủy hoại, mạng căn bế tắc, như vậy gọi là chết. Nay Chư Hiền, chết là khổ. Đó là chúng sinh khi chết, thân nhiếp thọ khổ, nhiếp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Tâm nhiếp thọ khổ, nhiếp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Thân tâm nhiếp thọ khổ, nhiếp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Thân nhiếp thọ nóng bức, bức rức, lo buồn, nhiếp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Tâm nhiếp thọ nóng bức, bức rức, lo buồn, nhiếp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Thân tâm nhiếp thọ nóng bức, bức rức, lo buồn, nhiếp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Thân nhiếp thọ kịch liệt nóng bức, bức rức, lo buồn, nhiếp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Tâm nhiếp thọ kịch liệt nóng bức, bức rức, lo buồn, nhiếp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Thân tâm nhiếp thọ kịch liệt nóng bức, bức rức, lo buồn, nhiếp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Nay Chư Hiền, vì lẽ ấy mà nói chết là khổ.

“Nay Chư Hiền, nói oán tắng hội là khổ¹⁰; nói thế là vì lẽ gì? Nay Chư Hiền, oán tắng hội, nghĩa là, chúng sinh thật có sáu nội xứ: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý xứ vốn không khả ái mà chúng cùng tụ hội ở một chỗ, có sự gắn bó, hòa hợp, tập hợp. Sự hòa hợp ấy là khổ. Cũng vậy các ngoại xứ, xúc, thọ, tưởng, tư, ái¹¹, cũng lại như vậy. Nay Chư Hiền, chúng sinh thật có sáu giới: đất, nước, lửa, gió, hư không và thức giới vốn không khả ái mà chúng cùng tụ hội ở một chỗ, có sự gắn bó, hòa hợp, tập hợp. Sự hòa hợp ấy là khổ.¹² Như vậy gọi là oán tắng hội khổ. Nay Chư Hiền, oán tắng hội là khổ, đó là chúng sinh khi có sự tụ hội của những thứ oán ghét, thân nhiếp thọ khổ, nhiếp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Tâm nhiếp thọ khổ, nhiếp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Thân tâm nhiếp thọ khổ, nhiếp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện.

¹⁰ Thù ghét mà tụ hội. Tì-bà-sa: phi ái hội khổ 非愛會苦. Bản Pāli không đề cập.

¹¹ Hán: canh lạc, giác, tưởng, tư, ái 更樂覺想思愛.

¹² Cf. *Tì-bà-sa* 78 (tr. 402b19): “khi cảnh không khả ái kết hợp với thân, bấy giờ các thứ khổ được dẫn sinh, đó là phi ái hội khổ.”

Này Chư Hiền, vì lẽ ấy mà nói oán tắng hội là khổ.

“Này Chư Hiền, nói ái biệt ly khổ¹³; nói thế là vì lẽ gì? Này Chư Hiền, ái biệt ly khổ, đó là chúng sinh thật có sáu xứ bên trong: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý xứ vốn khả ái, nhưng chúng phân tán thành khác biệt, không tương ứng, biệt ly không tụ hội, không gắn bó, không tập hợp, không hòa hợp, đó là khổ. Cũng vậy, các ngoại xứ: xúc, thọ, tưởng, tư, ái, cũng lại như vậy. Này Chư Hiền, chúng sinh quả thực có sáu giới: đất, nước, lửa, gió, hư không và thức giới vốn khả ái nhưng chúng phân tán thành khác biệt, không tương ứng, không gắn bó, không hòa hợp, không tập hợp, đó là khổ. Như vậy gọi là [468b] ái biệt ly. Này Chư Hiền, ái biệt ly là khổ nghĩa là chúng sinh khi xa cách nhau, thân nhiếp thọ khổ, nhiếp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Tâm nhiếp thọ khổ, nhiếp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Thân tâm nhiếp thọ khổ, nhiếp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Này Chư Hiền, vì lẽ ấy mà nói ái biệt ly khổ là khổ.

“Này Chư Hiền, nói sở cầu không toại là khổ¹⁴; nói thế là vì lẽ gì? Này Chư Hiền, nghĩa là chúng sinh lệ thuộc vào sinh pháp¹⁵, không thể lìa xa sinh pháp, nhưng lại ước muốn rằng: ‘Mong tôi không sinh ra’, điều ấy quả thật không thể muốn mà được. Với sự già, sự chết, sự ưu sầu, buồn lo mà ước muốn rằng: ‘Mong tôi không có buồn lo’. Điều ấy không thể muốn mà được. Này Chư Hiền chúng sinh nào thấy quả thật sinh là khổ, không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nghĩ nhớ, người ấy nghĩ thế này: ‘Nếu sự sinh của ta khổ, không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nghĩ nhớ, mong sao chuyển đổi nó thành đáng yêu, đáng nghĩ nhớ’. Điều đó không thể muốn mà được. Này Chư Hiền, chúng sinh nào thấy quả thật sinh là lạc đáng yêu, đáng nghĩ nhớ, người ấy nghĩ như vậy: ‘Nếu sự sinh của ta là lạc, đáng yêu, đáng nghĩ nhớ, mong sao nó là pháp thường hằng, vĩnh cửu và không biến dịch’. Điều ấy không thể muốn mà được.

“Này Chư Hiền, chúng sinh nào quả thật sinh tư tưởng¹⁶ mà không đáng

¹³ Bản Pāli không đề cập.

¹⁴ Pāli: *picchaṃ na labhati*.

¹⁵ Hán: *chúng sinh sinh pháp* 眾生生法. Pāli: *jātidhammānaṃ sattānaṃ* (...).

¹⁶ Hán: *thật sinh tư tưởng* 實生思想.

vui, không đáng yêu, không đáng nghĩ nhớ, người ấy suy nghĩ thế này: ‘Nếu ta sinh tư tưởng mà không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nghĩ nhớ, mong sao nó đổi thành mà đáng yêu, đáng nghĩ nhớ’. Điều ấy không thể muốn mà được. Nay Chư Hiền, chúng sinh nào quả thật sinh tư tưởng, đáng yêu, đáng nghĩ nhớ, người ấy nghĩ như vậy: ‘Nếu tư tưởng ta sinh ra đáng yêu, đáng nghĩ nhớ, mong sao nó là pháp thường hằng, vĩnh cửu và không biến dịch’. Điều ấy không thể muốn mà được. Nay Chư Hiền, vì lẽ ấy mà nói sở cầu bất đắc là khổ.

“Này Chư Hiền, nói lược năm thủ uẩn là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Đó là sắc thủ uẩn; thọ, tưởng, hành, thức thủ uẩn. Nay Chư Hiền, vì lẽ ấy mà nói năm thủ uẩn là khổ.

“Này Chư Hiền, thời quá khứ là Khổ Thánh đế; thời vị lai và hiện tại là Khổ Thánh đế. Đó là điều chắc thật không hư dối, không xa rời sự thật, cũng chẳng phải điên đảo, được thẩm sát một cách chắc thật. Những gì hợp với sự chắc thật như vậy, là sở hữu của Thánh, được nhận thức bởi Thánh, được thấu suốt bởi Thánh, được thấy bởi Thánh, là sự giác ngộ tối thượng chân chính của bậc Thánh. Do đó nói là Khổ Thánh đế.

“Cái gì là ái tập Khổ tập Thánh đế? Nghĩa là chúng sinh thật có sáu xứ tham ái bên trong: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân ý xứ.¹⁷ Trong đó nếu có ái, có cấu bản, có ô nhiễm, có đắm trước, [468c] đó gọi là tập.

“Này Chư Hiền, Đa văn Thánh đệ tử biết rằng: ‘Ta biết pháp như vậy, thấy như vậy, hiểu như vậy, nhận định như vậy và tri giác như vậy, đó là ái tập Khổ tập Thánh đế.

“Biết như vậy là biết như thế nào? Nếu có người tham ái vợ con, nô tỳ, kẻ sai bảo, quyến thuộc, ruộng đất, nhà cửa, quán xá, tài vật xuất vốn và lời lãi, tạo tác những nghiệp có ái, có cấu bản, có ô nhiễm, có trước, đó gọi là tập. Người kia biết ái tập Khổ tập Thánh đế này. Cũng vậy, ngoại xứ xúc, thọ, tưởng, hành, ái, cũng lại như vậy.

“Này Chư Hiền, chúng sinh quả thực có sáu giới tham ái: đất, nước, lửa, gió, hư không, thức giới, trong đó nếu có ái, có cấu bản, có ô nhiễm, có trước, đó gọi là tập.

¹⁷ Ái nội lục xứ 愛內六處, tức sáu ái thân. Cf. *Tập dị* 15, tr. 429b26. Cf. D. iii. 244: *cha tanhākāyā*.

“Này Chư Hiền, Đa văn Thánh đệ tử biết rằng ‘Ta biết pháp như vậy, thấy như vậy, hiểu như vậy, nhận định như vậy và tri giác như vậy, đó là ái tập Khổ tập Thánh đế.

“Biết như vậy là biết như thế nào? Nếu có người tham ái vợ con, nô tỳ, kẻ sai bảo, quyền thuộc, ruộng đất, nhà cửa, quán xá, tài vật xuất vốn và lời lãi, tạo tác những nghiệp có ái, có cấu bần, có nhiễm, có trước, đó gọi là tập. Người kia biết ái tập Khổ tập Thánh đế này. Thời quá khứ là khổ Thánh đế; thời vị lai và hiện tại là Khổ Thánh đế. Đó là điều chắc thật không hư dối, không xa rời sự thật, cũng chẳng phải điên đảo, được thẩm sát một cách chắc thật. Những gì hợp với sự chắc thật như vậy, là sở hữu của Thánh, được nhận thức bởi Thánh, được thấu suốt bởi Thánh, được thấy bởi Thánh, là sự giác ngộ tối thượng chân chính của bậc Thánh. Do đó nói là Khổ Thánh đế.

Này Chư Hiền, thế nào là ái diệt Khổ diệt Thánh đế? Nghĩa là chúng sinh thực có sáu xứ tham ái bên trong: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý xứ. Chúng sinh ấy giải thoát, không nhiễm, không đắm trước, đoạn bỏ hoàn toàn, vô dục, diệt tận, tĩnh tịch; đó gọi là Khổ diệt.

“Này Chư Hiền, Đa văn Thánh đệ tử biết rằng ‘Ta biết pháp như vậy, thấy như vậy, hiểu như vậy, nhận định như vậy và tri giác như vậy, đó là ái diệt Khổ diệt Thánh đế.

“Biết như vậy là biết như thế nào? Nếu có người nào không tham ái vợ con, nô tỳ, kẻ sai bảo, quyền thuộc, ruộng đất, nhà cửa, quán xá, tài vật xuất vốn và lời lãi, đó không phải là tạo tác nghiệp, người ấy nếu giải thoát, không nhiễm, không đắm trước, đoạn bỏ hoàn toàn, vô dục, diệt tận, tĩnh tịch; đó gọi là ái diệt, Khổ diệt Thánh đế. Cũng thế, ngoại xứ xúc, thọ, tưởng, tư, ái, cũng lại như vậy.

“Này Chư Hiền, chúng sinh quả thật có [469a] sáu giới tham ái: đất, nước, lửa, gió, hư không, thức giới; người ấy nếu giải thoát, không nhiễm, không đắm trước, đoạn bỏ hoàn toàn, vô dục, diệt tận, tĩnh tịch; đó gọi là ái diệt, Khổ diệt Thánh đế. Này Chư Hiền, Đa văn Thánh đệ tử biết rằng ‘Ta biết pháp như vậy, thấy như vậy, hiểu như vậy, nhận định như vậy và tri giác như vậy, đó là ái diệt Khổ diệt Thánh đế.

“Biết như vậy là biết như thế nào? Nếu có người nào không tham ái vợ con, nô tỳ, kẻ sai bảo, quyền thuộc, ruộng đất, nhà cửa, quán xá, tài vật xuất

vốn và lời lãi, đó không phải là tạo tác nghiệp, người ấy nếu giải thoát, không nhiễm, không đắm trước, đoạn bỏ hoàn toàn, vô dục, diệt tận, tịch tịnh; đó gọi là ái diệt, Khổ diệt Thánh đế. Thời quá khứ là khổ Thánh đế; thời vị lai và hiện tại là Khổ Thánh đế. Đó là điều chắc thật không hư dối, không xa rời sự thật, cũng chẳng phải điên đảo, được thẩm sát một cách chắc thật. Những gì hợp với sự chắc thật như vậy, là sở hữu của Thánh, được nhận thức bởi Thánh, được thấu suốt bởi Thánh, được thấy bởi Thánh, là sự giác ngộ tối thượng chân chính của bậc Thánh. Do đó nói là ái diệt Khổ diệt Thánh đế.

“Này Chư Hiền, thế nào là Khổ diệt đạo Thánh đế? Đó là chính kiến, chính tư duy¹⁸, chính ngữ, chính nghiệp, chính mạng, chính tinh tấn¹⁹, chính niệm và chính định.

“Này Chư Hiền, thế nào là chính kiến? Đó là khi vị Thánh đệ tử khi suy niệm về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo,²⁰ hoặc quán sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tĩnh. Hoặc khi bằng suy niệm không nhiễm trước mà quán sát²¹ tâm hoàn toàn giải thoát, trong đó là sự giản trạch, giản trạch toàn diện, giản trạch quyết định, giản trạch pháp, nhận định, toàn diện nhận định, quán sát minh đạt. Đó là chính kiến²².

“Này Chư Hiền, thế nào là chính tư duy? Đó là khi vị Thánh đệ tử suy niệm về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo; hoặc quán sát về sự

¹⁸ Nguyên-Hán: *chính chí* 正志.

¹⁹ Nguyên-Hán: *chính phương tiện* 正方便.

²⁰ Pl.: *katamā sammādiṭṭhi? dukkhe ñāṇaṃ, dukkhasamudaye ñāṇaṃ, dukkhanirodhe ñāṇaṃ, dukkhanirodhagmāṇiyā paṭiāḍāya ñāṇaṃ*, chính kiến là gì? khổ trí, tập tria, diệt trí, đạo trí.

²¹ Vô trước niệm quán thiện tâm giải thoát 無著念觀善心解脫. Tham chiếu Pháp Uẩn 6 (Đại 26, tr.481c): *Vô lậu tác ý tương ưng* (ư pháp giản trạch), (sự giản trạch pháp) tương ưng với tác ý vô lậu.

²² Hán: trạch, biến trạch, quyết trạch, trạch pháp; thị, biến thị, quán sát minh đạt 擇, 遍擇, 決擇, 擇法; 視, 遍視, 觀察明達. Tham chiếu *Pháp uẩn 6* (tr.481c): (ư pháp) giản trạch, cực giản trạch, tối cực giản trạch; liễu, biến liễu, cận liễu; cơ hiệt, thông đạt, thẩm sát, thông duệ, giác minh tuệ hành (於法) 簡擇, 極簡擇, 最極簡擇; 了, 遍了, 近了; 機點, 通達, 審察, 聰叡, 覺明慧行.

tạo tác trước kia của mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tĩnh; hoặc khi bằng suy niệm không nhiễm trước mà quán sát tâm hoàn toàn giải thoát, trong đó là sự tư sát, tư sát toàn diện, tùy thuận tư sát, điều nào nên niệm thì niệm, điều nào nên hy vọng thì hy vọng²³. Đó là chính tư duy.

“Này Chư Hiền, thế nào là chính ngữ? Đó là khi vị Thánh đệ tử suy niệm về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo; hoặc quán sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tĩnh; hoặc khi bằng suy niệm không nhiễm trước mà quán sát tâm hoàn toàn giải thoát, trong đó ngoài bốn diệu hành thuộc miệng, còn các ác hành khác nơi miệng đều viễn ly, đoạn trừ, không hành, không tạo tác, không tập hợp và không tụ hội. Đó là chính ngữ.

[469b] “Này Chư Hiền, thế nào là chính nghiệp? Đó là khi vị Thánh đệ tử suy niệm về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo; hoặc quán sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tĩnh; hoặc khi bằng suy niệm không nhiễm trước mà quán sát tâm hoàn toàn giải thoát, trong đó ngoài ba diệu hành thuộc thân, còn các ác hành khác nơi thân đều viễn ly, đoạn trừ, không hành, không tạo tác, không tập hợp và không tụ hội. Đó là chính nghiệp.

“Này Chư Hiền, thế nào là chính mạng? Đó là khi vị Thánh đệ tử suy niệm về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo; hoặc quán sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tĩnh; hoặc khi bằng suy niệm không nhiễm trước mà quán sát tâm hoàn toàn giải thoát, trong đó phải là mong cầu vô lý, không do nhiều tham dục mà không biết vừa đủ, không làm các thứ xảo quyết bùa chú, để sinh sống bằng tà mạng. Chỉ theo chính pháp mà mong cầu y phục, chớ không phải với phi pháp, cũng theo chính pháp để mong cầu thực phẩm, giường

²³ Hán: tứ, biến tứ, tùy thuận tứ... khả niệm... khả vọng 伺, 遍伺, 隨順伺... 可念... 可望. Tham chiếu *Pháp uẩn 6* đđ trên: tư duy... tâm cầu... suy mịch... linh tâm ư pháp thô động nhi chuyển 思惟... 尋求... 推覓... 令心於法粗動而轉.

chõng, chớ không phải với phi pháp. Đó là chính mạng.

“Này Chư Hiền, thế nào là chính tinh tấn? Đó là khi vị Thánh đệ tử suy niệm về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo; hoặc quán sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tĩnh; hoặc khi bằng suy niệm không nhiễm trước mà quán sát tâm hoàn toàn giải thoát, trong đó, nếu có phương tiện tinh tấn thì quả quyết, tinh cần để mong cầu, có khả năng để thú hưởng, chuyên chú không xả bỏ, cũng không suy thoái, quyết định hàng phục tâm mình. Đó là chính tinh tấn.

“Này Chư Hiền, thế nào là chính niệm? Đó là khi vị Thánh đệ tử suy niệm về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo; hoặc quán sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tĩnh; hoặc khi bằng suy niệm không nhiễm trước mà quán sát tâm hoàn toàn giải thoát, trong đó, nếu tâm tùy thuận niệm, phản chiếu giải thoát niệm²⁴, suy niệm, biến mãn suy niệm, liên tục ức niệm, tâm niệm không xao lãng. Đó là chính niệm.

“Này Chư Hiền, thế nào là chính định? Đó là khi vị Thánh đệ tử suy niệm về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo; hoặc quán sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tĩnh; hoặc khi bằng suy niệm không nhiễm trước mà quán sát tâm hoàn toàn giải thoát, trong đó, nếu tâm trụ, thiền trụ, thuận trụ, không loạn, không tán, chuyên nhất²⁵. Đó là chính định.

“Này Chư Hiền, thời quá khứ là Khổ diệt đạo Thánh đế; [489c] thời vị lai và hiện tại là Khổ diệt đạo Thánh đế. Đó là điều chắc thật không hư dối, không xa rời sự thật, cũng chẳng phải điên đảo, được thẩm sát một cách chắc thật. Những gì hợp với sự chắc thật như vậy, là sở hữu của Thánh, được nhận thức bởi Thánh, được thấu suốt bởi Thánh, được thấy bởi Thánh, là sự giác ngộ tối thượng chân chính của bậc Thánh. Do đó nói Khổ diệt đạo Thánh đế”.

²⁴ Hán: *bối bất hướng niệm* 背不向念; chính niệm liên hệ đến tám bối xả hay tám giải thoát.

²⁵ *Nhiếp chỉ* 攝止; được hiểu là *tâm nhất cảnh tánh*: tâm và cảnh lhiệp nhất.

Rồi ngài nói bài tụng rằng:

*Phật thấu triệt các pháp,
Thấy vô lượng thiện đức,
Khổ, tập, diệt, đạo để,
Khéo hiển hiện phân biệt.*

Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết, hoan hỷ phụng hành.²⁶



PHẨM 4: PHÁP VỊ TĂNG HỮU TỤNG NGÀY THỨ NHẤT

未曾有・侍者 薄拘・阿修羅
地動・及瞻波 郁伽・手各二

Kệ tóm tắt:
Vị tăng hữu, Thị giả,
Bạc-câu, A-tu-la,
Địa động, và Chiêm-ba,
Úc-già, Thủ, đều hai.

- 32. KINH VỊ TĂNG HỮU PHÁP
- 33. KINH THỊ GIẢ
- 34. KINH BẠC-CÂU-LA
- 35. KINH A-TU-LA
- 36. KINH ĐỊA ĐỘNG
- 37. KINH CHIÊM-BA
- 38. KINH ÚC-GIÀ TRƯỞNG GIẢ (I)
- 39. KINH ÚC-GIÀ TRƯỞNG GIẢ (II)
- 40. KINH THỦ TRƯỞNG GIẢ (I)
- 41. KINH THỦ TRƯỞNG GIẢ (II)

²⁶ Bản Hán, hết quyển 7.

32. KINH VỊ TĂNG HỮU PHÁP

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm Lâm Lâm vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, vào lúc xế chiều, Tôn giả A-nan rời tĩnh tọa đứng dậy, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ chân Phật, rồi đứng qua một bên, thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, con nghe rằng,¹ Đức Thế Tôn vào thời Phật Ca-diệp bắt đầu phát nguyện Phật đạo, tu hành phạm hạnh. Nếu Thế Tôn vào thời Phật Ca-diệp bắt đầu phát nguyện Phật đạo, tu hành phạm hạnh; con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Thế Tôn.

“Con nghe rằng, Đức Thế Tôn vào thời Phật Ca-diệp bắt đầu phát nguyện Phật đạo, tu hành phạm hạnh và sinh lên cõi trời Đâu-suất. Nếu Đức Thế Tôn vào thời Phật Ca-diệp bắt đầu phát nguyện Phật đạo, tu hành phạm hạnh và sinh lên cõi trời Đâu-suất; con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Đức Thế Tôn.

“Con nghe rằng, Đức Thế Tôn vào thời Phật Ca-diệp² [470a] bắt đầu phát nguyện Phật đạo, tu hành phạm hạnh và sinh lên cõi trời Đâu-suất. Thế Tôn sinh lên sau nhưng có ba việc thù Thắng Lâm hơn các vị trời sinh trước. Đó là thọ mạng, dung sắc và vinh dự nhà trời. Do đó nên các vị trời Đâu-suất vui mừng hơn hờ, tán thán rằng: ‘Kỳ diệu thay, hy hữu thay, vị Thiên tử này có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần. Vì sao vậy? Vì vị ấy sinh đến đây sau nhưng có ba việc thù Thắng Lâm hơn những vị trời Đâu-suất đã sinh đến trước; đó là thọ mạng, dung sắc và vinh dự nhà trời. Nếu Đức Thế Tôn vào thời Phật Ca-diệp bắt đầu phát nguyện Phật đạo, tu hành phạm hạnh và sinh lên cõi trời Đâu-suất. Thế Tôn sinh lên sau nhưng có ba việc thù Thắng Lâm hơn các vị trời sinh trước. Đó là thọ mạng, dung sắc và vinh dự nhà trời. Do đó nên các vị trời Đâu-suất vui mừng hơn hờ, tán thán rằng: ‘Kỳ diệu thay, hy hữu thay, vị thiên tử này có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần. Vì sao vậy? Vì vị ấy sinh đến đây sau nhưng có ba việc thù Thắng Lâm hơn những vị trời Đâu-suất đã sinh đến trước;

¹ M 123 (iii.119): A-nan tự thân nghe từ chính đức Phật nói, cho đến đoạn cuối.

² M 123 không đề cập.

đó là thọ mạng, dung sắc và vinh dự nhà trời. Thế thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Đức Thế Tôn.

“Con nghe rằng, Đức Thế Tôn mạng chung ở trời Đâu-suất, biết sẽ vào thai mẹ, lúc ấy chấn động tất cả đất trời, có ánh sáng vi diệu quang đại chiếu khắp thế gian cho đến chỗ u tối, cũng không có gì ngăn che được; nghĩa là nơi nào mặt trời, mặt trăng này dù có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, cũng không chiếu rọi ánh sáng đến được, thì tất cả nơi ấy đều được chiếu ngời. Chúng sinh ở các nơi ấy do thấy ánh sáng nhiệm màu này đều mỗi mỗi phát sinh nhận thức rằng: ‘Có một chúng sinh kỳ diệu, hy hữu ra đời! Có một chúng sinh kỳ diệu, hy hữu ra đời!’ Nếu Đức Thế Tôn mạng chung ở trời Đâu-suất, biết sẽ vào thai mẹ, lúc ấy chấn động tất cả đất trời, có ánh sáng vi diệu quang đại chiếu khắp thế gian cho đến chỗ u tối, cũng không có gì ngăn che được; nghĩa là nơi nào mặt trời, mặt trăng này dù có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, cũng không chiếu rọi ánh sáng đến được, thì tất cả nơi ấy đều được chiếu ngời. Chúng sinh ở các nơi ấy do thấy ánh sáng nhiệm màu này đều mỗi mỗi phát sinh nhận thức rằng: ‘Có một chúng sinh kỳ diệu, hy hữu ra đời! Có một chúng sinh kỳ diệu, hy hữu ra đời!’ Thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Đức Thế Tôn.

“Con nghe rằng, Đức Thế Tôn biết mình trụ trong thai mẹ, tựa vào hông bên phải. Nếu Đức Thế Tôn biết mình trụ trong thai mẹ, tựa vào hông bên phải, thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu này của Đức Thế Tôn.

“Con nghe rằng, Đức Thế Tôn hình thể duỗi dài⁴ trụ trong thai mẹ. Nếu Đức Thế Tôn hình thể duỗi dài trụ trong thai mẹ, [470b] thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Đức Thế Tôn.

“Con nghe rằng, Đức Thế Tôn, được bao che, trụ trong thai mẹ, không bị máu bắn làm cho cấu ứ, cũng không bị tinh khí các thứ bất tịnh khác làm cho cấu ứ. Nếu Đức Thế Tôn, được bao che, trụ trong thai mẹ, không bị máu bắn làm cho cấu ứ, cũng không bị tinh khí bất tịnh

³ Pāli: *aññe pi kira, bho, santi sattā idhūpapannā ti*, “Này bạn, có những chúng sinh khác xuất hiện ở đây”.

⁴ Hán: *thư thể* 舒體, hình thể duỗi dài, hay thư thối?

khác làm cho cầu uest; thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Đức Thế Tôn.

“Con nghe rằng, Đức Thế Tôn biết mình ra khỏi thai mẹ, lúc ấy chấn động tất cả đất trời, có ánh sáng vi diệu quảng đại chiếu khắp thế gian cho đến chỗ u tối, cũng không có gì ngăn che được; nghĩa là nơi nào mặt trời, mặt trăng này dù có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, cũng không chiếu rọi ánh sáng đến được, thì tất cả nơi ấy đều được chiếu ngời. Chúng sinh ở các nơi ấy do thấy ánh sáng nhiệm màu này đều mỗi mỗi phát sinh nhận thức rằng: ‘Có một chúng sinh kỳ diệu, hy hữu ra đời! Có một chúng sinh kỳ diệu, hy hữu ra đời!’ Nếu Đức Thế Tôn biết mình ra khỏi thai mẹ, lúc ấy chấn động tất cả đất trời, có ánh sáng vi diệu quảng đại chiếu khắp thế gian cho đến chỗ u tối, cũng không có gì ngăn che được; nghĩa là nơi nào mặt trời, mặt trăng này dù có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, cũng không chiếu rọi ánh sáng đến được, thì tất cả nơi ấy đều được chiếu ngời. Chúng sinh ở các nơi ấy do thấy ánh sáng nhiệm màu này đều mỗi mỗi phát sinh nhận thức rằng: ‘Có một chúng sinh kỳ diệu, hy hữu ra đời! Có một chúng sinh kỳ diệu, hy hữu ra đời!’ Thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Đức Thế Tôn.

“Con nghe rằng, Đức Thế Tôn thân thể duỗi dài⁵ mà ra khỏi thai mẹ. Nếu Đức Thế Tôn thân thể duỗi dài mà ra khỏi thai mẹ thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu này của Đức Thế Tôn.

“Con nghe rằng, Đức Thế Tôn được bao che khi ra khỏi thai mẹ, không bị máu bắn làm cho cầu uest, cũng không bị tinh khí và các vật bất tịnh khác làm cho cầu uest. Nếu Đức Thế Tôn được bao che khi ra khỏi thai mẹ, không bị máu bắn làm cho cầu uest, cũng không bị tinh khí và các thứ bất tịnh khác làm cho cầu uest; thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu này của Đức Thế Tôn.

“Con nghe rằng, khi Đức Thế Tôn mới sinh ra, có bốn vị thiên tử, tay cầm tám vải rất mịn đứng trước thai mẹ, làm cho người mẹ hoan hỷ, tán thán rằng: “Đồng tử này rấy kỳ diệu, rất hy hữu, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần’. Nếu như Đức Thế Tôn mới

⁵ Xem [cht.4](#) trên.

sinh ra, có bốn vị thiên tử, tay cầm tám vải rất mịn đứng trước thai mẹ, làm cho người mẹ hoan hỷ, tán thán rằng: “Đồng tử này rấy kỳ diệu, rất hy hữu, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hữu, có đại oai thần’. Thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu này của Đức Thế Tôn.

“Con nghe rằng, khi Đức Thế Tôn vừa mới sinh ra, liền đi bảy bước không khiếp sợ, không kinh hãi, [470c] quan sát các phương. Nếu Thế Tôn vừa mới sinh ra, liền đi bảy bước không khiếp sợ, không kinh hãi, quan sát các phương; thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu này của Đức Thế Tôn.

“Con nghe rằng, khi Đức Thế Tôn vừa mới sinh ra, thì ngay phía trước người mẹ bỗng hiện một hồ nước lớn, nước đầy tràn bờ, làm cho người mẹ ở nơi ấy được thọ dụng thanh tịnh. Nếu Thế Tôn vừa mới sinh ra, thì ngay phía trước người mẹ bỗng hiện một hồ nước lớn, nước đầy tràn bờ, làm cho người mẹ ở nơi ấy được thọ dụng thanh tịnh; con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Đức Thế Tôn.

“Con nghe rằng, khi Đức Thế Tôn vừa mới sinh ra, từ trên hư không nước mưa rơi xuống, một ấm, một lạnh, để tắm thân thể của Thế Tôn. Nếu khi Đức Thế Tôn vừa mới sinh ra, từ trên hư không nước mưa rơi xuống, một ấm, một lạnh, để tắm thân thể của Thế Tôn; con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Đức Thế Tôn.

“Con nghe rằng, khi Đức Thế Tôn vừa mới sinh ra, Chư Thiên ở trên hư không tấu lên âm nhạc của trời; hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen đỏ, hoa sen trắng và hoa văn-đà-la của trời, và bột hương chiên-đàn được rải lên Đức Thế Tôn. Nếu khi Đức Thế Tôn vừa mới sinh ra, Chư Thiên ở trên hư không tấu lên âm nhạc của trời; hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen đỏ, hoa sen trắng và hoa văn-đà-la của cõi trời, và bột hương chiên-đàn được rải lên Đức Thế Tôn; con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Đức Thế Tôn.

“Con nghe rằng, Đức Thế Tôn,⁶ ở tại nhà của cha là Bạch Tịnh vương, vào một ngày đi dự lễ hạ điền, ngồi dưới gốc cây diêm-phù, ly dục, ly ác bất thiện pháp, có tâm có tứ, có hỷ lạc phát sinh do viễn ly, nhập Sơ thiền, thành tựu và an trụ. Bấy giờ là buổi xế, tất cả bóng của các cây

⁶ M. 123: A-nan chỉ kể cho đến khi Bồ tát giáng sinh xong là hết

khác đều đã ngã dần, chỉ có cây diêm-phù là bóng cây không ngã, che mát thân của Đức Thế Tôn. Lúc đó, Thích Bạch Tịnh đến quan sát công tác hạ điền, đi đến chỗ người làm ruộng hỏi rằng: ‘Này nông phu, Vương tử ở chỗ nào?’

Người ấy trả lời rằng: ‘Vương tử⁷ hiện đang ở dưới gốc cây diêm-phù.’ Rồi Thích Bạch Tịnh đi đến cây diêm-phù, bây giờ là xế trưa. Thích Bạch Tịnh thấy bóng của tất cả các cây khác đều đã ngã, chỉ có bóng cây diêm-phù là không ngã, để che mát thân thể của Thế Tôn, liền nghĩ như vậy: ‘Vương tử này thật là kỳ diệu, rất hy hữu, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần. Vì sao thế? Vì vào lúc xế trưa tất cả các bóng cây đều ngã, chỉ có bóng cây diêm-phù là không ngã, để che mát thân của Vương tử’. Nếu vào buổi xế trưa tất cả cây đều ngã bóng, chỉ có bóng cây diêm-phù không ngã, [471a] để che mát thân thể của Đức Thế Tôn; con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Đức Thế Tôn.

“Con nghe rằng có một thời Đức Thế Tôn trú tại Tì-xá-li, trong Đại lâm. Bây giờ, khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, Đức Thế Tôn khoác y cầm bát vào thành Tì-xá-li khát thực. Sau khi khát thực xong, xếp y, cất bát, rửa tay chân, vắt ni-sur-dần lên vai, đi vào rừng, đến dưới một gốc cây đa-la, trải ni-sur-dần, ngồi kiết-già. Bây giờ là lúc xế bóng, tất cả các bóng cây khác đều ngã, chỉ có bóng cây đa-la là không ngã để che mát thân thể của Đức Thế Tôn. Bây giờ vào lúc xế bóng, Thích Ma-ha-nam⁸ ung dung đi đến Đại lâm. Thích Ma-ha-nam thấy rằng, vào buổi xế, tất cả bóng cây đều ngã chỉ trừ bóng cây đa-la là không ngã để che mát thân thể của Đức Thế Tôn, liền nghĩ như vậy: ‘Sa-môn Cù-đàm rất là kỳ diệu, rất là hy hữu, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần. Vì sao vậy? Vì vào buổi xế, tất cả bóng cây đều ngã, chỉ có bóng cây đa-la là không ngã để che mát thân thể Cù-đàm’. Nếu lúc xế bóng, tất cả các bóng cây khác đều ngã, chỉ có bóng cây đa-la là không ngã để che mát thân thể của Đức Thế Tôn; con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Đức Thế Tôn.

⁷ Hán: *thiên đồng tử* 天童子.

⁸ Thích Ma-ha-nam 釋摩訶南. Có lẽ đây là Mahānāma của dòng họ Licchavi ở Vesālī, chứ không phải Mahānāma dòng họ Thích ở Kapilavatthu, con trai Amitodāna (Cam Lộ Phạn vương). Tham khảo Pāli, A. iii 75ff.

“Con nghe rằng, một thời Thế Tôn trú tại nước Tì-xá-li, trong Đại lâm. Bấy giờ các Tỳ-kheo để bát ngoài chỗ đất trống, bát của Thế Tôn cũng có trong số ấy, có một con khỉ ôm bát của Thế Tôn mà đi. Các thầy Tỳ-kheo la ó, sợ nó làm bể bát của Thế Tôn. Nhưng Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng: ‘Hãy để yên. Hãy để yên. Đừng la. Nó không làm bể bát đâu’. Thế rồi khỉ ôm bát của Thế Tôn mà đi, đến một cây sa-la, chậm rãi leo lên, lấy đầy bát mật nơi cây sa-la, rồi chậm rãi leo xuống, trở về chỗ Đức Phật, đem dâng bát mật ấy lên Đức Phật. Đức Thế Tôn không thọ nhận. Lúc ấy khỉ liền ôm bát qua một bên, dùng đũa gấp bỏ sâu. Sau khi nhặt bỏ sâu, nó ôm bát trở lại dâng lên Thế Tôn. Thế Tôn lại không nhận. Khi lại ôm qua một bên, múc nước đổ vào trong mật, rồi ôm trở lại dâng lên Thế Tôn. Thế Tôn liền thọ nhận. Khi thấy Thế Tôn lấy bát mật rồi liền vui mừng hơn hờ, múa may nhảy nhót rồi bỏ đi. Nếu Đức Thế Tôn khiến con khỉ kia, khi thấy Đức Thế Tôn lấy bát mật rồi vui mừng hơn hờ múa may nhảy nhót, rồi đi; con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Đức Thế Tôn.

“Con nghe rằng một thời Đức Thế Tôn trú Tì-xá-li, ở tại ngôi nhà sàn⁹, bên bờ ao Di hầu. [471b] Bấy giờ Thế Tôn đang phơi tọa cụ, rũ bụi, phủi đất. Lúc ấy có một đám mây đến trái thời che kín khắp hư không muốn mưa nhưng dừng lại chờ Đức Thế Tôn phơi tọa cụ, rũ bụi, phủi đất, xếp cất một nơi, rồi mang cất chổi; vào đứng trong nền nhà. Bấy giờ đám mây lớn ấy thấy Đức Thế Tôn xếp cất tọa cụ rồi mới đổ mưa xuống rất lớn, từ cao cho đến thấp, nước ngập tràn lai láng. Nếu Đức Thế Tôn làm cho đám mây lớn kia thấy Thế Tôn xếp cất tọa cụ rồi, mới mưa xuống thật to và từ đất cho đến thấp nước ngập tràn lai láng; con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Đức Thế Tôn.

“Con nghe một thời Đức Thế Tôn trú tại Bạt-kỳ¹⁰, ngồi dưới cây Sa-la Thọ vương, trong rừng Ôn tuyên. Bấy giờ là buổi xế trưa, tất cả bóng cây khác đều ngả, chỉ trừ bóng cây Sa-la Thọ vương là không ngả, để che mát thân thể Đức Thế Tôn. Khi ấy chủ vườn La-ma đi dạo xem vườn, thấy rằng vào buổi xế, tất cả bóng cây khác đều ngả, chỉ trừ bóng cây Sa-la

⁹ Cao lâu đài quán 高樓臺觀. Pāli: Kūṭāgārasālā, ngôi nhà sàn, giảng đường Trùng các, trong Đại lâm (Mahāvana), Vesālī.

¹⁰ Bạt-kỳ 跋耆, tên chủng tộc và cũng là tên nước. Pāli: Vajji.

Thọ vương là không ngả để che mát thân thể của Thế Tôn, liền nghĩ như vậy: ‘Sa-môn Cù-đàm thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần. Vì sao vậy? Vì sao buổi xế tất cả bóng cây khác đều ngả, chỉ trừ cây Sa-la thọ vương là không ngả bóng để che mát thân thể của Sa-môn Cù-đàm. Nếu Đức Thế Tôn vào buổi xế tất cả bóng cây khác đều ngả, chỉ trừ bóng cây Sa-la Thọ vương là không ngả để che mát thân thể của Thế Tôn; con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Đức Thế Tôn.

“Con nghe rằng có một thời Đức Thế Tôn ở trong miếu thần A-phù¹¹. Bấy giờ khi đêm đã tàn, vào lúc sáng sớm, Đức Thế Tôn khoác y ôm bát vào thôn A-phù để khát thực. Sau khi khát thực xong, xếp y, cất bát, rửa chân tay xong, Ngài vắt ni-sur-đàn lên vai, vào miếu thần ngồi thiền tịnh. Bấy giờ trời mưa đá rất to; sấm sét đánh chết bốn con trâu và hai người cày. Lúc chôn cất hai người chết ấy, đám đông ồn ào, âm thanh cao và to, tiếng dội chấn động. Bấy giờ vào lúc xế chiều, Đức Thế Tôn rời chỗ ngồi tĩnh tọa đứng dậy, từ trong miếu thần đi ra, đến chỗ đất trống để kinh hành. Trong đám đông có một người thấy Đức Thế Tôn vào lúc xế trưa rời chỗ tĩnh tọa đứng dậy, ở trong miếu thần đi ra, đến chỗ đất trống để kinh hành, liền đi đến chỗ Phật cúi đầu làm lễ rồi đi kinh hành theo sau Đức Phật. Đức Phật thấy người ấy ở phía sau nên hỏi rằng: ‘Vì có gì mà đám đông ồn ào, âm thanh cao và to, tiếng dội chấn động vậy?’ Người ấy thưa rằng: ‘Bạch Thế Tôn khi trưa, [471c] trời mưa đá rất to; sấm sét đánh chết bốn con bò và hai người cày. Lúc chôn cất hai người chết ấy, đám đông ồn ào, âm thanh cao và to, tiếng dội chấn động. Bạch Thế Tôn vừa rồi Ngài không nghe gì hết sao?’ Thế Tôn trả lời rằng: ‘Ta không nghe các âm thanh ấy’. Lại hỏi rằng: ‘Vừa rồi Ngài ngủ hay sao?’ Thế Tôn trả lời: ‘Không phải’. Lại hỏi Đức Thế Tôn: ‘Lúc ấy Ngài tỉnh mà không nghe các âm thanh ấy sao?’ Thế Tôn đáp: ‘Quả thật vậy’. Bấy giờ người kia liền suy nghĩ rằng: ‘Rất là kỳ diệu, rất là hy hữu, sở hành của Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, rất là vắng lặng, rất là tịch tĩnh. Vì sao vậy? Vì lúc tỉnh mà vẫn không nghe các âm thanh to lớn ấy. Nếu Đức Thế Tôn tỉnh thức mà vẫn không nghe các âm

¹¹ A-phù 阿浮. Pāli: Ātumā. Từ đoạn này trở xuống, tham chiếu, No.1(2), Kinh số 2 (Du Hành).

thanh to lớn ấy; con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Đức Thế Tôn.

“Con nghe rằng, một thời Đức Phật trú tại Uất-tì-la¹² bên bờ sông Ni-liên-nhiên¹³, ngồi dưới cây A-xà-hòa-la ni-câu-loại¹⁴, lúc mới chứng đắc Phật đạo. Bấy giờ mưa lớn đến bảy ngày, từ cao đến thấp đều bị ngập nước, từng luồng nước lớn chảy xoáy ngang dọc, trong vùng đất trống đó, Đức Thế Tôn đi kinh hành, đến nơi nào thì nơi đấy có bụi bay lên. Nếu Đức Thế Tôn ở trong vùng có luồng nước xoáy ngang dọc, mà đi kinh hành, đến chỗ nào thì chỗ ấy có bụi bay lên; con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Đức Thế Tôn.

“Con nghe rằng Ma vương trong suốt sáu năm theo Phật để tìm chỗ sở đoản mà không được, liền chán nản nên bỏ về. Nếu Đức Thế Tôn bị Ma vương trong suốt sáu năm theo tìm chỗ sở đoản mà không được, liền chán nản nên bỏ về; con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Đức Thế Tôn.

“Con nghe rằng Đức Thế Tôn, trong suốt bảy năm suy niệm về thân, luôn luôn suy niệm không gián đoạn. Nếu Đứsinh Tôn trong suốt bảy năm suy niệm về thân, luôn luôn không gián đoạn; con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Đức Thế Tôn.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo rằng:

“Này A-nan, người hãy nghe Như Lai nói mà thọ trì thêm pháp vị tăng hữu này nữa. Này A-nan, Như Lai biết thọ sinh, biết trụ, biết diệt, luôn luôn biết, chẳng có lúc nào chẳng biết. Này A-nan, Như Lai biết tư và tưởng sinh, biết trụ, biết diệt, luôn luôn biết. Không lúc không biết. Cho nên, này A-nan hãy nên từ nơi Như Lai mà thọ trì thêm pháp vị tăng hữu này.”

Đức Thế Tôn thuyết như vậy. Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo, sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



¹² Uất-tì-la 鬱鞞羅. Pāli: Uruvelā.

¹³ Ni-liên-nhiên 尼連然 (Ni-liên-thiên) Pāli: Nerañjarā.

¹⁴ A-xà-hòa-la Ni-câu-loại 阿闍和羅尼拘類. Pāli: Ajapāla-Nigrodha, cây Bồ-đề.

33. KINH THỊ GIẢ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại thành Vương xá.

Bấy giờ, có các đại đệ tử, là các Tỳ-kheo Trưởng lão Thượng tôn Danh đức, được nhiều người biết đến; đó là Tôn giả Câu-lân-nhã¹, [472a] A-nhiếp-bối², Tôn giả Thích-ca Vương Bạt-đề³, Tôn giả Ma-ha-nam Câu-lệ⁴, Tôn giả Hòa-phá⁵, Tôn giả Da-xá⁶, Tôn giả Bân-nậu⁷, Tôn giả Duy-ma-la⁸, Tôn giả Già-hòa-ba-đề⁹, Tôn giả Tu-đà-da¹⁰, Tôn giả Xá-lợi-phất¹¹, Tôn giả A-na-luật-đà¹², Tôn giả Nan-đề¹³, Tôn giả Kim-tì-la¹⁴, Tôn giả Lệ-bà-đá¹⁵, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên¹⁶, Tôn giả Đại Ca-diếp¹⁷, Tôn giả Đại Câu-hi-la¹⁸, Tôn giả Đại Châu-na¹⁹, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên²⁰, Tôn

¹ Câu-lân-nhã 拘鄰若 (Añña-Koṇḍañña).

² A-nhiếp-bối 阿攝貝 (Assaji).

³ Thích-ca Vương Bạt-đề 釋迦王跋提 (Bhaddiya), nguyên là Vua họ Thích-ca.

⁴ Ma-ha-nam Câu-lệ 摩訶男拘隸 (Mahānāma Kolita).

⁵ Hòa-phá 嚧破 (Vappa).

⁶ Da-xá 耶舍 (Yasa).

⁷ Bân-nậu 邠耨 (Punṇa).

⁸ Duy-ma-la 維摩羅 (Vimala).

⁹ Già-hòa-ba-đề 伽嚧波提 (Gavampati).

¹⁰ Tu-đà-da 須陀耶.

¹¹ Xá-lợi-phất 舍梨子 (Sāriputta).

¹² A-na-luật-đà 阿那律陀 (Anurudha).

¹³ Nan-đề 難提 (Nandiya).

¹⁴ Kim-tì-la 金毘羅 (Kimbila).

¹⁵ Lệ-bà-đá 隸婆哆 (Revata).

¹⁶ Đại Mục-kiền-liên 大目犍連 (Mahā-Moggallāna).

¹⁷ Đại Ca-diếp 大迦葉 (Mahā-Kassapa).

¹⁸ Đại Câu-hi-la 大拘絺羅 (Mahā-Koṭṭhita).

¹⁹ Đại Châu-na 大周那 (Mahā-Cunda).

²⁰ Đại Ca-chiên-diên 大迦旃延 (Mahā-Kaccāyana).

già Bân-nậu-da-nậu-tả trưởng lão²¹, Tôn giả Da-xá Hành Trù trưởng lão²², rất nhiều các vị Tỳ-kheo Trưởng lão Thượng tôn Danh đức, đại đệ tử, được mọi người biết đến, tương tự như vậy, cũng ở thành Vương Xá. Tất cả đều trú gần ngôi nhà lá của Phật.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng:

“Hiện nay tuổi của Ta đã già; thân thể ngày càng suy yếu, tuổi thọ đã quá già rồi, nên Ta cần có thị giả. Các thầy hãy cử cho Ta một thị giả, làm sao để chăm sóc Ta, xứng ý chứ không phải không xứng ý, ghi nhớ lời Ta nói mà không quên mất ý nghĩa²³.”

Lúc ấy Tôn giả Câu-lân-nhã liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai sửa y, chấp tay hướng về Đức Phật thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, con xin nguyện hầu hạ, xứng ý chứ không phải không xứng ý, ghi nhớ những lời Ngài nói mà không quên mất ý nghĩa.”

Đức Thế Tôn bảo rằng:

“Này Câu-lân-nhã, thầy cũng tuổi đã già, thân thể ngày càng suy yếu, tuổi thọ đã qua dài rồi. Chính thầy cũng cần có thị giả. Này Câu-lân-nhã, thầy nên lui về chỗ ngồi đi.”

Bấy giờ Tôn giả Câu-lân-nhã đánh lễ chân Phật rồi lui về chỗ ngồi.

Cũng như vậy, lần lượt Tôn giả A-nhiếp-bối, Tôn giả Thích-ca Vương Bạt-đề, Tôn giả Ma-ha-nam Câu-lệ, Tôn giả Hòa-phá, Tôn giả Da-xá, Tôn giả Bân-nậu, Tôn giả Duy-ma-la, Tôn giả Già-hòa-ba-đề, Tôn giả Tu-đa-da, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tì-la, Tôn giả Lệ-bà-đá, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Câu-hi-la, Tôn giả Đại Châu-na, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả Bân-nậu-da-nậu-tả trưởng lão.

Tôn giả Da-xá Hành Trù Trưởng lão rời chỗ ngồi đứng dậy, trích vai sửa áo, chấp tay hướng về Đức Phật thưa rằng:

²¹ Bân-nậu-da-nậu-tả trưởng lão 邠耨耶耨寫長老.

²² Da-xá Hành trù trưởng lão 耶舍行籌長老.

²³ Suốt trong khi hai mươi năm đầu, kể từ khi thành đạo Đức Phật không có thị giả riêng. Vị này hoặc vị kia thay nhau thị giả Ngài. Nhưng những vị này không xứng ý Ngài, đôi khi không vâng lời Ngài, có lúc ôm y bát của Ngài đi mất.

“Bạch Thế Tôn, con xin nguyện hầu hạ xứng ý chớ không phải không xứng ý, ghi nhớ những lời Ngài dạy mà không quên ý nghĩa.”

Đức Thế Tôn bảo rằng:

“Này Da-xá, thầy cũng tuổi đã già, thân thể ngày càng suy yếu, tuổi thọ đã qua dài rồi. Chính thầy cũng cần có thị giả. Này Da-xá, thầy nên lui về chỗ ngồi đi.”

Tôn giả Da-xá lạy dưới chân Phật rồi quay về [472b] chỗ ngồi.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đang ở trong đại chúng ấy liền suy nghĩ như vậy: ‘Đức Thế Tôn muốn tìm vị nào làm thị giả? Ý nghĩ đặt vào Tỳ-kheo nào? Muốn cho ai chăm sóc Ngài, xứng ý chớ không phải không xứng ý, và ghi nhớ những lời Ngài dạy mà không quên mất nghĩa? Có lẽ ta nên nhập định như thế²⁴ để quan sát tâm của chúng Tỳ-kheo’. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền nhập định như thế, biết Thế Tôn muốn chọn Hiền giả A-nan làm thị giả, ý Ngài đặt vào A-nan, muốn A-nan chăm sóc, xứng ý chớ không phải không xứng ý, ghi nhớ lời dạy mà không quên ý nghĩa.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền xuất định, thưa với chúng Tỳ-kheo rằng:

“Chư Hiền biết không, Đức Thế Tôn muốn chọn Hiền giả A-nan làm thị giả. Ý Ngài đặt vào A-nan; muốn A-nan chăm sóc, xứng ý chớ không phải là không xứng ý, ghi nhớ lời dạy mà không quên ý nghĩa. Bấy giờ chúng ta nên cùng nhau đến chỗ Hiền giả A-nan khuyến dụ thầy ấy làm thị giả của Thế Tôn.”

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và các Tỳ-kheo cùng nhau đến chỗ Tôn giả A-nan, chào hỏi xong rồi ngồi sang một bên. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên sau khi ngồi xuống, nói rằng:

“Hiền giả A-nan, thầy có biết không, Đức Thế Tôn muốn chọn thầy làm thị giả; ý Ngài đặt vào A-nan, muốn A-nan chăm sóc Ngài, vì thầy xứng ý Ngài chớ không phải không xứng ý, ghi nhớ lời dạy của Ngài mà không quên mất ý nghĩa.

²⁴ Hán: *như kỳ tượng định* 如其像定; Pāli: *tathārūpaṃ samādhim samāpajji*, nhập vào tam-muội có hình thức như thế.

“A-nan, cũng như ngoài thôn xóm không bao xa, có một tòa lâu đài to lớn, cửa sổ mở ra ở phía Đông; khi mặt trời mọc lên, ánh sáng sẽ rọi thẳng vào vách phía Tây. Nay Hiền giả A-nan, Đức Thế Tôn cũng vậy, muốn chọn A-nan làm thị giả, ý Ngài đặt vào A-nan, muốn A-nan chăm sóc Ngài, xứng ý chớ không phải không xứng ý, ghi nhớ lời dạy của Ngài mà không quên mất ý nghĩa. Nay Hiền giả A-nan, bây giờ thầy nên làm thị giả Đức Thế Tôn.”

Tôn giả A-nan thưa rằng:

“Bạch Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, tôi không thể lãnh trách nhiệm hầu hạ Đức Thế Tôn nổi. Vì sao thế? Vì với các Đức Phật Thế Tôn khó xứng ý, khó hầu hạ, nghĩa là khó làm thị giả. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, cũng như đối với một con voi rất hùng mạnh, đã hơn sáu mươi tuổi, kiêu ngạo, sức mạnh cường thịnh, đủ ngà, đủ vóc, khó làm xứng ý, khó thân cận; nghĩa là khó coi sóc.

“Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, với Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, cũng như vậy, khó xứng ý, khó thân cận; nghĩa là khó làm thị giả. Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, vì vậy tôi không thể lãnh trách nhiệm làm thị giả được.”

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, nói rằng:

“Nay Hiền giả A-nan, thầy hãy nghe [472c] tôi nói ví dụ, người có trí nghe ví dụ liền hiểu ý nghĩa của nó. Nay Hiền giả A-nan, cũng như hoa Ưu-đàm-bát-la thỉnh thoảng mới xuất hiện thế gian. Nay Hiền giả A-nan, Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác cũng lại như vậy. Thỉnh thoảng mới xuất thế. Nay Hiền giả A-nan, thầy nên mau làm thị giả Đức Thế Tôn rồi sẽ được kết quả lớn.”

Tôn giả A-nan lại bạch:

“Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, nếu Đức Thế Tôn chấp thuận ba điều nguyện của tôi thì tôi mới có thể làm thị giả. Những gì là ba? Tôi nguyện không đáp y của Thế Tôn, dù cũ hay mới. Nguyện không ăn thực phẩm biệt thỉnh của Phật. Nguyện không gặp Thế Tôn phi thời. Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, nếu Đức Thế Tôn cho phép tôi nguyện ba điều ấy, tôi mới làm thị giả Đức Thế Tôn.”

Bấy giờ, sau khi khuyên Tôn giả A-nan làm thị giả rồi, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đứng dậy đi quanh Tôn giả A-nan rồi trở về. Đi đến chỗ

Đức Phật, Tôn giả cúi đầu đánh lễ chân Phật, rồi ngồi sang một bên, bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, con đã khuyến dụ Hiền giả A-nan làm thị giả Phật. Bạch Thế Tôn, Hiền giả A-nan xin nơi Phật ba lời nguyện, nói rằng: ‘Những gì là ba? Nguyện không đáp y của Thế Tôn, dù cũ hay mới; nguyện không ăn thực phẩm biệt thỉnh của Phật; nguyện không gặp Thế Tôn phi thời. Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, nếu Đức Thế Tôn cho phép tôi nguyện ba điều ấy, tôi mới làm thị giả Đức Thế Tôn.’”

Đức Thế Tôn nói:

“Này Đại Mục-kiền-liên, Tỳ-kheo A-nan thông minh trí tuệ, biết trước sẽ có những lời hiềm ty, hoặc có vị đồng phạm hạnh sẽ nói như vậy: ‘Tỳ-kheo A-nan vì y áo nên hầu hạ Đức Thế Tôn’. Này Đại Mục-kiền-liên, Tỳ-kheo A-nan thông minh trí tuệ, biết trước sẽ có những lời hiềm ty hoặc các đồng phạm hạnh, nói như vậy: ‘Tỳ-kheo A-nan vì y áo nên hầu hạ Đức Thế Tôn’; đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

“Này Đại Mục-kiền-liên, Tỳ-kheo A-nan thông minh trí tuệ, biết trước sẽ có những lời hiềm ty, hoặc có vị đồng phạm hạnh sẽ nói như vậy: ‘Tỳ-kheo A-nan vì đồ ăn nên hầu hạ Đức Thế Tôn’. Này Đại Mục-kiền-liên, Tỳ-kheo A-nan thông minh trí tuệ, dự đoán sẽ có những lời hiềm ty hoặc các đồng phạm hạnh nói như vậy: ‘Tỳ-kheo A-nan vì đồ ăn nên hầu hạ Đức Thế Tôn’; đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

“Này Đại Mục-kiền-liên, Tỳ-kheo A-nan khéo biết thời, khéo phân biệt được thời, biết lúc nào là thời nên đến gặp Như Lai, lúc nào không phải là thời đến gặp Như Lai; biết lúc nào là thời [743a] chúng Tỳ-kheo và chúng Tỳ-kheo-ni nên đến gặp Như Lai, lúc nào không phải là thời chúng Tỳ-kheo và chúng Tỳ-kheo-ni nên đến gặp Như Lai; biết lúc nào là thời chúng Ưu-bà-tắc và chúng Ưu-bà-di nên đến gặp Như Lai, lúc nào không phải là thời chúng Ưu-bà-tắc và chúng Ưu-bà-di nên đến gặp Như Lai; biết lúc nào các hàng Sa-môn, Bà-la-môn, dị học nên đến gặp Như Lai, biết lúc nào các hàng Sa-môn, Bà-la-môn, dị học không nên đến gặp Như Lai; biết các hàng Sa-môn, Bà-la-môn, dị học nào có thể bàn luận với Như Lai; biết các hàng Sa-môn, Bà-la-môn, dị học nào không thể bàn luận với Như Lai; biết thức ăn loại cứng hay loại mềm nào Đức Như Lai

dùng rồi sẽ an ổn, có lợi ích, loại cứng hay loại mềm nào Đức Như Lai dùng rồi sẽ không được an ổn, có lợi ích; thức ăn loại cứng hay loại mềm nào Đức Như Lai dùng rồi sẽ được biến tài thuyết pháp. Biết thức ăn loại cứng hay loại mềm nào Đức Như Lai dùng rồi sẽ không được biến tài thuyết pháp; đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

“Này Đại Mục-kiền-liên, mặc dù Tỳ-kheo A-nan không có tha tâm trí, nhưng có thể khéo biết trước được Như Lai sẽ thuyết pháp cho ai khi Như Lai rời tịnh tọa đứng dậy vào buổi xế, hôm nay Như Lai sẽ làm như vậy, sẽ có hiện pháp lạc trụ như vậy, nhận xét đúng lời Ngài nói, chắc thật không thể sai khác. Đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Khi Tôn giả A-nan nói như vậy²⁵: “Thưa Chư Hiền, tôi đã hầu Đức Thế Tôn đã hai mươi lăm năm, nếu do đó mà khởi tâm cống cao, không thể có sự kiện như vậy”. Tôn giả A-nan nói như thế; đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Tôn giả A-nan lại nói như vậy: “Thưa Chư Hiền, tôi đã hầu Đức Thế Tôn trong hai mươi lăm năm, cho đến nay chưa hề gặp Đức Thế Tôn phi thời.” Tôn giả A-nan nói như thế; đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Tôn giả A-nan lại nói như vậy: “Thưa Chư Hiền, tôi đã hầu Đức Thế Tôn trong hai mươi lăm năm, chưa từng một lần bị Phật khiển trách, trừ có một lỗi, lỗi đó cũng vì người khác²⁶.” Tôn giả A-nan nói như vậy; đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Tôn giả A-nan lại nói như vậy: “Thưa Chư Hiền, tôi thọ tám vạn pháp tụ²⁷ từ Đức Như Lai, thọ trì không quên; nếu nhân điều đó mà khởi cống cao, sự kiện như vậy không thể có.” Tôn giả A-nan nói như vậy; đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Tôn giả A-nan lại nói như vậy: “Thưa Chư Hiền, tôi thọ tám vạn pháp tụ từ

²⁵ Lưu ý trong bản Hán, văn khí thay đổi từ lời ghi nhận của Phật chuyển sang lỗi thuật sự.

²⁶ Một lần Thế Tôn bệnh, A-nan nấu cháo nhưng phạm phải một điều luật do đó bị Phật khiển trách. *Thập Tụng* 26, tr.187a.

²⁷ Pháp tụ法聚, hay Pháp uẩn, thể tài hay ý nghĩa được đề cập trong giáo pháp của Phật. Pāli: *dhamakkhandha*.

Đức Như Lai, chưa hỏi lần thứ hai, trừ có một câu, câu ấy như vậy cũng [473b] không dễ. Tôn giả A-nan nói như vậy; đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Tôn giả A-nan lại nói như vậy: “Thưa Chư Hiền, tôi thọ tám vạn pháp tụ từ Đức Như Lai, chưa hề thọ pháp từ người khác.” Tôn giả A-nan nói như vậy; đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Tôn giả A-nan lại nói như vậy: “Thưa Chư Hiền, tôi thọ tám vạn pháp tụ từ Đức Như Lai, khởi đầu chưa có tâm này, rằng ‘Tôi thọ trì pháp ấy để dạy lại người khác’. Nay Chư Hiền, tôi chỉ muốn tự chế ngự, tự tịch tịnh, tự Bát-niết-bàn thôi.” Tôn giả A-nan nói như vậy; đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Tôn giả A-nan lại nói như vậy: “Thưa Chư Hiền, có điều rất kỳ lạ này. Đó là có bốn bộ chúng đi đến chỗ tôi để nghe pháp. Nếu tôi vì thế mà khởi công cao, điều ấy không thể có được. Tôi cũng không hề tác ý trước rằng: ‘Nếu có ai đến hỏi, ta sẽ trả lời như vậy’. Nay Chư Hiền, tôi ngay trên chỗ ngồi tùy theo nghĩa người kia hỏi mà trả lời.” Tôn giả A-nan nói như vậy; đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Tôn giả A-nan lại nói như vậy: “Thưa Chư Hiền, có điều rất kỳ lạ này. Đó là có số đông Sa-môn, Bà-la-môn, Di học đến hỏi tôi sự việc gì, nếu vì thế mà tôi sợ sệt, hãi hùng, lông tóc dựng đứng; không thể có sự kiện ấy. Tôi cũng không hề tác ý trước rằng: ‘Nếu có ai đến hỏi, ta sẽ trả lời như vậy’. Nay Chư Hiền, tôi ngay trên chỗ ngồi tùy theo nghĩa người kia hỏi mà trả lời.” Tôn giả A-nan nói như vậy; đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Lại nữa, có một thời, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả A-nan trú tại nước Xá-vệ, trong núi Bà-la-la. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi rằng: “Này Hiền giả A-nan, thầy hầu hạ Đức Phật cho đến nay là hai mươi lăm năm, thầy nhớ có lần nào khởi dục tâm không?”

Tôn giả A-nan thưa rằng:

“Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, tôi còn là hàng hữu học chưa ly dục.”

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi rằng:

“Này Hiền giả A-nan, tôi không hỏi thầy là bậc hữu học hay vô học. Tôi chỉ hỏi, trong hai mươi lăm năm qua hầu hạ Đức Thế Tôn, thầy nhớ có

lần nào khởi dục tâm không?”

Tôn giả Xá-lợi-phất ba lần lặp lại câu hỏi:

“Này Hiền giả A-nan, hai mươi lăm năm qua thầy hầu hạ Đức Thế Tôn, thầy nhớ có lần nào khởi dục tâm không?”

Tôn giả A-nan cũng ba lần lặp lại câu trả lời rằng:

“Thưa Tôn giả [473c] Xá-lợi-phất, tôi còn là hàng hữu học chưa ly dục.”

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi rằng:

“Này Hiền giả A-nan, tôi không hỏi thầy là bậc hữu học hay vô học. Tôi chỉ hỏi, trong hai mươi lăm năm qua hầu hạ Đức Thế Tôn, thầy nhớ có lần nào khởi dục tâm không?”

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói rằng:

“Này Hiền giả A-nan, đáp nhanh đi, đáp nhanh đi, này A-nan, thầy đừng quấy rầy Thượng tôn Trưởng lão.”

Lúc đó Tôn giả A-nan trả lời rằng:

“Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, hai mươi lăm năm qua, tôi đã hầu hạ Đức Phật, tôi nhớ lại chưa hề có lần nào phát khởi dục tâm. Vì sao vậy? Vì tôi thường hướng đến Thế Tôn và các vị đồng phạm hạnh với tâm niệm hổ thẹn.” Tôn giả A-nan nói như thế; đó là pháp vị tăng hữu của Tôn giả A-nan.

Lại nữa, có một thời Đức Thế Tôn trú thành Vương Xá, trú trong Nham sơn. Bấy giờ Thế Tôn bảo rằng:

“Này A-nan, người nên nằm như cách nằm của sư tử.”

Tôn giả A-nan bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, sư tử, chúa tể của loài thú, nằm theo cách nào?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Này A-nan, sư tử, chúa tể của loài thú, ban ngày đi tìm ăn, xong rồi vào hang; khi muốn ngủ, bốn chân xếp chồng lên nhau, ngay đuôi ra sau, nằm bằng hông bên phải; qua đêm đến sáng hôm sau, quay lại sau nhìn thân thể. Nếu sư tử chúa tể của loài thú, mà thân thể không ngay thẳng, thì khi thấy rồi, nó không vui. Nếu sư tử chúa tể của loài thú, mà thân thể được ngay ngắn khắp mọi phía, thì khi thấy rồi nó liền vui mừng. Nó từ chỗ nằm đứng dậy, ở trong hang đi ra; đi ra rồi gằm gừ;

gầm gù rồi tự ngắm thân thể; tự ngắm thân thể rồi nhìn khắp bốn hướng, xoay nhìn khắp bốn hướng rồi liền rống lên ba lần, rống ba lần rồi liền đi tìm ăn. Cách thức nằm của sư tử chúa là như vậy.”

Tôn giả A-nan bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, cách thức nằm của sư tử, chúa tể của loài thú, là như vậy. Còn cách nằm của Tỳ-kheo phải như thế nào?”

Đức Thế Tôn đáp rằng:

“Này A-nan, nếu Tỳ-kheo sống nơi thôn ấp, khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, khoác y ôm bát, đi vào thôn khát thực, khéo hộ trì thân thể, nhiếp thủ các căn, trụ với chính niệm. Vị ấy từ thôn ấp khát thực xong, xếp y cất bát, rửa sạch tay chân, vắt Ni-sur-đàn lên vai đi đến chỗ rừng vắng, hoặc đến dưới bóng cây, hoặc vào trong nhà trống, hoặc kinh hành, hoặc tọa thiền, tịnh trừ những pháp chướng ngại trong tâm. Ban ngày hoặc kinh hành hoặc tọa thiền để tịnh trừ những pháp chướng ngại trong tâm rồi. Lại vào đầu hôm hoặc kinh hành, hoặc tọa thiền, để tịnh trừ những pháp chướng ngại trong tâm. Sau khi hoặc kinh hành, hoặc tọa thiền để tịnh trừ những pháp chướng ngại trong tâm vào lúc đầu hôm rồi, đến nửa đêm đi vào tĩnh thất để nằm, xếp làm tư uất-đa-la-tăng²⁸, [474a] trải lên giường, gấp y tăng-già-lê làm gối, nằm xuống phía hông bên phải, hai chân xếp chồng lên nhau, buộc ý vào ấn tượng ánh sáng²⁹, chính niệm, chính trí, hằng hướng tâm niệm đến ý tưởng sẽ trở dậy. Sau đêm ấy liền nhanh chóng ngồi dậy, hoặc kinh hành, hoặc tọa thiền, để tịnh trừ những pháp chướng ngại trong tâm. Như thế là pháp nằm như sư tử của Tỳ-kheo.”

Tôn giả A-nan bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, cách nằm như sư tử của Tỳ-kheo là như vậy.”

Tôn giả A-nan lại nói như vậy:

“Này Chư Hiền, Đức Thế Tôn dạy tôi cách nằm giống như sư tử; từ đó trở đi chưa hề có lần nào tôi nằm nghiêng về bên hông trái.” Tôn giả

²⁸ *Ưu-đa-la-tăng* 優哆邏僧: *Uất-đa-la-tăng*. Pāli: *uttarāsaṅga*, dịch là thượng y, áo khoác phần trên thân thể. Thường thì nói là “trải tăng-già-lê bốn lớp”; Pāli: *catugguṇam saṅghāṭim paññāpetvā*.

²⁹ *Minh tướng* 明相, suy tưởng về ánh sáng.

A-nan nói như thế; đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Lại nữa, có thời Đức Thế Tôn trú Câu-thi-na-kiết³⁰, trụ trong rừng Sa-la của Hòa-bạt-đan Lực sĩ³¹. Bấy giờ là lúc tối hậu, Thế Tôn sắp nhập Bát-niết-bàn, Ngài bảo rằng: ‘Này A-nan, ngươi hãy đi đến giữa hai cây Song thọ, trải giường đầu quay về hướng Bắc, cho Như Lai. Nửa khuya đêm nay Như Lai sẽ Bát-niết-bàn.’

Tôn giả A-nan vâng lời dạy của Như Lai, liền đến giữa hai cây Song thọ trải giường nằm, đầu quay về hướng Bắc cho Đức Như Lai. Trải giường rồi trở về nơi Đức Phật, cúi đầu lễ chân Phật, đứng sang một bên, thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, con đã trải giường nằm, đầu quay hướng Bắc, cho Đức Như Lai, ở giữa hai cây Song thọ. Kính mong Đức Thế Tôn tự nên biết thời.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn dẫn Tôn giả A-nan đến giữa hai cây Song thọ, xếp làm tư uất-đà-la-tăng trải lên giường, gấp y tăng-già-lê làm gối, nằm về hướng hông bên phải, hai chân xếp chồng lên nhau. Lúc tối hậu sắp Bát-niết-bàn, Tôn giả A-nan quạt hầu Phật, đưa tay gạt nước mắt, rồi nghĩ như vậy: ‘Trước kia, có chúng Tỳ-kheo ở các nơi muốn đến thăm viếng Đức Thế Tôn để cúng dường lễ bái, họ đều có thể tùy lúc mà được thăm viếng Đức Thế Tôn để lễ bái cúng dường. Nếu nghe Đức Thế Tôn đã Bát-niết-bàn, họ sẽ không còn đến để được thăm viếng Đức Thế Tôn mà cúng dường lễ bái. Ta cũng không còn tùy lúc mà thăm viếng Đức Thế Tôn để cúng dường lễ bái’.³²

³⁰ Câu-thi-na-kiết 拘尸那竭. Pāli: Kusināra, thị trấn nơi Phật sẽ nhập Niết-bàn.

³¹ Hòa-bạt-đan Lực sĩ Sa-la lâm 憍跋單力士娑羅林; No.1(2) kinh số 2 “Du Hành”: Bản sinh xứ Mạt-la song thọ gian. Pāli: rừng Upavattana, rừng cây sālā, ở bên bờ sông Hiraññavati (Hi-liên-thiền), của dòng họ Malla ở Kusinārā. Đức Thích Tôn sẽ nhập Niết-bàn trong rừng này.

³² Đoạn này có thể Hán dịch có sự nhầm lẫn. Xem, N 1(2) kinh Du hành, tr. 26a: “Thế Tôn, hiện nay các Sa-môn khắp bốn phương, gồm những vị kỳ cựu đa văn, thấu hiểu kinh luật, đức hạnh thanh cao, thường đến bái yết Phật, nhân đó con được lễ kính và gần gũi hỏi han. Nhưng sau khi Phật diệt độ rồi, họ không đến nữa, con không còn biết hỏi ai nữa, thì làm sao?” Nhân câu hỏi A-an

Bấy giờ, Đức Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo rằng:

“Tỳ-kheo A-nan bây giờ ở đâu?”

Lúc ấy các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, Tôn giả A-nan đang cầm quạt hầu Phật, đưa tay gạt nước mắt rồi nghĩ thế này: ‘Trước kia, có chúng Tỳ-kheo ở các nơi muốn đến thăm viếng Đức Thế Tôn để cúng dường lễ bái, thì đều có thể tùy lúc mà được thăm viếng Đức Thế Tôn để lễ bái cúng dường. Nếu họ nghe Đức Thế Tôn đã Bát-niết-bàn thì họ sẽ không còn đến để được thăm viếng Đức Thế Tôn mà cúng dường lễ bái. Ta cũng không còn tùy lúc mà thăm viếng Đức Thế Tôn để cúng dường lễ bái.’”

Bấy giờ [474b] Thế Tôn bảo rằng:

“Này A-nan, người chớ khóc lóc, cũng chớ buồn rầu. Vì sao vậy? Này A-nan, người hầu hạ Ta, thân hành từ hòa, khẩu và ý hành từ hòa, chưa từng có hai lòng, an lạc vô lường, vô biên, vô hạn. Này A-nan, nếu các Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, trong đời quá khứ, có người thị giả nào hầu hạ cũng không thể hơn người được. Này A-nan, nếu các Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, trong đời vị lai, có người thị giả nào hầu hạ cũng không thể hơn người được. Này A-nan, Ta, Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, trong đời hiện tại, nếu có người nào làm thị giả, cũng không thể hơn người được. Vì sao vậy? A-nan khéo biết thời, khéo phân biệt được thời, biết lúc nào là thời nên đến gặp Như Lai, lúc nào không phải là thời đến gặp Như Lai; biết lúc nào là thời chúng Tỳ-kheo và chúng Tỳ-kheo-ni nên đến gặp Như Lai, lúc nào không phải là thời chúng Tỳ-kheo và chúng Tỳ-kheo-ni nên đến gặp Như Lai; biết lúc nào là thời chúng Ưu-bà-tắc và chúng Ưu-bà-di nên đến gặp Như Lai, lúc nào không phải là thời chúng Ưu-bà-tắc và chúng Ưu-bà-di nên đến gặp Như Lai; biết lúc nào các hàng Sa-môn, Bà-la-môn, Dị học nên đến gặp Như Lai, biết lúc nào các hàng Sa-môn, Bà-la-môn, Dị học không nên đến gặp Như Lai; biết lúc nào các hàng Sa-môn, Bà-la-môn, Dị học không nên đến gặp Như Lai; biết các hàng Sa-môn, Bà-la-môn, Dị học nào có thể bàn luận với Như Lai; biết các hàng Sa-môn, Bà-la-môn, Dị học nào không thể bàn luận với Như Lai; biết thức ăn loại cứng hay loại mềm nào

này mà Phật chỉ ra bốn chỗ động tâm.

Đức Như Lai dùng rồi sẽ an ổn, có lợi ích loại cứng hay loại mềm nào Đức Như Lai dùng rồi sẽ không được an ổn, có lợi ích; thức ăn loại cứng hay loại mềm nào Đức Như Lai dùng rồi sẽ được biện tài thuyết pháp. Biết thức ăn loại cứng hay loại mềm nào Đức Như Lai dùng rồi sẽ không được biện tài thuyết pháp.

“Lại nữa, này A-nan, người tuy không có tha tâm trí, nhưng có thể khéo biết trước được Đức Như Lai sẽ thuyết pháp cho ai khi Như Lai rời tịnh tọa đứng dậy vào buổi xế, hôm nay Đức Như Lai sẽ làm như vậy, sẽ hiện pháp lạc trụ như vậy, nhận xét đúng lời Ngài nói, chắc thật không thể sai khác.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn muốn làm cho A-nan vui vẻ, bảo với các thầy Tỳ-kheo ấy rằng:

“Vị Chuyển luân Thánh vương có bốn pháp vị tăng hữu.³³ Những gì là bốn? Đó là chúng Sát-lị đến yết kiến Chuyển luân vương, nếu lúc ấy im lặng, họ thấy vậy liền vui vẻ, nếu lúc ấy có nói gì, họ nghe rồi liền vui vẻ. Tỳ-kheo A-nan cũng giống như vậy, nghĩa là có bốn pháp vị tăng hữu. Những gì là bốn? Đó là chúng Tỳ-kheo [474c] khi đến gặp A-nan, nếu lúc ấy im lặng, thấy vậy liền vui vẻ, nếu lúc ấy có nói gì, họ nghe rồi liền hoan hỷ. Chúng Tỳ-kheo-ni, chúng Ưu-bà-tắc, chúng Ưu-bà-di, nếu gặp A-nan, gặp lúc im lặng, thấy vậy liền hoan hỷ, nếu lúc ấy có nói gì, nghe rồi liền hoan hỷ.

“Lại nữa, A-nan thuyết pháp cho đại chúng, có bốn pháp vị tăng hữu. Những gì là bốn? Tỳ-kheo A-nan thuyết pháp cho chúng Tỳ-kheo bằng chí tâm, không phải không chí tâm. Chúng Tỳ-kheo kia cũng nghĩ như vậy: ‘Mong Tôn giả A-nan thường thuyết pháp, không dừng lại nửa chừng. Chúng Tỳ-kheo kia nghe Tôn giả A-nan thuyết pháp, hoàn toàn không chán nản. Nhưng Tỳ-kheo A-nan tự nhiên ngồi im lặng’. Tỳ-kheo A-nan thuyết pháp cho chúng Tỳ-kheo-ni, chúng Ưu-bà-tắc, chúng Ưu-bà-di, bằng chí tâm, không phải không chí tâm. Chúng Ưu-bà-di ấy cũng nghĩ như vậy: ‘Mong Tôn giả A-nan thường thuyết pháp, không dừng lại nửa chừng. Chúng Ưu-bà-di kia nghe Tôn giả A-nan thuyết pháp, hoàn

³³ Xem No 1(2) kinh Du hành, tr. 26a.

toàn không chán nản. Nhưng Tỳ-kheo A-nan tự nhiên ngồi im lặng.”³⁴

Lại nữa, một thời sau khi Thế Tôn Bát-niết-bàn không bao lâu, Tôn giả A-nan trú tại Kim cang³⁵, trú ở thôn Kim cang. Bấy giờ Tôn giả A-nan thuyết pháp cho vô lượng trăm ngàn đại chúng vây quanh trước sau. Bấy giờ, Tôn giả Kim Cang Tử³⁶ cũng đang ở trong đại chúng ấy. Tôn giả Kim Cang Tử trong tâm suy nghĩ như vậy: ‘Tôn giả A-nan này vẫn còn là bậc hữu học chưa ly dục sao? Ta nên như vậy, và bằng định ấy mà quan sát tâm của Tôn giả A-nan’. Thế rồi Tôn giả Kim Cang Tử nhập định, và bằng định như vậy mà quan sát tâm của Tôn giả A-nan. Tôn giả Kim Cang Tử biết Tôn giả A-nan vẫn còn là hữu học nên chưa ly dục. Bấy giờ Tôn giả ra khỏi tam muội, hướng về Tôn giả A-nan nói bài tụng rằng:

*Núi rừng vắng tư duy,
 Khiến tâm trụ Niết-bàn,
 Cù-đàm Thiền không loạn,
 Sẽ sớm chứng tịch tĩnh.³⁷*

Bấy giờ Tôn giả A-nan vâng theo lời của Tôn giả Kim Cang Tử, rời bỏ chỗ đông mà sống một mình, tinh tấn, không tán loạn. Tôn giả rời bỏ chỗ đông, sống một mình, tinh tấn, không tán loạn, để đạt mục đích vì đó mà một thiện nam tử đã cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống sinh gia đình, xuất gia học đạo; chỉ vì mục đích là thành tựu phạm hạnh vô thượng, ngay trong đời hiện tại, tự tri tự giác, tự chứng nghiệm, thành tựu và an trụ, biết như thật rằng: ‘Sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã xong, không còn [475a] tái sinh nữa’.

Tôn giả A-nan biết pháp rồi, cho đến, chứng đắc A-la-hán³⁸. Tôn giả A-nan nói vậy:

³⁴ Cf. No.1(2) kinh “Du Hành”.

³⁵ Kim cang 金剛, Pāli có lẽ là Vajjī (tên dòng họ cũng là tên nước; Hán: Bạt-kỳ) được đọc là Vajira (kim cang).

³⁶ Kim Cang Tử, Pāli, có lẽ chính xác là Vajjiputta (thay vì Vajiraputta), sự kiện được đề cập trong Thag. kệ 119. Cf. Tứ phần 54 (tr. 967a12): Tỳ kheo Bạt-xà Tử 跋闍子比丘.

³⁷ Bài kệ Pāli, xem Thag. 119; *Tứ phần 54* (tr. 967a20).

³⁸ Trong bản: A-la-ha 阿羅訶.

“Này Chư Hiền, tôi ngồi trên giường, ngả đầu chưa đụng gối, liền đoạn tất cả lậu, chứng tâm giải thoát.” Tôn giả A-nan nói như thế; đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Tôn giả A-nan lại nói:

“Này Chư Hiền, tôi sẽ ngồi kiết già để Bát-niết-bàn.” Tôn giả A-nan liền ngồi kiết già mà Bát-niết-bàn. Tôn giả A-nan ngồi kiết già mà Bát-niết-bàn; đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Đức Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.



34. KINH BẠC-CÂU-LA

Tôi nghe như vậy:

Một thời, sau khi Phật nhập Niết-bàn không bao lâu, Tôn giả Bạc-câu-la¹ đang trú tại thành Vương xá, trong Trúc lâm vườn Ca-lan-đa.

Bấy giờ có một người dị học², vốn là bằng hữu thân thiết với Tôn giả Bạc-câu-la khi ngài chưa xuất gia, vào buổi xế, loanh quanh rồi đi đến chỗ Tôn giả Bạc-câu-la, chào hỏi rồi ngồi sang một bên. Dị học nói rằng:

“Hiền giả Bạc-câu-la, tôi có điều muốn hỏi; có thể cho tôi được hỏi chăng?”

Tôn giả Bạc-câu-la trả lời:

“Này Dị học, tùy điều ông hỏi, tôi nghe rồi suy nghĩ.”

Dị học hỏi:

“Hiền giả Bạc-câu-la, ngài đã theo học trong chính pháp luật này được bao lâu?”

Tôn giả Bạc-câu-la trả lời:

“Này Dị học, tôi theo học trong chính pháp luật này đến nay đã là tám mươi năm.”

Dị học hỏi rằng:

“Hiền giả Bạc-câu-la, ngài đã theo học trong chính pháp luật này đến nay là tám mươi năm; Ngài nhớ có lần nào ngài làm việc dâm dục chăng?”

Tôn giả Bạc-câu-la bảo dị học rằng:

“Ông đừng hỏi như vậy, mà hãy hỏi một cách khác: ‘Hiền giả Bạc-câu-la, ngài học đạo trong chính pháp luật này được tám mươi năm, ngài nhớ có lần nào khởi lên dục tướng³ chăng?’ Ông nên hỏi như

¹ Bạc-câu-la 薄拘羅. Pāli: Bakkula, Bākula, hay Vakkula; nguyên quán ở Kosambi, một trong bốn đệ tử có đại thần thông (abhiñña). Ngài được coi là vị đệ tử khỗ hạnh, không thuyết pháp.

² Dị học 異學. Pāli: acela-Kassapa, một tu sĩ lửa thể tên là Kassapa.

³ Hán: dục tướng 欲想. Pāli: *kāmasaññā*.

vậy.”

Bấy giờ đệ học liền nói như vậy:

“Tôi nay lại hỏi rằng: ‘Hiền giả Bạc-câu-la, ngài học đạo trong chính pháp luật này được tám mươi năm, ngài nhớ có lần nào khởi lên dục tưởng chăng?’”

Bấy giờ Tôn giả Bạc-câu-la nhân người đệ học hỏi như vậy, liền nói với [475b] các Tỳ-kheo rằng:

“Này Chư Hiền, tôi đã học đạo trong chính pháp luật này đến nay là tám mươi năm, nếu nhân đó khởi cống cao, ý tưởng đó hoàn toàn không có.”

Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy; đó là pháp vị tăng hữu của Tôn giả Bạc-câu-la.

Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy:

“Này Chư Hiền, tôi đã học đạo trong chính pháp luật này đến nay là tám mươi năm, chưa từng khởi dục tưởng.”

Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy; đó là pháp vị tăng hữu của Tôn giả Bạc-câu-la.

Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy:

“Này Chư Hiền, tôi thọ trì y phần tảo⁴ đến nay là tám mươi năm. Nếu tôi nhân đó mà khởi tâm cống cao, ý tưởng đó hoàn toàn không có.”

Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy; đó là pháp vị tăng hữu của Tôn giả Bạc-câu-la.

Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy:

“Này Chư Hiền, tôi thọ trì y phần tảo đến nay là tám mươi năm; tôi nhớ chưa từng thọ y của người cư sĩ⁵, chưa từng cắt may y, chưa từng nhờ người khác may hộ y, chưa từng dùng kim khâu y, chưa từng dùng kim khâu túi, dù là một sợi chỉ.”

Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy; đó là pháp vị tăng hữu của Tôn giả Bạc-câu-la.

⁴ Phần tảo y 糞掃衣. Pāli: *pamsu*, y may bằng vải lượm từ các đồng rác. Bakkula tu hạnh đầu-đà, chỉ mặc y phần tảo (*pamsukulika*).

⁵ Tức nhận vải từ cư sĩ để may y.

Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy:

“Này Chư Hiền, tôi khát thực đến nay là tám mươi năm; nếu tôi nhân đó mà khởi tâm cống cao, ý tưởng đó hoàn toàn không có.”

Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy; đó là pháp vị tăng hữu của Tôn giả Bạc-câu-la.

Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy:

“Này Chư Hiền, tôi khát thực đến nay là tám mươi năm; tôi nhớ, chưa hề nhận lời mời của cư sĩ, chưa hề khát thực vượt thứ tự⁶, chưa hề khát thực nơi các nhà lớn để nhận các thứ đồ ăn loại cứng, loại mềm⁷ rất dồi dào, rất tinh khiết và mỹ vị; chưa hề nhìn ngắm người nữ; chưa hề vào khu vực Tỳ-kheo-ni, chưa hề cùng Tỳ-kheo-ni hỏi chuyện, cho đến cũng chưa hề nói chuyện giữa đường.”

Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy; đó là pháp vị tăng hữu của Tôn giả Bạc-câu-la.

Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy:

“Này Chư Hiền, tôi ở trong chính pháp luật này học đạo đã tám mươi năm, chưa hề nuôi Sa-di, chưa hề thuyết pháp cho bạch y; cho đến chưa hề nói cho họ chỉ bốn câu tụng.”

Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy; đó là pháp vị tăng hữu của Tôn giả Bạc-câu-la.

Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy:

“Này Chư Hiền, tôi ở trong chính pháp luật này học đạo [475c] đã tám mươi năm, chưa hề có bệnh, cho đến dù chỉ nhưc đầu trong khoảng búng ngón tay; chưa hề uống thuốc, cho đến dù chỉ một quả ha-lê-lặc⁸.”

Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy; đó là pháp vị tăng hữu của Tôn giả Bạc-câu-la.

Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy:

⁶ Hán: *siêu việt khát thực* 超越乞食. Theo phép, khát thực phải đi lần lượt từng nhà, bất luận giàu hay nghèo.

⁷ Hán: *thực đạm hàm tiêu* 食噉含消; thức ăn cần phải nhai, và loại chỉ ngậm cho tiêu.

⁸ Ha-lê-lặc 訶梨勒. Pāli: *harīṭaka*, loại quả dùng làm thuốc (Terminalia citrina).

“Này Chư Hiền, trong tám mươi năm qua, khi tôi ngồi kiết già, chưa từng dựa vào vách hay dựa vào cây.”

Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy; đó là pháp vị tăng hữu của Tôn giả Bạc-câu-la.

Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy:

“Này Chư Hiền, trong vòng ba ngày ba đêm, tôi chứng đắc ba minh đạt⁹.”

Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy; đó là pháp vị tăng hữu của Tôn giả Bạc-câu-la.

Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy:

“Này Chư Hiền, tôi sẽ ngồi kiết già để vào Niết-bàn.”

Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy; đó là pháp vị tăng hữu của Tôn giả Bạc-câu-la.

Tôn giả Bạc-câu-la thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo và người Dị học sau khi nghe Tôn giả Bạc-câu-la thuyết, hoan hỷ phụng hành.



⁹ Hán: *tam đạt chứng* 三達證. Tức sự chứng đắc ba minh: túc mạng minh, thiên nhãn minh và lậu tận minh. Pāli: *tisso vijjā: pubbenivāsānussati-ñāṇa-vijjā, cutūpapāte-ñāṇa-vijjā, āsavā-khaya-ñāṇa-vijjā*.

35. KINH A-TU-LA

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại Tì-lan-nhã¹, trong vườn Hoàng lô².

Bấy giờ vua A-tu-la là Bà-la-la³ con trai của Mâu-lê-già A-tu-la⁴, sắc tướng uy nghi, ánh sáng chói rực, vào lúc đêm gần sáng, đi đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Thế Tôn rồi ngồi sang một bên.

Đức Thế Tôn hỏi rằng:

“Này Bà-la-la, phải chăng trong đại hải, A-tu-la không bị các sự suy thối này, là tuổi thọ của A-tu-la, sắc tướng của A-tu-la, sự hoan lạc của A-tu-la, sức mạnh của A-tu-la? Các A-tu-la cũng thích sống trong đại hải chăng?”

Vua A-tu-la là Bà-la-la con trai của Mâu-lê-già A-tu-la trả lời rằng:

“Bạch Thế Tôn, các A-tu-la của con ở trong đại hải không bị các sự suy thối này, là tuổi thọ của A-tu-la, sắc tướng của A-tu-la, sự hoan lạc của A-tu-la, sức mạnh của A-tu-la. Các A-tu-la thích sống trong đại hải.”

Thế Tôn lại hỏi:

“Này Bà-la-la, trong đại hải có mấy pháp vị tăng hữu, khiến cho các A-tu-la thấy vậy nên thích sống trong ấy?”

Bà-la-la trả lời rằng:

“Trong đại hải của con có [476a] tám pháp vị tăng hữu, khiến cho các A-tu-la thấy vậy nên thích sống trong ấy. Những gì là tám?

“Bạch Thế Tôn, đại hải của con từ đáy lên trên, chu vi dần dần rộng hơn, nghiêng chênh chếch lên dần mãi tạo thành bờ biển. Nước trong ấy luôn luôn đầy, chưa từng chảy ra ngoài. Bạch Thế Tôn, đây là pháp vị tăng hữu thứ nhất trong đại hải của con: đại hải của con từ đáy lên trên, chu vi

¹ Tì-lan-nhã 鞞蘭若. Pāli: Verañjā, tên một thị trấn gần Sāvatthi.

² Hoàng lô viên 黃蘆園. Pāli: Naḷerupucīmaṇḍa, khu rừng gần thị trấn Verañjā, phần lớn toàn cây *pucimanda*, một loại lao? (Aśdirachta Indica).

³ Bà-la-la A-tu-la vương 婆羅邏阿須羅王. Pāli: Pahārāda-asurinda.

⁴ Mâu-lê-già A-tu-la tử 牟梨遮阿須羅子, con trai của A-tu-la Mâu-lê-già(?); No.125(42.4) Mâu-đề-luân thiên tử 牟提倫天子.

dần dần rộng hơn, nghiêng chênh chếch lên dần mãi tạo thành bờ biển. Nước trong ấy luôn luôn đầy, chưa từng chảy ra ngoài. Các A-tu-la thấy vậy bèn thích sống ở trong đó.

“Lại nữa, bạch Thế Tôn, thủy triều trong đại hải của con chưa từng sai thời. Bạch Thế Tôn, đây là pháp vị tăng hữu thứ hai trong đại hải của con: thủy triều trong đại hải của con chưa từng sai thời. Các A-tu-la thấy vậy bèn thích sống trong đó.

“Lại nữa, bạch Thế Tôn, nước trong đại hải của con rất sâu không có đáy, rất rộng không thấy bờ. Bạch Thế Tôn, đây là pháp vị tăng hữu thứ ba trong đại hải của con: nước trong đại hải của con rất không sâu có đáy, rất rộng không thấy bờ. Các A-tu-la thấy vậy bèn thích sống trong đó.

“Lại nữa, bạch Thế Tôn, nước trong đại hải của con đều cùng một vị. Bạch Thế Tôn, đây là pháp vị tăng hữu thứ tư trong đại hải của con: nước trong đại hải của con cùng một vị. Các A-tu-la thấy vậy bèn thích sống trong đó.

“Lại nữa, bạch Thế Tôn, trong đại hải của con có rất nhiều trân bảo, vô lượng đồ quý báu lạ mắt; đủ các loại đồ trân kỳ được chứa đầy trong đó. Tên của các trân bảo đó là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, ma ni, trân châu, bích ngọc, bạch kha, loa bích, san hô, hổ phách, mã não, đồi mồi, đá đỏ, tuyền châu. Bạch Thế Tôn, đây là pháp vị tăng hữu thứ năm trong đại hải của con: trong đại hải của con có rất nhiều trân bảo, vô lượng đồ quý báu lạ mắt; đủ các loại đồ trân kỳ được chứa đầy trong đó. Tên của các trân bảo đó là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, ma ni, trân châu, bích ngọc, bạch kha, loa bích, san hô, hổ phách, mã não, đồi mồi, đá đỏ, tuyền châu. Các A-tu-la thấy vậy bèn thích sống trong đó.

“Lại nữa, bạch Thế Tôn, đại hải là chỗ cư trú của các vị thần lớn⁵. Những vị thần đó tên là A-tu-la, Kiền-thất-bà⁶, La-sát⁷, [476b] cá kinh⁸, rùa, cá sấu⁹, Bà-lưu-nê¹⁰, Đế-nghe¹¹, Đế-nghe-già-la¹², Đề-đề-nghe-già-la¹³. Lại

⁵ Pāli: *mahatam bhūtanam āvāso*, trú xứ của các sinh vật to lớn.

⁶ Kiền-thập-hòa 乾塔怱. Pāli: *gandhabba*.

⁷ La-sát 羅刹. Pāli: *Rakkha*.

⁸ Ngư ma-kiệt 魚摩竭. Pāli: *makara*, một loại cá voi.

⁹ Đà 鼉; một loại cá sấu. Pāli: (?).

nữa, trong đại hải, rất kỳ lạ, rất đặc biệt, có chúng sinh thân thể tới một trăm do-tuần, hai trăm do-tuần, cho đến ba trăm do-tuần, bảy trăm do-tuần mà thân vẫn ở trong đại hải. Bạch Thế Tôn, đây là pháp vị tăng hữu thứ sáu trong đại hải của con: có những vị thần cư trú trong đại hải của con; những vị thần đó tên là A-tu-la, Kiền-thất-bà, La-sát, cá kinh, rùa, cá sấu, Bà-lưu-nê, Đế-nghe, Đế-nghe-già-la, Đề-đế-nghe-già-la. Lại nữa, trong đại hải, rất kỳ lạ, rất đặc biệt, có chúng sinh thân thể tới một trăm do-tuần, hai trăm do-tuần, cho đến ba trăm do-tuần, bảy trăm do-tuần mà thân vẫn ở trong đại hải. Các A-tu-la thấy vậy bèn thích sống trong đó.

“Lại nữa, bạch Thế Tôn, đại hải của con thanh tịnh không dung chứa tử thi. Nếu có người nào mạng chung thì qua một đêm gió liền thổi tấp vào bờ. Bạch Thế Tôn, đây là pháp vị tăng hữu thứ bảy trong đại hải của con: đại hải của con thanh tịnh không dung chứa tử thi. Nếu có người nào mạng chung thì qua một đêm gió liền thổi tấp vào bờ. Các A-tu-la thấy vậy bèn thích sống trong đó.

“Lại nữa, bạch Thế Tôn, trong đại hải của con thuộc về châu Diêm-phù có năm sông lớn, là Hằng-già, Diêu-vưu-na, Xa-lao-phù, A-di-la-ba-đề, Ma-xí¹⁴. Tất cả đều chảy vào đại hải. Chảy vào đó rồi, thấy đều bỏ tên cũ, gọi chung là đại hải. Bạch Thế Tôn, đây là pháp vị tăng hữu thứ tám trong đại hải của con: trong đại hải của con thuộc về châu Diêm-phù có năm sông lớn, là Hằng-già, Diêu-vưu-na, Xa-lao-phù, A-di-la-ba-đề, Ma-xí. Tất cả đều chảy vào đại hải. Chảy vào đó rồi, thấy đều bỏ tên cũ, gọi chung là đại hải. Các A-tu-la thấy vậy bèn thích sống trong đó.

“Bạch Thế Tôn, đó là tám vị tăng hữu trong đại hải của con. Các A-tu-la

¹⁰ Bà-lưu-nê 婆留泥. Pāli: (?). Skt. Vāruṇa, động vật sống trong nước, một loại cá.

¹¹ Đế-nghe 帝魔. Pāli: timi, một loại cá lớn.

¹² Đế-nghe-già-la 帝魔伽羅. Pāli: timiṅgala, một loại cá lớn có thể nuốt cả một chiếc thuyền.

¹³ Đề-đế-nghe-già-la 提帝魔伽羅. Pāli: timiramiṅgala, một loại cá lớn có thể nuốt cả một chiếc thuyền.

¹⁴ Hằng-già 恆伽, Diêu-vưu-na 搖尤那, Xa-lao-phù 舍牢浮, A-di-la-ba-đề 阿夷羅婆提, Ma-xí 摩企. Pāli, theo thứ tự: Gaṅgā, Yamunā, Sarabhū, Aciravatī, Mahī.

thấy vậy nên thích sống trong ấy.

“Bạch Thế Tôn, trong chính pháp luật của Thế Tôn có mấy pháp vị tăng hữu, khiến cho các Tỳ-kheo thấy được bèn hoan lạc trong đó?”

Thế Tôn đáp:

“Này Bà-la-la, trong chính pháp luật của ta cũng có tám pháp vị tăng hữu, khiến cho các Tỳ-kheo thấy được bèn hoan lạc trong đó. Những gì là tám?

“Này Bà-la-la, giống như đại hải, từ đáy lên trên, chu vi dần dần rộng hơn, nghiêng chênh chếch lên dần mãi tạo thành bờ biển. Nước trong ấy luôn luôn đầy, chưa từng chảy ra ngoài. Này Bà-la-la, chính pháp luật của Ta cũng giống như vậy, dần dần thực hành, dần dần học tập, dần dần đoạn trừ và dần dần giáo hóa. Này Bà-la-la, đây là pháp vị tăng hữu thứ nhất trong chính pháp luật của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi thích sống trong đó: trong chính pháp Ta dần dần thực hành, dần dần học, dần dần đoạn trừ và dần dần giáo hóa.

“Lại nữa, này Bà-la-la, giống như thủy triều trong đại hải chưa từng sai thời. Này Bà-la-la, chính pháp luật của Ta cũng giống như vậy, những cấm giới được thi thiết cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, [476c] Ưu-bà-di; các thiện nam tử ấy dù cho đến mạng chung cũng không phạm giới. Này Bà-la-la, đây là pháp vị tăng hữu thứ hai trong chính pháp luật của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi thích sống trong đó: trong chính pháp luật của Ta những cấm giới được thi thiết cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di; các thiện nam tử ấy dù cho đến mạng chung cũng không phạm giới.

“Lại nữa, này Bà-la-la, giống như nước trong đại hải rất sâu không đáy, rộng không thấy bờ. Này Bà-la-la, chính pháp luật của Ta cũng giống như vậy, các pháp rất sâu không đáy, rất rộng không thấy bờ. Này Bà-la-la đây là pháp vị tăng hữu thứ ba trong chính pháp luật của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi thích sống trong đó: chính pháp luật của Ta rất sâu không có đáy, rất rộng không thấy bờ.

“Lại nữa, này Bà-la-la, giống như nước trong đại hải cùng một vị mặn. Này Bà-la-la, chính pháp của ta cũng giống như vậy, chỉ có một vị là vị vô dục, vị giác, vị tịch tĩnh và vị đạo. Này Bà-la-la đây là pháp vị tăng hữu thứ tư trong chính pháp luật của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi

thích sống trong đó: chính pháp luật của Ta chỉ có một vị là vị vô dục, vị giác, vị tịch tĩnh và vị đạo.

“Lại nữa, này Bà-la-la, giống như đại hải có rất nhiều trân bảo, vô lượng đồ quý báu lạ mắt; đủ các loại đồ trân kỳ được chứa đầy trong đó. Tên của các trân bảo đó là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, ma ni, trân châu, bích ngọc, bạch kha, loa bích, san hô, hổ phách, mã não, đồi mồi, đá đỏ, tuyền châu. Này Bà-la-la, chính pháp luật của Ta cũng giống như vậy, có rất nhiều trân bảo, vô lượng đồ quý báu lạ mắt; đủ các loại đồ trân kỳ được chứa đầy trong đó. Những pháp trân bảo đó là: bốn niệm xứ, bốn chính cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, Thánh đạo tám chi. Này Bà-la-la đây là pháp vị tăng hữu năm hai trong chính pháp luật của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi thích sống trong đó: trong chính pháp luật của Ta cũng có rất nhiều trân bảo, vô lượng đồ quý báu lạ mắt; đủ các loại đồ trân kỳ được chứa đầy trong đó. Những pháp trân bảo đó là: bốn niệm xứ, bốn chính cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, Thánh đạo tám chi.

“Lại nữa, này Bà-la-la, giống như đại hải là chỗ cư trú của các vị thần lớn. Những vị thần đó tên là A-tu-la, Kiền-thấp-hòa, La-sát, cá kinh, sinh cá sấu, Bà-lưu-nê, Đế-nghe, Đế-nghe-già-la, Đề-đế-nghe-già-la. Lại nữa, trong đại hải, rất kỳ lạ, rất đặc biệt, có chúng sinh thân thể tới một trăm do-tuần, [577a] hai trăm do-tuần, cho đến ba trăm do-tuần, bảy trăm do-tuần mà thân vẫn ở trong trong đại hải. Này Bà-la-la, chính pháp luật của Ta cũng giống như vậy, có các thần to lớn, là Thánh chúng, đều cư trú trong đó. Tên của các thần to lớn đó là: A-la-hán, Hướng A-la-hán, A-na-hàm, Hướng A-na-hàm, Tư-đà-hàm, Hướng Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn, Hướng Tu-đà-hoàn. Này Bà-la-la đây là pháp vị tăng hữu thứ sáu trong chính pháp luật của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi thích sống trong đó: trong chính pháp luật của Ta, có các thần to lớn, là Thánh chúng, đều cư trú trong đó. Tên của các thần to lớn đó là: A-la-hán, Hướng A-la-hán, A-na-hàm, Hướng A-na-hàm, Tư-đà-hàm, Hướng Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn, Hướng Tu-đà-hoàn.

“Lại nữa, này Bà-la-la, giống như đại hải thanh tịnh không dung chứa tử thi, nếu có người mạng chung trong biển, thì qua một đêm, gió sẽ thổi tấp vào bờ. Này Bà-la-la, chính pháp luật của ta cũng giống như vậy, Thánh chúng thanh tịnh không dung chứa tử thi. Nếu có người nào không tinh

tấn, sinh ra điều ác, phi phạm hạnh mà xưng là phạm hạnh, phi Sa-môn mà xưng là Sa-môn; người ấy dù ở trong Thánh chúng, nhưng cách Thánh chúng rất xa; Thánh chúng cũng lại cách người ấy rất xa. Nay Bà-la-la đây là pháp vị tăng hữu thứ bảy trong chính pháp luật của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi thích sống trong đó: trong chính pháp luật của Ta cũng giống như vậy, Thánh chúng thanh tịnh không dung chứa tử thi. Nếu có người nào không tinh tấn, sinh ra điều ác, phi phạm hạnh mà xưng là phạm hạnh, phi Sa-môn mà xưng là Sa-môn; người ấy dù ở trong Thánh chúng, nhưng cách Thánh chúng rất xa; Thánh chúng cũng lại cách người ấy rất xa.

“Lại nữa, này Bà-la-la, giống như đại hải thuộc về châu Diêm-phù có năm sông lớn, là Hằng-già, Diêu-vưu-na, Xa-lao-phù, A-di-la-ba-đề, Ma-xí. Tất cả đều chảy vào đại hải. Nay Bà-la-la, chính pháp luật của Ta cũng giống như thế; thiện nam tử, thuộc dòng Sát-lị, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo; người ấy bỏ tên cũ, có tên chung là Sa-môn. Thiện nam tử thuộc dòng Bà-la-môn, dòng cư sĩ, dòng thợ thuyền, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo; người ấy bỏ tên cũ, có tên chung là Sa-môn. Nay Bà-la-la, đây là pháp vị tăng hữu thứ tám trong chính pháp luật của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi thích sống trong đó: trong chính pháp luật của ta, thiện nam tử, thuộc dòng Sát-lị, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, [477b] xuất gia học đạo; người ấy bỏ tên cũ, có tên chung là Sa-môn. Thiện nam tử thuộc dòng Bà-la-môn, dòng cư sĩ, dòng thợ thuyền, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo; người ấy bỏ tên cũ, có tên chung là Sa-môn.

“Nay Bà-la-la, đó là tám pháp vị tăng hữu trong chính pháp luật của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi ưa thích trú trong đó.

“Nay Bà-la-la, ý ông nghĩ thế nào? Trong chính pháp luật của Ta có tám pháp vị tăng hữu, trong đại hải của ông cũng có tám pháp vị tăng hữu; hai loại vị tăng hữu ấy, loại nào thù Thắng Lâm hơn? Vì diệu, tối thượng hơn?

Bà-la-la thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, tám pháp vị tăng hữu có trong đại hải của con không bằng tám pháp vị tăng hữu của Như Lai; không bằng một phần ngàn, một phần vạn; không thể so sánh, không thể ví dụ, không thể đếm, không thể kể, chỉ có tám pháp vị tăng hữu của Thế Tôn là cao hơn cả, là tối Thắng Lâm, là vi diệu, là tối thượng.

“Hôm nay con xin tự quy y Phật, quy y Pháp và Chúng Tỳ-kheo; cúi mong Thế Tôn chấp nhận cho con làm Ưu-bà-tắc; bắt đầu từ hôm nay, con thân tự quy y, cho đến mạng chung.”

Đức Phật thuyết như vậy. A-tu-la vương Bà-la-la và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.¹⁵



¹⁵ Bản Hán, hết quyển 8.

36. KINH ĐỊA ĐỘNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Kim cang¹, thành Viết-địa².

Bấy giờ cõi đất kia bị chấn động mạnh³. Khi cõi đất bị chấn động mạnh, bốn mặt gió lớn nổi lên, bốn phương sao chổi mọc; nhà cửa, tường vách, tất cả đều sụp đổ.

Lúc đó, Tôn giả A-nan thấy cõi đất bị chấn động mạnh. Khi cõi đất bị chấn động mạnh, bốn mặt gió lớn nổi lên, bốn phương sao chổi mọc; nhà cửa, tường vách, tất cả đều sụp đổ. A-nan thấy rồi sợ hãi, toàn thân lông dựng đứng; đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, đứng sang một bên, [477c] rồi thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, hôm nay cõi đất bị chấn động mạnh. Khi cõi đất bị chấn động mạnh, bốn mặt gió lớn nổi lên, bốn phương sao chổi mọc; nhà cửa, tường vách, tất cả đều sụp đổ.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan rằng:

“Thật vậy, A-nan, nay đất bị chấn động mạnh. Thật vậy, A-nan, khi cõi đất bị chấn động mạnh, bốn mặt gió lớn nổi lên, bốn phương sao chổi mọc; nhà cửa, tường vách, tất cả đều sụp đổ.”

A-nan bạch rằng:

“Thế Tôn, có mấy nguyên nhân cõi đất bị chấn động mạnh. Khi cõi đất bị chấn động mạnh, bốn mặt gió lớn nổi lên, bốn phương sao chổi mọc; nhà cửa, tường vách, tất cả đều sụp đổ?”

Thế Tôn đáp:

“Này A-nan, có ba nguyên nhân khiến cõi đất bị chấn động mạnh. Khi cõi đất bị chấn động mạnh, bốn mặt gió lớn nổi lên, bốn phương sao chổi mọc; nhà cửa, tường vách, tất cả đều sụp đổ. Những gì là ba?

¹ Kim cang 金剛. Pāli: Vajirā, không thấy địa danh này trong Pāli. Có lẽ là Vajjī. No.125(42-5), tại Xá-vệ. Bản Pāli: tại Vesālī.

² Viết địa 日地. Pāli, có lẽ phiên âm của Vajjī (cũng dịch là *Bạt-kỳ*), tên chủng tộc, cũng là tên Vương quốc; nhưng không tìm thấy tên thành tương đương.

³ Tham chiếu, D.16, biến cố xảy ra tại Cāpāla, sau khi Thế Tôn chấp thuận lời thỉnh cầu của Ma vương, Ngài xả bỏ thọ hành. Tham chiếu No.1(2), tr.15b và tt.

“Này A-nan, cõi đất này y chỉ trên nước; nước y chỉ trên gió; gió y vào hư không. A-nan, có khi trong hư không nổi lên gió lớn. Gió nổi lên thì nước bị khuấy động. Nước bị khuấy động thì xảy ra động đất. Đó là nguyên nhân thứ nhất khiến cõi đất bị chấn động mạnh. Khi cõi đất bị chấn động mạnh, bốn mặt gió lớn nổi lên, bốn phương sao chổi mọc; nhà cửa, tường vách, tất cả đều sụp đổ.

“Lại nữa, A-nan, Tỳ-kheo có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, tâm tự tại như ý túc. Vị ấy khởi lên ý tưởng nhỏ đối với đất, khởi ý tưởng vô lượng tưởng đối với nước⁴. Do nguyên nhân ấy nên đất tùy theo sở dục, tùy theo ý tưởng của vị ấy mà bị xoáy rồi lại xoáy, chấn động rồi lại chấn động. Vị trời theo hộ vệ vị Tỳ-kheo ấy cũng lại như vậy, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, tâm tự tại như ý túc. Vị ấy khởi lên ý tưởng nhỏ đối với đất, khởi ý tưởng vô lượng tưởng đối với nước. Do nguyên nhân ấy nên đất tùy theo sở dục, tùy theo ý tưởng của vị ấy mà bị xoáy rồi lại xoáy, chấn động rồi lại chấn động. Đó là nguyên nhân thứ hai, khiến cõi đất bị chấn động mạnh. Khi cõi đất bị chấn động mạnh, bốn mặt gió lớn nổi lên, bốn phương sao chổi mọc; nhà cửa, tường vách, tất cả đều sụp đổ.

“Lại nữa, A-nan, còn không đầy ba tháng nữa, Như Lai sẽ nhập Niết-bàn. Do có ấy khiến cõi đất bị chấn động mạnh. Khi cõi đất bị chấn động mạnh, bốn mặt gió lớn nổi lên, bốn phương sao chổi mọc; nhà cửa, tường vách, tất cả đều sụp đổ. Đó là nguyên nhân thứ ba khiến cõi đất bị chấn động mạnh. Khi cõi đất bị chấn động mạnh, bốn mặt gió lớn nổi lên, bốn phương sao chổi mọc; nhà cửa, tường vách, tất cả đều sụp đổ.”

Bấy giờ, sau khi nghe xong, Tôn giả A-nan buồn rầu khóc lóc, nước mắt đầm đìa, chấp tchínhng về Phật mà bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu! Đức Như Lai, Vô Sở Trước, [478a] Đăng chính Giác, thành tựu công đức, có nhiều pháp vị tăng hữu. Vì sao thế? Vì không bao lâu nữa, sau ba tháng, Như Lai sẽ nhập Niết-bàn; bấy giờ khiến cõi đất bị chấn động mạnh. Khi cõi đất bị chấn động mạnh, bốn mặt gió lớn nổi lên, bốn phương sao chổi mọc; nhà

⁴ Có bốn tướng: tiểu tướng, đại tướng, vô lượng tướng, vô sở hữu tướng (*Tập dị* 6. tr.492 a).

cửa, tường vách, tất cả đều sụp đổ.”

Thế Tôn nói với Tôn giả A-nan rằng:

“Thật vậy, A-nan! Thật vậy, A-nan! Thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, thành tựu công đức, có nhiều pháp vị tăng hữu. Vì sao thế? Vì không bao lâu nữa, sau ba tháng, Như Lai sẽ nhập Niết-bàn; bấy giờ khiến cõi đất bị chấn động mạnh. Khi cõi đất bị chấn động mạnh, bốn mặt gió lớn nổi lên, bốn phương sao chổi mọc; nhà cửa, tường vách, tất cả đều sụp đổ⁵.”

“Lại nữa, này A-nan, Ta đi đến vô lượng trăm ngàn chúng Sát-lị,⁶ cùng đàm luận khiến cho họ hài lòng. Sau khi cùng ngồi xuống ổn định, giống như sắc tướng của họ, sắc tướng Ta cũng vậy; giống như âm thanh của họ, âm thanh của Ta cũng như vậy; giống như oai nghi lễ tiết của họ, oai nghi lễ tiết của Ta cũng như vậy. Nếu họ có hỏi về ý nghĩa gì, Ta sẽ trả lời họ về ý nghĩa ấy. Lại nữa, Ta thuyết pháp cho họ, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ cho họ rồi, Ta biến mất khỏi nơi ấy. Khi Ta biến mất rồi, họ không biết Ta là ai, là người hay phi nhân. Này A-nan, như vậy thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, thành tựu công đức, có được pháp vị tăng hữu. Cũng như vậy, đối với các chúng Bà-la-môn, Sa-môn và cư sĩ.

“Này A-nan, Ta đi đến vô lượng trăm ngàn thiên chúng trời Tứ vương, cùng đàm luận khiến cho họ hài lòng. Sau khi cùng ngồi xuống ổn định, giống như sắc tướng của họ, sắc tướng Ta cũng vậy; giống như âm thanh của họ, âm thanh của Ta cũng như vậy; giống như oai nghi lễ tiết của họ, oai nghi lễ tiết của Ta cũng như vậy. Nếu họ có hỏi về ý nghĩa gì, Ta sẽ trả lời họ về ý nghĩa ấy. Lại nữa, Ta thuyết pháp cho họ, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ cho họ rồi, Ta biến mất khỏi nơi ấy. Khi Ta biến mất rồi, họ không biết Ta là ai, là người hay phi

⁵ Các bản kia, có tám trường hợp khiến động đất, như trên, và kể thêm lúc Bồ-tát giáng thân, lúc Bồ-tát đản sinh, lúc Như Lai thành đạo, lúc Như Lai chuyển pháp luân, lúc Như Lai xả bỏ thọ hành và lúc Như Lai nhập Niết-bàn.

⁶ Xem No 1(2) kinh Du hành, tr. 16b.

nhân. Nay A-nan, như vậy thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, thành tựu công đức, có được pháp vị tăng hữu. Cũng vậy, đối với thiên chúng Tam Thập Tam Thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất-đà thiên, Hóa lạc thiên, Tha hóa lạc thiên, Phạm thân thiên, Phạm-phú-lâu thiên, Thiểu quang thiên, Vô lượng quang thiên, Hoảng dục thiên, Thiểu tịnh thiên, Vô lượng tịnh thiên, Biến tịnh thiên, Vô quái ngại thiên, Thọ phước thiên, [478b] Quả thật thiên, Vô phiền thiên, Vô nhiệt thiên, Thiện kiến thiên, và Thiện hiện thiên⁷.

“Nay A-nan, Ta đến ngồi giữa vô lượng trăm ngàn thiên chúng trời Sắc cứu cánh⁸, cùng đàm luận khiến cho họ hài lòng. Sau khi cùng ngồi xuống ổn định, giống như sắc tướng của họ, sắc tướng Ta cũng vậy; giống như âm thanh của họ, âm thanh của Ta cũng như vậy; giống như oai nghi lễ tiết của họ, oai nghi lễ tiết của Ta cũng như vậy. Nếu họ có hỏi về ý nghĩa gì, Ta sẽ trả lời họ về ý nghĩa ấy. Lại nữa, Ta thuyết pháp cho họ, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ cho họ rồi, Ta biến mất khỏi nơi ấy. Khi Ta biến mất rồi, họ không biết Ta là ai,

⁷ Tứ vương thiên 四王天 (Pāli: Catummahārājikā devā), Tam Thập Tam Thiên 三十三天 (Tāvātimsā: Đạo-lị), Diệm-ma thiên 焰摩天 (Yāmā), Đâu-suất-đà thiên 兜率哆天 (Tusitā), Hóa lạc thiên 化樂天 (Nimmānarati), Tha hóa lạc thiên 他化樂天 (Paranimmitavasavatti), Phạm thân thiên 梵身天 (Brahmakāyikā: Phạm chúng), Phạm-phú-lâu thiên 梵富樓天 (Brahmapurohītā: Phạm phú), Thiểu quang thiên 少光天 (Parittābhā), Vô lượng quang thiên 無量光天 (Appamāṇābhā), Hoảng dục thiên 晃昱天 (Ābhassarā: Cực quang / Quang âm), Thiểu tịnh thiên 少淨天 (Parittasubhā), Vô lượng tịnh thiên 無量淨天 (Appamāṇasubhā), Biến tịnh thiên 遍淨天 (Subhakiṇṇā), Vô quái ngại thiên 無罣礙天 (Pl.? Skt. Anabhrakā: Vô vân thiên), Thọ phước thiên 受福天 (Pl.? Skt. Puṇyaprasavā: Phước sinh thiên), Quả thật thiên 果實天 (Vehapphalā: Quang quả thiên), Vô phiền thiên 無煩天 (Avihā), Vô nhiệt thiên 無熱天 (Atappā), Thiện kiến thiên 善見天 (Sudassā), và Thiện hiện thiên 善現天 (Sudassī). Pāli: Tám chúng (*aṭṭha parisā*), biểu hiện tám pháp vị tăng hữu của Đức Như Lai giữa các loài trời và loài người: Sát-lị, Bà-la-môn, Cư sĩ, Sa-môn, Tứ thiên vương, Tam Thập Tam Thiên, chúng Ma và Phạm thiên.

⁸ Sắc cứu cánh 色究竟, cao nhất tầng thứ tư của Sắc giới.

là người hay phi nhân. Nay A-nan, như vậy thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, thành tựu công đức, có được pháp vị tăng hữu.”

Đức Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



37. KINH CHIÊM-BA

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại Chiêm-ba, ở bên hồ Hằng-già¹.

Bấy giờ là ngày mười lăm trong tháng, là ngày Thế Tôn thuyết Biệt giải thoát², trải tọa ngồi trước chúng Tỳ-kheo. Khi Đức Thế Tôn ngồi xong, liền nhập định và bằng tha tâm trí Ngài quan sát tâm đại chúng. Khi quan sát tâm đại chúng rồi, cho đến lúc hết buổi đầu hôm, Ngài vẫn ngồi im lặng.

Bấy giờ có một Tỳ-kheo³ từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai, sửa y chấp tay hướng về Đức Phật thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, đã hết buổi đầu hôm, Phật và chúng Tỳ-kheo tập trung ngồi đây đã lâu, mong Đức Thế Tôn nói thuyết Biệt giải thoát.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn im lặng không trả lời.

Thế rồi, cho đến phần giữa đêm, Đức Thế Tôn vẫn ngồi im lặng. Tỳ-kheo kia lại lần nữa, từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai sửa y, chấp tay hướng về Đức Phật và thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, buổi đầu hôm đã qua, phần giữa đêm cũng sắp hết; Phật và chúng Tỳ-kheo tập trung ngồi đây đã lâu, mong Đức Thế Tôn nói thuyết Biệt giải thoát.”

Đức Thế Tôn lại một lần nữa không trả lời.

Thế rồi, cho đến phần cuối đêm, Đức Thế Tôn vẫn ngồi im lặng. Tỳ-kheo kia lại lần thứ ba từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai sửa y, chấp tay hướng về Đức Thế Tôn mà thưa rằng:

¹ Chiêm-ba, Hằng-già trì 瞻波恆伽池, Pāli: hồ sen Gaggarā ở Campā. *Ngũ Phần* 28 tr.180c): Chiêm-ba quốc, Hằng thủy biên. *Tứ Phần* 36 (tr.824a): Chiêm-ba quốc Già-già hà bắc. Nhưng, A. Viii. 20: trú tại Sāvattī, trong giảng đường của bà Migāramātu (Visakhā), khu vườn phía Đông.

² Trong bản Hán: *nguyệt thập ngũ nhật thuyết tụng giải thoát* 月十五日說從解脫. Ba-la-đề-mộc-xoa (Pāṭimokkha), đây dịch là *tụng giải thoát*, phổ thông dịch là *biệt giải thoát*, chỉ các loại giới mà Phật chế cho các chúng đệ tử. Bản Pāli: *tena samayena... tadahuposathe*, nhân ngày bố-tát.

³ Các bản Hán khác đều nói Tôn giả A-nan. A. Vii.20 cũng vậy.

“Bạch Thế Tôn, buổi đầu hôm đã qua, phần giữa đêm cũng chấm dứt, rồi buổi cuối đêm cũng sắp hết, trời gần về sáng, không bao lâu nữa, mặt trời sẽ mọc; Phật và chúng Tỳ-kheo tập trung ngồi đây đã quá lâu, mong Đức Thế Tôn [478c] thuyết pháp Biệt giải thoát.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo vị Tỳ-kheo kia rằng:

“Trong chúng này có một thầy Tỳ-kheo làm đã việc bất tịnh⁴.”

Lúc đó Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng đang ở trong chúng. Rồi Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền suy nghĩ thế này: “Vị Tỳ-kheo nào mà Đức Thế Tôn nói trong chúng này có một thầy Tỳ-kheo đã làm việc bất tịnh? Ta nên nhập định như thế⁵, nhân trong định như thế, bằng tha tâm trí mà quan sát tâm niệm đại chúng.”

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nhập định như thế, nhân trong định như thế, bằng tha tâm trí mà quan sát tâm niệm đại chúng. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền biết vị Tỳ-kheo mà vì vị ấy Đức Thế Tôn nói trong chúng này có một thầy Tỳ-kheo đã làm việc bất tịnh.

Rồi thì, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên xuất định, đi đến trước vị Tỳ-kheo ấy, nắm tay kéo đi, mở cửa lòi ra bên ngoài mà nói:

“Này người ngu si, hãy đi xa đi, đừng sống ở đây⁶, không được trở lại hội họp với đại chúng Tỳ-kheo, từ nay trở đi ông không phải là Tỳ-kheo nữa.”

Ngài đóng cửa, gài chốt then lại, rồi trở về chỗ Đức Phật, cúi đầu sát lạy chân Phật, rồi ngồi sang một bên mà thưa rằng:

“Vị Tỳ-kheo mà vì vị ấy Đức Thế Tôn nói trong chúng này có một Tỳ-kheo đã làm việc bất tịnh; con đã đuổi vị ấy đi rồi. Bạch Thế Tôn, buổi đầu hôm đã qua, phần giữa đêm cũng chấm dứt, rồi buổi cuối đêm cũng

⁴ *Tứ Phần*, đã dẫn: “Giữa một đại chúng không thanh tịnh mà muốn Đức Như Lai yết-ma thuyết giới thì không có trường hợp đó”.

⁵ Hán: *như kỳ tượng định*. xem [cht.24](#), kinh số 33.

⁶ Hán: *mạc ư thử trụ* 莫於此住. *Tứ Phần* 28 đd. tr.181a: *nhữ xuất khứ, diệt khứ, mạc thử trung trụ* 汝出去滅去莫此中住. Pāli: *natthi te bhikkhūhi saddhim saṃvāso*, “ông không còn sống chung với các Tỳ-kheo”. Tham chiếu các bản, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên trực xuất Tỳ-kheo này ra khỏi tăng. Bản Pāli: *saṃvāso* (sống chung, sinh hoạt chung), trong các bản Hán: *trú*.

sắp hết, trời gần về sáng, không bao lâu nữa, mặt trời sẽ mọc; Phật và chúng Tỳ-kheo tập trung ngồi đây đã quá lâu, mong Đức Thế Tôn thuyết pháp Biệt giải thoát⁷.”

Đức Thế Tôn nói:

“Này Đại Mục-kiền-liên, kẻ ngu si sẽ mắc đại tội nếu gây phiền nhiễu cho Đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo. Này Đại Mục-kiền-liên, nếu Đức Như Lai ở giữa chúng bất tịnh mà thuyết Biệt giải thoát thì đầu người kia sẽ vỡ thành bảy mảnh. Do đó, này Đại Mục-kiền-liên, từ nay về sau các thầy hãy thuyết Biệt giải thoát, Đức Như Lai không thuyết Biệt giải thoát nữa⁸. Vì sao như thế⁹?

“Này Đại Mục-kiền-liên, giống như đại hải, từ đáy lên trên, chu vi dần dần rộng hơn, nghiêng chênh chếch lên dần mãi tạo thành bờ biển. Nước trong ấy luôn luôn đầy, chưa từng chảy ra ngoài. Này Đại Mục-kiền-liên, chính pháp luật của Ta cũng giống như vậy, dần dần thực hành, dần dần học tập, dần dần đoạn trừ và dần dần giáo hóa. Này Đại Mục-kiền-liên, đây là pháp vị tăng hữu thứ nhất trong chính pháp luật của Ta: trong chính pháp Ta dần dần thực hành, dần dần học, dần dần đoạn trừ và dần dần giáo hóa.

“Lại nữa, này Đại Mục-kiền-liên, giống như thủy triều trong đại hải chưa từng sai thời. Này Đại Mục-kiền-liên, chính pháp luật của Ta cũng giống như vậy, những cấm giới được thi thiết cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di; các thiện nam tử ấy [479a] dù cho đến mạng chung cũng không phạm giới. Này Đại Mục-kiền-liên, đây là pháp vị tăng hữu thứ hai trong chính pháp luật của Ta: trong chính pháp luật của Ta những cấm giới được thi thiết cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di; các thiện nam tử ấy dù cho đến mạng chung cũng không phạm giới.

“Lại nữa, này Đại Mục-kiền-liên, giống như nước trong đại hải rất sâu không đáy, rộng không thấy bờ. Này Đại Mục-kiền-liên, chính pháp luật

⁷ *Tứ Phần 36* (tr.824b): “Đại chúng đã thanh tịnh, mong Thế Tôn thuyết giới.

⁸ *Tứ Phần 36* (tr.824b): Đức Phật khiển trách Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, và thiết lập một trong bảy pháp Diệt tránh là “Tự ngôn trị”.

⁹ Từ đây trở xuống, tán thán sự hy hữu của đại hải như kinh 35 trên.

của Ta cũng giống như vậy, các pháp rất sâu không đáy, rất rộng không thấy bờ. Nay Đại Mục-kiền-liên, đây là pháp vị tăng hữu thứ ba trong chính pháp luật của Ta: chính pháp luật của Ta rất sâu không có đáy, rất rộng không thấy bờ.

“Lại nữa, nay Đại Mục-kiền-liên, giống như nước trong đại hải cùng một vị mặn. Nay Đại Mục-kiền-liên, chính pháp của Ta cũng giống như vậy, chỉ có một vị là vị vô dục, vị giác, vị tịch tĩnh và vị đạo. Nay Đại Mục-kiền-liên, đây là pháp vị tăng hữu thứ tư trong chính pháp luật của Ta: chính pháp luật của Ta chỉ có một vị là vị vô dục, vị giác, vị tịch tĩnh và vị đạo.

“Lại nữa, nay Đại Mục-kiền-liên, giống như đại hải có rất nhiều trân bảo, vô lượng đồ quý báu lạ mắt; đủ các loại đồ trân kỳ được chứa đầy trong đó. Tên của các trân bảo đó là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, ma ni, trân châu, bích ngọc, bạch kha, loa bích, san hô, hổ phách, mã não, đồi mồi, đá đỏ, tuyền châu. Nay Đại Mục-kiền-liên, chính pháp luật của Ta cũng giống như vậy, có rất nhiều trân bảo, vô lượng đồ quý báu lạ mắt; đủ các loại đồ trân kỳ được chứa đầy trong đó. Những pháp trân bảo đó là: Bốn niệm xứ, bốn chính cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, Thánh đạo tám chi. Nay Đại Mục-kiền-liên, đây là pháp vị tăng hữu thứ năm trong chính pháp luật của Ta: trong chính pháp luật của Ta cũng có rất nhiều trân bảo, vô lượng đồ quý báu lạ mắt; đủ các loại đồ trân kỳ được chứa đầy trong đó. Những pháp trân bảo đó là: Bốn niệm xứ, bốn chính cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, Thánh đạo tám chi.

“Lại nữa, nay Đại Mục-kiền-liên, giống như đại hải là chỗ cư trú của các vị thần lớn. Những vị thần đó tên là A-tu-la, Kiền-thấp-hòa, La-sát, cá kinh, rùa, cá sấu, Bà-lưu-nê, Đế-nghe, Đế-nghe-già-la, Đề-đế-nghe-già-la. Lại nữa, trong đại hải, rất kỳ lạ, rất đặc biệt, có chúng sinh thân thể tới một trăm do-tuần, hai trăm do-tuần, cho đến ba trăm do-tuần, bảy trăm do-tuần mà thân vẫn ở trong trong đại hải. Nay Đại Mục-kiền-liên, chính pháp luật của Ta cũng giống như vậy, [479b] có các thần to lớn, là Thánh chúng, đều cư trú trong đó. Tên của các thần to lớn đó là: A-la-hán, Hướng A-la-hán, A-na-hàm, Hướng A-na-hàm, Tư-đa-hàm, Hướng Tư-đa-hàm, Tu-đa-hoàn, Hướng Tu-đa-hoàn. Nay Đại Mục-kiền-liên, đây là pháp vị tăng hữu thứ sáu trong chính pháp luật của Ta: trong

chính pháp luật của Ta, có các thần to lớn, là Thánh chúng, đều cư trú trong đó. Tên của các thần to lớn đó là: A-la-hán, Hướng A-la-hán, A-na-hàm, Hướng A-na-hàm, Tu-đà-hàm, Hướng Tu-đà-hàm, Tu-đà-hoàn, Hướng Tu-đà-hoàn.

“Lại nữa, này Đại Mục-kiền-liên, giống như đại hải thanh tịnh không dung chứa tử thi, nếu có người mạng chung trong biển, thì qua một đêm, gió sẽ thổi tấp vào bờ. Này Đại Mục-kiền-liên, chính pháp luật của Ta cũng giống như vậy, Thánh chúng thanh tịnh không dung chứa tử thi. Nếu có người nào không tinh tấn, sinh ra điều ác, phi phạm hạnh mà xưng là phạm hạnh, phi Sa-môn mà xưng là Sa-môn; người ấy dù ở trong Thánh chúng, nhưng cách Thánh chúng rất xa; Thánh chúng cũng lại cách người ấy rất xa. Này Đại Mục-kiền-liên, đây là pháp vị tăng hữu thứ bảy trong chính pháp luật của Ta: trong chính pháp luật của Ta cũng giống như vậy, Thánh chúng thanh tịnh không dung chứa tử thi. Nếu có người nào không tinh tấn, sinh ra điều ác, phi phạm hạnh mà xưng là phạm hạnh, phi Sa-môn mà xưng là Sa-môn; người ấy dù ở trong Thánh chúng, nhưng cách Thánh chúng rất xa; Thánh chúng cũng lại cách người ấy rất xa.

“Lại nữa, này Đại Mục-kiền-liên, giống như đại hải thuộc về châu Diêm-phù có năm sông lớn, là Hằng-già, Diêu-vưu-na, Xa-lao-phù, A-di-la-ba-đề, Ma-xí. Tất cả đều chảy vào đại hải. Và trong đại hải nước do rồng tuôn từ trời đổ xuống, giọt nước lớn bằng cái bánh xe. Tất nhiên, nước ấy không thể khiến cho đại hải có tăng có giảm. Này Đại Mục-kiền-liên, trong chính pháp luật của Ta cũng lại như vậy. Thiện gia nam tử thuộc dòng Sát-lị, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, xuất gia học đạo, bất động tâm giải thoát¹⁰ được tự tác chứng, thành tựu và an trụ. Này Đại Mục-kiền-liên, bất động tâm giải thoát trong chính pháp luật của Ta không tăng không giảm. Cũng như vậy, đối với thiện gia nam tử thuộc dòng Bà-la-môn, dòng cư sĩ, dòng thợ thuyền, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, bất động tâm giải thoát được tự tác chứng thành tựu an trụ. Này Đại Mục-kiền-liên, bất động tâm giải thoát trong chính pháp luật của Ta

¹⁰ Bất di động tâm giải thoát 不移動心解脫. Pāli: *akuppā cetovimutti*, sự giải thoát của tâm, không còn dao động.

không tăng không giảm. Nay Đại Mục-kiền-liên, đây là pháp vị tăng hữu thứ tám trong chính pháp luật của Ta: trong chính pháp luật của Ta, [479c] thiện gia nam tử thuộc gòng Sát-lị, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình xuất gia học đạo, bất động tâm giải thoát, tự tác chứng, thành tựu an trụ. Cũng vậy đối với với tộc tánh tử thuộc dòng Bà-la-môn, cư sĩ, thợ thuyền, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, bất động tâm giải thoát được tự tác chứng thành tựu và an trụ. Nay Đại Mục-kiền-liên, bất động tâm giải thoát trong chính pháp luật của Ta không tăng không giảm.”

Đức Phật thuyết như vậy. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và các Tỳ-kheo, sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



38. KINH ÚC-GIÀ TRƯỞNG GIÀ (I)

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại Tì-xá-li, trong Đại lâm.

Bấy giờ Trưởng giả Úc-già¹, chỉ có một số phụ nữ theo hầu hạ và ông đang ở trước các phụ nữ ấy, từ Tì-xá-li ra đi, đến khoảng giữa Đại lâm và Tì-xá-li², chỉ để hoan lạc với các kỹ nữ, như vị quốc vương.

Rồi thì, Trưởng giả Úc-già, uống rượu say túy lúy, bỏ các phụ nữ kia ở lại đó, đi vào trong Đại lâm. Đang lúc Trưởng giả Úc-già say rượu lúy túy, từ đằng xa trông thấy Đức Thế Tôn ở giữa rừng cây, đoan chính đẹp đẽ như vàng trắng giữa đám sao, ánh sáng chói lợi rực rỡ, ánh sáng như tòa núi vàng, đầy đủ tướng tốt, oai thần nguy nga, các căn tịch tĩnh, không bị ngăn che, thành tựu sự điều ngự, tâm vắng lặng tịch mặc. Trưởng giả thấy Đức Phật rồi, lập tức tỉnh rượu. Sau khi tỉnh rượu, Trưởng giả Úc-già liền đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật rồi ngồi sang một bên.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn thuyết pháp cho ông, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho ông, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, như thông lệ của chư Phật, trước hết nói về pháp theo thuận tự³ cho người nghe hoan hỷ; tức là nói về thí, về giới, nói pháp sinh thiên, chê bai dục là tai hoạn, sinh tử là cấu uế, khen ngợi vô dục là vi diệu, đạo phẩm thanh tịnh trong trắng. Sau khi Đức Thế Tôn nói những pháp ấy cho ông rồi, ngài biết ông

¹Úc-già Trưởng giả 郁伽長者. Pāli: Ugga-gahapati. Có hai vị cùng tên. Vị Trưởng giả ở Vesali (Pāli: Ugga-gahapati Vesālīka), được tán thán trong kinh 39 sau. Theo nội dung, vị Ugga (Pāli: Ugga-gahapati Hatthigāma) của kinh này tại làng Hatthigāma, thuộc xứ Vajji và là người thuộc bộ tộc Vajji.

²Pāli (A. iv. 213): Tại Nāgavana, nơi hưởng lạc của ông gần Hatthigama.

³Hán: đoan chính pháp. Pāli: *anupubbikathā*; thành cú (A. iv. 213): *tassa me bhagavā anupubbim katham katesi, seyyathidaṃ - dānakatham sīlakatham saggakatham, kāmaṇaṃ ādīnaṃ okāraṃ saṃkilesaṃ, nekkhamme ānisaṃsaṃ pakāsesi*, “bấy giờ Thế Tôn nói pháp thuận tự cho nghe, đó là đề tài về thí, về giới, về sinh thiên, về sự nguy hiểm của dục, sự thấp hèn, sự ô nhiễm của dục, về ích lợi trong sự xuất ly đối với dục.

có tâm hoan hỷ, tâm cụ túc, tâm nhu nhuyễn, tâm nhẫn nại, tâm thẳng tắn, tâm chuyên nhất, tâm không nghi, tâm không bị che lấp, có khả năng, có sức mạnh, có thể kham thọ chính pháp, bấy giờ, như pháp thường của chư Phật, Ngài [480a] nói về pháp yếu chân chính⁴, Đức Thế Tôn thuyết cho ông nghe về Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

Lúc ấy Trưởng giả Úc-già, ngay trên chỗ ngồi, thấy được bốn Thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như vải trắng dễ nhuộm thành màu. Trưởng giả Úc-già, cũng giống như vậy, ngay nơi chỗ ngồi thấy được bốn Thánh đế, là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Tức thì, Trưởng giả Úc-già thấy pháp và đặc pháp, giác ngộ pháp bạch tịnh, đoạn trừ nghi, vượt qua hoặc, không còn tôn sùng ai khác, không còn theo ai khác, không còn do dự, đã trụ nơi quả chứng, được vô sở úy đối với giáo pháp của Thế Tôn, liền rời chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ và thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, con nay tự thân xin quy y Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo, cúi mong Đức Thế Tôn chấp nhận cho con làm Ưu-bà-tắc; bắt đầu từ hôm nay trọn đời, xin tự quy y cho đến mạng chung. Bạch Thế Tôn, từ ngày hôm nay, con xin theo Đức Thế Tôn, trọn đời lấy phạm hạnh làm đầu⁵, thọ trì năm giới.”

Sau khi Trưởng giả Úc-già xin theo Đức Thế Tôn, trọn đời lấy phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật nhiều quanh ba vòng rồi ra đi.

Ông liền trở về nhà, triệu tập các người vợ⁶ lại nói rằng:

“Các người biết không? Ta đã theo Đức Thế Tôn trọn đời lấy phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới. Các người nếu còn muốn được sống ở nơi đây thì có thể ở và làm việc bổ thí tạo phước. Nếu không muốn ở, ai về nhà nấy. Nếu các người muốn có chồng thì ta sẽ gả chồng cho.”

⁴ Hán: *chư Phật thuyết chính pháp yếu* 諸佛說正法要. Pāli: *buddhānaṃ sāmukhaṃsikaṃ dhammaḍesaṇā taṃ pakāseṇi*, Ngài thuyết minh bằng sự thuyết pháp mà chư Phật xưng dương.

⁵ Ông phát nguyện tuyệt dục. Bản Hán: *phạm hạnh vi thủ, thọ trì ngũ giới* 梵行為首受持五戒. Pāli: *brahmacariyapaṇḍamāni ca sikkhāpādāni samādiyaṃ*, thọ trì năm học xứ và phạm hạnh.

⁶ Hán: *chư phụ nhân* 諸婦人. Pāli: *catasso komāriyo pajāpatiyo*, bốn người vợ trẻ.

Bấy giờ người vợ cả thừa Trương giả Úc-già rằng:

“Nếu tôn ông đã theo Đức Phật, trọn đời lấy phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới, thì nên đem tôi gả cho người đàn ông kia.”

Trưởng giả Úc-già liền gọi người đàn ông kia đến, tay trái cầm tay người vợ cả, tay phải bưng chậu nước bằng vàng, bảo người kia rằng:

“Nay tôi đem người vợ cả này cho ông làm vợ.”

Người ấy nghe rồi, liền vì quá sợ hãi, nên lông trong thân đều dựng đứng, thừa Trương giả Úc-già rằng:

“Thưa Trưởng giả, ngài muốn giết tôi chăng? Ngài muốn giết tôi chăng?”

Trưởng giả trả lời rằng:

“Tôi không giết ông đâu. Vì tôi đã theo Phật trọn đời lấy phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới, do đó tôi sẽ đem người vợ cả này cho ông làm vợ.

Trưởng giả Úc-già khi đã cho người vợ cả này và ngay trong khi đó, hoàn toàn không có lòng hối tiếc.

Bấy giờ, với vô lượng trăm ngàn đại chúng vây quanh, Đức Thế Tôn ở trong đó tán thán khen ngợi Trưởng giả Úc-già rằng Trưởng giả Úc-già có tám pháp vị tăng hữu.

Rồi thì, có một vị Tỳ-kheo, khi đêm đã qua, vào lúc hừng sáng, khoác y ôm bát, [480b] đi đến nhà Trưởng giả Úc-già.

Trưởng giả Úc-già từ đằng xa trông thấy Tỳ-kheo đi đến, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai sửa áo, chấp tay hướng về Tỳ-kheo mà thưa rằng:

“Kính chào Tôn giả. Tôn giả đã từ lâu không đến đây. Mời ngồi nơi giường này.”

Bấy giờ Tỳ-kheo ngồi xuống giường ấy. Trưởng giả Úc-già đánh lễ dưới chân Tỳ-kheo rồi ngồi sang một bên. Tỳ-kheo bảo rằng:

“Này Trưởng giả. Ông có điều thiện lợi, có công đức lớn. Vì sao vậy? Đức Thế Tôn, với vô lượng trăm ngàn đại chúng vây quanh, ở trong đó tán thán khen ngợi Trưởng giả Úc-già rằng Trưởng giả Úc-già có tám pháp vị tăng hữu. Này trưởng giả, ông có những pháp gì?”

Trưởng giả Úc-già trả lời Tỳ-kheo rằng:

“Đức Thế Tôn không hề nói sai, nhưng con không biết Đức Thế Tôn vì lẽ gì nói như vậy. Nhưng mong Tôn giả nghe cho, về những pháp gì mà con

có.

“Một thời Phật trú tại Tì-xá-li, trong Đại lâm. Bảy giờ con chỉ có một số phụ nữ theo hầu hạ và đang ở trước các phụ nữ ấy, từ Tì-xá-li ra đi. Con đi đến khoảng giữa Đại lâm và Tì-xá-li, chỉ để hoan lạc với các kỹ nữ, như vị quốc vương. Rồi thì, thưa Tôn giả, con lúc bảy giờ uống rượu say lúy túy, bỏ các phụ nữ kia ở lại đó, tự mình đi vào trong Đại lâm. Thưa Tôn giả, con đang lúc say rượu lúy túy, từ đằng xa trông thấy Đức Thế Tôn ở giữa rừng cây, đoan chính đẹp đẽ như vàng trắng giữa đám sao, ánh sáng chói lọi rực rỡ, ánh sáng như tòa núi vàng, đầy đủ tướng tốt, oai thần nguy nga, các căn tịch tĩnh, không bị ngăn che, thành tựu sự điều ngự, tâm vắng lặng tịch mặc. Con thấy Đức Phật rồi, lập tức tỉnh rượu. Bạch Tôn giả, con có pháp ấy.”

Thầy Tỳ-kheo khen rằng:

“Này Trưởng giả, nếu có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu.”

“Bạch Tôn giả, con không phải chỉ có pháp này mà thôi. Lại nữa, bạch Tôn giả, sau khi tỉnh rượu, con liền đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật rồi ngồi sang một bên. Bảy giờ Đức Thế Tôn thuyết pháp cho con, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho con, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, như thông lệ của chư Phật, trước hết nói về pháp thuận tự cho người nghe hoan hỷ; tức là nói về thí, về giới, nói pháp sinh thiên, chê bai dục là tai hoạn, sinh tử là cầu uế, khen ngợi vô dục là vi diệu, đạo phẩm thanh tịnh trong trắng. Sau khi Đức Thế Tôn nói những pháp ấy cho con rồi, Phật biết con có tâm hoan hỷ, tâm cụ túc, tâm nhu nhuyến, tâm nhẫn nại, tâm thẳng tắn, tâm chuyên nhất, tâm không nghi, tâm không bị che lấp, có khả năng, có sức mạnh, có thể kham thọ chính pháp, rồi như thông lệ của chư Phật, ngài nói về pháp yếu chân chính, Đức Thế Tôn thuyết cho con nghe về Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Lúc ấy con, ngay trên chỗ ngồi, thấy được bốn Thánh đế, là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như vãi trắng dễ nhuộm thành màu, con cũng giống như vậy, ngay nơi chỗ ngồi thấy được bốn Thánh đế, [480c] là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Bạch Tôn giả, con có pháp ấy.”

Thầy Tỳ-kheo khen rằng:

“Này Trưởng giả, nếu có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu.”

“Bạch Tôn giả, con không phải chỉ có pháp này mà thôi. Lại nữa, bạch Tôn giả, con thấy pháp, giác ngộ pháp, đắc pháp bạch tịnh, đoạn trừ nghi, vượt qua hoặc, không còn tôn sùng người khác, không còn theo người khác, không còn do dự, đã trụ nơi quả chứng, được vô sở úy đối với giáo pháp của Đức Thế Tôn. Bạch Tôn giả, lúc ấy, con liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật thưa rằng: ‘Bạch Thế Tôn, hôm nay con tự thân xin quy y Phật, quy y Pháp và Chúng Tỳ-kheo, mong Đức Thế Tôn nhận con là Ưu-bà-tắc, bắt đầu từ hôm nay cho đến trọn đời, xin’ tự thân quy y cho đến khi mạng chung. Bạch Thế Tôn, từ nay con xin theo Đức Thế Tôn trọn đời, lấy phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới’. Bạch Tôn giả, từ khi con theo Đức Thế Tôn, trọn đời lấy phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới, chưa từng biết mình đã phạm giới. Bạch Tôn giả, con có pháp ấy.”

Thầy Tỳ-kheo khen rằng:

“Này Trưởng giả, nếu có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu.”

“Bạch Tôn giả, con không phải chỉ có pháp này mà thôi. Lại nữa, bạch Tôn giả, bấy giờ sau khi con theo Đức Thế Tôn, trọn đời lấy phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới rồi, cúi đầu nhiễu quanh Phật ba vòng rồi ra về. Trở về nhà, con liền tập trung các phụ nữ, rồi nói rằng:

“– Các người biết không? Ta đã theo Đức Thế Tôn trọn đời lấy phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới. Các người nếu còn muốn được sống ở nơi đây thì có thể ở và làm việc bố thí tạo phước. Nếu không muốn ở, ai về nhà nấy. Nếu các người muốn có chồng thì ta sẽ gả chồng cho.

“Bấy giờ người vợ cả thưa với con rằng:

“– Nếu tôn ông đã theo Đức Phật, trọn đời lấy phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới, thì nên đem tôi gả cho người đàn ông kia.

“Con bấy giờ gọi người đàn ông kia đến, tay trái cầm tay người vợ cả, tay phải bung chậu nước bằng vàng, bảo người kia rằng:

“– Nay tôi đem người vợ cả này cho ông làm vợ.

“Người ấy nghe rồi, liền vì quá sợ hãi, nên lông trong thân đều dựng đứng, thưa với con rằng:

“– Thưa Trưởng giả, ngài muốn giết tôi chăng? Ngài muốn giết tôi chăng?”

“Con nói với người ấy rằng:

– Tôi không giết ông đâu. Vì tôi đã theo Phật trọn đời lấy phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới, do đó ta sẽ đem người vợ cả này cho ông làm vợ.

“Thưa Tôn giả, [481a] con đã cho người vợ cả này, và ngay trong khi cho đó hoàn toàn không có lòng hối tiếc.”

Thầy Tỳ-kheo khen rằng:

“Này Trưởng giả, nếu có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu.”

“Bạch Tôn giả, con không phải chỉ có pháp này mà thôi. Lại nữa, bạch Tôn giả, khi con đến chúng viên⁷, nếu trước hết mà gặp một vị Tỳ-kheo nào, con liền đánh lễ. Nếu vị Tỳ-kheo ấy kinh hành, thì con cũng kinh hành. Nếu vị ấy ngồi, con cũng ngồi theo một bên, ngồi rồi nghe pháp. Vị Tôn giả ấy thuyết pháp cho con nghe; con cũng thuyết pháp cho vị Tôn giả ấy nghe. Vị Tôn giả ấy vấn sự con, con cũng vấn sự vị Tôn giả ấy. Vị Tôn giả ấy trả lời câu hỏi của con, con cũng trả lời vị Tôn giả ấy. Con nhớ chưa từng có lần nào con khinh mạn các vị Tỳ-kheo Thượng tôn Trưởng lão, trung hay hạ. Bạch Tôn giả, con có pháp ấy.”

Thầy Tỳ-kheo khen rằng:

“Này Trưởng giả, nếu có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu.”

“Bạch Tôn giả, con không phải chỉ có pháp này mà thôi. Lại nữa, bạch Tôn giả, khi con ở giữa chúng Tỳ-kheo, hành sự bố thí, bấy giờ có Chư Thiên trụ giữa hư không bảo con rằng: ‘Này Trưởng giả, đây là vị A-la-hán, đây là vị Hướng A-la-hán, đây là vị A-na-hàm, đây là vị Hướng A-na-hàm, đây là vị Tư-đà-hàm, đây là vị Hướng Tư-đà-hàm, đây là vị Tu-đà-hoàn, đây là vị Hướng Tu-đà-hoàn. Vị này tinh tấn, vị này không tinh tấn’. Bạch Tôn giả, khi con cúng thí cho đại chúng Tỳ-kheo, con nhớ chưa từng có ý phân biệt. Bạch Tôn giả, con có pháp ấy.”

Thầy Tỳ-kheo khen rằng:

“Này Trưởng giả, nếu có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu.”

“Bạch Tôn giả, con không phải chỉ có pháp này mà thôi. Lại nữa, bạch

⁷ Hán: *chúng viên* 眾園. Pāli: *saṃghārama* (Tăng già-lam), công viên hay tịnh viên của Tăng.

Tôn giả, khi con hành sự bố thí ở trong chúng Tỳ-kheo, có Chư Thiên trên hư không bảo con rằng: ‘Này Trưởng giả, có Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, và Thánh chúng của Như Lai khéo thú hưởng’. Bạch Tôn giả, con không do vị trời kia mà có tín, không do vị trời kia mà dục lạc, không nghe theo vị kia, nhưng con tự có tinh trí để biết Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, và Thánh chúng của Như Lai khéo thú hưởng. Bạch Tôn giả, con có pháp ấy.”

Thầy Tỳ-kheo khen rằng:

“Này Trưởng giả, nếu có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu.”

“Bạch Tôn giả, con không phải chỉ có pháp này mà thôi. Lại nữa, bạch Tôn giả, Đức Phật có nói về năm hạ phần kết, tức tham dục, sân nhuế, thân kiến, giới thủ, và nghi. Con thấy năm kết sử ấy, hoàn toàn không có một kết sử nào còn trói buộc con thác sinh vào bào thai, trở lại thế gian này. Bạch Tôn giả con có pháp ấy.”

Thầy Tỳ-kheo khen rằng:

“Này Trưởng giả, nếu có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu.”

Trưởng giả liền thưa với **[481b]** thầy Tỳ-kheo rằng:

“Mong Tôn giả ở lại đây thọ thực. Tỳ-kheo im lặng nhận lời. Sau khi biết Tỳ-kheo đã im lặng nhận lời, Trưởng giả Úc-già liền từ chỗ ngồi đứng dậy, tự mình múc nước rửa tay, rồi đem tất cả rất nhiều món ăn cứng và mềm rất mỹ, diệu tinh khiết, ngon lành, tự tay hầu sốt, để cho Tỳ-kheo ăn được no đủ. Ăn xong, dọn cất đồ đạc và dùng nước rồi, lấy một giường nhỏ ngồi riêng để nghe pháp.

Thầy Tỳ-kheo thuyết pháp cho Trưởng giả, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho ông, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, Tỳ-kheo liền từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi. Đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật rồi ngồi sang một bên, rồi đem trình bày đầy đủ lại cuộc thảo luận giữa thầy và Trưởng giả Úc-già lên Đức Phật.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo rằng:

“Ta vì lẽ ấy mà khen ngợi tán thán Trưởng giả Úc-già có tám pháp vị tăng hữu.”

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



39. KINH ÚC-GIÀ TRƯỞNG GIẢ (II)

Tôi nghe như vậy:

Một thời sau khi Phật nhập Niết-bàn không bao lâu, có một số đông Tỳ-kheo Thượng tôn Trưởng lão trú tại Tì-xá-li, ở bên dòng sông Di hầu, tại ngôi lầu cao.

Bấy giờ Trưởng giả Úc-già¹ tổ chức đại bố thí như sau: Đãi ăn cho những khách từ phương xa đến, đãi ăn cho các hành khách, các bệnh nhân và các người nuôi bệnh; thường dọn cháo, thường dọn cơm, cung cấp cho người trông nom Tăng viện; thường mời đại chúng gồm hai mươi vị Tỳ-kheo đến thọ thực, cứ mỗi năm ngày đều có mời chúng Tỳ-kheo đến ăn. Ông tổ chức đại bố thí như vậy.

Trên biển lại còn có một chiếc tàu buồm lớn chở đầy hàng hóa trở về, giá trị đến trăm ngàn, vừa bị chìm mất.

Số đông Tỳ-kheo Thượng tôn Trưởng lão nghe Trưởng giả Úc-già tổ chức đại bố thí như sau: Đãi ăn cho những khách từ phương xa đến, đãi ăn cho các hành khách, các bệnh nhân và các người nuôi bệnh; thường dọn cháo, thường dọn cơm, cung cấp cho người trông nom tăng viện; thường mời đại chúng gồm hai mươi vị Tỳ-kheo đến thọ thực, cứ mỗi năm ngày đều có mời chúng Tỳ-kheo đến ăn.

Các vị ấy nghe rồi bàn luận với nhau rằng:

“Này Chư Hiền, vị nào có thể đến nói với Trưởng giả Úc-già rằng: Này Trưởng giả, nên thôi, chớ bố thí nữa. Sau này Trưởng giả sẽ tự biết?”

Rồi các vị ấy nghĩ như vậy: “Tôn giả A-nan là thị giả của Phật, nhận được sự chỉ giáo của Đức Thế Tôn; được Phật và các vị đồng phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả A-nan có thể đến nói với Trưởng giả Úc-già rằng: [481c] ‘Này Trưởng giả, nên thôi, chớ bố thí nữa. Sau này Trưởng giả sẽ tự biết’.”

“– Này Chư Hiền, chúng ta nên cùng nhau đến Tôn giả A-nan trình bày sự việc như thế.” Bấy giờ số đông Tỳ-kheo Thượng tôn Trưởng lão đi

¹ Không thấy Pali tương đương. Đây có lẽ Ugga-gahapi Vesālīka, gia chủ Ugga, người Vesālī.

đến chỗ Tôn giả A-nan, cùng nhau chào hỏi, rồi ngồi sang một bên thưa rằng:

“Thưa Hiền giả A-nan, ngài có biết không? Trưởng giả Úc-già tổ chức đại bố thí như sau: đãi ăn cho những khách từ phương xa đến, đãi ăn cho các hành khách, các bệnh nhân và các người nuôi bệnh; thường dọn cháo, thường dọn cơm, cung cấp cho người trông nom Tăng viện; thường mời đại chúng gồm hai mươi vị Tỳ-kheo đến thọ thực, cứ mỗi năm ngày đều có mời chúng Tỳ-kheo đến ăn. Ông tổ chức đại bố thí như vậy. Trên biển lại còn có một chiếc tàu buồm lớn chở đầy hàng hóa trở về, giá trị đến trăm ngàn, vừa bị chìm mất. Chúng tôi cùng bàn luận với nhau như thế này: vị nào có thể đến nói với Trưởng giả Úc-già rằng ‘Này Trưởng giả, nên thôi, chớ bố thí nữa. Sau này Trưởng giả sẽ tự biết’? Lại nghĩ như vậy: Tôn giả A-nan là thị giả của Phật, nhận được sự chỉ giáo của Đức Thế Tôn; được Phật và các vị đồng phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả A-nan có thể đến nói với Trưởng giả Úc-già rằng ‘Này Trưởng giả, nên thôi, chớ bố thí nữa. Sau này Trưởng giả sẽ tự biết’. Này Hiền giả A-nan, ngài có thể đến bảo với Trưởng giả Úc-già rằng ‘Này Trưởng giả, nên thôi, chớ bố thí nữa. Sau này Trưởng giả sẽ tự biết Trưởng giả’.”

Tôn giả A-nan thưa với các Tỳ-kheo thượng tôn trưởng lão rằng:

“Thưa các Tôn giả, Trưởng giả Úc-già tính tình nghiêm nghị; nếu tôi tự tiện nói thì biết đâu làm Trưởng giả không vui. Thưa các ngài, tôi đại diện cho ai để nói đây?”

Các Tỳ-kheo thượng tôn trưởng lão trả lời rằng:

“Hiền giả nên xưng là chúng Tỳ-kheo bảo như vậy. Sau khi ngài xưng là chúng Tỳ-kheo bảo vậy, ông ấy sẽ không còn nói gì nữa.”

Tôn giả A-nan liền im lặng nhận lời các vị Tỳ-kheo thượng tôn trưởng lão. Bấy giờ các Tỳ-kheo thượng tôn trưởng lão biết Tôn giả A-nan im lặng nhận lời rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi quanh Tôn giả A-nan rồi ai về chỗ ấy. Sau khi đêm qua vào lúc hừng sáng, Tôn giả A-nan khoác y, cầm bát đi đến nhà Trưởng giả Úc-già. Trưởng giả Úc-già thấy Tôn giả A-nan từ xa đi lại, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai sửa áo chấp tay hướng về Tôn giả A-nan thưa rằng:

“Kính chào Tôn giả A-nan, Tôn giả từ lâu không đến đây. Mời ngồi lên giường này.”

Tôn giả A-nan liền ngồi lên giường ấy. Trưởng giả Úc-già đánh lễ dưới chân Tôn giả A-nan, rồi ngồi sang một bên. Tôn giả A-nan bảo rằng:

“Trưởng giả có biết không? Trưởng giả đã tổ chức đại bố thí như sau: [482a] đãi ăn cho những khách từ phương xa đến, đãi ăn cho các hành khách, các bệnh nhân và các người nuôi bệnh; thường dọn cháo, thường dọn cơm, cung cấp cho người trông nom tăng viện; thường mời đại chúng gồm hai mươi vị Tỳ-kheo đến thọ thực, cứ mỗi năm ngày đều có mời chúng Tỳ-kheo đến ăn. Trưởng giả tổ chức đại bố thí như vậy. Trên biển lại còn có một chiếc tàu buồm lớn chở đầy hàng hóa trở về, giá trị đến trăm ngàn, vừa bị chìm mất. Nay Trưởng giả, nên thôi, chớ bố thí nữa. Sau này Trưởng giả sẽ tự biết.”

Trưởng giả thưa rằng:

“Bạch Tôn giả A-nan, đây là lời nói của ai vậy?”

Tôn giả A-nan đáp rằng:

“Này Trưởng giả, tôi truyền lại lời của Chúng Tỳ-kheo.”

Trưởng giả thưa rằng:

“Nếu Tôn giả A-nan truyền lại lời của chúng Tỳ-kheo, thì không có gì phải luận. Còn nếu tự mình nói như vậy thì có thể làm cho con rất không được vừa lòng. Bạch Tôn giả A-nan, nếu con có thí xả như thế, có huệ thí như thế, dù tất cả tài vật đều khô cạn, cũng chỉ làm cho con mãn nguyện thôi. Giống như ý nguyện của Chuyển luân vương vậy.”

Tôn giả A-nan hỏi rằng:

“Này Trưởng giả, thế nào là ý nguyện của Chuyển luân vương?”

Trưởng giả đáp:

“Bạch Tôn giả A-nan, người nghèo trong thôn nghĩ như vậy: ‘Mong sao ta trở nên giàu nhất trong thôn’. Đó là ý nguyện của người ấy. Người giàu trong thôn nghĩ như vậy: ‘Mong sao ta trở nên giàu nhất trong ấp’. Đó là ý nguyện của người đó. Người giàu trong ấp suy chính như vậy:

‘Mong sao ta giàu nhất trong thành’. Đó là ý nguyện của người ấy. Người giàu trong thành nghĩ như vậy: ‘Mong sao ta làm được chức tòng chính trong thành’. Đó là ý nguyện của người ấy. Vị tòng chính trong thành nghĩ như vậy: ‘Mong sao ta làm được quan quốc tướng. Đó là ý nguyện của người ấy. Quan quốc tướng suy nghĩ như vậy: ‘Mong sao ta làm

được vị tiểu vương’. Đó là ý nguyện của người ấy. Vị tiểu vương suy nghĩ như vậy: ‘Mong sao ta làm được Chuyển luân vương’. Đó là ý nguyện của người ấy. Vị Chuyển luân vương suy nghĩ như vậy: ‘Mong sao ta làm được điều mà một thiện nam tử có thể làm, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo để thành tựu phạm hạnh vô thượng, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu và an trụ, biết như thật rằng: ‘Sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa’. Đó là ý nguyện Chuyển luân vương.

“Bạch Tôn giả A-nan, nếu con có thí xả như thế, có huệ thí như thế, dù cho tất cả tài vật đều khô cạn, cũng chỉ làm cho con mãn nguyện thôi, như thế là ý nguyện của vị Chuyển luân vương. Bạch Tôn giả A-nan, con có pháp ấy.”

Tôn giả A-nan khen rằng:

“Này Trưởng giả, nếu có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu.”

“Bạch Tôn giả, con không phải chỉ có pháp này mà thôi. Lại nữa, bạch Tôn giả A-nan, khi con đến chúng viên, nếu trước hết mà gặp một vị Tỳ-kheo nào, con liền đánh lễ. [482b] Nếu vị Tỳ-kheo ấy kinh hành, thì con cũng kinh hành. Nếu vị ấy ngồi, con cũng ngồi theo một bên, ngồi rồi nghe pháp. Vị Tôn giả ấy thuyết pháp cho con nghe; con cũng thuyết pháp cho vị Tôn giả ấy nghe. Vị Tôn giả ấy vấn sự con, con cũng vấn sự vị Tôn giả ấy. Vị Tôn giả ấy trả lời câu hỏi của con, con cũng trả lời vị Tôn giả ấy. Con nhớ chưa từng có lần nào con khinh mạn các vị Tỳ-kheo Thượng tôn Trưởng lão, trung hay hạ. Bạch Tôn giả A-nan, con có pháp ấy.”

Tôn giả A-nan khen rằng:

“Này Trưởng giả, nếu có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu.”

“Bạch Tôn giả A-nan, con không phải chỉ có pháp này mà thôi. Lại nữa, bạch Tôn giả A-nan, khi con ở giữa chúng Tỳ-kheo, hành sự bố thí, bấy giờ có Chư Thiên trụ giữa hư không bảo con rằng: ‘Này Trưởng giả, đây là vị A-la-hán, đây là vị Hưóng A-la-hán, đây là vị A-na-hàm, đây là vị Hưóng A-na-hàm, đây là vị Tư-đà-hàm, đây là vị Hưóng Tư-đà-hàm, đây là vị Tu-đà-hoàn, đây là vị Hưóng Tu-đà-hoàn. Vị này tinh tấn, vị này không tinh tấn’. Bạch Tôn giả, khi con cúng thí cho đại chúng Tỳ-kheo,

con nhớ chưa từng có ý phân biệt. Bạch Tôn giả A-nan, con có pháp ấy.”

Tôn giả A-nan khen rằng:

“Này Trưởng giả, nếu có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu.”

“Bạch Tôn giả A-nan, con không phải chỉ có pháp này mà thôi. Lại nữa, bạch Tôn giả, khi con hành sự bố thí ở trong chúng Tỳ-kheo, có Chư Thiên trên hư không bảo con rằng: ‘Này Trưởng giả, có Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, và Thánh chúng của Như Lai khéo thú hưởng’. Bạch Tôn giả, con không do vị trời kia mà có tín, không do vị trời kia mà dục lạc, không nghe theo vị kia, nhưng con tự có tịnh trí để biết Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, và Thánh chúng của Như Lai khéo thú hưởng. Bạch Tôn giả, con có pháp ấy.”

Tôn giả A-nan khen rằng:

“Này Trưởng giả, nếu có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu.”

“Bạch Tôn giả A-nan, con không phải chỉ có pháp này mà thôi. Lại nữa, bạch Tôn giả A-nan, con ly dục, ly ác bất thiện pháp, v.v..., cho đến, thành tựu và an trụ. Bạch Tôn giả A-nan, con có pháp ấy.”

Tôn giả A-nan khen rằng:

“Này Trưởng giả, nếu ông có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu.”

Rồi thì, Trưởng giả Úc-già liền thưa với Tôn giả A-nan rằng:

“Tôn giả A-nan, mời ở lại đây thọ thực.”

Tôn giả A-nan im lặng nhận lời mời của Trưởng giả Úc-già. Sau khi biết Tôn giả A-nan đã im lặng nhận lời, Trưởng giả Úc-già liền từ chỗ ngồi đứng dậy, tự mình múc nước rửa tay, rồi đem tất cả rất nhiều món ăn cứng và mềm rất mỹ diệu tinh khiết, ngon lành, [482c] tự tay hầu sóc, để cho Tôn giả ăn được no đủ. Ăn xong, dọn cất đồ đạc và dùng nước rồi, lấy một giường nhỏ ngồi riêng để nghe pháp.

Tôn giả A-nan thuyết pháp cho Trưởng giả, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho ông, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, Tôn giả liền từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

Tôn giả A-nan thuyết pháp như vậy. Trưởng giả Úc-già sau khi nghe Tôn giả A-nan thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.



40. KINH THỦ TRƯỞNG GIẢ (I)

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại A-la-bệ Già-la¹, trong Hòa lâm.

Bấy giờ Thủ Trưởng giả², cùng với năm trăm Đại trưởng giả đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật rồi ngồi sang một bên. Năm trăm Trưởng giả cũng cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật rồi ngồi sang một bên.

Đức Thế Tôn bảo rằng:

“Này Thủ Trưởng giả, nay ông có một chúng rất đông này. Trưởng giả, ông dùng phương pháp gì để nhiếp hộ³ đại chúng này?”

Bấy giờ Thủ Trưởng giả thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, có bốn nhiếp sự⁴, như Đức Thế Tôn đã dạy. Một là huệ thí, hai là ái ngôn, ba là lợi hành, bốn là đồng sự⁵. Bạch Thế Tôn, con dùng bốn phương pháp ấy để nhiếp hộ đại chúng này, hoặc là bằng bố thí, hoặc là bằng ái ngôn, hoặc là bằng lợi hành, hoặc là bằng đồng sự.

Đức Thế Tôn khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Này Thủ Trưởng giả, ông có thể bằng như pháp ấy mà nhiếp hộ đại chúng, lại bằng như môn ấy mà nhiếp hộ đại chúng, lại bằng như nhân duyên mà nhiếp hóa đại chúng⁶. Này Thủ Trưởng giả, nếu trong quá khứ có Sa-môn, Bà-la-môn nào, bằng như pháp mà nhiếp

¹ A-la-tì Già-la 阿邏鞞伽邏. Pāli: trú ở Āḷavi, trong miếu Aggaḷava. Aggaḷava là một ngôi miếu tại Āḷavi, Phật thường dừng chân tại đây, và cũng tại đây Phật thiết lập một số điều khoản trong giới bốn Tỳ-kheo. Āḷavi là một thị trấn cách Sāvatthi 30 do-tuần.

² Thủ Trưởng giả 手長者. Pāli: Hattaka, cũng gọi là Āḷavaka, con trai của vua xứ Āḷavi.

³ Hán: nhiếp. Pl.: *saṅgaṇhāti*: nhiếp thủ, nhiếp hộ, ái hộ.

⁴ *Tứ sự nhiếp* 四事攝. Pāli: *cattāri saṅgahavattḥūni: dānaṃ, peyyavajjaṃ, atthacariyā, samānattatā*.

⁵ *Huệ thí, ái ngôn, dĩ lợi, đẳng lợi* 惠施愛言以利等利. Xem *Tập dị* 9 (No 1536, tr.402c): bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự.

⁶ Hán: *nư pháp, nư môn, nư nhân duyên* 如法如門如因緣.

hộ đại chúng, tất cả những sự nhiếp hộ đầy đều hoàn toàn⁷ ở trong bốn sự nhiếp này. Nay Thủ Trưởng giả, nếu trong vị lai có Sa-môn, Bà-la-môn nào bằng như pháp nhiếp hóa đại chúng, tất cả những sự nhiếp hóa ấy hoàn toàn ở trong bốn sự nhiếp này. Nay Thủ Trưởng Giả, nếu trong hiện tại có Sa-môn, Bà-la-môn nào bằng như pháp nhiếp hóa đại chúng, tất cả những pháp ấy đều hoàn toàn ở trong bốn sự nhiếp này.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn thuyết pháp cho Thủ Trưởng giả, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho ông, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, Ngài ngồi im lặng.

Bấy giờ, sau khi được Đức Thế Tôn thuyết pháp cho, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, Thủ Trưởng giả liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Đức Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra đi.

Trở về nhà, [483a] khi từ cổng ngoài, nếu có gặp người nào, ông đều thuyết pháp cho, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Khi đến trong cổng ngõ giữa, cổng nhỏ trong nhà và đến bên trong nhà, nếu gặp người nào ông đều thuyết pháp cho, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi vào nhà, trải giường, ngồi kiết già, tâm câu hữu với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biến khắp tất cả, tâm câu hữu với từ, không kết, không nhuế, không oán, không tránh, rộng lớn bao la vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, với bi và hỷ; tâm câu hữu với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rộng lớn bao la, khéo tu tập biến mãn tất cả thế gian thành tựu và an trụ.

Bấy giờ Chư Thiên ở cõi Tam Thập Tam Thiên tập trung tại pháp đường xuyết xoa khen ngợi Thủ Trưởng giả.

“Nay Chư Hiền, Thủ Trưởng giả có đại thiện lợi, đại công đức. Vì sao thế? Nay Chư Hiền, Thủ Trưởng giả ấy, sau khi được Đức Phật thuyết pháp, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, ông liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra đi. Trở về nhà, khi từ cổng ngoài, nếu có gặp người nào, ông đều thuyết pháp cho, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Khi đến trong cổng ngõ

⁷ Hán: hoặc hữu dư 或有餘.

giữa, cổng nhỏ trong nhà và đến bên trong nhà, nếu gặp người nào ông đều thuyết pháp cho, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi vào nhà, trải giường, ngồi kiết già, tâm câu hữu với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biến khắp tất cả, tâm câu hữu với từ, không kết, không nhuế, không oán, không tránh, rộng lớn bao la vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, với bi và hỷ; tâm câu hữu với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rộng lớn bao la, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian thành tựu và an trụ.”

Bấy giờ, Tỳ-sa-môn Đại thiên vương, sắc tượng nguy nga, ánh sáng rực rỡ, lúc đêm gần về sáng, đi đến nhà Thủ Trưởng giả, nói rằng:

“Này Trưởng giả, ông có đại thiện lợi, có đại công đức. Vì sao thế? Hôm nay ở cõi Tam Thập Tam Thiên vì Trưởng giả mà tập trung tại pháp đường xuýt xoa khen ngợi: ‘Thủ Trưởng giả ấy có đại thiện lợi, có đại công đức. Vì sao thế? Này Chư Hiền, vì Thủ Trưởng giả ấy, sau khi được Đức Phật thuyết pháp, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, ông liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra đi. Trở về nhà, khi từ cổng ngoài, [483b] nếu có gặp người nào, ông đều thuyết pháp cho, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Khi đến trong cổng ngõ giữa, cổng nhỏ trong nhà và đến bên trong nhà, nếu gặp người nào ông đều thuyết pháp cho, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi vào nhà, trải giường, ngồi kiết già, tâm câu hữu với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biến khắp tất cả, tâm câu hữu với từ, không kết, không nhuế, không oán, không tránh, rộng lớn bao la vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, với bi và hỷ; tâm câu hữu với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rộng lớn bao la, khéo tu tập biến mãn tất cả thế gian thành tựu và an trụ.’”

Bấy giờ Thủ Trưởng giả im lặng không nói gì cả; không ngẩng, không nhìn Tỳ-sa-môn Đại thiên vương. Vì sao thế? Vì tôn trọng định tâm và để thủ hộ định tâm của mình.

Bấy giờ Đức Thế Tôn ở giữa vô lượng trăm nghìn đại chúng, khen ngợi Thủ Trưởng giả:

“Thủ Trưởng giả có bảy pháp vị tăng hữu. Sau khi Ta thuyết pháp cho Thủ Trưởng giả ấy, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, ông liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ Ta, nhiễu quanh ba vòng rồi ra đi. Trở về nhà, khi từ cổng ngoài, nếu có gặp người nào, ông đều thuyết pháp cho, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Khi đến trong cổng ngõ giữa, cổng nhỏ trong nhà và đến bên trong nhà, nếu gặp người nào ông đều thuyết pháp cho, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi vào nhà, trải giường, ngồi kiết già, tâm câu hữu với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biến khắp tất cả, tâm câu hữu với từ, không kết, không nhuế, không oán, không tránh, rộng lớn bao la vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, với bi và hỷ; tâm câu hữu với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rộng lớn bao la, khéo tu tập biến mãn tất cả thế gian thành tựu và an trụ.

“Hôm nay Chư Thiên ở Tam Thập Tam Thiên vì Trưởng giả ấy mà tập trung ở pháp đường để khen ngợi: ‘Thủ Trưởng giả có đại thiện lợi, đại công đức. Vì sao thế? Nay Chư Hiền, Thủ Trưởng giả ấy, sau khi được Đức Phật thuyết pháp, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, ông liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra đi. Trở về nhà, khi từ cổng ngoài, nếu có gặp người nào, ông đều thuyết pháp cho, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Khi đến trong cổng ngõ giữa, cổng nhỏ trong nhà và đến bên trong nhà, nếu gặp người nào ông đều thuyết pháp cho, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi vào nhà, trải giường, ngồi kiết già, tâm câu hữu với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, [483c]biến khắp tất cả, tâm câu hữu với từ, không kết, không nhuế, không oán, không tránh, rộng lớn bao la vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, với bi và hỷ; tâm câu hữu với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rộng lớn bao la, khéo tu tập biến mãn tất cả thế gian thành tựu và an trụ’.

“Hôm nay Tỳ-sa-môn Đại thiên vương, sắc tượng nguy nga, ánh sáng rực rỡ, lúc đêm gần về sáng, đi đến nhà Thủ Trưởng giả, nói:

“– Nay Trưởng giả, ông có đại thiện lợi, có đại công đức. Vì sao thế? Hôm nay ở cõi Tam Thập Tam Thiên vì Trưởng giả mà tập trung tại pháp đường xuất xoa khen ngợi: ‘Thủ Trưởng giả ấy có đại thiện lợi, có đại

công đức. Vì sao thế? Nay Chư Hiền, vì Thủ Trưởng giả ấy, sau khi được Đức Phật thuyết pháp, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, ông liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra đi. Trở về nhà, khi từ cổng ngoài, nếu có gặp người nào, ông đều thuyết pháp cho, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Khi đến trong cổng ngõ giữa, cổng nhỏ trong nhà và đến bên trong nhà, nếu gặp người nào ông đều thuyết pháp cho, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi vào nhà, trải giường, ngồi kiết già, tâm câu hữu với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biến khắp tất cả, tâm câu hữu với từ, không kết, không nhuế, không oán, không tránh, rộng lớn bao la vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, với bi và hỷ; tâm câu hữu với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rộng lớn bao la, khéo tu tập biến mãn tất cả thế gian thành tựu và an trụ’.”

Bấy giờ có một Tỳ-kheo, sau khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, khoác y ôm bát đến nhà Thủ Trưởng giả. Thủ Trưởng giả từ xa trông thấy Tỳ-kheo, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay hướng về thầy Tỳ-kheo mà thưa:

“Kính chào Tôn giả! Tôn giả đã lâu không đến đây. Mời ngồi trên giường này.”

Lúc đó Tỳ-kheo liền ngồi trên giường đó. Thủ Trưởng giả đánh lễ dưới chân Tỳ-kheo, rồi ngồi sang một bên. Tỳ-kheo nói:

“Nay Trưởng giả, ông có đại thiện lợi, đại công đức. Vì sao thế? Đức Thế Tôn vì ông ở giữa vô lượng trăm ngàn đại chúng mà khen ngợi Thủ Trưởng giả: ‘Thủ Trưởng giả có bảy pháp vị tăng hữu. Sau khi Ta thuyết pháp cho Thủ Trưởng giả ấy, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, ông liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ Ta, nhiễu quanh ba vòng rồi ra đi. Trở về nhà, khi từ cổng ngoài, nếu có gặp người nào, ông đều [484a] thuyết pháp cho, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Khi đến trong cổng ngõ giữa, cổng nhỏ trong nhà và đến bên trong nhà, nếu gặp người nào ông đều thuyết pháp cho, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi vào nhà, trải giường, ngồi kiết già, tâm câu hữu với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biến khắp tất cả, tâm câu hữu với từ, không kết, không nhuế, không oán, không tránh, rộng lớn bao la vô

lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, với bi và hỷ; tâm câu hữu với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rộng lớn bao la, khéo tu tập biến mãn tất cả thế gian thành tựu và an trụ.

“Hôm nay Chư Thiên ở Tam Thập Tam Thiên vì Trưởng giả ấy mà tập trung ở pháp đường để khen ngợi: ‘Thủ Trưởng giả có đại thiện lợi, đại công đức. Vì sao thế? Nay Chư Hiền, Thủ Trưởng giả ấy, sau khi được Đức Phật thuyết pháp, khuyến giáo, khích lệ, làm cho cho hoan hỷ rồi, ông liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra đi. Trở về nhà, khi từ cổng ngoài, nếu có gặp người nào, ông đều thuyết pháp cho, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Khi đến trong cổng ngõ giữa, cổng nhỏ trong nhà và đến bên trong nhà, nếu gặp người nào ông đều thuyết pháp cho, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi vào nhà, trải giường, ngồi kiết già, tâm câu hữu với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biến khắp tất cả, tâm câu hữu với từ, không kết, không nhuế, không oán, không tránh, rộng lớn bao la vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, với bi và hỷ; tâm câu hữu với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rộng lớn bao la, khéo tu tập biến mãn tất cả thế gian thành tựu và an trụ’.

“Hôm nay Tỳ-sa-môn Đại thiên vương, sắc tượng nguy nga, ánh sáng rực rỡ, lúc đêm gần về sáng, đi đến nhà Thủ Trưởng giả, nói:

“– Nay Trưởng giả, ông có đại thiện lợi, có đại công đức. Vì sao thế? Hôm nay ở cõi Tam Thập Tam Thiên vì Trưởng giả mà tập trung tại pháp đường xuýt xoa khen ngợi: ‘Thủ Trưởng giả ấy có đại thiện lợi, có đại công đức. Vì sao thế? Nay Chư Hiền, vì Thủ Trưởng giả ấy, sau khi được Đức Phật thuyết pháp, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, ông liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra đi. Trở về nhà, khi từ cổng ngoài, nếu có gặp người nào, ông đều thuyết pháp cho, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Khi đến trong cổng ngõ giữa, cổng nhỏ trong nhà và đến bên trong nhà, nếu gặp người nào ông đều thuyết pháp cho, khuyến phát, khát ngưỡng, [484b] thành tựu hoan hỷ. Sau khi vào nhà, trải giường, ngồi kiết già, tâm câu hữu với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biến khắp tất cả, tâm câu hữu với từ, không

kết, không nhuế, không oán, không tránh, rộng lớn bao la vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, với bi và hỷ; tâm câu hữu với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rộng lớn bao la, khéo tu tập biến mãn tất cả thế gian thành tựu và an trụ.

“Bấy giờ Thủ Trưởng giả im lặng không nói gì cả, không ngấm, không nhìn Tỳ-sa-môn Đại thiên vương. Vì sao thế? Vì tôn trọng định tâm và đề thủ hộ định tâm của mình.”

Bấy giờ Thủ Trưởng giả thưa với thầy Tỳ-kheo rằng:

“Bạch Tôn giả lúc bấy giờ không có người bạch y nào chăng?”

Tỳ-kheo đáp:

“Không có người bạch y nào.”

Và hỏi lại:

“Nếu có người bạch y thì sẽ có sai lầm gì?”

Trưởng giả đáp:

“Bạch Tôn giả, hoặc có người không tin lời của Đức Tsinhôn; người ấy sẽ ấy sẽ trong lâu dài không được lợi ích, không được an ổn⁸, sinh vào chỗ cực ác, thọ vô lượng khổ. Nếu kẻ nào tin lời Đức Thế Tôn người ấy do việc đó sẽ cung kính lễ bái con. Bạch Tôn giả, con cũng không thích được như vậy. Bạch Tôn giả, mời ở lại đây thọ thực.”

Tỳ-kheo ấy im lặng nhận lời. Sau khi biết Tỳ-kheo đã im lặng nhận lời, Trưởng giả Úc-già liền từ chỗ ngồi đứng dậy, tự mình múc nước rửa tay, rồi đem tất cả rất nhiều món ăn cứng và mềm rất mỹ diệu tinh khiết, ngon lành, tự tay hầu sốt, để cho Tỳ-kheo ăn được no đủ. Ăn xong, dọn cất đồ đạc và dùng nước rồi, lấy một giường nhỏ ngồi riêng để nghe pháp.

Thầy Tỳ-kheo thuyết pháp cho Trưởng giả, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho ông, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, Tỳ-kheo liền từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi. Đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật rồi ngồi sang một bên, rồi đem trình bày đầy đủ lại cuộc thảo luận

⁸ Hán: bất nghĩa, bất nhẫn 不義不忍. Có lẽ từ (na) *artha*: ý nghĩa, hoặc lợi ích, mục đích; và Hán lẫn lộn giữa hai từ: *kṣamā*: kham nhẫn, nhẫn nhục, và *kṣema*: an ổn

giữa thầy và Thủ Trưởng giả lên Đức Phật.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo rằng:

“Ta vì cố ấy mà khen Thủ Trưởng giả có bảy pháp vị tăng hữu. Lại nữa, Thủ Trưởng giả có pháp vị tăng hữu thứ tám là Thủ Trưởng giả vô cầu, vô dục.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



41. KINH THỦ TRƯỞNG GIẢ (II)

[484c] Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại A-la-tì Già-la, trong Hòa lâm.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng:

“Thủ Trưởng giả có tám pháp vị tăng hữu. Những gì là tám? Thủ Trưởng giả có thiếu dục, có tín, có tâm, có quý, có tinh tấn, có niệm, có định, có tuệ.¹

“Nói Thủ Trưởng giả có thiếu dục, là do nhân gì? Thủ Trưởng giả tự thân thiếu dục, không muốn để cho người khác biết mình có thiếu dục. Có tín, có tâm, có quý, có tinh tấn, có niệm, có tuệ Thủ Trưởng giả tự có tuệ, không muốn cho người khác biết mình có tuệ. Nói Thủ Trưởng giả có thiếu dục, là nhân đó mà nói.

“Nói Thủ Trưởng giả có tín, là do nhân gì? Thủ Trưởng giả có lòng tin kiên cố, tin tưởng thâm sâu nơi Như Lai, tín căn đã xác lập, hoàn toàn không theo Sa-môn, Bà-la-môn, Ngoại đạo, hoặc Thiên, Ma, Phạm và tất cả những người khác trong thế gian. Nói Thủ Trưởng giả có tín, là nhân đó mà nói.

“Nói Thủ Trưởng giả có tâm, là do nhân gì? Thủ Trưởng giả thường hành xấu hổ, điều gì đáng xấu hổ thì biết xấu hổ, xấu hổ đối với pháp ác bất thiện, phiền não cầu uế đưa đến thọ các ác báo, tạo gốc sinh tử. Nói Thủ Trưởng giả có tâm, là nhân đó mà nói.

“Nói Thủ Trưởng giả có quý, là do nhân gì? Thủ Trưởng giả thường thực hành sự hổ thẹn, điều nào đáng thẹn thì biết thẹn, thẹn các pháp ác bất thiện và phiền não cầu uế đưa đến thọ các ác báo, tạo gốc sinh tử. Nói Thủ Trưởng giả có quý, là nhân đó mà nói.

“Nói Thủ Trưởng giả có tinh tấn, là do nhân gì? Thủ Trưởng giả thường thực hành sự tinh tấn, trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp, luôn luôn tự kích lệ ý chí, chuyên nhất và kiên cố, tạo gốc rễ thiện, không hề từ bỏ

¹ Pāli, A.iv. 220, tám điều hy hữu (*aṭṭhahi acchariyehi abbhutehi dhammehi*) của Ugga ālavika: có tín (*saddho*), có giới (*sīlavā*), có tâm (*hirimā*), có quý (*ottappī*), đa văn (*bahussuto*), thí xả (*cāgavā*), tuệ (*paññavā*), và thứ tám là thiếu dục (*appiccho*).

sự tinh cần². Nói Thủ Trưởng giả có tinh tấn, là nhân đó mà nói.

“Nói Thủ Trưởng giả có niệm, là do nhân gì? Thủ Trưởng giả quán nội thân như thân, quán nội giác, nội tâm, nội pháp như pháp³. Nói Thủ Trưởng giả có niệm, là nhân đó mà nói.

“Nói Thủ Trưởng giả có định, là do nhân gì? Thủ Trưởng giả ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng đắc Tứ thiền, thành tựu và an trụ. Nói Thủ Trưởng giả có định, là nhân đó mà nói.

“Nói Thủ Trưởng giả có tuệ, là do nhân gì? Thủ Trưởng giả tu hành trí tuệ, quán sát sự hưng thịnh và suy tàn của các pháp; đạt được trí tuệ như vậy, bằng Thánh tuệ minh đạt, phân biệt rõ ràng⁴ mà hoàn toàn thoát khổ. Nói Thủ Trưởng giả có tuệ, là nhân đó mà nói.

“Nói Thủ Trưởng giả có tám pháp vị tăng hữu, là nhân đó mà nói.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.⁵



² Hán: *bất xả phương tiện* 不捨方便.

³ Quán bốn niệm xứ.

⁴ Thánh tuệ minh đạt phân biệt hiểu liễu 聖慧明達分別曉了, tức Thánh quyết trạch. Pāli: *ariya-nibbedha*, năng lực thẩm sát, quyết trạch sắc bén của Thánh.

⁵ Bản Hán, hết quyển 9.

PHẨM 5: TƯƠNG ỨNG TẬP

TỤNG NGÀY THỨ NHẤT

何義不思念慚二 戒敬各二及本際
二食盡智說涅槃 彌醯即爲比丘說

Kệ tóm tắt:

Hà nghĩa, Bất tư, Niệm, hai Tàm,
Hai Giới, hai Kinh và Bản tế
Hai Thực, Tận trí, thuyết Niết-bàn,
Di-hê, Túc vị Tỳ kheo thuyết

42. KINH HÀ NGHĨA

43. KINH BẤT TƯ

44. KINH NIỆM

45. KINH TÀM QUÝ (I)

46. KINH TÀM QUÝ (II)

47. KINH GIỚI (I)

48. KINH GIỚI (II)

49. KINH CUNG KÍNH (I)

50. KINH CUNG KÍNH (II)

51. KINH BỒN TẾ

52. KINH THỰC (I)

53. KINH THỰC (II)

54. KINH TẬN TRÍ

55. KINH NIẾT-BÀN

56. KINH DI-HÊ

57. KINH TỨC VỊ TỠ-KHEO THUYẾT

42. KINH HÀ NGHĨA

[485a13] Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm Lâm Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ vào lúc xế chiều, Tôn giả A-nan rời chỗ độc cư tĩnh tọa¹ đứng dậy, đến trước Đức Phật, đánh lễ dưới chân rồi ngồi sang một bên, thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, giữ giới có mục đích gì?”².

Đức Thế Tôn đáp:

“Này A-nan, giữ giới có mục đích khiến cho không hối hận³. Này A-nan, nếu ai giữ giới, người ấy được sự không hối hận”.

“Bạch Thế Tôn, không hối hận thì có mục đích gì?”

“Này A-nan, không hối hận thì có mục đích khiến cho được hân hoan⁴. A-nan, nếu ai không hối hận, người ấy được sự hân hoan”.

“Bạch Thế Tôn, hân hoan có mục đích gì?”

“Này A-nan, hân hoan có mục đích khiến cho có hỷ⁵. Này A-nan, nếu ai hân hoan, người ấy có hỷ”.

“Bạch Thế Tôn, hỷ có mục đích gì?”

“Này A-nan, hỷ có mục đích khiến cho an chỉ⁶. Này A-nan, nếu ai có hỷ, người ấy có an chỉ của thân”.⁷

“Bạch Thế Tôn, an chỉ có mục đích gì?”

“Này A-nan, an chỉ có mục đích khiến cho lạc⁸. A-nan, nếu ai có an chỉ

¹ Hán: *yến tọa* 晏 (có chỗ viết: 燕) 坐. Pāli: *patissallāna* hoặc *paṭissallāna*.

² Pāli: *kimatthiya kusāni sīlāni*, thiện giới có ý nghĩa gì/ mục đích gì/ ích lợi gì? Trong đây nên hiểu là mục đích.

³ Hán: *bất hối* 不悔. Pāli: *avippaṭisāra*, không hối hận, không truy hỏi.

⁴ Hán: *hoan duyệt* 歡悅. Pāli: *pāmojja*, hân hoan, thích thú, vui vẻ.

⁵ Hán: *hỷ* 喜. Pāli: *pīti*, trạng thái hỷ giống như xuất thần.

⁶ Hán: *chỉ* 止. Pāli: *passaddhi*, khinh an.

⁷ Hán: *chỉ thân* 止身 (Pl.: *kāya-passaddhi*). Bản Pāli không đề cập.

⁸ Hán: *lạc* 樂. Pāli: *sukha*, an lạc, an ổn khoái lạc.

người ấy có cảm thọ lạc.”

“Bạch Thế Tôn, lạc có mục đích gì?”

“Này A-nan, lạc có mục đích khiến cho có định⁹. A-nan, nếu ai có lạc người ấy có định.””

“Bạch Thế Tôn, định có mục đích gì?”

“Này A-nan, định có mục đích là khiến cho thấy như thật, biết như chơn¹⁰. A-nan, nếu ai [485b] có định người ấy thấy như thật, biết như chơn.”

“Bạch Thế Tôn, thấy như thật, biết như chơn có mục đích gì?”

“Này A-nan, thấy như thật, biết như chơn có mục đích là khiến cho yếm ly¹¹. Này A-nan, thấy như thật, biết như chơn người ấy có sự yếm ly.

“Bạch Thế Tôn, yếm ly có mục đích gì?”

“Này A-nan, yếm ly có ý mục đích khiến cho vô dục¹². A-nan, nếu ai yếm ly người ấy được vô dục.

“Bạch Thế Tôn, vô dục có mục đích gì?”

“Này A-nan, vô dục có mục đích khiến cho giải thoát. Này A-nan, nếu ai vô dục thì người ấy được giải thoát hết thủy dâm, nộ, si.

“Cho nên, này A-nan, nhân trì giới mà được không hối hận, nhân không hối hận mà được hân hoan, nhân hân hoan mà được hỷ, nhân hỷ mà được chí, nhân chí mà được lạc, nhân lạc mà được định.

“Này A-nan, Đa văn Thánh đệ tử nhân địnhsinh có tri kiến như thật, nhân có tri kiến như thật mà có yếm ly, nhân có yếm ly mà được vô dục, nhân vô dục mà được giải thoát, nhân giải thoát mà có giải thoát tri kiến, biết đúng như thật rằng: ‘Sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa’.

“Này A-nan, đó chính là các pháp hỗ trợ lẫn nhau, làm nhân cho nhau. Như vậy, giới này đưa đến chỗ cao tột, tức là đưa từ bờ này đến tận bờ

⁹ Định 定. Pāli: *samādhi*.

¹⁰ Hán: kiến như thật, tri như chân 見如實知如真. Pāli: *yathābhūtaññāṇadassana*, tri kiến như thật.

¹¹ Hán: yếm 厭. Pāli: *nibbidā*, sự chán ghét, nhàm tàm.

¹² Hán: vô dục 無欲. Pāli: *virāga*, ly dục, ly tham; không còn nhiễm dục.

kia¹³.

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



¹³ Pāli (A. v. 2): *iti kho ananda kusalāni sīlāni anupubbena aggāya parentī ti*, đó là các thiện giới lần lượt dẫn đến chỗ cao tốt.

43. KINH BẤT TỰ

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm Lâm Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói rằng:

“Này A-nan, người giữ giới không nên nghĩ rằng: ‘Mong sao tôi không có sự hối hận’. Này A-nan, bởi vì pháp tánh vốn vậy¹: ai giữ giới, người ấy được sự không hối hận.

“Này A-nan, người đã được sự không hối hận, không nên nghĩ rằng: ‘Mong sao tôi được hân hoan. Này A-nan, bởi vì pháp tánh vốn như vậy, ai không hối hận người ấy được hân hoan.

“Này A-nan, người đã được sự hân hoan không nên nghĩ rằng: ‘Mong sao tôi được hỷ’. Này A-nan, bởi vì pháp tánh vốn vậy, ai có hân hoan, người ấy được hỷ.

“Này A-nan, người đã có hỷ không nên nghĩ rằng: ‘Mong sao tôi được an chi’. Này A-nan, bởi vì pháp tánh vốn như vậy, ai có hỷ, người ấy được an chi.

“Này A-nan, người đã được an chi không nên nghĩ rằng: ‘Mong sao tôi có lạc’. Này A-nan, bởi vì pháp tánh vốn vậy, [485c] ai đã có an chi, người ấy được cảm thọ lạc.

“Này A-nan, người đã có lạc không nên nghĩ rằng: ‘Mong sao tôi có định’. Này A-nan, bởi vì pháp tánh vốn vậy, ai có lạc, người ấy có định.

“Này A-nan, người đã có định không nên nghĩ rằng: ‘Mong sao tôi thấy như thật, biết như chân’. Này A-nan, bởi vì pháp tánh vốn vậy, ai có định, người ấy thấy như thật, biết như chân.

“Này A-nan, người thấy như thật, biết như chân không nên nghĩ rằng: ‘Mong sao tôi có sự yếm ly’. Này A-nan, bởi vì pháp tánh vốn như vậy, ai thấy như thật, biết như chân, người ấy có sự yếm ly.

“Này A-nan, người đã có sự yếm ly không nên nghĩ rằng: ‘Mong sao tôi

¹ Hán: pháp tự nhiên 法自然. Pāli: *dharmatā esā*, pháp tánh là như thế.

được vô dục’. Nay A-nan, bởi vì pháp tánh vốn như vậy, ai có sự yếm ly người ấy được vô dục.

“Nay A-nan, người đã vô dục không nên nghĩ rằng: ‘Mong sao tôi được giải thoát’. Nay A-nan, bởi vì pháp tánh vốn như vậy, ai đã vô dục người ấy được giải thoát hết thủy dâm, nộ, si.

“Nay A-nan, đây là nhân trì giới mà được không hối hận, nhân không hối hận mà được hân hoan, nhân hân hoan mà được hỷ, nhân hỷ mà được chí, nhân chí mà được lạc, nhân lạc mà được định.

“Nay A-nan, Đa văn Thánh đệ tử nhân định mà có tri kiến như thật, nhân có tri kiến như thật mà có yếm ly, nhân có yếm ly mà được vô dục, nhân vô dục mà được giải thoát, nhân giải thoát mà có giải thoát tri kiến, biết đúng như thật rằng: ‘Sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa’.

“Nay A-nan, đó chính là các pháp hỗ trợ lẫn nhau, làm nhân cho nhau. Như vậy, giới này đưa đến chỗ cao tốt, tức là đưa từ bờ này đến tận bờ kia.²

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-nan và các Tỷ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



² Pl. (A. v. 2): *dhammā dhamme abhisandenti, dhammā dhamme paripūṭenti, apārā pāraṃ gamanāyā’ ti*, các pháp làm sung mãn lẫn nhau, làm viên mãn lẫn nhau, dẫn từ bờ này sang bờ kia.

44. KINH NIỆM

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm Lâm Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Các Tỳ-kheo nào không chính niệm, không chính trí¹ thì chính niệm bị tổn hại. Nếu không chính niệm, chính trí thì bị tổn hại là việc thủ hộ các căn,² thủ hộ giới, không hối hận, hân hoan, hỷ, chí, lạc, định, [486a] tri kiến như thật,³ yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu không giải thoát thì làm tổn hại Niết-bàn.

“Nếu Tỳ-kheo nào không thường mất chính niệm chính trí thì thường xuyên có⁴ chính niệm chính trí. Nếu có chính niệm chính trí thì thường thủ hộ các căn, giữ giới, không hối hận, hân hoan, hỷ, chí, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu đã giải thoát liền chứng đắc Niết-bàn.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



¹ Hán: đa vong, vô chính trí 多忘無正智. Pl. (A. iv. 336): *satisampajaññe asti*, trong khi không có chính niệm chính trí (tỉnh giác).

² Pl. ibid.: *satisampajaññavipannassa hatūpanisaṃ hoti hirottapaṃ*, (...), nguyên do chính niệm và chính trí bị mất nên tâm quý bị tổn hại; tiếp theo tuần tự nhân quả tổn hại: thủ hộ căn (*indriyaṃvaro*), giới (*sīlaṃ*), chính định (*sammāsamādhi*), như thật tri kiến (*yathābhūtañāṇadassanaṃ*), yếm ly ly dục (*nibbidāvirāgo*), giải thoát tri kiến (*vimuttiñāṇadassanaṃ*).

³ Hán: kiến như thật tri như chơn 見如實知如真.

⁴ Hán: tập 習. Pāli: *upanisasammpanno hoti*.

45. KINH TÂM QUÝ (I)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm Lâm Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Nếu có Tỳ-kheo nào không tâm không quý thì làm tổn hại ái và kinh¹. Không có ái và kinh thì làm tổn hại tín. Không có tín thì làm tổn hại chính tư duy. Không có chính tư duy thì làm tổn hại chính niệm chính trí. Không có chính niệm chính trí thì làm tổn hại sự thủ hộ các căn, thủ hộ giới, không hối hận, hân hoan, hỷ, an chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu không giải thoát thì làm tổn hại Niết-bàn.

“Nếu Tỳ-kheo nào biết tâm quý thì có ái và kinh. Nếu có ái và kinh thì thường có tín. Nếu có tín thì thường có chính tư duy. Nếu có chính tư duy thì thường có chính niệm chính trí. Nếu có chính niệm chính trí thì thường giữ các căn, giữ giới, không hối hận, hân hoan, hỷ, tĩnh chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu giải thoát thì liền được Niết-bàn.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



¹ Hán: ái cung kinh 愛恭敬. Tham chiếu kinh 44 trên.

46. KINH TÂM QUÝ (II)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm Lâm Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với các Tỳ-kheo rằng:

“Này các Hiền giả, nếu Tỳ-kheo nào không tâm không quý thì làm tổn hại ái và kinh. Không có ái kinh thì làm hại tín. Không có tín thì làm tổn hại chính tư duy. Không có chính tư duy thì làm tổn hại chính niệm, chính trí. Không có chính niệm, chính trí thì làm tổn hại thủ hộ các căn, thủ hộ giới, không hồi hận, hân hoan, hỷ, an chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Không thoát thì làm tổn hại Niết-bàn.

“Này Chư Hiền, cũng như [486b] cây nào mà lớp vỏ ngoài tổn hại thì lớp vỏ trong cũng hư. Vỏ trong hư, nên thân, lõi, nhánh, cành, hoa, lá chắc chắn thấy đều tàn rụi.

“Chư Hiền nên biết, Tỳ-kheo cũng như vậy. Nếu không tâm không quý thì làm tổn hại ái và kinh. Không có ái kinh thì làm hại tín. Không có tín thì làm tổn hại chính tư duy. Không có chính tư duy thì làm tổn hại chính niệm, chính trí. Không có chính niệm, chính trí thì làm tổn hại thủ hộ các căn, thủ hộ giới, không hồi hận, hân hoan, hỷ, an chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Không thoát thì làm tổn hại Niết-bàn.

“Này Chư Hiền, Tỳ-kheo biết tâm biết quý thì thường có ái và kinh. Có ái và kinh thì thường có tín. Có tín thì thường có chính tư duy. Có chính tư duy thì có chính niệm, chính trí. Có chính niệm, chính trí thì thường thủ hộ giữ các căn, thủ hộ giới, không hồi hận, hân hoan, hỷ, an chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu đã giải thoát liền được Niết-bàn.

“Này Chư Hiền, giống như cây nào mà vỏ ngoài không bị hư tổn thì vỏ trong không bị hư hại. Vỏ trong không hư, nên thân, lõi, cành, nhánh, hoa, lá chắc chắn thấy đều thành tựu.

“Chư Hiền nên biết, Tỳ-kheo cũng như vậy. Nên biết tâm biết quý thì thường có ái và kinh. Có ái kinh thì thường có tín. Có tín thì thường có

chính tư duy. Có chính tư duy thì thường có chính niệm, chính trí. Có chính niệm, chính trí thì thường thủ hộ các căn, thủ hộ giới, không hối hận, hân hoan, hỷ, an chi, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu đã giải thoát liền đắc Niết-bàn.

Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết, hoan hỷ phụng hành.



47. KINH GIỚI (I)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm Lâm Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo nào phạm giới¹ tất làm tổn hại việc thủ hộ các căn.² Thủ hộ giới thì không hối hận, hân hoan, hỷ, an chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu không giải thoát thì làm tổn hại Niết-bàn.

“Nếu Tỳ-kheo nào giữ giới thì thường không có sự hối hận, hân hoan, hỷ, an chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu đã giải thoát thì liền đắc Niết-bàn.

Phật thuyết [486c] như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



¹ Hán: phạm giới 犯戒. Pl. (A. v. 4): *dussīla*, ác giới.

² Pl.: *sīlavipannassa hatūpaniso hoti avippaṭisāro*, mất giới thì tổn hại sự không truy hối (hối hận).

48. KINH GIỚI (II)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm Lâm Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với các Tỳ-kheo rằng:

“Này Chư Hiền, Tỳ-kheo phạm giới tất làm tổn hại việc thủ hộ các căn. Giữ giới thì không hối hận, hân hoan, hỷ, an chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu không giải thoát thì làm tổn hại Niết-bàn.

“Này Chư Hiền, giống như cây nào mà rễ bị tổn hại thì thân, lõi, nhánh, cành, hoa, lá không thể thành được. Chư Hiền nên biết, Tỳ-kheo cũng lại như vậy. Nếu ai phạm giới thì làm tổn hại việc thủ hộ các căn, thủ hộ giới, không hối hận, hân hoan, hỷ, an chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu không giải thoát thì làm tổn hại Niết-bàn.

“Này Chư Hiền, Tỳ-kheo thủ hộ thì thường không có sự hối hận, hân hoan, hỷ, an chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu đã giải thoát thì liền đắc Niết-bàn.

“Này Chư Hiền, giống như cây nào mà rễ không hư thì thân, lõi, nhánh, cành, hoa, lá đều thành tựu. Chư Hiền nên biết, Tỳ-kheo cũng như vậy. Nếu ai giữ giới thì thường không hối hận, hân hoan, hỷ, an chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu đã giải thoát thì liền đắc Niết-bàn.

Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết, hoan hỷ phụng hành.



49. KINH CUNG KÍNH (I)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm Lâm Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo nên thực hành hạnh cung kính và khéo quán sát, kính trọng các đồng phạm hạnh. Tỳ-kheo không thực hành hạnh cung kính, không khéo quán sát¹, không kính trọng² các đồng phạm hạnh, mà pháp oai nghi³ đầy đủ, điều đó không thể xảy ra. Pháp oai nghi không đầy đủ mà học pháp đầy đủ, điều đó không thể xảy ra. Học pháp không đầy đủ mà giới thân đầy đủ, điều đó không thể xảy ra. Giới thân không đầy đủ mà định thân đầy đủ⁴, điều đó không thể xảy ra. [487a] Định thân không đầy đủ mà tuệ thân đầy đủ, điều đó không thể xảy ra. Tuệ thân không đầy đủ mà giải thoát thân đầy đủ, điều đó không thể xảy ra. Giải thoát thân không đầy đủ mà giải thoát tri kiến thân đầy đủ, điều đó không thể xảy ra. Giải thoát tri kiến thân không đầy đủ mà Niết-bàn đầy đủ, điều đó không thể xảy ra.

“Tỳ-kheo thực hành hạnh cung kính và khéo quán sát, kính trọng các đồng phạm hạnh nên pháp oai nghi đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra. Pháp oai nghi đầy đủ nên học pháp đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra. Học pháp⁵ đầy đủ nên giới thân đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra. Giới thân đầy đủ nên định thân đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra. Định thân đầy đủ nên tuệ thân đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra. Tuệ thân đầy đủ nên giải thoát thân đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra. Giải thoát thân đầy đủ nên giải thoát tri kiến thân đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra. Giải

¹ Hán: *bất thiện quán* 不善觀. Pāli: *appatissa*, không thuận từng, không phục từng, hay gây gổ.

² Hán: *bất kính trọng* 不敬重. Pāli: *asabhāgavuttika*, không có lễ nghi, vô lễ.

³ Hán: *oai nghi pháp* 威儀法. Pāli: *ābhisamācarikaṃ dhammaṃ*, hành nghi lễ tiết.

⁴ Bản Pāli: *sīlāni aparipūretvā sammādiṭṭhi paripūressati*, các giới không viên mãn mà chính kiến viên mãn.

⁵ Pāli, tuần tự nhân quả: *sekham dhammaṃ* (học pháp), *sīlakkhandham* (giới uẩn), *samādhikkhandham* (định uẩn), *paññakkhandham* (tuệ uẩn).

thoát tri kiến thân đầy đủ nên Niết-bàn đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra”.
Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ
phụng hành.



50. KINH CUNG KÍNH (II)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm Lâm Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Tỳ-kheo nên thực hành hạnh cung kính và khéo quán sát, kính trọng các đồng phạm hạnh.¹

“Nếu Tỳ-kheo nào không thực hành hạnh cung kính, không khéo quán sát, không kính trọng các đồng phạm hạnh mà pháp oai nghi đầy đủ, điều đó không thể xảy ra. Pháp oai nghi không đầy đủ mà học pháp đầy đủ, điều đó không thể xảy ra. Học pháp không đầy đủ mà thủ hộ các căn, thủ hộ giới, không hối hận, hân hoan, hỷ, an chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát đầy đủ, điều đó không thể xảy ra. Giải thoát không đầy đủ mà Niết-bàn đầy đủ, điều đó không thể xảy ra.

“Nếu Tỳ-kheo nào thực hành hạnh cung kính và khéo quán sát, kính trọng các đồng phạm hạnh nên pháp oai nghi đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra. Pháp oai nghi đầy đủ nên học pháp đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra. Học pháp đầy đủ nên thủ hộ các căn, giữ giới, không hối hận, hân hoan, hỷ, an chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát đầy đủ nên Niết-bàn đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe [487b] Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



¹ Xem kinh 49 và các cht.

51. KINH BỔN TẾ

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm Lâm Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Không thể biết biên tế tối sơ¹ của hữu ái², rằng trước vốn không có hữu ái, mà nay sinh ra hữu ái.³ Nhưng có thể biết được sở nhân của hữu ái.⁴

“Hữu ái có tập khởi⁵ chứ không phải không tập khởi. Tập khởi của hữu ái là gì? Vô minh là tập.

“Vô minh cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của vô minh là gì? Năm triền cái⁶ là tập.

“Năm triền cái cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của năm triền cái là gì? Ba ác hành là tập.

“Ba ác hành cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của ba ác hành là gì? Không thủ hộ các căn là tập.

“Không thủ hộ các căn cũng có tập chứ không phải không tập. Tập

¹ Hán: *bổn tế* 本際. Pāli: *purimā koṭi*, biên tế tối sơ, giới hạn thời gian về trước (khởi thủy).

² Hán: *hữu ái* 有愛. Pāli: *bhavataṇhā*, hữu dẫn đến ái đương lai.

³ Pl. (A. v. 116): *purimā koṭi na paññāyati bhavataṇhāya – ito pubbe bhavataṇhā nāhosi atha pacchā samabhavī’ ti, evaṇcetaṃ vuccati*, điểm tối sơ của hữu ái không thể biết, để nói rằng, “trước đó đã không có hữu ái, sau này nó mới xuất hiện.”

⁴ Pl. *ibid.* : *atha ca pana paññāyati – idaccayā bhavataṇhā*, nhưng điều này thì được biết: do duyên cái này mà có hữu ái.

⁵ Lưu ý chữ Hán: *tập* 習 theo nghĩa *tập quán* hay *tập nhân*, chứ không phải *tập* 集 theo nghĩa *tập khởi* (tập hợp). Nhưng trong bản Hán này, các chữ *tập* thuộc *tập đế* đều viết là 習 thay vì 集. Vậy, tập ở đây cũng được hiểu là tập khởi, tức nguyên nhân sinh khởi. Pl.: *bhavataṇhāmpāhaṃ sāhāraṃ vādāmi no anāhāraṃ*, “Ta cũng nói hữu ái có thức ăn (= có duyên) chứ không phải không có thức ăn (= không duyên).”

⁶ Hán: *ngũ cái* 五蓋. Pāli: *pañca nīvaraṇā*.

của không thủ hộ các căn là gì? Không chính niệm chính trí là tập.

“Không chính niệm chính trí cũng có tập chứ không phải không tập.

Tập của không chính niệm chính trí là gì? Không tư duy chính xác⁷ là tập.

“Không tư duy chính xác cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của không tư duy chính xác là gì? Không có tín là tập.

“Không có tín cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của không có tín là gì? Nghe pháp ác⁸ là tập.

“Nghe pháp ác cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của nghe điều ác là gì? Thân cận ác tri thức⁹ là tập.

“Thân cận ác tri thức cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của thân cận ác tri thức là gì? Người ác¹⁰ là tập.

“Nhu thế, có đủ người ác liền có sự thân cận ác tri thức. Có đủ sự thân cận ác tri thức rồi liền có đủ sự nghe pháp ác. Có đủ sự nghe pháp ác rồi, liền có đủ sự sinh lòng bất tín. Có đủ sự sinh lòng bất tín rồi, liền không chính tư duy. Có đủ sự không chính tư duy rồi, liền có đủ sự không chính niệm chính trí. Có đủ sự không chính niệm chính trí rồi, liền có đủ sự không thủ hộ các căn. Có đủ sự không thủ hộ các căn rồi, liền có đủ ba ác hành. Đủ ba ác hành rồi, liền có đủ năm triền cái. Đủ năm triền cái rồi, liền có đủ vô minh. Có đủ vô minh rồi, liền đầy đủ hữu ái.

“Nhu vậy, hữu ái này lần lượt được phát triển tự thành.

“Mình giải thoát¹¹ [487c] cũng có tập, chứ không phải không tập. Tập của mình giải thoát là gì? Bảy giác chi là tập. Bảy giác chi cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của bảy giác chi là gì? Bốn niệm xứ là tập. Bốn niệm xứ có tập chứ không phải không tập. Tập của bốn niệm xứ là gì? Ba diệu hành là tập. Ba diệu hành cũng có tập chứ không phải

⁷ Hán: *bất chính tư duy* 不正思惟. Pāli: *ayoniso manasikāraṃ*, không như lý tác ý, tư duy không phương pháp.

⁸ Hán: *ác pháp* 惡法. Pāli: *asaddhamma*, pháp không vi diệu, không chân chính.

⁹ Hán: *ác tri thức* 惡知識, xem cht. dưới.

¹⁰ Bản Hán đề cập ác thiện tri thức và ác nhân. Bản Pāli chỉ đề cập *asappurisa*, không phải thiện nhân.

¹¹ Minh giải thoát 明解脫. Pāli: *vijjā-vimutti*.

không tập. Tập của ba diệu hành là gì? Thủ hộ các căn là tập. Thủ hộ các căn cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của sự thủ hộ các căn là gì? chính niệm chính trí là tập. chính niệm chính trí cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của chính niệm chính trí là gì? chính tư duy là tập. chính tư duy cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của chính tư duy là gì? Tín là tập. Tín cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của tín là gì? Nghe pháp thiện¹² là tập. Nghe pháp thiện cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của nghe pháp thiện là gì? Thân cận thiện tri thức là tập. Thân cận thiện tri thức cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của sự thân cận thiện tri thức là gì? Người thiện¹³ là tập.

“Đó là, có đủ người thiện liền có đủ sự thân cận thiện tri thức. Đủ sự thân cận thiện tri thức liền có đủ sự nghe điều thiện. Có đủ sự nghe điều thiện liền có đủ tín. Có đủ tín liền có đủ chính tư duy. Có đủ chính tư duy liền có đủ chính niệm chính trí. Có đủ chính niệm chính trí mới có đủ sự thủ hộ các căn. Có đủ sự thủ hộ các căn liền có đủ ba diệu hành. Có đủ ba diệu hành liền có đủ bốn niệm xứ. Có đủ bốn niệm xứ liền có đủ bảy giác chi. Có đủ bảy giác chi liền đầy đủ minh giải thoát. Như vậy, minh giải thoát này lần lượt được thành tựu toàn vẹn”.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



¹² Pāli: *saddhamma*, diệu pháp, chính pháp.

¹³ Hán: *thiện nhân* 善人. Pāli: *sappurisa*, người lỗi lạc, siêu việt; chân nhân, thượng nhân, thiện sĩ.

52. KINH THỰC (I)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm Lâm, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Không thể biết biên tế tối sơ của hữu ái, rằng trước vốn không có hữu ái, mà nay sinh ra hữu ái. Nhưng có thể biết được sở nhân của hữu ái.¹

“Hữu ái có thức ăn chứ không phải không thức ăn.² [488a] Thức ăn của hữu ái là gì? Vô minh là thức ăn.

“Vô minh cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của vô minh là gì? Năm triền cái³ là thức ăn.

“Năm triền cái cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của năm triền cái là gì? Ba ác hành là thức ăn.

“Ba ác hành cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của ba ác hành là gì? Không thủ hộ các căn là thức ăn. “Không thủ hộ các căn cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn.

Thức ăn của không thủ hộ các căn là gì? Không chính niệm chính trí là thức ăn.

“Không chính niệm chính trí cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của không chính niệm chính trí là gì? Không chính tư duy là thức ăn.

“Không chính tư duy cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của không chính tư duy là gì? Không có tín là thức ăn.

“Không có tín cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của không có tín là gì? Nghe pháp ác là thức ăn.

“Nghe pháp ác cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của nghe pháp ác là gì? Thân cận ác tri thức là thức ăn.

“Thân cận ác tri thức cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn.

¹ Tham chiếu kinh 51 và các chú thích.

² Pl.: *bhavataṇhāmpāḥaṃ sāhāraṃ vādāmi no anāhāraṃ*, “Ta cũng nói hữu ái có thức ăn (= có duyên) chứ không phải không có thức ăn (= không duyên).”

³ Xem kinh 51.

Thức ăn của thân cận ác tri thức là gì? Người ác là thức ăn.

“Nhu thế, có đủ người ác liền có đủ sự thân cận ác tri thức. Có đủ sự thân cận ác tri thức rồi liền có đủ sự nghe pháp ác. Có đủ sự nghe pháp ác rồi, liền có đủ sự sinh lòng bất tín. Có đủ sự sinh lòng bất tín rồi, liền không chính tư duy. Có đủ sự không chính tư duy rồi, liền có đủ sự không chính niệm chính trí. Có đủ sự không chính niệm chính trí rồi, liền có đủ sự không thủ hộ các căn. Có đủ sự không thủ hộ các căn rồi, liền có đủ ba ác hành. Đủ ba ác hành rồi, liền có đủ năm triền cái. Đủ năm triền cái rồi, liền có đủ vô minh. Có đủ vô minh rồi, liền đầy đủ hữu ái.

“Nhu vậy, hữu ái này lần lượt được phát triển tựu thành.

“Biển cả cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của biển cả là gì? Sông lớn là thức ăn.

“Sông lớn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của sông lớn là gì? Sông nhỏ là thức ăn.

“Sông nhỏ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của sông nhỏ là gì? Lạch lớn⁴ là thức ăn.

“Lạch lớn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của lạch lớn là gì? Lạch nhỏ là thức ăn.

“Lạch nhỏ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của lạch nhỏ là gì? Suối, chằm trong các sườn núi là thức ăn.

“Suối, chằm trong các sườn núi cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của suối, chằm trong các sườn núi là gì? Mưa là thức ăn.

“Có lúc mưa lớn. [488b] Mưa lớn rồi thì suối, chằm trong các sườn núi tràn đầy. Suối, chằm trong các sườn núi tràn đầy rồi thì lạch nhỏ tràn đầy. Lạch nhỏ tràn đầy rồi thì lạch lớn tràn đầy. Lạch lớn tràn đầy thì sông nhỏ tràn đầy. Sông nhỏ tràn đầy thì sông lớn tràn đầy. Sông lớn tràn đầy thì biển cả tràn đầy. Như vậy, biển cả kia lần hồi tràn đầy trọn vẹn.

“Giống như vậy, hữu ái cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của hữu ái là gì? Vô minh là thức ăn.

“Vô minh cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của

⁴ Hán: *đại xuyên* 大川. Pāli: *mahāsobbha*, hồ lớn.

vô minh là gì? Năm triền cái là thức ăn.

“Năm triền cái cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của năm triền cái là gì? Ba ác hành là thức ăn.

“Ba ác hành cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của ba ác hành là gì? Không thủ hộ các căn là thức ăn.

“Không thủ hộ các căn cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của không thủ hộ các căn là gì? Không chính niệm chính trí là thức ăn.

“Không chính niệm chính trí cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của không chính niệm chính trí là gì? Không chính tư duy là thức ăn.

“Không chính tư duy cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của không chính tư duy là gì? Không có tín là thức ăn.

“Không có tín cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của không có tín là gì? Nghe pháp ác là thức ăn.

“Nghe pháp ác cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của nghe pháp ác là gì? Thân cận ác tri thức là thức ăn.

“Thân cận ác tri thức cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của thân cận ác tri thức là gì? Người ác là thức ăn.

“Như thế, có đủ người sinhiền có đủ sự thân cận ác tri thức. Có đủ sự thân cận ác tri thức rồi liền có đủ sự nghe pháp ác. Có đủ sự nghe pháp ác rồi, liền có đủ sự sinh lòng bất tín. Có đủ sự sinh lòng bất tín rồi, liền không chính tư duy. Có đủ sự không chính tư duy rồi, liền có đủ sự không chính niệm chính trí. Có đủ sự không chính niệm chính trí rồi, liền có đủ sự không thủ hộ các căn. Có đủ sự không thủ hộ các căn rồi, liền có đủ ba ác hành. Đủ ba ác hành rồi, liền có đủ năm triền cái. Đủ năm triền cái rồi, liền có đủ vô minh. Có đủ vô minh rồi, liền đầy đủ hữu ái.

“Như vậy, hữu ái này lần lượt được tựu thành trọn vẹn.

“Minh giải thoát cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của minh giải thoát là gì? Bảy giác chi là thức ăn.

“Bảy giác chi cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của bảy giác chi là gì? Bốn niệm xứ là thức ăn.

“Bốn niệm xứ cũng [488c] có thức ăn chứ không phải không có thức ăn.

Thức ăn của bốn niệm xứ là gì? Ba diệu hạnh là thức ăn.

“Ba diệu hạnh cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của ba diệu hạnh là gì? Thủ hộ các căn là thức ăn.

“Thủ hộ các căn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của gìn giữ các căn là gì? chính niệm chính trí là thức ăn.

“chính niệm chính trí cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của chính niệm chính trí là gì? chính tư duy là thức ăn.

“chính tư duy cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của chính tư duy là gì? Tín là thức ăn.

“Tín cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của tín là gì? Nghe điều thiện là thức ăn.

“Nghe điều thiện cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của nghe điều thiện là gì? Thân cận thiện tri thức là thức ăn.

“Thân cận thiện tri thức cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của thân cận thiện tri thức là gì? Người thiện là thức ăn.

“Đó là, có đủ người thiện liền có đủ sự thân cận thiện tri thức. Đủ sự thân cận thiện tri thức liền có đủ sự nghe điều thiện. Có đủ sự nghe điều thiện liền có đủ tín. Có đủ tín liền có đủ chính tư duy. Có đủ chính tư duy liền có đủ chính niệm chính trí. Có đủ chính niệm chính trí mới có đủ sự thủ hộ các căn. Có đủ sự thủ hộ các căn liền có đủ ba diệu hạnh. Có đủ ba diệu hạnh liền có đủ bốn niệm xứ. Có đủ bốn niệm xứ liền có đủ bảy giác chi. Có đủ bảy giác chi liền đầy đủ minh giải thoát. Như vậy, minh giải thoát này lần lượt được thành tựu toàn vẹn”.

“Biển cả cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của biển cả là gì? Sông lớn là thức ăn.

“Sông lớn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của sông lớn là gì? Sông nhỏ là thức ăn.

“Sông nhỏ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của sông nhỏ là gì? Lạch lớn là thức ăn.

“Lạch lớn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của lạch lớn là gì? Lạch nhỏ là thức ăn.

“Lạch nhỏ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của lạch nhỏ là gì? Suối, chằm trong các sườn núi là thức ăn.

“Suối, chằm trong các sườn núi cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của suối, chằm trong các sườn núi là gì? Mưa là thức ăn.

“Có lúc mưa lớn. Mưa lớn rồi thì suối, chằm trong các sườn núi tràn đầy. Suối, chằm trong các sườn núi tràn đầy rồi thì lạch nhỏ tràn đầy. Lạch nhỏ tràn đầy rồi thì lạch lớn tràn đầy. Lạch lớn tràn đầy thì sông nhỏ tràn đầy. Sông nhỏ tràn đầy thì sông lớn tràn đầy. Sông lớn [489a] tràn đầy thì biển cả tràn đầy. Như vậy, biển cả kia lần hồi tràn đầy trọn vẹn.

“Cũng vậy, mình giải thoát cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của mình giải thoát là gì? Bảy giác chi là thức ăn.

“Bảy giác chi cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của bảy giác chi là gì? Bốn niệm xứ là thức ăn.

“Bốn niệm xứ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của bốn niệm xứ là gì? Ba diệu hạnh là thức ăn.

“Ba diệu hạnh cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của ba diệu hạnh là gì? Thủ hchínhhãn là thức ăn.

“Thủ hộ các căn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của gìn giữ các căn là gì? chính niệm chính trí là thức ăn.

“chính niệm chính trí cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của chính niệm chính trí là gì? chính tư duy là thức ăn.

“chính tư duy cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của chính tư duy là gì? Tín là thức ăn.

“Tín cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của tín là gì? Nghe điều thiện là thức ăn.

“Nghe điều thiện cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của nghe điều thiện là gì? Thân cận thiện tri thức là thức ăn.

“Thân cận thiện tri thức cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của thân cận thiện tri thức là gì? Người thiện là thức ăn.

“Đó là, có đủ người thiện liền có đủ sự thân cận thiện tri thức. Đủ sự thân cận thiện tri thức liền có đủ sự nghe điều thiện. Có đủ sự nghe điều thiện

liền có đủ tín. Có đủ tín liền có đủ chính tư duy. Có đủ chính tư duy liền có đủ chính niệm chính trí. Có đủ chính niệm chính trí mới có đủ sự thủ hộ các căn. Có đủ sự thủ hộ các căn liền có đủ ba điều hành. Có đủ ba điều hành liền có đủ bốn niệm xứ. Có đủ bốn niệm xứ liền có đủ bảy giác chi. Có đủ bảy giác chi liền đầy đủ mình giải thoát. Như vậy, mình giải thoát này lần lượt được thành tựu toàn vẹn”. Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



53. KINH THỰC (II)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm Lâm Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Không thể biết biên tế tối sơ của hữu ái, rằng trước vốn không có hữu ái, mà nay sinh ra hữu ái. Nhưng có thể [489b] biết được sở nhân của hữu ái.¹

“Hữu ái có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của hữu ái là gì? Vô minh là thức ăn.

“Vô minh cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của vô minh là gì? Năm triền cái là thức ăn.

“Năm triền cái cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của năm triền cái là gì? Ba ác hành là thức ăn.

“Ba ác hành cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của ba ác hành là gì? Không thủ hộ các căn là thức ăn.

“Không thủ hộ các căn cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của không thủ hộ các căn là gì? Không chính niệm chính trí là thức ăn.

“Không chính niệm chính trí cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của không chính niệm chính trí là gì? Không chính tư duy là thức ăn.

“Không chính tư duy cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của không chính tư duy là gì? Không có tín là thức ăn.

“Không có tín cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của không có tín là gì? Nghe pháp ác là thức ăn.

“Nghe pháp ác cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của nghe pháp ác là gì? Thân cận ác tri thức là thức ăn.

“Thân cận ác tri thức cũng có thức ăn chứ không phải không thức ăn. Thức ăn của thân cận ác tri thức là gì? Người ác là thức ăn.

¹ Tham chiếu kinh 51 và các chú thích.

“Nhu thế, có đủ người ác liền có đủ sự thân cận ác tri thức. Có đủ sự thân cận ác tri thức rồi liền có đủ sự nghe pháp ác. Có đủ sự nghe pháp ác rồi, liền có đủ sự sinh lòng bất tín. Có đủ sự sinh lòng bất tín rồi, liền không chính tư duy. Có đủ sự không chính tư duy rồi, liền có đủ sự không chính niệm chính trí. Có đủ sự không chính niệm chính trí rồi, liền có đủ sự không thủ hộ các căn. Có đủ sự không thủ hộ các căn rồi, liền có đủ ba ác hành. Đủ ba ác hành rồi, liền có đủ năm triền cái. Đủ năm triền cái rồi, liền có đủ vô minh. Có đủ vô minh rồi, liền đầy đủ hữu ái.

“Nhu vậy, hữu ái này lần lượt được tự thành trọn vẹn.

“Biển cả cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của biển cả là gì? Mưa là thức ăn.

“Có lúc mưa lớn. Mưa lớn rồi thì suối, chằm trong các sườn núi tràn đầy. Suối, chằm trong các sườn núi tràn đầy rồi thì lạch nhỏ tràn đầy. Lạch nhỏ tràn đầy rồi thì lạch lớn tràn đầy. Lạch lớn tràn đầy thì sông nhỏ tràn đầy. Sông nhỏ tràn đầy thì sông lớn tràn đầy. Sông lớn tràn đầy thì biển cả tràn đầy. Như vậy, biển cả kia lần hồi tràn đầy trọn vẹn.

“Cũng giống như vậy, có đủ người ác liền có đủ sự thân cận ác tri thức. Có đủ sự thân cận ác tri thức rồi liền có đủ sự nghe pháp ác. Có đủ sự nghe pháp ác rồi, liền có đủ sự sinh lòng bất tín. Có đủ sự sinh lòng bất tín rồi, liền không chính tư duy. Có đủ sự không chính tư duy rồi, liền có đủ sự không chính niệm chính trí. Có đủ sự không chính niệm chính trí rồi, liền có đủ sự không thủ hộ các căn. Có đủ sự không thủ hộ các căn rồi, liền có đủ ba ác hành. Đủ ba ác hành rồi, liền có đủ năm triền cái. Đủ năm triền cái rồi, liền có đủ vô minh. Có đủ vô minh rồi, liền đầy đủ hữu ái.

“Nhu vậy, hữu ái này lần lượt được phát triển tự thành.

“Minh giải thoát cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của minh giải thoát là gì? Bảy giác chi là thức ăn.

“Bảy giác chi cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của bảy giác chi là gì? Bốn niệm xứ là thức ăn.

“Bốn niệm xứ cũng có thức ăn [489c] chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của bốn niệm xứ là gì? Ba diệu hạnh là thức ăn.

“Ba diệu hạnh cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của ba diệu hạnh là gì? Thủ hộ các căn là thức ăn.

“Thủ hộ các căn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của gìn giữ các căn là gì? chính niệm chính trí là thức ăn.

“chính niệm chính trí cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của chính niệm chính trí là gì? chính tư duy là thức ăn.

“chính tư duy cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của chính tư duy là gì? Tín là thức ăn.

“Tín cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của tín là gì? Nghe điều thiện là thức ăn.

“Nghe điều thiện cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của nghe điều thiện là gì? Thân cận thiện tri thức là thức ăn.

“Thân cận thiện tri thức cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của thân cận thiện tri thức là gì? Người thiện là thức ăn.

“Biển cả cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của biển cả là gì? Mưa là thức ăn.

“Có lúc mưa lớn. Mưa lớn rồi thì suối, chằm trong các sườn núi tràn đầy. Suối, chằm trong các sườn núi tràn đầy rồi thì lạch nhỏ tràn đầy. Lạch nhỏ tràn đầy rồi thì lạch lớn tràn đầy. Lạch lớn tràn đầy thì sông nhỏ tràn đầy. Sông nhỏ tràn đầy thì sông lớn tràn đầy. Sông lớn tràn đầy thì biển cả tràn đầy. Như vậy, biển cả kia lần hồi tràn đầy trọn vẹn.

“Cũng giống như vậy, có đủ người thiện liền có đủ sự thân cận thiện tri thức. Đủ sự thân cận thiện tri thức liền có đủ sự nghe điều thiện. Có đủ sự nghe điều thiện liền có đủ tín. Có đủ tín liền có đủ chính tư duy. Có đủ chính tư duy liền có đủ chính niệm chính trí. Có đủ chính niệm chính trí mới có đủ sự thủ hộ các căn. Có đủ sự thủ hộ các căn liền có đủ ba diệu hành. Có đủ ba diệu hành liền có đủ bốn niệm xứ. Có đủ bốn niệm xứ liền có đủ bảy giác chi. Có đủ bảy giác chi liền đầy đủ mình giải thoát. Như vậy, mình giải thoát này lần lượt được thành tựu toàn vẹn”.

Phật thuyết như vậy. Các Tỷ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



54. KINH TẬN TRÍ

[490a1] Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Câu-lâu-sâu, trú trong Kiềm-ma-sắt-đàm¹, đô ấp của Câu-lâu.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng:

“Có tri, có kiến, mới có chứng đắc lậu tận, chứ không phải không tri, không kiến.

“Thế nào là có tri, có kiến mới chứng đắc lậu tận? Tri kiến như thật về Khổ liên chứng đắc lậu tận. Tri kiến như thật về Khổ tập, tri kiến như thật về Khổ diệt và tri kiến như thật về Khổ diệt đạo liên chứng đắc lậu tận.

“Tận trí có tập² chứ không phải không tập. Tập của tận trí là gì? Giải thoát là tập.

“Giải thoát cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của giải thoát là gì? Vô dục là nhân.

“Vô dục cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của vô dục là gì? Yếm ly là tập.

“Yếm ly cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của yếm ly là gì? Thấy như thật, biết như chơn.

“Thấy như thật, biết như chơn cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của thấy như thật, biết như chơn là gì? Định là tập.

“Định cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của định là gì? Lạc là tập.

“Lạc cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của lạc là gì? An chỉ là tập.

“An chỉ cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của an chỉ là gì? Hỷ là tập.

“Hỷ cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của hỷ là gì? Hân hoan là tập.

¹ Xem kinh 10 (Lậu tận) và chú thích.

² Xem kinh 51 và cht.

“Hân hoan cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của hân hoan là gì? Không hồi hận là tập.

“Không hồi hận cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của không hồi hận là gì? Thủ hộ giới là tập.

“Thủ hộ giới cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của thủ hộ giới là gì? Thủ hộ các căn là tập.

“Thủ hộ các căn cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của thủ hộ các căn là gì? Chính niệm chính trí là tập.

“Chính niệm chính trí cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của chính niệm chính trí là gì? Chính tư duy là tập.

“Chính tư duy cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của chính tư duy là gì? Tín là tập.

“Tín cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của tín là gì? Quán pháp nhãn là tập.

“Quán pháp nhãn cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của quán pháp nhãn là gì? Tụng đọc pháp là tập.

“Tụng đọc pháp cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của tụng đọc pháp là gì? Thọ trì pháp là tập.

“Thọ trì pháp cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của thọ trì pháp là gì? Quán nghĩa của pháp là tập.

“Quán nghĩa của pháp cũng có tập chứ không phải không [490b] tập. Tập của quán nghĩa của pháp là gì? Lỗi tai³ là tập.

“Lỗi tai cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của lỗi tai là gì? Nghe pháp thiện⁴ là tập.

“Nghe pháp thiện cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của nghe pháp thiện là gì? Tiếp cận⁵ là tập.

“Tiếp cận cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của tiếp cận là gì?

³ Nhĩ giới 耳界.

⁴ Thiện pháp 妙法, đây muốn nói là diệu pháp hay chính pháp.

⁵ Hán: *vãng nghệ* 往詣: đi đến. Pl.: *upasaṃkamana*, yếu tố đầu dẫn đến thân cận thiện sỹ, một trong bốn Dự lưu chi (Số giải DA. iii 1020: *sappurisasamsevo ti bdddhādīnaṃ sappurisaṇaṃ upasaṃkamitvā sevanam*). Xem cht. tiếp theo.

Phụng sự⁶ là tập.

“Nếu ai phụng sự thiện tri thức,⁷ điều gì chưa nghe liền được nghe, điều gì đã nghe liền được bổ ích.

“Nhu vậy, nếu ai không phụng sự thiện tri thức thì làm tổn hại tập của phụng sự. Nếu không phụng sự thì làm tổn hại tập của sự đi đến. Nếu không đi đến thì làm tổn hại tập của sự nghe pháp thiện. Nếu không nghe pháp thiện thì làm tổn hại tập của lỗi tai. Nếu không có lỗi tai thì làm tổn hại tập của sự quán nghĩa của pháp. Nếu không quán nghĩa của pháp thì làm tổn hại tập của thọ trì pháp. Nếu không thọ trì pháp thì làm tổn hại tập của tụng đọc pháp. Nếu không tụng đọc pháp thì làm tổn hại cái nhân quán pháp nhãn. Nếu không quán pháp nhãn thì làm tổn hại tập của của tín. Nếu không có tín thì làm tổn hại tập của chính tư duy. Nếu không chính tư duy thì làm tổn hại tập của chính niệm chính trí. Nếu không chính niệm chính trí thì làm tổn hại tập của sự thủ hộ các căn. Nếu không thủ hộ các căn thì làm tổn hại tập của sự thủ hộ giới, sự không hối hận, hân hoan, hỷ, chí, lạc, định, thấy như thật, biết như chơn, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu không giải thoát thì làm tổn hại tập của tận trí.

“Nếu ai phụng sự thiện tri thức thì điều gì chưa nghe liền được nghe, điều gì đã nghe liền được bổ ích.

“Nhu vậy, nếu ai phụng sự thiện tri thức thì có tập phụng sự. Nếu đã phụng sự thì có tập đi đến. Nếu đã đi đến thì có tập nghe pháp thiện. Nếu đã nghe pháp thiện thì có tập lỗi tai. Nếu có lỗi tai thì có tập quán nghĩa của pháp. Nếu đã quán nghĩa của pháp thì có tập thọ trì pháp. Nếu đã thọ trì pháp thì có tập tụng đọc pháp. Nếu đã đọc tụng pháp thì có tập quán pháp nhãn. Nếu đã quán pháp nhãn thì có tập tín. Nếu đã có tín thì có tập chính tư duy. Nếu đã có chính tư duy thì có tập chính niệm chính trí. Nếu đã chính niệm chính trí thì có tập thủ hộ các căn, thủ hộ giới, không hối hận, hân hoan, hỷ, chí, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục,

⁶ Phụng sự 奉事. Pāli: *sevanā*, thân cận, phụng sự. Đây chỉ một trong bốn Dự lưu chi: thân cận thiện sỹ. Cf. *Pháp uẩn 2* (No 1537, tr. 458b26), D iii. 324: *sappurisasamsevo*.

⁷ Phụng sự thiện tri thức 奉事善知識, tức thân cận thiện sỹ. Pl: *sappurisasamsevo*.

giải thoát. Nếu đã giải thoát thì có tập tận trí”.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



55. KINH NIẾT-BÀN¹

[490c1] Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm Lâm Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Niết-bàn có tập² chứ không phải không tập. Tập của Niết-bàn là gì? - Giải thoát là tập.

“Giải thoát cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của giải thoát là gì? Vô dục là tập.

“Vô dục cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của vô dục là gì? Yếm ly là tập.

“Yếm ly cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của yếm ly là gì? Thấy như thật, biết như chơn là tập.

“Thấy như thật, biết như chơn cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của thấy như thật, biết như chơn là gì? Định là tập.

“Định cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của định là gì? Lạc là tập.

“Lạc cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của lạc là gì? An chỉ là tập.

“An chỉ cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của an chỉ là gì? Hỷ là tập.

“Hỷ cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của hỷ là gì? Hân hoan là tập.

“Hân hoan cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của hân hoan là gì? Không hối hận là tập.

“Không hối hận cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của không hối hận là gì? Hộ giới là tập.

“Hộ giới cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của hộ giới là gì? Thủ hộ các căn là tập.

¹ Không thấy Pāli tương đương.

² Xem kinh 51 cht. Tham chiếu kinh 42 trên.

“Thủ hộ các căn cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của thủ hộ các căn là gì? chính niệm chính trí là tập.

“chính niệm chính trí cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của chính niệm chính trí là gì? chính tư duy là tập.

“chính tư duy cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của chính tư duy là gì? Tín là tập.

“Tín cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của tín là gì? Khổ là tập.

“Khổ cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của khổ là gì? Già chết là tập.

“Già chết cũng có tập chứ không phải không tập. Tsinh hóa già chết là gì? sinh là tập.

“sinh cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của sinh là gì? Hữu là tập.

“Hữu cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của hữu là gì? Thủ³ là tập.

“Thủ cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của thủ là gì? Thọ⁴ là tập.

“Thọ cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của thọ là gì? Ái là tập.

“Ái cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của ái là gì? Xúc⁵ là tập.

“Xúc cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của xúc là gì? Sáu xứ là tập.

“Sáu xứ cũng có tập chứ không phải không tập. [491a] Tập của sáu xứ là gì? Danh sắc là tập.

“Danh sắc cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của danh sắc là gì? Thức là tập.

“Thức cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của thức là gì? Hành là tập.

“Hành cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của hành là gì? Vô

³ Hán: *thọ* 受, thường nói là thủ. Pāli: *upādāna*.

⁴ Hán: *giác* 覺, thường nói là thọ. Pāli: *vedanā*.

⁵ Hán: *canh lạc* 更樂, tức là xúc. Pāli: *phassa*.

minh là tập.

“Như vậy, duyên là vô minh có hành; duyên hành có thức; duyên thức có danh sắc; duyên danh sắc có sáu xứ; duyên sáu xứ có xúc; duyên xúc có thọ; duyên thọ có ái; duyên ái có thủ; duyên thủ có hữu; duyên hữu có sinh; duyên sinh có già chết; duyên già chết có khổ. Tập khổ mới có tín; tập tín mới có chính tư duy; tập chính tư duy mới có chính niệm chính trí; tập chính niệm chính trí mới có thủ hộ các căn, hộ trì giới, không hối hận, hân hoan, hỷ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Có tập giải thoát mới chứng đắc Niết-bàn”.
Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



56. KINH DI-HÊ¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Ma-kiệt-đà, trong một cái hang trong rừng Mãng nại², thôn Xà-đầu³.

Bấy giờ Tôn giả Di-hê⁴ làm thị giả Phật.

Vào buổi sáng sớm, Tôn giả Di-hê mang y cầm bát vào thôn Xà-đầu khát thực. Khất thực xong, Tôn giả Di-hê đến bờ sông Kim-tì⁵, thấy một khu đất bằng phẳng gọi là rừng xoài khả ái⁶. Nước sông Kim-tì rất tuyệt, thật là đáng ưa. Dòng nước trong chảy chậm chậm; nóng lạnh ôn hòa, dễ chịu. Thấy xong, Tôn giả hoan hỷ, thâm nghĩ: “Khu đất này bằng phẳng gọi là rừng xoài khả ái. Nước sông Kim-tì rất tuyệt, thật là đáng ưa. Dòng nước trong chảy chậm chậm; nóng lạnh ôn hòa, dễ chịu. Nếu thiện gia nam tử nào muốn tu pháp đoạn trừ⁷ thì nên ở chỗ này. Ta cũng có điều phải đoạn trừ⁸, có nên ở chỗ yên tĩnh này để tu pháp đoạn trừ chăng?”

Liền đó, sau khi ăn xong, Di-hê thu xếp y bát, rửa tay chân, vắt ni-sur-đàn⁹ lên vai, đi đến chỗ Đức Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi sang một bên mà bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, sáng sớm hôm nay con mang y cầm bát vào thôn Xà-đầu khát thực. Khất thực xong, con đến bờ sông Kim-tì, thấy một khu đất

¹ Tương đương Pāli: A. ix.3. Meghiya.

² Mãng nại lâm 莽柰林, tức khu rừng xoài. Pāli: ambavana.

³ Xà-đầu thôn 閼門村. Pāli: Jantugāma, gần làng Calikā. Pāli: trú ở làng Calikā, trên núi Cālikapabbata. Phật an cư vào mùa mưa ở đây vào các năm thứ 13, 18 và 19, sau khi thành đạo. Calikapabbata là một ngọn đồi màu trắng nên vào những đêm tối người ta thấy nó hình như chuyển động.

⁴ Di-hê 彌醯. Pāli: Meghiya.

⁵ Kim-tì 金鞞. Pāli: Kimikālā.

⁶ Hán: *danh hảo nại lâm* 名好柰林: tên là rừng Hảo nại. Pāli: *addasā... ambavanam pāsādikaṃ ramanyam*, thấy khu rừng xoài xinh đẹp, đáng ưa.

⁷ Hán: *học đoạn* 學斷. Pāli: (...) *padhānatthikassa padhānāya*, để (tu tập) tinh cần cho ai tinh cần. Theo bản Hán, đọc *pahāna* (đoạn trừ) thay vì *padhāna* (tinh cần).

⁸ Hán: *hữu sở đoạn* 有所斷. Xem cht. trên.

⁹ Ni-sur-đàn 尼師檀. Pāli: nisīdana, tọa cụ, khăn trải ngồi.

bằng phẳng gọi là rừng xoài khả ái. Nước sông Kim-tì rất tuyệt, thật là đáng ưa. [491b] Dòng nước trong chảy chậm chậm; nóng lạnh ôn hòa, dễ chịu. Thấy xong, con hoan hỷ, thầm nghĩ: ‘Khu đất này bằng phẳng gọi là rừng xoài khả ái. Nước sông Kim-tì rất tuyệt, thật là đáng ưa. Dòng nước trong chảy chậm chậm; nóng lạnh ôn hòa, dễ chịu. Nếu thiện gia nam tử nào muốn tu pháp đoạn trừ thì nên ở chỗ này. Ta cũng có điều phải đoạn trừ, có nên ở chỗ yên tĩnh này để tu pháp đoạn trừ chăng?’ Bạch Thế Tôn, nay con muốn đến chỗ yên tĩnh, khu rừng xoài kia, để học pháp đoạn trừ”.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo:

“Này Di-hê, người nay có biết chăng? Ta một mình không có ai, không có thị giả. Người có thể ở lại ít lâu, đợi có Tỳ-kheo khác đến làm thị giả cho Ta rồi người có thể đến chỗ yên tĩnh khu rừng xoài kia mà học pháp đoạn trừ”.

Tôn giả Di-hê lặp lại ba lần bạch:

“Bạch Thế Tôn, nay con muốn đến chỗ yên tĩnh, khu rừng xoài kia, để học pháp đoạn trừ”.

Đức Thế Tôn cũng ba lần nói rằng:

“Này Di-hê, người nay có biết chăng? Ta một mình không có ai, không có thị giả. Người có thể ở lại ít lâu, đợi có Tỳ-kheo khác đến làm thị giả cho Ta rồi người có thể đến chỗ yên tĩnh khu rừng xoài kia mà học pháp đoạn trừ”.

Di-hê lại bạch rằng:

“Thế Tôn không có việc cần làm, không có phận sự cần hoàn tất, không có điều gì cần phải quán sát¹⁰ Con còn có những bốn phận, những điều phải làm, những điều phải quán sát. Bạch Thế Tôn, con đến chỗ yên tĩnh, khu rừng xoài kia, để học pháp đoạn trừ”.

Đức Thế Tôn bảo:

¹⁰ Hán: vô vi, vô tác, diệc vô sở quán 無為無作亦無所觀. Pāli: *natthi kiñci uttari karanīyam, natthi katassa paṭicayo*, không có phận sự gì thêm nữa, không có việc làm thêm đối với điều đã làm.

“Này Di-hê, người mong cầu sự đoạn trừ¹¹, Ta có gì để nói thêm nữa? Di-hê, người cứ đi, làm theo những gì mà người muốn”.

Bấy giờ Di-hê sau khi nghe lời Đức Phật dạy, khéo lãnh thọ, khéo ghi nhớ và khéo tụng tập. Tôn giả liền đánh lễ sát chân Đức Phật, đi quanh ba vòng, rồi đi.

Sau khi đến rừng xoài, vào rừng, Tôn giả đi đến một gốc cây, trải ni-sur-đàn mà ngồi kết già. Tôn giả Di-hê sống trong rừng xoài, sinh khởi lên ba tâm niệm ác bất thiện là tâm niệm dục, tâm niệm nhuế và tâm niệm hại¹². Do đó, Tôn giả liền nghĩ đến Đức Thế Tôn.

Bấy giờ vào lúc xế chiều, Tôn giả từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy, đến trước Đức Thế Tôn, đánh lễ chân Ngài, ngồi sang một bên và bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, con đến rừng xoài kia, ngồi ở chỗ yên tĩnh, liền sinh khởi ba tâm niệm ác bất thiện là tâm niệm dục, tâm niệm nhuế và tâm niệm hại. Do đó, con liền nghĩ đến Thế Tôn”.

Đức Thế Tôn bảo:

“Này Di-hê, tâm giải thoát chưa thuần thực mà muốn cho thuần thực, có năm pháp để tu tập. Những gì là năm?

“Di-hê, Tỳ-kheo tự mình là thiện tri thức, cùng sống chung với thiện tri thức và cùng hòa hợp với thiện tri thức¹³. Này Di-hê, với ai tâm giải thoát chưa thuần thực mà muốn cho thuần thực thì đó là pháp tu tập thứ nhất.

“Lại nữa, này Di-hê, Tỳ-kheo phải tu tập cấm giới, thủ hộ Biệt giải thoát¹⁴, lại phải khéo thâm nhiếp [491c] oai nghi lễ tiết, thấy tội lỗi nhỏ nhặt cũng thường sinh lòng lo sợ, thọ trì học giới. Này Di-hê, với tâm giải thoát chưa thuần thực mà muốn cho thuần thực thì đó là pháp tu tập thứ hai.

¹¹ Nghĩa là, “muốn tinh cần”.

¹² Dục niệm nhuế niệm hại niệm 欲念恚念害念. Pāli: *kāmaṇiyya, vyāpādaṇiyya, vihiṇiṇiyya*, suy cầu tham dục, suy cầu sân hận, suy cầu bức hại.

¹³ Pāli: *kalyāṇamitto hoti kalyāṇasahāyo kalyāṇasampavāṇiko*, là bạn tốt, người đồng hành tốt, thân hữu tốt.

¹⁴ *Tùng giải thoát* 從解脫. Pl.: *pāṭimokkhasaṃvarasamvutto*, thủ hộ bằng Biệt giải thoát luật nghi.

“Lại nữa, này Di-hê, Tỳ-kheo nên nói điều đáng nói, phù hợp nghĩa của bậc Thánh, khiến tâm nhu nhuyễn, làm cho tâm không bị che lấp, tức là nói về giới, nói về định, nói về tuệ, nói về giải thoát, nói về giải thoát tri kiến, nói về sự tôn giảm lần lần, nói về việc không ưa tụ họp, nói về thiểu dục, nói về tri túc, nói về pháp đoạn trừ, nói về vô dục, nói về pháp diệt, nói về tĩnh tọa, nói về duyên khởi. Có được những điều được nói như vậy của Sa-môn, được trọn đủ, dễ được chứ không khó. Này Di-hê, với ai tâm giải thoát chưa thuần thực mà muốn cho thuần thực thì đó là pháp tu tập thứ ba.

“Lại nữa, này Di-hê, Tỳ-kheo thường tu hành tinh tấn, đoạn trừ pháp ác bất thiện, tu các pháp thiện, hằng tự sách tấn, chuyên nhất kiên cố; vì mục đích tìm cầu gốc rễ thiện mà không xả bỏ phương tiện¹⁵. Này Di-hê, với ai tâm giải thoát chưa thuần thực mà muốn cho thuần thực thì đó là pháp tu tập thứ tư.

“Lại nữa, này Di-hê, Tỳ-kheo tu hành về trí tuệ, quán sát sự hưng thịnh và suy vi của các pháp; chứng trí như vậy, bằng Thánh tuệ minh đạt¹⁶, phân biệt thấu hiểu, mà chân chính diệt tận khổ đau. Này Di-hê, với ai tâm giải thoát chưa thuần thực mà muốn cho thuần thực thì đó là pháp tu tập thứ năm.

“Vị ấy khi đã có năm pháp tu tập như vậy rồi, lại phải tu bốn pháp khác nữa. Những gì là bốn? Tu ó lộ¹⁷ để đoạn trừ dục. Tu từ để đoạn trừ sân nhuế. Tu sở tức để đoạn trừ tâm niệm tán loạn. Tu vô thường để đoạn trừ ngã mạn.

“Này Di-hê, nếu Tỳ-kheo nào tự mình là thiện tri thức, cùng sống chung với thiện tri thức và cùng hòa hợp với thiện tri thức, thì nên biết vị ấy chắc chắn tu tập cấm giới, thủ hộ Biệt giải thoát, lại khéo thâm nhiếp các oai nghi, lễ tiết, thấy tội nhỏ cũng sinh lòng lo sợ, thọ trì học giới.

“Này Di-hê, nếu Tỳ-kheo nào tự mình là thiện tri thức, cùng sống chung với thiện tri thức và cùng hòa hợp với thiện tri thức, thì nên biết, vị ấy nói

¹⁵ Pāli: *anikkhittadhuro kusalesu dhammesu*, không trút bỏ gánh nặng trong các pháp thiện.

¹⁶ *Thánh tuệ minh đạt* 聖慧明達. Pāli: *ariyanibbedhikapaññā*, trí tuệ quyết trạch của Thánh.

¹⁷ *Ó (hay ác) lộ* 惡露. Pāli: *asubha*, bất tịnh.

điều đáng nói, đúng theo nghĩa của bậc Thánh, khiến tâm nhu nhuyễn, làm cho tâm chẳng bị ngăn che, tức là nói về giới, nói về định, nói về tuệ, nói về giải thoát, nói về giải thoát tri kiến, nói về sự tổn giảm dần dần, nói về việc không ưa tụ họp, nói về thiếu dục, nói về tri túc, nói về pháp đoạn, nói về pháp diệt, nói về vô dục, nói về tĩnh tọa, nói về duyên khởi. Có được những điều được nói như vậy của Sa-môn, được trọn đủ, dễ được chứ không khó.

“Này Di-hê, nếu Tỳ-kheo tự mình là thiện tri thức, cùng sống chung với thiện tri thức và cùng hòa hợp với thiện tri thức, thì nên biết rằng, vì ấy chắc chắn thường tu hành tinh tấn, đoạn các pháp ác bất thiện, thường khởi tâm chuyên nhất kiên cố, vì mục đích tìm cầu gốc rễ thiện mà [492a] không xả bỏ phương tiện.

“Này Di-hê, nếu Tỳ-kheo nào tự mình là thiện tri thức, cùng sống chung với thiện tri thức và cùng hòa hợp với thiện tri thức, thì nên biết rằng, vì ấy chắc chắn tu hành về trí tuệ, quán sát sự hưng thịnh và suy vi của các pháp; chứng trí như vậy, bằng Thánh tuệ mình đạt, phân biệt thấu hiểu, mà chân chính diệt tận khổ đau.

“Này Di-hê, nếu Tỳ-kheo nào tự mình là thiện tri thức, cùng sống chung với thiện tri thức và cùng hòa hợp với thiện tri thức, thì nên biết rằng, vì ấy chắc chắn tu ồ lộ để đoạn trừ dục. Tu từ để đoạn trừ sân nhuế. Tu sở tức để đoạn trừ tâm niệm tán loạn. Tu vô thường để đoạn trừ ngã mạn.

“Này Di-hê, nếu Tỳ-kheo nào đắc vô thường tướng, chắc chắn đắc vô ngã tướng.

“Này Di-hê, nếu Tỳ-kheo nào đắc vô ngã tướng thì ngay trong đời hiện tại đoạn hết thấy ngã mạn, chứng đắc tịch tĩnh, diệt tận, vô vi, Niết-bàn”.

Phật thuyết như vậy. Tôn giả Di-hê và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



57. KINH TỨC VỊ TỈ-KHEO THUYẾT

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thảng Lâm Lâm Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn nói các Tỳ-kheo rằng:

“Tâm giải thoát chưa thuần thực mà muốn cho thuần thực, có năm pháp để tu tập. Những gì là năm?

“Tỳ-kheo, tự mình là thiện tri thức, cùng sống chung với thiện tri thức và cùng hòa hợp với thiện tri thức. Tâm giải thoát chưa thuần thực mà muốn cho thuần thực thì đó là pháp tu tập thứ nhất.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, tu tập cấm giới, thủ hộ Biệt giải thoát, lại phải khéo thâm nhiếp oai nghi lễ tiết, thấy tội lỗi nhỏ nhất cũng thường sinh lòng lo sợ, thọ trì học giới. Tâm giải thoát chưa thuần thực mà muốn cho thuần thực thì đó là pháp tu tập thứ hai.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, nên nói điều đáng nói, phù hợp nghĩa của bậc Thánh, khiến tâm nhu nhuyễn, làm cho tâm không bị che lấp, tức là nói về giới, nói về định, nói về tuệ, nói về giải thoát, nói về giải thoát tri kiến, nói về sự tổn giảm lần lần, nói về việc không ưa tự hợp, nói về thiếu dục, nói về tri túc, nói về pháp đoạn trừ, nói về vô dục, nói về pháp diệt, nói về tĩnh tọa, nói về duyên khởi. Có được những điều được nói như vậy của Samôn, được trọn đủ, dễ được chứ không khó. Tâm giải thoát chưa thuần thực mà muốn cho thuần thực thì đó là pháp tu tập thứ ba.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, thường tu hành tinh tấn, đoạn trừ pháp ác bất thiện, tu các pháp thiện, hằng tự sách tấn, chuyên nhất kiên cố; vì mục đích tìm cầu [492b] gốc rễ thiện mà không xả bỏ phương tiện. Tâm giải thoát chưa thuần thực mà muốn cho thuần thực thì đó là pháp tu tập thứ tư.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, tu hành về trí tuệ, quán sát sự hưng thịnh và suy vi của các pháp; chứng trí như vậy, bằng Thánh tuệ mình đạt, phân biệt thấu hiểu, mà chân chính diệt tận khổ đau. Tâm giải thoát chưa thuần thực mà muốn cho thuần thực thì đó là pháp tu tập thứ năm.

“Vị ấy khi đã có năm pháp tu tập như vậy rồi, lại phải tu bốn pháp khác nữa. Những gì là bốn? Tu ố lộ để đoạn trừ dục. Tu từ để đoạn trừ sân

nhuế. Tu sở tức để đoạn trừ tâm niệm tán loạn. Tu vô thường để đoạn trừ ngã mạn.

“Nếu Tỳ-kheo nào tự mình là thiện tri thức, cùng sống chung với thiện tri thức và cùng hòa hợp với thiện tri thức, thì nên biết vị ấy chắc chắn tu tập cấm giới, thủ hộ Biệt giải thoát, lại khéo thâm nhiếp các oai nghi, lễ tiết, thấy tội nhỏ cũng sinh lòng lo sợ, thọ trì học giới.

“Nếu Tỳ-kheo tự mình là thiện tri thức, cùng sống chung với thiện tri thức và cùng hòa hợp với thiện tri thức, thì nên biết, vị ấy nói điều đáng nói, đúng theo nghĩa của bậc thánh, khiến tâm nhu nhuyễn, làm cho tâm chẳng bị ngăn che, tức là nói về giới, nói về định, nói về tuệ, nói về giải thoát, nói về giải thoát tri kiến, nói về sự tổn giảm dần dần, nói về việc không ưa tụ họp, nói về thiếu dục, nói về tri túc, nói về pháp đoạn, nói về pháp diệt, nói về vô dục, nói về tĩnh tọa, nói về duyên khởi. Có được những điều được nói như vậy của Sa-môn, được trọn đủ, dễ được chứ không khó.

“Nếu Tỳ-kheo tự mình là thiện tri thức, cùng sống chung với thiện tri thức và cùng hòa hợp với thiện tri thức, thì nên biết rằng, vị ấy chắc chắn thường tu hành tinh tấn, đoạn các pháp ác bất thiện, thường khởi tâm chuyên nhất kiên cố, vì mục đích tìm cầu gốc rễ thiện mà không xả bỏ phương tiện.

“Nếu Tỳ-kheo nào tự mình là thiện tri thức, cùng sống chung với thiện tri thức, cùng hòa hợp với thiện tri thức, nên biết, vị ấy chắc chắn tu hành về trí tuệ, quán sát sự hưng suy của các pháp; chứng trí như vậy, bằng Thánh tuệ minh đạt, phân biệt thấu hiểu, mà chân chính diệt tận khổ.

“Nếu Tỳ-kheo nào tự mình là thiện tri thức, cùng sống chung với thiện tri thức, cùng hòa hợp với thiện tri thức, nên biết, vị ấy chắc chắn tu ồ lộ để đoạn trừ dục. Tu từ để đoạn trừ sân nhuế. Tu sở tức để đoạn trừ tâm niệm tán loạn. Tu vô thường để đoạn trừ ngã mạn.

“Nếu Tỳ-kheo nào đắc vô thường tướng, chắc chắn đắc vô ngã tướng. Nếu Tỳ-kheo nào đắc vô ngã tướng thì ngay trong đời hiện tại đoạn hết thầy ngã mạn, chứng đắc tịch tĩnh, diệt tận, vô vi, Niết-bàn”.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành. □

**PHẨM 6:
TƯƠNG ỨNG VƯƠNG (I)
TỤNG NGÀY THỨ NHẤT**

七寶相四洲 牛糞摩竭王
韓婆麗陵耆 天使最在後

Kệ tóm tắt:
Thất bảo, Tướng, Tứ châu,
Nguu phần, Ma-kiệt vương,
Tì-bà lệ-lăng-kì,
Cuối cùng là Thiên sử

58. KINH THẤT BẢO

59. KINH TAM THẬP NHỊ TƯỚNG

60. KINH TỨ CHÂU

61. KINH NGUỒU PHẦN DỤ

62. KINH TẦN-BỆ-SA-LA VƯƠNG NGHINH PHẬT

63. KINH BỆ-BÀ-LĂNG-KỶ

64. KINH THIÊN SỬ

58. KINH THẮT BẢO

[493a10] Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm Lâm Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu lúc Chuyển luân vương ra đời thì nên biết rằng liền có bảy báu xuất hiện ở đời. Những gì là bảy? Xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Nếu lúc Chuyển luân vương ra đời thì nên biết rằng liền có bảy báu này xuất hiện ở đời. Giống như vậy, lúc Như Lai, Vô Sở Trước, chính Đẳng chính Giác ra đời, thì nên biết rằng cũng có bảy báu giác chi xuất hiện ở thế gian. Những gì là bảy? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi¹, định giác chi và xả giác chi. Đó là bảy. Lúc Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, chính Đẳng chính Giác ra đời, thì nên biết rằng, có bảy báu giác chi ấy xuất hiện ở thế gian.”

Đức Phật thuyết giảng như vậy, sau khi các Tỳ-kheo ấy nghe xong, hoan hỷ phụng hành.



¹Tức giác chi 息覺支, Pāli: *passadhi-bojjhaṅga*.

59. KINH TAM THẬP NHỊ TƯỢNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm Lâm Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ các Tỳ-kheo sau khi ăn trưa xong, tụ tập ngồi tại giảng đường, cùng luận bàn như sau:

“Này Chư Hiền, kỳ diệu thay, hy hữu thay! Bạc Đại nhân thành tựu ba mươi hai tướng thì chắc chắn có hai trường hợp, chân thật, không hư dối. Nếu ở tại gia, chắc chắn vị ấy làm [493b] Chuyển luân vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân, chinh trị thiên hạ, tự do tự tại, là Pháp vương hành động theo chính pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu ấy là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, tướng quân báu. Vị ấy có đủ một ngàn con trai dung mạo đẹp đẽ, dũng mãnh, không sợ, nhiếp phục được địch quân. Vị ấy thống lãnh toàn thể cõi đất này cho đến biển cả; không dùng đao gậy mà dùng pháp trị hóa khiến cho an lạc. Nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, chắc chắn chứng đắc quả Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, tiếng tăm vang dội, mười phương đều nghe.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn đang ở chỗ nhàn tĩnh, với thiên nhĩ thanh tịnh, vượt xa người thường, Ngài nghe các Tỳ-kheo, sau bữa ăn trưa tụ tập ngồi tại giảng đường, cùng luận bàn về sự kiện này: “Này Chư Hiền, kỳ diệu thay, hy hữu thay! Bạc Đại nhân thành tựu ba mươi hai tướng thì chắc chắn có hai trường hợp, chân thật, không hư dối. Nếu ở tại gia, chắc chắn vị ấy làm Chuyển luân vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân, chinh trị thiên hạ, tự do tự tại, là Pháp vương hành động theo chính pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu ấy là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, tướng quân báu. Vị ấy có đủ một ngàn con trai dung mạo đẹp đẽ, dũng mãnh, không sợ, nhiếp phục được địch quân. Vị ấy thống lãnh toàn thể cõi đất này cho đến biển cả; không dùng đao gậy mà dùng pháp giáo hóa khiến cho an lạc. Nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, chắc chắn chứng đắc quả Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, tiếng tăm vang dội, mười phương đều nghe.”

Đức Thế Tôn sau khi nghe như vậy xong, vào lúc xế trưa, Ngài từ chỗ

ngồi đứng dậy, đi đến giảng đường, trải tọa mà ngồi trước chúng Tỳ-kheo. Ngài hỏi các Tỳ-kheo:

“Hôm nay, các người tụ họp tại giảng đường cùng nhau bàn luận việc gì?”

Bấy giờ các Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Đức Thế Tôn, hôm nay tụ tập tại giảng đường, chúng con cùng nhau bàn luận thế này: ‘Này Chư Hiền, kỳ diệu thay, hy hữu thay! Bậc Đại nhân thành tựu ba mươi hai tướng thì chắc chắn có hai trường hợp, chân thật, không hư dối. Nếu ở tại gia, chắc chắn vị ấy làm Chuyển luân vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân, chinh trị thiên hạ, tự do tự tại, là Pháp vương hành động theo chính pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu ấy là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, tướng quân báu. Vị ấy có đủ một ngàn con trai dung mạo đẹp đẽ, đồng mãnh, không sợ, nhiếp phục được địch quân. Vị ấy thống lãnh toàn thể cõi đất này cho đến [493c] biển cả; không dùng đao gậy mà dùng pháp trị hóa khiến cho an lạc. Nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, chắc chắn chứng đắc quả Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, tiếng tăm vang dội, mười phương đều nghe’. Bạch Đức Thế Tôn, chúng con cùng nhau bàn luận việc như vậy, nên tụ tập ngồi tại giảng đường.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn dạy:

“Này các Tỳ-kheo, các người muốn Như Lai nói về ba mươi hai tướng không? Bậc Đại nhân mà thành tựu ba mươi hai tướng thì chắc chắn có hai trường hợp, chân thật, không hư dối. Nếu ở tại gia, chắc chắn vị ấy làm Chuyển luân vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân, chinh trị thiên hạ, tự do tự tại, là Pháp vương hành động theo chính pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu ấy là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, tướng quân báu. Vị ấy có đủ một ngàn con trai dung mạo đẹp đẽ, đồng mãnh, không sợ, nhiếp phục được địch quân. Vị ấy thống lãnh toàn thể cõi đất này cho đến biển cả; không dùng đao gậy mà dùng pháp giáo hóa khiến cho an lạc. Nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, chắc chắn chứng đắc quả Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, tiếng tăm vang dội, mười phương đều nghe.”

Sau khi nghe xong, các Tỳ-kheo bạch:

“Bạch Thế Tôn, nay quả là đúng lúc. Bạch Thiện Thệ, nay quả là đúng lúc. Nếu Thế Tôn nói cho các Tỳ-kheo về ba mươi hai tướng, sau khi nghe xong, các Tỳ-kheo sẽ khéo ghi nhớ.”

Đức Thế Tôn bảo:

“Này các Tỳ-kheo, hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, ghi nhớ! Ta sẽ giảng giải, phân biệt rộng rãi cho các người rõ.”

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời, lắng nghe Thế Tôn dạy.

Phật nói:

“Bậc Đại nhân có lòng bàn chân bằng phẳng¹. Đó là tướng của Đại nhân.

“Lại nữa, lòng bàn chân của Đại nhân có hình bánh xe². Bánh xe có đầy đủ ngàn cãm. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

“Lại nữa, ngón chân của Đại nhân thon dài³. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

“Lại nữa, mu bàn chân Đại nhân thì ngay ngắn⁴. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

“Lại nữa, ở phía sau hai bên mắt cá của gót chân Đại nhân thì đầy đặn bằng phẳng⁵. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

“Lại nữa, hai mắt cá nơi bàn chân thì nhô cao và đầy⁶. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

“Lại nữa, lông trên thân thể của Đại nhân mọc hướng lên. Đó là tướng

¹ *Túc an bình lập* 足安平立, Pāli: *suppatiṭṭhitapāda*, lòng bàn chân đầy đặn; khi đứng, tiếp xúc hoàn toàn với mặt đất.

² *Túc hạ sinh luân* 足下生輪, Pāli: *pādatalesu cakkāni jātāni*.

³ *Túc chỉ tiêm trường* 足指纖長, Pāli: *dīghaṅgulin*.

⁴ *Túc châu chính trực* 足周正直, Pāli thay bằng *brahmujjugatta*, thân hình ngay thẳng như của Phạm thiên.

⁵ *Túc ngắn... bình mãn* 足跟平滿, Pāli: *āyatapaṇhī*, Pāligo-Bukyō-jiten (Shuzen Kumoi's *Dictionary of Pāli Buddhism*) định nghĩa là “gót chân rộng và dài”.

Nhưng, The Pāli Text Society's *Pāli-English Dictionary* định nghĩa “*having long eye-lashes*” (có lông mi dài).

⁶ *Túc lưỡng khỏa sung* 足兩踝[月+庸], Pāli: *usaṅkhaṇḍa*.

của bậc Đại nhân.

“Lại nữa, ở chân tay Đại nhân có mạng lưới giống như của chim nhận chúa. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

“Lại nữa, chân tay Đại nhân rất đẹp, mềm mại, xòe ra như hoa đầu-la⁷. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

“Lại nữa, da thịt của Đại nhân [494a] mịn màng, bụi nước không dính được. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

“Lại nữa, từng sợi lông trên thân của Đại nhân, từng sợi lông một mọc ở lỗ chân lông, màu xanh lông lánh như màu của ốc, xoay tròn về hướng phải. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

“Lại nữa, bắp đùi như bắp đùi của nai chúa. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

“Lại nữa, âm mã tàng⁸ của Đại nhân giống như của ngựa chúa tốt. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

“Lại nữa, thân hình Đại nhân cân xứng đẹp đẽ, giống như cây ni-câu-loại⁹, trên dưới tương xứng hoàn toàn. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

“Lại nữa, thân thể của Đại nhân không gù còng. Thân không còng nghĩa là đứng thẳng mà duỗi tay, sờ tận đầu gối. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

“Lại nữa, thân của Đại nhân màu hoàng kim giống như vàng ròng tía¹⁰. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

“Lại nữa, thân của Đại nhân có bảy chỗ đầy đặn. Bảy chỗ đầy đặn là hai bàn tay, hai bàn chân, hai vai và cổ. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

“Lại nữa, thân của Đại nhân phần trên lớn giống như thân sư tử. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

“Lại nữa, quai hàm của Đại nhân như sư tử¹¹. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

⁷ Đầu-la hoa 兜羅華, Pāli: *tūla*, bông gòn.

⁸ Âm mã tàng 陰馬藏, Pāli: *kosohitaguhyā*.

⁹ Ni-câu-loại thọ 尼拘類樹, Pāli: *nigrodha*, cây đa, hay một loại cây sung Ấn độ (*Ficus Indica*).

¹⁰ Tử ma kim 紫磨金, Pāli: *suvanṇavaṇṇa*.

¹¹ Sư tử giáp xa 師子賴車, Pāli: *sīhahanu*.

“Lại nữa, xương sống thẳng bằng. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

“Lại nữa, trên hai vai liên tiếp qua cổ đầy đặn bằng phẳng. Đó là tướng của bậc Đại nhân,

“Lại nữa, Đại nhân có bốn mươi cái răng. Răng đều đầy đặn, không khuyết lở, trắng, trong, láng bậc nhất. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

“Lại nữa, tiếng nói đáng ưa như tiếng trời Phạm thiên, âm thanh như tiếng chim ca-lăng-tần già¹². Đó là tướng của bậc Đại nhân.

“Lại nữa, Đại nhân có lưỡi rộng dài. Lưỡi rộng dài là lưỡi khi lè ra trùm khắp cả mặt. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

“Lại nữa, mí mắt¹³ của Đại nhân rộng như của trâu chúa. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

“Lại nữa, mắt Đại nhân màu xanh biếc¹⁴. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

“Lại nữa, đỉnh đầu Đại nhân có nhục kế¹⁵ tròn cân đối, tóc xoáy ốc về hướng phải. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

“Lại nữa, giữa hai lông mày của Đại nhân có sợi lông trắng mọc xoáy tròn về hướng phải¹⁶. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

“Này các Tỳ-kheo, Đại nhân thành tựu ba mươi hai tướng này, chắc chắn có hai trường hợp, chân thật không hư dối. Nếu ở gia thì chắc chắn vị ấy làm Chuyển luân vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân, chinh trị thiên hạ, tự do tự tại, là Pháp vương hành động theo chính pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu ấy là xe báu, voi báu, [494b] ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, tướng quân báu. Vị ấy có đủ một ngàn con trai dung mạo đẹp đẽ, dũng mãnh, không sợ, nhiếp phục được địch quân. Vị ấy thống lãnh toàn thể cõi đất này cho đến biên cả; không dùng đao gậy mà dùng pháp giáo hóa khiến cho an lạc. Nếu vị

¹² *Gia-la-tỳ-già* 加羅毗伽, phiên âm thông dụng là ca-lăng-tần-già 迦陵頻伽, Pāli: *karavīka*, giống chim cu gáy, đặc biệt trên Tuyết sơn.

¹³ Mí mắt, mi dưới, hay khóe mắt; Hán: *thừa lệ xứ* 承淚處, Pāli: *pakhuma*.

¹⁴ Hán: *cám thanh* 紺青, màu xanh sẫm đỏ; Pāli:

¹⁵ *Nhục kế* 肉髻, chỏm thịt trên đỉnh đầu. Pāli: *uṇhāsāsā*.

¹⁶ Thường gọi là *bạch hào tướng* 白毫相.

ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, chắc chắn chứng đắc quả Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, tiếng tăm vang dội, mười phương đều nghe.”

Đức Phật thuyết như vậy, sau khi các Tỳ-kheo ấy nghe xong, hoan hỷ phụng hành.



60. KINH TỨ CHÂU

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm Lâm Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tôn giả A-nan ở nơi nhàn tĩnh, ngồi trầm lặng tư duy và suy nghĩ như vậy: “Người đời thật hiếm, ít ai có thể thỏa mãn ở nơi dục;¹ ít ai có sự nhàm tởm, ghê sợ dục cho đến chết. Người đời mà có sự thỏa mãn ở nơi dục, nhàm tởm, ghê sợ cho đến chết, quả là quá khó kiếm.”

Rồi Tôn giả A-nan, vào lúc xế chiều, từ chỗ yên nghỉ đứng dậy, đi đến trước Phật, đánh lễ, rồi ngồi qua một bên và thưa:

“Bạch Đức Thế Tôn, hôm nay con ở chỗ nhàn tĩnh, ngồi trầm lặng tư duy, đã suy nghĩ như vậy: “Người đời thật hiếm, ít ai có thể thỏa mãn đối với dục; ít ai có sự nhàm tởm, ghê sợ dục cho đến chết. Người đời mà đối với dục có sự thỏa mãn, nhàm tởm, ghê sợ cho đến chết, quả là quá khó kiếm!”

Phật bảo A-nan:

“Đúng như vậy, đúng như vậy! Người đời thật hiếm, ít ai có thể thỏa mãn ở nơi dục; ít ai có sự nhàm tởm, ghê sợ dục cho đến chết. Người đời mà có sự thỏa mãn ở nơi dục, nhàm tởm, ghê sợ cho đến chết, quả là quá khó kiếm!

“Nhưng này A-nan, trong thế gian, những người đối với dục mà không thỏa mãn, không nhàm tởm, ghê sợ cho đến chết thì thật quá nhiều! Thật quá nhiều! Vì sao? Này A-nan, trong đời quá khứ, có vua tên là Đảnh sinh² làm Chuyển luân vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân, ngự trị thiên hạ, tự do tự tại, là Pháp vương hành động theo chính pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu ấy là: xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, [494c] cư sĩ báu và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Vị ấy có đủ một ngàn người con trai, mặt mày khôi ngô, đồng mãnh, không khiếp sợ, nhiếp phục được người khác. Vị ấy thống lãnh khắp cả cõi đất này cho đến biển cả, không dùng đao gậy, chỉ dùng pháp trị hóa, khiến cho an lạc.

¹ No 40: ngũ sở tư 五所思.

² Đảnh sinh 頂生, Pāli: Mandhātā; No.40: Văn-đà-kiệt 文陀竭.

“Này A-nan, một thời gian hết sức lâu xa về sau, vua Đảnh sinh ấy nghĩ rằng: ‘Ta có châu Diêm-phù giàu có, hoan lạc cùng cực, nhân dân đông đúc. Ta có bảy báu, đầy đủ một ngàn người con. Ta muốn ngay ở cung điện này mưa báu bảy ngày, dâng đến tận đầu gối’. Này A-nan, vua Đảnh sinh có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, nên vừa khởi tâm ưa thích như vậy, tức thì ở trong cung mưa báu bảy ngày, dâng đến đầu gối.

“Này A-nan, một thời gian hết sức lâu xa về sau, vua Đảnh sinh kia lại nghĩ rằng: ‘Ta có châu Diêm-phù giàu có, hoan lạc cùng cực, nhân dân đông đúc. Ta có bảy báu, đầy đủ một ngàn đứa con, và ở trong cung này, mưa báu bảy ngày, dâng đến đầu gối. Ta nhớ đã từng nghe nơi người xưa nói rằng, ở phương Tây có châu tên là Cù-đà-ni³, giàu có, hoan lạc cùng cực, nhân dân đông đúc. Nay ta muốn đến xem châu Cù-đà-ni. Sau khi đến, ta sẽ thống trị’. Này A-nan, vua Đảnh sinh có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, nên vừa khởi tâm ưa thích như vậy, liền dùng như ý túc cưỡi lên hư không mà đi, cùng với bốn loại quân. Này A-nan, vua Đảnh sinh trong phút chốc liền đến trú ở châu Cù-đà-ni kia.

“Này A-nan, sau khi đến ở, vua đã ngự trị châu Cù-đà-ni suốt vô lượng trăm ngàn vạn năm.

“Này A-nan, một thời gian hết sức lâu xa về sau nữa, vua Đảnh sinh kia lại nghĩ: ‘Ta có châu Diêm-phù giàu có, hoan lạc cùng cực, nhân dân đông đúc. Ta có bảy báu, đầy đủ một ngàn đứa con, và ở trong cung này, mưa báu bảy ngày, dâng đến đầu gối. Ta lại có thêm châu Cù-đà-ni. Ta đã từng nghe người xưa có nói rằng, ở phương Đông có châu tên là Phất-bà-tì-đà-đề⁴ giàu có, hoan lạc cùng cực, nhân dân đông đúc. Nay ta muốn đến xem châu Phất-bà-tì-đà-đề. Sau khi đến, ta sẽ thống trị’. Này A-nan, vua Đảnh sinh có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, nên vừa khởi tâm ưa thích như vậy, liền dùng như ý túc cưỡi lên hư không mà đi, cùng với bốn loại quân. Này A-nan, vua Đảnh sinh

³ Cù-đà-ni 瞿陀尼 (Tây Nguru hóa châu). No 39: Cù-da-ni 瞿耶尼. No 40: Câu-da-ni 俱耶尼. Pl.: *aparagoyāna*.

⁴ Phất-bà-tì-đà-đề 弗婆鞞陀提. No 39: Phất-vu-đãi. 弗于逮. Pāli: *pubbavideha*, châu Thắng thân ở phương Đông.

trong phút chốc liền đến trú ở châu Phất-bà-tì-đà-đề kia. Nay A-nan, [495a] sau khi đến ở, vua ngự trị châu Phất-bà-tì-đà-đề suốt vô lượng trăm ngàn vạn năm.

“Nay A-nan, một thời gian hết sức lâu xa về sau nữa, vua Đảnh sinh kia lại nghĩ: ‘Ta có châu Diêm-phù giàu có, hoan lạc cùng cực, nhân dân đông đúc. Ta có bảy báu, đầy đủ một ngàn người con, và ở trong cung mưa báu bảy ngày dâng đến đầu gối. Ta lại có thêm châu Cù-đà-ni, có thêm châu Phất-bà-tì-đà-đề. Ta lại từng nghe người xưa có nói rằng, ở phương Bắc có châu tên là Uất-đan-viết⁵, giàu có, hoan lạc cùng cực, nhân dân đông đúc, họ tuy không có ngã tướng, không có thọ dụng riêng⁶, nhưng ta muốn cùng quyến thuộc đi xem châu Uất-đan-viết, để thống trị’. Nay A-nan, vua Đảnh sinh có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, nên vừa khởi tâm ưa thích như vậy, liền dùng như ý túc cười hư không mà đi cùng với bốn loại quân. Nay A-nan, vua thấy đất trắng bằng phẳng từ xa, bảo các cận thần:

“– Các khanh có thấy đất trắng bằng phẳng của châu Uất-đan-viết này không?

“Các cận thần đáp:

“– Dạ thấy, tâu Thiên vương.

“vua lại bảo:

“– Các khanh biết không? Đó là lúa tự nhiên của người xứ Uất-đan-viết. Người Uất-đan-viết thường ăn loại thức ăn đó. Các khanh cũng nên ăn loại thức ăn đó.

“Nay A-nan, xa xa, vua Đảnh sinh lại thấy tại châu Uất-đan-viết có biết bao loại cây quý báu, khoe đủ màu sắc ở trong lan can, liền bảo cận thần:

“– Các khanh có thấy biết bao nhiêu loại cây quý báu, khoe đủ màu sắc ở trong lan can tại châu Uất-đan-viết không?

“Các cận thần đáp:

“– Dạ thấy, tâu Thiên vương.

⁵ Uất-đan-viết 鬱單日 (Bắc Câu-lô châu). Pāli: *Uttarakuru*.

⁶ Nghĩa là, không có ý tưởng về tự ngã hay linh hồn và không có tư hữu hay sở hữu cá nhân.

“Vua lại đáp:

“– Các khanh biết không? Đó là thứ cây Áo⁷ của người xứ Uất-đan-viết. Người Uất-đan-viết dùng thứ ấy mà mặc. Các khanh cũng nên dùng thứ ấy mà mặc.

“Này A-nan, trong phút chốc, vua đến trú ở châu Uất-đan-viết. Này A-nan, sau khi cùng quyền thuộc đến đó, vua Đánh sinh thống trị châu Uất-đan-viết suốt cả trăm ngàn vạn năm.

“Này A-nan, một thời gian hết sức lâu xa về sau nữa, vua Đánh sinh kia lại nghĩ: ‘Ta có châu Diêm-phù giàu có vô cùng, nhân dân đông đúc. Ta có bảy báu, đầy đủ một ngàn người con và ở trong cung mưa báu bảy ngày, dâng đến đầu gối. Ta cũng có châu Cù-đà-ni, cũng có châu Phất-bà-tì-đà-đề lại có thêm châu Uất-đan-viết. Ta lại từng nghe người xưa nói rằng, có cõi trời tên là Tam Thập Tam Thiên. [495b] Nay ta muốn đến thấy Tam Thập Tam Thiên’.

“Này A-nan, vua Đánh sinh có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, nên vừa khởi tâm ưa thích như vậy, liền dùng như ý túc cưỡi hư không cùng với bốn loại quân, hướng theo ánh sáng mặt trời mà đi. Này A-nan, từ xa, vua Đánh sinh đã thấy ở trong Tam Thập Tam Thiên, trên đỉnh núi chúa Tu-di, có một vật lớn như một đám mây lớn, liền bảo các cận thần:

“– Các khanh có thấy ở trên đỉnh núi chúa Tu-di trong cõi trời Tam thập tam (có một vật) như một đám mây lớn ấy chăng?

“Các cận thần đáp:

“– Dạ thấy, tâu Thiên vương.

“vua lại bảo:

“– Các khanh biết chăng? Đó là cây Trú độ⁸ của trời Tam Thập Tam Thiên vậy. Dưới gốc cây này, vào mùa hạ tháng tư, các vị Trời ở Tam Thập Tam Thiên vui chơi với đầy đủ năm thứ dục lạc.

“Này A-nan, từ xa, vua Đánh sinh thấy ở trong trời Tam Thập Tam

⁷ Y thọ 衣樹. No 39: kiếp-ba-dục y thọ 劫波育衣樹. Người ở đây dùng vỏ cây làm y phục.

⁸ Trú độ thọ 晝度樹. Pāli: *pāricchattaka*.

Thiên, trên đỉnh núi chúa Tu di, gần về hướng Nam có một vật giống như đám mây lớn, liền bảo các cận thần:

“– Các khanh có thấy ở trong trời Tam Thập Tam Thiên, trên đỉnh núi Tu-di, gần về mé Nam, có một vật giống như đám mây lớn không?

“– Có thấy, tâu Thiên vương.

“vua lại bảo:

“– Các khanh biết không? Đó là nhà chính pháp⁹ của Tam Thập Tam Thiên. Vị Trời Tam Thập Tam Thiên ở trong nhà ấy, vào những ngày mồng tám, mười bốn hoặc mười lăm, vì loài trời, vì loài người mà tư duy về pháp, tư duy về nghĩa.

“Này A-nan, vua Đảnh sinh liền đến cõi Tam Thập Tam Thiên. Đến nơi, vua đi vào nhà chính pháp. Ở đó, Thiên đế Thích nhường một nửa chỗ ngồi cho vua Đảnh sinh và mời ngồi. Vua Đảnh sinh liền ngồi xuống trên nửa chỗ ngồi của Thiên đế Thích. Bấy giờ, vua và Thiên đế Thích hoàn toàn không khác gì nhau; ánh sáng và ánh sáng không khác, màu sắc và màu sắc không khác, hình dung và hình dung không khác, oai nghi lễ tiết và y phục cũng không khác nhau; chỉ có con mắt nháy là khác nhau.

“Này A-nan, vua Đảnh sinh kia một thời gian hết sức lâu xa về sau nữa, lại nghĩ: ‘Ta có châu Diêm-phù giàu có, hoan lạc cùng cực, nhân dân đông đúc. Ta có bảy báu, đầy đủ một ngàn người con, và ở trong cung mưa báu bảy ngày dâng đến đầu gối. Ta lại có châu Cù-đà-ni, có châu Phát-bà-tì-đà-đề, có châu Uất-đan-viết. Ta cũng đã thấy Tam Thập Tam Thiên vân tập đại hội. Ta đã được vào nhà chính pháp của Chư Thiên, lại được Thiên đế Thích nhường cho một nửa chỗ ngồi, và ta đã ngồi trên một nửa chỗ ngồi của Thiên đế Thích. Ta với Thiên đế Thích hoàn toàn không khác gì nhau; ánh sáng không khác, màu sắc không khác, hình dung không khác, oai nghi lễ tiết cho đến [495c] y phục cũng không sai khác, chỉ có con mắt nháy là khác nhau mà thôi. Nay có lẽ ta đuổi Thiên đế Thích đi, cướp lấy phân nửa chỗ ngồi ấy mà làm vua loài trời và loài người, tự do tự tại.

“Này A-nan, vua Đảnh sinh vừa khởi ý niệm như vậy, bất giác rơi xuống

⁹ chính pháp đường 正法堂; Pāli: *Dhammasabhā*, hội trường của chư Thiên.

châu Diêm-phù, liền mất như ý túc, nhuộm bệnh, đau nguy kịch. Đến lúc sắp chết, các cận thần đến bên vua hỏi rằng:

“– Tâu Thiên vương, nếu có vị bà-la-môn, cư sĩ và kẻ bầy tôi hay thần dân nào đến hỏi các hạ thần rằng: ‘Lúc băng hà Đảnh sinh vương chỉ bảo những gì?’ Tâu Thiên vương, các hạ thần trả lời thế nào cho Bà-la-môn, cư sĩ hay thần dân ấy?

“vua bảo cận thần:

“– Nếu có bà-la-môn, cư sĩ, hay thần dân nào đến hỏi các khanh rằng: ‘Lúc băng hà, vua đã nói những gì?’ Thì các khanh Hãy trả lời như thế này: ‘Vua Đảnh sinh đã được châu Diêm-phù, nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn. Vua Đảnh sinh đã được bảy báu, nhưng khi chết vẫn chưa được thỏa mãn. Vua Đảnh sinh đã đầy đủ một ngàn người con, nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn. Vua Đảnh sinh đã có bảy ngày mưa báu, nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn. Vua Đảnh sinh đã được châu Cù-đà-ni, nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn. Vua Đảnh sinh đã được châu Phất-bà-tì-đà-đề, nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn. Vua Đảnh sinh đã được châu Uất-đan-viết, nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn. Vua Đảnh sinh đã thấy Chư Thiên tụ hội, nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn. Vua Đảnh sinh đã hưởng đầy đủ các đặc tính của năm thứ dục lạc, sắc, thanh, hương, vị, xúc; nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn’. Nếu có vị bà-la-môn, hay thần dân nào đến hỏi các khanh rằng: ‘Lúc băng hà vua Đảnh sinh đã nói những gì?’ Thì các khanh nên trả lời đúng như thế.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn đọc bài tụng:

*Trời mưa trân bảo quý,
Chưa thỏa lòng kẻ dục.
Ham muốn: khổ; nào vui.
Kẻ trí cần phải biết.*

*Giả sử được đồng vàng,
Cao như núi Hy-mã,
Vẫn chưa đủ mây may;
Kẻ trí nghĩ như vậy.*

*Được ngũ dục trên trời,
Chẳng cho đó là vui.
Dứt ái, không đắm dục;*

Là đệ tử chính giác.

Rồi Đức Thế Tôn bảo:

“Này A-nan, vua Đảnh sinh ngày xưa ấy, Ông cho là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Nên biết rằng, vị ấy chính là Ta vậy. Này A-nan, [496a] lúc bấy giờ Ta được lợi ích, cũng làm lợi ích cho người khác, cho mọi người, thương xót thế gian, vì trời và vì loài người mà cầu nghĩa lợi và lợi ích, cầu an ổn khoái lạc. Lúc bấy giờ, Ta nói pháp không đến chỗ rốt ráo, không rốt ráo bạch tịnh, không rốt ráo phạm hạnh. Vì không rốt ráo phạm hạnh hoàn toàn, lúc ấy Ta không lìa khỏi sự sinh, già, bệnh, chết, khóc than, ảo não, cũng chưa thể thoát ra ngoài mọi khổ đau. Này A-nan, hôm nay Ta xuất hiện ở thế gian, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, Minh Hạnh Túc Tự, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế Tôn. Nay Ta đã làm lợi ích cho mình, cũng làm lợi ích cho người khác, cho mọi người, thương xót thế gian, vì trời và vì người mà cầu nghĩa lợi và lợi ích, cầu an ổn khoái lạc.

“Nay Ta thuyết pháp đã đến chỗ rốt ráo, rốt ráo bạch tịnh, rốt ráo phạm hạnh. Khi đã rốt ráo phạm hạnh, Ta lìa khỏi sự sinh, già, bệnh, chết, khóc than, ảo não. Ta đã thoát khỏi mọi khổ đau.”

Đức Phật thuyết giảng như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỷ-kheo sau khi nghe thuyết giảng, hoan hỷ phụng hành.



61. KINH NGŨU PHẦN DỤ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm Lâm Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ có một vị Tỳ-kheo ở chỗ nhàn tĩnh, ngồi tư duy, suy nghĩ như vậy: “Có sắc nào thường trú, bất biến, hoàn toàn chỉ có lạc, tồn tại vĩnh viễn chăng? Có thọ, tưởng, hành, thức nào thường trú, bất biến, chỉ có lạc, tồn tại vĩnh viễn chăng?”

Vào lúc xế chiều, vị Tỳ-kheo ấy từ chỗ ngồi yên tĩnh đứng dậy, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ rồi ngồi qua một bên và bạch:

“Bạch Đức Thế Tôn, hôm nay ở chỗ nhàn tĩnh, con ngồi tư duy, suy nghĩ như vậy: ‘Có sắc nào thường trú, bất biến, hoàn toàn chỉ có lạc, tồn tại vĩnh viễn chăng? Có thọ, tưởng, hành, thức nào thường trú, bất biến, chỉ có lạc, tồn tại vĩnh viễn chăng?’”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Không có một sắc nào thường trú, bất biến, hoàn toàn chỉ có lạc, tồn tại vĩnh viễn; không có thọ, tưởng, hành, thức nào thường trú, bất biến, hoàn toàn chỉ có lạc, tồn tại vĩnh viễn.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn dùng móng tay khơi ít phân bò, bảo Tỳ-kheo:

“Này Tỳ-kheo, nay ngươi có thấy Ta dùng móng tay khơi chút ít phân bò chăng?”

Tỳ-kheo [496b] đáp:

“Bạch Thế Tôn, con có thấy.”

Phật bảo:

“Này Tỳ-kheo, cũng vậy, không có một tí sắc nào thường trụ, bất biến, chỉ toàn có lạc, tồn tại vĩnh viễn; cũng như vậy, không có một tí giác, tưởng, hành, thức nào thường trụ, bất biến, chỉ toàn có lạc, tồn tại vĩnh viễn. Vì sao?

“Này Tỳ-kheo, nhớ lại xưa kia, trong một thời gian dài, Ta thường làm phúc. Sau một thời gian dài làm phúc ấy, Ta thọ quả báo an lạc. Vào thuở

xưa đó, Ta tu hành về từ tâm trong bảy năm; trải qua bảy kiếp thành hoại¹ vẫn không trở lại thế gian này. Vào thời kiếp hoại, Ta sinh vào cõi trời Hoảng dục². Vào thời kiếp thành, Ta sinh vào trong cung điện trống không của Phạm thiên³, ở trong cõi Phạm kia, làm Đại Phạm thiên. Qua một ngàn lần tái sinh vào những nơi khác, Ta làm Thiên vương trời Tự tại; ba mươi sáu lần tái sinh làm Thiên đế Thích, rồi lại vô lượng lần tái sinh làm Sát-lị Đảnh sinh vương⁴.

“Này Tỳ-kheo, lúc làm vua Sát-lị Đảnh sinh, Ta có tám vạn bốn ngàn thốt voi lớn được phủ những đồ cưỡi rất đẹp; dùng các báu bạch châu lạc⁵ trang sức, phủ lên voi chúa đầu đàn Vu-sa-hạ⁶.

“Này Tỳ-kheo, lúc Ta làm vua Sát-lị Đảnh sinh, có tám vạn bốn ngàn con ngựa được phủ lên các thứ đồ cưỡi đẹp. Dùng các báu vàng, bạc, dao lạc để trang sức cho ngựa đầu đàn là ngựa Mao⁷.

“Này Tỳ-kheo, lúc Ta làm vua Sát-lị Đảnh sinh, có tám vạn bốn ngàn cỗ xe, trang sức bằng bốn cánh, dùng da văn quý báu đủ màu của các thú như sư tử, cọp, beo, dệt thành đủ loại màu sắc xen lẫn trang sức cho cỗ xe dẫn đầu chạy rất nhanh chóng tên là xe Nhạc thanh⁸.

“Này Tỳ-kheo, lúc Ta làm vua Sát-lị Đảnh sinh, có tám vạn bốn ngàn thành lớn, giàu có cùng cực, dân chúng đông đúc, lấy vương thành Câu-xá-hòa-đề⁹ làm đầu.

“Này Tỳ-kheo, lúc làm vua Sát-lị Đảnh sinh, Ta có tám vạn bốn ngàn ngôi lầu; có bốn loại lầu báu, làm bằng vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh;

¹ Thất phản thành bại 七反成敗, bảy lần thành rồi hoại của thế giới.

² Hoảng dục thiên 晃昱天: *Quang âm thiên, Cực quang thiên*. Pāli: Ābhassara.

³ Không Phạm cung điện 空梵宮殿. Pāli: *suññam brahmavimānam*; tham chiếu D.1. Brahmajālasutta.

⁴ Pāli: *khattiyamuddhāvasitta*, vua Quán Đảnh xuất thân dòng Sát-lị.

⁵ Bạch châu lạc 白珠珞;TNM: 絡.

⁶ Vu-sa-hạ tượng vương 于娑賀. Pāli: Uposathanāgarāja.

⁷ Mao mã vương [馬+毛] 馬王. Pāli: Valāhaka-assarāja.

⁸ Nhạc thanh xa 樂聲車. Pāli: Vejayanta ratha, cỗ xe (=cung điện) Chiến thắng.

⁹ Câu-xá-hòa-đề 拘舍瑟提. Pāli: Kusāvati.

đứng đầu là chính pháp điện¹⁰.

“Này Tỳ-kheo, lúc làm vua Sát-lị Đảnh sinh, Ta có tám vạn bốn ngàn ngự tòa; bốn loại tòa báu, bằng vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh; trải lên bằng các thứ nệm, chiếu dệt bằng lông năm sắc, phủ lên bằng những gấm, the, sa trun, lụa là; có chăn nệm lót, hai đầu để gối, trải thảm quý bằng da sơn dương¹¹.

“Này Tỳ-kheo, lúc làm vua Sát-lị Đảnh sinh, Ta có tám vạn bốn ngàn chiếc áo song y, áo sơ-ma¹², áo gấm, áo lụa, áo kiếp bối, áo da sơn dương¹³.

“Này Tỳ-kheo, lúc làm vua Sát-lị Đảnh sinh, Ta có tám vạn bốn ngàn người nữ, thân thể nở nà, sạch sẽ, sáng sủa, sắc đẹp hơn người, không thua Chư Thiên, tư dung đoan chính, ai nhìn cũng sinh ưa thích, trang điểm bằng các thứ vật báu, anh lạc; [496c] tất cả đều thuộc dòng Sát-lị. Ngoài ra, những người thuộc dòng khác thì nhiều vô số.

“Này Tỳ-kheo, lúc làm vua Sát-lị Đảnh sinh, Ta có tám vạn bốn ngàn món ăn, ngày đêm¹⁴ thường dọn ra cho Ta ăn.

“Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn món ăn kia, có một món hết sức ngon, sạch sẽ, có vô lượng mùi vị, là món Ta thường ăn.

“Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn người nữ kia có một người thuộc dòng Sát-lị, đoan chính đẹp đẽ khác thường, hầu hạ Ta.

“Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn song y kia có một chiếc áo song y, hoặc là áo sơ-ma, hoặc áo gấm, hoặc áo lụa, hoặc áo kiếp-bối¹⁵, hoặc áo da sơn dương quý là Ta thường mặc.

“Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn ngự tòa kia, có một ngự tòa làm

¹⁰ chính pháp điện 正法殿. Pāli: Dhammapāsāda.

¹¹ Hán dịch: gia-lăng-già-ba-hòa-la ba-giá-tất-đa-la-na 加陵伽波瑟邏波遮悉多羅那. Pāli: *kadalimigapavara-pacchattharaṇa*, thảm lông bằng da sơn dương cực quý.

¹² Sơ-ma y 初摩衣; Nguyên-Minh: sơ 芻. Pāli: *khomapilotikā*, vải lanh.

¹³ Hán dịch: gia-lăng-già-ba-hòa-la 加陵伽波瑟邏. Pāli: *kadalimigapavara*, da sơn dương cực quý.

¹⁴ Trong bản Đại chính đọc là tận dạ 盡夜, suốt đêm. Đây đọc là trú dạ 晝夜.

¹⁵ Kiếp-bối y 劫貝衣. Pāli: *kappāsika*, vải bông (gòn).

bằng vàng, hoặc bạc, hoặc lưu ly, hoặc thủy tinh; đồ trải lên thì dùng những tấm nệm, những chiếc chiếu dệt bằng lông năm sắc; đồ phủ lên thì dùng gấm, the, sa trun, lụa là, có chần nệm lót, hai đầu để gối, có trải thảm quý bằng da sơn dương, là Ta thường nằm.

“Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn lầu quán kia, có một lầu quán làm bằng vàng, hoặc bạc, hoặc lưu ly, hoặc thủy tinh, tên là chính pháp điện, là nơi Ta thường ở.

“Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn thành lớn kia, có một thành giàu có cùng cực, dân chúng đông đúc, gọi là thành Câu-xá-hòa-đề là chỗ ta thường ở.

“Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn cỗ xe kia, có một cỗ được dùng da đủ màu của các thú như sư tử, cọp, beo dệt thành, màu sắc xen kẽ để trang hoàng, chạy rất nhanh chóng, tên là xe Nhạc thanh, Ta thường ngồi lên, đi đến các lầu quán để ngắm nhìn các vườn tược.

“Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn con ngựa kia có một con màu xanh biếc, đầu như chim, gọi là ngựa Mao, là Ta thường cưỡi, đi đến các lầu quán để ngắm các vườn tược.

“Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn thớt voi lớn kia, có một thớt toàn thân trắng toát, bảy chi thầy đều ngay thẳng, gọi là voi chúa Vu-sa-hạ, là Ta thường cưỡi đi đến các lầu quán để ngắm các vườn tược.

“Này Tỳ-kheo, bây giờ Ta nghĩ rằng: ‘Đó là nghiệp quả gì, là nghiệp báo gì, mà ngày nay Ta có đại như ý túc, đại oai đức, đại phước hựu, đại oai thần?’

“Này Tỳ-kheo, Ta lại nghĩ: ‘Đó là ba nghiệp quả, là ba nghiệp báo, khiến Ta ngày nay có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần: một là bố thí, hai là điều phục, ba là thủ hộ’.

“Này Tỳ-kheo, người hãy quán sát rằng, tất cả những gì sở hữu¹⁶ đều phải tiêu diệt, cả đến như ý túc cũng phải mất. Này Tỳ-kheo, [497a] người nghĩ thế nào? Sắc là thường hay vô thường?”

Đáp:

“Bạch Thế Tôn, vô thường.”

¹⁶ Nhất thiết sở hữu 一切所有; TNM: sở hành 所行.

Lại hỏi:

“Vô thường là khổ hay không phải khổ?”

Đáp:

“Bạch Thế Tôn, là khổ và biến dịch.”

Lại hỏi:

“Nếu là pháp vô thường, khổ, biến dịch, thì Đa văn Thánh đệ tử có nên cho rằng: ‘Cái này là ta, cái này là sở hữu của ta; ta là sở hữu của cái kia’ chăng?”

Đáp:

“Bạch Thế Tôn, không.”

“Vậy thì, này Tỳ-kheo, người nên học như vậy: ‘Những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp, hoặc xấu, hoặc gần hoặc xa; tất cả những cái ấy chẳng phải là ta, chẳng phải là sở hữu của ta, ta phải là sở hữu của cái kia’. Hãy dùng trí tuệ quán sát, biết đúng như thật. ‘Những gì là thọ, tưởng, hành, thức, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc đẹp, hoặc xấu, hoặc xa, hoặc gần; tất cả những cái ấy chẳng phải là ta, chẳng phải là sở hữu của ta, ta phải là sở hữu của cái kia’. Hãy dùng trí tuệ quán sát, biết đúng như thật.

“Này Tỳ-kheo, nếu Đa văn Thánh đệ tử quán như thế thì liền nhàm chán sắc, nhàm chán thọ, tưởng, hành, thức. Do nhàm chán mà vô dục; do vô dục nên giải thoát; sau khi giải thoát thì biết là giải thoát, biết đúng như thật rằng: Sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa.”

Sau khi, nghe Phật dạy như vậy xong, Tỳ-kheo ấy khéo ghi nhận, khéo ghi nhớ, rời chỗ ngồi đứng dậy, lễ chân Phật, đi quanh ba vòng rồi lui.

Tỳ-kheo ấy sau khi thọ nhận lời giáo hóa của Đức Phật, liền sống một mình, viễn ly, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn. Vị ấy đã sống một mình, viễn ly, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn, đạt đến mục đích mà vì đó thiện nam tử đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo; đó là chỉ cầu vô thượng phạm hạnh, ngay trong đời hiện tại, tự biết, tự ngộ, tự thân chứng, thành tựu an

trú, biết đúng như thật rằng: “Sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa.” Như vậy, Tỳ-kheo ấy, sau khi đã biết pháp, cho đến chứng đắc A-la-hán.

Phật thuyết giảng như vậy. Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết giảng, hoan hỷ phụng hành. □

62. KINH TÀN-TÌ-SA-LA VƯƠNG NGHINH PHẬT

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Ma-kiệt-đà, cùng với đại chúng Tỳ-kheo gồm một nghìn vị, đều là những Bạc Vô Trước Chí Chơn¹, trước vốn là những đạo sĩ bện tóc². Ngài đi đến ấp Ma-kiệt-đà ở thành Vương xá.

Bấy giờ Vua xứ Ma-kiệt-đà là Tần-tì-sa-la³ nghe Đức Thế Tôn trú tại nước Ma-kiệt-đà cùng với chúng đại Tỳ-kheo, gồm một nghìn vị, đều là những bạc Vô Trước Chí Chơn, trước vốn là những đạo sĩ bện tóc, đến ấp Ma-kiệt-đà ở thành Vương xá này. Sau khi nghe vậy, Vua Tần-tì-sa-la nước Ma-kiệt-đà liền cho sắp đặt bốn loại quân, là quân voi, quân ngựa, quân xe, và bộ quân. Chuẩn bị bốn loại quân xong, Vua với đông đủ vô số thuộc hạ, kéo dài trên một do-tuần, cùng đi đến chỗ Phật.

Bấy giờ từ xa, Đức Phật thấy Vua Tần-tì-sa-la nước Ma-kiệt-đà đi đến, bèn theo đường tắt đến dưới gốc cây chúa Thiện trụ ni-câu-loại⁴, trải ni-sur-dàn ngồi kiết già cùng với chúng Tỳ-kheo.

Từ xa, Vua Tần-tì-sa-la nước Ma-kiệt-đà thấy Thế Tôn ở giữa cây rừng, trang nghiêm đẹp đẽ như vàng trắng ở giữa vòm sao, chói lọi, sáng ngời như núi vàng, tướng tốt vẹn toàn, oai thần lồng lộng, các căn vắng lặng, không bị ngăn che, thành tựu tự chế ngự, tâm tư yên tĩnh. Sau khi thấy Phật, Vua cùng tùy tùng xuống xe.

Nếu các vua Sát-lị được rưới nước lên đỉnh đầu để làm bạc Nhân chủ, chinh trị cõi đất, có năm loại nghi trượng, một là kiếm, hai là lọng, ba là mũ thiên quan, bốn là phát trần cán ngọc, năm là giày thêu. Nhưng đến đây Vua cởi bỏ tất cả, cùng với bốn loại quân. Vua đi bộ đến trước Phật, đánh lễ rồi tự xưng danh tánh ba lần rằng:

¹ A-la-hán, dịch nghĩa hoặc *vô trước* 無著, hoặc *chí chân* 至真. Ở đây bảnhán dư một từ.

² Biên phát 編髮. Pāli: *jaṭilaka*, đây chỉ ba anh em Uruvelakassapa cùng với các đệ tử, sau khi quy y Phật.

³ Ma-kiệt-đà vương Tần-tì-sa-la 摩竭陀王頻鞞娑邏. Pāli: Bimbisāra Magadha-rāja.

⁴ Thiện trụ Ni-câu-loại thọ vương 善住尼拘類樹王.

“Bạch Đức Thế Tôn, tôi là Tẩy-ni Tần-tì-sa-la⁵, Vua nước Ma-kiệt-đà.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo:

“Này Đại vương, đúng vậy, đúng vậy. Đại vương là Tẩy-ni Tần-tì-sa-la, Vua nước Ma-kiệt-đà.”

Sau khi Vua Tẩy-ni Tần-tì-sa-la nước Ma-kiệt-đà ba lần tự xưng danh tánh rồi, đánh lễ Phật và ngồi qua một bên. Có người chào hỏi Phật rồi ngồi qua một bên. Có người chấp tay hướng về Phật rồi ngồi qua một bên. Có người ở xa thấy Phật rồi lạng lễ ngồi xuống.

Bấy giờ Tôn giả Uất-tỳ-la Ca-diếp⁶ cùng ngồi trong chúng. Tôn giả là vị mà những người nước Ma-kiệt-đà [497c] đều chú ý đến và cho rằng, đó là bậc Đại tôn sư, bậc Chân nhân Vô trước.⁷ Bấy giờ những người xứ Ma-kiệt-đà đều nghĩ rằng: “Sa-môn Cù-đàm theo Uất-tỳ-la Ca-diếp học phạm hạnh chăng? Hay là Uất-tỳ-la Ca-diếp theo Sa-môn Cù-đàm học phạm hạnh?”

Bấy giờ Đức Thế Tôn biết ý nghĩ trong tâm người xứ Ma-kiệt-đà, liền hướng về Tôn giả Uất-tỳ-la Ca-diếp mà nói bài tụng:

*“Ca-diếp, thấy những gì,
Bỏ lửa mà đến đây?
Ca-diếp, nói Ta biết,
Lý do không thờ lửa?”*

*“Ăn uống, các vị ngọt:
Vì dục nên thờ lửa;
Trong sinh⁸, thấy như vậy,
Cho nên không ưa thờ.”*⁹

⁵ Tẩy-ni Tần-tì-sa-la 洗尼頻鞞娑邏. Pāli: Seniya Bimbisāra.

⁶ Uất-tỳ-la Ca-diếp 鬱毗羅迦葉. Pāli: Uruvela-Kassapa, anh cả trong ba anh em, thuộc hàng tông sư của ngoại đạo bện tóc.

⁷ Vô trước Chân nhân 無著真人, từ dịch khác của A-la-hán. Dân chúng xem các vị này là Thánh nhân, tức A-la-hán.

⁸ Hán: sinh trung, có lẽ dịch từ tương đương Pāli: upadhi: sinh y, hữu y; chỉ khát ái phiền não làm căn cơ cho tồn tại. Nhưng Hán thương phiên âm là *ức-bà-đề* 億婆提 mà không dịch.

⁹ Trả lời của Ca-diếp, Vin. i. 36 (Mahāvagga): (...) *etaṃ malan'ti upadhīsu ñātvā*,

“Ý Ca-diếp không ưa,
 Ăn uống, các vị mhọt.
 Sao không ưa Trời, Người?
 Ca-diếp, nói Ta rõ.”

“Thấy tịch tĩnh, diệt tận,
 Vô vi, không dục hữu;¹⁰
 Không thấy Trời cao quý,
 Cho nên không thờ lửa.
 Thế Tôn là tối Thắng Lâm;
 Thế Tôn không tà tư;
 Thấy các pháp rõ ràng,
 Con nhận pháp tối Thắng Lâm.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo:

“Này Ca-diếp, ông hãy hiển hiện như ý túc cho chúng hội này được vui lòng và tin tưởng.”

Lúc đó Tôn giả Uất-tỳ-la Ca-diếp, bằng như ý túc như thế, biến mất khỏi chỗ đang ngồi, từ phương Đông xuất hiện, bay lên hư không, hiện bốn oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi. Tôn giả lại nhập hỏa định. Sau khi Tôn giả Uất-tỳ-la Ca-diếp nhập hỏa định, trong thân liền phát ra vô số tia lửa đủ màu: xanh, vàng, đỏ, trắng, màu hòa hợp, màu thủy tinh. Phần thân dưới phóng ra lửa thì phần thân trên phóng ra nước; phần thân trên phóng ra lửa thì phần thân dưới phun ra nước. Cũng vậy, từ các phương Nam, Tây, Bắc bay lên hư không, hiện ra bốn oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi. Tôn giả lại nhập hỏa định. Sau khi Tôn giả Uất-tỳ-la Ca-diếp nhập hỏa định, trong thân liền phát ra vô số tia lửa đủ màu: xanh, vàng, đỏ, trắng, màu hòa hợp, màu thủy tinh. Phần thân dưới phóng ra lửa thì phần thân trên phóng ra nước; phần thân trên phóng ra lửa thì phần thân dưới phun ra nước. Sau khi hiển hiện như ý túc, Tôn giả Uất-tỳ-la Ca-diếp đánh lễ dưới chân Phật và bạch rằng:

tasmā na yijjhe na hute arañjin’ti, “sau khi biết đó là câu bản trong các sinh y, con không con ưa thích hin tế, tế tự.”

¹⁰ Hán: bất dục hữu 不欲有. Cf. Vin. ibid.: *akañcanaṃ kāmabhava asattaṃ*, không còn đam mê trước cái gì trong dục hữu.

“Bạch Thế Tôn, Phật là Thầy của con. Con là đệ tử của Phật. Phật thành tựu Nhất thiết trí. Con không có Nhất thiết trí.”

[498a] Đức Thế Tôn bảo:

“Thật vậy, Ca-diếp, thật vậy, Ca-diếp! Ta có Nhất thiết trí. Ông không có Nhất thiết trí.”

Bấy giờ Tôn giả Uất-tỳ-la Ca-diếp vì chính mình mà nói bài tụng:

*Ngày xưa, không biết gì,
Thờ lửa: cầu giải thoát,
Tuy già vẫn mù tối,
Tà, không thấy chân tế.
Nay con thấy Thượng Thích,
Rỗng Vô Thượng đã dạy:
Vô vi, thoát hết khổ,
Thấy rồi, sinh tử dứt.*

Những người xứ Ma-kiệt-đà, sau khi thấy như vậy, liền nghĩ: “Không phải Sa-môn Cù-đàm theo Uất-tỳ-la Ca-diếp học phạm hạnh mà chính Uất-tỳ-la Ca-diếp theo Sa-môn Cù-đàm để học phạm hạnh.” Đức Thế Tôn biết ý nghĩ trong tâm của người xứ Ma-kiệt-đà, liền thuyết pháp cho Tỳ-ni Tàn-tì-sa-la, Vua nước Ma-kiệt-đà nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi ngài đã dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho vua nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Ngài theo đúng pháp của chư Phật, trước tiên nói pháp thuận tự,¹¹ khiến người nghe vui mừng, ấy là thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về pháp sinh thiên, chỉ trích dục là tai họa, sinh tử là câu uế, khen ngợi vô dục là diệu đạo phẩm, bạch tịnh.

Sau khi Đức Thế Tôn đã nói cho vị Đại vương ấy nghe những pháp như vậy, Ngài biết Vua đã có tâm hoan hỷ, tâm cụ túc, tâm nhu nhuyễn, tâm kham nhẫn, tâm tăng thượng, tâm chuyên nhất, tâm vô nghi, tâm vô tận, có khả năng, có sức lực thọ nhận chính pháp, như các pháp yếu mà chư Phật đã giảng thuyết,¹² Đức Thế Tôn nói cho vua nghe về Khổ, Tập, Diệt,

¹¹ Hán: đoạn chính pháp 端正法. Pl.: *anupubbi-kathā*, pháp thoại được nói theo thứ tự.

¹² Pl.: *buddhāṇaṃ sāmukkaṃsikaṃ dhammadesanā*, pháp thoại mà chư Phật giảng

Đạo. Ngài dạy:

“Này Đại vương, sắc là pháp sinh diệt. Đại vương nên biết, sắc là pháp sinh diệt. Này Đại vương, thọ, tưởng, hành, thức là pháp sinh diệt. Đại vương nên biết, thức là pháp sinh diệt.

“Này Đại vương, giống như khi mưa lớn, trên mặt nước nổi bọt hoặc sinh hoặc diệt. Này Đại vương, sắc sinh diệt cũng như vậy. Đại vương nên biết sắc là pháp sinh diệt. Này Đại vương, thọ, tưởng, hành, thức là pháp sinh diệt. Đại vương nên biết, thức là pháp sinh diệt.

“Này Đại vương, nếu một thiện nam tử biết sinh diệt của sắc, sẽ biết rằng sắc đương lai không sinh trở lại. Này Đại vương, nếu một thiện nam tử nào biết sinh diệt thọ, tưởng, hành, thức sinh diệt, sẽ biết rằng thức đương lai không sinh trở lại. Này Đại vương, nếu một thiện nam tử biết như thật về sắc sẽ không đắm trước sắc, không chấp thủ sắc, không nhiễm sắc, không trụ nơi sắc, không hoan lạc rằng ‘sắc là ta’. Này Đại vương, nếu một thiện nam tử biết như thật thọ, tưởng, hành, thức, sẽ không đắm trước [498b] thức, không chấp thủ thức, không nhiễm thức, không trụ nơi thức, không hoan lạc rằng ‘thức là ta’. Này Đại vương, nếu một thiện nam tử không trước sắc, không chấp thủ sắc, không nhiễm sắc, không an trụ nơi sắc, không hoan lạc cho rằng ‘sắc là ta’, người ấy không thọ nhận sắc tương lai. Này Đại vương, nếu một thiện nam tử không đắm trước thọ, tưởng, hành, thức, không chấp thủ thức, không nhiễm thức, không trụ thức, không hoan lạc rằng ‘thức là ta’, người ấy không thọ nhận thức tương lai. Này Đại vương, thiện nam tử ấy vô lượng, không thể kể xiết, vô hạn, chúng đắc tịch tịnh; nếu xả bỏ thân ngũ uẩn này, không còn thọ nhận uẩn thân khác nữa.”

Bấy giờ, những người xứ Ma-kiệt-đà nghĩ rằng: “Nếu như sắc là vô thường; thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, thì ai làm, ai thọ nhận khổ, lạc?”

Đức Thế Tôn biết ý nghĩ của những người xứ Ma-kiệt-đà, liền bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Hàng phàm phu ngu si không học, thấy ngã là ngã mà đắm trước nơi ngã, nhưng thực ra không có ngã, không có ngã sở. Ngã vốn không, ngã

sở vốn không; pháp khi sinh thì sinh, pháp khi diệt thì diệt; thấy đều do nhân duyên hội tụ mà sinh khổ. Nếu không có nhân duyên thì các khổ liền diệt. Chúng sinh do duyên tụ hội liên tục mà sinh các pháp. Như Lai sau khi thấy chúng sinh liên tục sinh ra nên nói ‘có sinh có tử’. Ta bằng thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn người thường, thấy như thật về chúng sinh này, lúc tử lúc sinh, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc diệu hoặc bất diệu, qua lại thiện xứ, hoặc bất thiện xứ, đều tùy theo nghiệp mà chúng sinh ấy đã tạo, và thấy đúng như thật.

“Nếu chúng sinh nào thành tựu ác hạnh nơi thân, ác hạnh nơi khẩu, ý, phỉ báng Thánh nhân, tà kiến và thành tựu nghiệp tà kiến, thì do nhân duyên kia, khi thân này hoại diệt, mạng chung, chúng sinh ấy chắc chắn đi đến chỗ ác, sinh vào địa ngục. Nếu chúng sinh nào thành tựu thiện hành nơi thân, thiện hành nơi khẩu, ý, không phỉ báng Thánh nhân, có chính kiến, thành tựu nghiệp chính kiến; thì do nhân duyên đó, khi thân này hoại diệt, mạng chung, chúng sinh ấy chắc chắn đi lên chỗ thiện, cho đến cõi trời. Ta biết chúng sinh kia như vậy nhưng không nói rằng: Đó là ngã, ngã ấy có cảm giác, có nói năng, làm và sai làm, đứng dậy và khiến đứng dậy, ở nơi này hay nơi kia thọ nhận nghiệp báo thiện ác. Ở đây, hoặc có suy nghĩ như vậy: Điều đó không hợp lý, điều đó không đứng vững. Hành ấy là đúng như pháp là, nhân cái này mà cái kia sinh, nếu không nhân cái này thì cái kia không sinh; cái này có thì cái kia có, cái này diệt thì cái kia diệt. Tức là duyên vô minh có hành cho đến duyên sinh mà có già, chết. Nếu vô minh diệt thì hành diệt, cho đến sinh diệt thì già, chết diệt.

“Này Đại vương, Đại vương nghĩ sao, sắc [498c] là vô thường hay thường?”

Vua đáp:

“Bạch Thế Tôn, là vô thường.”

Lại hỏi:

“Nếu vô thường, nó là khổ hay không khổ?”

“Bạch Thế Tôn, là khổ, là biến dịch.”

“Nếu pháp là vô thường, khổ, biến dịch, thì Đa văn Thánh đệ tử có nên cho rằng: ‘Cái này là ta, cái này là sở hữu của ta; ta là sở hữu của cái kia’?”

“Bạch Thế Tôn, không nên.”

Lại hỏi:

“Nếu vô thường, nó là khổ hay không khổ?”

“Bạch Thế Tôn, là khổ, là biến dịch.”

“Nếu pháp là vô thường, khổ, biến dịch, Đa văn Thánh đệ tử có nên cho rằng: Cái này là ta, cái này là sở hữu của ta; ta là sở hữu của cái kia?”

“Bạch Thế Tôn, không nên.”

“Này Đại vương, Đại vương nên học như vậy: Những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc gần, hoặc xa; tất cả đều chẳng phải là ta, chẳng phải là sở hữu của ta; ta chẳng phải là sở hữu của kia. Nên dùng trí tuệ quán biết như thật.

“Này Đại vương, những gì là thọ, tưởng, hành, thức, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc gần, hoặc xa; tất cả đều chẳng phải là ta, chẳng phải là sở hữu của ta; ta sinh phải là sở hữu của kia. Nên dùng trí tuệ quán biết như thật. Ngã của ta, chẳng phải là của ta. Nên dùng trí tuệ quán biết đúng như thật.

“Này Đại vương, Đa văn Thánh đệ tử quán đúng như vậy, liền nhàm chán sắc, nhàm chán thọ, tưởng, hành, thức. Nhàm chán rồi liền vô dục, vô dục rồi, liền được giải thoát, đã giải thoát liền có tri kiến giải thoát, biết như thật rằng: Sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa”.

Lúc Đức Phật nói pháp này xong, Tây-ni Tần-tì-sa-la, vua nước Ma-kiệt-đà xa lìa trần cấu, pháp nhãn về các pháp sinh khởi và tám vạn chư thiên, một vạn hai ngàn người xứ Ma-kiệt-đà xa lìa trần cấu, pháp nhãn về các pháp sinh khởi. Bấy giờ Tây-ni Tần-tì-sa-la, Vua nước Ma-kiệt-đà thấy pháp, đắc pháp, giác ngộ pháp bạch tịnh, đoạn nghi, vượt khỏi mê hoặc, không còn tôn thờ ai, không theo ai nữa, không còn do dự, đã an trụ nơi quả chứng, đối với pháp của Thế Tôn mà chứng đắc vô sở úy; liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật và bạch:

“Bạch Thế Tôn, hôm nay con xin tự quy y Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, bắt đầu từ hôm nay, trọn đời

con xin tự quy y cho đến lúc mạng chung.”

Đức Phật thuyết như vậy. Tầy-ni Tầ-tì-sa-la, Vua nước Ma-kiệt-đà và tám vạn Chư Thiên, và một vạn hai ngàn người xứ Ma-kiệt-đà cùng một ngàn Tỳ-kheo, sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.¹³



¹³ Bản Hán, hết quyển 11.

63. KINH TÌ-BÀ-LĂNG-KỲ

[499a11] Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Câu-tát-la¹.

Bấy giờ Đức Thế Tôn và đại chúng Tỳ-kheo cùng đi trên đường; giữa đường, Ngài mỉm cười rạng rỡ. Tôn giả A-nan thấy Thế Tôn mỉm cười, liền chấp tay hướng về Thế Tôn và bạch:

“Bạch Thế Tôn, do nhân duyên gì Thế Tôn mỉm cười? Các Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, nếu không có nhân duyên gì, thì không bao giờ cười suông. Con mong nghe được ý nghĩa ấy.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo:

“Này A-nan, chính trong xứ sở này, Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, ngồi tại nơi đây mà nói pháp cho các đệ tử.”

Lúc đó Tôn giả A-nan, ngay tại chỗ ấy, liền nhanh chóng trải chỗ ngồi, chấp tay hướng về Thế Tôn và bạch:

“Bạch Thế Tôn, cúi mong Thế Tôn cũng ngồi nơi đây mà nói pháp cho các đệ tử. Như vậy, chỗ này là sở hành của hai Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ mà Tôn giả A-nan đã trải. Sau khi ngồi xuống Ngài bảo:

“A-nan, ở trong xứ sở này, Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, có giảng đường. Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, sau khi ngồi ở trong đó, bèn giảng pháp cho các đệ tử nghe. Này A-nan, trong xứ sở này, xưa kia có thôn ấp, tên là Tì-bà-lăng-kỳ², giàu có cùng cực, dân chúng đông đúc. Này A-nan, trong thôn ấp Tì-bà-lăng-kỳ, có Bà-la-môn đại trưởng giả tên là Vô Nhuế,³ giàu có tột đỉnh, của cải vô lượng, sản nghiệp chăn nuôi, không thể tính toán, phong hộ, thực ấp đầy đủ mọi thứ.

“Này A-nan, Bà-la-môn đại trưởng giả Vô Nhuế có người con tên là Ưu

¹ Câu-tát-la 拘薩羅. Pāli: Kosala.

² Tì-bà-lăng-kỳ 鞞婆陵耆. Pāli: Vebhalinga.

³ Vô Nhuế 無恚, không thấy tên Pāli.

đa-la Ma-nạp⁴, được cha mẹ nuôi chiu, giòong dôi thuần chủng, cho đến bảy đời [499b] cha mẹ, chủng tộc không tuyệt, đời đời không pha tạp,⁵ học rộng, nghe nhiều, đọc hết bốn điển kinh⁶, thấu triệt nhân duyên, chính văn, hí là năm, cùng với cú pháp và thuyết văn⁷.

“Này A-nan, đồng tử Ưu-đa-la có người bạn lành làm thợ đồ gốm tên là Nan-đề-bà-la⁸ thường được đồng tử Ưu-đa-la yêu thương, tưởng nhớ, ưa gần gũi không chán.

“Này A-nan, thợ đồ gốm Nan-đề-bà-la quy y Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo, không nghi ngờ Ba ngôi tôn quý⁹, không nghi hoặc Khổ, Tập, Diệt, Đạo; có tín, có giới, học rộng, ưa bố thí, thành tựu trí tuệ; xa lìa sát sinh, đoạn trừ sự sát sinh, xả bỏ đao gậy, biết tầm, biết quý, có tâm từ bi, làm lợi ích tất cả cho đến loài côn trùng. Đối với tâm niệm sát sinh, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa lấy của không cho, đoạn trừ

⁴ Ưu-đa-la Ma-nạp 優多羅摩納. Pāli theo đây là Uttramāṇava, nhưng trong bản Pāli tham chiếu M.4 nói là Jotipāla-māṇava.

⁵ Hán: sinh sinh vô ác 生生無惡; đây nói về dòng dõi huyết thống; Pāli, thành cú: *anupakkuṭṭho jātivādena*, không bị chê bai về phương diện huyết thống (thọ sinh).

⁶ Tứ điển kinh 四典經, chỉ bốn bộ Veda. Bản Pāli: *tiṇṇaṃ vedānaṃ pāragū*, thông suốt ba bộ Veda.

⁷ Hán: thâm đạt nhân duyên chính văn hí ngữ cú thuyết 深達因緣正文戲五句說. Pāli (Cf. D.i. tr.88):

sanighaṇḍukeṭubhānaṃ sākkharappabhedānaṃ itihāsapañcamānaṃ padako veyyākaraṇo, tinh thông ngữ vựng, nghi quỹ, phân tích âm vận, và thứ năm (kể luôn cả tinh thông Thánh điển Veda) là truyền thuyết lục, giỏi ngữ cú, văn pháp. Tham chiếu, No.99

(600), kinh 600: tụng thuộc các kinh điển, danh tự của vật loại, phẩm loại sai biệt của vạn vật, phân tích và kết hợp tự loại, và thứ năm là lịch thể bản mặt. Trong bản Hán, *nighaṇḍu* (ngữ vựng) được hiểu là *nidāna* (nhân duyên). Pāli: *keṭubha*: sách về nghi quỹ, hay nghi thức; trong bản Hán: *chính văn*. Pāli: *itihāsa*, truyền thuyết lục, hay truyện truyền kỳ; bản Hán: *hý* (chuyện cười).

⁸ Nan-đề-bà-la đào sư 難提波羅陶師, theo đây Pāli có thể là Nandipāla. Nhưng bản Pāli tham chiếu: Ghaṭikāra (thợ gốm).

⁹ Hán: tam tôn 三尊.

việc không cho mà lấy, cái gì cho mới lấy, vui lòng nhận những gì được cho; thường thích bố thí, hoan hỷ không bôn sên, không mong báo đáp. Đối với tâm niệm không cho mà lấy, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lia phi phạm hạnh, đoạn trừ phi phạm hạnh, siêng tu phạm hạnh, tinh tấn tu diệu hạnh, thanh tịnh, không cấu uế, lia dục, đoạn dâm; đối với tâm niệm phi phạm hạnh, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này A-nan, thợ đồ gốm Nan-đề-bà-la xa lia nói dối, đoạn trừ nói dối, nói chân thật, ưa chân thật, an trú nơi sự chân thật không chút di động, hoàn toàn đáng tin cậy, không lừa dối thế gian. Đối với tâm niệm nói dối, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lia nói hai lưỡi, đoạn trừ nói hai lưỡi, tu hạnh không nói hai lưỡi, không phá hoại ai, không nghe chuyện người này rồi mách lại người kia, xúi dục phá hoại người này, không nghe chuyện người kia, rồi mách lại người này, xúi dục phá hoại người kia, ai chia lia thì làm cho hòa hợp, ai hòa hợp thì làm cho hoan hỷ, không lập bè đảng, không ưa bè đảng, không khen ngợi bè đảng. Đối với tâm niệm nói hai lưỡi, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lia lời nói thô ác, đoạn trừ lời nói thô ác. Nếu có những lời thô bạo, hung ác, trái tai, khiến mọi người không hoan hỷ, mọi người không thương mến, khiến người khác khổ não, không được định tĩnh, vị ấy đoạn trừ lời nói như vậy. Nếu có những lời hòa nhã, nhu thuận, lọt tai, vừa lòng, khiến được hoan hỷ, được mến thương, khiến người khác an lạc, âm thanh rõ ràng, không làm người sợ, khiến người khác định tĩnh, vị ấy nói những lời như vậy. Đối với tâm niệm ưa nói thô ác, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lia lời nói phù phiếm, đoạn trừ lời nói phù phiếm, nói đúng lúc, nói chân thật, nói về pháp, nói về nghĩa, nói về tịch tĩnh, nói về việc ưa thích tịch tĩnh, nói việc thuận thời, thích hợp, khéo dạy, [499c] khéo quở trách. Đối với tâm niệm ưa nói ý bưng, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lia việc kinh doanh buôn bán, đoạn trừ việc kinh doanh buôn bán, xả bỏ đong lường và đấu hộc, xả bỏ việc nhận hàng hóa, không cột trói người, không trông mong sự đo lường

tà vạy, không vì chút lợi nhỏ mà lẩn lút, lừa dối người. Đối với tâm niệm kinh doanh buôn bán, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa nhận đàn bà góa, đồng nữ, đoạn trừ việc nhận đàn bà góa, đồng nữ; đối với tâm niệm nhận đàn bà góa, đồng nữ, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận nô tỳ, đoạn trừ việc nhận nô tỳ. Đối với tâm niệm nhận nô tỳ, vị ấy đã tỉnh trừ.

“Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận voi, ngựa, trâu, dê, đoạn trừ việc nhận voi, ngựa, trâu, dê. Đối với tâm niệm nhận voi, ngựa, trâu, dê vì ấy đã tinh trừ.

“Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhậ gà, heo, đoạn trừ việc nhậ gà, heo. Đối với tâm niệm nhậ gà, heo, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận ruộng đất, quán xá, đoạn trừ việc nhận ruộng đất, quán xá. Đối với tâm niệm nhận ruộng đất, quán xá, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận nếp, lúa, đậu sống, đoạn trừ việc nhận nếp, lúa, đậu sống. Đối với tâm niệm nhận nếp, lúa, đậu sống, vì ấy đã tinh trừ.

“Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc uống rượu, đoạn trừ việc uống rượu. Đối với tâm niệm uống rượu, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này A-nan, thợ gổm Nan-đề-bà-la xa lìa việc dùng giường sang, cao rộng, đoạn trừ việc dùng giường sang, cao rộng. Đối với tâm niệm dùng giường sang, cao rộng, vì ấy đã tinh trừ.

“Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc đeo vòng hoa, đeo chuỗi ngọc, thoa hương, đánh phấn, đoạn trừ việc đeo vòng hoa, chuỗi ngọc, thoa hương, đánh phấn. Đối với tâm niệm đeo vòng hoa, chuỗi ngọc, thoa hương, đánh phấn, vị ấy đã tỉnh trừ.

“Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc ca múa, xướng hát hoặc đến nghe, xem, đoạn trừ việc ca múa, xướng hát hoặc đến nghe, xem. Đối với tâm niệm ca múa, xướng hát và đến xem, nghe, vì ấy đã tinh trừ.

“Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận vàng, bạc, châu báu, đoạn trừ việc nhận vàng, bạc, châu báu. Đối với tâm niệm nhận vàng, bạc, châu báu, vì ấy đã tinh trừ.

“Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la lia việc ăn quá giữa trưa, đoạn trừ việc ăn quá giữa trưa, thường ăn một bữa, không ăn ban đêm, học hạnh ăn đúng thờ. Đối với tâm niệm ăn quá giữa trưa, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la trọn đời tay không cầm cuốc, không tự tay đào đất, cũng không bảo người khác đào; nếu đất ở đê chận nước lở ra, hoặc đất do chuột đào lên thì ông lấy làm đồ gốm, rồi đưa ra cho người mua thấy [500a] và nói rằng: ‘Các ngài, nếu có đậu oản¹⁰, gạo giẻ, lúa mạch, đậu ma lớn nhỏ, đậu bẹ và hạt cải, sau khi trút xuống rồi, ngài cứ mang gốm này mà đi, tùy theo ý muốn¹¹’.

“Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la trọn đời hầu hạ cha mẹ, cha mẹ mù lòa chỉ trông cậy vào vị ấy; cho nên ông phải hầu hạ.

“Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la vào một sáng sớm, đi đến trước Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác. Khi đến nơi, ông đánh lễ Ngài, rồi ngồi qua một bên. Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác thuyết pháp cho ông, khuyến phát, làm cho khát ngưỡng, thành tựu tâm hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho vị ấy, khuyến phát, làm cho khát ngưỡng, thành tựu tâm hoan hỷ xong, Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác ngồi im lặng.

“Này A-nan, sau khi được Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác thuyết pháp, khuyến phát, làm cho khát ngưỡng, thành tựu tâm hoan hỷ rồi, thợ gốm Nan-đề-bà-la từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Ngài, đi quanh ba vòng, rồi lui ra.

“Bấy giờ đồng tử Ưu-đa-la cưỡi xe ngựa trắng, cùng với năm trăm đồng tử nữa, vào lúc vừa sáng, từ thôn ấp Tì-bà-lăng-kỳ ra đi, đến một khu rừng¹², muốn giáo hóa các đệ tử từ nhiều nước đến, dạy chúng đọc sách

¹⁰ Hán: oản đậu 豌豆, giống đậu Hà-lan.

¹¹ Hình thức kinh tế trao đổi. Pāli: *ettha yo icchati taṇḍulapabhivattāni (-pavibhattāni, paṭivibhattāni) vā muggapabhivattāni va kāḷāyapabhivattāni vā nikkhipitvā yaṃ icchati taṃ haratū'ti*, “ai cần cái gì (đồ gốm), sau khi để lại đây những thứ dư thừa như gạo, đậu xanh, đậu oản, hãy lấy thứ cần (đồ gốm) ấy đi”.

¹² Hán: vô sự xứ 無事處, chỉ khu rừng yên tĩnh. Pāli: *arañña*.

Bà-la-môn¹³. Bấy giờ đồng tử Ưu-đa-la từ xa trông thấy thợ gốm Nan-đề-bà-la đi đến, liền hỏi:

“– Nan-đề-bà-la, anh từ đâu đến?”

“Nan-đề-bà-la đáp:

“– Hôm nay tôi từ chỗ Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác. Sau khi cúng dường lễ bái Ngài xong, tôi đến đây. Nay Ưu-đa-la, bạn có thể cùng với tôi đến chỗ Đức Ca-diếp Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác để cúng dường, lễ bái Ngài?”

“Khi ấy, đồng tử Ưu-đa-la đáp:

“– Nay anh Nan-đề-bà-la, tôi không muốn thấy Sa-môn trọc đầu. Sa-môn trọc đầu không thể đắc đạo, vì đạo khó chứng đắc.

“Rồi thì, thợ gốm Nan-đề-bà-la túm lấy chòm tóc của đồng tử Ưu-đa-la kéo xuống xe. Lúc đó đồng tử Ưu-đa-la nghĩ: ‘Anh thợ gốm Nan-đề-bà-la này không bền cột, không khùng, không si, nay kéo tóc mình chắc có điều gì?’ Nghĩ xong liền bảo:

“– Nay anh Nan-đề-bà-la, tôi đi theo anh, tôi đi theo anh!”

“Bấy giờ Nan-đề-bà-la hoan hỷ nói rằng:

“– Lành thay, chúng ta đi!”

“Thợ gốm Nan-đề-bà-la và đồng tử Ưu-đa-la cùng nhau đến chỗ Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác. Đến nơi, hai người đánh lễ rồi ngồi qua một bên. Thợ gốm Nan-đề-bà-la [500b] bạch Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác rằng:

“– Bạch Thế Tôn, đồng tử Ưu-đa-la này là bạn của con. Bạn này thường ưa đến thăm, thường thích đến thăm con, không hề nhàm chán, nhưng không có lòng tin và cung kính đối với Thế Tôn. Mong Thế Tôn khéo léo thuyết pháp cho bạn con, hoan hỷ, khởi lòng tin và cung kính.”

“Bấy giờ Đức Ca-diếp Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác thuyết pháp cho thợ gốm Nan-đề-bà-la và đồng tử Ưu-đa-la, khuyến khích, phát khởi lòng ngưỡng mộ, thành tựu tâm hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho hai vị ấy, khuyến phát, làm cho khát ngưỡng, thành tựu tâm hoan hỷ xong, Đức Thế Tôn ngồi im lặng.

¹³ Phạm chí thư 梵志書, sách của Bà-la-môn.

Bấy giờ, sau khi được Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác thuyết pháp, khuyến phát, làm cho khát ngưỡng, thành tựu tâm hoan hỷ, hai vị liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Ngài, đi quanh ba vòng, rồi lui ra.

“Lúc trở về, đi chưa bao xa, đồng tử Ưu-đa-la lại hỏi:

“– Này anh Nan-đề-bà-la, anh đã được nghe pháp vi diệu như thế từ Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, tại sao anh còn ở nhà, không thể lìa bỏ để học Thánh đạo?

“Bấy giờ thợ gốm Nan-đề-bà-la đáp:

“– Này Ưu-đa-la, chính bạn đã biết tôi phải trọn đời hầu hạ, nuôi nấng cha mẹ; vì cha mẹ tôi mù lòa, chỉ trông cậy ở mình tôi. Tôi vì hầu hạ phụng dưỡng cha mẹ vậy.

“Bấy giờ đồng tử Ưu-đa-la hỏi:

“– Này Nan-đề-bà-la, tôi có thể theo Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác xuất gia học đạo, thọ giới Cụ túc, làm Tỳ-kheo, tu hành phạm hạnh được chăng?

“Sau đó, thợ gốm Nan-đề-bà-la và đồng tử Ưu-đa-la từ nơi ấy quay trở lại chỗ Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác. Đến nơi, họ đánh lễ Ngài, rồi ngồi qua một bên. Thợ gốm Nan-đề-bà-la bạch Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác rằng:

“– Bạch Thế Tôn, đồng tử Ưu-đa-la này trở về chưa bao xa, lại hỏi con rằng: ‘Này anh Nan-đề-bà-la, từ Đức Ca-diếp Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, anh được nghe pháp vi diệu như thế; tại sao anh còn ở nhà, không thể lìa bỏ để học Thánh đạo?’ Bạch Thế Tôn, con đã trả lời rằng: ‘Chính bạn đã rõ, tôi phải trọn đời hầu hạ, phụng dưỡng cha mẹ. Cha mẹ tôi mù lòa, chỉ trông cậy vào một mình tôi. Như vậy, tôi phải hầu hạ, phụng dưỡng cha mẹ’. Ưu-đa-la lại hỏi: ‘Này anh Nan-đề-bà-la, tôi có thể theo Đức Ca-diếp Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, [500c] xuất gia học đạo, thọ cụ túc giới, làm Tỳ-kheo, tu hành phạm hạnh được không?’ Bạch Thế Tôn, mong Ngài độ cho bạn con xuất gia, học đạo, truyền trao giới Cụ túc cho bạn con được làm Tỳ-kheo.

“Đức Ca-diếp Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác im lặng nhận lời của Nan-đề-bà-la. Sau khi biết Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác im lặng nhận lời, thợ gốm Nan-đề-bà-la từ chỗ

ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Ngài, đi quanh ba vòng rồi lui ra.

“Sau khi Nan-đề-bà-la đi chưa bao lâu, Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác độ cho đồng tử Ưu-đa-la xuất gia, học đạo, truyền trao giới Cụ túc. Sau khi cho Ưu-đa-la xuất gia, cho thọ cụ túc xong, Ngài ở thôn ấp Tì-bà-lăng-kỳ vài ngày, rồi mang y, cầm bát cùng với đại chúng Tỳ-kheo trú, muốn đến ấp Ba-la-nại, nước Ca-tu¹⁴. Đến Ba-la-nại, Ngài trú trong vườn Lộc dã tại Tiên nhân trú xứ¹⁵.

“Bấy giờ, vua Giáp-tì¹⁶ nghe Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, đang trú trong nước Ca-tu, cùng với đại chúng Tỳ-kheo, đến Ba-la-nại, trú trong vườn Lộc dã tại Tiên nhân xứ. Nghe vậy, Vua bảo người đánh xe:

“– Người hãy sửa soạn xe, hôm nay ta muốn đi đến chỗ Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác.

“Người đánh xe kia vâng lời Vua bảo liền sửa soạn xa giá, sửa soạn xong, tâu với vua rằng:

“– Con đã sửa soạn xe đẹp, xin tùy ý Thiên vương.

“Vua Giáp-tì, ngồi xe đẹp, từ Ba-la-nại ra đi, đến vườn Lộc dã, chỗ trú xứ Tiên nhân. Từ xa, vua Giáp-tì nhìn thấy, giữa rừng cây, Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác trang nghiêm đẹp đẽ như vàng trắng giữa vòm sao, chói lọi sáng ngời như núi vàng, tướng tốt vẹn toàn, oai nghi lồng lộng, các căn vắng lặng, không bị ngăn che, hoàn toàn tự chế ngự, lắng tâm tĩnh mặc. Sau khi thấy, Vua xuống xe, đi đến chỗ Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, đánh lễ, rồi ngồi qua một bên. Sau khi vua ngồi xuống, Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác thuyết pháp, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu tâm hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho vua, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu tâm hoan hỷ rồi, Ngài ngồi im lặng. Sau khi được Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, khuyến khích khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu tâm hoan hỷ rồi, Vua

¹⁴ Ba-la-nại Ca-tu quốc ấp 波羅奈迦私國邑. Pāli: Bārāṇasī, thủ phủ của nước Kāśī đương thời.

¹⁵ Tiên nhân trú xứ Lộc dã viên 仙人住處鹿野園. Pāli: Isipatana-migadāya.

¹⁶ Giáp-bệ 頽鞞; TNM: Tân-tì 頻鞞. Pāli: Kikin.

liền đứng dậy, kéo lệch [501a] vai áo đang mặc, chấp tay hướng về Phật và bạch:

“– Mong Thế Tôn cùng với đại chúng Tỳ-kheo ngày mai nhận lời mời của con!

“Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, im lặng nhận lời mời của vua Giáp-bệ. Sau khi biết Đức Như Lai đã im lặng nhận lời, vua cúi đầu đánh lễ, đi quanh ba vòng rồi lui ra, trở về nhà.

“Đêm ấy, Vua hạ lệnh sắp sửa đủ các món ăn, thức uống ngon lành, sạch sẽ, mỹ diệu, với đủ các thức ăn loại cứng, loại mềm. Việc bày biện đã xong ngay đêm ấy. Lúc tảng sáng, vua trải giường ngồi, rồi sai người đến bạch Phật rằng: ‘Bạch Thế Tôn, nay giờ đã đến, thức ăn đã sẵn sàng, mong Thế Tôn đến biết thời’.

“Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác mang y, cầm bát và có chúng Tỳ-kheo theo sau, đi đến nhà của vua Giáp-bệ, ngồi vào chỗ ngồi phía trên chúng Tỳ-kheo. Vua Giáp-bệ thấy Phật và chúng Tỳ-kheo ngồi xong, tự tay múc nước rửa, tự tay bưng hầu các thức ăn, thức uống, đầy đủ các món ngon, sạch, mỹ diệu, khiến các Ngài ăn no. Ăn rồi dọn bát, lấy nước rửa xong, vua lấy ghế nhỏ ngồi riêng một bên để nghe pháp. Vua Giáp-tì ngồi xong, Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác thuyết pháp cho vua, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu tâm hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho vua, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu tâm hoan hỷ xong rồi, Ngài ngồi im lặng. Sau khi được Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác thuyết pháp, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu tâm hoan hỷ rồi, vua Giáp-tì từ chỗ ngồi đứng dậy, kéo lệch vai áo đang mặc, chấp tay hướng về Đức Như Lai và bạch:

“– Mong Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo nhận lời của con mà an cư mùa mưa tại Ba-la-nại này. Con xin xây cất năm trăm gian phòng, năm trăm giường nệm và cúng thí câu-chấp¹⁷, cung cấp nếp trắng và đủ các

¹⁷ Hán: *câu chấp* 拘執. *Tứ phần* 52 (953c2): “Nhóm sáu tỳ-kheo khoác trái câu-chấp để dọa nhau, chọc ghẹo nhau..” *Ngũ phần* 26 (tr.171b16): “Bạt-nan-đa khoác lộn trái câu-nhiếp 拘攝, đi 4 chân trong tối, dọa các tỳ-kheo.” Pali, Vin. i. 281, *kojava* áo choàng hay chăn bằng lông dê.

món thực phẩm [501b] thứ vua dùng để cúng dường Ngài và chúng Tỳ-kheo.

“Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác bảo vua:

“– Thôi, thôi, Đại vương! Chỉ cần có tâm hoan hỷ là đủ.

“Ba lần như thế, vua Giáp-tì chấp tay hướng về Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác thưa:

“– Mong Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo nhận lời mời của con mà an cư mùa mưa tại Ba-la-nại này. Con xin xây cất năm trăm gian phòng, năm trăm giường nệm, và cúng thí câu-chấp, cung cấp nếp trắng và các món ăn thực phẩm thứ vua dùng vua để cúng dường Phật và chúng Tỳ-kheo.

“Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác cũng ba lần bảo:

“– Thôi, thôi, Đại vương! Chỉ cần có tâm hoan hỷ là đủ.

“Bấy giờ vua Giáp-tì không nhẫn được, không vừa ý, tâm rất ưu sầu, nghĩ rằng: ‘Đức Ca-diếp Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác không nhận lời mời của ta mà an cư mùa mưa tại Ba-la-nại này cùng với chúng Tỳ-kheo’. Nghĩ xong, Vua bạch Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác:

“– Bạch Thế Tôn, có kẻ bạch y tại gia nào phụng sự Thế Tôn giống con chăng?

“Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác đáp:

“– Có, và ở tại thôn Tì-bà-lăng-kỳ giàu có, hoan lạc tốt cùng, nhân dân đông đúc, thuộc lãnh thổ của Đại vương. Đây Đại vương, ở trong thôn Tì-bà-lăng-kỳ ấy có thợ gốm Nan-đề-bà-la. Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo, không hoài ngsinha ngôi báu, không nghi hoặc Khổ, Tập, Diệt, Đạo, có tín, trì giới, học rộng, ưa bố thí, thành tựu trí tuệ, xa lìa sát sinh, đoạn trừ sát sinh, xả bỏ dao gậy, biết hổ thẹn, có tâm từ bi, làm lợi ích cho đến cả tất cả loài côn trùng. Đối với tâm niệm sát sinh vị ấy đã tịnh trừ.

“Đây Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa lấy của không cho, đoạn trừ việc không cho mà lấy, cái gì cho mới lấy, vui lòng nhận những gì được cho; thường thích bố thí, hoan hỷ không bòn xén, không mong báo đáp. Đối với tâm niệm không cho mà lấy, vị ấy đã tịnh trừ.

“Đây Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa phi phạm hạnh, đoạn trừ

phi phạm hạnh, siêng tu phạm hạnh, tinh tấn tu diệu hạnh, thanh tịnh, không cấu uế, lia dục, đoạn dâm. Đối với tâm niệm phi phạm hạnh, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này Đại vương, thợ đồ gốm Nan-đề-bà-la xa lia nói dối, đoạn trừ nói dối, nói chân thật, ưa chân thật, an trú nơi sự chân thật không chút di động, hoàn toàn đáng tin cậy, không lừa dối thế gian. Đối với tâm niệm nói dối, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lia nói hai lưỡi, đoạn trừ nói hai lưỡi, tu hạnh không nói hai lưỡi, không phá hoại ai, không nghe chuyện người này rồi mách lại người kia, xúi dục phá hoại người này, không nghe chuyện người kia, rồi mách lại người này, xúi dục phá hoại người kia, ai chia lia thì làm cho hòa hợp, ai hòa hợp thì làm cho hoan hỷ, không lập bè đảng, không ưa bè đảng, không khen ngợi bè đảng. Đối với tâm niệm nói hai lưỡi, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lia lời nói thô ác, đoạn trừ lời nói thô ác. Nếu có những lời thô bạo, hung ác, trái tai, khiến mọi người không hoan hỷ, [501c] mọi người không thương mến, khiến người khác khổ não, không được định tĩnh, vị ấy đoạn trừ lời nói như vậy. Nếu có những lời hòa nhã, nhu thuận, lọt tai, vừa lòng, khiến được hoan hỷ, được mến thương, khiến người khác an lạc, âm thanh rõ ràng, không làm người sợ, khiến người khác định tĩnh, vị ấy nói những lời như vậy. Đối với tâm niệm ưa nói thô ác, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lia lời nói phù phiếm, đoạn trừ lời nói phù phiếm, nói đúng lúc, nói chân thật, nói về pháp, nói về nghĩa, nói về tịch tĩnh, nói về việc ưa thích tịch tĩnh, nói việc thuận thời, thích hợp, khéo dạy, khéo quở trách. Đối với tâm niệm ưa nói phù phiếm, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lia việc kinh doanh buôn bán, đoạn trừ việc kinh doanh buôn bán, xả bỏ đong lường và đấu hộc, xả bỏ việc nhận hàng hóa, không cột trói người, không trông mong sự đo lường tà vạy, không vì chút lợi nhỏ mà lấn lướt, lừa dối người. Đối với tâm niệm kinh doanh buôn bán, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lia nhận đàn bà góa, đồng nữ, đoạn trừ việc nhận đàn bà góa, đồng nữ. Đối với tâm niệm nhận đàn bà

góa, đồng nữ, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận nô tỳ, đoạn trừ việc nhận nô tỳ. Đối với tâm niệm nhận nô tỳ, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận voi, ngựa, trâu, dê, đoạn trừ việc nhận voi, ngựa, trâu, dê. Đối với tâm niệm nhận voi, ngựa, trâu, dê vị ấy đã tịnh trừ.

“Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận gà, heo, đoạn trừ việc nhận gà, heo. Đối với tâm niệm nhận gà, heo, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận ruộng đất, quán xá, đoạn trừ việc nhận ruộng đất, quán xá. Đối với tâm niệm nhận ruộng đất, quán xá, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận nếp, lúa, đậu sống, đoạn trừ việc nhận nếp, lúa, đậu sống. Đối với tâm niệm nhận nếp, lúa, đậu sống, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc uống rượu, đoạn trừ việc uống rượu. Đối với tâm niệm uống rượu, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc dùng giường sang, cao rộng, đoạn trừ việc dùng giường sang, cao rộng. Đối với tâm niệm dùng giường sang, cao rộng, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc đeo vòng hoa, đeo chuỗi ngọc, thoa hương, đánh phấn, đoạn trừ việc đeo vòng hoa, chuỗi ngọc, thoa hương, đánh phấn. Đối với tâm niệm đeo vòng hoa, chuỗi ngọc, thoa hương, đánh phấn, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc ca múa, xướng hát hoặc đến nghe, xem, đoạn trừ việc ca múa, xướng hát hoặc đến nghe, xem. Đối với tâm niệm ca múa, xướng hát và đến xem, nghe, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này Đại vương, [502a] thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận vàng, bạc, châu báu, đoạn trừ việc nhận vàng, bạc, châu báu. Đối với tâm niệm nhận vàng, bạc, châu báu, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc ăn quá độ, đoạn trừ việc ăn quá độ, thường ăn một bữa, không ăn ban đêm, học hạnh ăn đúng thời. Đối với tâm niệm ăn quá độ, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la trộn đời tay không cầm cuốc, không tự tay đào đất, cũng không bảo người khác đào; nếu đất ở đê chặn nước lở ra, hoặc đất do chuột đào lên thì ông lấy làm đồ gốm đưa ra và nói với người mua rằng: ‘Các ngài, nếu có đậu oản, gạo giẻ, lúa mạch, đậu ma lớn nhỏ, đậu bẹ và hạt cải, sau khi trút xuống rồi, ngài cứ mang gốm này mà đi, tùy theo ý muốn’.

“Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la trộn đời hầu hạ cha mẹ, cha mẹ mù lòa chỉ trông cậy vào vị ấy; cho nên vị ấy phải hầu hạ.

“Này Đại vương, Ta nhớ lúc xưa có lần trú tại thôn ấp Tì-bà-lăng-kỳ. Này Đại vương, bấy giờ vào lúc sáng sớm, Ta mang y, cầm bát vào thôn ấp Tì-bà-lăng-kỳ khát thực; khát thực theo thứ tự, Ta đến nhà thợ gốm Nan-đề-bà-la. Lúc đó, vì bận chút việc, nên Nan-đề-bà-la đi vắng. Đại vương, Ta hỏi cha mẹ Nan-đề-bà-la rằng:

“– Này Trưởng lão, thợ gốm bây giờ ở đâu?”

“Cha mẹ người ấy đáp:

“– Bạch Thế Tôn, đưa hầu vì bận chút việc nên tạm thời đi khỏi, không ở nhà. Bạch Thiện Thệ, đưa hầu ấy vì bận chút việc nên tạm thời đi khỏi nhà, không có ở nhà. Bạch Thế Tôn, trong rá có cơm gạo tẻ, trong chảo có canh đậu. Mong Thế Tôn thương xót chúng con, lấy dùng theo ý Ngài.

“Này Đại vương, Ta liền thọ nhận pháp Uất-đan-viết¹⁸, lấy cơm canh ở trong rá rồi đi. Thợ gốm Nan-đề-bà-la, sau khi trở về nhà, thấy cơm trong rá còn ít, canh trong chảo giảm bớt, hỏi cha mẹ rằng:

“– Ai lấy bớt cơm canh?”

“Cha mẹ đáp:

“– Này con, hôm nay Đức Ca-diếp Như Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác đến đây khát thực. Ngài lấy cơm và canh trong rá, trong chảo rồi đi’.

“Thợ gốm Nan-đề-bà-la nghe xong liền nghĩ rằng: ‘Ta có lợi ích lớn lao, có công đức lớn lao. Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, đối với nhà ta, Ngài tùy ý tự tại’. Nhờ đó vị ấy hoan hỷ, ngồi kiết già lắng tâm tịnh mặc suốt bảy ngày, mười lăm ngày sau vẫn còn hoan

¹⁸ *Viết* 𑖦𑖻𑖜; bản Minh: *việt* 越. Người Uất-đan-viết (Uttara-kuru) sinh hoạt tự cấp.

lạc. Cha mẹ trong gia đình ấy suốt bảy ngày cũng được hoan hỷ.

“Lại nữa, này Đại vương, Ta nhớ xưa có lần trú tại thôn ấp Tì-bà-lăng-kỳ, [502b] bấy giờ vào lúc sáng sớm, Ta mang y, cầm bát vào thôn Tì-bà-lăng-kỳ khát thực. Khất thực theo thứ tự, ta đến nhà thợ gốm Nan-đề-bà-la. Bấy giờ Nan-đề-bà-la vì bận chút việc nên đi vắng. Này Đại vương, ta hỏi cha mẹ Nan-đề-bà-la rằng:

“– Này Trưởng lão, thợ gốm bấy giờ ở đâu?”

“Hai người ấy đáp:

“– Bạch Đức Thế Tôn, đưa hầu ấy vì bận chút việc nên tạm thời đi khỏi, không ở nhà. Bạch Đức Thiện Thệ, đưa hầu ấy, vì bận chút việc, đi khỏi một lát, không có ở đây. Bạch Đức Thế Tôn, trong chảo lớn có cơm nếp, trong chảo nhỏ có canh; mong Đức Thế Tôn thương xót chúng con, lấy dùng theo ý của Ngài’.

“Này Đại vương, Ta liền thợ nhận pháp Uất-đân-viết, lấy cơm canh trong chảo lớn và chảo nhỏ rồi đi. Sau khi trở về nhà, thợ gốm Nan-đề-bà-la thấy cơm trong chảo lớn còn ít, canh trong chảo nhỏ giảm bớt, hỏi cha mẹ rằng:

“– Ai lấy cơm trong chảo lớn, lấy canh trong chảo nhỏ?”

“Cha mẹ đáp:

“– Này con, hôm nay Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác đến đây khát thực. Ngài lấy cơm trong chảo lớn và chảo nhỏ rồi đi.’

“Nghe xong, thợ gốm Nan-đề-bà-la nghĩ rằng: ‘Ta có lợi ích lớn lao, có công đức lớn lao. Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác đối với nhà ta, đã tùy ý tự tại’. Nhờ đó, vì ấy hoan hỷ, ngồi kiết già lắng tâm tịnh mặc suốt bảy ngày, mười lăm ngày sau vẫn còn hoan lạc; cha mẹ trong gia đình ấy suốt bảy ngày cũng được hoan lạc.

“Lại nữa, này Đại vương, Ta nhớ xưa kia có lần an cư mùa mưa tại thôn Tì-bà-lăng-kỳ. Bấy giờ Ta mới làm nhà chưa kịp lợp. Nhà làm gốm cũ của thợ gốm Nan-đề-bà-la vừa mới lợp. Này Đại vương, Ta bảo các Tỷ-kheo đang đứng hầu rằng: ‘Các ông hãy đến dỡ nhà cũ làm đồ gốm của thợ gốm Nan-đề-bà-la đem về lợp nhà Ta’. Tỷ-kheo hầu hạ vâng lời Ta dạy, liền đến nhà của Nan-đề-bà-la và dỡ nhà cũ làm đồ gốm, bó lại rồi mang về lợp nhà của Ta. Cha mẹ thợ gốm Nan-đề-bà-la nghe dỡ nhà cũ

làm đồ gồm liền hỏi:

“– Ai dỡ nhà cũ làm đồ gồm của Nan-đề-bà-la đó?”

“Các Tỳ-kheo đáp:

“– Trưởng lão, chúng tôi là các Tỳ-kheo hầu Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, đến dỡ nhà cũ làm đồ gồm của Nan-đề-bà-la bỏ lại, mang về lợp nhà của Ngài’.

“Cha mẹ của thợ gồm bảo:

“– Chư Hiền, Chư Hiền hãy đem đi theo ý muốn, [502c] không có ai ngăn cản đâu’.

“Sau khi trở về, thợ gồm Nan-đề-bà-la thấy nhà cũ làm đồ gồm bị dỡ, liền hỏi cha mẹ:

“– Ai dỡ nhà cũ làm đồ gồm của mình vậy?”

“Cha mẹ đáp:

“– Này con, hôm nay các Tỳ-kheo hầu Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, đến dỡ nhà cũ làm đồ gồm, bỏ lại, đem về lợp nhà của Ngài’.

“Nghe xong, Nan-đề-bà-la nghĩ: ‘Ta có lợi ích lớn, có công đức lớn lao. Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác đối với trong nhà ta, đã tùy ý tự tại’.

“Vì việc ấy, vị ấy hoan hỷ, ngồi kiết già lắng tâm tĩnh mặc suốt bảy ngày; mười lăm ngày sau vẫn còn hoan lạc. Cha mẹ trong gia đình ấy suốt bảy ngày cũng được hoan lạc.

“Này Đại vương, nhà cũ làm đồ gồm của thợ gồm Nan-đề-bà-la suốt bốn tháng mùa mưa hoàn toàn không bị dột. Vì sao như vậy? Vì nhờ oai thần của Phật. Này Đại vương, thợ gồm Nan-đề-bà-la không có điều gì không nhẫn được, không có điều gì không thích thú, nên tâm không ưu sầu, đã nghĩ rằng: ‘Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác đối với gia đình ta đã được tùy ý tự tại’.

“Này Đại vương, Đại vương có điều không nhẫn được, có điều không thích thú, nên tâm quá ưu sầu, đã nghĩ rằng: ‘Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác và chúng Tỳ-kheo không nhận lời mời của ta mà an cư mùa mưa tại Ba-la-nại này’.

“Bấy giờ Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác thuyết

pháp cho vua Giáp-tì, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu tâm hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho vua, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu tâm hoan hỷ xong, Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

“Khi Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác ra đi chưa bao lâu, vua Giáp-bệ hạ lệnh cho người hầu cận: ‘Các người dùng năm trăm cỗ xe chất đầy gạo, nếp và đủ các món thực phẩm của Vua, chở đến nhà thợ gốm Nan-đề-bà-la và nói với Nan-đề-bà-la rằng: ‘Này Nan-đề-bà-la, năm trăm cỗ xe này chất đầy gạo trắng, và đủ các món thực phẩm mà Vua thường dùng, do Vua Giáp-tì bảo chở đến tặng cho ông. Mong ông thương xót; hôm nay xin ông nhận cho’. Lúc đó, người hầu cận vâng lời Vua, lấy năm trăm cỗ xe chất đầy gạo trắng, và đủ các món thực phẩm của vua, chở đến nhà thợ gốm Nan-đề-bà-la. Đến nơi, vị ấy nói:

“– Thưa thợ gốm Nan-đề-bà-la, năm trăm cỗ xe này chất đầy gạo trắng, và đủ các món thực phẩm của vua dùng, do vua Giáp-bệ bảo chở đến biếu tặng [503a] ông. Mong ông thương xót; hôm nay, xin ông nhận cho.

“Bấy giờ thợ gốm Nan-đề-bà-la từ chối, không nhận và nói với các người hầu vua rằng:

“– Chư Hiền, Vua Giáp-tì phải lo đại sự cho nước nhà nên chi phí nhiều. Tôi biết như vậy, nên không thọ nhận.”

Đến đây, Đức Phật bảo A-nan:

“Này A-nan, ý ông nghĩ thế nào? Đồng tử Ưu-đa-la lúc bấy giờ, ông cho là người nào chăng? Chớ nghĩ vậy. Nên biết rằng chính là Ta vậy. Này A-nan, Ta lúc bấy giờ đã làm lợi ích cho chính mình, cũng làm lợi ích cho người khác, làm lợi ích cho mọi người, thương xót thế gian. Vì loài trời và loài người mà Ta đã cầu nghĩa lợi, cầu sự lợi ích, an ổn khoái lạc. Lúc bấy giờ ta thuysinhháp không được rốt ráo, không rốt ráo bạch tịnh, không rốt ráo phạm hạnh. Không rốt ráo phạm hạnh, nên bấy giờ ta không xa lìa được sinh, già, bệnh, chết, ưu sầu, khóc lóc, cũng không thoát được mọi khổ đau. Này A-nan, nay Ta xuất hiện ở đời, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế Tôn. Hôm nay ta đã làm lợi ích cho chính mình, cũng làm lợi ích cho người khác, lợi ích cho nhiều người, thương xót thế gian. Vì trời và

người mà Ta tìm cầu nghĩa lợi, tìm cầu sự an ổn khoái lạc. Nay Ta thuyết pháp được rốt ráo, rốt ráo bạch tịnh, rốt ráo phạm hạnh. Do rốt ráo phạm hạnh, Ta đã lìa khỏi sinh, già, bệnh, chết, ưu sầu, khóc lóc. Nay ta đã thoát được mọi khổ đau.”

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-nan và các Tỷ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.



64. KINH THIÊN SỬ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trú trong rừng Thắng Lâm Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta dùng thiên nhãn thanh tịnh, thấy xa hơn người, nhìn thấy chúng sinh này lúc sinh lúc tử, sắc đẹp hoặc xấu, thiện hoặc bất thiện, qua lại chỗ lành hoặc chỗ chẳng lành, tùy theo nghiệp mà chúng sinh ấy đã tạo. Ta thấy sự kiện ấy đúng như thật. Nếu chúng sinh nào thành tựu thân ác hành, khẩu, ý ác hành, phỉ báng Thánh nhân, tà kiến, thì do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh này chắc chắn đi đến chỗ dữ, sinh vào địa ngục. Còn nếu chúng sinh nào [503b] thành tựu thân thiện hành, khẩu, ý thiện hành, không phỉ báng Thánh nhân, có chính kiến, thành tựu nghiệp chính kiến, thì do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh này chắc chắn đi đến chỗ lành, sinh vào cõi trời.

“Cũng như lúc mưa lớn, bọt nước sinh ra rồi diệt. Nếu ai có mắt đứng yên một nơi mà quán sát thấy bọt nước khi sinh, khi diệt. Ta cũng như vậy, bằng thiên nhãn thanh tịnh, thấy xa hơn người, nhìn thấy chúng sinh này lúc sinh lúc tử, sắc đẹp hoặc xấu, thiện hoặc bất thiện, qua lại chỗ lành hoặc chỗ chẳng lành, tùy theo nghiệp mà chúng sinh ấy đã tạo. Ta thấy sự kiện ấy đúng như thật. Nếu chúng sinh nào thành tựu thân ác hành, khẩu, ý ác hành, phỉ báng Thánh nhân, tà kiến, thì do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh này chắc chắn đi đến chỗ dữ, sinh vào địa ngục. Còn nếu chúng sinh nào thành tựu thân thiện hành, khẩu, ý thiện hành, không phỉ báng Thánh nhân, có chính kiến, thành tựu nghiệp chính kiến, thì do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh này chắc chắn đi đến chỗ lành, sinh vào cõi trời.

“Cũng như mưa lớn, giọt nước rơi xuống hoặc chỗ cao, hoặc ở chỗ thấp. Nếu ai có mắt, đứng yên một nơi mà quán sát nước thấy lúc giọt chỗ cao, lúc giọt chỗ thấp. Ta cũng như vậy, bằng thiên nhãn thanh tịnh, thấy xa hơn người, nhìn thấy chúng sinh này lúc sinh lúc tử, sắc đẹp hoặc xấu, thiện hoặc bất thiện, qua lại chỗ lành hoặc chỗ chẳng lành, tùy theo nghiệp mà chúng sinh ấy đã tạo. Ta thấy sự kiện ấy đúng như thật. Nếu chúng sinh nào thành tựu thân ác hành, khẩu, ý ác hành, phỉ báng Thánh

nhân, tà kiến, thì do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh này chắc chắn đi đến chỗ dữ, sinh vào địa ngục. Còn nếu chúng sinh nào thành tựu thân thiện hành, khẩu, ý thiện hành, không phi báng Thánh nhân, có chính kiến, thành tựu nghiệp chính kiến, thì do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh này chắc chắn đi đến chỗ lành, sinh vào cõi trời.

“Cũng như ngọc lưu ly, thanh tịnh tự nhiên, sinh ra không có tỳ vết, cầu uế, tám góc khéo trau chuốt, được xâu qua bằng sợi dây đẹp hoặc xanh, hoặc vàng, hoặc đỏ, hoặc đen, trắng. Người nào có mắt, đứng yên một chỗ mà quán sát ngọc lưu ly này thấy nó thanh tịnh tự nhiên, sinh ra không có tỳ vết, cầu uế, tám góc khéo trau chuốt, được xâu qua bằng sợi dây đẹp hoặc xanh, hoặc vàng, hoặc đỏ, đen, trắng. Ta cũng như vậy, bằng thiên nhãn thanh tịnh, thấy xa hơn người, nhìn thấy chúng sinh này lúc sinh lúc tử, sắc đẹp hoặc xấu, thiện hoặc bất thiện, qua lại chỗ lành hoặc chỗ chẳng lành, tùy theo nghiệp mà chúng sinh ấy đã tạo. Ta thấy sự kiện ấy đúng như thật. Nếu chúng sinh nào thành tựu thân ác hành, khẩu, ý ác hành, phi báng Thánh nhân, tà kiến, [503c] thì do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh này chắc chắn đi đến chỗ dữ, sinh vào địa ngục. Còn nếu chúng sinh nào thành tựu thân thiện hành, khẩu, ý thiện hành, không phi báng Thánh nhân, có chính kiến, thành tựu nghiệp chính kiến, thì do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh này chắc chắn đi đến chỗ lành, sinh vào cõi trời.

“Cũng như hai nhà có chung cửa ngõ, nhiều người ra vào. Nếu ai có mắt, đứng yên một chỗ thì thấy người ra, kẻ vào. Ta cũng như vậy, bằng thiên nhãn thanh tịnh, thấy xa hơn người, nhìn thấy chúng sinh này lúc sinh lúc tử, sắc đẹp hoặc xấu, thiện hoặc bất thiện, qua lại chỗ lành hoặc chỗ chẳng lành, tùy theo nghiệp mà chúng sinh ấy đã tạo. Ta thấy sự kiện ấy đúng như thật. Nếu chúng sinh nào thành tựu thân ác hành, khẩu, ý ác hành, phi báng Thánh nhân, tà kiến, thì do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh này chắc chắn đi đến chỗ dữ, sinh vào địa ngục. Còn nếu chúng sinh nào thành tựu thân thiện hành, khẩu, ý thiện hành, không phi báng Thánh nhân, có chính kiến, thành tựu nghiệp chính kiến, thì do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh này chắc chắn đi đến chỗ lành, sinh vào cõi trời.

“Nếu ai có mắt, đứng yên trên lầu cao nhìn, thấy người dưới thấp qua lại,

đổi thay đủ cách, ngồi, nằm, chạy, nhảy. Ta cũng như vậy, bằng thiên nhân thanh tịnh, thấy xa hơn người, nhìn thấy chúng sinh này lúc sinh lúc tử, sắc đẹp hoặc xấu, thiện hoặc bất thiện, qua lại chỗ lành hoặc chỗ chẳng lành, tùy theo nghiệp mà chúng sinh ấy đã tạo. Ta thấy sự kiện ấy đúng như thật. Nếu chúng sinh nào thành tựu thân ác hành, khẩu, ý ác hành, phỉ báng Thánh nhân, tà kiến, thì do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh này chắc chắn đi đến chỗ dữ, sinh vào địa ngục. Còn nếu chúng sinh nào thành tựu thân thiện hành, khẩu, ý thiện hành, không phỉ báng Thánh nhân, có chính kiến, thành tựu nghiệp chính kiến, thì do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh này chắc chắn đi đến chỗ lành, sinh vào cõi trời.

“Nếu chúng sinh nào sinh ở nhân gian, không hiếu thảo với cha mẹ, không biết kính trọng Sa-môn, Bà-la-môn, không làm đúng như thật, không tạo phước nghiệp, không sợ tội đời sau, thì do nhân duyên ấy, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh ấy sinh vào cảnh giới của Diêm vương. Người của Diêm vương bắt đưa đến chỗ vua và thưa rằng:

“– Tâu Thiên vương, chúng sinh này lúc còn làm người, không hiếu thảo cha mẹ, không biết kính trọng Sa-môn, Bà-la-môn, không làm đúng như thật, không tạo phước nghiệp, không sợ tội đời sau. Mong Thiên vương trừng phạt đúng theo tội trạng của nó.

“Bấy giờ, Thiên vương dẫn Thiên sứ thứ nhất ra mà tra hỏi kỹ, kiểm xét kỹ, khéo dạy, khéo quở trách chúng sinh kia rằng:

[504a] “– Người có thấy Thiên sứ thứ nhất đến không?

“Chúng sinh đáp:

“– Tâu Thiên vương, không thấy.

“Diêm vương lại hỏi:

“– Ở trong một thôn ấp có hài nhi bé nhỏ hoặc nam hoặc nữ thân thể yếu đuối, nằm ngửa giữa phân và nước tiểu, không thể kêu cha mẹ; cha mẹ bồng khỏi chỗ bất tịnh, tắm rửa thân nó cho được sạch sẽ. Người có thấy cảnh tượng đó không?

“Chúng sinh ấy đáp:

“– Tâu Thiên vương, có thấy.

Diêm vương lại bảo:

“– Từ đó về sau, lúc người đã hiểu biết, tại sao người không nghĩ rằng: ‘Chính ta lệ thuộc sự sinh, không lìa khỏi sinh; ta nên làm nghiệp thiện với thân, khẩu và ý.’ ?

“Chúng sinh ấy hỏi:

“– Tâu Thiên vương, tôi là kẻ bại hoại, suy vi lâu dài, vĩnh viễn mất mát chẳng?

“Diêm vương đáp:

“– Người quả là kẻ bại hoại, suy vi lâu, vĩnh viễn mất mát. Nay ta sẽ tra khảo người như trị kẻ phóng dật, sống phóng dật. Ác nghiệp của người không phải do cha mẹ làm, không phải do vua, không phải do Trời, cũng không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm. Chính người tự tạo nghiệp ác bất thiện, cho nên hôm nay chắc chắn người phải thọ báo.

“Sau khi dẫn Thiên sứ thứ nhất này ra để hỏi kỹ, kiểm xét kỹ, khéo dạy, khéo quở trách xong, lại dẫn Thiên sứ thứ hai ra để hỏi kỹ, kiểm xét kỹ, khéo dạy, khéo quở trách chúng sinh kia rằng:

“– Người có thấy Thiên sứ thứ hai đến không?

“Chúng sinh kia đáp:

“– Tâu Thiên vương, không thấy.

“Diêm vương lại hỏi:

“– Trước kia ở trong một thôn ấp, người há không thấy người đàn bà hoặc đàn ông, tuổi quá già nua, sức sống rũ liệt gần tàn, răng rụng, tóc bạc, lưng còm, chống gậy mà đi, thân thể run rẩy?

“Chúng sinh ấy đáp:

“– Tâu Thiên vương, có thấy.

“Diêm vương lại bảo:

“– Người từ đó về sau, khi đã có hiểu biết, tại sao không nghĩ rằng: ‘Chính ta lệ thuộc sự già, không lìa khỏi sự già; ta nên làm điều thiện về thân, khẩu, ý.’ ?

“Chúng sinh kia hỏi:

“– Tâu Thiên vương, tôi là kẻ bại hoại, suy vi lâu dài, vĩnh viễn mất mát chẳng?

“Diêm vương đáp:

“– Ngươi quả là kẻ bại hoại, suy vi lâu dài, vĩnh viễn mất mát. Nay ta sẽ tra khảo ngươi như trị kẻ phóng dật, sống phóng dật. Ác nghiệp của ngươi không phải do cha mẹ làm, không phải do vua, không phải do trời, cũng không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm. Chính ngươi tự tạo nghiệp ác bất thiện, cho nên hôm nay chắc chắn ngươi phải thọ báo.

“Sau khi dẫn Thiên sứ thứ hai này ra để hỏi kỹ, kiểm xét kỹ, khéo dạy, khéo quở trách xong, lại dẫn Thiên sứ thứ ba ra để hỏi kỹ, kiểm xét kỹ, khéo dạy, khéo quở trách chúng sinh kia rằng:

“– Người có thấy Thiên sứ thứ ba đến không?

“Chúng sinh kia đáp:

“– Tâu Thiên vương, không thấy.

“Diêm vương lại hỏi:

“– Trước kia trong một thôn ấp, ngươi há không thấy người đàn ông hoặc đàn bà bệnh tật nguy khốn, hoặc nằm ngòì trên giường, hoặc nằm ngòì trên chõng, hoặc nằm ngòì [504b] dưới đất, thân thể rất đau đớn, đau đớn cùng cực, không thể ái niệm, mong sao rút ngắn mạng sống chẳng?

“Chúng sinh ấy đáp:

“– Tâu Thiên vương, có thấy.

Diêm vương lại bảo:

“– Từ đó về sau, khi ngươi đã có hiểu biết, nhưng tại sao ngươi không nghĩ: ‘Chính ta lệ thuộc sự tật bệnh, không lìa khỏi bệnh. Ta nên làm điều thiện về thân, khẩu, ý.’ ?

“Chúng sinh ấy hỏi:

“– Tâu Thiên vương, tôi là kẻ bại hoại, suy vi lâu dài, vĩnh viễn mất mát chẳng?

“Diêm vương đáp:

“– Ngươi quả là kẻ bại hoại, suy vi lâu, vĩnh viễn mất mát. Nay ta sẽ tra khảo ngươi như trị kẻ phóng dật, sống phóng dật. Ác nghiệp của ngươi không phải do cha mẹ làm, không phải do vua, không phải do trời, cũng không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm. Chính ngươi tự tạo nghiệp ác bất thiện, cho nên hôm nay chắc chắn ngươi phải thọ báo.

“Sau khi dẫn Thiên sứ thứ ba này ra để hỏi kỹ, kiểm xét kỹ, khéo dạy,

khéo quở trách xong, lại dẫn Thiên sứ thứ tư ra để hỏi kỹ, kiểm xét kỹ, khéo dạy, khéo quở trách chúng sinh kia rằng:

“– Người có thấy Thiên sứ thứ tư đến không?

“Chúng sinh kia đáp:

“– Tâu Thiên vương, không thấy.

“Diêm vương lại hỏi:

“– Trước kia, trong một thôn ấp, người có thấy người đàn ông hay đàn bà lúc chết rồi qua một hai ngày cho đến sáu bảy ngày bị quạ mổ, chó ăn, hoặc lửa đốt, hoặc chôn xuống đất, hoặc vữa nát tan?

Chúng sinh ấy đáp:

“– Tâu Thiên vương, có thấy.

“Diêm vương lại bảo:

“– Từ đó về sau, lúc người đã có hiểu biết, tại sao người không nghĩ: ‘Chính ta lệ thuộc sự chết, ta không lìa khỏi sự chết. Ta nên làm điều thiện về thân, khẩu, ý.’?”

“Chúng sinh ấy hỏi:

“– Tâu Thiên vương, tôi là kẻ bại hoại, suy vi lâu dài, vĩnh viễn mất mát chẳng?

“Diêm vương đáp:

“– Người quả là kẻ bại hoại, suy vi lâu dài, vĩnh viễn mất mát. Nay ta sẽ tra khảo người như trị kẻ phóng dật, sống phóng dật. Ác nghiệp của người không phải do cha mẹ làm, không phải do vua, không phải do trời, cũng không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm. Chính người tự tạo nghiệp ác bất thiện, cho nên hôm nay chắc chắn người phải thọ báo.

“Sau khi dẫn Thiên sứ thứ tư này ra để hỏi kỹ, kiểm xét kỹ, khéo dạy, khéo quở trách xong, lại dẫn Thiên sứ thứ năm ra để hỏi kỹ, kiểm xét kỹ, khéo dạy, khéo quở trách chúng sinh kia rằng:

“– Người có thấy Thiên sứ thứ năm đến không?

“Chúng sinh kia đáp:

“– Tâu Thiên vương, không thấy.

“Diêm vương lại hỏi:

“– Người trước đây không thấy chẳng, người của vua tróc nã kẻ phạm tội,

tra khảo, trừng trị đủ cách, như chặt tay, chặt chân, hoặc chặt cả tay chân; xẻo tai, xẻo mũi, hoặc xẻo cả mũi tai; hoặc thái hoặc cắt; nhổ râu, nhổ tóc, hoặc nhổ cả râu tóc; hoặc bỏ vào trong củi, quần trong vải mà đốt; hoặc dùng cát lấp kín, dùng cỏ quần lại mà đốt; hoặc bỏ vào trong bụng con lừa bằng sắt, hoặc bỏ vào trong miệng con heo bằng sắt, [504c] hoặc đặt vào trong miệng cọp bằng sắt mà đốt; hoặc bỏ vào trong chảo bằng đồng, hoặc bỏ vào trong chảo bằng sắt mà nấu; hoặc chặt ra từng đoạn; hoặc dùng chĩa nhọn mà đâm, hoặc dùng móc mà móc; hoặc bắt nằm trên giường sắt mà dội nước sôi; hoặc cho người vào cối sắt, dùng chày sắt mà giã; hoặc cho rấn rít mỡ; hoặc dùng roi da mà quất, hoặc dùng gậy mà đánh, hoặc dùng hèo mà phang; hoặc treo sống lên ngọn nêu cao, hoặc chặt đầu đem bêu?

“Chúng sinh ấy đáp:

“– Tâu Thiên vương, có thấy.

Diêm vương lại bảo:

“– Từ đó về sau, khi người đã hiểu biết, tại sao không nghĩ: ‘Nay ta hiện thấy điều ác, bất thiện’?

“Chúng sinh ấy hỏi:

“– Tâu Thiên vương, tôi là kẻ bại hoại, suy vi lâu dài, vĩnh viễn mất mát chẳng?

“Diêm vương đáp:

“– Người quả là kẻ bại hoại, suy vi lâu dài, vĩnh viễn mất mát. Nay ta sẽ tra khảo người như trị kẻ phóng dật, sống phóng dật. Ác nghiệp của người không phải do cha mẹ làm, không phải do vua, không phải do trời, cũng không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm. Chính người tự tạo nghiệp ác bất thiện, cho nên hôm nay chắc chắn người phải thọ báo.

“Diêm vương đã dẫn Thiên sứ thứ năm này ra để khéo tra hỏi, khéo kiểm xét, khéo giáo hóa, khéo quở trách xong, liền giao phó chúng sinh ấy cho ngục tốt. Ngục tốt liền dẫn y giam vào trong đại địa ngục có bốn cửa.

“Ở đây có bài tụng rằng:

*Bốn trụ, có bốn cửa,
Vách vuông mười hai góc,
Dùng sắt làm tường rào,*

Ở trên đây nắp sắt.
 Trong ngục nền bằng sắt,
 Hùng hực lửa sắt nung,
 Suốt vô lượng do-tuần,
 Cho đến tận đáy đất.
 Cực ác không chịu nổi,
 Sắc lửa sinh nhìn vào,
 Thấy rồi, lông dựng đứng,
 Khủng khiếp, sợ, rất khổ.
 Chúng sinh đọa địa ngục,
 Chân treo, đầu chúc xuống,
 Do phi báng Thánh nhân,
 Điều ngự thiện, Thánh thiện.

“Một thời gian thật lâu xa về sau, trong bốn cửa của đại địa ngục, cửa phía Đông liền mở cho chúng sinh kia.¹ Sau khi cửa mở, các chúng sinh ấy nhắm chạy đến, muốn tìm nơi an ổn, tìm chỗ nương tựa. Nếu khi các chúng sinh ấy tụ tập khoảng vô lượng trăm ngàn, thì cửa phương Đông của địa ngục liền tự đóng lại. Chúng sinh ở trong đó chịu đựng khổ đau cùng cực, khóc lóc kêu gào, sầu muộn, nằm lăn xuống đất, vẫn không thể chết được, cốt làm cho nghiệp ác bất thiện của các chúng sinh ấy sạch hết. Một thời gian lâu xa nữa, cửa Nam, cửa Tây, cửa Bắc lại mở. Khi cửa Bắc đã mở, các chúng sinh kia liền nhắm chạy đến, muốn tìm nơi an ổn, [505a] tìm chỗ nương tựa. Các chúng sinh kia nếu khi tụ tập đến số vô lượng trăm ngàn, thì cửa Bắc của địa ngục tự nhiên đóng lại. Những chúng sinh ở trong đó chịu khổ đau cùng cực, khóc lóc, kêu gào, sầu muộn, nằm lăn xuống đất, vẫn không thể chết được, cốt làm cho nghiệp ác bất thiện của các chúng sinh ấy sạch hết.

“Một thời gian hết sức lâu xa về sau nữa, các chúng sinh kia ra khỏi đại địa ngục Bốn cửa. Tiếp theo đại địa ngục Bốn cửa, các chúng sinh ấy lại sinh vào đại địa ngục Phong nham², lửa đầy bên trong, không khói, không lửa ngọn, khiến các chúng sinh ấy đi trên lửa, qua lại khắp nơi, da

¹ Xem No 1(30) kinh Thê ký.

² Phong nham địa ngục 峰巖地獄.

thịt, máu huyết ở đôi bàn chân, bước xuống thì cháy sạch mà dờ lên thì sinh lại như cũ. Địa ngục ấy hành hạ các chúng sinh ấy như vậy cho đến vô lượng trăm ngàn năm, chịu khổ đau cùng tột vẫn không chết được, cốt làm cho nghiệp ác bất thiện của các chúng sinh ấy sạch hết.

“Một thời gian thật lâu xa về sau, các chúng sinh ấy ra khỏi địa ngục Phong nham. Tiếp theo địa ngục Phong nham, lại sinh vào đại địa ngục Phần thi³, bên trong đầy đầy phân, sâu đến vô lượng trăm trượng. Các chúng sinh kia đọa hết vào trong đó. Trong đại địa ngục Phần thi ấy có rất nhiều sâu. Sâu tên là Lăng-cù-lai⁴, thân trắng đầu đen, mỏ nhọn như kim. Loại trùng này rúc rĩa, đục phá chân của chúng sinh kia; sau khi đục phá chân, lại đục phá xương đùi; sau khi đục phá xương đùi, lại đục phá xương bắp vế; sau khi phá xương bắp vế, lại đục phá xương bàn tọa; đục phá xương bàn tọa xong, lại đục phá xương sống; đục phá xương sống xong, lại đục phá xương vai, xương cổ, xương đầu; đục phá xương đầu xong, lại ăn sạch não. Các chúng sinh kia chịu bức bách vô lượng trăm ngàn năm như thế, chịu đau khổ cùng tột, vẫn không chết được, để cho nghiệp ác bất thiện của các chúng sinh ấy sạch hết.

“Một thời gian rất lâu về sau, các chúng sinh kia ra khỏi địa ngục Phần thi. Tiếp theo địa ngục Phần thi, lại sinh vào đại địa ngục Thiết diệt lâm⁵. Các chúng sinh kia thấy rồi tưởng là mát mẻ, nghĩ rằng: ‘Chúng ta qua nơi khoải lạc ấy để được mát mẻ’. Các chúng sinh ấy nhắm chạy đến, muốn tìm nơi an ổn, muốn tìm chỗ nương tựa. Nếu tụ tập được vô lượng trăm ngàn, thì các chúng sinh ấy liền vào trong đại địa ngục rừng cây lá sắt. Trong đại địa ngục Thiết diệt lâm đó, bốn bề có gió nóng lớn thổi đến; gió nóng thổi đến thì lá cây bằng sắt rụng xuống. Lá sắt rụng cắt lìa tay, cắt lìa chân, hoặc cắt lìa cả tay chân; cắt lìa tai, cắt lìa mũi hoặc cắt lìa cả tai lẫn mũi và các bộ phận còn lại; cắt thân máu chảy vô lượng trăm ngàn năm, chịu khổ đau cùng tột, vẫn không chết được, để cho nghiệp ác bất thiện của các chúng sinh ấy sạch hết. Lại nữa, trong

³ Phần thi địa ngục 糞尿地獄, địa ngục bằng phân cứt. Pāli: Gūtha-nirya.

⁴ Lăng-cù-lai 凌瞿來.

⁵ Thiết diệt lâm 鐵鑠林, rừng cây là sắt. Pāli: Asipattavana-niraya, địa ngục rừng là gươm (kiếm diệt lâm).

đại địa ngục Thiết diệt lâm ấy [505b] có chó rất lớn xuất hiện, răng dài thườn thượt, ngoạm cả chúng sinh kia, lột da từ chân đến đầu mà ăn. Các chúng sinh ấy chịu bức bách vô lượng trăm ngàn năm như thế, chịu khổ đau cùng tột vẫn không thể chết được, để cho nghiệp ác bất thiện của chúng dứt sạch. Lại nữa, trong đại địa ngục Thiết diệt lâm ấy có con chim đen lớn, có hai đầu, mỏ sắt, đứng trên trán chúng sinh, mổ sống con mắt mà nuốt; mổ vỡ sọ lấy não mà ăn. Các chúng sinh ấy chịu bức bách như vậy suốt vô lượng trăm ngàn năm, chịu đau khổ cùng tột, cuối cùng vẫn không chết được, để cho nghiệp ác bất thiện của các chúng sinh ấy sạch hết.

“Sau một thời gian hết sức lâu dài, các chúng sinh ấy ra khỏi đại địa ngục Thiết diệt lâm. Tiếp theo đại địa ngục Thiết diệt lâm, các chúng sinh ấy lại sinh vào đại địa ngục Thiết kiếm thọ⁶. Đại kiếm thọ cao một do-tuần, mũi nhọn dài một thước sáu, chúng sinh kia bị bắt treo lên tuột xuống. Lúc mới từ dưới leo lên cây thì mũi nhọn chúc xuống; lúc trên cây tuột xuống thì mũi nhọn lại dựng lên; mũi nhọn của kiếm thọ đâm suốt thân chúng sinh, đâm tay, đâm chân hoặc đâm cả tay chân; đâm tai, đâm mũi, hoặc đâm cả tai mũi và các bộ phận khác nữa; đâm thân máu đổ suốt vô lượng trăm ngàn năm, chịu đau khổ cùng cực, rốt cuộc vẫn không chết được, để cho nghiệp ác bất thiện của các chúng sinh ấy sạch hết.

“Một thời gian lâu dài về sau, các chúng sinh ấy ra khỏi đại địa ngục Thiết kiếm thọ. Tiếp theo đại địa ngục Thiết kiếm thọ, các chúng sinh ấy lại sinh vào địa ngục Hôi hà⁷, có hai bờ rất cao bao quanh tạo thành mũi nhọn. Trong sông có nước tro sôi và tối om. Các chúng sinh kia thấy rồi tưởng là nước mát, nghĩ rằng ‘sẽ có⁸ mát’. Sau khi tưởng như vậy, các chúng sinh ấy liền nghĩ: ‘Chúng ta đến đó tắm rửa, tha hồ uống no, được mát mẻ khoái lạc’. Các chúng sinh ấy tranh nhau chạy đến mà vào trong đó, muốn tìm nơi hoan lạc, tìm chỗ nương tựa. Nếu các chúng sinh ấy tụ tập chùng vô lượng trăm ngàn, thì liền rút xuống sông tro. Sau khi rơi

⁶ Thiết kiếm thọ 鐵劍樹, cây bằng grom sắt. Pāli: *simbalivana* (châm thọ lâm), rừng cây kim.

⁷ Hôi hà 灰河, sông tro. Pāli: Khārodakā nadī, sông đá vôi.

⁸ Thường hữu 常有; TNM: *đương hữu* 當有, sẽ có.

vào sông tro, có chúng sinh trôi ngược rồi lại trôi xuôi. Lúc các chúng sinh trôi xuôi, trôi ngược, trôi cả ngược xuôi thì da chín rã xuống, chỉ còn lại xương tủy. Hai bên bờ sông tro có lính địa ngục, tay cầm đao kiếm hoặc chĩa sắt lớn. Các chúng sinh ấy muốn leo lên bờ, tức thì lính ngục đẩy nhận xuống. Lại nữa, hai bên bờ sông tro có lính địa ngục tay cầm móc câu liệng xuống, móc chúng sinh từ sông tro lên bờ vào nơi sắt nóng, lửa cháy hừng hực, móc [505c] chúng sinh ấy đưa lên rồi quật mạnh xuống đất. Rơi xuống, chúng sinh ấy đang quần quai, bị cật vắn:

“– Người từ đâu lại?

“Các chúng sinh ấy cùng đáp:

“– Chúng tôi không biết từ đâu đến, nhưng hiện giờ chúng tôi chỉ sợ đói lắm.

“Lính địa ngục ấy liền xách chúng sinh liệng lên giường sắt nóng, lửa cháy hừng hực, bắt ngồi trên đó, dùng kẹp sắt nóng kẹp vạch miệng ra, dùng hòn sắt nóng đang cháy hừng hực, bỏ vào. Hoàn sắt nóng ấy đốt cháy môi; cháy môi xong, đốt cháy lưỡi; cháy lưỡi xong, đốt lợi răng; lợi cháy xong, đốt cuống họng; cuống họng cháy xong, đốt tim; tim cháy xong, đốt ruột già; ruột già cháy xong, đốt dạ dày; dạ dày cháy xong hoàn sắt từ thân rơi xuống. Các chúng sinh ấy bị bức bách như vậy suốt vô lượng trăm ngàn năm, chịu khổ đau cùng cực, rốt cuộc không chết được, để cho nghiệp ác bất thiện của các chúng sinh ấy sạch hết.

“Lại nữa, lính địa ngục ấy hỏi chúng sinh:

“– Người muốn đi đâu?

“Chúng sinh đáp:

“– Chúng tôi chẳng biết muốn đi đâu, chỉ sợ khát lắm.

“Ngục tốt liền xách chúng sinh ném lên giường sắt nóng đang cháy đỏ rực, bắt buộc ngồi trên đó, dùng kẹp sắt nóng, kẹp vạch miệng ra, lấy nước đồng sôi rót vào. Nước đồng sôi đó đốt môi, đốt môi rồi đốt lưỡi, đốt lưỡi rồi đốt lợi răng, đốt lợi răng rồi đốt cuống họng, đốt cuống họng rồi đốt tim, đốt tim rồi đốt ruột già, đốt ruột già rồi đốt ruột non, đốt ruột non rồi đốt dạ dày, đốt dạ dày rồi nước ấy từ thân chảy xuống. Các chúng sinh ấy chịu bức bách như vậy suốt vô lượng trăm ngàn năm, chịu khổ đau cùng tột, cuối cùng vẫn không chết được, để cho nghiệp ác bất thiện

của các chúng sinh ấy sạch hết.

“Nếu nghiệp ác bất thiện mà những chúng sinh ở địa ngục kia không dứt sạch, không dứt sạch tất cả, không dứt sạch đến mức không còn lưu dư thì những chúng sinh ấy lại rơi vào đại địa ngục Sông tro, lại chịu cảnh trôi lên tuột xuống ở đại địa ngục Rừng cây kiếm sắt, lại vào đại địa ngục Rừng cây lá sắt, lại rớt xuống đại địa ngục Phấn thi, lại qua đại địa ngục Phong nham, lại vào Bốn cửa đại địa ngục.

“Nếu nghiệp ác bất thiện của những chúng sinh kia dứt sạch, dứt sạch tất cả, dứt sạch đến mức không còn lưu dư, thì những chúng sinh ấy từ đó về sau hoặc đọa vào loài súc sinh, hoặc đọa vào loài ngạ quỷ, hoặc sinh vào cõi trời. Nếu lúc ấy chúng sinh đó vốn là người mà bất hiếu với cha mẹ, không biết tôn kính Sa-môn, Bà-la-môn, không làm đúng như thật, không tạo phước nghiệp, không sợ tội đời sau thì phải thọ khổ báo không khả ái, không khả niệm, không khả hỷ như vậy, giống như trong địa ngục kia. Nếu chúng sinh kia vốn là người mà hiếu thuận với cha mẹ, biết tôn kính Sa-môn, Bà-la-môn, làm đúng như thật, tạo nghiệp phước đức, sợ tội đời sau, thì được thọ lạc báo khả ái, khả niệm, khả hỷ như thế, giống như trong cung điện của thần Hư không.

“Thuở xưa, Diêm vương ở tại viên quán mà nguyện rằng: ‘Thân mạng này mất, ta được sinh vào loài người. Nếu có dòng họ nào giàu có tốt cùng, của cải vô lượng, sản nghiệp chăn nuôi, không thể tính được, phong hộ thực ấp đầy đủ mọi thứ; dòng họ ấy là gì? Tức là Đại trưởng giả thuộc dòng Sát-lị, Đại trưởng giả thuộc dòng Bà-la-môn, Đại trưởng giả thuộc dòng Cư sĩ. Nếu có dòng họ giàu có tốt cùng, của cải vô lượng, sản nghiệp chăn nuôi không thể tính được, phong hộ thực ấp đầy đủ mọi thứ như thế, thì ta mong sinh vào nhà ấy. Sau khi sinh vào thì giác căn thành tựu, mong được tịnh tín pháp luật chân chính do Đức Như Lai nói ra. Được tịnh tín rồi thì cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống đời sống không gia đình mà học đạo. Con nhà thiện gia đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống đời sống không gia đình mà học đạo thì chỉ mong cầu vô thượng phạm hạnh, ngay trong đời hiện tại, tự biết, tự giác, tự thân tác chứng, thành tựu an trú, biết như thật rằng: ‘Sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa’.”

“Thuở xưa, Diêm vương ở trong viên quán đã nguyện như thế.”

Bấy giờ có bài tụng rằng:

*Được Thiên sứ cảnh cáo,
Người vẫn cứ phóng dật,
Chuồn sào nào mãi hoài,
Tệ ấy do dục che.*

*Được Thiên sứ cảnh cáo,
Quả thật có thượng nhân,
Không còn phóng dật nữa,
Khéo nói diệu Thánh pháp.*

*Thấy thủ là khiếp sợ,
Mong cầu sinh, lão dứt,
Không thủ, diệt không còn,
Thế là sinh lão hết.
Kia đến nơi an ổn,
Hiện tại đã vượt qua,
Vượt khỏi mọi khiếp sợ,
Cũng vượt dòng thế gian.⁹*

Phật dạy như vậy. Sau khi nghe xong điều Đức Phật dạy, các Tỳ-kheo hoan hỷ phụng hành.



⁹ Bản Hán, hết quyển 12.

**PHẨM 7:
TƯƠNG ƯNG VƯƠNG (II)**

TỤNG NGÀY THỨ HAI

Tiểu thổ thành

烏鳥喻說本 天奈林善見
三十喻轉輪 蜚肆最在後

Kệ tóm tắt:

Ô điều dụ, Thuyết bản,
Thiên nại lâm, Thiện kiến,
Tam thập dụ, Chuyển luân,
Sau tất cả Tì-tứ

65. KINH Ô ĐIỀU DỤ

66. KINH THUYẾT BỒN

67. KINH ĐẠI THIÊN NẠI LÂM

68. KINH ĐẠI THIÊN KIẾN VƯƠNG

69. KINH TAM THẬP DỤ

70. KINH CHUYỂN LUÂN VƯƠNG

71. KINH BỆ-TỨ

65. KINH Ô ĐIỀU DỤ

[506b12] Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại thành Vương xá, trong rừng Trúc, vườn Ca-lan-đa.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Thuở xưa, khi Chuyển luân vương muốn thử châu báu, liền cho tập trung bốn loại quân là quân voi, quân ngựa, quân xe và quân bộ. Sau khi tập trung xong, vào lúc đêm tối, vua cho dựng cây tràng phan cao và đặt hạt châu trên đó, rồi dẫn ra đến ngoài công viên. Ánh sáng của minh châu soi sáng cả bốn loại quân. Ánh sáng ấy chiếu xa nửa do-tuần.

“Bấy giờ có Bà-la-môn nghĩ rằng: ‘Ta nên đến xem Chuyển luân vương và bốn loại quân, nhìn ngắm hạt châu lưu ly’. Bà-la-môn lại nghĩ: ‘Thôi, hãy bỏ qua việc muốn thấy Chuyển luân vương và bốn loại quân, nhìn ngắm hạt châu lưu ly, ta nên đến khoảng rừng kia’.

“Nghĩ xong, Bà-la-môn liền đến khu rừng. Sau khi đến nơi, vào trong rừng, Bà-la-môn đến ngồi dưới một gốc cây. Ngồi chưa bao lâu, có một con rái cá¹ đi đến. Bà-la-môn trông thấy, hỏi:

“Xin chào Rái cá! Ngươi từ đâu đến và muốn đi đâu?”

Đáp:

“Thưa Bà-la-môn, hồ ấy trước kia tràn đầy mạch nước trong, có nhiều ngó sen, hoa và cá, rùa. Trước đây tôi ở đó; nhưng nay nó khô rang. Bà-la-môn nên biết, tôi muốn bỏ đi, vào sông lớn kia. Tôi nay muốn đi; chỉ sợ loài người.”

Con rái cá kia sau khi chuyện trò với Bà-la-môn xong, liền bỏ đi. Bà-la-môn vẫn ngồi như cũ.

Lại có chim cú-mộ² đến. Bà-la-môn trông thấy, liền nói:

“Xin chào, Cú-mộ! Ngươi từ đâu đến và muốn đi đâu?”

Đáp:

“Thưa Bà-la-môn, hồ ấy trước kia tràn đầy mạch nước trong, [506c] có nhiều ngó sen, hoa và cá, rùa. Trước đây tôi ở đó; nhưng nay nó khô rang.

¹ Thát thú 獺獸.

² Cú-mộ điều 究暮鳥, không rõ chim gì.

Bà-la-môn nên biết, tôi muốn bỏ đi, đến trú ngụ ở chỗ có nhiều xác trâu chết kia, hoặc ở chỗ có lừa chết, nhiều xác người chết. Hôm nay tôi muốn đi, nhưng chỉ sợ loài người.”

Chim cứu-mộ³ ấy nói chuyện với Bà-la-môn như vậy rồi bỏ đi. Bà-la-môn vẫn ngồi như cũ.

Lại có kên kên³ đến. Bà-la-môn trông thấy, liền hỏi:

“Xin chào Kên kên! Ngươi từ đâu lại và muốn đi đâu?”

Đáp:

“Thưa Bà-la-môn, tôi từ mộ lớn này đến mộ lớn khác, giết hại xong rồi đến đây. Nay tôi muốn ăn thịt voi chết, ngựa chết, trâu chết, người chết. Tôi nay muốn đi; nhưng chỉ sợ loài người.”

Kên kên nói chuyện với Bà-la-môn như vậy rồi bỏ đi. Bà-la-môn vẫn ngồi như cũ.

Lại có chim ăn bã⁴ lại đến. Bà-la-môn trông thấy liền hỏi:

“Xin chào Ăn bã. Ngươi từ đâu đến và muốn đi đâu?”

Đáp:

“Thưa Bà-la-môn, ông có thấy Kên kên vừa đi đến đây không? Tôi ăn cái mà nó nhả ra. Nay tôi muốn đi nhưng chỉ sợ loài người.

Chim ăn bã ấy nói chuyện với Bà-la-môn như vậy rồi bỏ đi. Bà-la-môn vẫn ngồi như cũ.

Lại có con sói⁵ đến. Bà-la-môn trông thấy rồi lại hỏi:

“Xin chào Sói! Ngươi từ đâu lại và muốn đi đâu?”

Đáp:

“Thưa Bà-la-môn, tôi từ suối sâu này đến suối sâu khác, từ bụi rậm này đến bụi rậm khác, từ chỗ hẻo lánh này đến chỗ hẻo lánh khác. Nay tôi muốn ăn thịt voi chết, thịt ngựa chết, thịt trâu chết. Bây giờ tôi muốn đi nhưng chỉ sợ loài người.

Sói nói chuyện với Bà-la-môn như vậy rồi bỏ đi. Bà-la-môn vẫn ngồi

³ Thứu điều 鷲鳥.

⁴ Thực thổ điều 食吐鳥, chim ăn đồ (do thú khác) ói ra.

⁵ Sải thú 豺獸.

như cũ.

Lại có con quạ⁶ đến, trông thấy, Bà-la-môn liền hỏi:

“Xin chào Quạ. Ngươi từ đâu đến và muốn đi đâu?”

Đáp:

“Này Bà-la-môn, ông trán cứng, si cuồng; sao lại hỏi tôi từ đâu đến và muốn đi đâu?”

Con quạ mắng vào mặt Bà-la-môn rồi bỏ đi. Bà-la-môn vẫn ngồi như cũ.

Lại có con đười ươi⁷ đến, Bà-la-môn trông thấy liền hỏi:

“Xin chào Đười ươi! Ngươi từ đâu đến và muốn đi đâu?”

Đáp:

“Thưa Bà-la-môn, tôi từ vườn này đến vườn khác, từ đền miếu⁸ này đến đền miếu khác, từ rừng này đến rừng khác; uống nước suối trong, ăn trái cây tốt, rồi đến đây. Nay tôi muốn đi, không sợ loài người.

Đười ươi nói chuyện cùng Bà-la-môn như vậy rồi bỏ đi.

Phật bảo các [507a] Tỳ-kheo:

“Ta nói các thí dụ ấy là muốn các người hiểu rõ nghĩa. Các người nên biết, nói các thứ dụ ấy như thế, có nghĩa của nó.

“Bấy giờ, con thú rái cá nói chuyện với Bà-la-môn như vậy rồi bỏ đi, Ta nói thí dụ này có nghĩa như thế nào? – Giả sử có Tỳ-kheo nào nương vào thôn ấp mà sống⁹. Vào buổi sáng sớm, Tỳ-kheo mang y ôm bát vào thôn khát thực mà không thủ hộ thân, không thủ hộ các căn, không an trụ chính niệm, nhưng vì ấy lại thuyết pháp; những pháp hoặc do Phật thuyết, hoặc do Thanh văn thuyết. Nhờ đó vị ấy được lợi, như được áo chắn, đồ ăn, thức uống, giường nệm, thuốc thang, đầy đủ các nhu cầu cho sự sống. Sau khi được lợi, vị ấy càng đắm trước xúc chạm mềm mại¹⁰, không thấy tai họa, không thể xả bỏ, mặc tình thọ dụng. Tỳ-kheo ấy thực hành ác

⁶ Ô điểu 烏鳥.

⁷ Tinh tinh thú 猩猩獸.

⁸ Nguyên Hán: quán 觀.

⁹ Y thôn ấp hành 依村邑行, trái với hành ư vô sự 行於無事 là Tỳ kheo a-lan-nhã, sống trong rừng. Xem cht.15, kinh số 26.

¹⁰ Hán: xúc y 觸猗.

giới, thành tựu ác pháp, đứng sát bờ mé, trở nên tệ mạt, hủ bại, không phải phạm hạnh mà tự xưng là phạm hạnh, không phải Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn. Cũng như Bà-la-môn thấy rái cá bèn hỏi: ‘Xin chào Rái cá! Người từ đâu lại và muốn đi đâu?’ Đáp: ‘Thưa Bà-la-môn, hồ ấy trước kia tràn đầy mạch nước trong, có nhiều ngó sen, nhiều hoa và cá, rùa. Trước tôi ở đó nhưng nay khô rang. Bà-la-môn nên biết, tôi muốn bỏ đi vào sông lớn kia. Giờ tôi muốn đi, chỉ sợ loài người’. Ta nói, Tỳ-kheo ấy cũng lại như thế, rơi vào trong pháp ác, bất thiện, cấu uế, tạo gốc rễ của sự hữu trong tương lai, tạo nhân khổ báo, phiền nhiệt của sinh, già, bệnh, chết. Cho nên, Tỳ-kheo chớ sống như con rái cá, chớ nương vào phi pháp để bảo tồn sự sống. Hãy tịnh hóa thân hành, tịnh hóa khẩu hành và tịnh hóa ý hành, sống trong rừng vắng¹¹, khoát y phần tảo, thường hành khát thực, thứ lớp khát thực, thiếu dục tri túc, ưa sống viễn ly mà tu tập tinh cần, an trụ nơi chính niệm, chính trí, chính định, chính tuệ, thường nên viễn ly. Nên học như vậy.

“Bấy giờ chim cú-mộ đến nói chuyện với Bà-la-môn như vậy rồi bỏ đi. Ta nói thí dụ này có nghĩa như thế nào? Giả sử có Tỳ-kheo nào nương vào thôn ấp mà sống. Vào buổi sáng sớm, Tỳ-kheo mang y ôm bát vào thôn khát thực mà không thủ hộ thân, không thủ hộ các căn, không an trú chính niệm, nhưng vì ấy lại vào nhà người mà thuyết pháp; những pháp hoặc do Phật thuyết, hoặc do Thanh văn thuyết. Nhờ đó vị ấy được lợi, như được áo chăn, đồ ăn, thức uống, giường nệm, thuốc thang, đầy đủ các nhu cầu cho sự sống. Sau khi được lợi, vị ấy càng đắm trước xúc chạm mềm mại, không thấy tai họa, không thể xả bỏ, mặc tình thọ dụng. Tỳ-kheo ấy thực hành ác giới, thành tựu ác pháp, đứng sát bờ mé, trở nên tệ mạt, hủ bại, không phải phạm hạnh mà tự xưng là phạm hạnh, không phải Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn. Cũng như [507b] Bà-la-môn thấy cú-mộ bèn hỏi: ‘Xin chào Cú-mộ! Người từ đâu lại và muốn đi đâu?’ Đáp: ‘Thưa Bà-la-môn, hồ ấy trước kia tràn đầy mạch nước trong, có nhiều ngó sen, hoa và cá, rùa. Trước đây tôi ở đó; nhưng nay nó khô rang. Bà-la-môn nên biết, tôi muốn bỏ đi, đến trú ngụ ở chỗ có nhiều xác trâu chết kia, hoặc ở chỗ có lừa chết, nhiều xác người chết. Hôm nay tôi muốn đi, nhưng chỉ sợ loài người’. Ta nói, Tỳ-kheo ấy cũng lại như thế, rơi vào

¹¹ Hán: vô sự 無事.

trong pháp ác, bất thiện, cấu uế, tạo gốc rễ của sự hữu trong tương lai, tạo nhân khổ báo, phiền nhiệt của sinh, già, bệnh, chết. Cho nên, Tỳ-kheo chớ sống như con cứu-mộ, chớ nương vào phi pháp để bảo tồn sự sống. Hãy tịnh hóa thân hành, tịnh hóa khẩu hành và tịnh hóa ý hành, sống trong rừng vắng, khoác y phần tảo, thường hành khát thực, thứ lớp khát thực, thiếu dục tri túc, ưa sống viễn ly mà tu tập tinh cần, an trú nơi chính niệm, chính trí, chính định, chính tuệ, thường nên viễn ly. Nên học như vậy.

“Bấy giờ kên kên nói chuyện với Bà-la-môn rồi bỏ đi. Ta nói thí dụ có nghĩa như thế nào? Giả sử có Tỳ-kheo nào nương vào thôn ấp mà sống. Vào buổi sáng sớm, Tỳ-kheo mang y ôm bát vào thôn khát thực mà không thủ hộ thân, không thủ hộ các căn, không an trú chính niệm, nhưng vì ấy lại vào nhà người mà thuyết pháp; những pháp hoặc do Phật thuyết, hoặc do Thanh văn thuyết. Nhờ đó vị ấy được lợi, như được áo chăn, đồ ăn, thức uống, giường nệm, thuốc thang, đầy đủ các nhu cầu cho sự sống. Sau khi được lợi, vị ấy càng đắm trước xúc chạm mềm mại, không thấy tai họa, không thể xả bỏ, mặc tình thọ dụng. Tỳ-kheo ấy thực hành ác giới, thành tựu ác pháp, đứng sát bờ mé, trở nên tệ mạt, hủ bại, không phải phạm hạnh mà tự xưng là phạm hạnh, không phải Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn. Giống như Bà-la-môn thấy kên kên bèn hỏi: ‘Xin chào Kên kên, người từ đâu lại và muốn đi đâu?’ Đáp: “Thưa Bà-la-môn, tôi từ mộ lớn này đến mộ lớn khác, sát hại rồi đến đây. Nay tôi muốn ăn thịt voi chết, thịt ngựa chết, thịt trâu chết, thịt người chết. Bây giờ tôi muốn đi nhưng chỉ sợ loài người’. Ta nói thí dụ ấy cũng lại như vậy. Cho nên Tỳ-kheo chớ sống như kên kên, chớ nương vào phi pháp để bảo tồn sự sống. Hãy tịnh hóa thân hành, tịnh hóa khẩu hành và ý hành, sống trong rừng vắng, mang phần tảo y, thường hành khát thực, thứ lớp khát thực, thiếu dục tri túc, ưa sống viễn ly mà tu tập tinh cần, trụ lập chính niệm, chính trí, chính định, chính tuệ, thường nên viễn ly. Nên học [507c] như thế.

“Bấy giờ con chim ăn bã kia nói chuyện với Bà-la-môn rồi bỏ đi. Ta nói thí dụ ấy có nghĩa như thế nào? Giả sử có thầy Tỳ-kheo nào nương vào thôn ấp để sống. Vào lúc sáng sớm, Tỳ-kheo ấy mang y cầm bát vào thôn xóm khát thực mà không thủ hộ thân, không thủ hộ ý, không thủ hộ các căn, không an trú chính niệm. Vị ấy vào thất của Tỳ-kheo-ni mà thuyết

pháp giáo hóa; những pháp hoặc do Phật thuyết, hoặc do Thanh văn thuyết. Tỳ-kheo-ni kia đi vào nhiều nhà khác mà nói tốt nói xấu để thọ nhận phẩm vật của tín thí rồi mang về cho Tỳ-kheo ấy. Nhân đó Tỳ-kheo ấy được lợi, như được áo chần, đồ ăn thức uống, giường nệm, thuốc thang, đầy đủ các nhu cầu cho sự sống. Sau khi được lợi, vị ấy đắm trước sự xúc chạm mềm mại, không thấy tai họa, không thể xả bỏ, mặc tình thọ dụng. Vị Tỳ-kheo ấy thực hành ác giới, thành tựu ác pháp, đứng sát bờ mé, trở nên tệ mạt hủ bại, không phải phạm hạnh mà tự xưng là phạm hạnh, không phải Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn. Giống như Bà-la-môn thấy chim ăn bã rồi hỏi: ‘Xin chào Ăn bã! Người từ đâu lại và muốn đi đâu?’ Đáp: ‘Thưa Bà-la-môn, ông thấy con kên kên vừa đi đó không? Tôi ăn cái mà nó nhả ra. Bây giờ tôi muốn đi nhưng chỉ sợ loài người’. Ta nói Tỳ-kheo ấy cũng lại như vậy. Cho nên Tỳ-kheo chớ sống như con chim ăn bã, chớ nương vào phi pháp để bảo tồn sự sống. Hãy tịnh hóa thân hành và tịnh hóa khẩu hành, ý hành, sống trong rừng vắng, mang y phần tảo, thường hành khát thực, thứ lớp khát thực, thiếu dục tri túc, ưa sống viễn ly mà tu tập tinh cần, trú lập chính niệm, chính trí, chính định, chính tuệ, thường phải viễn ly. Nên học như thế.

“Bấy giờ con sói nói chuyện với Bà-la-môn rồi bỏ đi. Ta nói ví dụ này có nghĩa như thế nào? Giả sử có một Tỳ-kheo sống tại một thôn nghèo. Nếu Tỳ-kheo biết trong thôn ấp có nhiều bậc trí tuệ tinh tấn phạm hạnh thì liền tránh đi. Nếu biết trong thôn ấp và thành quách không có bậc trí tuệ tinh tấn phạm hạnh nào thì đến ở, suốt chín tháng hoặc mười tháng. Các Tỳ-kheo khác thấy liền hỏi: ‘Hiền giả trú xứ nào?’ Tỳ-kheo ấy đáp: ‘Tôi sống tại thôn nghèo kia’. Các Tỳ-kheo nghe xong liền nghĩ: Hiền giả này làm việc khó làm. Lý do vì sao? Vì Hiền giả này có thể sống tại thôn nghèo ấy’. Các Tỳ-kheo ấy liền cùng cung kính, đánh lễ, cúng dường. Nhân đó vị Tỳ-kheo ấy được lợi ích, như được áo chần, đồ ăn thức uống, giường nệm, thuốc thang, đầy đủ các nhu cầu cho sự sống. Sau khi được lợi, vị ấy lại đắm trước thêm, không thấy [508a] tai họa, không thể xả bỏ, mặc tình thọ dụng. Tỳ-kheo ấy thực hành ác giới, thành tựu ác pháp, đứng sát bờ mé, trở thành tệ mạt, hủ bại, không phải phạm hạnh mà tự xưng là phạm hạnh, không phải Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn. Giống như Bà-la-môn thấy con sói rồi hỏi: ‘Xin chào Sói! Người từ đâu lại và đi về đâu?’ Đáp: ‘Thưa Bà-la-môn, tôi từ suối sâu này đến suối sâu khác,

từ bụi rậm này đến bụi rậm khác, từ chốn hẻo lánh này đến chốn hẻo lánh khác rồi đến đây. Nay tôi muốn ăn thịt voi chết, thịt ngựa chết, thịt trâu chết, thịt người chết. Giờ tôi muốn đi nhưng chỉ sợ loài người’. Ta nói Tỳ-kheo ấy lại cũng như vậy. Cho nên Tỳ-kheo chớ sống như con sói, chớ nên nương theo phi pháp để bảo tồn mạng sống. Hãy tịnh hóa thân hành, tịnh hóa khẩu hành và ý hành, sống trong rừng vắng, mang y phần tảo, thường hành khát thực, thứ lớp khát thực, thường hành thiếu dục tri túc, ưa sống viễn ly mà tu tập tinh cần, trụ lập chính niệm chính trí, chính định, chính tuệ, thường phải viễn ly. Nên tu học như vậy.

“Bấy giờ chim quạ mắng vào mặt Bà-la-môn rồi bỏ đi. Ta nói ví dụ ấy có nghĩa thế nào? Giả sử có Tỳ-kheo nào nương nơi vô sự xứ nghèo nàn mà an cư tọa hạ. Nếu Tỳ-kheo ấy biết trong thôn ấp và thành quách có nhiều bậc trí tuệ tinh tấn phạm hạnh thì liền tránh đi. Nếu biết trong thôn ấp và thành quách không có bậc trí tuệ, tinh tấn phạm hạnh nào thì đến ở hai, ba tháng. Các Tỳ-kheo khác thấy, liền hỏi: ‘Hiện giả tọa hạ nơi nào?’ Đáp rằng: ‘Chư Hiền, hiện giờ tôi nương nơi vô sự xứ nghèo nàn kia mà an cư tọa hạ. Tôi không giống như bọn ngu si kia, làm sẵn giường chõng, rồi sống trong đó với năm sự đầy đủ¹², buổi sáng rồi buổi chiều, buổi chiều rồi buổi sáng, miệng chạy theo vị, vị trôi theo miệng, cầu rồi lại cầu, xin rồi lại xin’. Lúc các Tỳ-kheo nghe xong, liền nghĩ: “Hiện giả này làm những việc khó làm. Lý do vì sao? Hiện giả này có thể nương nơi xóm rừng nghèo nàn kia mà an cư tọa hạ’. Các Tỳ-kheo ấy liền cùng cung kính, lễ bái, cúng dường. Nhân đó vị Tỳ-kheo ấy được lợi, như được áo chăn, đồ ăn thức uống, giường nệm thuốc thang, đầy đủ các nhu cầu cần cho sự sống. Sau khi được lợi, vị Tỳ-kheo ấy lại đắm trước sự xúc chạm mềm mại, không thấy tai họa, không thể xả bỏ, mặc tình sử dụng. Tỳ-kheo ấy thực hành ác giới, thành tựu ác pháp, đứng sát bờ mé, trở thành tệ mạt hủ bại, không phải phạm hạnh mà tự xưng là phạm hạnh, không phải Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn. Giống như Bà-la-môn thấy chim quạ rồi hỏi: ‘Xin chào [508b] Quạ! Ngươi từ đâu đến và muốn đi về đâu?’ Đáp: ‘Này Bà-la-môn, ông là kẻ trán cứng, cuồng si, làm sao hỏi tôi rằng: ‘Ngươi từ đâu lại và muốn đi về đâu?’ Ta nói Tỳ-kheo ấy lại

¹² Năm sự, tham chiếu No.125 (51.3) *Tăng Nhứt* 49, tr.817b: 1. Lười biếng, 2. Ngủ nhiều, 3. Tâm loạn, 4. Các căn bất định, 5. Thích ở chợ hơn chỗ vắng vẻ.

cũng như vậy. Cho nên Tỳ-kheo chớ sống như con quạ, chớ nương theo phi pháp để bảo tồn sự sống. Hãy tịnh hóa thân hành, tịnh hóa khẩu hành và ý hành, sống trong rừng vắng, mang y phần tảo, thường hành khát thực, thứ lớp khát thực, thiếu dục tri túc, ưa sống viễn ly mà tu tập tinh cần, trú lập chính niệm, chính trí, chính định, chính tuệ, thường viễn ly. Nên học như thế.

“Con đười ươi kia nói chuyện với Bà-la-môn rồi bỏ đi, Ta nói ví dụ ấy có nghĩa thế nào? Giả sử có Tỳ-kheo nương vào thôn ấp mà sống. Vào buổi sáng sớm, Tỳ-kheo ấy mang y cầm bát vào thôn khát thực, khéo thủ hộ thân, gìn giữ các căn, vững vàng chính niệm. Từ thôn ấp khát thực rồi, ăn xong. Sau khi thu xếp y bát, rửa tay chân xong vắt ni-sư-đàn lên vai, đi đến nơi rừng vắng, hoặc đến dưới gốc cây, hoặc vào nhà trống, trải ni-sư-đàn mà ngồi kiết già, chính thân, chính nguyện, chuyên niệm hướng nội, đoạn trừ tham lam, muốn cho mình được tâm không nào hại; thấy của cải và vật dụng sinh tồn của người khác không móng khởi tâm tham lam mong sẽ được về mình. Đối với tâm tham lam vị ấy đã tịnh trừ. Cũng vậy, đối với sân nhuế, thù miên, trạo hối, đoạn nghi, độ hoặc, ở trong thiện pháp không còn do dự. Đối với tâm nghi hoặc, vị ấy đã tịnh trừ. Vị ấy đã tịnh trừ năm triền cái này, chúng làm cho tâm cấu uế, trí yếu kém; ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến, chứng đắc Tứ thiên, thành tựu và an trụ. Vị ấy chứng đắc định tâm như vậy, thanh tịnh không uế, không phiền, nhu nhuyễn, bất động, hướng đến chứng ngộ lậu tận trí thông, rồi vị ấy liền biết như thật rằng: ‘Đây là Khổ, đây là Khổ tập, đây là Khổ diệt và đây là Khổ diệt đạo’. Biết như thật rằng: ‘Đây là lậu, đây là lậu tập, đây là lậu diệt và đây là lậu diệt đạo’. Sau khi đã biết như vậy, đã thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, tâm giải thoát vô minh lậu. Sau khi giải thoát, biết như thật rằng: ‘Sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa’. Giống như Bà-la-môn thấy đười ươi rồi hỏi: ‘Xin chào Đười ươi! Ngươi từ đâu lại và đi về đâu?’ Đáp: ‘Thưa Bà-la-môn, tôi từ vườn này đến vườn khác, từ đền miếu này [508c] đến đền miếu khác, từ rừng này đến rừng khác, uống nước suối trong, ăn trái cây tốt. Nay tôi muốn đi, chẳng sợ loài người’. Ta nói Tỳ-kheo kia lại cũng như vậy. Cho nên Tỳ-kheo chớ sống như loài rái cá, chớ sống như chim cú-mộ, chớ sống như kên kên, chớ sống như chim ăn bã, chớ sống như con sói, chớ sống như quạ, mà nên

sống như đười ươi. Lý do vì sao? Bởi vì Bậc Vô trước chân nhân trong thế gian giống như đười ươi.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



66. KINH THUYẾT BỒN

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại Ba-la-nại, trú ở Tiên nhân đọa xứ, trong vườn Lộc dã.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau bữa ăn trưa, vì một nhân duyên nhỏ nên tụ tập ngồi tại giảng đường cùng bàn luận vấn đề này:

“Thế nào Chư Hiền, trong hàng cư sĩ tại gia, ai là người thù Thắng Lâm? Phải chăng là người có các Tỳ-kheo trì giới, diệu pháp, thành tựu oai nghi đến nhà thọ thực? Hay là người mà lợi lộc cứ tăng lên mỗi ngày, gấp trăm ngàn vạn lần?”

Hoặc có Tỳ-kheo nói rằng:

“Này Chư Hiền, lợi lộc gấp trăm ngàn vạn lần thì có nghĩa lý gì! Chỉ có điều này là chí yếu: nếu có một Tỳ-kheo trì giới diệu pháp, thành tựu oai nghi mà đến nhà thọ thực, chứ không phải là ngày ngày được lợi lộc gấp trăm ngàn vạn lần.”

Lúc đó, Tôn giả A-na-luật cùng ngồi trong chúng. Bấy giờ Tôn giả A-na-luật nói với các Tỳ-kheo rằng:

“Này Chư Hiền, lợi lộc gấp trăm ngàn vạn lần thì có nghĩa gì? Giả sử có nhiều hơn nữa thì chỉ có điều này là chí yếu: nếu có một Tỳ-kheo trì giới diệu pháp, thành tựu oai nghi đến nhà thọ thực, chứ không phải ngày ngày lợi lộc càng tăng gấp trăm ngàn vạn lần. Vì sao? Tôi nhớ, thuở xưa, tôi là một người nghèo khổ ở nước Ba-la-nại này, chỉ nhờ lượm mót gánh của khách mà sống¹. Lúc ấy nước Ba-la-nại bị hạn hán, sương móc và trùng hoàng làm cho ngũ cốc không thể chín được. Nhân dân túng thiếu, kiếm xin khó được. Bấy giờ có một vị Bích-chi-phật hiệu là Vô Hoạn², trú tại Ba-la-nại này. Lúc ấy, vào buổi sáng sớm, Bích-chi-phật Vô Hoạn mang y cầm bát vào Ba-la-nại khát thực. Bấy giờ tôi đi ra khỏi Ba-la-nại vào lúc sớm để đi lượm mót. Này Chư Hiền, khi đang đi ra, [509a] tôi

¹ Hán: *quân thập* 拮拾. No.44: “Gánh cỏ đi bán mà tự nuôi sống”. Pāli: *ghāsahāraka*, người thu nhặt thức ăn (của gia súc).

² Vô Hoạn 無患. No.44: “Có vị Duyên giác hiệu là Hòa-lý 和里. Pāli: Upariccha.

thấy từ xa Bích-chi-phật Vô Hoạn đi vào thành. Lúc Bích-chi-phật Vô Hoạn cầm tịnh bát đi vào thế nào thì lúc đi ra tịnh bát vẫn y như cũ.

“Này Chư Hiền, khi tôi lượm mót rồi trở về Ba-la-nại, tôi lại thấy Bích-chi-phật Vô Hoạn đi ra. Ngài thấy tôi liền nghĩ: ‘Sáng sớm, lúc Ta đi vào thì thấy người này đi ra. Bây giờ ta trở ra lại thấy người này trở vào. Người này có thể chưa ăn. Nay ta hãy đi theo người này’. Rồi Bích-chi-phật đi theo tôi như bóng theo hình.

“Này Chư Hiền, khi tôi mang đồ lượm mót về đến nhà, bỏ gánh xuống và quay lại nhsinhi thấy Bích-chi-phật Vô Hoạn đi đến, theo sau tôi bèn gót, như bóng theo hình. Tôi thấy Ngài, liền nghĩ: ‘Sáng sớm, lúc đi ra, mình thấy vị Tiên nhân này đi vào thành khát thực. Bây giờ vị Tiên nhân này có lẽ chưa có gì ăn. Ta hãy sốt bớt phần ăn của mình cho Tiên nhân này’. Nghĩ như vậy xong, tôi liền mang phần cơm bố thí cho Đức Bích-chi-phật và bạch rằng: ‘Mong Tiên nhân biết cho, cơm này là phần ăn của con. Vì lòng từ mẫn, mong ngài thương xót nhận cho’. Bây giờ, vị Bích-chi-phật tức thì trả lời tôi rằng: ‘Cư sĩ nên biết, năm nay hạn hán, sương móc và trùng hoàng làm cho ngũ cốc không thể chín được. Nhân dân túng thiếu, kiếm xin khó được. Thí chủ có thể bớt phân nửa bỏ vào trong bát của ta và dùng phân nửa kia, cả hai cùng được sống còn. Như vậy đã là tốt rồi’. Tôi lại thưa rằng: ‘Tiên nhơn, xin biết cho, trong nhà con sẵn có chảo, có bếp, có củi, có thóc gạo, ăn uống sớm muộn cũng chẳng cần đúng giờ giấc. Tiên nhơn, xin hãy thương xót con mà nhận hết thức ăn này’. Bây giờ Tiên nhân vì lòng từ mẫn mà nhận hết.

“Này Chư Hiền, tôi nhân phước bố thí cho Tiên nhân kia một bát cơm mà bảy lần tái sinh vào cõi trời, được làm Thiên vương; bảy lần tái sinh vào loài người lại làm bậc Nhân chủ.

“Này Chư Hiền, tôi nhân phước bố thí cho Tiên nhân kia một bát cơm mà được sinh vào dòng họ Thích như thế này³, giàu có cùng tột, súc vật chăn nuôi vô số, phòng hộ, thực ấp, của cải vô lượng, châu báu đầy đủ.

“Này Chư Hiền, tôi nhân phước bố thí cho Tiên nhân kia một bát cơm

³ Vì Tôn giả là anh em chú bác ruột với Đức Thích Tôn, con của Amitodana (Cam lộ Phạn vương).

nên xả bỏ được địa vị chủ nhân của trăm ngàn thể nữ⁴, vàng bạc và vô số những tài vật khác nữa, xuất gia học đạo.

“Này Chư Hiền, tôi nhân bố thí cho Tiên nhân kia một bát cơm mà được vua chúa, vương thần, Bà-la-môn, cư sĩ và tất cả nhân dân thấy là tiếp đãi; bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di thấy thì kính trọng.

“Này Chư Hiền, tôi nhân bố thí một bát cơm kia mà thường được người thỉnh cầu thọ nhận đồ ăn thức uống, áo chăn, [509b] đệm lông, thảm dệt, giường nệm, thuốc thang trị bệnh và các dụng cụ cần cho sự sống; không gì là không được thỉnh cầu. Lúc bấy giờ nếu tôi biết vị Sa-môn ấy là Bạc Vô Sở Trước Chân Nhân thì phước báo được thu hoạch chắc chắn gấp bội, thọ nhận đại quả báo công đức cực diệu, ánh sáng soi chiếu, thâu suốt rất rộng, rất lớn, cùng khắp.”

Bấy giờ Tôn giả A-na-luật, bậc Vô Sở Trước Chân Nhân⁵, được chính giải thoát, nói bài tụng rằng:

*Tôi nhớ, xưa nghèo nàn,
Chỉ nhật cở mà sống.
Bớt phần, cúng Sa-môn
Vô Hoạn tối thượng đức.*

*Nhân đó sinh dòng Thích,
Tên là A-na-luật.
Hiểu rành về ca vũ;
Làm nhạc, thường hoan hỷ.*

*Tôi được gặp Thế Tôn
chính giác, như cam lồ.
Đã gặp, sinh tín tâm,
Bỏ nhà đi học đạo.*

*Tôi biết được đời trước,
Biết chỗ sinh trước kia;*

⁴ Vì trước đó đời sống vương tử của Ngài rất phong lưu và Mahānāma - anh ruột của Ngài - đã khó khăn lắm mới thuyết phục được Ngài đi xuất gia.

⁵ Tức, một vị A-la-hán.

*sinh Tam Thập Tam Thiên,
Bảy lần trú ở đó.*

*Đó bảy, đây cũng bảy;
Thọ sinh mười bốn lần,
Nhân gian và thiên thượng,
Chưa từng đọa ác đạo.*

*Nay biết rõ sinh tử,
Nơi chúng sinh qua lại;
Biết tâm người thị phi;
Hiền thánh, năm lạc thú;*

*Chúng năm chi thiền định⁶,
Thường định, tâm tĩnh mặc⁷.*

*Đã chứng đắc tịch tịnh
Liên đắc tịnh thiên nhãn.*

*Mục đích là học đạo;
Viễn ly, bỏ gia đình;
Nay ta đạt nghĩa ấy
Được vào cảnh giới Phật.*

*Ta không sợ chết,
Cũng chẳng mong sự sinh;
Thời nào cũng tự tại,
Kiến lập chính niệm trí.*

*Tỳ-da-ly, Trúc lâm⁸,
Ở đây, mạng ta dứt;
Ngay dưới rừng trúc này,
Nhập Vô dư Niết-bàn.*

⁶ Ngũ chi thiền định 五支禪定, Thiền định năm chi (Pāli: pañcaṅgikasaṁādhī): tức bốn cấp thiền trong đó Sơ thiền chia làm hai do sự khác biệt tâm (Pl. vitakka) và tứ (Pal. vicāra).

⁷ Pāli: *sante ekodibhāvite*, tịch tĩnh, chuyên nhất.

⁸ Tỳ-da-ly Trúc lâm 毘耶離竹林. Pāli: trong Vajji-Veluvagāma, một ngôi làng ở Vesali, xứ Vajjī (Bạt Kỳ); Anuruddha sẽ nhập Niết-bàn ở đó.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở chỗ tĩnh tọa, bằng thiên nhĩ thanh tịnh vượt xa hơn người thường, nghe các Tỳ-kheo sau bữa ăn trưa tụ tập tại giảng đường cùng bàn luận về vấn đề ấy. Nghe xong, vào buổi xế chiều, Đức Thế Tôn rời chỗ tĩnh tọa đứng dậy, đi đến giảng đường, trải chỗ ngồi trước chúng Tỳ-kheo mà ngồi, rồi hỏi rằng:

“Này các Tỳ-kheo, hôm nay các người [509c] vì chuyện gì mà tụ tập tại giảng đường?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, hôm nay vì Tôn giả A-na-luật nhân chuyện quá khứ mà thuyết pháp nên chúng con tụ tập tại giảng đường.”

Rồi thì, Đức Thế Tôn nói:

“Bây giờ các người có muốn nghe nhân chuyện vị lai mà Phật thuyết pháp chăng?”

Các Tỳ-kheo thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, nay thật đúng thời. Bạch Thiện Thệ, nay thật đúng thời. Nếu Thế Tôn nhân chuyện vị lai mà thuyết pháp cho các Tỳ-kheo, thì các Tỳ-kheo sau khi nghe sẽ khéo thọ trì.”

Đức Thế Tôn nói:

“Này các Tỳ-kheo, hãy lắng nghe và khéo mà thọ trì, suy nghĩ, ghi nhớ! Ta phân biệt diễn thuyết rộng rãi cho các người.”

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời ngồi nghe. Đức Thế Tôn nói:

“Này các Tỳ-kheo, một thời gian lâu xa ở vị lai, sẽ có lúc mà nhân dân thọ đến tám vạn tuổi. Lúc con người thọ đến tám vạn tuổi thì châu Diêm-phù này giàu có cùng tốt, an lạc cùng tốt, dân chúng đông đúc, thôn ấp gần nhau bằng khoảng cách của con gà bay.

“Này các Tỳ-kheo, lúc con người thọ đến tám vạn tuổi thì con gái đến năm trăm tuổi mới lấy chồng.

“Này các Tỳ-kheo, lúc con người thọ tám vạn tuổi⁹ thì chỉ những bệnh như thế này: nóng, lạnh, đại tiểu tiện, tham dục, ăn uống, già¹⁰ và ngoài

⁹ Từ đây trở xuống, tham chiếu kinh 70 phần sau. Tham chiếu, Hán, No 1(6): kinh CHuyển luân vương tu hành. Pāli, D. 26 Cakkacattīsīhanā-suttanta.

¹⁰ Pāli (D.26), chỉ có ba chứng bệnh: ham muốn (*icchā*), đói bụng (*anasana*) và

ra không có tai họa nào khác.

Này các Tỳ-kheo, lúc con người thọ tám vạn tuổi có vua tên là Loa¹¹, là Chuyển luân vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân chinh trị thiên hạ, tự do tự tại, là Pháp vương theo đúng như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu là: xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, tướng quân báu. Đó là bảy báu. vua có đầy đủ một ngàn người con trai, dung mạo khôi ngô, dũng mãnh, không khiếp sợ, hàng phục được địch quân. vua thống lĩnh quả đất này cho đến bờ biển, không dùng đao gậy mà chỉ đem pháp để trị hóa, khiến dân chúng được an lạc. Có cây phước bằng vàng lớn,¹² được trang hoàng bằng các thứ châu báu, treo cao một ngàn khuỷu tay, chu vi mười tám khuỷu tay, sẽ do vua dựng lên. Sau khi dựng xong, ngay phía dưới tổ chức bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, người nghèo khổ cô độc từ các phương xa lại xin, đem đồ ăn thức uống, áo chăn, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, bột hương, nhà cửa, giường nệm, đệm lông, khăn quần và cung cấp dầu đèn... Sau khi bố thí như vậy, vua cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Mục đích mà thiện gia nam tử kia cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, duy chỉ cầu đắc vô thượng phạm hạnh, ngay trong đời này mà tự tri tự giác, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trú, biết như thật rằng: Sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa.”

Bấy giờ có Tôn giả [510a] A-di-đa¹³ đang ngồi trong chúng. Tôn giả A-di-đa từ chỗ ngồi đứng dậy, kéo lệch tay áo đang mặc, chấp tay hướng về Đức Phật mà bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn! Một thời gian lâu dài ở vị lai, lúc con người thọ đến tám

già (*jāra*).

¹¹ Loa 螺. Pāli: Saṅkha (trương-khư, vỏ sò).

¹² Đại kim tràng 大金幢. Xem No 1(6): Đại bảo tràng 大寶幢. D. 26 (iii 76): *so yūpo raññā mahāpanādena kārāpito*, vua cho dựng cung điện được thiết lập bởi vua Mahāpanāda. Trong đó, yūpa: cột tế đàn, cũng có nghĩa cung điện.

¹³ A-di-đa 阿夷多. Pāli: Ajita. Trong bản kinh này, A-di-đa (Ajita) và Di-lặc (Mettaya) là hai nhân vật được thọ ký, một người làm vua và một người làm Phật.

vạn tuổi, con sẽ có thể được làm vua, hiệu là Loa, là Chuyển luân vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân chinh trị thiên hạ, tự do tự tại, là vị Pháp vương theo đúng như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu là xe báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, tướng quân báu, đó là bảy báu. Con sẽ có đủ một ngàn người con dung mạo khôi ngô, dũng mãnh không khiếp sợ, hàng phục được địch quân. Con sẽ thống lĩnh trọn quả đất này cho đến biển cả, không dùng đao gậy, chỉ đem pháp giáo hóa, khiến cho nhân dân an lạc. Con sẽ có cây phướn lớn bằng vàng, được trang hoàng bằng các loại châu báu, treo cao một ngàn khuỷu tay, do con dựng lên. Sau khi dựng xong, ngay bên dưới, tổ chức bố thí cho hàng Sa-môn, Bà-la-môn, kẻ khốn khổ cô độc từ phương xa lại xin, đem đồ ăn thức uống, áo chăn, xe cộ, tràng hoa, bột hương, nhà cửa, giường nệm, nệm lông, khăn quần và cung cấp đèn dầu. Sau khi bố thí xong, con liền cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, xuất gia học đạo. Con sẽ vì mục đích mà thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, duy chỉ cầu đắc vô thượng phạm hạnh, ngay trong đời này mà tự tri tự giác, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trú, biết như thật rằng: Sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn quở Tôn giả A-di-đa rằng:

“Ngươi là kẻ ngu si, chỉ nên chết thêm một lần, sao lại mong một lần tái sinh nữa? Vì sao như thế? Vì ngươi nghĩ rằng: Bạch Thế Tôn! Một thời gian lâu dài ở vị lai, lúc con người thọ đến tám vạn tuổi, con có thể được làm vua, hiệu là Loa, là Chuyển luân vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân chinh trị thiên hạ, tự do tự tại, là vị Pháp vương theo đúng như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu là xe báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, tướng quân báu, đó là bảy báu. Con có đủ một ngàn người con dung mạo khôi ngô, dũng mãnh không khiếp sợ, hàng phục được địch quân. Con thống lĩnh trọn quả đất này cho đến biển cả, không dùng đao gậy, chỉ đem pháp giáo hóa, khiến cho nhân dân an lạc. Con có cây phướn lớn bằng vàng, được trang hoàng bằng các loại châu báu, treo cao một ngàn khuỷu tay, do con dựng lên. Sau khi dựng xong, ngay bên dưới, tổ chức bố thí cho hàng Sa-môn, Bà-la-môn, kẻ khốn khổ cô độc từ [510b] phương xa lại xin, đem đồ ăn thức uống, áo chăn, xe cộ, tràng hoa, bột hương, nhà cửa, giường nệm, nệm lông, khăn quần và cung cấp đèn dầu.

Sau khi bố thí xong, con liền cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, xuất gia học đạo. Con vì mục đích mà thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, duy chỉ cầu đắc vô thượng phạm hạnh, ngay trong đời này mà tự tri tự giác, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trú, biết như thật rằng: Sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa.”

Đức Thế Tôn bảo rằng:

“Này A-di-đà! Một thời gian lâu dài ở vị lai, người sẽ làm vua hiệu là Loa, một vị Chuyển luân vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân chinh trị thiên hạ, tự do tự tại, là vị Pháp vương theo đúng như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu đó là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu, đó là bảy báu. Người sẽ có đủ một ngàn người con dung mạo khôi ngô, dũng mãnh không khiếp sợ, hàng phục được địch quân. Người sẽ thống lĩnh toàn quả đất này cho đến biển cả, không dùng đao gậy, chỉ đem pháp giáo hóa khiến cho nhân dân an lạc. Người sẽ có một cây phướn lớn bằng vàng, được trang hoàng bằng các loại châu báu, dựng cao một ngàn khuỷu tay, do người dựng lên. Sau khi dựng lên, ngay bên dưới, tổ chức bố thí cho hàng Sa-môn, Bà-la-môn, kẻ cùng khổ, cô độc từ các phương xa lại xin; đem đồ ăn, thức uống, áo chăn, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, bột hương, nhà cửa, giường nệm, nệm lông, khăn quần, cung cấp đèn dầu... Sau khi bố thí xong, người liền cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Người vì mục đích mà thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, chỉ vì cầu vô thượng phạm hạnh, ngay trong đời hiện tại mà tự tri, tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trú, biết như thật rằng: ‘Sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa’.”

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Một thời gian lâu dài ở thời vị lai, lúc con người thọ tám vạn tuổi sẽ có Đức Phật hiệu là Di-lặc¹⁴, Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác,

¹⁴ Di-lặc 彌勒. Pāli: Mettaya.

Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn; cũng như hôm nay Ta đã thành vị Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

“Đức Phật ấy ở trong đời này gồm Chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, từ người cho đến trời, mà tự tri tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trụ. Cũng như hôm nay Ta ở trong đời này gồm Chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, từ người cho đến trời, mà tự tri tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trụ.

“Đức Phật ấy sẽ thuyết pháp, phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần sau cũng vi diệu, có nghĩa, có văn, hiển hiện phạm hạnh đầy đủ thanh tịnh. Cũng như Ta hôm nay, thuyết pháp phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần sau cũng vi diệu, có nghĩa, có văn, hiển hiện phạm hạnh đầy đủ thanh tịnh.

“Đức Phật ấy sẽ quảng diễn, lưu bố phạm hạnh với những đại hội vô lượng, từ người cho đến trời, khéo phát khởi, hiển hiện. Cũng như Ta hôm nay quảng diễn, lưu bố phạm hạnh với những đại hội vô lượng, từ người cho đến trời, khéo phát khởi, hiển hiện.

“Đức Phật ấy sẽ có vô lượng trăm ngàn chúng Tỳ-kheo, cũng như Ta hôm nay có vô lượng trăm ngàn chúng Tỳ-kheo¹⁵.”

Bấy giờ Tôn giả Di-lặc đang ở trong chúng ấy, từ chỗ ngồi đứng dậy, kéo lệch áo đang mặc, vòng tay hướng về Đức Phật, thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn! Một thời gian lâu dài ở thời vị lai, lúc con người thọ mạng đến tám vạn tuổi, con sẽ thành Phật hiệu là Di-lặc Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Cũng như bây giờ Đức Thế Tôn là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

“Con sẽ ở trong đời này gồm Chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn,

¹⁵ Pāli: *so anekasahassam... (seyyathā pi'ham) anekasatam...* vị ấy có vài nghìn... (cũng như Ta) có vài trăm...

từ người cho đến trời, mà tự tri tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trụ. Cũng như hôm nay Thế Tôn ở trong đời này gồm Chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, từ người cho đến trời, mà tự tri tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trụ.

“Con sẽ thuyết pháp, phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần sau cũng vi diệu, có nghĩa, có văn, hiển hiện phạm hạnh đầy đủ thanh tịnh. Cũng như Thế Tôn hôm nay, thuyết pháp phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần sau cũng vi diệu, có nghĩa, có văn, hiển hiện phạm hạnh đầy đủ thanh tịnh.

“Con sẽ quảng diễn, lưu bố phạm hạnh với những đại hội vô lượng, từ người cho đến trời, khéo phát khởi, hiển hiện. Cũng như Thế Tôn hôm nay quảng diễn, lưu bố phạm hạnh với những đại hội vô lượng, từ người cho đến trời, khéo phát khởi hiển hiện.

“Con sẽ có vô lượng trăm ngàn chúng Tỳ-kheo, cũng như hiện giờ Thế Tôn có vô lượng trăm ngàn chúng Tỳ-kheo.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn tán thán Tôn giả Di-lặc rằng:

“Lành thay! Lành thay! Di-lặc, người phát tâm cực diệu là dẫn lãnh đại chúng. Lý do vì sao? Vì người đã nghĩ:

“– Bạch Thế Tôn! Một thời gian lâu dài ở thời vị lai, lúc con người thọ mạng đến tám vạn tuổi, con sẽ [511a] thành Phật hiệu là Di-lặc Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn. Cũng như bây giờ Đức Thế Tôn là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Con sẽ ở trong đời này gồm Chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, từ người cho đến trời, mà tự tri tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trụ. Cũng như hôm nay Thế Tôn ở trong đời này gồm Chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, từ người cho đến trời, mà tự tri tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trụ. Con sẽ thuyết pháp, phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần sau cũng vi diệu, có nghĩa, có văn, hiển hiện phạm hạnh đầy đủ thanh tịnh. Cũng như Thế Tôn hôm nay, thuyết pháp phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần sau cũng vi diệu, có nghĩa, có văn, hiển hiện phạm hạnh đầy đủ thanh tịnh. Con sẽ quảng diễn, lưu bố phạm hạnh với

những đại hội vô lượng, từ người cho đến trời, khéo phát khởi, hiển hiện. Cũng như Thế Tôn hôm nay quảng diễn, lưu bố phạm hạnh với những đại hội vô lượng, từ người cho đến trời, khéo phát khởi hiển hiện.”

Đức Phật lại nói:

“Này Di-lặc, vào một thời gian lâu dài ở thời vị lai, lúc con người thọ đến tám vạn tuổi, người sẽ thành Phật hiệu là Di-lặc Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Giống như Ta hiện nay là Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

“Người sẽ ở trong đời này gồm Chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, từ người cho đến trời, mà tự tri tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trụ. Cũng như hôm nay Ta ở trong đời này gồm Chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, từ người cho đến trời, mà tự tri tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trụ.

“Người sẽ thuyết pháp, phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần sau cũng vi diệu, có nghĩa, có văn, hiển hiện phạm hạnh đầy đủ thanh tịnh. Cũng như Ta hôm nay, thuyết pháp phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần sau cũng vi diệu, có nghĩa, có văn, hiển hiện phạm hạnh đầy đủ thanh tịnh.

“Người sẽ quảng diễn, lưu bố phạm hạnh với những đại hội vô lượng, từ người cho đến trời, khéo phát khởi, hiển hiện. Cũng như Ta hôm nay quảng diễn, lưu bố phạm hạnh với những đại hội vô lượng, từ người cho đến trời, khéo phát khởi hiển hiện.

“Người sẽ có vô lượng trăm ngàn chúng Tỳ-kheo, cũng như hiện giờ Ta có vô lượng trăm ngàn chúng Tỳ-kheo.”

Bấy giờ, Tôn giả A-nan cảm quật đứng hầu Phật. Lúc đó, [511b] Đức Thế Tôn quay lại bảo:

“Này A-nan, người hãy lấy tấm y được dệt bằng sợi tơ vàng dệt mang lại đây. Nay Ta muốn cho Tỳ-kheo Di-lặc.”

Bấy giờ Tôn giả A-nan vâng lời Đức Thế Tôn, liền lấy tấm y được dệt bằng sợi tơ vàng dệt mang lại trao cho Đức Thế Tôn. Sau khi Đức Thế Tôn nhận tấm y được dệt bằng chỉ vàng từ Tôn giả A-nan, Ngài bảo:

“Này Di-lặc, người hãy nhận tám y được dệt bằng chỉ vàng này từ Như Lai mà bố thí cho Phật, Pháp và Đại chúng. Lý do vì sao? Này Di-lặc, các Đức Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác vì muốn cứu hộ thế gian và mong cầu thiện lợi và hữu ích, mong an ổn khoái lạc.”

Bấy giờ Tôn giả Di-lặc nhận lấy tám y dệt bằng chỉ vàng từ Đức Như Lai xong, liền dâng cúng cho Phật, Pháp và Đại chúng.

Lúc ấy Ma Ba-tuần liền nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm này đang trú tại Ba-la-nại, ở trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ. Vị ấy nhân chuyện vị lai mà thuyết pháp cho các đệ tử. Ta hãy đến đây để gây nhiễu loạn.”

Rồi Ma Ba-tuần đi đến chỗ Đức Phật, hướng về Ngài và nói bài tụng rằng:

*Người ấy tất sẽ được
Dung mạo diệu đệ nhất;
Thân tràng hoa anh lạc,
Ngọc sáng đeo cánh tay.
Nếu ở thành Kê-đầu¹⁶,
Trong bờ cõi vua Loa.*

Bấy giờ Đức Thế Tôn nghĩ rằng: “Ma Ba-tuần này đến chỗ Ta muốn gây nhiễu loạn.” Đức Thế Tôn sau khi đã biết là Ma Ba-tuần liền nói bài tụng:

*Người ấy tất sẽ được
Tối Thắng Lâm¹⁷ không nghi ngại
Dứt sinh, lão, bệnh, tử;
Vô lậu, việc làm xong.
Ai tu hành phạm hạnh,
Sẽ ở cõi Di-lặc.*

Ma Ba-tuần lại nói bài kệ:

*Người ấy tất sẽ được
Y phục tối thượng diệu;
Thân ướp trầm chiên-đàn,
Tay chân đầy châu ngọc;*

¹⁶ Kê-đầu thành 雞頭城, Pāli: Ketumatī nơi mà Saṅkha là Chuyển luân vương.

¹⁷ Nguyên Hán: Vô phục, dịch nghĩa của A-dật-da (Pāli: Ajjita), cũng dịch nghĩa là Vô Năng Thắng.

Nếu ở thành Kê-đầu

Sẽ ở cõi Loa vương.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói bài tụng:

Người ấy tất sẽ được

Vô chủ và vô gia;

Tay không cầm vàng ngọc,

Vô vi, không sầu não;

Nếu tu hành phạm hạnh,

Sẽ ở cõi Di-lặc.

[511c] Ma Ba-tuần lại nói bài tụng:

Người kia tất sẽ được

Danh, tài, ẩm thực diệu;

Khéo hiểu rành ca vũ,

Tạo nhạc, thường hoan hỷ;

Sẽ ở cõi Loa vương.

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại nói bài tụng:

Người ấy tất qua bờ;

Như chim phá lưới ra;

Chứng trụ thiên tự tại;

Đủ lạc, thường hoan hỷ.

Này Ma, người nên biết,

Ta đã hàng phục người.

Lúc đó Ma vương lại nghĩ: “Thế Tôn biết ta. Thiện Thệ biết ta.” Nghĩ vậy, nó buồn bã, sầu não, không thể ở lại, liền biến mất, không thấy ở chỗ ấy nữa.

Phật thuyết như vậy. Tôn giả Di-lặc, A-di-đà, A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.¹⁸



¹⁸ Bản Hán, hết quyển 13.

67. KINH ĐẠI THIÊN NẠI LÂM

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Tì-đà-đề cùng với đại chúng Tỳ-kheo, đi đến Di-tát-la, trú trong rừng xoài của Đại Thiên¹.

Bấy giờ đang giữa đường đi, Đức Thế Tôn mỉm cười rạng rỡ. Tôn giả A-nan thấy Đức Thế Tôn mỉm cười liền chấp tay hướng về Phật, thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, vì nhân duyên gì mà Ngài mỉm cười? Các Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, nếu không có nhân duyên gì thì không bao giờ mỉm cười. Mong Ngài nói cho con được biết ý đó.”

Đức Thế Tôn bảo:

“Này A-nan, thuở xưa, trong rừng xoài, thuộc xứ Di-tát-la này, ở đây có Vua tên là Đại Thiên², là [512a] Chuyển luân vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân chinh trị thiên hạ, tự do tự tại, là vị Pháp vương như pháp, thành tựu bảy báu, được bốn đức như ý của loài người.

“Này A-nan, Vua Đại Thiên ấy thành tựu bảy báu là những gì? Đó là, bánh xe báu, voi báu, ngọc báu, nữ báu, ngựa báu, cư sĩ báu, tướng quân báu. Đó là bảy báu.

“Này A-nan, Vua Đại Thiên thành tựu bánh xe báu là như thế nào?

“Này A-nan! Bấy giờ vào ngày rằm, là ngày thuyết Biệt giải thoát³, sau khi tắm gội, Vua Đại Thiên ngự trên chính điện. Từ phương Đông có vật báu là bánh xe trời⁴ hiện đến. Bánh xe trời có đủ một ngàn cãm và đầy đủ tất cả bộ phận, thanh tịnh tự nhiên, chẳng phải do người tạo ra, màu sắc như ánh lửa, chói lọi sáng ngời. Vua Đại Thiên trông thấy liền hoan hỷ,

¹ Tì-đà-đề 鞞陀提. Pāli: Videha, mà thủ phủ là Mithilā (Di-tát-la 彌薩囉). Đại thiên Nại lâm 大天奈林 là khu rừng xoài của Makhādeva (bản Hán đọc là Mahādeva), một vị vua trong thời quá khứ mà triều đại tiếp theo thuộc về Okkāka, tổ phụ của dòng họ Thích.

² Đại Thiên 大天. Pāli: Makhādeva (hoặc viết Maghadeva).

³ Thuyết Tòng giải thoát 說從解脫. Pāli, thành cú: *tadahuposathe pannarase*, vào ngày 15, ngày trai giới. Từ đoạn này cho đến đoạn vua xuất gia, không có trong bản Pali. Tham khảo D. 17. Mahāsudassanasutta.

⁴ Thiên luân bảo 天輪寶. Pāli: dibbacakkaratna.

ngẫm thâm: ‘Bánh xe báu cao quý⁵ đã xuất hiện! Bánh xe vi diệu đã xuất hiện. Ta cũng từng nghe người xưa bảo rằng: Vào ngày rằm, là ngày thuyết Biệt giải thoát giới, sau khi đã tắm gội và ngự trên chính điện, vua Đánh sinh Sát-lị lên ngôi trên chính điện, khi ấy có bánh xe báu từ phương Đông hiện đến. Bánh xe báu có đủ tất cả một ngàn cãm và đầy đủ tất cả bộ phận, thanh tịnh tự nhiên chứ không do người tạo ra, màu sắc như ánh lửa, chói lọi sáng ngời. Vì vậy tất sẽ là Chuyển luân vương. Ta há không là Chuyển luân vương sao?’

“Này A-nan, thuở xưa, khi Vua Đại Thiên muốn đích thân thí nghiệm bánh xe báu, bèn cho tụ tập bốn loại quân là quân voi, quân ngựa, quân xe và quân bộ. Sau khi cho tụ tập bốn loại quân xong, Vua đi đến chỗ bánh xe báu, dùng tay trái vỗ về, dùng tay phải lăn bánh xe báu mà nói rằng: ‘Hãy theo bánh xe báu; hãy theo đến nơi nào bánh xe báu lăn đến’.

“Này A-nan, bánh xe báu ấy khi đã chuyển động liền lăn về hướng Đông. Lúc đó Vua Đại Thiên và bốn loại quân cũng đi theo sau. Bánh xe báu ngừng lại chỗ nào thì Vua Đại Thiên và bốn loại quân dừng lại chỗ ấy.

“Bấy giờ, các Tiểu quốc vương ở phương Đông đều đi đến chỗ Vua Đại Thiên, tâu rằng:

“– Kính chào Thiên vương. Tâu Thiên vương, các nước này rất giàu có và an lạc, nhân dân đông đúc, đều hoàn toàn thuộc về Thiên vương. Mong Thiên vương đem pháp trị hóa. Chúng tôi sẽ phụ tá Thiên vương.

“Bấy giờ, vua Đại Thiên bảo các tiểu vương:

“– Các khanh, mỗi vị hãy tự quản lãnh lấy lãnh thổ của mình. Hãy áp dụng pháp, chớ áp dụng phi pháp. Đừng để trong nước mình có những người tạo ác nghiệp và phi phạm hạnh.

“Này A-nan, bánh xe báu ấy qua khỏi phương Đông, vượt qua biển lớn ở phương Đông, quay về phương Nam, phương Tây và phương Bắc.

“Này A-nan, [512b] tùy the bánh xe báu lăn chuyển đến đâu thì Vua Đại Thiên cùng bốn loại quân cũng đều đi theo sau đến đó. Bánh xe báu ngừng lại chỗ nào, Đại Thiên và bốn loại quân đóng lại ở chỗ ấy.

“Bấy giờ, các Tiểu quốc vương ở phương Bắc đều đi đến chỗ Vua Đại

⁵ Hiền luân bảo 賢輪寶. Pāli: *bhavam cakkaratnam*.

Thiên, tâu rằng:

“– Kính chào Thiên vương! Tâu Thiên vương, các nước này rất giàu có và an lạc, nhân dân đông đúc, đều hoàn toàn thuộc về Thiên vương. Mong Thiên vương đem pháp trị hóa. Chúng tôi sẽ phụ tá Thiên vương.

“Bấy giờ, vua Đại Thiên bảo các tiểu vương:

“– Các khanh, mỗi vị hãy tự quản lãnh lấy lãnh thổ của mình. Hãy áp dụng pháp, chớ áp dụng phi pháp. Đừng để trong nước mình có nhữchnhữ tạo ác nghiệp và phi phạm hạnh.

“Này A-nan, bánh xe báu ấy qua phương Bắc, vượt qua biển lớn phương Bắc rồi trở lại bản thành của Vua. Khi Vua Đại Thiên ngự trên chính điện đoán lý tài vật⁶ thì Bánh xe báu ngừng giữa hư không. Đó là vua Đại Thiên thành tựu Bánh xe báu báu như thế.

“Này A-nan, Vua Đại Thiên thành tựu voi báu như thế nào?

“Này A-nan, bấy giờ, Vua Đại Thiên có voi báu xuất hiện. Voi ấy trắng toát, có bảy chi, tên là Vu-sa-hạ⁷. Sau khi trông thấy, Vua Đại Thiên hoan hỷ, phấn khởi, nghĩ rằng: ‘Nếu được huấn luyện thì nó hết sức khôn’.

“Này A-nan, sau đó vua Đại Thiên bảo tượng sư rằng: ‘Ngươi hãy mau huấn luyện con voi này cho hết sức thuần thiện. Nếu voi đã thuần thì đến cho ta hay’. Bấy giờ tượng sư vâng lệnh vua, đến chỗ voi báu, nhanh chóng huấn luyện, khiến nó trở nên hết sức thuần thiện. Khi voi báu được chế ngự và huấn luyện rất kỹ, nó nhanh chóng trở nên thuần thiện. Cũng như thỏ xưa voi tốt sống vô lượng trăm ngàn năm, đã trải qua vô lượng trăm ngàn năm được chế ngự và huấn luyện rất kỹ, nhanh chóng trở nên thuần thiện. Voi báu này cũng giống như vậy, được chế ngự và huấn luyện rất kỹ, nó nhanh chóng trở nên thuần thiện.

“Này A-nan, bấy giờ tượng sư nhanh chóng huấn luyện voi báu, khiến nó trở nên thuần thiện. Sau khi voi báu đã được huấn luyện, tượng sư liền đến chỗ vua tâu rằng: ‘Tâu Thiên vương, mong Thiên vương biết cho, tôi đã chế ngự và huấn luyện; voi báu đã thuần, nay tùy theo ý của Thiên vương’.

⁶ *Đoán lý* 斷理, TNM: *liệu lý* 料理; tức xử lý tài vật hay tài sản.

⁷ Vu-sa-hạ 于裟賀. Pāli: Uposatha (Bổ-tát).

“Này A-nan, thuở ấy, khi vua Đại Thiên thí nghiệm voi báu, vào buổi sáng mai mặt trời mọc, liền đến chỗ voi, cỡi voi báu ấy và đi cùng khắp cả cõi đất cho đến đại hải, rồi nhanh chóng trở lại bản thành của vua. Vua Đại Thiên thành tựu voi trắng báu như thế.

“Này A-nan, Vua Đại Thiên thành tựu ngựa báu như thế nào?

“Này A-nan, bấy giờ, vua Đại Thiên có ngựa báu xuất hiện. Ngựa báu ấy có sắc xanh mướt, [512c] đầu đen như quạ. Vì ngựa được trang nghiêm bằng bộ lông nên gọi là Mao mã vương⁸. Sau khi trông thấy, vua Đại Thiên hoan hỷ, phấn khởi, nghĩ rằng: ‘Nếu được huấn luyện thì nó hết sức khôn’.

“Này A-nan, sau đó Vua Đại Thiên bảo mã sư rằng: ‘Ngươi hãy mau huấn luyện con ngựa này cho hết sức thuần thiện. Nếu ngựa đã thuần thì đến cho ta hay’. Bấy giờ mã sư vâng lệnh vua, đến chỗ ngựa báu, nhanh chóng huấn luyện, khiến nó trở nên hết sức thuần thiện. Khi ngựa báu được chế ngự và huấn luyện rất kỹ, nó nhanh chóng trở nên thuần thiện. Cũng như thuở xưa ngựa tốt sống vô lượng trăm ngàn năm, đã trải qua vô lượng trăm ngàn năm được chế ngự và huấn luyện rất kỹ, nhanh chóng trở nên thuần thiện. Ngựa báu này cũng giống như vậy, được chế ngự và huấn luyện rất kỹ, nó nhanh chóng trở nên thuần thiện.

“Này A-nan, bấy giờ mã sư nhanh chóng huấn luyện ngựa báu, khiến nó trở nên thuần thiện. Sau khi ngựa báu đã được huấn luyện, mã sư liền đến chỗ vua tâu rằng: ‘Tâu Thiên vương, mong Thiên vương biết cho, tôi đã chế ngự và huấn luyện; ngựa báu đã thuần, nay tùy theo ý của Thiên vương’.

“Này A-nan, thuở ấy, khi vua Đại Thiên thí nghiệm ngựa báu, vào buổi sáng mai mặt trời mọc, liền đến chỗ ngựa, cỡi ngựa báu ấy và đi cùng khắp cả cõi đất cho đến đại hải, rồi nhanh chóng trở lại bản thành của vua. Vua Đại Thiên thành tựu ngựa báu sắc xanh như thế.

“Này A-nan, Vua Đại Thiên thành tựu ngọc báu như thế nào?

“Này A-nan, bấy giờ, vua Đại Thiên có bá minh châu xuất hiện. Hạt châu ấy trong suốt tự nhiên, không do ai tạo, tám cạnh không bấn, được mài dũa cực đẹp, được xâu qua bằng sợi dây ngũ sắc: xanh, vàng, đỏ, trắng,

⁸ Mao mã vương 髦馬王, Mã vương có bờm. Pāli: Valāhaka (Vân mã vương).

đen.

“Này A-nan, lúc Vua Đại Thiên ở trong cung điện, muốn có ánh sáng của đèn, tức thì sử dụng hạt minh châu.

“Này A-nan, thuở xưa, khi vua Đại Thiên muốn thử châu báu, bèn cho tụ tập bốn loại quân lại là quân voi, quân ngựa, quân xe và quân bộ. Sau khi tụ tập bốn loại quân xong, vào lúc đêm tối, vua cho dựng một cây phướn cao, cho đặt hạt châu trên ấy, rồi đến công viên để nhìn. Ánh sáng của ngọc chiếu khắp bốn loại quân, soi đến nửa do-tuần. Vua Đại Thiên thành tựu ngọc báu là như thế.

“Này A-nan, vua Đại Thiên thành tựu nữ báu là như thế nào?

“Này A-nan, bấy giờ, vua Đại Thiên có Nữ báu xuất hiện. Nữ báu ấy có thân thể trong trắng, tinh khiết, nõn nà, sắc đẹp hơn người, không nhường thiên nữ, tư dung xinh đẹp, ai nhìn cũng thấy khoan khoái; miệng tỏa mùi hương hoa sen xanh thơm phức; từ các lỗ chân lông trên người toát mùi hương chiên-đàn. Về mùa đông thì thân ấm áp, về mùa hè thì thân mát mẻ. Nữ báu ấy hết lòng hầu hạ vua, nói năng hòa nhã, làm việc nhanh chóng, thông minh trí tuệ, hoan hỷ thích làm [513a] việc lành; luôn nghĩ đến vua, tâm thường không rời, hướng nũa thân và miệng. Vua Đại Thiên thành tựu nữ báu vậy.

“Này A-nan, vua Đại Thiên thành tựu cư sĩ báu là như thế nào?

“Này A-nan, bấy giờ, vua Đại Thiên có Cư sĩ báu xuất hiện. Cư sĩ báu ấy giàu có cùng tột, của cải vô lượng, có nhiều súc vật chăn nuôi; phong hộ, thực ấp đầy đủ mọi thứ; có phước báo nên được thiên nhãn, thấy các kho báu, đầy hay trống đều thấy rõ; thấy có người thủ hộ hay không có người thủ hộ. Mỏ vàng, mỏ bạc, được chế biến hay chưa được chế biến⁹; đều thấy rõ cả.

“Này A-nan, Cư sĩ báu ấy đến trước Vua Đại Thiên tâu rằng: ‘Tâu Thiên vương, nếu Thiên vương muốn được vàng, và tiền bạc, thì Thiên vương chớ có lo buồn, vì hạ thần tự biết đúng thời’.

“Này A-nan, thuở xưa, khi Vua Đại Thiên muốn thí nghiệm cư sĩ báu, Vua cho chèo thuyền ra giữa sông Hằng, bảo rằng:

⁹ Hán:tác dĩ bất tác 作以不作.

“– Nay cư sĩ, ta muốn được vàng, và tiền bạc.

“Cư sĩ tâu:

“– Tàu Thiên vương, hãy cho thuyền cập bến.

“Khi ấy, vua Đại Thiên bảo:

“– Nay cư sĩ, ta muốn được ở chính giữa sông này.

“Cư sĩ tâu rằng:

“– Tàu Thiên vương, hãy cho thuyền ngừng lại.

“Này A-nan, bấy giờ Cư sĩ bấu đến trước mũi thuyền, thọc tay vào trong nước, lấy lên bốn kho tàng, là mỏ vàng, mỏ bạc, mỏ quặng hay không phải quặng,¹⁰ tâu rằng:

“– Tàu Thiên vương, xin tùy ý muốn, Thiên vương tha hồ sử dụng, còn bao nhiêu thì trả lại dưới sông.

“Đó là vua Đại Thiên thành tựu cư sĩ bấu.

“Này A-nan, Vua Đại Thiên thành tựu tướng quân bấu là như thế nào?

“Này A-nan, bấy giờ Vua Đại Thiên có Tướng quân bấu. Tướng quân ấy thông minh, trí tuệ, biện tài, nói hay, hiểu rộng. Tướng quân bấu sẽ thay Vua Đại Thiên thực hiện những mục đích đời này, khuyến cáo và an lập; thực hiện mục đích cho đời sau, khuyến cáo và an lập; thực hiện mục đích đời này, mục đích đời sau, khuyến cáo và an lập. Tướng quân bấu sẽ vì Vua Đại Thiên, nếu muốn tập hợp các quân là tập hợp được; nếu muốn giải tán là giải tán ngay; muốn cho binh lính thuộc bốn loại quân không mệt mỏi và khuyến khích giúp đỡ. Đối với các cận thần khác cũng vậy. Đó là vua Đại Thiên thành tựu tướng quân bấu.

“Này A-nan, vua Đại Thiên thành tựu bảy bấu như vậy.

“Này A-nan, vua Đại Thiên thành tựu bốn như ý túc¹¹ là như thế nào?

“Này A-nan, vua Đại Thiên ấy sống thật lâu, đến tám vạn bốn ngàn năm; thời con nít vui đùa đến tám vạn bốn ngàn năm; làm Tiểu quốc vương đến tám vạn bốn ngàn năm; làm Đại quốc vương đến tám [513b] vạn bốn ngàn năm; rồi cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình sống

¹⁰ Hán: tác tạng bất tác tạng 作藏不作藏.

¹¹ Bốn như ý túc 四如意足; No.1(2): bốn thần đức 神德. Pāli: *catasso iddhiyo*.

không gia đình, xuất gia học đạo, học Tiên nhân vương¹², tu hành phạm hạnh tại Di-tát-la này, trú trong rừng xoài Đại Thiên. Đây A-nan, đây là như ý túc thứ nhất của vua Đại Thiên: Vua Đại Thiên sống thật lâu, đến tám vạn bốn ngàn năm; thời con nít vui đùa đến tám vạn bốn ngàn năm; làm Tiểu quốc vương đến tám vạn bốn ngàn năm; làm Đại quốc vương đến tám vạn bốn ngàn năm; rồi cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình sống không gia đình, xuất gia học đạo, học Tiên nhân vương, tu hành phạm hạnh tại Di-tát-la này, trú trong rừng xoài Đại Thiên.

“Lại nữa, A-nan, vua Đại Thiên không có bệnh tật, thành tựu sự điều hòa của thực đạo¹³, không lạnh, không nóng, an ổn, khôchínhnức rức.

Do đó, đồ ăn thức uống được tiêu hóa dễ dàng. Đây A-nan, đây đức như ý túc thứ hai của Vua Đại Thiên: Vua Đại Thiên không có bệnh tật, thành tựu sự điều hòa của thực đạo, không lạnh, không nóng, an ổn, không bức rức; do đó đồ ăn thức uống tiêu hóa dễ dàng.

“Lại nữa, A-nan, vua Đại Thiên thân thể trắng trẻo, sạch sẽ, trong sáng, sắc đẹp hơn người, không kém gì thiên thần, đoan chính, đẹp đẽ, ai nhìn cũng thấy khoan khoái. Đây A-nan, đây là đức như ý túc thứ ba của Vua Đại Thiên: Vua Đại Thiên thân thể trắng trẻo, sạch sẽ, trong sáng, sắc đẹp hơn người, không kém gì thiên thần, đoan chính, đẹp đẽ, ai nhìn cũng thấy khoan khoái.

“Lại nữa, A-nan, vua Đại Thiên thường ái niệm các Bà-la-môn, Cư sĩ, như cha nghĩ đến con. Bà-la-môn, cư sĩ lại cũng kính trọng vua Đại Thiên như con kính cha. Đây A-nan, thuở xưa, vua Đại Thiên ở trong công viên, bảo người đánh xe rằng: ‘Hãy đánh xe đi chậm chậm. Ta muốn nhìn kỹ các Bà-la-môn, cư sĩ’. Bà-la-môn, cư sĩ cũng bảo người đánh xe: ‘Hãy đánh xe đi chậm chậm. Chúng tôi muốn nhìn kỹ đức vua Đại Thiên’. Đây A-nan, đây là đức như ý túc thứ tư của Vua Đại Thiên: Vua Đại Thiên thường ái niệm các Bà-la-môn, cư sĩ như cha nghĩ đến con; còn các Bà-la-môn, cư sĩ lại kính trọng vua Đại Thiên như con kính cha.

¹² Tiên nhân vương 仙人王. Pāli: *rājasi*, vị ân nguyên là vua.

¹³ Bình đẳng thực vị chi đạo 平等食味之道. Pāli: *samavepākin*, tiêu hóa dễ dàng (ăn uống dễ tiêu hóa).

“Này A-nan, đó là vua Đại Thiên được bốn đức như ý túc.

“Này A-nan, một thời gian sau, Vua Đại Thiên bảo thợ hớt tóc rằng:

“– Nếu người thấy đầu ta mọc tóc bạc thì cho ta hay.

“Bấy giờ thợ hớt tóc vâng lời vua bảo. [153c] Một thời gian sau đó, khi gội đầu cho vua, ông thấy mọc tóc bạc, liền tâu:

“– Tâu Thiên vương, mong Thiên vương biết cho, Thiên sứ đã đến¹⁴, đầu mọc tóc bạc.

“Vua Đại Thiên lại bảo thợ hớt tóc:

“– Người hãy lấy nhíp bằng vàng, từ từ nhổ tóc bạc bỏ vào bàn tay ta.

“Thợ hớt tóc vâng lệnh Vua bảo, liền lấy cái nhíp bằng vàng, từ từ nhổ tóc bạc bỏ vào bàn tay Vua.

“Này A-nan, Vua Đại Thiên tay nâng tóc bạc, nói bài tụng:

*Đầu ta mọc tóc bạc;
Thợ mạng đến hồi suy.
Thiên sứ đã đến rồi,
Nay lúc ta học đạo.*

“Này A-nan, sau khi thấy tóc bạc, Vua Đại Thiên bảo Thái tử:

“– Này Thái tử, hãy biết rằng Thiên sứ đã đến, đầu ta đã mọc tóc bạc. Này Thái tử, ta đã hưởng lạc dục thế gian, nay lại muốn cầu dục lạc thiên thượng. Này Thái tử, nay ta muốn cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chỉ tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Này Thái tử, nay ta muốn đem bốn châu thiên hạ này phò thác cho con. Con hãy trị vì, giáo hóa đúng như pháp, chớ dùng phi pháp; không để cho trong nước có những người tạo ác nghiệp, phi phạm hạnh. Này Thái tử, về sau nếu con thấy Thiên sứ đến, đầu mọc tóc bạc, thì con nên đem việc quốc chính của nước này trao lại cho Thái tử của con, khéo dạy bảo nó và trao đất nước lại cho nó, rồi con cũng nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chỉ tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Này Thái tử, nay ta chuyển giao pháp kế thừa¹⁵ này cho con. Con cũng phải chuyển giao lại pháp kế thừa này, chớ để cho

¹⁴ Xem kinh số 64.

¹⁵ *Tương kế chi pháp* 相繼之法. No.125 (50-4): *tương thiệu* 相紹.

nhân dân trở thành cực biên¹⁶. Nay Thái tử, tại sao nay ta chuyển trao pháp kế thừa này cho con, bảo con cũng phải chuyển trao pháp kế thừa này, chớ để cho nhân dân trở thành cực biên. Nay Thái tử, nếu trong nước này sự truyền trao bị đứt tuyệt, không được tiếp nối, thì đó là nhân dân trở thành cực biên. Vì thế cho nên, nay Thái tử, nay ta chuyển trao cho con. Nay Thái tử, ta đã chuyển trao pháp kế thừa này cho con thì con phải chuyển trao pháp kế thừa ấy lại, chớ để cho nhân dân trở thành cực biên.

“Này A-nan, Vua Đại Thiên ấy đem việc quốc chính của nước này phó thác cho Thái tử. Sau khi dạy bảo cặn kẽ xong, Vua cạo bỏ râu tóc, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, học Tiên nhân vương, tu hành phạm hạnh tại Di-tát-ta này, trú trong rừng xoài Đại thiên.

“Thái tử cũng là Chuyển luân vương thành tựu bảy báu, [514a] được phước đức, có bốn đức như ý của loài người như vua cha; như bảy báu và bốn đức như ý của loài người đã được nói trên.

“Này A-nan, vị Chuyển luân vương ấy về sau cũng bảo thợ hớt tóc rằng:

“– Nếu người thấy đầu ta mọc tóc bạc thì cho ta hay.

“Người thợ hớt tóc vâng lời vua bảo. Một thời gian sau đó, gọi đầu cho vua, ông thấy mọc tóc bạc, liền tâu:

“– Tâu Thiên vương, mong Thiên vương biết cho, Thiên sứ đã đến; đầu mọc tóc bạc.

“Vị Chuyển luân vương kia lại bảo thợ hớt tóc:

“– Ngươi hãy lấy nhíp bằng vàng, từ từ nhổ tóc bạc bỏ vào bàn tay ta.

“Lúc ấy, thợ hớt tóc vâng lệnh vua bảo, liền lấy cái nhíp bằng vàng, từ từ nhổ tóc bạc bỏ vào bàn tay vua.

“Này A-nan, Chuyển luân vương kia tay nâng tóc bạc, nói bài tụng:

*Đầu ta mọc tóc bạc;
Thợ mạng đến hồi suy.
Thiên sứ đã đến rồi,*

¹⁶ Hán: nhân dân đọa tại cực biên 人民墮在極邊. Pāli: *mā kho me tvaṃ antimapuriso ahosi*, “con chớ trở thành là người (kế thừa) cuối cùng của ta”. Bản Hán hiểu là *antama-puriso*.

Nay lúc ta học đạo.

“Này A-nan, sau khi thấy tóc bạc, Chuyển luân vương kia bảo Thái tử:

“– Này Thái tử, hãy biết rằng Thiên sứ đã đến, đầu ta đã mọc tóc bạc. Này Thái tử, ta đã hưởng lạc dục thế gian, nay lại chínhhầu dục lạc thiên thượng. Này Thái tử, nay ta muốn cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Này Thái tử, nay ta muốn đem bốn châu thiên hạ này phó thác cho con. Con hãy trị vì, giáo hóa đúng như pháp, chớ dùng phi pháp; không để cho trong nước có những người tạo ác nghiệp, phi phạm hạnh. Này Thái tử, về sau nếu con thấy Thiên sứ đến, đầu mọc tóc bạc, thì con nên đem việc quốc chính của nước này trao lại cho Thái tử của con, khéo dạy bảo nó và trao đất nước lại cho nó, rồi con cũng nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Này Thái tử, nay ta chuyển giao pháp kế thừa này cho con. Con cũng phải chuyển giao lại pháp kế thừa này, chớ để cho nhân dân trở thành cực biên. Này Thái tử, tại sao nay ta chuyển trao pháp kế thừa này cho con, bảo con cũng phải chuyển trao pháp kế thừa này, chớ để cho nhân dân trở thành cực biên? Này Thái tử, nếu trong nước này sự truyền trao bị dứt tuyệt, không được tiếp nối, thì đó là nhân dân trở thành cực biên. Vì thế cho nên, này Thái tử, nay ta chuyển trao cho con. Này Thái tử, ta đã chuyển trao pháp kế thừa này cho con thì con phải chuyển trao pháp kế thừa ấy lại, chớ để cho nhân dân trở thành [514b] cực biên.

“Này A-nan, Chuyển luân vương kia đem việc quốc chính của nước này phó thác cho Thái tử. Sau khi dạy bảo cặn kẽ xong, Vua cạo bỏ râu tóc, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, học Tiên nhân vương, tu hành phạm hạnh tại Di-tát-ta này, trú trong rừng xoài Đại Thiên.

“Này A-nan, đó là từ con đến con, từ cháu đến cháu, từ dòng họ đến dòng họ, từ kiến đến kiến¹⁷, lần lượt đến tám vạn bốn ngàn vị Chuyển luân vương, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, học Tiên nhân vương, tu hành phạm hạnh tại Di-tát-la này, trú trong rừng xoài Đại Thiên.

¹⁷ Tùng kiến chí kiến 從見至見(?)

“Vị vua sau cùng tên là Ni-di¹⁸, là một Pháp vương như pháp, thực hành pháp đúng như pháp; là vị vua vì thái tử, hậu phi, thể nữ và các thần dân, Sa-môn, Bà-la-môn cho đến côn trùng mà phụng trì trai giới vào những ngày mồng tám, mười bốn, mười lăm; tu hạnh bố thí, cho những kẻ nghèo khổ, Sa-môn, Bà-la-môn, cho đến những người cô độc từ các phương xa đến xin, đem đồ ăn thức uống, áo chăn, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, bột hương, nhà cửa, giường nệm, đệm lông, khăn quần, cung cấp đèn dầu...

“Bấy giờ Chư Thiên ở cõi trời Tam Thập Tam Thiên tụ tập ngồi tại Thiên pháp giảng đường¹⁹ hết lời xưng tán vua Ni-di như thế này: ‘Chư Hiền, người xứ Tì-đà-đề có đại thiện lợi, có đại công đức. Vì sao? Vì vua cuối cùng của họ là Ni-di, một Pháp vương như pháp, thực hành pháp đúng như pháp, là người đã vì thái tử, hậu phi, thể nữ và các thần dân, Sa-môn, Bà-la-môn cho đến côn trùng mà phụng trì trai giới vào những ngày mồng tám, mười bốn, mười lăm; tu hạnh bố thí, cho những người nghèo khổ, Sa-môn, Bà-la-môn, cho đến những người cô độc từ các phương xa đến xin, đem các đồ ăn thức uống, áo chăn, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, bột hương, nhà cửa, giường nệm, đệm lông, cung cấp khăn quần và đèn dầu...’

“Bấy giờ trời Thiên đế Thích cũng có trong chúng, bảo Chư Thiên Tam Thập Tam Thiên rằng:

“– Chư Hiền, các vị có muốn thấy vua Ni-di ngay tại nơi này không?

“Chư Thiên Tam Thập Tam Thiên đáp:

“– Thừa Câu-dực²⁰, chúng tôi muốn được đến ngay nơi ấy để yết kiến vua Ni-di.

“Bấy giờ, trong khoảnh khắc, như lực sĩ co duỗi cánh tay, Đế Thích ở cõi Tam Thập Tam Thiên bỗng nhiên biến mất không thấy và hiện ra ở cung điện vua Ni-di.

¹⁸ Ni-di 尼彌. Pāli: Nimi.

¹⁹ Thiên pháp giảng đường 善法講堂. Pāli: Sudhamma-sabhā, phòng hội của chư Thiên Tam thập tam (Pl. Tāvātimsa).

²⁰ Câu-dực 拘翼 (= Kiêu-thi-ca 憍尸迦). Pāli: Kosika hoặc Kosiya, hiệu của Thiên đế Thích.

“Lúc ấy, Vua Ni-di thấy Thiên đế Thích, liền hỏi:

“– Ông là ai?

“Thiên đế Thích đáp:

“– Đại vương có nghe đến Thiên đế Thích không?

“Đáp:

“– Tôi nghe nói có Đế Thích.

“– Đó chính là tôi vậy. Đại vương có đại thiện lợi, có [514c] đại công đức. Vì sao? Vì Chư Thiên ở cõi Tam Thập Tam Thiên tụ tập tại Thiện pháp giảng đường, hết lời xưng tán Đại vương thế này: ‘Chư Hiền, người xứ Tì-đà-đề có đại thiện lợi, có đại công đức. Vì sao? Vì vua cuối cùng của họ là Ni-di, một Pháp vương như pháp, thực hành pháp đúng như pháp, là người đã vì thái tử, hậu phi, thể nữ và các thần dân, Sa-môn, Bà-la-môn cho đến côn trùng mà phụng trì trai giới vào những ngày mồng tám, mười bốn, mười lăm; tu hạnh bố thí, cho những người nghèo khổ, Sa-môn, Bà-la-môn, cho những người cô độc từ các phương xa đến xin, đem các đồ ăn thức uống, áo chăn, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, bột hương, nhà cửa, giường nệm, đệm lông, cung cấp khăn quần và đèn dầu...’ Đại vương có muốn thấy Tam Thập Tam Thiên không?

“Vua đáp:

“– Tôi muốn thấy.

“Đế Thích lại bảo Vua Ni-di:

“– Tôi trở về cõi trời, sẽ ra lệnh trang nghiêm xa giá với một ngàn voi kéo đến. Đại vương cỡi xe dạo chơi, lên du lãm cõi trời.

“Bấy giờ, Vua Ni-di im lặng nhận lời. Đế Thích biết Vua Ni-di đã nhận lời; trong khoảnh khắc, như thời gian lực sĩ co duỗi cánh tay, biến mất khỏi cung điện Vua Ni-di mà trở về cõi Tam Thập Tam Thiên.

“Sau khi trở về, Đế Thích bảo người đánh xe:

“– Người hãy nhanh chóng trang nghiêm giá với một ngàn voi kéo, đến đón Vua Ni-di. Sau khi đến nơi, hãy tâu vua rằng: ‘Đại vương, nên biết, Đế Thích sai đánh cỗ xe có nghìn voi kéo này đến đón Đại vương. Đại vương hãy cỡi xe này dạo chơi, lên du lãm cõi trời’. Sau khi Vua đã lên xe, lại hỏi Vua rằng: ‘Đại vương muốn tôi đánh xe đi đường nào? Đi theo đường ác thọ ác báo? Hay diệu thọ diệu báo?’

“Người đánh xe vâng lệnh Đế Thích, tức thì trang nghiêm cỗ xe nghìn voi, đi đến Vua Ni-di. Đến nơi, tâu Vua rằng:

“– Đại vương, nên biết, Đế Thích sai đánh cỗ xe có nghìn voi kéo này đến đón Đại vương. Đại vương hãy cỡi xe này dạo chơi, lên du lãm cõi trời.

“Sau khi Vua Ni-di đã lên xe, người đánh xe lại hỏi rằng:

“– Đại vương muốn tôi đánh xe đi đường nào? Đi theo đường ác thọ ác báo? Hay diệu thọ diệu báo?”

“Bấy giờ Vua Ni-di bảo người đánh xe rằng:

“– Hãy đưa tôi đi giữa hai đường ác thọ ác báo và diệu thọ diệu báo.

“Người đánh xe liền đưa Vua đi giữa hai đường ấy, giữa ác thọ ác báo và diệu thọ diệu báo. Từ xa, Chư Thiên Tam Thập Tam Thiên trông thấy Vua Ni-di đi đến, sau khi trông thấy liền chúc lành rằng:

[515a]“– Kính chào Đại vương! Kính chào Đại vương! Đại vương có thể cùng sống chung hưởng lạc với Tam Thập Tam Thiên chúng tôi.

“Lúc ấy, Vua Ni-di nói bài tụng cho Chư Thiên Tam Thập Tam Thiên:

*Giống như kẻ cỡi nhờ,
Nhất thời tạm mượn xe;
Nơi đây cũng như vậy.
Vì là của kẻ khác.
Tôi về Di-tát-la,
Sẽ làm vsinh hộng thiện.
Nhân đó sinh cõi trời,
Tạo phước làm tư lương.*

“Này A-nan, Vua Đại Thiên thuở xưa ấy ông cho là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Nên biết vị ấy chính là Ta.

“Này A-nan, thuở xưa, Ta từ đời con đến đời con, từ đời cháu đến đời cháu, từ dòng họ đến dòng họ, lần lượt có đến tám vạn bốn ngàn Chuyển luân vương, từng cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, học Tiên nhân vương, tu hành phạm hạnh, tại Di-tát-la này trú trong rừng xoài Đại Thiên. Bấy giờ Ta tự làm lợi ích cho mình, cũng làm lợi ích cho kẻ khác, làm lợi ích cho mọi người. Ta thương xót thế gian, vì trời và vì người mà cầu nghĩa lợi, lợi

ích và an ổn khoái lạc. Khi ấy, Ta thuyết pháp không đến chỗ rốt ráo, không rốt ráo bạch tịnh, không rốt ráo phạm hạnh. Vì không rốt ráo phạm hạnh, lúc ấy Ta không thoát ly khỏi sự sinh, tuổi già, bệnh tật, sự chết, khóc than, áo não; cũng chưa thể thoát ra ngoài mọi khổ đau.

“Này A-nan, nay Ta xuất hiện ở đời, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, gọi là Phật, Thế Tôn. Nay Ta làm lợi ích cho mình, cũng làm lợi ích cho người khác, làm lợi ích cho mọi người. Ta thương xót thế gian, vì trời và người mà cầu nghĩa lợi và lợi ích, cầu an ổn khoái lạc. Nay Ta thuyết pháp đã đến chỗ rốt ráo bạch tịnh, rốt ráo phạm hạnh. Vì đã rốt ráo phạm hạnh, nay Ta lìa khỏi sự sinh, tuổi già, bệnh tật, sự chết, khóc than, áo não. Nay Ta đã thoát mọi khổ đau.

“Này A-nan, nay Ta chuyển trao pháp kế thừa này cho ông, ông cũng phải chuyển trao pháp kế thừa này lại, chớ để cho Phật pháp dứt đoạn.

“Này A-nan, thế nào là pháp kế thừa mà nay Ta chuyển trao cho ông và bảo ông cũng phải chuyển trao lại pháp kế thừa ấy, chớ để cho Phật pháp dứt đoạn? Đó chính là Thánh đạo tám chi, từ chính kiến cho đến chính định là tám. Này A-nan, đó chính là pháp kế thừa mà nay Ta đã chuyển trao cho ông, và ông cũng phải chuyển trao lại pháp kế thừa ấy, chớ để cho Phật chủng dứt đoạn.”

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



68. KINH ĐẠI THIỆN KIẾN VƯƠNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại thành Câu-thi¹, trú trong rừng Sa-la của Hòa-bạt-đơn lực sĩ².

Bấy giờ, vào lúc tối hậu, sắp nhập Niết-bàn, Đức Thế Tôn bảo:

“Này A-nan, hãy đến giữa hai cây Sa-la song thọ³ trải chỗ nằm cho Như Lai, đầu quay về hướng Bắc. Như Lai vào giữa đêm nay sẽ nhập Niết-bàn.”

Tôn giả A-nan vâng lời Đức Như Lai, liền đến giữa hai cây song thọ trải chỗ nằm cho Như Lai, đầu quay về hướng Bắc. Sau khi trải chỗ nằm xong, trở lại chỗ Đức Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Ngài rồi đứng sang một bên, bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, con đã trải chỗ nằm cho Như Lai, đầu quay về hướng Bắc. Cúi mong Thế Tôn tự biết thời.”

Bấy giờ Thế Tôn cùng Tôn giả A-nan đến giữa hai cây song thọ, trải y uất-đa-la-tăng bốn lớp⁴ lên chỗ nằm, gấp y tăng-già-lê làm gối. Ngài nằm nghiêng về hông bên phải, hai chân chồng lên nhau. Đây là lúc tối hậu, Phật sắp nhập Niết-bàn.

Lúc ấy Tôn giả A-nan đang cầm quạt hầu Phật. Tôn giả chấp tay hướng về Đức Phật thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, còn có những thành lớn khác. Một là Chiêm-bà, hai là Xá-vệ, ba là Tì-xá-ly, bốn là Vương Xá, năm là Ba-la-nại, sáu là Ca-tỳ-la-vệ⁵. Sao Thế Tôn không nhập Niết-bàn ở các nơi ấy, mà quyết định tại

¹ Câu-thi thành 拘尸城. Pāli: Kusinārā.

² Hòa-bạt-đơn lực sĩ 憍跋單力士. Pāli: Upavattana-Mallā, bộ tộc Mallā ở Upavattana.

³ Song Sa-la thọ 雙婁羅樹. Pāli: *yamaka-sālā*, cây Sa-la sinh đôi, mọc thành cặp; Sa-la song thọ.

⁴ *Uất-đa-la-tăng* 優哆邏僧: *Uất-đa-la-tăng*. Pāli: *uttarāsanga*, dịch là thượng y, áo khoác phần trên thân thể. Thường thì nói là “trải tăng-già-lê bốn lớp”; Pāli: *catuggunam saṅghāṭṭi paññāpetvā*.

⁵ Chiêm-bà (Pāli: Campā). Xá-vệ (Sāvatthi), Tì-xá-ly (Vesali), Vương Xá (Rājagaha), Ba-la-nại (Bārānasi), Ca-duy-la-vệ (Kapilavatthu). Bản Pāli kể hơi

thành bằng đất nhỏ hẹp này, một thành nhỏ hẹp nhất trong các thành?”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo:

“Này A-nan, người chớ nói rằng đây là thành đất nhỏ hẹp, là thành nhỏ nhất trong các thành. Vì sao? Vì thuở quá khứ, thành Câu-thi-na này tên là Câu-thi vương thành⁶, giàu có cùng tột, dân chúng đông đúc.

“A-nan, Câu-thi vương thành dài mười hai do-tuần, rộng bảy do-tuần.

“A-nan, ở đây dựng tháp canh cao bằng một người, hoặc hai, ba, bốn..., cho đến bảy người.

“A-nan, ở chung quanh bên ngoài Câu-thi vương thành, có bảy lớp hào. Hào ấy được xây bằng gạch bốn báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Đáy hào cũng trải cát bằng bốn loại báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh.

“Này A-nan, Câu-thi vương thành có bảy lớp tường thành bao bọc bên ngoài. Những lớp tường thành ấy cũng được xây bằng gạch bốn báu là vàng, bạc, lưu ly và [515c] thủy tinh.

“Này A-nan, Câu-thi vương thành có bảy lớp hàng cây đa-la⁷ bằng bốn báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh bao bọc xung quanh. Cây đa-la bằng vàng thì hoa, lá và trái bằng bạc. Cây đa-la bằng bạc thì hoa, lá và trái bằng vàng. Cây đa-la bằng lưu ly thì hoa, lá và trái bằng thủy tinh. Cây đa-la bằng thủy tinh thì hoa, lá và trái bằng lưu ly.

“Này A-nan, ở giữa những cây đa-la có đào nhiều hồ sen; hồ sen xanh, hồ sen hồng, hồ sen đỏ và hồ hoa sen trắng.

“Này A-nan, bờ hồ hoa ấy được đắp bằng bốn báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Ở đáy hồ thì rải cát bằng bốn báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Trong thành hồ ấy có thêm cấp bằng bốn báu là vàng, bạc, lưu ly, thủy tinh. Thêm cấp bằng vàng thì bậc chân⁸ bằng bạc, thêm cấp bằng bạc thì có bậc chân bằng vàng. Thêm cấp bằng lưu ly thì có bậc chân bằng thủy tinh. Thêm cấp bằng thủy tinh thì có bậc chân bằng lưu ly.

khác, thay Tì-xa-ly và Ca-duy-la-vệ bằng Sāketa và Kosambī.

⁶ Câu-thi vương thành 拘尸王城. Pāli: Kūsavati. No.1 (2) Câu-xá-bà-đề.

⁷ Đa-la thọ 多羅樹. Pāli: tāla, một giống cây cọ, tên khoa học *Borassus flabelliformis*.

⁸ Hán: *đặng* 蹬; bản Tống: *tranh* 橙. Có lẽ là 磴.

“Này A-nan, xung quanh hồ ấy có câu lan⁹ bằng bốn báu, là vàng, bạc, lưu ly, thủy tinh. Lan¹⁰ bằng vàng thì câu bằng bạc. Lan bằng bạc thì câu bằng vàng. Lan bằng lưu ly thì lưới bằng thủy tinh. Lan bằng thủy tinh thì câu bằng lưu ly.

“Này A-nan, hồ ấy được trùm bởi màn lưới có chuông treo ở giữa. Chuông ấy làm bằng bốn báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Chuông bằng vàng thì quả lắc bằng bạc. Chuông bằng bạc thì quả lắc bằng vàng. Chuông bằng lưu ly thì quả lắc bằng thủy tinh. Chuông bằng thủy tinh thì quả lắc bằng lưu ly.

“Này A-nan, trong hồ ấy trồng nhiều loại hoa dưới nước như hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen đỏ, hoa sen trắng; thường có nước, có hoa, không có người trông giữ ngăn cấm vì thuộc về tất cả mọi người.

“Này A-nan, ở bờ hồ ấy có trồng nhiều loại hoa như hoa tu-ma-na, hoa bà-sur, hoa chiêm-bặc, hoa kiện-đề, hoa ma-đầu-kien-đề, hoa a-đề-mâu-đa, hoa ba-la đầu¹¹.

“Này A-nan, bên các bờ hồ sen ấy, có nhiều người nữ thân thể nõn nà, sạch sẽ, trong sáng, sắc đẹp hơn người, chẳng kém thiên nữ, tư dung đoan chính, ai nhìn cũng thấy vui thích, được trang sức đầy đủ các loại ngọc báu; những người nữ ấy bố thí tùy theo nhu cầu của mọi người như đồ ăn thức uống, áo, chăn, xe cộ, nhà cửa, giường nệm, đệm lông ngừ sặc, tôi tó, đèn dầu... đem cung cấp đầy đủ.

⁹ Hán: *câu lan* 鈎欄, lan can theo hình thế nhà, cao thấp, quanh co (Từ nguyên). Pāli không đề cập chi tiết nay, nhưng từ Pāli tương đương là *vedikā*: lan can, lan thuẫn hay câu lan.

¹⁰ Câu lan được nói đây gồm hai phần: thanh gỗ ngang là lan, thanh gỗ đứng là câu.

¹¹ Các loại hoa: hoa *tu-ma-na* 修摩那 (Pāli: *sumanā*, thiện ý), loại hoa lài cánh lớn; hoa *bà-sur* 婆師 (*vassikā*: hạ sinh hoa), một loại hoa lài rất thơm (Jasminum Sambac); hoa *chiêm-bặc* 瞻蔔 (*campaka*: tổ hình hoa), hoa Chăm-pa, rất thơm, có màu trắng và vàng; hoa *tu-kien-đề* 修提提 (*sogandhika*: hảo hương), thùy liên trắng, sủng trắng; hoa *ma-đầu-kien-đề* 摩頭捷提 (*madhu-gandhika*: mật hương); hoa *a-đề-mâu-đa* 阿提牟哆 (*adhimuttaka*: tăng thượng tín), hoa *ba-la-đầu* 波羅頭.

“Này A-nan, lá cây đa-la ấy lúc gió thổi thì phát ra âm thanh cực kỳ vi diệu, cũng như năm loại kỹ nhạc được nhạc sư tài ba tấu lên thì có âm thanh hết sức hài hòa, tuyệt diệu. Này A-nan, lá cây ấy lúc gió thổi cũng lại như vậy.

“Này A-nan, trong thành Câu-thi ấy giả sử có người tồ tệt thấp hèn hạ, muốn được thưởng thức năm loại kỹ nhạc, nếu cùng đến giữa những cây đa-la, thảy đều được thưởng thức thỏa thích.

“Này A-nan, Câu-thi vương thành thường có mười hai loại tiếng không bao giờ [516a] gián đoạn, là tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng đi bộ, tiếng tù và, tiếng trống, tiếng trống bạc lạc¹², tiếng trống kỹ¹³, tiếng ca, tiếng vũ, tiếng ăn, tiếng bố thí.

“Này A-nan, trong thành Câu-thi có vua tên là Đại Thiện Kiến¹⁴, là vị Chuyển luân vương thông minh trí tuệ, có bốn loại quân chinh trị thiên hạ, tự do tự tại; là vị Pháp vương như pháp, thành tựu bảy báu, được bốn đức như ý của con người.

“Này A-nan, bấy giờ các Bà-la-môn, Cư sĩ trong Câu-thi vương thành mang các loại châu báu, kiền-bà-la báu¹⁵, chờ đến chỗ vua Đại Thiện Kiến, thưa rằng:

“– Tâu Thiên vương, các loại châu báu, kiền-bà-la báu này, mong Thiên vương vì lòng từ mẫn mà nạp thọ.

“Đại Thiện Kiến vương nói với các Bà-la-môn :

“– Này các khanh, các khanh hiển dăng nhưng ta thấy chưa cần thiết, vì ta đã có đủ.

“Này A-nan, lại có tám vạn bốn ngàn vị Tiểu quốc vương, đến thưa vua Đại Thiện Kiến rằng:

“– Tâu Thiên vương, chúng tôi muốn xây chính điện cho Thiên vương.

“Đại Thiện Kiến vương nói với các Tiểu quốc vương:

“– Các khanh muốn xây chính điện cho ta, nhưng ta thấy chưa cần thiết,

¹² Hán: bạc lạc cổ 薄洛鼓, không rõ loại trống gì.

¹³ Hán: kỹ cổ 伎鼓.

¹⁴ Đại Thiện Kiến 大善見. Pāli: Mahāsudassana.

¹⁵ Kiền-bà-la bảo 鉗婆羅寶, vải lông, áo lông. Pl. *kambala*.

vì ta đã có chính điện.

“Tám vạn bốn ngàn vị Tiểu quốc vương đều chấp tay hướng về Đại Thiên Kiến vương, lặp lại ba lần rằng:

“– Tâu Thiên vương, chúng tôi muốn xây chính điện cho Thiên vương. Chúng tôi muốn xây chính điện cho Thiên vương.

“Bấy giờ, Đại Thiên Kiến vương im lặng nhận lời của tám vạn bốn ngàn vua các tiểu quốc. Khi biết vua đã im lặng nhận lời, các Tiểu quốc vương liền bái biệt, đi quanh ba vòng rồi lui ra. Vua nước nào trở về nước ấy, dùng tám vạn bốn ngàn cỗ xe chất đầy những vàng và các loại tiền, bằng vàng tinh luyện hay chưa tinh luyện¹⁶. Lại lấy các trụ đều bằng ngọc lớn chõu đến thành Câu-thi, cách thành không xa xây đại chính điện.

“Này A-nan, đại chính điện ấy dài một do-tuần, rộng một do-tuần. Đại chính điện ấy được xây bằng gạch làm bằng bốn báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh.

“Này A-nan, thêm cấp của đại chính điện ấy làm bằng bốn loại báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Thêm cấp bằng vàng thì trụ bằng bạc. Thêm cấp bằng bạc thì trụ bằng vàng. Thêm cấp bằng lưu ly thì trụ bằng thủy tinh. Thêm cấp bằng thủy tinh thì trụ bằng lưu ly.

“Này A-nan, trong đại chính điện có tám vạn bốn ngàn cột trụ làm bằng bốn báu là: Vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Cột bằng vàng thì đá tảng bằng bạc. Cột bằng bạc thì đá tảng bằng vàng. Cột bằng lưu ly thì đá tảng bằng thủy tinh. Cột bằng thủy tinh thì đá tảng bằng lưu ly.

“Này A-nan, [516b] bên trong chính điện lại xây tám vạn bốn ngàn lầu làm bằng bốn báu là vàng, bạc, lưu ly, thủy tinh. Lầu bằng vàng thì mái lợp bằng bạc. Lầu bằng bạc thì mái lợp bằng vàng. Lầu bằng lưu ly thì mái lợp bằng thủy tinh. Lầu bằng thủy tinh thì mái lợp bằng lưu ly.

“Này A-nan, trong đại chính điện có thiết trí tám vạn bốn ngàn ngự tòa, cũng làm bằng bốn báu: vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Lầu bằng vàng thì thiết trí ngự tòa bằng bạc, trải lên trên các thứ nệm chiếu, đệm lông năm sắc, phủ lên trên bằng những thứ gấm, the, lụa, sa trun, có chần đệm lót hai đầu để gối, trải thảm quý bằng da sơn dương. Cũng vậy, lầu bằng bạc thì thiết trí ngự tòa bằng vàng. Lầu bằng lưu ly thì thiết trí ngự tòa bằng

¹⁶ Tác dĩ bất tác 作以不作.

thủy tinh. Lầu bằng thủy tinh thì thiết trí ngự tòa bằng lưu ly, trải lên bằng các thứ nệm chiếu, đệm lông năm sắc, phủ lên bằng các thứ gấm, the, lụa, sa trun, có chăn đệm lót hai đầu để gối và trải thảm quý bằng da sơn dương.

“Này A-nan, đại chính điện ấy xung quanh có câu lan¹⁷ bằng bốn báu, vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Lan bằng vàng thì câu bằng bạc. Lan bằng bạc thì câu bằng vàng. Lan bằng lưu ly thì câu bằng thủy tinh. Lan bằng thủy tinh thì câu bằng lưu ly.

“Này A-nan, đại chính điện ấy được che bằng màn lưới, trong đó treo các thứ chuông lắc. Chuông ấy làm bằng bốn báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Chuông bằng vàng thì quả lắc bằng bạc. Chuông làm bằng bạc thì quả lắc bằng vàng. Chuông bằng lưu ly thì quả lắc bằng thủy tinh. Chuông bằng thủy tinh thì quả lắc bằng lưu ly.

“Này A-nan, đại chính điện ấy sau khi được kiến trúc đầy đủ, bốn vạn tám ngàn vua các Tiểu quốc đi ra cách đại chính điện không xa, xây ao sen lớn.

“Này A-nan, ao sen lớn ấy dài một do-tuần; rộng một do-tuần.

“Này A-nan, ao sen lớn ấy được đắp gạch bằng bốn báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Đáy ao được rải cát bốn thứ báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh.

“Này A-nan, ao sen lớn ấy có thêm cấp bằng bốn thứ báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Thêm cấp bằng vàng thì thêm bằng bạc. Thêm cấp bằng bạc thì thêm bằng vàng. Thêm cấp bằng lưu ly thì thêm bằng thủy tinh. Thêm bằng thủy tinh thì thêm bằng lưu ly.

“Này A-nan, chung quanh ao sen lớn có câu lan bằng bốn báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Lan bằng vàng thì câu bằng bạc. Lan bằng bạc thì câu bằng vàng. Lan bằng lưu ly thì câu bằng thủy tinh. Lan bằng thủy tinh thì câu bằng lưu ly.

“Này A-nan, ao sen lớn ấy được che bởi màn lưới, trong đó treo các thứ chuông lắc. Chuông ấy làm bằng bốn báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Chuông bằng vàng thì quả lắc bằng bạc. Chuông bằng bạc thì quả lắc bằng vàng. Chuông bằng lưu ly thì quả lắc bằng thủy tinh. Chuông

¹⁷ Hán: câu lan 鈎欄; xem **cht. 10 & 11** trên.

bằng thủy tinh thì quả lắc bằng lưu ly.

“Này A-nan, trong ao sen lớn ấy có nhiều loại thủy hoa như hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen trắng, hoa sen đỏ, thường có nước ở hoa, có người gìn giữ, [516c] không cho bất cứ ai vào.

“Này A-nan, bên bờ ao sen lớn ấy có nhiều loại lục hoa, như hoa tu-ma-na, hoa bà-sur, hoa chiêm-bặc, hoa tu-kiền-đề, hoa ma-đầu-kiền-đề, hoa a-đề-mâu-đa, hoa ba-la-lại.

“Này A-nan, sau khi kiến trúc đại điện và hồ hoa lớn đầy đủ như thế, tám vạn bốn ngàn vua các Tiểu quốc đi ra cách điện không xa, thiết lập vườn Đa-la¹⁸.

“Này A-nan, vườn Đa-la ấy dài một do-tuần, rộng một do-tuần. Trong vườn Đa-la trồng tám vạn bốn ngàn cây đa-la, đều dùng bốn báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Cây đa-la bằng vàng thì lá, hoa, quả bằng bạc. Cây đa-la bằng bạc thì lá, hoa, quả bằng vàng. Cây đa-la bằng lưu ly thì lá, hoa, quả bằng thủy tinh. Cây đa-la bằng thủy tinh thì lá, hoa, quả bằng lưu ly.

“Này A-nan, chung quanh vườn Đa-la ấy có câu lan bằng bốn báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Lan bằng vàng thì câu bằng bạc. Lan bằng bạc thì câu bằng vàng. Lan bằng lưu ly thì câu bằng thủy tinh. Lan bằng thủy tinh thì câu bằng lưu ly.

“Này A-nan, vườn Đa-la ấy được che bằng lưới báu, có chuông treo lơ lửng ở khoảng giữa. Chuông ấy làm bằng bốn báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Chuông bằng vàng thì quả lắc bằng bạc. Chuông bằng bạc thì quả lắc bằng vàng. Chuông bằng lưu ly thì quả lắc bằng thủy tinh. Chuông bằng thủy tinh thì quả lắc bằng lưu ly.

“Này A-nan, sau khi kiến trúc đại điện, ao hoa và vườn Đa-la đầy đủ như thế, tám vạn bốn ngàn Tiểu quốc vương cùng đến chỗ vua Đại Thiện Kiến thưa rằng:

“— Tâu Thiên vương, xin biết cho rằng, đại điện, ao hoa và vườn cây Đa-la, tất cả đã kiến trúc đầy đủ. Mong Thiên vương sử dụng tùy thích.

“Này A-nan, bấy giờ vua Đại Thiện Kiến nghĩ rằng: ‘Ta không nên lên

¹⁸ Đa-la viên 多羅園. Pāli: Tālavana.

đại điện này trước. Nếu có bậc Thượng tôn Sa-môn, Bà-la-môn ở thành Câu-thi vương này, ta nên mời tất cả tụ tập ngồi ở đại điện này, soạn các thức ăn ngon lành, mỹ diệu, đầy đủ thức cứng và mềm, tự tay bưng hầu khiến các ngài ăn no. Ăn xong, dọn bát và dùng nước rửa, rồi mời các ngài trở về’.

“Này A-nan, sau khi vua Đại Thiện Kiến nghĩ như vậy, liền mời tất cả các bậc Thượng tôn Sa-môn, Bà-la-môn đang trú tại thành Câu-thi vương ấy tụ tập trên đại chính điện. Tất cả tụ tập và an tọa xong, vua thân hành lấy nước rửa rồi đem các thức ăn ngon lành, mỹ diệu, đầy đủ các thức cứng và mềm, tự tay bưng hầu khiến các ngài ăn no. Sau khi ăn, dọn bát, đem nước rửa và nhận lời cầu chúc, rồi vua mời các ngài trở về.

“Này A-nan, vua Đại Thiện Kiến lại nghĩ: ‘Nay ta không nên vào đại chính điện để hưởng dục lạc. [517a] Ta nên đem độc nhất một người hầu lên ở tại đại chính điện’.

“Này A-nan, sau đó vua Đại Thiện Kiến đem người hầu lên đại chính điện, đi vào lầu bằng vàng, ngồi ở ngự tòa bằng bạc, được trải lên bằng những thứ nệm chần, đệm lông năm sắc, được phủ lên bằng những thứ gấm, the, lụa, sa trun, có chần đệm lót hai đầu để gối và trải thảm quý bằng da sơn dương. Ngồi xong, vua ly dục, ly các pháp ác bất thiện; có tầm, có tứ, hỷ và lạc do ly dục sinh, tiến vào Sơ thiền, thành tựu và an trú.

“Từ lầu bằng vàng đi ra, lại đi vào lầu bằng bạc, ngồi vào ngự sàng bằng vàng được trải các thứ nệm chần, đệm lông năm sắc, được phủ lên bằng những thứ gấm, the, lụa, sa trun, có chần đệm lót hai đầu để gối và trải thảm quý bằng da sơn dương. Ngồi xong, vua ly dục, ly pháp ác bất thiện, có tầm, có tứ, hỷ và lạc do ly dục sinh, tiến vào Sơ thiền, thành tựu và an trú.

“Từ lầu bằng bạc đi ra, lại đi vào lầu bằng lưu ly, ngồi vào ngự sàng bằng tùy tinh được trải các thứ nệm chần, đệm lông năm sắc, được phủ lên bằng những thứ gấm, the, lụa, sa trun, có chần đệm lót hai đầu để gối và trải thảm quý bằng da sơn dương. Ngồi xong, vua ly dục, ly pháp ác bất thiện, có tầm, có tứ, hỷ và lạc do ly dục sinh, tiến vào Sơ thiền, thành tựu và an trú.

“Từ lầu bằng lưu ly đi ra, lại vào lầu bằng thủy tinh, ngồi vào ngự sàng bằng lưu ly được trải các thứ nệm chần, đệm lông năm sắc, được phủ lên

bằng những thứ gấm, the, lụa, sa trun, có chần đệm lót hai đầu để gối và trải thảm quý bằng da sơn dương. Ngồi xong, vua ly dục, ly pháp ác bất thiện, có tâm, có tứ, hỷ và lạc do ly dục sinh, tiến vào Sơ thiền, thành tựu và an trú.

“Này A-nan, bấy giờ tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ bá quá lâu không thấy vua Đại Thiện Kiến, ai cũng nhớ mong, khao khát muốn thấy. Lúc đó, tám vạn bốn ngàn phu nhân cùng nhau đi đến nữ bá thừa thỉnh rằng:

“– Thiên hậu, nên biết cho, từ lâu chúng tôi không được hầu cận Thiên vương. Thiên hậu, chúng tôi nay muốn cùng nhân dân đến yết kiến Thiên vương.

“Nữ bá nghe xong, liền bảo Tướng quân:

“– Ông nên biết cho, chúng tôi từ lâu không được hầu cận Thiên vương, nay muốn đến yết kiến Thiên vương.

“Tướng quân nghe vậy, liền đưa tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ bá đến đại chính điện. Tám vạn bốn ngàn thớt voi, tám vạn bốn ngàn con ngựa, tám vạn bốn ngàn cỗ xe, tám vạn bốn ngàn lính bộ, tám vạn bốn ngàn Tiểu vương cũng cùng hộ tống, đi đến đại chính điện. Lúc cả đoàn đang đi, âm thanh ấy vang dội chấn động mạnh mẽ. Vua Đại Thiện Kiến nghe được âm thanh vang dội [517b] chấn động mạnh mẽ ấy. Nghe vậy, vua liền hỏi người đứng hầu bên cạnh:

“– Đó là tiếng gì mà vang dội chấn động mạnh mẽ thế?

“Người hầu thưa:

“– Tâu Thiên vương, đó là do tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ bá, hôm nay tất cả cùng đến đại chính điện; tám vạn bốn ngàn thớt voi, tám vạn bốn ngàn con ngựa, tám vạn bốn ngàn cỗ xe, tám vạn bốn ngàn lính bộ, tám vạn bốn ngàn Tiểu vương lại cùng nhau đến chính điện, cho nên âm thanh ấy vang dội, chấn động mạnh mẽ.

“Nghe xong, vua Đại Thiện Kiến bảo người hầu cận:

“– Người mau xuống khỏi đại điện, đến chỗ đất trống, trải nhanh giường bằng vàng rồi trở lại cho ta hay.

“Người hầu cận vâng lời, liền từ điện đi xuống, đến chỗ đất trống, trải giường bằng vàng một cách nhanh chóng, liền trở lại thưa rằng:

“– Con đã trải giường bằng vàng ở chỗ đất trống cho Thiên vương, xin tùy ý Thiên vương.

“Này A-nan, vua Đại Thiện Kiến cùng với người hầu từ điện đi xuống, ngự trên giường bằng vàng và ngồi kiết già.

“Này A-nan, bấy giờ tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ bá tử cùng nhau đến trước vua Đại Thiện Kiến.

“Này A-nan, từ xa, vua Đại Thiện Kiến trông thấy tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ bá tử, liền đóng kín các cửa. Tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ bá tử thấy vua đóng kín các cửa, liền nghĩ: ‘Thiên vương nay chắc không cần đến chúng ta nữa. Vì sao? Vì Thiên vương vừa thấy chúng ta, liền đóng kín các cửa’.

“Này A-nan, khi đó nữ bá tử đi đến trước vua Đại Thiện Kiến. Đến rồi thưa rằng:

“– Tâu Thiên vương, xin biết cho, tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ bá tử này hoàn toàn thuộc về Thiên vương. Mong Thiên vương thương tưởng đến chúng tôi cho đến lúc mạng chung. Tám vạn bốn ngàn thớt voi, tám vạn bốn ngàn con ngựa, tám vạn bốn ngàn cỗ xe, tám vạn bốn ngàn lính bộ, tám vạn bốn ngàn tiểu vương cũng hoàn toàn thuộc về Thiên vương, mong Thiên vương thương tưởng đến tất cả cho đến lúc mạng chung.

“Bấy giờ vua Đại Thiện Kiến nghe những lời ấy xong, bảo nữ bá tử rằng:

“– Này hiền muội, các người luôn luôn xúi dục ta làm điều xấu, mà không khuyến khích ta làm điều tốt. Này hiền muội, từ nay về sau nên khuyến khích ta làm điều tốt, chớ xúi dục ta làm xấu.

“Này A-nan, tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ bá tử ấy liền ngồi qua một bên, nước mắt tràn ra, khóc lóc bi thảm, thưa rằng:

“– Chúng tôi chẳng phải là em của Thiên vương, mà nay Thiên vương gọi chúng tôi là hiền muội.

“Này A-nan, tám vạn bốn ngàn phu nhân và [517c] nữ bá tử ấy, mỗi người dùng áo lau nước mắt, lại đến trước vua Đại Thiện Kiến thưa rằng:

“– Tâu Thiên vương, chúng tôi làm thế nào để khuyến khích Thiên vương làm điều tốt, không làm điều xấu?

“Vua Đại Thiện Kiến đáp:

“– Các hiền muội, hãy nói với ta như thế này: ‘Tâu Thiên vương, ngài

biết không, mạng người ngắn ngủi, rồi sẽ đi qua đời sau, nên phải tu phạm hạnh. Sự sống cũng có lúc chấm dứt. Thiên vương nên biết, pháp ấy chắc chắn đến, không thể ái niệm, không thể hoan hỷ, hoại diệt tất cả, người đời gọi là ‘sự chết’. Cho nên, tâu Thiên vương, đối với tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu, nếu có ái niệm, có dục thì mong Thiên vương đoạn trừ, xả ly tất cả, cho đến lúc mạng chung vẫn chớ niệm tưởng. Đối với tám vạn bốn ngàn thớt voi, tám vạn bốn ngàn con ngựa, tám vạn bốn ngàn cỗ xe, tám vạn bốn ngàn lính bộ, tám vạn bốn ngàn tiểu vương, tâu Thiên vương, nếu có ái niệm, có dục thì mong Thiên vương đoạn trừ, xả ly tất cả, cho đến lúc mạng chung vẫn chớ niệm tưởng’. Nay các hiền muội, các hiền muội hãy khuyến khích ta làm điều tốt, chớ xúi dục ta làm điều xấu, đúng như thế.

“Này A-nan, tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu ấy thưa rằng:

“– Tâu Thiên vương, chúng tôi từ nay về sau sẽ khuyến khích Thiên vương làm lành, chớ không xúi dục Thiên vương làm ác, như thế này: ‘Tâu Thiên vương, mạng người ngắn ngủi, rồi sẽ đi qua đời sau. Pháp ấy chắc chắn đến, cũng không thể ái niệm, cũng không thể hoan hỷ, hoại diệt tất cả, người đời gọi là ‘sự chết’, cho nên, tâu Thiên vương, đối với tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu, nếu có niệm có dục thì mong Thiên vương hãy đoạn trừ, xả ly tất cả, cho đến lúc mạng chung cũng không niệm tưởng’.

“Này A-nan, vua Đại Thiện Kiến thuyết pháp cho tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho những người ấy, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ xong, vua bảo họ trở về.

“Này A-nan, biết vua đã ra lệnh, tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu mỗi người đều đến bái biệt vua rồi trở về.

“Này A-nan, tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu ấy trở về chưa bao lâu, vua Đại Thiện Kiến cùng người hầu cận trở lên đại điện, vào lầu bằng vàng, ngồi trên ngự sàng bằng bạc, được trải bằng các thứ nệm, chăn, đệm lông năm sắc, được phủ lên bằng các thứ gấm, lụa, the, sa trun, có chăn đệm lót hai đầu để [518a] gối và trải thảm quý bằng da sơn dương. Ngồi xong, quán như thế này: ‘Ta đến đây là cuối cùng. Niệm dục, niệm nhuế, niệm hại, đấu tranh, ghét nhau, đua siểm, dối trá,

lừa gạt, nói láo, vô lượng các pháp ác bất thiện đến đây là cuối cùng. Tâm cùng với từ tương ưng, biến mãn một phương, thành tựu và an trú. Cũng như thế, hai, ba, bốn phương trên và dưới phổ biến cùng khắp, không kết không oán, không nhuế, không tranh, bao la rộng lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn cùng khắp thế gian, thành tựu và an trú’.

“Từ lầu bằng vàng đi ra, vua lại vào lầu bằng bạc, ngồi trên ngự sàng bằng vàng, được trải lên bằng các thứ chăn nệm, đệm lông năm sắc, được trải lên bằng các thứ gấm, the, lụa, sa trun, có chăn đệm lót hai đầu để gối và trải thảm quý bằng da sơn dương. Ngồi xong, quán tưởng rằng: ‘Ta đến đây là cuối cùng. Niệm dục, niệm nhuế, niệm hại, đấu tranh, ghét nhau, đua siểm, dối trá, lừa gạt, nói láo,... vô lượng các pháp ác bất thiện, đến đây là cuối cùng, tâm cùng với bi tương ưng, biến mãn một phương, thành tựu và an trú. Cũng như thế, hai, ba, bốn phương, tứ duy, phương trên và phương dưới, phổ biến cùng khắp, không kết không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi bao la vô lượng, khéo tu tập, biến mãn cùng khắp thế gian, thành tựu an trú’.

“Từ lầu bằng bạc đi ra, vua lại vào lầu bằng lưu ly, ngồi trên ngự tòa bằng thủy tinh, được trải bằng các thứ chăn nệm, đệm lông năm sắc, được phủ lên bằng các thứ gấm, the, lụa, sa trun, có chăn nệm lót hai đầu để gối và trải thảm quý bằng da sơn dương. Ngồi xong, quán thế này: ‘Ta đến đây là cuối cùng. Niệm dục, niệm nhuế, niệm hại, đấu tranh, ghét nhau, đua siểm, dối trá, lừa gạt, nói láo, vô lượng các pháp ác bất thiện, đến đây là cuối cùng, tâm cùng với hỷ tương ưng, biến mãn một phương, thành tựu và an trú. Cũng như thế, hai, ba, bốn phương, tứ duy, phương trên và phương dưới, phổ biến cùng khắp, không kết không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi bao la vô lượng, khéo tu tập, biến mãn cùng khắp thế gian, thành tựu và an trú’.

“Từ lầu bằng lưu ly đi ra, vua vào lầu bằng thủy tinh, ngồi trên ngự tòa bằng lưu ly, được trải lên bằng các thứ chăn nệm, đệm lông năm sắc, được phủ lên bằng các thứ gấm, the, lụa, sa trun, có chăn nệm lót hai đầu để gối và trải thảm quý bằng da sơn dương. Ngồi xong, quán thế này: “Ta đến đây là cuối cùng. Niệm dục, niệm nhuế, niệm hại, đấu tranh, ghét nhau, đua siểm, dối trá, lừa gạt, nói láo,... vô lượng các pháp ác bất thiện, đến đây là cuối cùng, tâm cùng với xả tương ưng, biến mãn một phương, thành tựu và an trú. Cũng như thế, hai, ba, bốn phương, tứ duy, phương

trên và [518b] phương dưới, phổ biến cùng khắp, không kết không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi bao la vô lượng, khéo tu tập, biến mãn cùng khắp thế gian, thành tựu và an trú.”

“Này A-nan, Vua Đại Thiện Kiến vào giờ phút cuối cùng, chết với một cảm giác đau phơn phớt.

“Cũng giống như cư sĩ hoặc con của cư sĩ, ăn món ăn mỹ diệu, cảm thấy một chút khó chịu. Này A-nan, vua Đại Thiện Kiến vào giờ phút cuối cùng chết với một cảm giác đau phơn phớt cũng lại như vậy.

“Này A-nan, bấy giờ vua Đại Thiện Kiến tu bốn Phạm trụ¹⁹, sau khi xả niệm dục, nhờ đó khi mạng chung, sinh vào cõi Phạm thiên.

“Này A-nan, vua Đại Thiện Kiến thuở xưa ấy ông cho là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy, nên biết rằng vị ấy chính là Ta vậy.

“Này A-nan, lúc bấy giờ Ta làm lợi ích cho mình, cũng làm lợi ích cho kẻ khác, làm lợi ích cho mọi người. Ta thương xót thế gian, mong cầu thiện lợi và hữu ích, mong cầu an ổn và khoái lạc cho trời và người. Bấy giờ Ta thuyết pháp không đến chỗ rốt ráo, không rốt ráo bạch tịnh, không rốt ráo phạm hạnh. Vì không rốt ráo phạm hạnh nên khi ấy không lìa khỏi sự sinh, tuổi già, bệnh tật, sự chết, khóc lóc, áo não, cũng chưa thoát khỏi mọi khổ đau.

“Này A-nan, nay Ta xuất hiện ở đời là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Nay Ta đã làm lợi ích cho mình, cũng làm lợi ích cho kẻ khác, làm lợi ích cho mọi người. Ta thương xót thế gian, mong cầu sự thiện lợi và hữu ích, cầu sự an ổn và khoái lạc cho trời và người. Nay Ta thuyết pháp đến chỗ rốt ráo, rốt ráo bạch tịnh, rốt ráo phạm hạnh. Rốt ráo phạm hạnh nên nay Ta lìa khỏi sự sinh, tuổi già, tật bệnh, sự chết, khóc lóc, áo não. Ta nay đã thoát khỏi mọi sự đau khổ.

“Này A-nan, từ thành Câu-thi-la, từ rừng Sa-la của Hòa-bạt-đơn Lực sĩ, từ sông Ni-liên-nhiên²⁰, từ sông Bà-câu²¹, từ Thiên Quang tự, từ chỗ trái

¹⁹ Bốn phạm thất 梵室: phạm trụ 梵住. Pāli: *cattāri brahmavihārā*.

²⁰ Ni-liên-nhiên 尼連然, Pāli: Nerañjarā, con sông gần chỗ Phật thành đạo. Đây chính xác phải là Hiraññāvatī, âm là Hê (hay hi)-liên-thiên 醯 (希 hay 熙)

chỗ nằm cho Ta hôm nay, trong khoảng thời gian giữa đó, Ta đã bảy lần xả thân. Trong bảy lần ấy, sáu lần làm Chuyển luân vương, nay là lần thứ bảy thành Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng chính Giác. Nay A-nan, Ta không thấy ở đâu trong thế gian này, Trời hay Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, từ trời đến người mà Ta sẽ xả thân thêm lần nữa, vì điều đó không có thể có.

“Này A-nan, nay đây là sự sinh cuối cùng của Ta, là sự hữu cuối cùng, là thân cuối cùng, là bả hình cuối cùng. Ta nói đây là chỗ tận cùng của khổ.”

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết xong, hoan hỷ phụng hành.²²



連禪, con sông gần chỗ Phật nhập Niết-bàn.

²¹ Bà-câu 婆求. Pāli: Kakutthā, con sông gần Kusinārā. Đức Phật tắm tại đây trước khi đến Kusinārā để nhập Niết-bàn.

²² Bản Hán, hết quyển 14.

69. KINH TAM THẬP DỤ

[518c11] Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại thành Vương xá, trong vườn Ca-lan-đa, rừng Trúc, cùng an cư mùa mưa với đại chúng Tỳ-kheo.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vào ngày rằm thuyết Biệt giải thoát¹, trải chỗ ngồi trước chúng Tỳ-kheo. Ngồi xong, Thế Tôn nhập định quán tâm các Tỳ-kheo. Lúc đó Thế Tôn thấy chúng Tỳ-kheo tĩnh tọa im lặng, rất im lặng, không có thùy miên vì đã dứt trừ ám cái. Chúng Tỳ-kheo ngồi thậm thâm, rất thậm thâm; tịch tĩnh, rất tịch tĩnh; vi diệu, rất vi diệu.

Khi ấy Tôn giả Xá-lợi-phất cũng ở trong chúng. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo:

“Này Xá-lợi-phất, chúng Tỳ-kheo tĩnh tọa, im lặng, rất im lặng, không có thùy miên vì đã dứt trừ ám cái. Chúng Tỳ-kheo ngồi thậm thâm, rất thậm thâm; tịch tĩnh, rất tịch tĩnh; vi diệu, rất vi diệu. Ai là người có thể kính trọng, phụng sự chúng Tỳ-kheo?”

Tôn giả Xá-lợi-phất từ chỗ ngồi đứng dậy, kéo lệch vai áo đang mặc, chấp tay hướng về Đức Phật, bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, chúng Tỳ-kheo tĩnh tọa, im lặng, rất im lặng, không có thùy miên vì đã trừ ám cái. Chúng Tỳ-kheo ngồi thậm thâm, rất thậm thâm; tịch tĩnh, rất tịch tĩnh; vi diệu, rất vi diệu như thế. Bạch Thế Tôn, không ai là người có thể kính trọng, phụng sự chúng Tỳ-kheo, chỉ có Đức Thế Tôn mới có thể phụng sự, kính trọng Pháp và chúng Tỳ-kheo cùng với giới, bất phóng dật, bố thí và định. Chỉ có Đức Thế Tôn mới có thể kính trọng, phụng sự mà thôi.”

Đức Thế Tôn nói:

“Này Xá-lợi-phất, đúng như vậy. Không ai có thể kính trọng, phụng sự Pháp và chúng Tỳ-kheo. Chỉ có Thế Tôn [519a] mới có thể kính trọng, cùng với giới, bất phóng dật, bố thí và định. Chỉ có Thế Tôn mới có thể kính trọng, phụng sự Pháp và chúng Tỳ-kheo mà thôi.

1. “Này Xá-lợi-phất, cũng giống như vua và đại thần có đầy đủ các thứ trang sức, lụa, tơ, gấm, len, nhẫn tay, xuyên cườm tay, chuỗi ngọc khuỷu

¹ Tụng giải thoát 從解脫. Pāli: Pāṭimokkha.

tay, kiềng đeo cổ, vàng bạc², châu ngọc cài mái tóc. Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni cũng giống như thế, dùng giới đức để làm đồ trang sức. Nay Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu giới đức để dùng làm đồ trang sức, thấy đều có thể xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

2. “Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần có năm nghi trượng: kiếm, lọng, thiên quan, phát trần cán bằng ngọc và giày cán ngọc³ để bảo vệ thân cho được an ổn. Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào dùng sự giữ gìn cấm giới để bảo vệ phạm hạnh, cũng giống như thế. Nay Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu cấm giới để bảo vệ phạm hạnh, vì ấy liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

3. “Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần có người giữ cửa⁴. Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni lấy sự thủ hộ sáu căn làm người giữ cửa cũng giống như thế. Nay Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu sự thủ hộ sáu căn, vì ấy liền xả được điều ác, tu tập điều thiện.

4. “Này Xá-lợi-phất, cũng giống như vua và đại thần có tướng giữ cổng thành thông minh, có trí tuệ, có sự phân biệt rõ ràng. Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng chính niệm làm tướng giữ cổng cũng giống như thế. Nay Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu chính niệm thì liền xả được điều ác, tu tập điều thiện.

5. “Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần có hồ tắm đẹp, trong mát, tràn đầy. Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng tĩnh tâm làm hồ tắm mát cũng giống như thế. Nay Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu tĩnh tâm làm hồ tắm mát, vì ấy xả được điều ác, tu tập điều thiện.

6. “Này Xá-lợi-phất, cũng giống như vua và đại thần có người hầu tắm, thường phục vụ tắm rửa. Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni lấy thiện tri thức làm người hầu tắm cũng giống như thế. Nay Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu việc lấy thiện tri thức làm người hầu tắm, vì ấy có thể xả được điều ác, tu tập điều thiện.

² sinh sắc 生色; TNM: sắc tượng 色像. Pāli: *jātarūpa*, chỉ vàng ròng (nghĩa đen: sắc nguyên sinh).

³ Nghiêm sức 嚴飾履.

⁴ Thủ các nhân 守閤人.

7. “Này Xá-lợi-phất, cũng giống như vua và đại thần có bột hương thoa thân, mật cây⁵, trầm thủy, chiên đàn, tô hợp⁶, kê thiết⁷, đô lương⁸. Xá-lợi-phất, [519b] Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng giới đức làm bột hương cũng lại như vậy. Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu giới đức để làm bột hương, vị ấy xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện.

8. “Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần có y phục tốt đẹp, như áo sơ-ma⁹, áo gấm lụa, áo bạch điệp¹⁰, áo da sơn dương¹¹. Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng sự hổ thẹn làm y phục cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu sự hổ thẹn làm y phục thì xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện.

9. “Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần có giường ghế rất rộng, cao lớn. Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng Tứ thiên làm giường ghế cũng giống như vậy. Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu Tứ thiên thì liền xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện.

10. “Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần có thợ hớt tóc rành nghề, thường phục vụ tắm gội, thì này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng chính niệm làm thợ hớt tóc cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào dùng chính niệm làm thợ hớt tóc thì có thể xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện.

11. “Này Xá-lợi-phất, cũng giống như vua và đại thần có đồ ăn ngon lành mỹ diệu, đủ các mùi vị đặc biệt; này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng hỷ làm thức ăn, cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu hỷ làm thức ăn thì có thể tiêu diệt được điều ác, tu tập thiện pháp.

12. “Này Xá-lợi-phất, cũng giống như vua và đại thần có các thức uống

⁵ Mộc mật 木蜜, loại gỗ hương, dùng làm hương liệu.

⁶ Tô hợp 蘇合, một loại hương liệu do tổng hợp nhiều hương liệu nấu thành.

⁷ Kê thiết 雞舌, loại hương liệu nấu từ cỏ úa.

⁸ Đô lương 都梁, một loại lan rừng; tên chỉ chung các loại lan.

⁹ Sơ-ma y 初摩衣, Pāli: *khoma*, áo vải, vải lanh.

¹⁰ Bạch điệp y 白[疊+毛]衣; vải bông sợi rất mịn.

¹¹ Trong bản Hán: *gia-lăng-già-ba-hòa-la* 加陵伽波瑟邏. Xem [cht.13](#) kinh 61.

như nước trái xoài¹², nước chiêm-ba¹³, nước mía, nước nho, nước mặt-ta-đề¹⁴; này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni cũng dùng pháp vị làm thức uống, cũng như vậy. Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu pháp vị dùng làm thức uống, vị ấy liền xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện.

13 “Này Xá-lợi-phất, cũng giống như vua và đại thần có tràng hoa đẹp, như tràng hoa sen xanh, tràng hoa chiêm-bạc, tràng hoa tu-ma-na, tràng hoa bà-sur, tràng hoa a-đề-mâu-đa, thì này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng ba định là Không, Vô nguyện, Vô tướng¹⁵ làm tràng hoa cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu ba định Không, Vô nguyện, Vô tướng làm tràng hoa thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

14. “Này Xá-lợi-phất, cũng giống như vua và đại thần có phòng ốc, nhà cửa, lầu quán, thì này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng ba trụ là Thiên trụ, Phạm trụ và Thánh trụ¹⁶ làm nhà cửa, cũng giống như thế. Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu ba trụ làm [519c] nhà cửa, vị ấy liền xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện.

15. “Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần có người điển thủ¹⁷, tức

¹² Nại âm 奈飲, Pāli: *amba-pāna*.

¹³ Chiêm-ba âm 瞻波飲; có lẽ nước trái cây chiêm-phù. Cf *Tứ phần 42* (tr. 873c4): nước trái cây chiêm-phù 閻浮漿, một trong thứ nước mà Tiên nhân xưa đã dùng. (Pāli: *jambu-pāna*).

¹⁴ Mặt-ta-đề âm 未磋提飲; một loại rượu (Pāli: *majja-pāna*).

¹⁵ Pāli: *tayo samādhī, suññato samādhī, animitto samādhī, appaṇihito samādhī*. D.33 Saṅgīti.

¹⁶ Tam thất 三室: tam trụ 三住 (Pāli: *tayo vihārā*). Pali: vihāra, có nghĩa an trụ, cũng trú xứ, tinh xá. Xem (xem *Tập dị* 6, tr. 389a7): ba trụ: 1. *Thiên trụ* (Thiên thất), tu bốn tĩnh lự từ Sơ thiên đến Tứ thiên. 2. *Phạm trụ* (Phạm thất): tu bốn Vô lượng tâm: từ, bi, hỷ, xả. 3. *Thánh trụ* (Thánh thất) tu bốn niệm xứ, bốn như ý túc, bốn chính cần, năm căn, năm lực, thất bồ đề phần, bát chính đạo phần. Cf. Pl. D. 33 (iii. 218): *tayo vihārā – dibbo vihāro, brahmā vohāro, ariyo vihāro*.

¹⁷ Điển thủ 典守; người quản lý hồ sơ hay văn khố.

người giữ nhà¹⁸, thì này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng trí tuệ làm người giữ nhà cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào dùng trí tuệ làm người giữ nhà, vị ấy liền xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện.

16. “Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần có bốn loại thuế của các quốc ấp. Phần thứ nhất để cung cấp vua và hoàng hậu, cùng các thể nữ trong cung. Phần thứ hai cung cấp cho thái tử và quần thần. Phần thứ ba cung cấp cho toàn dân. Phần thứ tư cung cấp cho Sa-môn, Bà-la-môn. Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng bốn niệm xứ làm tô thuế cũng giống như vậy. Này Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu bốn niệm xứ dùng làm thuế, vị ấy liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

17. “Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần có bốn loại quân là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân; này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng bốn chính đoạn¹⁹ làm bốn loại quân cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu bốn chính đoạn làm bốn loại quân, vị ấy liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

18. “Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần có bốn loại xe tải, như xe tải bằng voi, xe tải bằng ngựa, xe tải bằng xe, xe tải bằng người; này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng bốn như ý túc làm xe tải cũng giống như vậy. Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu bốn như ý túc dùng làm xe tải, vị ấy liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

19. “Này Xá-lợi-phất, cũng giống như vua và đại thần có các loại xe trang hoàng bằng các loại da vằn tốt của sư tử, cọp, beo dệt thành những thứ màu sắc lẫn lộn; Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng chỉ quán làm xe cũng giống như vậy. Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu chỉ quán dùng làm xe, vị ấy có thể xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

20. “Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần có giá ngự, tức là người đánh xe, thì này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng chính niệm làm kẻ giá ngự cũng lại như vậy. Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào

¹⁸ Thủ thất 守室.

¹⁹ Bốn chính đoạn 正斷, tức bốn chính cần. Pāli: *sammappadhānā*. Bản Hán, hiểu là *pahāna* (đoạn), thay vì *padhāna* (tĩnh cần).

thành tựu chính niệm dùng làm giá ngự, vị ấy liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

21. “Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần có cây phướn cực cao, thì này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đem tâm mình làm cây phướn cực cao cũng giống như vậy. Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào [520a] thanh tựu tâm mình làm cây phướn cao, vị ấy liền có thể xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

22. “Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần có đường đi tốt đẹp, bằng phẳng, ngay ngắn, trực chỉ đến các công viên, thì này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng Thánh đạo tám chi làm con đường bằng phẳng, ngay ngắn, trực chỉ Niết-bàn cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thanh tựu Thánh đạo tám chi dùng làm con đường bằng phẳng, ngay ngắn, trực chỉ Niết-bàn, vị ấy liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

23. “Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần có tướng quân²⁰ thông minh, trí tuệ, có sự phân biệt rõ ràng, thì này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng trí tuệ làm tướng quân cũng giống như vậy. Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thanh tựu trí tuệ dùng làm tướng quân, vị ấy liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

24. “Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần có đại chính điện cao rộng, sáng sủa, thì này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng trí tuệ làm đại chính điện cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thanh tựu trí tuệ làm đại chính điện, vị ấy liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

25. “Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần bước lên trên điện cao, quán sát những người dưới thấp qua lại, chạy nhảy, đi, đứng, ngồi, nằm, thì này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đem vô lượng trí tuệ thăng lên cao điện để quán sát tâm mình, làm cho tâm trùm khắp, nhu nhuyễn, hoan hỷ, viển ly. Này Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thanh tựu vô lượng trí tuệ làm cao điện để tự quán tâm mình, làm cho trùm khắp, nhu nhuyễn, hoan hỷ, viển ly, vị ấy liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

²⁰ Nguyên Hán: chủ binh thần 主兵臣.

26. “Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần có Tông chính khanh,²¹ thành thạo, am hiểu tông tộc, thì này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni khi dùng bốn Thánh chủng làm Tông chính khanh cũng giống như vậy. Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu bốn thánh chủng dùng làm Tông chính khanh, vị ấy liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

27. “Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần có lương y danh tiếng trị được các bệnh, thì này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng chính niệm làm lương y cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu chính niệm dùng làm lương y, vị ấy liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

28. “Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần có chính ngự sàng, trải lên bằng các thứ chăn nệm, đệm lông năm sắc, phủ lên bằng các thứ gấm, the, lụa, sa trun, có chăn đệm lót hai đầu để gối và [520b] trải thảm quý bằng da sơn dương, thì này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng vô ngại định làm chính ngự sàng cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu vô ngại định làm chính ngự sàng, vị ấy liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

29. “Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần có ngọc báu danh tiếng, thì này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng bất động tâm giải thoát làm ngọc báu danh tiếng cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu bất động tâm giải thoát làm ngọc báu danh tiếng, vị ấy liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

30. “Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần tắm nước trong mát, thoa bột hương tốt khiến thân thể thơm sạch, thì này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni tự quán tâm mình, khiến cho thân tịch tịnh, cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu việc quán tâm mình, khiến cho thân tịch tịnh, vị ấy có thể kính trọng, phụng sự Thế Tôn, Pháp và Chúng Tỳ-kheo, cùng với giới, bất phóng dật, bố thí và định.”

Phật thuyết như vậy. Tôn giả Xá-lợi-phất và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

²¹ Tông chính khanh 宗正卿. Cólẽ Pāli: purohita, bà-la-môn đại tư tế, tương đương chức Tướng quốc.



70. KINH CHUYỂN LUÂN VƯƠNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại Ma-đâu-lê Sát-lị¹, trong rừng xoài, trên bờ sông Sứ hà².

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Này các Tỳ-kheo, hãy tự mình thắp lên ngọn đèn pháp.³ Hãy nương tựa nơi pháp của chính mình, chớ đừng thắp nơi khác làm ngọn,⁴ đừng nương tựa một pháp khác.

“Này chư Tỳ-kheo, nếu ai tự mình thắp lên ngọn đèn pháp, tự nương tựa nơi pháp của chính mình, không thắp nơi khác làm ngọn đèn khác, không nương tựa một pháp khác, người ấy có thể cầu học, được lợi và phước vô lượng. Vì sao?

“Này Tỳ-kheo, thuở xưa có vua tên là Kiên Niệm⁵ làm Chuyển luân vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân chinh trị thiên hạ, tự do tự tại, là vị Pháp vương như pháp, thành tựu bảy báu, được bốn đức như ý của con người.

“Thành tựu bảy báu và được thành tựu bảy báu, được bốn đức như ý của con người là như thế nào? Đã nói trước đây⁶ về sự thành tựu bảy báu, được bốn đức như ý của con người.

¹ Ma-đâu-lê Sát-lị 摩兜麗刹利, bản Pāli nói ở Mātula, một ngôi làng tại Magadha. N.1 (6) nói là Ma-la-hê-sầu. Chữ *Sát-lị* trong bản Hán này không rõ.

² Sứ hà 駛河 hay Sứ lưu, con sông chảy ngang qua Nam và Bắc Kosala.

³ Đương tự nhiên pháp đăng, tự quy kỷ pháp. Mạc nhiên dư đăng, mạc quy dư pháp 當自然法燈, 自歸己法. 莫然餘燈, 莫歸餘法. So sánh DTK.1(6): Đương tự xí nhiên, xí nhiên ư pháp, vật tha xí nhiên, đương tự quy y, quy y Ứng chính đăng giác pháp, Vật tha quy y. Pāli: *attadīpā bhikkhāve viharatha attasaraṇā anaññasaraṇā. dhammadīpā dhammasaraṇā anaññasaraṇā. dīpā*: có nghĩa là ngọn đèn (Skt. *dīpa*), hay hòn đảo (Skt. *dvīpa*).

⁴ Bất nhiên dư đăng 莫然餘燈: (hãy là ngọn đèn của chính mình) không lấy nơi nào khác làm ngọn đèn.

⁵ Kiên Niệm 堅念. No.1(6): Kiên Cố Niệm. Pāli: Daḥhanemi.

⁶ Xem kinh số 67.

“Bấy giờ vua Kiên Niệm, vào một thời gian sau, bánh xe báu báu di chuyển, bỗng rời khỏi chỗ cũ. Có người trông thấy, đến chỗ vua Kiên Niệm tâu rằng:

“– Tâu Thiên vương, nên biết rằng bánh xe báu [520c] di chuyển, rời khỏi chỗ cũ.

“Vua Kiên Niệm nghe xong, bảo rằng:

“– Nay Thái tử, bánh xe báu báu của ta di chuyển, rời khỏi chỗ cũ. Thái tử, chính ta từng nghe cổ nhân nói rằng ‘Nếu bánh xe báu báu của Chuyển luân vương di chuyển, rời khỏi chỗ cũ, thì vua ấy chắc chắn không còn sống lâu, mạng vua không tồn tại lâu nữa. Nay Thái tử, ta đã hưởng dục lạc nhân gian, nay ta sẽ cầu dục lạc thiên thượng. Nay Thái tử, ta muốn cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Nay Thái tử, nay ta đem bốn châu thiên hạ này giao phó cho con, con hãy chinh trị giáo hóa đúng như pháp, chớ dùng phi pháp, không để trong nước có người tạo ác nghiệp và phi phạm hạnh. Nay Thái tử, về sau nếu con thấy bánh xe báu báu rời khỏi chỗ cũ một ít thì con cũng phải đem việc quốc chính của nước này giao phó cho con của con, khéo dạy bảo và ủy thác giang sơn lại cho nó, rồi con cũng phải cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo.

“Bấy giờ vua Kiên Niệm giao phó đất nước lại cho Thái tử. Khéo dạy bảo xong, vua liền cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Sau khi vua Kiên Niệm xuất gia học đạo bảy ngày, bánh xe báu báu ấy biến mất, không thấy.

“Lúc mất bánh xe báu, vua Sát-lị Đảnh sinh quá ưu sầu áo não, không hoan lạc. Vua Sát-lị Đảnh sinh liền đến chỗ Tiên nhân, tức vua cha Kiên Niệm, thưa rằng:

“– Tâu Thiên vương, nên biết rằng, sau khi Thiên vương học đạo mới bảy ngày thì bánh xe báu báu biến mất, không thấy nữa.

“Cha là Tiên nhân, vua Kiên Niệm bảo con rằng:

“– Con chớ vì mất bánh xe báu mà nhớ tiếc, ưu sầu. Vì sao? Vì con không được bánh xe báu này từ nơi cha.

“Vua Sát-lị Đảnh sinh thưa vua cha rằng:

“– Tâu Thiên vương, vậy con phải làm gì.

“Cha là Tiên nhân tức vua Kiên Niệm bảo con rằng:

“– Con phải học pháp tương thừa⁷. Nếu học pháp tương thừa thì vào ngày rằm thuyết Biệt giải thoát, sau khi tắm rửa và đi lên chính điện, bánh xe báu ấy chắc chắn sẽ từ phương Đông hiện đến, có ngàn cãm và đầy đủ các bộ phận, thanh tịnh tự nhiên, chẳng phải do người tạo, màu sắc như ánh lửa, chói lọi sáng ngời.

“Vua Sát-lị Đảnh sinh lại thưa cha rằng:

“– Tâu Thiên vương, pháp tương thừa như thế nào mà Thiên vương muốn bảo con học, để lúc học rồi, vào ngày rằm, thuyết Biệt giải thoát, sau khi tắm rửa và lên chính điện, bánh xe báu báu ấy sẽ từ phương Đông hiện đến; [521a] bánh xe có ngàn cãm và đầy đủ các bộ phận, thanh tịnh tự nhiên, chẳng phải do người tạo, màu sắc như ánh lửa, chói lọi sáng ngời?

“Vua Kiên Niệm bảo con rằng:

“– Con hãy quán pháp như pháp, thực hành pháp đúng như pháp. Hãy vì thái tử, hậu phi, thể nữ và các thần dân, Sa-môn, Bà-la-môn, cho đến loài côn trùng mà phụng trì trai giới vào những ngày mùng tám, mười bốn, mười lăm, tu hạnh bố thí. Bố thí cho những người nghèo khổ, Sa-môn, Bà-la-môn, kẻ bần cùng, người cô độc từ các phương xa lại xin; đem đồ ăn thức uống, áo chần, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, bột hương, nhà cửa, giường nệm, đệm lông, khăn quần và cung cấp đèn dầu đầy đủ. Nếu trong nước con có các bậc Thượng tôn danh đức Sa-môn, Bà-la-môn, thì con phải tùy thời đi đến chỗ của các vị đó để hỏi pháp, thọ pháp như thế này: ‘Thưa Chư Tôn, thế nào là pháp thiện, thế nào là pháp bất thiện? Thế nào là tội, thế nào là phước? Thế nào là diệu, thế nào là phi diệu? Thế nào là hắc, thế nào là bạch? Pháp hắc bạch từ đâu sinh? Thế nào là mục đích⁸ của cuộc đời này? Thế nào là mục đích của đời sau? Làm thế nào để thọ thiện, không thọ ác?’ Sau khi nghe từ các vị ấy, con phải thực hành đúng như lời các vị đã dạy. Nếu trong nước của con có kẻ bần cùng thì hãy lấy của cải cung cấp đầy đủ. Nay con, đó là pháp tương thừa, con

⁷ Tương kế chi pháp 相繼之法. Xem kinh số 67.

⁸ Hán: nghĩa 義. Ý nghĩa hoặc mục đích.

nên khéo học. Con đã khéo học thì vào ngày rằm, thuyết Biệt giải thoát, sau khi tắm rửa và lên chính điện, chắc chắn Bánh xe báu ấy sẽ từ phương Đông hiện đến, có ngàn cấm và đầy đủ các bộ phận, thanh tịnh tự nhiên, chẳng phải do người tạo, màu sắc như ánh lửa, chói lọi sáng ngời.

“Vua Sát-lị Đánh sinh sau đó liền quán pháp đúng như pháp, thực hành pháp đúng như pháp, đã vì thái tử, hậu phi, thể nữ và các thần dân, Sa-môn, Bà-la-môn, cho đến loài côn trùng mà phụng trì trai giới vào các ngày mồng tám, mười bốn và mười lăm, tu hạnh bố thí. Bố thí cho những người nghèo khổ, Sa-môn, Bà-la-môn, kẻ bần cùng, người cô độc từ các phương xa lại xin; đã đem cho đồ ăn thức uống, y, mền, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, bột hương, nhà cửa, giường nệm, đệm lông, khăn quần và cung cấp dầu đèn đầy đủ. Nếu trong nước của vua có các bậc Thượng tôn danh đức Sa-môn, Bà-la-môn thì vua tùy thời đích thân đến chỗ các vị hỏi pháp, thọ pháp thể này:

“– Thừa Chư Tôn, thế nào là pháp thiện, thế nào là pháp bất thiện? Thế nào là tội, thế nào là phước? Thế nào là diệu, thế nào là phi diệu? Thế nào là hắc, thế nào là bạch? Pháp hắc bạch từ đâu sinh? Thế nào là mục đích của đời này? Thế nào là mục đích của đời sau? Làm thế nào để thọ thiện mà không thọ ác?

[521b] “Sau khi nghe họ nói, vua thực hành đúng như pháp những lời các vị đã dạy. Nếu trong nước của vua có kẻ bần cùng, vua liền lấy của cải tùy thời cung cấp đầy đủ. Sau đó, vua Sát-lị Đánh sinh vào ngày rằm thuyết Biệt giải thoát, sau khi tắm rửa bèn lên chính điện. Khi ấy Bánh xe báu ấy từ phương Đông hiện đến, có ngàn cấm và đầy đủ các bộ phận, thanh tịnh tự nhiên, chẳng phải do người tạo, màu sắc như ánh lửa, chói lọi sáng ngời. vua đã được làm Chuyển luân vương, cũng thành tựu bảy báu, cũng được bốn đức như ý của con người.

“Thành tựu bảy báu và được bốn đức như ý của con người như thế nào? Điều này đã nói ở trước.

“Vua Chuyển luân vương ấy, vào một thời gian sau, bánh xe báu bỗng nhiên rời khỏi chỗ cũ một ít, có người trông thấy, liền đến chỗ vua Chuyển luân vương tâu rằng:

“– Tâu Thiên vương, nên biết cho rằng bánh xe báu đã rời khỏi chỗ cũ một ít.

“Chuyển luân vương nghe xong liền bảo thái tử:

– “Này Thái tử, bánh xe báu của ta đã rời khỏi chỗ cũ. Này Thái tử, ta từng nghe từ Phụ vương ta là vua Kiên Niệm nói như thế này: ‘Nếu bánh xe báu của vua Chuyển luân vương rời khỏi chỗ cũ thì vua ấy chắc chắn không còn sống lâu, mạng vua không còn tồn tại bao lâu nữa’. Này Thái tử, ta đã hưởng dục lạc của thế gian, nay ta cầu dục lạc thiên thượng. Này Thái tử, ta muốn cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Này Thái tử, con hãy chính trị giáo hóa đúng như pháp, chớ đừng phi pháp, không để cho trong nước có những người tạo ác nghiệp và phi phạm hạnh. Này Thái tử, về sau nếu con thấy bánh xe báu rời khỏi chỗ cũ, thì con cũng phải đem việc quốc chính của nước này giao phó lại cho con của con, khéo dạy bảo và ủy thác giang sơn lại cho nó, rồi con cũng cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo.

“Bấy giờ, vua Chuyển luân vương ấy giao phó đất nước cho thái tử, khéo dạy bảo xong, liền cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Sau khi vua Chuyển luân vương ấy xuất gia học đạo được bảy ngày thì bánh xe báu ấy biến mất không thấy.

“Lúc mất bánh xe báu, vua Sát-lị Đảnh sinh không ưu sầu mà lại nhiễm dục, trước dục, tham dục, không nhàm tởm, bị dục trói buộc, bị lệ thuộc vào dục, không thấy tai họa của dục, không biết sự xuất ly khỏi dục, tự cai trị đất nước theo ý của mình nên đất nước suy vong, không phục hưng nổi. Như các vị Chuyển luân vương thuở xưa học pháp tương thừa, nên đất nước nhân dân càng hưng thịnh thêm mãi, không hề suy giảm; trái lại [521c] vua Sát-lị Đảnh sinh tự cai trị đất nước theo ý mình. Vì tự cai trị đất nước theo ý mình nên đất nước suy vong, không phục hưng nổi.

“Bấy giờ, Bà-la-môn Quốc sư đi quan sát tình cảnh đất nước, thấy đất nước nhân dân đã suy vong, không phục hưng nổi, liền nghĩ rằng: ‘Vua Sát-lị Đảnh sinh tự cai trị đất nước theo ý của vua. Vì cai trị đất nước theo ý của vua nên đất nước nhân dân đã suy vong, không phục hưng nổi. Như các bậc Chuyển luân vương thuở xưa học pháp tương thừa nên đất nước nhân dân càng hưng thịnh thêm mãi, không hề suy giảm; trái lại vua Sát-lị Đảnh sinh này tự cai trị đất nước theo ý của vua. Vì cai trị đất nước theo ý của vua nên nhân dân đất nước đã suy vong, không phục

hưng nổi.’ Bà-la-môn Quốc sư liền đến vua Sát-lị Đảnh sinh thưa rằng:

“– Tâu Thiên vương, nên biết rằng, Thiên vương đã tự cai trị đất nước theo ý của Thiên vương. Vì đã cai trị đất nước theo ý của Thiên vương nên đất nước nhân dân đã suy giảm, không phục hưng nổi. Như các vị Chuyển luân vương thuở xưa học pháp tương thừa nên đất nước nhân dân càng hưng thịnh mãi, không hề suy giảm. Nay Thiên vương thì trái lại, cai trị đất nước theo ý của Thiên vương nên đất nước nhân dân đã suy vong, không phục hưng nổi.

“Nghe xong, vua Sát-lị Đảnh sinh bảo rằng:

“– Nay Bà-la-môn, ta phải làm thế nào?

Bà-la-môn Quốc sư trả lời:

“– Tâu Thiên vương, trong nước có người thông minh trí tuệ, am tường toán số. Trong nước có đại thần và quyền thuộc học kinhchínhhu rõ kinh,tụng tập, thọ trì pháp tương thừa. Khi đã học pháp tương thừa thì vào ngày rằm thuyết Biệt giải thoát, Thiên vương tắm rửa, lên chính điện,bánh xe báu ấy chắc chắn từ phương Đông hiện đến, có ngàn cãm và đầy đủ các bộ phận, thanh tịnh tự nhiên, chẳng phải do người tạo, màu sắc như ánh lửa, chói lợi sáng ngời.

“Vua Sát-lị Đảnh sinh lại hỏi:

“– Nay Bà-la-môn, pháp tương thừa như thế nào mà Bà-la-môn muốn ta học, để lúc học rồi, vào ngày rằm thuyết Biệt giải thoát, sau khi tắm rửa và lên chính điện, bánh xe báu từ phương Đông hiện đến, có một ngàn cãm, đầy đủ các bộ phận, thanh tịnh tự nhiên, chẳng phải do người làm, màu sắc tự như ánh lửa, chói lợi sáng ngời?

“Bà-la-môn Quốc sư thưa rằng:

“– Tâu Thiên vương, Thiên vương hãy quán pháp đúng như pháp, thực hành pháp đúng như pháp. Hãy vì thái tử, hậu phi, thể nữ và các thần dân, Sa-môn, Bà-la-môn [522a] cho đến loài côn trùng mà phụng trì trai giới. Vào những ngày mùng tám, mười bốn và ngày rằm tu hạnh bố thí. Bố thí cho những người nghèo khổ, Sa-môn, Bà-la-môn, kẻ bần cùng, người cô độc từ các phương xa lại xin, đem cho đồ ăn thức uống, y, mền, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, bột hương, nhà cửa, giường nằm, đệm lông, chăn quần và cung cấp đèn dầu đầy đủ. Nếu ở trong nước có những bậc thượng tôn danh đức Sa-môn, Bà-la-môn thì Thiên vương hãy tùy thời, đi

đến chỗ của các ngài để hỏi pháp, thọ pháp như thế này: ‘Thưa Chư Tôn, thế nào là pháp thiện, thế nào là pháp bất thiện? Thế nào là tội, thế nào là phước? Thế nào là diệu, thế nào là phi diệu? Thế nào là hắc, thế nào là bạch? Pháp hắc bạch từ đâu sinh? Thế nào là mục đích của đời này? Thế nào là mục đích của đời sau làm thế nào để thọ thiện mà không thọ ác?’ Khi đã được nghe xong, Thiên vương nên thực hành đúng như lời các ngài đã dạy. Nếu trong nước của Thiên vương có kẻ bần cùng thì nên lấy của cải trong cung để cung cấp đầy đủ. Tâu Thiên vương, đó là pháp tương thừa, Thiên vương nên khéo học và ghi nhớ, rồi vào ngày rằm thuyết Biệt giải thoát, sau khi tắm rửa và lên chính điện, Thiên vương, bánh xe báu báu ấy chắc chắn sẽ từ phương Đông hiện đến, có một ngàn cựa và đủ các bộ phận, thanh tịnh tự nhiên, chẳng phải do người tạo, màu sắc như ánh lửa, chói lọi sáng ngời.

“Sau đó, vua Sát-lị Đảnh sinh liền quán pháp đúng như pháp, thực hành đúng như pháp, vì thế nữ, hậu phi và các thần dân, Sa-môn, Bà-la-môn cho đến loài côn trùng mà phụng trì trai giới vào ngày mồng tám, mười bốn và ngày rằm, tu hành bố thí, bố thí cho những người nghèo khổ, Sa-môn, Bà-la-môn, kẻ bần cùng, người cô độc từ các phương xa lại xin, đem cho đồ ăn, thức uống, y, mền, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, bột hương, nhà cửa, giường nệm, đệm lông, khăn quần và cung cấp đèn dầu đầy đủ. Nếu trong nước có các bậc Thượng tôn danh đức, Sa-môn, Bà-la-môn thì vua đã đích thân tùy thời đến chỗ các vị ấy để hỏi pháp, thọ pháp như thế này:

“– Thưa chư tôn, thế nào là pháp thiện, thế nào là pháp bất thiện? Thế nào là tội, thế nào là phước? Thế nào là diệu, thế nào là phi diệu? Thế nào là hắc, thế nào là bạch? Pháp hắc bạch từ đâu sinh? Thế nào là mục đích của đời này? Thế nào là mục đích của đời sau? Làm thế nào để thọ thiện mà không thọ ác?

“Khi đã nghe xong, vua đã thực hành đúng như lời các ngài đã chỉ bảo. Nhưng trong nước có người bần cùng, vua không đem vật dụng cấp phát. Do đó kẻ nghèo khổ không có của cải, đã nghèo khổ lại càng nghèo khổ hơn. Vì nghèo khổ nên ăn trộm vật dụng của kẻ khác, vì ăn trộm nên [522b] bị chủ nhân rình bắt trời đem đến vua Sát-lị Đảnh sinh, thưa rằng:

“– Tâu Thiên vương, người này ăn trộm vật dụng của con, xin Thiên vương trừng trị.

“Vua Sát-lị Đảnh sinh hỏi tội nhân:

“– Quả thật ngươi có ăn trộm?

Người ấy đáp:

“– Tâu Thiên vương, quả thật con có ăn trộm. Vì sao? Tâu Thiên vương, vì nghèo khổ. Nếu không ăn trộm thì không có gì để sống.

“Vua Sát-lị Đảnh sinh liền đem của cải cấp phát cho và nói với người ăn trộm rằng:

“– Ngươi hãy trở về và sau này chớ trái phạm.

“Bấy giờ, dân chúng trong nước nghe nói về vua Sát-lị Đảnh sinh như thế này: ‘Nếu trong nước có ai trộm cắp thì Vua liền đem của cải cấp phát cho,’ Do đó, có người nghĩ rằng: ‘Chúng ta cũng nên ăn cắp của cải kẻ khác’. Từ đó, dân chúng trong nước ai cũng tranh nhau trộm cắp của cải kẻ khác. Vì thế, người nghèo khổ không có của cải, không được cấp phát, càng trở nên nghèo khổ hơn, nên nạn trộm cắp càng lan tràn. Vì trộm cắp lan tràn nên tuổi thọ con người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu.

“Này Tỳ-kheo, sau khi tuổi thọ của con người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu thì người cha thọ tám vạn tuổi, con thọ bốn vạn tuổi.

“Này Tỳ-kheo, lúc loài người thọ bốn vạn tuổi, có người trộm cắp vật dụng của kẻ khác, chủ nhân rình bắt trời đem đến vua Sát-lị Đảnh sinh, thưa rằng:

“– Tâu thiên vương, người này trộm cắp vật dụng của con, xin Thiên vương trừng trị.

“Vua Sát-lị Đảnh sinh hỏi người lấy trộm:

“– Quả thật ngươi có ăn trộm phải không?

Người ấy đáp:

“– Tâu Thiên vương, quả con có ăn trộm. Vì sao? – Vì nghèo khổ. Nếu không ăn trộm, con không có gì để sống.

“Nghe xong, vua Sát-lị Đảnh sinh nghĩ rằng: ‘Nếu trong nước ta có nạn trộm cắp mà ta lại đem của cải cấp phát đầy đủ, như vậy chỉ làm cho kho tàng của quốc gia khô kiệt, dung túng cho nạn trộm cắp lan tràn. Ta nên rèn dao thật bén, nếu trong nước ta có ai trộm cắp thì bắt trời ngay dưới gốc cây nêu cao và chém đầu nó’.

“Sau đó, vua Sát-lị Đảnh sinh hạ lệnh rền dao thật bén. Nếu trong nước có ai trộm cắp vật dụng của kẻ khác thì cho bắt trói dưới cây nêu cao mà chém đầu.

“Người trong nước bấy giờ nghe vua Sát-lị Đảnh sinh ra lệnh rền dao thật bén, nếu trong nước có ai ăn trộm vật dụng của kẻ khác thì cho bắt trói dưới cây nêu cao và chém đầu, dân chúng bèn nghĩ rằng: ‘Ta cũng nên bắt chước rền dao thật bén, mang đi ăn trộm vật dụng. Nếu lấy vật dụng của ai thì bắt chủ nhân của vật ấy mà chém đầu’.

“Từ đó về sau, những người ăn trộm thi nhau rền dao bén mang đi ăn trộm vật dụng, bắt các chủ nhân mà [522c] chém đầu. Do đó, kẻ nghèo khổ không của cải, không được cấp phát, càng nghèo khổ hơn. Vì càng nghèo khổ hơn nên nạn trộm cắp càng lan tràn. Vì nạn trộm cắp càng lan tràn nên sự chém giết càng tăng lên. Do đó tuổi thọ của loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu.

“Này Tỳ-kheo, sau khi tuổi thọ giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu thì người cha chỉ còn bốn vạn tuổi và con thọ hai vạn tuổi.

“Này Tỳ-kheo, lúc loài người thọ hai vạn tuổi, có người ăn trộm vật dụng của kẻ khác, chủ nhân bắt trói dẫn tới vua Sát-lị Đảnh sinh, thưa rằng:

“– Tâu Thiên vương, người này ăn trộm vật dụng của con, xin Thiên vương trừng trị.

“Vua Sát-lị Đảnh sinh hỏi tội nhân:

“– Quả thật ngươi có ăn trộm phải không?

“Bấy giờ, người ăn trộm nghĩ rằng: ‘Vua Sát-lị Đảnh sinh nếu biết sự thật này thì sẽ trói và đánh mình, hoặc vút ném, hoặc tần xuất, hoặc phạt tiền của, hoặc trừng trị đau đớn đủ cách, hoặc treo lên cây rồi bêu đầu mình. Có lẽ mình dùng lời nói dối, lừa gạt vua Sát-lị Đảnh sinh chăng?’

“Nghĩ xong, thưa rằng:

“– Tâu Thiên vương, tôi không lấy trộm.

“Do đó kẻ nghèo khổ không có của cải, không được cấp phát, càng nghèo khổ hơn. Vì càng nghèo khổ hơn nên nạn trộm cắp càng lan tràn mãi. Vì sự trộm cắp càng lan tràn nên sự chém giết gia tăng. Vì sự chém giết gia tăng nên sự nói dối, nói hai lưỡi nhiều hơn. Vì sự nói dối, nói hai lưỡi nhiều hơn nên tuổi thọ của loài người càng giảm xuống, hình sắc trở

nên thô xấu.

“Này Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu thì người cha chỉ thọ hai vạn tuổi, người con chỉ thọ một vạn tuổi.

“Này Tỳ-kheo, lúc loài người thọ một vạn tuổi thì trong nhân dân có người có đức, có người vô đức. Nếu ai vô đức thì ghen ghét người có đức và phạm tà hạnh với vợ của người. Do đó kẻ nghèo khổ không có của cải, không được cấp phát, càng nghèo khổ hơn. Vì càng nghèo khổ nên nạn trộm cắp càng lan tràn. Vì trộm cắp lan tràn nên chém giết gia tăng. Vì chém giết gia tăng nên nói dối, nói hai lưỡi gia tăng. Vì nói dối, nói hai lưỡi gia tăng nên tật đố, tà dâm gia tăng. Vì tật đố, tà dâm gia tăng nên tuổi thọ của loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu.

“Này Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu thì người cha chỉ thọ một vạn tuổi, người con chỉ thọ năm ngàn tuổi.

“Này Tỳ-kheo, lúc loài người thọ hai ngàn năm trăm tuổi thì ba pháp khác lại hưng thịnh; đó là, lưỡng thiệt, ác khẩu và phù phiếm. Vì ba pháp này hưng thịnh nên [523a] tuổi thọ của loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu.

“Này Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu thì người cha chỉ thọ hai ngàn năm trăm tuổi, người con chỉ thọ một ngàn tuổi.

“Này Tỳ-kheo, lúc loài người thọ một ngàn tuổi thì một pháp hưng thịnh, đó là tà kiến. Vì pháp này hưng thịnh nên tuổi thọ loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu.

“Này Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu, thì người cha chỉ thọ một ngàn tuổi, người con chỉ thọ năm trăm tuổi.

“Này Tỳ-kheo, khi loài người thọ năm trăm tuổi thì con người lúc ấy hoàn toàn⁹ không hiểu thảo với cha mẹ, không kính trọng Sa-môn, Bà-la-môn, không làm việc thuận lợi, không tạo phước nghiệp, không thấy tội đời sau. Lúc loài người không hiểu thảo với cha mẹ, không kính trọng Sa-môn, Bà-la-môn, không làm việc thuận lợi, không tạo phước nghiệp, không thấy tội đời sau, cho nên này Tỳ-kheo, lúc đó người cha chỉ thọ năm trăm tuổi, người con chỉ thọ hai trăm năm mươi tuổi, hoặc hai trăm

⁹ Trong đề bản: tận thọ 盡壽 (suốt đời). Có lẽ dư chữ thọ. TNM không có.

tuổi.

“Này Tỳ-kheo, hiện giờ nếu có ai được trường thọ thì được một trăm tuổi và có thể là không chừng.”

Đức Phật lại bảo:

“– Một thời gian lâu xa về đời vị lai, sẽ có lúc con người chỉ thọ mười tuổi; khi ấy con gái sinh ra mới năm tháng¹⁰ đã lấy chồng.

“Này Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi, có một giống lúa tên là bại tử¹¹, là thức ăn ngon nhất. Cũng như lúa gạo¹² là thức ăn ngon nhất của loài người hôm nay. Này Tỳ-kheo, cũng giống như thế, lúc con người thọ mười tuổi thì có loại lúa tên là bại tử, là món ăn ngon nhất.

“Này Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi, những thứ mỹ vị mà ngày nay hiện có như tô-du, muối, mật¹³, mía, đường thì thời ấy những thứ này sẽ biến mất tất.

“Này Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi, nếu ai tạo mười ác nghiệp đạo thì kẻ ấy sẽ được người khác kính trọng. Cũng như hiện giờ, nếu ai tạo mười thiện nghiệp đạo thì kẻ ấy được người khác kính trọng. Này Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi, cũng như vậy, nếu ai tạo mười ác nghiệp đạo thì kẻ ấy được người khác kính trọng.

“Này Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi thì hoàn toàn không có một danh từ “thiện”, huống nữa là có tạo mười thiện nghiệp đạo.

“Này Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi, có người tên là Đàn Phạt¹⁴, đi đến khắp mọi nhà mà đàn phạt.

“Này Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi, thì mẹ đối với con có tâm giết hại rất mãnh liệt, con đối với mẹ cũng có tâm giết hại rất mãnh liệt. Cha con, anh em, chị em thân thuộc đối với nhau đều có tâm giết hại lẫn

¹⁰ Hán: ngũ nguyệt 五月. Cf. No 1(6), cùng vậy. Pl. D 26: *pañcavassikā kumārikā alampateyyā bhavissanti*, con gái năm tuổi sẽ đi lấy chồng.

¹¹ Bại tử 稗子; loại cỏ giống như lúa. Pāli: hột *kudrūsa*.

¹² Canh lương 粳糧; Pāli: *sāli-mamsodana*.

¹³ Trong bản: diêm, mật 鹽蜜. Theo liệt kê thông thường thì chỗ này là *thạch mật* tức *mật mía*.

¹⁴ Đàn phạt 彈罰; đàn hạch và trừng phạt?

nhau. Cũng như người thợ săn trông thấy con nai thì có tâm giết hại rất mãnh liệt. Nay Tỳ-kheo, lúc con người thợ mười tuổi cũng lại như thế, mẹ đối với con có tâm giết hại rất mãnh liệt. Cha con, anh em, chị em quyến thuộc [523b] đối với nhau đều có tâm giết hại lẫn nhau.

“Này Tỳ-kheo, lúc con người thợ mười tuổi, có nạn đao binh bảy ngày¹⁵. Nếu ai có nắm cỏ thì cỏ biến thành đao. Nếu nắm cây củi thì cây củi cũng biến thành đao. Ai cũng dùng đao ấy để giết hại lẫn nhau. Qua bảy ngày, nạn đao binh chấm dứt.

“Bấy giờ cũng có người biết thẹn thùng, xấu hổ, nhơm tởm, chán ghét, không ưa những sự hung ác kia. Lúc có nạn đao binh bảy ngày, họ đi vào núi non hoặc đồng nội, ẩn náu ở nơi yên ổn. Sau bảy ngày ấy, thì từ núi non đồng nội, nơi yên ổn đi ra, trông thấy nhau sinh lòng thương mến, quyến luyến nhau vô cùng. Cũng như mẹ hiền chỉ có một đứa con đã xa cách lâu ngày, nay từ phương xa trở lại gia đình yên ổn, mẹ con thấy nhau hoan hỷ, sinh lòng thương mến nhau vô cùng. Những người kia, sau bảy ngày từ núi non đồng nội, nơi yên ổn đi ra, trông thấy nhau sinh lòng thương mến, quyến luyến nhau vô cùng, cũng giống như thế. Trông thấy nhau rồi, liền nói rằng: ‘Chư Hiền, ta nay thấy nhau còn được yên ổn. Chúng ta vì tạo pháp bất thiện nên gặp gỡ nơi đây, thân thuộc chết sạch. Chúng ta hãy cùng nhau thực hành thiện pháp. Làm thế nào để chúng ta cùng thực hành thiện pháp? Chúng ta đều là kẻ sát nhân, nay nên xa lìa sát sinh, đoạn trừ sát sinh, chúng ta nên thực hành thiện pháp ấy’.

“Những người kia cùng nhau thực hành thiện pháp, tuổi thọ liền tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Nay Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ đã tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ thì người thợ mười tuổi sinh ra con thợ hai mươi tuổi.

“Này Tỳ-kheo, người thợ hai mươi tuổi lại nghĩ rằng: ‘Nếu cầu học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Chúng ta nên cùng nhau làm điều thiện nhiều hơn. Làm thế nào để chúng ta cùng làm điều thiện nhiều hơn? Chúng ta hãy xa lìa sát sinh, đoạn trừ sát sinh nhưng vẫn còn lấy của không cho. Chúng ta nên xa lìa việc lấy của không cho, đoạn trừ việc lấy của không cho. Chúng ta nên cùng nhau làm điều thiện

¹⁵ Đao binh kiếp 刀兵劫. Pāli: *sattthantara-kappa*.

ấy’.

“Những người kia cùng nhau làm điều thiện như thế. Khi đã làm điều thiện ấy, tuổi thọ lại tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ thì người thọ hai mươi tuổi sinh con thọ bốn mươi tuổi.

“Này Tỳ-kheo, người thọ bốn mươi tuổi cũng nghĩ như thế này: ‘Nếu cầu học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Chúng ta nên làm việc thiện nhiều hơn nữa. Làm thế nào để chúng ta làm việc thiện nhiều hơn nữa? Chúng ta đã xa lìa sát sinh, đoạn trừ sát sinh, xa lìa việc lấy của không cho, nhưng vẫn còn tà dâm. Chúng ta nên [523c] xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm. Chúng ta nên làm việc thiện ấy’.

“Những người kia cùng nhau làm điều thiện như thế. Khi đã làm điều thiện ấy, tuổi thọ lại tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Này Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ loài người đã tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ thì người thọ bốn mươi tuổi sinh con thọ tám mươi tuổi.

“Này Tỳ-kheo, người thọ tám mươi tuổi cũng nghĩ thế này: ‘Nếu cầu học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Chúng ta cùng nhau làm điều thiện nhiều hơn nữa. Làm thế nào để chúng ta cùng nhau làm điều thiện nhiều hơn? Chúng ta đã xa lìa sát sinh, đoạn trừ sát sinh, xa lìa việc lấy của không cho, đoạn trừ việc lấy của không cho, xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm, nhưng vẫn còn nói dối. Chúng ta nên xa lìa nói dối, đoạn trừ nói dối. Chúng ta nên làm việc thiện ấy’.

“Những người kia cùng nhau làm việc thiện ấy. Khi đã làm việc thiện ấy thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Này Tỳ-kheo, khi loài người tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ thì người thọ tám mươi tuổi sinh con thọ một trăm sáu mươi tuổi.

“Này Tỳ-kheo, người thọ một trăm sáu mươi tuổi cũng nghĩ như thế này: ‘Nếu cầu học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ, chúng ta nên cùng nhau học điều thiện nhiều hơn nữa. Làm thế nào để chúng ta cùng làm việc thiện nhiều hơn nữa? Chúng ta đã xa lìa sát sinh, đoạn trừ sát sinh; đã xa lìa trộm cắp, đoạn trừ trộm cắp; xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm; xa lìa nói dối, đoạn trừ nói dối, nhưng chúng ta vẫn còn nói hai lưỡi. Chúng ta nên xa lìa nói hai lưỡi đoạn trừ nói hai lưỡi. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện ấy’.

“Những người kia cùng nhau làm việc thiện như thế. Khi làm việc thiện

ấy, tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Nay Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ của loài người tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ thì người thọ một trăm sáu mươi tuổi sinh con thọ ba trăm hai mươi tuổi.

“Nay Tỳ-kheo, người thọ ba trăm hai mươi tuổi cũng nghĩ rằng: ‘Nếu cầu học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ, chúng ta nên cùng nhau học điều thiện nhiều hơn nữa. Làm thế nào để chúng ta cùng làm việc thiện nhiều hơn nữa? Chúng ta đã xa lìa sát sinh, đoạn trừ sát sinh; đã xa lìa trộm cắp, đoạn trừ trộm cắp; xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm; xa lìa nói dối, đoạn trừ nói dối; xa lìa nói hai lưỡi, đoạn trừ nói hai lưỡi, nhưng vẫn còn nói thô ác. Chúng ta nên xa lìa lời nói thô ác, đoạn trừ lời nói thô ác. Chúng ta nên làm việc thiện ấy’.

“Những người kia cùng nhau làm việc thiện như thế. Khi làm việc thiện ấy, tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Nay Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ của loài người tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ thì người thọ ba trăm hai mươi tuổi sinh con thọ sáu trăm bốn mươi tuổi.

“Nay Tỳ-kheo, người thọ sáu trăm bốn mươi tuổi cũng nghĩ rằng: ‘Nếu cầu [524a] học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ, chúng ta nên cùng nhau học điều thiện nhiều hơn nữa. Làm thế nào để chúng ta cùng làm việc thiện nhiều hơn? Chúng ta đã xa lìa sát sinh, đoạn trừ sát sinh; đã xa lìa trộm cắp, đoạn trừ trộm cắp; xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm; xa lìa nói dối, đoạn trừ nói dối, xa lìa nói hai lưỡi, đoạn trừ nói hai lưỡi; xa lìa nói thô ác, đoạn trừ nói thô ác, nhưng chúng ta vẫn còn nói phù phiếm. Chúng ta nên xa lìa nói phù phiếm, đoạn trừ nói phù phiếm. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện ấy’.

“Những người kia cùng nhau làm việc thiện như thế. Khi đã làm việc thiện ấy, tuổi thọ liền tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Nay Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ của loài người tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ thì người thọ sáu trăm bốn mươi tuổi sinh con thọ hai ngàn năm trăm tuổi.

“Nay Tỳ-kheo, người thọ hai ngàn năm trăm tuổi cũng nghĩ rằng: ‘Nếu cầu học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn nữa. Làm thế nào để chúng ta làm việc thiện nhiều hơn? Chúng ta đã xa lìa sát sinh, đoạn trừ sát sinh; đã xa lìa trộm cắp, đoạn trừ trộm cắp; xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm; xa lìa nói dối, đoạn trừ nói dối, xa lìa nói hai lưỡi, đoạn trừ nói hai lưỡi; xa

lia nói thô ác, đoạn trừ nói thô ác, xa lia lời nói phù phiếm, đoạn trừ lời nói phù phiếm, nhưng còn tham lam tật đố. Chúng ta nên xa lia tham lam tật đố, đoạn trừ tham lam tật đố. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện ấy’.

“Những người kia cùng nhau làm việc thiện như thế. Khi đã làm việc thiện ấy, tuổi thọ liền tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Nay Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ của loài người tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ thì người thọ hai ngàn năm trăm tuổi sinh con thọ năm ngàn tuổi.

“Nay Tỳ-kheo, người thọ năm ngàn tuổi cũng nghĩ rằng: ‘Nếu cầu học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn nữa. Làm thế nào để chúng ta làm việc thiện nhiều hơn? Chúng ta đã xa lia sát sinh, đoạn trừ sát sinh; xa lia việc lấy của không cho, đoạn trừ việc lấy của không cho; xa lia tà dâm, đoạn trừ tà dâm; xa lia lời nói dối, đoạn trừ lời nói dối, xa lia nói hai lưỡi, đoạn trừ nói hai lưỡi; xa lia nói thô ác, đoạn trừ nói thô ác, xa lia lời nói phù phiếm, đoạn trừ lời nói phù phiếm, xa lia tham lam tật đố, đoạn trừ tham lam tật đố, nhưng vẫn còn sân hận. Chúng ta nên xa lia sân nhuế, đoạn trừ sân nhuế. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện ấy’.

“Những người kia cùng nhau làm việc thiện như thế. Khi đã làm việc thiện ấy, tuổi thọ liền tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Nay Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ của loài người tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ thì người thọ năm ngàn tuổi sinh con thọ một vạn tuổi.

“Nay Tỳ-kheo, người thọ một vạn tuổi cũng nghĩ rằng: ‘Nếu cầu học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. [524b] Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn nữa. Làm thế nào để chúng ta làm việc thiện nhiều hơn? Chúng ta đã xa lia sát sinh, đoạn trừ sát sinh; xa lia việc lấy của không cho, đoạn trừ việc lấy của không cho; xa lia tà dâm, đoạn trừ tà dâm; xa lia nói dối, đoạn trừ nói dối, xa lia nói hai lưỡi, đoạn trừ nói hai lưỡi; xa lia lời nói thô ác, đoạn trừ lời nói thô ác, xa lia lời nói phù phiếm, đoạn trừ lời nói phù phiếm, xa lia tham lam tật đố, đoạn trừ tham lam tật đố, xa lia sân nhuế, đoạn trừ sân nhuế, nhưng vẫn còn tà kiến. Chúng ta nên xa lia tà kiến, đoạn trừ tà kiến. Chúng ta nên cùng nhau tu học việc thiện này’.

“Những người kia cùng nhau làm việc thiện như thế. Khi đã làm việc

thiện ấy, tuổi thọ liền tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Nay Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ của loài người đã tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ thì người thọ một vạn tuổi sinh con thọ hai vạn tuổi.

“Nay Tỳ-kheo, người thọ hai vạn tuổi cũng nghĩ rằng: ‘Nếu cầu học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn nữa. Làm thế nào để chúng ta làm việc thiện nhiều hơn? Chúng ta đã xa lìa sát sinh, đoạn trừ sát sinh; xa lìa việc lấy của không cho, đoạn trừ việc lấy của không cho; xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm; xa lìa nói dối, đoạn trừ nói dối, xa lìa nói hai lưỡi, đoạn trừ nói hai lưỡi; xa lìa lời nói thô ác, đoạn trừ lời nói thô ác, xa lìa lời nói phù phiếm, đoạn trừ lời nói phù phiếm, xa lìa tham lam tật đố, đoạn trừ tham lam tật đố, xa lìa sân nhuế, đoạn trừ sân nhuế, xa lìa tà kiến, đoạn trừ tà kiến, nhưng vẫn còn có phi pháp dục, ác tham hạnh và tà pháp. Chúng ta nên xa lìa ba pháp ác bất thiện này, đoạn trừ ba pháp ác bất thiện này. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện ấy’.

“Những người kia cùng nhau làm việc thiện như thế. Khi đã làm việc thiện ấy, tuổi thọ liền tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Nay Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ của loài người đã tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ thì người thọ hai vạn tuổi sinh con thọ bốn vạn tuổi.

“Nay Tỳ-kheo, lúc loài người thọ bốn vạn tuổi thì biết hiếu thuận với cha mẹ, tôn trọng cung kính Sa-môn, Bà-la-môn, làm việc thuận lợi, tu tập phước nghiệp, thấy tội lỗi đời sau. Loài người nhân vì hiếu thuận với cha mẹ, cung kính tôn trọng Sa-môn, Bà-la-môn, làm việc thuận lợi, tu tập phước nghiệp, thấy tội đời sau, cho nên nay Tỳ-kheo, người thọ bốn vạn tuổi sinh con thọ tám vạn tuổi.

“Nay Tỳ-kheo, lúc người thọ tám vạn tuổi, châu Diêm-phù này giàu có cùng tột, nhân dân đông đúc, thôn ấp gần nhau bằng khoảng cách con gà bay.

“Nay Tỳ-kheo, lúc con người thọ tám vạn tuổi, con gái đến năm trăm tuổi mới có thể lấy chồng. Nay Tỳ-kheo, lúc con người thọ tám vạn tuổi thì chỉ có những chứng bệnh như đại tiểu tiện, nóng, lạnh, muốn ăn uống và già.¹⁶ Ngoài ra, không còn tai họa nào nữa.

¹⁶ No 1(6): chín thứ bệnh: lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện, tham dục,

“Này Tỳ-kheo, lúc loài người thọ tám vạn tuổi, [524c] có một vị vua tên là Loa¹⁷ làm Chuyển luân vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân chinh trị thiên hạ, tự do tự tại, là vị Pháp vương như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu đó là luân báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, tướng quân báu; đó là bảy báu. vua có đủ ngàn người con thông minh trí tuệ, dung mạo khôi ngô, dũng mãnh không sợ, hàng phục được địch quân. vua thống lĩnh quả đất này cho đến bể cả, không dùng đao gậy, chỉ dùng pháp giáo hóa, khiến nhân dân an lạc.¹⁸

“Này Tỳ-kheo, các vua Sát-lị Đánh sinh làm nhân chủ chinh trị thiên hạ, đi lại trong cảnh giới của chính mình mà phụ vương đã truyền lại nên tuổi thọ không giảm xuống, hình sắc không thô xấu, chưa từng mất hoan lạc, sức lực cũng không suy.

“Này Tỳ-kheo, các người cũng phải như vậy, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, đi lại trong cảnh giới của chính mình mà phụ vương đã truyền lại, nên tuổi thọ không giảm xuống, hình sắc không thô xấu, chưa từng mất an lạc, thể lực cũng không suy.

“Thế nào gọi là Tỳ-kheo đi lại trong cảnh giới của chính mình mà phụ vương đã truyền lại? Đó là Tỳ-kheo quán thân trên nội thân, thọ trên thọ, tâm trên tâm, pháp trên pháp¹⁹. Như thế gọi là Tỳ-kheo đi lại trong cảnh giới của chính mình mà phụ vương đã truyền lại.

“Thế nào gọi là tuổi thọ của Tỳ-kheo? Tỳ-kheo ấy tu dục định như ý túc, y viễn ly, y vô dục, y diệt tận, hướng dẫn đến xuất yếu; tu tinh tấn định, tu tâm định, tu tư duy định, như ý túc, y viễn ly, y vô dục, y diệt tận, hướng đến xuất yếu. Đó là tuổi thọ của Tỳ-kheo.

“Thế nào là sắc của Tỳ-kheo? Đó là Tỳ-kheo tu tập cấm giới, thủ hộ Biệt

ham ăn và già. D 26 (iii. tr. 75), chỉ có ba thứ bệnh: ham muốn, đói và già (*manussesu tayo ābādhā bhavissanti, icchā, anasanaṃ, jarā*).

¹⁷ Loa 螺. Pāli: Saṅkha.

¹⁸ Bản Hán này không có đoạn nói về Phật Di-ặc xuất thế. Xem No 1(6), tr. 42a; Pl. D. 26, tr. iii. 83.

¹⁹ Hán: quán nội giác tâm pháp như pháp 觀內覺心法如法. Bản Hán chép dư chữ nội.

giải thoát giới, lại khéo thu nhiếp các oai nghi lễ tiết, thấy tội nhỏ cũng thường canh cánh lo sợ, thọ trì học giới. Đó là sắc của Tỳ-kheo.

“Thế nào là lạc của Tỳ-kheo? Đó là Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến chứng đắc cảnh thiền thứ tư, thành tựu và an trú. Đó là lạc của Tỳ-kheo.

“Thế nào là lực của Tỳ-kheo? Đó là Tỳ-kheo diệt sạch các lậu, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, trong đời hiện tại tự tri tự giác, tự thân tác chứng, thành tựu và an trú, biết như thật rằng: ‘Sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa’. Đó là lực của Tỳ-kheo.

“Này Tỳ-kheo, Ta không thấy có lực nào không gì có thể hàng phục được như lực của Ma vương. Cho nên Tỳ-kheo lậu tận phải dùng [525a] lực của vô thượng trí tuệ mới hàng phục được.”

Phật thuyết như thế. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.²⁰



²⁰ Bản Hán, hết quyển 15.

71. KINH TÌ-TỨ

[525a12] Tôi nghe như vậy.

Một thời Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp⁸⁸⁷ trú tại nước Câu-tát-la cùng với đại chúng Tỳ-kheo, đi đến Tư-hòa-đề⁸⁸⁸, trú trong rừng Thi-nhiếp-hòa⁸⁸⁹ về phía Bắc một ngôi làng của thị trấn này.

Bấy giờ trong ấp Tư-hòa-đề có vua tên là Tì-tứ⁸⁹⁰, giàu có cùng tột, của cải vô lượng, sản nghiệp chăn nuôi không thể tính toán, phòng hộ, thực ấp đầy đủ mọi thứ. Tất cả suối, hồ, cỏ cây ở ấp Tư-hòa-đề đều thuộc về vua, là phong ấp do vua Ba-tư-nặc, nước Câu-tát-la cấp cho.

Bấy giờ, các Bà-la-môn, cư sĩ ở Tư-hòa-đề nghe đồn rằng, “Có Sa-môn tên là Cưu-ma-la Ca-diếp, trú tại nước Câu-tát-la, cùng với đại chúng Tỳ-kheo đi đến thị trấn Tư-hòa-đề, trú tại rừng Thi-nhiếp-hòa về phía Bắc một ngôi làng của thị trấn này. Sa-môn Cưu-ma-la Ca-diếp có danh tiếng lớn lao, mười phương đều nghe. Cưu-ma-la Ca-diếp là bậc biện tài vô ngại, lời nói vi diệu, là bậc đa văn, là A-la-hán⁸⁹¹. Nếu ai yết kiến vị A-la-hán này, cung kính lễ bái thì được thiện lợi. Chúng ta có thể đi đến yết kiến Sa-môn Cưu-ma-la Ca-diếp này.”

Nghe thế, các Bà-la-môn, cư sĩ ở Tư-hòa-đề lên hướng Bắc, đến rừng Thi-nhiếp-hòa.

Bấy giờ, vua Tì-tứ ở trên chính điện, trông thấy từ xa các Bà-la-môn, cư sĩ ở Tư-hòa-đề, mỗi người cùng với nhóm của mình, theo nhau đi từ Tư-hòa-đề lên hướng Bắc, đến rừng Thi-nhiếp-hòa. Vua Tì-tứ thấy vậy, hỏi người hầu rằng:

“Hôm nay vì có gì các Bà-la-môn, cư sĩ ở Tư-hòa-đề này mỗi người cùng với [525b] nhóm của mình, theo nhau đi từ Tư-hòa-đề lên hướng Bắc, đến rừng Thi-nhiếp-hòa?

Người hầu thưa rằng:

“Tâu Thiên vương,⁸⁹² các Bà-la-môn, cư sĩ ở Tư-hòa-đề kia nghe rằng ‘có Sa-môn Cưu-ma-la Ca-diếp trú tại nước Câu-tát-la cùng với đại chúng Tỳ-kheo, đến thị trấn Tư-hòa-đề này, trú tại rừng Thi-nhiếp-hòa, về phía Bắc một ngôi làng của thị trấn này. Tâu Thiên vương, Sa-môn Cưu-ma-la Ca-diếp có danh tiếng lớn lao, mười phương đều nghe. Ngài là bậc biện tài vô ngại, lời nói vi diệu, là bậc đa văn, là A-la-hán. Nếu ai yết kiến vị

⁸⁸⁷ Cưu-ma-la Ca-diếp 鳩摩羅迦葉. No.1 (7): Đồng nữ Ca-diếp 童女迦葉. Pāli: Kumārakassapa, nổi danh xuất sắc về biện luận. Ngài được gọi là Kumāra, Vương tử hay Đồng tử, vì được vua nuôi, xuất gia mới lên bảy.

⁸⁸⁸ Tư-hòa-đề 斯瑟提. No.1(7): Tư-ba-hê 斯波醯. Pāli: Setavyā, thị trấn của Kosala.

⁸⁸⁹ Thi-nhiếp-hòa lâm 尸攝怛林; Pāli: Sīṃsapavana. Có một khu rừng Sīṃsapavana ở Ālavi và một khu ở Kosambi.

⁸⁹⁰ Tì-tứ 鞞肆; No.1 (7): Tệ Túc 弊宿. Pāli: Pāyāsi, thị trưởng thị trấn Setavyā. Bản Pāli gọi ông là rājāṇṇo, Sớ giải nói: anabhisittakarājā, không phải là vua Quán đảnh, tức chỉ là người thuộc vương tộc, hai đại quan, chứ không phải là vua.

⁸⁹¹ Bản văn: A-la-ha 阿羅訶: A-la-hán, chỉ chung Thánh nhân.

⁸⁹² Trong bản hán ông được hiểu là vua. nên tôn xưng là Thiên vương.

A-la-hán này, cung kính lễ bái thì được thiện lợi. Chúng ta có thể đến yết kiến Sa-môn Cưu-ma-la Ca-diếp ấy.’ Tâu Thiên vương, do đó các Bà-la-môn, cư sĩ cùng với nhóm của mình theo nhau đi từ Tư-hòa-đề lên hướng Bắc, đến rừng Thi-nhiếp-hòa.

Vua Tì-tứ nghe xong, liền bảo người hầu:

“Người hãy đến các Bà-la-môn, cư sĩ ở Tư-hòa-đề ấy, nói rằng ‘Vua Tì-tứ bảo các Bà-la-môn, cư sĩ xứ Tư-hòa-đề: ‘Này các người hãy đợi, ta sẽ cùng các người đến yết kiến Cưu-ma-sin-ha-diếp ấy. Các người ngu si đừng để Sa-môn ấy lừa gạt nói rằng có đời sau, có chúng sinh hóa sinh⁸⁹³. Ta thấy như vậy, chủ trương như vậy: ‘Không có đời sau, không có chúng sinh hóa sinh.’”

Người hầu vâng lời, liền đến chỗ các Bà-la-môn, cư sĩ ở Tư-hòa-đề nói rằng:

Vua Tì-tứ bảo các Bà-la-môn, cư sĩ ở Tư-hòa-đề như thế này: “Các người hãy đợi. Ta sẽ cùng với các người đi đến yết kiến Sa-môn Cưu-ma-la Ca-diếp. Các người ngu si đừng để Sa-môn ấy lừa gạt nói rằng Có đời sau, có chúng sinh hóa sinh. Ta quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: Không có đời sau, không có chúng sinh hóa sinh.”

Các Bà-la-môn, cư sĩ ở Tư-hòa-đề nghe lệnh ấy, bảo người hầu:

“Xin tuân theo lệnh truyền’.

Người hầu trở lại tâu với vua:

“Tôi đã công bố mệnh lệnh của vua rồi. Các Bà-la-môn, cư sĩ Tư-hòa-đề ấy đang đợi Thiên vương; mong Thiên vương biết cho, đã đến thời.”

Bấy giờ vua Tì-tứ bảo người đánh xe:

“Người mau sửa soạn xa giá. Ta nay muốn đi.”

Người đánh xe vâng lời, sửa soạn xa giá xong, liền trở lại tâu với vua rằng:

“Tâu Thiên vương, xa giá đã sửa soạn xong, chờ ý Thiên vương.”

Lúc đó vua Tì-tứ liền cỡi xe đi đến chỗ các Bà-la-môn, cư sĩ ở Tư-hòa-đề, rồi cùng nhau đến rừng Thi-nhiếp-hòa. Khi vua Tì-tứ từ xa trông thấy Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp ở giữa rừng cây, liền xuống xe đi đến chỗ Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp, [525c] chào hỏi nhau rồi ngồi qua một bên, thưa rằng:

“Này Ca-diếp, tôi nay muốn hỏi, thầy có nghe chăng?”

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp đáp:

“Vua Tì-tứ, muốn hỏi điều gì thì cứ hỏi. Tôi nghe xong sẽ suy nghĩ.”

Bấy giờ vua Tì-tứ liền hỏi:

“Này Ca-diếp, tôi quan niệm thế này, chủ trương thế này: ‘Không có đời sau, không có chúng sinh hóa sinh’. Ý Sa-môn Cưu-ma-la Ca-diếp nghĩ sao?”

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp đáp:

⁸⁹³ Hữu hậu thế, hữu chúng sinh sinh 有後世有眾生. No.1 (7): Hữu hậu thế, hữu cánh sinh. Pāli: *atthi paraloko, atthi sattā opapātikā*: Có thế giới khác (đời sau, chư thiên và địa ngục), có hóa sinh hữu tình.

“Vua Tì-tứ, tôi nay hỏi vua, vua hiểu thế nào trả lời thế ấy. Ý vua thế nào, mặt trời, mặt trăng này thuộc về thế giới này hay thế giới khác⁸⁹⁴?”

Vua Tì-tứ đáp:

“Sa-môn Cưu-ma-la Ca-diếp, tuy Sa-môn nói như thế nhưng tôi vẫn quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: ‘Không có đời sau, không có chúng sinh hóa sinh’.”

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp đáp rằng:

“Vua Tì-tứ, còn có lý do nào khác hơn lý do này chăng?”⁸⁹⁵

Vua Tì-tứ đáp:

“Đúng như vậy, Ca-diếp, còn có lý do. Nay Ca-diếp, tôi có người thân bị bệnh trầm trọng. Tôi đi đến chỗ bệnh nhân, nói với nó rằng: ‘Bạn nên biết, ta quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: Không có đời sau, không có chúng sinh hóa sinh. Nay bạn, trái lại có Sa-môn, Bà-la-môn quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: Có đời sau, có chúng sinh hóa sinh. Ta thường không tin chủ trương của những kẻ ấy. Những kẻ ấy lại bảo rằng: Nếu có kẻ nam nữ làm việc ác, không tinh tấn, lừa dối, ganh ghét, bòn sẻn, tham lam, không đại lượng, không thi ân, đả thương của cải; do nhân duyên ấy, khi thân hoại mạng chung, kẻ ấy chắc chắn đi vào ác xứ, sinh vào địa ngục. Nay bạn, nếu Sa-môn, Bà-la-môn ấy nói như vậy mà đúng thì bạn là người ruột thịt của ta, đã làm việc ác, không tinh tấn, biếng nhác, ganh ghét, bòn sẻn, tham lam, không đại lượng, không thi ân, đả thương của cải; nếu thân hoại mạng chung, bạn chắc chắn sẽ sinh đến ác xứ, sinh vào địa ngục, vậy bạn hãy trở lại tin cho ta hay thế này: ‘Này Tì-tứ, trong địa ngục ấy khổ như thế này, đúng như bấy giờ tôi đã chứng kiến’. Nay Ca-diếp, người thân ấy nghe tôi nói đã nhận lời, thế mà không bao giờ trở lại nói tin cho tôi hay như thế này: ‘Này vua Tì-tứ, trong địa ngục kia, khổ như thế này’. Ca-diếp, nhân sự kiện này nên tôi nghĩ rằng: ‘Không có đời sau, không có chúng sinh hóa sinh’.”

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp bảo:

“Vua Tì-tứ, tôi lại hỏi vua. Vua hiểu thế nào trả lời thế ấy. Nếu có thuộc hạ của vua bắt trói một tội nhân, đem đến trước vua, thưa rằng: ‘Tâu Thiên vương, người này có tội, xin Thiên vương trừng trị’. Vua bảo, [526a] ‘Các người hãy đem trói chặt hai tay ra đằng sau, bỏ nó lên lừa chở đi, đánh trống lớn tiếng như tiếng lừa kêu, tuyên bố cho khắp nơi biết, rồi đưa ra cổng thành phía Nam, bắt ngồi dưới cây nêu cao rồi chém đầu nó’. Thuộc hạ vâng lời, liền trói tay tội nhân ra đằng sau, bỏ lên lừa chở đi, đánh trống lớn tiếng như lừa kêu, tuyên bố cho khắp nơi biết xong, đưa ra cổng thành hướng Nam, bắt ngồi dưới cây nêu cao, muốn chém đầu nó. Tội nhân sắp chết nói với đao phủ rằng: ‘Ông hãy hoãn cho tôi một lúc. Tôi muốn gặp cha mẹ, vợ con, tớ gái, người đưa tin. Hãy để tôi tạm thời ra

⁸⁹⁴ *Paro loko*, Hán thường dịch là *hậu thế* (đời sau); nhưng trong tiếng Phạn, cũng có nghĩa là *thế giới* (hay *thế gian*) *khác*. Cho nên câu trả lời có ví dụ như thế.

⁸⁹⁵ Nguyên Hán: cánh hữu ác... 更有惡...: “Còn có sự ác nào hơn cái này nữa không?” Chúng tôi có sự nhầm lẫn trong bản Hán. Cf. No 1(7): “Có nhân duyên gì...?” Pāli: *atthi pana pariyāyo*: có lý do nào... Có lẽ trong bản Hán đọc là *pāpāyo* (sự ác) thay vì đọc là *pariyāyo* (lý do). Ở đây y theo các bản khác để sửa lại cho phù hợp nội dung.

đi'. Ý vua nghĩ sao? Người đao phủ có thể để cho tội nhân ấy tạm thời ra đi ít lâu không?"

Vua Tì-tứ đáp:

“Không thể, Ca-diếp.”

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp lại bảo:

“Người thân của vua cũng lại như thế, đã làm việc ác, không tinh tấn, biếng nhác, ganh ghét, bòn sẻn, tham lam, không thi ân, không đại lượng, đắm trước của cải. Do nhân duyên ấy, khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến ác xứ, sinh vào địa ngục. Lúc ngục tốt bắt ra hành hạ đau đớn, người thân của vua nói với ngục tốt rằng: ‘Thưa các Ngục tốt, các ông hãy khoan một lúc, chớ hành hạ ta đau đớn. Ta muốn tạm thời đi đến vua Tì-tứ để báo cho vua hay rằng trong ngục tốt kia khổ như thế này, như thế này, mà tôi đã chứng kiến’ Ý vua thế nào? Ngục tốt kia có thể thả cho người thân của vua tạm thời ra đi không?”

Vua Tì-tứ đáp:

“Không thể, Ca-diếp.”

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp bảo rằng:

“Vua hãy quán sát về đời sau cũng lại như vậy, chớ đừng giống như cái thấy của con mắt thịt. Nay Tì-tứ, có Sa-môn, Bà-la-môn đoạn tuyệt dục, hướng đến ly dục; đoạn tuyệt sân nhuế, hướng đến ly sân nhuế; đoạn tuyệt si, hướng đến ly si; vị ấy dùng thiên nhãn thanh tịnh, hơn hẳn người thường, thấy chúng sinh này lúc sinh lúc tử, khi đẹp khi xấu, hoặc diêu hoặc bất diêu, qua lại thiện xứ hay bất thiện xứ, tùy theo nghiệp mà chúng sinh ấy đã tạo, vị ấy đã thấy hiện tượng ấy đúng như thật.”

Vua Tì-tứ lại nói:

“Sa-môn Cưu-ma-la Ca-diếp, tuy Sa-môn nói như thế nhưng tôi vẫn quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: Không có đời sau, không có [526b] chúng sinh hóa sinh.”

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp đáp rằng:

“Vua Tì-tứ, còn có lý do nào khác hơn lý do này chăng?”

Vua Tì-tứ đáp:

“Đúng như vậy, Ca-diếp, lại còn có lý do khác hơn lý do này. Nay Ca-diếp, tôi có người thân lâm bệnh trầm trọng, tôi đến chỗ bệnh nhân, nói với nó rằng: ‘Bạn nên biết, tôi quan niệm thế này, chủ trương thế này: Không có đời sau, không có chúng sinh hóa sinh. Nay bạn thân yêu, trái lại có Sa-môn, Bà-la-môn quan niệm thế này, chủ trương như thế này: Có đời sau, có chúng sinh hóa sinh. Tôi thường không tin những kẻ kia về chủ trương của họ. Họ cho rằng: Nếu có kẻ nam người nữ nào có diêu hạnh, tinh tấn, tinh cần, không biếng nhác, không ganh ghét, không bòn sẻn, không tham lam, có đại lượng, có thi ân, cời mở, phóng xả, cung cấp cho người cô độc, kẻ bần cùng, làm cho họ thường an lạc, bố thí, không tham đắm của cải; kẻ kia do nhân duyên ấy, khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến thiện xứ, sinh lên cõi trời. Nay bạn thân yêu, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nói như vậy mà đúng, vậy thì bạn là người thân ruột thịt của tôi, đã có hành vi tốt, tinh tấn, tinh cần, không biếng nhác, không ganh ghét, không bòn sẻn, tham lam, có đại lượng, có

thi ân, sống cõi mở, phóng xả, chu cấp cho người cô độc, kẻ bần cùng, làm cho họ được an lạc, bố thí, không đắm trước của cải. Nếu khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến thiện xứ, sinh lên cõi trời; vậy bạn hãy trở lại tin cho ta hay như thế này: ‘Này vua Tì-tứ, trên cõi trời hoan lạc như thế này, như thế này, đúng như bây giờ tôi đã chứng kiến.’ Này Sa-môn, người thân ấy nghe tôi nói và đã nhận lời, thế mà không bao giờ trở lại tin cho tôi hay, ‘Này vua Tì-tứ, trên cõi trời hoan lạc như thế này, như thế này’. Ca-diếp, nhân sự kiện đó cho nên tôi nghĩ rằng: Không có đời sau, không có chúng sinh hóa sinh.”

Tôn giả Ca-diếp bảo:

“Vua Tì-tứ, hãy nghe tôi nói thí dụ. Người trí nghe thí dụ này thì hiểu được nghĩa. Này vua Tì-tứ, ví như ngoài thôn ấp kia có một hầm xí công cộng, sâu quá đầu người, đầy phần ở trong. Có một người rơi xuống, chìm tận đáy hầm ấy. Nếu có người khác thương xót, mong cầu sự phước lợi và hữu ích, sự an ổn khoái lạc cho người mắc nạn, liền thông thả kéo nạn nhân từ hầm xí lên; gạt phần bằng thanh tre, chui bằng lá cây, tắm bằng nước ấm. Sau khi tắm rửa sạch sẽ, đem bột hương thoa khắp thân thể, mời lên chính điện cho vui hưởng ngũ dục. Ý vua nghĩ sao? Há kẻ nạn nhân ấy lại tưởng nhớ hầm xí trước đây, hoan hỷ ngợi khen và muốn trở lại hay sao?”

Vua Tì-tứ trả lời:

“Không thể, Ca-diếp. Nếu có một kẻ nào khác tưởng tới hầm xí kia, hoan hỷ ngợi khen và muốn thấy thì nạn nhân kia cũng không thể ưa kẻ này, huống là chính nạn nhân lại tưởng nhớ hầm xí trước đây, hoan hỷ ngợi khen, muốn thấy lần nữa. Điều đó không thể xảy ra.”

“Vua Tì-tứ, nếu vua có người thân có diệu hành, có tinh tấn, tinh cần, không biếng nhác, không ganh ghét, không bòn sẻn, không tham lam, có đại lượng, có thi ân, cõi mở, phóng xả, chu cấp cho người cô độc, kẻ bần cùng, khiến cho họ được an lạc, bố thí, không đắm trước của cải; người ấy do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến thiện xứ, sinh lên cõi trời. [326c] Sau khi sinh lên cõi trời được vui hưởng ngũ dục ở đó. Ý vua nghĩ sao? Há lại thiên tử ở cõi trời kia bỏ ngũ dục ở đó, tưởng nhớ ngũ dục ở nhân gian này? Hoan hỷ ngợi khen, muốn thấy lại nữa sao?”

Vua Tì-tứ đáp:

“Không thể, Ca-diếp. Vì sao? Vì ngũ dục nhân gian xú uế, ở nơi bất tịnh, rất đáng ghét, không thể hướng đến, không thể ưa thích, thô sấp bất tịnh. Này Ca-diếp, so với ngũ dục nhân gian thì ngũ dục cõi trời là hơn, là tối Thắng Lâm, là tối hảo, là tối thượng. Nếu thiên tử cõi trời kia, xả bỏ ngũ dục ở đó, tưởng đến ngũ dục nhân gian, hoan hỷ ngợi khen, muốn thấy lại; điều đó không thể xảy ra.”

“Vua Tì-tứ, vua nên quán sát về đời sau cũng giống như thế, chứ đừng giống như cái thấy của con mắt thịt. Này vua Tì-tứ, có Sa-môn, Bà-la-môn đoạn dục, ly dục, hướng đến ly dục; đoạn tuyệt nhuế, ly nhuế, hướng đến ly nhuế; đoạn tuyệt si, ly si, hướng đến ly si; vị ấy dùng thiên nhãn thanh tịnh, hơn hẳn người thường, thấy chúng sinh này lúc sinh lúc tử, khi đẹp khi xấu, hoặc diệu hoặc bất diệu, qua lại thiện xứ hoặc bất thiện xứ, tùy theo nghiệp mà chúng sinh ấy đã tạo. Vị ấy đã thấy sự kiện ấy đúng như sự thật.”

Vua Tì-tứ lại nói:

“Sa-môn Cưu-ma-la Ca-diếp, tuy Sa-môn nói như thế nhưng tôi vẫn quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: Không có đời sau, không có chúng sinh sinh.”

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp đáp rằng:

“Vua Tì-tứ, còn có lý do nào khác hơn lý do này chăng?”

Vua Tì-tứ đáp:

“Đúng như vậy, Ca-diếp, còn có lý do khác hơn lý do này. Đây Ca-diếp, tôi có người bạn thân lâm bệnh trầm trọng. Tôi đến chỗ bệnh nhân, bảo nó: ‘Bạn nên biết rằng, ta quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: Không có đời sau, không có chúng sinh hóa sinh. Đây bạn thân yêu, trái lại có Sa-môn, Bà-la-môn quan niệm thế này: Có đời sau, có chúng sinh hóa sinh. Ta thường không tin những chủ trương ấy. Họ lại bảo: Nếu có người nam kẻ nữ nào có diệu hạnh, tinh tấn, tinh cần, không biếng nhác, không ganh ghét, không bòn sẻn, tham lam, có học, thi ân, cởi mở, phóng xả, cung cấp cho người cô độc, kẻ bần cùng, khiến cho họ được an lạc, bổ thí, không đắm trước của cải; do nhân duyên ấy, khi thân hoại mạng chung, người ấy chắc chắn đi đến thiện xứ, sinh lên cõi trời. Đây bạn, nếu Sa-môn, Bà-la-môn ấy nói đúng thì bạn là người thân ruột thịt của ta, có diệu hạnh, tinh tấn, tinh cần, không biếng nhác, không ganh ghét, không bòn sẻn tham lam, có đại lượng, có thi ân, cởi mở, phóng xả, chu cấp cho người cô độc, kẻ bần cùng, khiến họ được an lạc, bổ thí, không đắm trước [527a] của cải. Nếu khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến thiện xứ, sinh lên cõi trời, bạn hãy trở lại cho ta hay như thế này: ‘Này vua Tì-tứ! Ở cõi trời hoan lạc như thế này, như thế này’. Nếu bạn ở cõi trời nghĩ rằng: ‘Nếu ta trở lại thì sẽ được những gì?’ ‘Tì-tứ vương gia có nhiều của cải, ta sẽ cho bạn’. Đây Ca-diếp, người thân ấy nghe tôi nói và đã nhận lời, thế mà không bao giờ trở lại cho tôi hay như thế này: ‘Này vua Tì-tứ, ở cõi trời hoan lạc như thế này, như thế này’. Đây Ca-diếp, nhân sự kiện đó nên tôi nghĩ rằng: Không có đời sau, không có chúng sinh hóa sinh.”

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp bảo:

“Này vua Tì-tứ, tuổi thọ cõi trời thì lâu dài, còn mạng sống ở nhân gian thì ngắn ngủi. Một trăm năm ở nhân gian bằng một ngày một đêm ở Tam Thập Tam Thiên. Một ngày một đêm như vậy, một tháng có ba mươi ngày, một năm có mười hai tháng, mà tuổi thọ của Chư Thiên Tam Thập Tam Thiên đến một ngàn năm, thì ý vua nghĩ sao? Nếu vua có người thân có diệu hạnh, tinh tấn, tinh cần, không biếng nhác, không ganh ghét, không bòn sẻn tham lam, có đại lượng, có thi ân, cởi mở, phóng xả, chu cấp cho người cô độc, kẻ bần cùng, khiến họ được an lạc, bổ thí, không đắm trước của cải. Do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến thiện xứ, sinh lên cõi trời. Sau khi sinh lên cõi trời, người thân của vua liền nghĩ: ‘Trước tiên, ta hãy vui hưởng ngũ dục cõi trời một ngày một đêm, hay là ta hãy vui hưởng ngũ dục hai, ba, bốn cho đến bảy ngày, nhiên hậu sẽ đi đến tin cho vua Tì-tứ hay rằng: Ở cõi trời hoan lạc như thế này, như thế này để cho vua rõ’. Ý vua nghĩ sao? Bây giờ vua còn sống chăng?”

Vua Tì-tứ hỏi lại:

“Này Ca-diếp, người nào sau khi chết đến báo cho biết rằng: ‘Này Sa-môn Ca-diếp, tuổi thọ ở cõi trời thì lâu dài, còn mạng sống ở nhân gian thì ngắn ngủi; một trăm năm ở nhân gian bằng một ngày một đêm ở Tam Thập Tam Thiên; một ngày một đêm như vậy, một

tháng có ba mươi ngày, một năm có mười hai tháng, mà tuổi thọ của Chư Thiên ở Tam Thập Tam Thiên đến một ngàn năm?”

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp đáp rằng:

“Này vua Tì-tứ, hãy nghe tôi nói ví dụ này. Người có trí nghe ví dụ thì hiểu được ý nghĩa. Này vua Tì-tứ, cũng như người mù kia nói rằng: ‘Không có sắc đen trắng, cũng không thấy sắc đen trắng; không có sắc dài ngắn, cũng không thấy sắc dài ngắn; không có sắc xa gần, cũng không thấy có sắc xa gần; không có sắc thô tế, cũng không thấy có sắc thô tế. Vì sao? Vì ban đầu ta không thấy, không biết, cho nên không có sắc’. Này vua Tì-tứ, người mù kia nói như vậy có đúng không?”

Vua Tì-tứ đáp:

“Không đúng, Ca-diếp. Vì sao? Ca-diếp, có sắc đen trắng, [327b] cũng có người thấy sắc đen trắng. Có sắc dài ngắn, cũng có người thấy sắc dài ngắn. Có sắc gần xa, cũng có người thấy sắc gần xa. Có sắc thô tế, cũng có người thấy sắc thô tế. Nếu người mù bảo rằng: ‘Vì ta không thấy, không biết cho nên không có sắc’, thì người ấy nói không đúng.”

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp lại bảo:

“Này vua Tì-tứ, vua cũng như người mù ấy, nếu vua bảo như thế này: ‘Người nào sau khi chết đến báo cho biết rằng: ‘Này Sa-môn Ca-diếp, tuổi thọ ở cõi trời thì lâu dài, còn mạng sống nhân gian thì ngắn ngủi. Một trăm năm ở nhân gian bằng một ngày một đêm ở cõi Tam Thập Tam Thiên. Một ngày một đêm như vậy, một tháng có ba mươi ngày, một năm có mười hai tháng mà tuổi thọ ở cõi Tam Thập Tam Thiên thì đến một ngàn năm?’”

Vua Tì-tứ nói:

“Này Sa-môn Ca-diếp, thực là không nên, không nên nói như vậy. Vì sao? Vì Sa-môn Cưu-ma-la Ca-diếp đã cố tình so sánh tôi giống như kẻ mù kia. Này Ca-diếp, nếu biết tôi, biết thân thuộc của tôi có diệu hạnh, tinh tấn, tinh cần, không biếng nhác, không ganh ghét, không bồng sèn, tham lam, có đại lượng, có thi ân, cởi mở, phóng xả, chu cấp cho người cô độc, kẻ bần cùng khiến họ được an lạc, bố thí, không đắm trước của cải. Do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung chắc chắn đi đến thiện xứ, sinh lên cõi trời, thì này Ca-diếp, ngay bây giờ, sau khi thực hành bố thí, tu các phước thiện, phụng trì trai giới, tôi dùng dao tự sát, hoặc uống thuốc độc, hoặc nhảy xuống giếng, hoặc thắt cổ mà chết. Này Ca-diếp! Không nên cố tình so sánh tôi như người mù kia.”

Tôn giả Ca-diếp đáp:

“Này vua Tì-tứ, hãy nghe tôi nói ví dụ khác. Người có trí nghe ví dụ này liền hiểu ý nghĩa. Này vua Tì-tứ, cũng giống như một Bà-la-môn có người vợ trẻ, vừa mới mang thai, người vợ cả đã có một đứa con trai. Trong thời gian ấy, Bà-la-môn kia bỗng nhiên mạng chung. Sau khi mạng chung, con của bà vợ cả nói với bà mẹ kể như thế này: ‘Tiểu mẫu nên biết, nay của cải trong gia đình này hoàn toàn phải thuộc về tôi, không ai được dự phần vào’. Bà mẹ kể đáp: ‘Tôi nay đang có thai. Nếu sinh con trai thì nó phải được phần. Nếu sinh con gái thì của cải ấy mới hoàn toàn của cậu’. Con của bà vợ cả nói với bà mẹ kể ba lần như thế này: “Tiểu mẫu nên biết, nay của cải trong gia đình này hoàn toàn thuộc về tôi, không ai được dự phần vào’. Bà mẹ kể cũng trả lời ba lần như thế này: ‘Nay ta đang có thai. Nếu sinh con trai thì nó phải được chia phần. Nếu sinh con gái thì của cải

ấy mới hoàn toàn thuộc về cậu’. Bấy giờ bà mẹ kẻ ngu si, không [537c] thông suốt, không hiểu rõ ràng, không có trí tuệ, muốn bảo toàn sự sống mà trở lại hại mình. Bà vào trong phòng lấy dao bén mổ bụng xem là trai hay gái. Bà ấy ngu si, không thông suốt, không hiểu rõ, không có trí tuệ, muốn bảo vệ sự sống mà lại tự hại mình và đưa con trong bụng. Nên biết, này vua Tì-tứ, vua cũng lại như vậy, ngu si không thông suốt, không hiểu rõ ràng, không có trí tuệ, muốn bảo tồn sự sống mà lại nghĩ như thế này: ‘Này Ca-diếp, nếu biết tôi, biết người thân thích của tôi có diệu hạnh, tinh tấn, tinh cần, không biếng nhác, không ganh ghét, không bòn sẻn, tham lam, có đại lượng, có thi ân, cời mở, phóng xả, chu cấp cho người cô độc, kẻ bần cùng, khiến họ được an lạc, bố thí, không đâm trước của cải; do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến thiện xứ, sinh lên cõi trời. Thế thì tôi, ngay bây giờ, sau khi thực hành bố thí, tu các thiện nghiệp, phụng trì trai giới, tôi dùng dao tự sát, hoặc uống thuốc độc, hoặc nhảy xuống giếng, hoặc thắt cổ mà chết. Này Sa-môn Ca-diếp, không nên cố tình so sánh tôi với người mù kia’. Này vua Tì-tứ, nếu người tinh tấn mà sống lâu thì được phước lớn. Nếu được phước lớn thì sinh lên cõi trời và sống lâu. Này vua Tì-tứ, vua nên quán sát đời sau như vậy, chớ đừng giống như cái thấy của con mắt thịt. Này vua Tì-tứ, có Sa-môn, Bà-la-môn đoạn tuyệt dục, ly dục, thú hướng ly dục; đoạn tuyệt nhuế, ly nhuế, thú hướng ly nhuế; đoạn tuyệt si, ly si, thú hướng ly si; vị ấy bằng thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn người thường, thấy chúng sinh lúc sinh lúc tử, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc diệu hoặc bất diệu, qua lại thiện xứ hay bất thiện xứ, tùy theo nghiệp mà chúng sinh ấy đã tạo. Vị ấy thấy sự kiện ấy đúng như sự thật.”

Vua Tì-tứ lại nói:

“Sa-môn Cưu-ma-la Ca-diếp, tuy Sa-môn nói như thế nhưng tôi vẫn quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: Không có đời sau, không có chúng sinh hóa sinh.”

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp đáp rằng:

“Vua Tì-tứ, còn có lý do nào khác hơn lý do này chăng?”

Vua Tì-tứ đáp:

“Đúng như vậy, Ca-diếp, còn có lý do khác hơn lý do này. Này Ca-diếp, tôi có người thân mang bệnh trầm trọng. Tôi đến chỗ bệnh nhân hỏi han, thăm viếng, bệnh nhân cũng hỏi han và nhìn tôi. Lúc bệnh nhân chết, tôi lại đến hỏi han thăm viếng người chết, nhưng người chết không hỏi han, không nhìn tôi. Sau đó tôi cũng không còn trở lại hỏi han thăm viếng người thân ấy nữa. Này Ca-diếp, do sự kiện đó, tôi nghĩ rằng: Không có chúng sinh sinh.”

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp bảo rằng:

“Này vua Tì-tứ, hãy nghe tôi nói thí dụ, [528a] người có trí nghe thí dụ này thì liền hiểu được nghĩa. Này vua Tì-tứ, cũng như có người thổi tù và giỏi. Ở xứ kia chưa có ai từng nghe tiếng tù và. Người đó đến xứ ấy. Vào một đêm tối, y trèo lên núi cao, tận lực thổi tù và. Mọi người ở xứ ấy chưa từng nghe tiếng tù và, nay được nghe, liền nghĩ: ‘Tiếng gì mà vi diệu, rất kỳ lạ, thật đáng ưa thích, đáng xem nghe, khiến cho lòng mình vui vẻ như thế?’ Những người ấy bèn cùng nhau đi đến chỗ người thổi tù và giỏi. Đến nơi, họ hỏi rằng: ‘Đó là tiếng gì mà vi diệu, rất kỳ lạ, thật đáng ưa thích, đáng đến xem nghe, khiến

cho lòng mình vui vẻ như thế? Người thổi tù và giỏi đem liệng cái tù và xuống đất, bảo mọi người rằng: ‘Các vị nên biết, chính đó là tiếng tù và’. Lúc đó, mọi người lấy chân đá tù và rồi nói rằng: ‘Tù và hãy kêu đi! Tù và hãy kêu đi!’ Nhưng nó im lìm không âm hưởng. Người thổi tù và giỏi liền nghĩ: ‘Nay những người này ngu si, không thông suốt, không hiểu rõ, không có trí tuệ. Vì sao? Vì muốn tìm âm thanh từ một vật vô tri’. Bấy giờ người thổi tù và giỏi nhặt tù và lên, dùng nước rửa sạch, đưa lên miệng mà tận lực thổi. Khi ấy mọi người nghe xong, liền nghĩ: ‘Tù và thật kỳ diệu’. Vì sao? ‘Vì nhờ tay, nhờ nước, nhờ miệng, hơi thổi mới phát ra tiếng hay, vang khắp bốn phương’. Nay vua Tì-tứ, cũng như vậy, nếu người còn sống mới có thể nói năng, hỏi han nhau được. Nếu khi chết thì không thể nói năng, hỏi han được nữa. Nay vua Tì-tứ, vua nên quán chúng sinh sinh ra thì cũng như vậy, chứ đừng giống cái thấy của con mắt thịt. Nay vua Tì-tứ, có Sa-môn, Bà-la-môn đoạn tuyệt dục, ly dục, thú hướng ly dục; đoạn tuyệt nhuế, ly nhuế, thú hướng ly nhuế; đoạn tuyệt si, ly si, thú hướng ly si; vị ấy bằng thiên nhãn thanh tịnh hơn người thường, thấy chúng sinh này lúc sinh lúc tử, khi đẹp khi xấu, hoặc diệu hoặc bất diệu, qua lại thiện xứ hay bất thiện xứ, tùy theo nghiệp mà chúng sinh ấy đã tạo. Vị ấy thấy sự kiện ấy đúng như thật.”

Vua Tì-tứ lại hỏi:

“Sa-môn Cưu-ma-la Ca-diếp, tuy Sa-môn nói như thế nhưng tôi vẫn quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: Không có đời sau, không có chúng sinh sinh.”

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp đáp rằng:

“Vua Tì-tứ, còn có lý do nào khác hơn lý do này chăng?”

Vua Tì-tứ đáp:

“Đúng như vậy, Ca-diếp, còn có sự kiện này. Tôi có quan hữu ty bắt một tội nhân, đem đến chỗ của tôi. Đến rồi, thưa rằng: ‘Tâu Thiên vương, kẻ này có tội, [528b] xin Thiên vương trừng trị’. Tôi bảo: ‘Hãy đem tội nhân này cân sống. Cân sống xong, vật xuống đất, dùng dây thắt cổ giết chết. Giết xong, đem cân lại, ta mới biết người này lúc nào thì nhẹ cân, mềm mại, tươi nhuận, đẹp dễ hơn, đó là lúc sống hay là lúc chết?’ Vị quan ấy vâng lời tôi, đem tội nhân ấy cân sống, rồi vật xuống đất, dùng dây thắt cổ giết chết. Giết xong, đem cân lại, thấy rằng tội nhân lúc sống thì nhẹ, mềm mại, sắc tươi nhuận, đẹp dễ hơn; đến lúc chết thì nặng, cứng, không mềm mại và sắc không tươi nhuận. Nay Ca-diếp, nhân sự kiện ấy, cho nên tôi nghĩ rằng: Không có chúng sinh sinh.”

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp bảo:

“Nay vua Tì-tứ, hãy nghe tôi nói ví dụ. Người có trí nghe ví dụ này liền hiểu được ý nghĩa. Nay vua Tì-tứ, cũng như thanh sắt hay lưỡi cày sắt được đốt cháy suốt ngày. Vật bằng sắt ấy lúc bấy giờ thì nhẹ, mềm, sắc tươi nhuận và đẹp hơn. Nếu lửa tắt, nó dần dần trở nên nguội lạnh, sẽ nặng hơn, cứng, không mềm và sắc không tươi. Cũng vậy, nay vua Tì-tứ, nếu người lúc còn sống thì thân thể nhẹ, mềm mại, sắc tươi nhuận, đẹp dễ. Nếu lúc chết thì nặng hơn, cứng, không mềm mại và sắc không tươi nữa. Nay vua Tì-tứ, vua nên quán chúng sinh sinh cũng như thế, chớ đừng giống như cái thấy của con mắt thịt. Nay vua Tì-tứ, có Sa-môn, Bà-la-môn đoạn tuyệt dục, ly dục, thú hướng ly dục; đoạn tuyệt nhuế, ly nhuế, thú hướng ly nhuế; đoạn tuyệt si, ly si, thú hướng ly si; vị ấy bằng thiên

nhân thanh tịnh hơn người thường, thấy chúng sinh lúc sinh lúc tử, khi đẹp khi xấu, qua lại thiện xứ hay bất thiện xứ, tùy theo nghiệp mà chúng sinh ấy đã tạo. Vì ấy thấy hiện tượng đó đúng như thật.”

Vua Tì-tứ lại nói:

“Sa-môn Cưu-ma-la Ca-diếp, tuy Sa-môn nói như thế nhưng tôi vẫn quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: ‘Không có đời sau, không có chúng sinh sinh’.”

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp đáp rằng:

“Vua Tì-tứ, còn có lý do nào khác hơn lý do này chăng?”

Vua Tì-tứ đáp:

“Đúng như vậy, Ca-diếp, còn có lý do khác hơn lý do này. Nay Ca-diếp, tôi có quan hữu ty bắt một tội nhân, đem đến chỗ tôi, thưa rằng: ‘Tâu Thiên vương, người này có tội, xin Thiên vương trừng trị’. Tôi bảo: ‘Hãy đem tội nhân ấy bỏ vào nồi sắt hoặc bỏ vào nồi đồng, đập kín miệng lại và đốt lửa ở dưới. Khi đã đốt lửa rồi, hãy quan sát cùng khắp, xem chúng sinh ấy lúc vào lúc ra, qua lại chỗ nào?’ Vì quan ấy vâng lời tôi, đem tội nhân ấy bỏ vào nồi sắt hoặc bỏ vào [528c] nồi đồng, đập kín miệng lại và đốt lửa ở dưới. Khi đã đốt lửa, quan sát cùng khắp để xem chúng sinh ấy lúc ra lúc vào qua lại chỗ nào. Nhưng nay Ca-diếp, tôi làm phương thức như vậy mà chẳng thấy chúng sinh hóa sinh. Nay Ca-diếp, nhân sự kiện ấy nên tôi nghĩ rằng: Không có chúng sinh hóa sinh.”

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp bảo:

“Này vua Tì-tứ, nay tôi hỏi vua, vua hiểu thế nào trả lời thế ấy. Vua nghĩ sao, nếu vào ban ngày, vua ăn thức ăn mỹ diệu ngon lành, rồi lên giường nằm ngủ. Vua nhớ lại đã từng ở trong mộng có lần thấy vườn tược, hồ tắm, rừng cây, hoa trái, suối trong, sông dài, qua lại cùng khắp chăng?”

Vua Tì-tứ đáp:

“Tôi nhớ lại đã từng có như vậy.”

Tôn giả Ca-diếp hỏi tiếp:

“Ngày đó, sau khi ăn những thức ăn ngon lành mỹ diệu xong, vua lên giường nằm ngủ. Bấy giờ có ai đứng hầu bên cạnh chăng?”

Vua Tì-tứ đáp:

“Có.”

Tôn giả Ca-diếp hỏi tiếp:

“Ngày đó, sau khi ăn những thức ăn ngon lành mỹ diệu xong, lên giường nằm ngủ. Lúc ấy, những người hầu hai bên tả hữu có thấy được khi vua ra vào, qua lại cùng khắp chăng?”

Vua Tì-tứ đáp:

“Dù cho có ai khác cũng không thể thấy, huống nữa là bạn hầu hạ hai bên.”

“Này vua Tì-tứ, vua cũng quán chúng sinh hóa sinh cũng giống như thế, chứ đừng giống như cái thấy của con mắt thịt. Này vua Tì-tứ, có Sa-môn, Bà-la-môn đoạn tuyệt dục, ly dục, thú hướng ly dục; đoạn tuyệt nhuế, ly nhuế, thú hướng ly nhuế; đoạn tuyệt si, ly si,

thú hướng ly si; vị ấy dùng thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn người thường, thấy chúng sinh lúc sinh lúc tử, lúc đẹp lúc xấu, hoặc điều hoặc bất điều, qua lại thiện xứ hoặc bất thiện xứ tùy theo nghiệp mà chúng sinh ấy đã tạo. Vị ấy thấy sự kiện ấy đúng như thật.”

Vua Tì-tứ lại nói:

“Sa-môn Cưu-ma-la Ca-diếp, tuy Sa-môn nói như thế nhưng tôi vẫn quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: Không có đời sau, không có chúng sinh sinh.”

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp đáp rằng:

“Vua Tì-tứ, còn có lý do nào khác hơn lý do này chăng?”

Vua Tì-tứ đáp:

“Đúng như vậy, Ca-diếp, còn có lý do khác hơn lý do này. Đây Ca-diếp, tôi có quan hữu ty bắt một tội nhân đem đến trước tôi, thưa rằng: ‘Tâu Thiên vương, người này có tội, xin Thiên vương trừng trị’. Tôi bảo: ‘Hãy đem tội nhân này lột da, xẻo thịt, chặt gân, đục xương đến tận tủy để tìm chúng sinh hóa sinh’. Đây Ca-diếp, tôi đã làm phương cách như thế mà rốt cuộc cũng chẳng thấy chúng sinh sinh. Đây Ca-diếp, nhân [529a] sự kiện đó nên tôi nghĩ rằng: Không có chúng sinh hóa sinh.”

Tôn giả Ca-diếp bảo:

“Đây vua Tì-tứ, hãy nghe tôi nói ví dụ này. Người có trí nghe ví dụ này thì liền hiểu ý nghĩa. Đây vua Tì-tứ, cũng như có một người Bà-la-môn bện tóc thờ lửa sống ở gần bên đường. Cách đó không xa có những người khách buôn tá túc. Vào lúc sáng sớm, những người khách buôn ấy vội vã ra đi, bỏ quên một đứa bé. Lúc đó, Bà-la-môn bện tóc thờ lửa dậy sớm, đi đến nơi khách buôn tạm trú, xem thấy đứa bé đứng một mình, không có chủ nhân. Thấy xong, vị ấy nghĩ: ‘Nay thằng bé con này không có nơi nương tựa, nếu ta không nuôi thì chắc nó sẽ chết’. Nghĩ như thế, Bà-la-môn liền bồng đem về nuôi. Thời gian sau, đứa bé lớn khôn. Bấy giờ Bà-la-môn thờ lửa bện tóc bận chút việc ở thôn xóm khác. Bà-la-môn bện tóc thờ lửa bảo thiếu niên rằng: ‘Ta bận chút việc phải xuống thôn xóm một thời gian. Con phải giữ lửa cẩn thận, chớ để nó tắt. Nếu lửa tắt con phải dùng cái cọ lửa này mà nhen lại’. Bà-la-môn bện tóc thờ lửa cẩn dặn cẩn thận xong, liền xuống thôn xóm. Sau đó, thiếu niên ấy ra ngoài rong chơi, lửa tắt hết. Sau khi trở về, nó muốn nhen lửa, liền dùng cái cọ lửa đánh xuống đất, bảo rằng: ‘Lửa hãy cháy lên!’ Nhưng lửa vẫn không cháy. Lửa không cháy, nó phá cái cọ lửa ấy ra thành từng mảnh, một trăm mảnh vứt đi, ngồi bệt xuống đất sầu não mà nói rằng: ‘Không tìm được lửa, phải làm sao đây?’ Bấy giờ Bà-la-môn bện tóc thờ lửa đã làm xong công việc ở thôn xóm, liền trở về nhà. Về đến nơi, hỏi thiếu niên ấy rằng: ‘Con không vui chơi mà chăm sóc ngọn lửa, không để nó tắt chăng?’ Nó trả lời: ‘Thưa Tôn giả, con đi ra ngoài chơi nên sau đó lửa đã tắt. Khi trở về con muốn nhen lửa, liền lấy cái cọ lửa đánh xuống đất, bảo rằng: ‘Lửa hãy cháy lên! Lửa hãy cháy lên!’ mà cuối cùng lửa vẫn không cháy. Con lại đặt lên phiến đá, ra sức đánh mà bảo: ‘Lửa hãy cháy lên! Lửa hãy cháy lên!’, nhưng lửa vẫn không cháy. Con liền phá cái cọ ấy ra thành mười mảnh, một trăm mảnh vứt đi, rồi ngồi bệt xuống đất. Thưa Tôn giả, con đã tìm kiếm như thế mà không có lửa, không biết làm sao!’ Lúc đó, Bà-la-môn bện tóc thờ lửa nghĩ rằng: ‘Cậu thiếu niên này quá ngu si, không thông suốt, không rõ ràng, không có trí tuệ. Vì sao? Vì từ cái cọ lửa vô tri mà nghĩ cách lấy lửa như

vậy’. Khi ấy, Bà-la-môn bện tóc thờ lửa đem cọ lửa và [529b] đồ mỗi lửa đặt xuống đất mà cọ xát, tức thì bật lửa và cháy bùng lên. Ông bảo cậu thiếu niên rằng: ‘Này con, phương pháp lấy lửa phải như vậy, chớ không phải như con ngu si, không thông suốt, không có trí tuệ, từ cái cọ lửa vô tri mà nghĩ cách lấy lửa như con đã làm’.

“Cũng vậy, nên biết, này vua Tì-tứ, vua cũng lại như vậy, ngu si, không thông suốt, không hiểu rõ, không trí tuệ, muốn tìm thấy chúng sinh hóa sinh nơi xác thịt chết, cho đến xương tủy vô tri. Này vua Tì-tứ, vua nên quán chúng sinh sinh như thế, chớ đừng giống như cái thấy của con mắt thịt. Này vua Tì-tứ, có Sa-môn, Bà-la-môn đoạn tuyệt dục, ly dục, thú hướng ly dục; đoạn tuyệt nhuế, ly nhuế, thú hướng ly nhuế; đoạn tuyệt si, ly si, thú hướng ly si, vì ấy dùng thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn người thường, thấy chúng sinh này lúc sinh lúc tử, khi đẹp khi xấu, hoặc diêu hoặc bất diêu, qua lại thiện xứ hay bất thiện xứ tùy theo nghiệp mà chúng sinh ấy đã tạo. Vì ấy thấy sự kiện đó đúng như thật.”

Vua Tì-tứ lại nói:

“Tuy Sa-môn Ca-diếp nói như thế, nhưng tôi đối với quan niệm này, bảo thủ vì dục, bảo thủ vì sân nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, trọn không thể xả bỏ. Vì sao? Nếu có người ở nước khác nghe được, liền bảo rằng: ‘Vua Tì-tứ có quan niệm đã thọ trì lâu dài, nay bị Sa-môn Ca-diếp hàng phục, sửa sai nên đoạn trừ và xả bỏ’. Này Ca-diếp, vì thế, tôi đối với quan niệm này bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì si, trọn không thể xả bỏ.”

Tôn giả Ca-diếp bảo:

“Này vua Tì-tứ, hãy nghe tôi nói ví dụ này. Người có trí nghe ví dụ này liền hiểu ý nghĩa. Này vua Tì-tứ, ví như hai người bạn bỏ nhà đi tìm kẻ sinh nhai. Trên đường đi, ban đầu họ thấy có rất nhiều cây gai không chủ. Một người trông thấy, bảo bạn rằng: ‘Bạn nên biết, ở đây có rất nhiều cây gai không chủ. Tôi muốn bạn cùng lấy, bó lại đem về, có thể làm vật dụng được’. Hai người liền lấy bó lại để gánh đi.”

“Trên đường đi họ lại thấy rất nhiều tơ lụa kiếp-bối, vải kiếp-bối không chủ, lại thấy rất nhiều bạc cũng không chủ. Thấy xong, một người vất bỏ cây gai đang gánh, lấy bạc gói lại.

“Trên đường đi lại thấy nhiều đồng vàng cũng không có chủ. Bấy giờ người gánh bạc bàn với người gánh gai: ‘Này bạn, nên biết, vàng này quá nhiều mà không có chủ, bạn nên vứt bỏ cây gai, tôi thì vứt bỏ bạc đang gánh. Tôi muốn cùng với bạn đồng lấy vàng này gánh trở về, có thể chi dụng được hơn’. Người gánh gai bảo người gánh bạc: [529c] ‘Tôi gánh gai này sau khi đã sắp xếp gọn gàng, bó lại chắc chắn, từ xa gánh tới đây. Tôi không thể bỏ được. Cho nên, bạn biết đấy, chớ lo cho tôi’. Khi ấy người gánh bạc giật gánh gai quăng xuống đất rồi xô tung ra. Người gánh gai bảo người gánh bạc rằng: ‘Bạn đã xô tung gánh gai của tôi như vậy, tôi đã mất công bó lại chắc chắn, gánh từ xa tới đây, nên tôi dứt khoát gánh cây gai này về, không thể bỏ được. Bạn hãy tự biết, chớ lo cho tôi’. Người gánh bạc liền bỏ gánh bạc, lấy vàng gánh về.

“Khi người gánh vàng trở về; từ xa, cha mẹ trông thấy con gánh vàng về, khen rằng: ‘Giỏi thay, giỏi thay! Hoan nghinh con! Con nhờ vàng này sống được sung sướng, phụng dưỡng cha mẹ, cung cấp cho vợ con, tớ gái và người sai bảo, lại có thể bố thí cho các Sa-

môn, Bà-la-môn, tạo phước tăng thượng, thiện quả, thiện báo, sinh vào cõi trời, sống lâu’.

“Khi người gánh cây gai trở về nhà; từ xa, cha mẹ trông thấy con gánh cây gai trở về. Thấy vậy, họ mắng rằng: ‘Người là người có tội trở về, là người vô đức trở về. Vì bó gai này mà người không sống được, không thể phụng dưỡng cha mẹ, không thể chu cấp cho vợ con, tở gái và người sai bảo, lại cũng không thể bố thí cho các Sa-môn, Bà-la-môn, không thể tạo phước tăng thượng, không được thiện quả, thiện báo, không thể sinh vào cõi trời để được sống lâu’.

“Cũng vậy, nên biết, này vua Tì-tứ, vua cũng như thế. Nếu đối với quan niệm ấy, vua bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, không bao giờ xả bỏ, thì vua sẽ thọ lãnh vô lượng sự dữ, lại bị mọi người chê ghét.”

Vua Tì-tứ lại nói rằng:

“Tuy Sa-môn Ca-diếp nói như thế, nhưng đối với quan niệm này tôi bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, nên không bao giờ xả bỏ. Vì sao? Nếu người khác nghe được, liền bảo rằng: ‘Vua Tì-tứ quan niệm thọ trì từ lâu, nay bị Sa-môn Ca-diếp hàng phục, sửa sai nên đã đoạn trừ xả bỏ’. Vì thế, này Ca-diếp, nên đối với quan niệm này tôi bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, nên không bao giờ xả bỏ.”

Tôn giả Ca-diếp lại bảo:

“Này vua Tì-tứ, Hãy nghe tôi nói ví dụ này. Người có trí nghe ví dụ này liền hiểu ý nghĩa. Này vua Tì-tứ, cũng như một khách buôn, cùng với đoàn khách buôn đông đảo, có một ngàn cỗ xe đi vào con đường nguy hiểm. Trong đoàn khách buôn ấy có hai vị thương chủ. Hai vị ấy nghĩ rằng: ‘Chúng ta làm sao thoát khỏi nạn này?’ Họ lại nghĩ: ‘Đoàn của chúng ta nên chia làm hai, mỗi toán năm trăm’.

“Đoàn khách buôn ấy liền chia ra hai toán, mỗi toán năm trăm. Rồi thì [530a] một thương chủ dẫn năm trăm cỗ xe tiến vào con đường nguy hiểm. Người thương chủ ấy luôn luôn đi phía trước để dẫn đường. Ông thấy một người từ mé đường đi ra, quần áo ướt sũng, chân đen, đầu vàng, đôi mắt đỏ lòm, đeo tràng hoa cỏ thơm⁸⁹⁶, đi xe lừa, hai bánh dính bùn. Vị thương chủ trông thấy liền hỏi: ‘Phía trong con đường bí hiểm này, trời có mưa chăng? Có nước trong, củi và cỏ chăng?’ Người ấy đáp: ‘Phía trong con đường nguy hiểm này trời mưa lớn, có nhiều nước trong và nhiều củi, cỏ. Này các bạn, các bạn hãy vứt bỏ nước cũ, củi, cỏ, chớ để nặng xe. Đi không bao lâu nữa, các bạn sẽ được nước trong và củi với cỏ tốt’.

“Vị thương chủ ấy nghe xong, liền trở lại đến toán của mình, thuật lại rằng: ‘Ta đi trước, thấy một người từ bên đường đi ra, áo quần ướt sũng, thân đen, đầu vàng, đôi mắt đỏ lòm, mang tràng hoa cỏ thơm, cỗ xe lừa, hai bánh dính bùn. Ta hỏi người ấy: ‘Phía trong con đường nguy hiểm này trời có mưa không? Có nước trong, củi, cỏ chăng?’ Người ấy đáp rằng: ‘Phía trong con đường nguy hiểm này trời mưa lớn, có nhiều nước trong, củi và cỏ

⁸⁹⁶ Trước hành hoa man 著蘅華鬘; *hoành* tức *đổ hành*, loại cỏ hoa thơm, lấy cỏ làm tràng hoa, chỉ cho sự dữ tận. Pl. (D. ii. tr. 243): *kumudmālīṃ*, đeo tràng hoa bằng hoa kumuda (câu-vật-đầu, một loại hoa súng).

tốt. Nay các bạn, các bạn hãy vớt bỏ nước cũ, củi và cỏ, chớ để nặng xe. Đi không bao lâu nữa, các bạn sẽ được nước trong, củi và cỏ tốt'. Nay các bạn, chúng ta hãy vớt bỏ nước cũ, củi và cỏ. Như vậy không bao lâu nữa chúng ta sẽ có nước trong cùng củi và cỏ, chớ để nặng xe'.

"Các khách buôn vớt bỏ nước cũ, củi và cỏ. Đi một ngày đường, họ không thấy nước trong, củi và cỏ. Sau bảy ngày, toán khách buôn ấy bị quỷ ăn thịt người sát hại.

"Người thương chủ thứ hai nghĩ rằng: 'Vị thương chủ trước đã qua khỏi tai nạn nguy hiểm. Chúng ta phải dùng phương cách nào để thoát nạn?' Nghĩ xong, vị ấy cho năm trăm cỗ xe cùng tiến vào con đường nguy hiểm. Cũng đi trước dẫn đường, vị thương chủ thứ hai thấy có một người từ mé đường đi ra, áo quần ướt sũng, thân đen đầu vàng, đôi mắt đỏ lòm, mang tràng hoa cỏ thơm, cỡi xe lừa, hai bánh dính bùn. Vị thương chủ thứ hai này trông thấy liền hỏi: 'Phía trong con đường nguy hiểm này trời có mưa không? Có nước trong, củi và cỏ không?' Người lạ đáp: 'Phía trong con đường nguy hiểm này trời mưa lớn lắm, có rất nhiều nước trong, củi và cỏ rất tốt. Nay các bạn, các bạn hãy vớt bỏ nước cũ, củi và [530b] cỏ đi, chớ để nặng xe. Đi không bao lâu nữa các bạn sẽ được nước trong, củi và cỏ tốt'.

"Người thương chủ thứ hai nghe xong, trở lại với toán, thuật rằng: 'Ta đi đằng trước, thấy có một người từ bên mé đường đi ra, áo quần ướt sũng, thân đen đầu vàng, đôi mắt đỏ lòm, mang tràng hoa cỏ thơm, cỡi xe lừa, hai bánh dính bùn. Ta hỏi: 'Phía trong con đường nguy hiểm này trời có mưa không? Có nước trong, củi và cỏ không?' Người ấy đáp: 'Phía trong con đường nguy hiểm này trời thường mưa lớn, có nhiều nước trong, củi và cỏ tốt. Nay các bạn, các bạn hãy vớt bỏ nước cũ, củi và cỏ đi, chớ để nặng xe. Đi không bao lâu nữa, các bạn sẽ thấy được nước trong, củi và cỏ tốt'. Nay các bạn, chúng ta chưa thể vớt bỏ nước cũ, củi và cỏ được. Nếu lấy được nước, củi và cỏ mới, sau đó chúng ta mới bỏ'.

"Toán khách buôn ấy không vớt bỏ nước cũ, củi và cỏ. Đi một ngày đường, không lấy được nước, củi và cỏ mới. Họ đi hai ngày, ba ngày cho đến bảy ngày mà vẫn không lấy được.

"Lúc người thương chủ thứ hai đi trước, trông thấy người thương chủ thứ nhất và toán khách buôn đi trước đã bị quỷ ăn thịt người sát hại. Thấy vậy, ông bảo toán của mình rằng: 'Nay các bạn, các bạn hãy xem người thương chủ đi trước ấy ngu si, không thông suốt, không hiểu rõ, không có trí tuệ, đã tự giết mình, lại giết đồng bọn nữa. Các bạn, nếu muốn lấy hàng hóa của người khách buôn toán trước thì tự tiện mà lấy'.

"Nay vua Tì-tứ, nên biết rằng vua cũng lại như vậy. Nếu với quan niệm ấy, vua bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, không bao giờ xả bỏ, thì vua sẽ thọ vô lượng sự dữ, lại bị mọi người chê ghét nữa. Cũng như người thương chủ thứ nhất và đồng bọn thuộc nhóm thứ nhất."

Vua Tì-tứ lại nói:

"Tuy Sa-môn Ca-diếp nói như thế nhưng với quan niệm ấy, tôi bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, không bao giờ bỏ. Vì sao? Nếu những người ở nước khác nghe đến, liền bảo rằng: 'Vua Tì-tứ có một quan niệm thọ trì đã từ lâu, nay bị

Sa-môn Ca-diếp hàng phục, sửa sai nên đã đoạn trừ, xả bỏ'. Vì thế, này Ca-diếp, đối với quan niệm đó tôi bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, không bao giờ xả bỏ."

Tôn giả Ca-diếp bảo:

"Này vua Tì-tứ, hãy nghe tôi nói ví dụ này. Người có trí nghe ví dụ này liền hiểu ý nghĩa. Này vua Tì-tứ, cũng như hai người hẹn nhau chơi đồ súc sắc. Người thứ nhất thường lén trộm con súc sắc mà ngâm⁸⁹⁷, ngâm một lần, hai lần, ba lần cho đến [530c] nhiều lần. Người thứ hai liền nghĩ: 'Cùng chơi với người này, nó luôn luôn gạt mình, trộm con súc sắc mà ngâm một, hai, ba lần cho đến nhiều lần'. Nghĩ thế, người ấy nói với bạn: 'Tôi muốn nghỉ. Sau rồi sẽ chơi lại'. Bấy giờ người thứ hai rời khỏi chỗ ấy, dùng thuốc tẩm vào con súc sắc. Sau đó, nó trở lại cùng chơi. Người thứ nhất lại lén trộm con súc sắc mà ngâm, một lần, hai, ba hoặc đến nhiều lần. Ngâm xong, liền trợn mắt, sùi bọt mép gần chết. Bấy giờ người thứ hai hướng về người thứ nhất nói bài tụng:

*Xúc sắc này tẩm độc;
Người tham ăn không biết.
Trước ngồi chơi, gạt ta;
Sau phải mang họa khổ.*

"Này vua Tì-tứ, nên biết, vua cũng lại như vậy. Nếu quan niệm ấy vua bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si không bao giờ xả bỏ thì vua sẽ thọ vô lượng sự dữ. Lại bị mọi người chê ghét. Cũng như người chơi súc sắc, vì lừa gạt mà bị mang họa."

Vua Tì-tứ lại nói:

"Tuy Sa-môn Ca-diếp nói như thế nhưng với quan niệm ấy, tôi bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, không bao giờ bỏ."

Tôn giả Ca-diếp bảo:

"Này vua Tì-tứ, hãy nghe tôi nói ví dụ này. Người có trí nghe ví dụ liền hiểu nghĩa. Này vua Tì-tứ, cũng như người nuôi heo, lúc đang đi trên đường thấy có rất nhiều phân khô không chủ, liền nghĩ rằng: 'Phân này có thể nuôi no đủ cho nhiều con heo, ta nên lấy gói lại mang đi'. Người ấy liền đội phân mà đi. Giữa đường gặp trời mưa lớn, phân chảy ra, chảy xuống vấy bẩn cùng thân, nhưng người ấy vẫn đội đi, không vứt bỏ. Người ấy chịu không biết bao sự xấu, lại bị mọi người chê ghét. Này vua Tì-tứ, nên biết rằng vua cũng như thế. Nếu đối với quan niệm ấy vua bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, không bao giờ xả bỏ thì vua sẽ thọ vô lượng sự dữ, lại bị mọi người chê ghét, cũng như người nuôi heo kia."

Vua Tì-tứ lại nói:

"Tuy Sa-môn Ca-diếp nói như thế nhưng với quan niệm ấy, nhưng tôi [531a] bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, không bao giờ xả bỏ. Vì sao? Nếu những người ở các nước khác nghe sẽ bảo rằng: 'Vua Tì-tứ có một quan niệm đã thọ trì từ lâu, nay bị Sa-môn Ca-diếp hàng phục, sửa sai, đã đoạn trừ, xả bỏ'. Này Ca-diếp, vì

⁸⁹⁷ Trong bản Hán nói là *thiết thực* 竊食, lén mà ăn, nuốt.

thể nên tôi đối với quan niệm này muốn bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì dục, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, không bao giờ xả bỏ.”

Tôn giả Ca-diếp bảo:

“Này vua Tì-tứ, hãy nghe tôi nói ví dụ cuối cùng. Nếu vua biết thì tốt, nếu vua không biết thì tôi cũng không thuyết pháp nữa. Này vua Tì-tứ, cũng như có một con heo lớn, thủ lãnh của đàn heo năm trăm con, đi vào con đường nguy hiểm, nó gặp một con cọp. Khi con heo đã trông thấy con cọp, nó liền nghĩ: ‘Nếu đấu với cọp thì cọp sẽ giết mình. Nếu sợ bỏ chạy thì thân tộc sẽ khinh mình. Không biết ta phải dùng phương cách nào để thoát nạn?’ Nghĩ xong, nó nói với cọp rằng: ‘Nếu ngươi muốn đấu thì hãy đấu, nếu không thì hãy tránh đường cho ta qua’. Cọp nghe liền bảo rằng: ‘Ta chấp nhận đấu với ngươi, chớ không tránh đường cho ngươi’. Heo lại nói rằng: ‘Này cọp, ngươi hãy đợi chốc lát, ta mặc áo giáp của tổ phụ xong rồi hãy trở lại cùng đấu’. Cọp nghe vậy liền nghĩ: ‘Nó chẳng phải địch thủ của ta, huống là áo giáp của tổ phụ nó’. Nghĩ xong, nó bảo heo: ‘Cho tùy ý ngươi’. Heo liền trở về chuồng, lăn trong đồng phân, làm lấp phân đến tận mắt rồi trở lại chỗ cọp, nói rằng: ‘Ngươi muốn đấu thì hãy đấu, nếu không thì hãy tránh đường cho ta đi qua’. Khi trông thấy heo, cọp nghĩ: ‘Ta thường không ăn sâu bọ tạp nhạp vì uổng hàm răng, huống là phải gần con heo hôi hám này’. Con cọp nghĩ xong, liền bảo heo: ‘Ta tránh đường cho ngươi chớ không đấu với ngươi nữa’. Heo đi qua, rồi hướng về phía cọp nói bài tụng:

*Này cọp, ngươi bốn chân,
Ta cũng có bốn chân.
Hãy đến đấu cùng ta,
Sợ gì mà bỏ chạy?”*

“Cọp nghe xong, nói bài tụng trả lời heo rằng:

*Ngươi lông mọc như rừng;
Hèn nhất trong loài vật.
Này heo, hãy rút mau;
Phân thối chịu không nổi.”*

“Lúc ấy, heo tự khoe, nói bài tụng rằng:

*Hai nước Ma-kiệt, Ương⁸⁹⁸
Nghe ta đấu với ngươi.
[531b] Hãy đến đấu với ta’
Sợ gì mà bỏ chạy?”*

“Cọp nghe vậy, lại nói bài tụng:

*Toàn thân, lông đều nhơ
Ngươi làm ta lây thối
Ngươi đánh muốn cầu Thắng Lâm
Ta nay cho ngươi Thắng Lâm⁸⁹⁹.”*

⁸⁹⁸ Tức Ma-kiệt-đà (Magadha) và Ương-già (Anga), cách nhau bởi con sông Campā, trong thời Đức Phật, cả hai đều ở dưới sự cai trị của vua Pasenadi.

Tôn giả Ca-diếp bảo rằng:

“Này vua Tì-tứ, tôi cũng như thế, nếu với quan niệm ấy, vua bảo trì vì dục, bảo trì vì sân nhuế, bảo trì vì sợ hãi, bảo trì vì ngu si, không bao giờ bỏ thì vua sẽ thọ vô lượng sự dữ, lại bị mọi người chê ghét, cũng giống như cạp để cho heo Thắng Lâm.”

Vua Tì-tứ nghe xong, nói rằng:

“Thưa Tôn giả, ngay từ đầu Tôn giả nói ví dụ mặt trời và mặt trăng. Lúc nghe xong, tôi hiểu ngay, hoan hỷ thọ trì, nhưng tôi muốn được nghe những biện tài càng lúc càng cao siêu của bậc thượng diệu trí ở nơi Tôn giả nên tôi hỏi đi hỏi lại mãi. Tôi nay nương mình quy y Tôn giả Ca-diếp.”

Tôn giả Ca-diếp bảo:

“Này vua Tì-tứ, vua chớ quy y tôi. Tôi đã quy y Phật, vua cũng nên quy y theo Ngài.”

Vua Tì-tứ nói⁹⁰⁰:

“Thưa Tôn giả, con nay nương mình quy y Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo. Mong Tôn giả thay Phật nhận con làm Ưu-bà-tắc. Bắt đầu từ ngày hôm nay và trọn đời, con nương mình quy y cho đến lúc mạng chung. Thưa Tôn giả Ca-diếp, con từ hôm nay bắt đầu thực hành bố thí, tu phước.”

Tôn giả Ca-diếp hỏi:

“Này vua Tì-tứ, vua muốn thực hành bố thí, tu phước. Vậy sẽ bố thí cho bao nhiêu người và thời gian bao lâu?”

Vua Tì-tứ đáp:

“Bố thí cho trăm người hoặc đến ngàn người. Một ngày, hai ngày hoặc đến bảy ngày.

Tôn giả Ca-diếp bảo:

“Nếu vua thực hành bố thí, tu phước; bố thí cho một trăm người hoặc đến một ngàn người; một ngày, hai ngày hoặc đến bảy ngày, thì các Sa-môn, Bà-la-môn ở khắp nơi đều có nghe vua Tì-tứ có một quan niệm thọ trì lâu dài, nay bị Sa-môn Ca-diếp hàng phục, sửa sai nên đã đoạn trừ, xả bỏ. Các vị ấy nghe xong đều sẽ từ phương xa đến, trong bảy ngày sẽ không đủ thời gian để vua bố thí. Nếu có ai không nhận được phẩm vật do vua bố thí, vua không được phước, không được thọ an lạc lâu dài. Này vua Tì-tứ, cũng như hạt giống không nát, không hư, không nứt, không bể, không bị tổn thương bởi gió, bởi ánh nắng, bởi nước, được cất giấu chu đáo vào tiết thu. Nếu cư sĩ kia cày sâu, ruộng tốt, làm đất thuần thực xong, gieo giống đúng thời nhưng mưa không kịp lúc thì ý vua nghĩ sao? Hạt giống kia có sinh trưởng được chăng?”

Đáp rằng:

“Dạ không.”

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp bảo:

⁸⁹⁹ Bản Pāli và Trường A-hàm không có thí dụ chót này. Nó châm biếm thái độ ngoan cố của Pāyāsi.

⁹⁰⁰ No.1 (7): Tệ-tú hỏi: Tôn sư Tôn giả ở đâu? Tôn giả đáp: Tôn sư của tôi diệt độ chưa bao lâu.

“Này vua Tì-tứ, vua cũng như thế. Nếu vua thực hành bố thí, tu phước; bố thí cho một trăm người hoặc một ngàn người, từ một ngày cho đến bảy ngày. Những Sa-môn, Bà-la-môn ở các phương xa đều nghe rằng vua Tì-tứ có một quan niệm thọ trì đã lâu dài, nay bị Sa-môn Ca-diếp hàng phục, sửa sai nên đã đoạn trừ, xả bỏ. Các vị ấy nghe xong liền từ phương xa đến, thí trong bảy ngày không đủ thời gian để vua bố thí. Nếu có vị nào không nhận được thực phẩm do vua bố thí thì vua không được phước, không được thọ an lạc lâu dài.”

Vua Tì-tứ lại hỏi:

“Thưa Tôn giả, tôi phải làm thế nào?”

Tôn giả Ca-diếp đáp:

“Này vua Tì-tứ, nếu vua thực hành bố thí, tu phước thì phải thường cung cấp trường trai⁹⁰¹. Nếu vua thực hành bố thí, tu phước mà không thường cung cấp trường trai thì các vị Sa-môn, Bà-la-môn ở khắp nơi nghe rằng: vua Tì-tứ có một quan niệm thọ trì đã lâu, nay bị Sa-môn Ca-diếp hàng phục, sửa sai nên đã đoạn trừ, xả bỏ. Nghe xong, từ các phương xa các vị đều đến, đều có thể được vua bố thí, nên vua có phước, được an lạc lâu dài. Này vua Tì-tứ, cũng như hạt giống không hư, không nát, không nứt, không bể, không bị thương tổn bởi gió, bởi ánh nắng, bởi nước, đã cất giấu chu đáo vào tiết thu. Nếu cư sĩ cấy sâu, ruộng tốt, làm đất thuần thực xong, gieo giống đúng thời, mưa kịp lúc, ý vua nghĩ sao? Hạt giống kia [531c] có thể sinh trưởng được chăng?”

Vua đáp:

“sinh trưởng được.”

Tôn giả Ca-diếp lại bảo:

“Này vua Tì-tứ, vua cũng như vậy. Nếu thực hành bố thí, tu phước mà thường cung cấp trường trai thì các Sa-môn, Bà-la-môn ở các nơi nghe vua Tì-tứ có một quan niệm đã thọ trì lâu dài, nay bị Sa-môn Ca-diếp hàng phục sửa sai nên đã đoạn trừ, xả bỏ. Nghe xong, từ các phương xa, các vị đều đến, đều có thể được vua bố thí nên vua được phước, được hưởng an lạc lâu dài.”

Bấy giờ vua Tì-tứ nói:

“Con từ nay bắt đầu thực hành bố thí, tu phước và thường cung cấp trường trai.”

Lúc đó, Tôn giả Ca-diếp thuyết pháp cho vua Tì-tứ và các Bà-la-môn, cư sĩ Tư-hòa-đề, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ cho những vị ấy rồi, Tôn giả ngồi im lặng.

Bấy giờ vua Tì-tứ và các Bà-la-môn, cư sĩ Tư-hòa-đề được Tôn giả Ca-diếp [532a] thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Tôn giả, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra.

⁹⁰¹ Trường trai chỉ cho cuộc lễ thí kéo dài, không phải ăn chay trường. Bản Pāli và No.1(7) nói hơi khác: vua muốn mở cuộc đại thí (yañña), nhưng Tôn giả cản, nếu trong cuộc đại thí ấy có súc vật bị giết, tôi tớ bị sai khiến mệt nhọc, bị đánh đập.

Sau đó, vua Tì-tứ tuy thực hành bố thí, tu phước, nhưng bố thí quá thậm tệ, như canh đậu xấu, rau thối, chỉ có một miếng gừng; lại bố thí áo gai thô xấu. Bấy giờ người cai bếp tên là Ưu-đa-la⁹⁰², lúc vua bố thí, tu phước, liền xin Thượng tọa chú nguyện cho vua thế này: ‘Nếu cuộc bố thí này có phước báo gì, chớ để cho vua Tì-tứ hưởng thọ trong đời này và đời sau’. Vua Tì-tứ nghe Ưu-đa-la lúc vua bố thí tu phước lại xin Thượng tọa chú nguyện rằng: ‘Nếu cuộc bố thí này có phước báo gì, chớ để cho vua Tì-tứ hưởng thọ trong đời này và đời sau’. Nghe vậy, vua kêu cai bếp lại hỏi:

“Này Ưu-đa-la, lúc ta bố thí, tu phước, ngươi xin Thượng tọa chú nguyện cho ta rằng: ‘Nếu cuộc bố thí này có phước báo gì, chớ để cho vua Tì-tứ hưởng thọ trong đời này và đời sau’. Có quả thật như vậy chăng?”

Ưu-đa-la đáp:

“Quả thật vậy, tâu Thiên vương. Vì sao? Thiên vương tuy bố thí tu phước nhưng quá thậm tệ: Bố thí canh đậu xấu, rau thối, chỉ có một miếng gừng. Tâu Thiên vương, thức ăn ấy không đáng để đưa tay vọc, huống là để ăn. Thiên vương bố thí áo gai xấu, tâu Thiên vương, áo ấy không đáng để dùng chân dẫm lên huống là để mặc. Con kính Thiên vương nhưng không trọng sự bố thí ấy, cho nên, tâu Thiên vương, con không mong phước báo của cuộc bố thí tệ mạt này để Thiên vương được hưởng.”

Vua Tì-tứ nghe xong, liền bảo:

“Này Ưu-đa-la, ngươi từ nay bắt đầu đem thức ăn như ta đã ăn mà bố thí. Con đem áo như áo ta đã mặc mà bố thí.”

Từ đó về sau, Ưu-đa-la đem thức ăn giống như thức ăn của vua mà bố thí, đem áo giống như áo vua đã mặc mà bố thí. Bấy giờ Ưu-đa-la nhờ coi sóc việc bố thí cho vua Tì-tứ nên sau khi thân hoại mạng chung, sinh vào cõi trời Tứ thiên vương. Còn vua Tì-tứ thì không chí tâm bố thí nên thân hoại mạng chung sinh vào cung điện trống không rừng Nhung thọ⁹⁰³.

Tôn giả Kiều-hiêm-bát-đế⁹⁰⁴ thường trú trong Nhung thọ lâm không cung điện, từ xa trông thấy vua Tì-tứ, liền hỏi rằng:

“Ông là ai?”

Vua Tì-tứ đáp:

“Thưa Tôn giả Kiều-hiêm-bát-đế, Tôn giả có nghe trong châu Diêm-phù có vua xứ Tư-hòa-đề tên là Tì-tứ chăng?”

⁹⁰² Giám trụ Ưu-đa-la 監廚優多羅. No.1 (7): một niên thiếu Bà-la-môn (không nói tên). Pāli: Uttāra mānava, niên thiếu Bà-la-môn Uttāra bắt mẫn và nói ngạo bị bỏ qua.

⁹⁰³ Trong bản: nhung thọ lâm không cung điện 樸樹林空宮殿; cung điện trống không trong rừng cây nhung (một loại cây gỗ đàn). TNM: tòng thọ lâm cung điện: cung điện trong lùm cây 叢樹林宮殿. Pl. D.23: ông sinh vào cung điện Serīsaka trống không trong cõi Tứ thiên vương (Catummahārājadevā), và các thiên thần ở đây được coi là Yakkha (Dạ-xoa). Trước cung điện có một cây sirīsa, năm mươi năm nảy trái một lần. (Sớ giải: tassa kira dvāre mahāsirīsarukkho).

⁹⁰⁴ Kiều-hiêm-bát-đế 橋[火*僉]鉢帝 (Kiều-phạm-ba-đề: Ngưu Chủ) Pāli: Gavampati: một vị A-la-hán, nguyên là con một nhà đại phú ở Ba-la-nại.

Tôn giả Kiêu-hiêm-bát-đế đáp ;

“Tôi nghe trong châu Diêm-phù-đề, ở xứ Tư-hòa-đề có vua tên là Tì-tứ.”

Vua Tì-tứ nói:

“Thưa Tôn giả Kiêu-hiêm-bát-đế, con chính là vua ấy, vốn tên là Tì-tứ.”

Tôn giả Kiêu-hiêm-bát-đế lại hỏi:

“Này vua Tì-tứ, vua đã quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: ‘Không có đời sau, không có chúng sinh hóa sinh’, thế thì do đâu vua sinh vào đây, trú trong vào cung điện trống không rừng Nhung thọ, ở Tứ thiên vương nhỏ hẹp này?”

Vua Tì-tứ lại thưa:

“Thưa Tôn giả Kiêu-hiêm-bát-đế, con vốn có quan niệm ấy nhưng bị Sa-môn Ca-diếp hàng phục, sửa sai nên đã đoạn trừ xả bỏ. Nếu Tôn giả Kiêu-hiêm-bát-đế có xuống châu Diêm-phù thì xin báo cùng khắp cho mọi người ở châu Diêm-phù hay rằng: Nếu có bố thí, tu phước thì hãy chí tâm bố thí, tự tay bố thí, tự mình đến bố thí, chí tín bố thí, biết có nghiệp báo bố thí. Vì sao? Vì muốn đừng để cho một ai hưởng phước báo như vua Tì-tứ xứ Tư-hòa-đề nữa. Vua Tì-tứ là vua bố thí vì không chí tâm bố thí nên sinh vào vào cung điện trống không rừng Nhung thọ ở cõi Tứ thiên vương nhỏ hẹp.”

Bấy giờ Tôn giả Kiêu-hiêm-bát-đế im lặng nhận lời. Sau đó, lúc Tôn giả Kiêu-hiêm-bát-đế xuống châu Diêm-phù, rao cùng khắp cho mọi người ở châu Diêm-phù biết: phải chí tâm bố thí, tự tay bố thí, tự mình đến bố thí, chí tín bố thí, biết có nghiệp, có nghiệp báo bố thí. Vì sao? Vì muốn đừng để cho một ai hưởng phước báo bố thí như vua Tì-tứ, xứ Tư-hòa-đề nữa. Vua Tì-tứ là vua bố thí mà vì không chí tâm bố thí nên sinh vào vào cung điện trống không rừng Tòng thọ, ở cõi Tứ thiên vương nhỏ hẹp.”

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp thuyết như vậy. Vua Tì-tứ và các cư sĩ xứ Tư-hòa-đề nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

Pháp thí thắng mọi thí
Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti